

THÀNH THẬT LUẬN

Ha-lê-bạt-ma tạo luận
Cru-ma-la-thập dịch Hán
Nguyên Hồng dịch Việt

THÀNH THẬT LUẬN

(Satyasiddhi-sāstra)

成實論

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Mục Lục

THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 1)	19
• Phẩm 1: Nhóm mở đầu Luận Phật Bảo, trước tiên đức tính đầy đủ.....	19
• Phẩm 2: Mười năng lực	26
• Phẩm 3: Bốn vô úy	30
• Phẩm 4: Mười danh hiệu	36
• Phẩm 5: Ba không hộ.....	40
• Phẩm 6: Luận Pháp Bảo, trước tiên 3 thiện	43
• Phẩm 7: Các giáo pháp	46
• Phẩm 8: Mười hai bộ kinh	50
• Phẩm 9: Luận Tăng Bảo, trước tiên thanh tịnh	54
• Phẩm 10: Phân biệt hiền thánh	55
• Phẩm 11: Ruộng phúc.....	61
• Phẩm 12: Cát tường.....	64
THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 2)	65
• Phẩm 13: Lập luận.....	65
• Phẩm 14: Các môn luận.....	68
• Phẩm 15: Khen ngợi.....	73
• Phẩm 16: Bốn pháp.....	79
• Phẩm 17: Bốn đế.....	82
• Phẩm 18: Các nhóm pháp.....	88
• Phẩm 19: Mười luận, trước tiên tướng có	96
• Phẩm 20: Tướng không	102
• Phẩm 21: Có 2 đời	104
• Phẩm 22: Không có 2 đời	106
• Phẩm 23: Tất cả có không	109

THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 3)	110
• Phẩm 24: Có trung âm	110
• Phẩm 25: Không có trung âm	111
• Phẩm 26: Thứ tự	114
• Phẩm 27: Cùng một lúc	115
• Phẩm 28: Thoái lui	116
• Phẩm 29: Không thoái lui	117
• Phẩm 30: Tâm tính	120
• Phẩm 31: Tương ứng và không tương ứng	122
• Phẩm 32: Nghiệp quá khứ	123
• Phẩm 33: Hai ngôi báu	123
• Phẩm 34: Vô ngã	125
• Phẩm 35: Có ngã, không có ngã	128
• Phẩm 36: Sắc tướng trong luận về sắc của nhóm khổ đế	135
• Phẩm 37: Sắc danh	136
• Phẩm 38: Bốn đại giả danh	137
• Phẩm 39: Bốn đại thật có	139
• Phẩm 40: Không phải kia cứng	142
• Phẩm 41: Làm sáng tỏ bản tông	149
• Phẩm 42: Không có tướng cứng	151
• Phẩm 43: Có tướng cứng	152
• Phẩm 44: Tướng của 4 đại	153
THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 4)	160
• Phẩm 45: Căn giả danh	160
• Phẩm 46: Phân biệt căn	163
• Phẩm 47: Căn và đại đồng nhau	165
• Phẩm 48: Căn vô tri	168
• Phẩm 49: Căn trần hợp nhau lia nhau	174

• Phẩm 50: Nghe tiếng	184
• Phẩm 51: Nghe mùi	189
• Phẩm 52: Biết cảm xúc	193
• Phẩm 53: Ý	194

THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 5)198

• Phẩm 54: Căn không quyết định.....	198
• Phẩm 55: Tướng của sắc nhập.....	204
• Phẩm 56: Tướng của tiếng.....	205
• Phẩm 57: Tướng của hương	207
• Phẩm 58: Tướng của vị.....	210
• Phẩm 59: Tướng của xúc	211
• Phẩm 60: Lập không số trong thức luận của nhóm khổ đế	213
• Phẩm 61: Lập có số	214
• Phẩm 62: Chẳng phải không số	216
• Phẩm 63: Chẳng phải có số	218
• Phẩm 64: Thuyết minh không số.....	219
• Phẩm 65: Không tương ưng.....	221
• Phẩm 66: Có tương ưng.....	227
• Phẩm 67: Chẳng phải tương ưng	228
• Phẩm 68: Nhiều tâm	232
• Phẩm 69: Một tâm	234
• Phẩm 70: Chẳng phải nhiều tâm.....	235
• Phẩm 71: Chẳng phải một tâm	237
• Phẩm 72: Thuyết minh nhiều tâm.....	238
• Phẩm 73: Thức tạm trụ	240
• Phẩm 74: Thức không trụ	241
• Phẩm 75: Thức cùng sinh	244
• Phẩm 76: Thức không đồng thời cùng sinh.....	244

THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 6)	247
• Phẩm 77: Tướng âm trong nhóm khổ đế	247
• Phẩm 78: Tướng của thụ trong luận về thụ của nhóm khổ đế	251
• Phẩm 79: Hành khổ	254
• Phẩm 80: Hoại khổ	257
• Phẩm 81: Luận về 3 thụ	260
• Phẩm 82: Hỏi về thụ	266
• Phẩm 83: Năm thụ căn	270
• Phẩm 84: Luận về tư trong hành âm của nhóm khổ đế	274
• Phẩm 85: Xúc	278
• Phẩm 86: Niệm	281
• Phẩm 87: Dục	283
• Phẩm 88: Hỷ	284
• Phẩm 89: Tín	285
• Phẩm 90: Cần	286
• Phẩm 91: Hồi ức	286
• Phẩm 92: Giác quán	288
• Phẩm 93: Các tâm số	289
 THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 7)	 291
• Phẩm 94: Bất tương ưng hành	291
• Phẩm 95: Tướng của nghiệp trong luận về nghiệp của nhóm tập đế	294
• Phẩm 96: Không tạo tác	297
• Phẩm 97: Cố ý và không cố ý	299
• Phẩm 98: Tội nhẹ nặng	303
• Phẩm 99: Nghiệp lợi lớn nhỏ	305
• Phẩm 100: Ba nghiệp	307
• Phẩm 101: Tà hành	327

- Phẩm 102: Chính hành329
- Phẩm 103: Nghiệp buộc331

THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 8)338

- Phẩm 104: Ba nghiệp báo.....338
- Phẩm 105: Ba thứ nghiệp thụ báo342
- Phẩm 106: Ba chương345
- Phẩm 107: Bốn nghiệp349
- Phẩm 108: Năm nghịch352
- Phẩm 109: Năm giới.....354
- Phẩm 110: Sáu nghiệp.....355
- Phẩm 111: Bảy bất thiện luật nghi366
- Phẩm 112: Bảy thiện luật nghi368
- Phẩm 113: Tám giới trai.....372
- Phẩm 114: Tám thứ lời nói.....374
- Phẩm 115: Nghiệp.....375
- Phẩm 116: Mười con đường bất thiện.....378

THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 9)388

- Phẩm 117: Mười thiện đạo388
- Phẩm 118: Tội lỗi389
- Phẩm 119: Ba nghiệp nhẹ nặng.....391
- Phẩm 120: Nói rõ nghiệp nhân.....398
- Phẩm 121: Tướng của phiền não, trong luận
về phiền não của nhóm tập đế402
- Phẩm 122: Tướng của tham.....404
- Phẩm 123: Nhân của tham.....407
- Phẩm 124: Tội lỗi của tham.....409
- Phẩm 125: Dứt trừ tham415
- Phẩm 126: Sân nhuế416

• Phẩm 127: Vô minh.....	423
THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 10)	432
• Phẩm 128: Kiêu mạn	432
• Phẩm 129: Nghi.....	436
• Phẩm 130: Thân kiến.....	440
• Phẩm 131: Kiến chấp một bên.....	446
• Phẩm 132: Tà kiến.....	449
• Phẩm 133: Hai thủ.....	457
• Phẩm 134: Tùy phiền não.....	459
• Phẩm 135: Bất thiện căn.....	460
• Phẩm 136: Tạp phiền não.....	464
• Phẩm 137: Chín thứ kết.....	476
THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 11).....	479
• Phẩm 138: Các câu hỏi khác	479
• Phẩm 139: Dứt lỗi	485
• Phẩm 140: Thuyết minh về nhân.....	489
• Phẩm 141: Trong nhóm diệt đế, trước tiên lập giả danh	499
• Phẩm 142: Tướng của giả danh.....	504
• Phẩm 143: Phá chấp cho là một	509
• Phẩm 144: Phá chấp cho là khác	512
• Phẩm 145: Phá chấp cho là bất khả thuyết.....	516
• Phẩm 146: Phá chấp không	517
• Phẩm 147: Thành lập không.....	518
• Phẩm 148: Phá chấp về âm thanh.....	522
• Phẩm 149: Phá chấp về hương vị xúc	523
• Phẩm 150: Phá chấp về ý thức.....	524
• Phẩm 151: Phá chấp về nhân quả.....	524
• Phẩm 152: Thế đế.....	527

THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 12)	530
• Phẩm 153: Diệt pháp tâm	530
• Phẩm 154: Diệt tận	536
• Phẩm 155: Định nhân trong luận về định của nhóm đạo đế.....	538
• Phẩm 156: Tướng của định.....	540
• Phẩm 157: Ba Tam-muội.....	543
• Phẩm 158: Bốn tu định	547
• Phẩm 159: Bốn vô lượng định.....	549
• Phẩm 160: Năm nhánh Thánh Tam-muội.....	558
• Phẩm 161: Sáu Tam-muội	559
• Phẩm 162: Bảy Tam-muội.....	562
• Phẩm 163: Tám giải thoát.....	564
• Phẩm 164: Tám thắng xứ.....	569
• Phẩm 165: Sơ thiên.....	571
THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 13)	576
• Phẩm 166: Nhị thiên	576
• Phẩm 167: Tam thiên.....	580
• Phẩm 168: Tứ thiên	583
• Phẩm 169: Vô biên hư không xứ.....	585
• Phẩm 170: Ba Vô sắc định	590
• Phẩm 171: Diệt tận định	594
• Phẩm 172: Mười nhất thiết xứ.....	603
• Phẩm 173: Mười tướng vô thường tướng.....	605
• Phẩm 174: Tướng của khổ.....	611
• Phẩm 175: Tướng vô ngã	613
THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 14)	616
• Phẩm 176: Tướng chán ăn.....	616

• Phẩm 177: Tương tất cả thế gian không gì có thể vui.....	618
• Phẩm 178: Tương bất tịnh.....	620
• Phẩm 179: Tương về sự chết.....	624
• Phẩm 180: Ba tướng sau.....	627
• Phẩm 181: Năm định cụ đầu trong các định cụ.....	629
• Phẩm 182: Bất thiện giác.....	635
• Phẩm 183: Thiện giác.....	641
• Phẩm 184: Năm định cụ sau.....	649
• Phẩm 185: Hơi thở ra vào.....	655
• Phẩm 186: Định nạn.....	661

THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 15)668

• Phẩm 187: Chi Quán.....	668
• Phẩm 188: Tu định.....	672
• Phẩm 189: Tướng của trí trong luận về trí của nhóm đạo đế....	680
• Phẩm 190: Thấy một đế.....	692
• Phẩm 191: Duyên tất cả.....	698

THÀNH THẬT LUẬN (Quyển 16)706

• Phẩm 192: Thánh hành.....	706
• Phẩm 193: Kiến trí.....	708
• Phẩm 194: Ba tuệ.....	713
• Phẩm 195: Bốn trí vô ngại.....	721
• Phẩm 196: Năm trí.....	723
• Phẩm 197: Trí 6 thông.....	727
• Phẩm 198: Trí nhãn.....	735
• Phẩm 199: Chín trí.....	737
• Phẩm 200: Mười trí.....	741
• Phẩm 201: Bốn mươi bốn trí.....	746
• Phẩm 202: Bảy mươi bảy trí.....	748

GIỚI THIỆU

Thành thật luận 成實論 (Satyasiddhi-sāstra) cũng gọi Tattvasiddhi Śāstra 16 quyển, hoặc 20 quyển, do Ha-lê-bạt-ma (Harivarman) tạo luận, Cưu-ma-la-thập (Kumāraiva) dịch, Đàm Quỹ ghi chép, Đàm Ảnh chỉnh lý, trong khoảng đời Dao Tần, niên hiệu Hoảng Thủy thứ 13 đến 14 (411 ~ 412), thu lục trong Đại Chính, Đại Tạng Kinh, Tập số 32, kinh số No.1647.

Ha-lê-bạt-ma sinh ở Trung Ấn Độ sau Phật diệt độ khoảng 900 năm, trong một gia đình Bà-la-môn, thông hiểu Vệ-đà và các kinh điển khác. Sau khi xuất gia thờ thầy Cưu-ma-la-đa (Kumāralabdha), một học giả của Hữu bộ (Sarvāstivāda) ở Kế Tân (Kāśmīra), nghiên cứu Phát Trí Luận (Jñāna-prasthāna-sāstra). Vì không thỏa mãn với luận này ở chỗ câu nệ danh tướng, phiên tảo chi li, tự mình tham cứu nguồn gốc giáo thuyết khắp 3 tạng và thường cùng các sư cùng bộ biện nạn, gặp phải sự áp chế của các trưởng lão bảo thủ.

Bấy giờ có chúng Tăng-kì bộ (Sāṃghikāḥ) ở Ba-liên-phát (Pāṭaliputra) đồng tình, Ha-lê-bạt-ma liền qua đó ở chung, do đó được tiếp xúc tư tưởng Đại thừa, đọc rộng kinh, luật, tham cứu các dị thuyết, khảo hạch các luận, bác bỏ chỗ thiên chấp, thu thập chỗ sở trường, bỏ ngọn trở về gốc, nhân đó tạo ra bộ luận này. Chỉ một tuần

sau khi luận làm xong đã gây rúng động khắp nước Ma-yết-đà (Magadha). Sau khi luận chiến tại triều đình khuất phục các học giả phái Thắng Luận (Vaiśeṣika-sāstra) được tôn làm quốc sư.

Theo cựu truyền, Chân Đế (Paramārtha) nói luận này thuộc Đàm-vô-đức bộ (Dharmaguptaka), hoặc nói thuộc Đa Văn bộ (Bahuśrutīyāh), tức thuộc Tiểu thừa.

Ngoài ra cũng có thuyết nói luận này lấy chỗ đặc trưng của các bộ, mặc dù luận chủ xuất gia với Hữu bộ nhưng không thỏa mãn với các nhà Tì-đàm.

Theo 3 đại pháp sư Nam triều đời nhà Lương (502 ~ 557) là Pháp Vân, Trí Tạng, Tăng Mẫn, đứng trên lập trường các Kinh Bát-nhã, Pháp Hoa và Niết-bàn phán định luận này là Đại thừa luận. Còn Cát Tạng đời Tùy thì xác định bản luận này bài xích Tì-đàm, chuyên đồng Thích dụ.

Phái đến Đạo Tuyên đời nhà Đường, một môn đệ nổi tiếng của Huyền Trang cuối cùng giải quyết tuyên bố đây là tác phẩm thuộc Tiểu thừa và Kinh bộ (Sautrāntika) tuy nhiên có khuynh hướng nhằm đến giáo lý Đại thừa.

Có điều là trên lịch sử Phật giáo học ở Ấn Độ chưa thấy luận này có phát sinh ảnh hưởng lớn nào. Có lẽ chính vì thế mà nguyên bản Phạn văn đã thất truyền. Bản Phạn văn hiện nay là do một người Ấn Độ 夏斯特裏 (Haraprasad) gần đây đã từ bản chữ Hán dịch ngược ra tiếng Phạn.

Bản luận tên là Thành Thật, căn cứ lời tụng phát khởi thì Thành Thật có nghĩa là muốn thành lập thật nghĩa trong 3 tạng. Chủ yếu thẩm định 4 đế chi các pháp. Chính vì vậy luận được gọi tên là Thành Thật Luận.

Luận văn thuyết minh 4 đế, xác định 5 thụ ấm là khổ, các nghiệp và phiền não là tập, khổ hết là diệt, 8 Thánh đạo là đạo.

Xét trong thời tạo luận này, trong bộ phái Phật giáo có 3 đại gia lưu hành hơn cả. Tức các sư Tì-đàm (Hữu bộ), các sư Thí Dụ, và các nhà Phân biệt luận. Tôn chỉ của luận này thành lập trên nghĩa Tứ đế của Thí Dụ sư, nhưng để phân biệt với 2 nhà nên đề là Thành Thật.

Bản luận tổng cộng có 202 phẩm. Khi dịch bản luận này, vì trong luận hỏi đáp tranh luận qua lại khó phân đoạn, nên chính Đàm Ảnh là người đã tổng quát luận văn chỉnh lý phân biệt làm 5 nhóm gọi là 5 tụ : Phát tụ là phần tựa, còn khổ đế tụ, tập đế tụ, diệt đế tụ, đạo đế tụ là phần chính của bản luận và rất được chủ dịch La-thập khen ngợi chấp nhận. Đó là kết cấu của luận bản hiện hành.

Bản luận từ La-thập dịch truyền cho đến đầu đời Đường trong khoảng hơn 200 năm, tương đối đã gây một ảnh hưởng lớn trong giáo học Phật giáo Trung Quốc, trở thành triết thuyết lập tông của Thành Thật tông, một tông phái thành lập ở Trung Quốc chủ trương thuyết Nhị không là nhân không (pudgala-sūnyatā) và pháp không (sarva-dharma-sūnyatā) đối lập với học thuyết của Hữu bộ chủ trương ngã không nhưng pháp hữu.

Trong luận thuyết minh mọi hiện tượng tồn tại trong vũ trụ là giả đều không thật thể, cuối cùng quy về không. Tu quán như vậy có thể hiểu được lý Tứ đế. Dùng Bát chính đạo diệt trừ các phiền não, cuối cùng đạt đến Niết-bàn. Đó là thật nghĩa của Tứ đế gói trọn trong nội dung của Thành Thật Luận.

Giáo thuyết toàn luận không chỉ bao trùm giáo lý trọng yếu của Phật giáo bộ phái, tức Phật giáo Tiểu thừa mà còn bao gồm nhiều kiến giải Đại thừa được dẫn dụng trong các kinh luận Đại thừa.

Chính vì vậy trên lịch sử Phật giáo, tác phẩm này đánh dấu một cột mốc quan trọng được coi như chứng cứ của thời kỳ quá độ từ Tiểu thừa không tôn hướng đến Đại thừa không tôn. Điều đó đã được lịch sử thẩm định là xác đáng

Phật pháp xưa nay được biết chỉ thuần một vị, là vị giải thoát. Pháp Phật thuyết ra ví như cơn mưa lớn nhuần thấm tất cả vạn vật cỏ cây. Chỉ có một vị giải thoát nhuần thấm tất cả cho mọi căn cơ trình độ. Thế thì cần gì phân chia bộ phái tranh chấp lẫn nhau? Lại nữa có người đã cho rằng không nên tạo luận, để luận giải lời Phật, vì khó hiểu thấu ý thú của bậc Nhất thiết trí. Nếu không hiểu được ý Phật, mà nói ra tức tự hại. Và dù có chân trí mà không hiểu ý Phật, cũng không nên luận giải lời Phật nói, huống là người chưa được chân trí?

Nếu nói cực đoan như vậy thì người thời nay phải học Phật như thế nào? Làm sao giúp nhau giải mỗi nghi đề tín giải Phật pháp trên đường tu tập giải thoát độ sinh?

Có nên hay không nên thành lập luận và vì sao phải học luận? Ha-lê-bạt-ma trong bản luận Phẩm 13 vấn đề đã được đặt ra và giải quyết cùng với các phẩm tiếp theo.

Trong 12 bộ kinh, Ưu-bà-đề-xá (Upadesa) là 1 trong 12 bộ, thuộc loại Phật tự luận nghị vấn đáp để giải nghi, để làm rõ thật nghĩa. Còn đệ tử Phật luận lời Phật dạy, luận nghị pháp tương tương ưng với Phật dạy cũng gọi là Ưu-bà-đề-xá.

Hơn nữa, trong Kinh Dị Luận, Phật cũng vẫn cho tạo luận. Như Ca-chiên-diên và các vị đại luận nghị, đã lĩnh hội được ý Phật, nên Phật đều khen ngợi. Các Tì-kheo như Ưu-đà-di, Tì-kheo-ni Đàm-ma-trần-na đều muốn xin tạo luận Phật pháp. Phật nghe liền chấp thuận cho.

Phật pháp thâm diệu, ngay thời Phật tại thế các đệ tử tu tập bên cạnh đức Phật còn có bao nhiêu điểm nghi được Phật luận giải. Ngày nay nếu kinh mà có luận thì ý nghĩa dễ hiểu, Pháp bảo được tồn tại bền lâu. Có điều là Phật đã cho tạo luận như trong kinh đã căn dặn: Phật bảo Tì-kheo tùy ý tạo luận nhưng nên khéo thụ trì. Cho nên trong Tu-đa-la lấy nghĩa mà lập luận, riêng gọi là Dị Bộ. Đó là lý do cần thiết phải tạo luận.

Đã thấy lý do cần thiết phải tạo luận thì tự biết vì sao phải học luận. Tuy nhiên Ha-lê-bạt-ma cũng nói rõ trong Phẩm 13 và các Phẩm tiếp theo là học tập luận này chắc chắn được pháp của người trí, được 2 thứ lợi là tự lợi, lợi tha. Nếu người được nghe chính luận Phật pháp, sẽ dứt được 2 thứ kết sâu và nhạy, hiểu rõ chính nghĩa

Phật pháp thì không những không nào hại mình mà cũng không nào hại người khác nữa.

Lại như người học luận này, là có thể cùng trao đổi, vì đã hiểu chính nghĩa. Nếu người nào có thể hiểu chính nghĩa Phật pháp quyết được vào 2 hạng ít tội và không tội. Lại nữa, nếu người hiểu nghĩa Phật pháp thì chịu khổ có hạn, vì quyết sẽ được đến Niết-bàn. Cho nên cần phải học tập luận Phật pháp này.

Xuất phát từ suy nghĩ và tâm nguyện giúp mình giúp người có điều kiện học Phật, khai mở trí tuệ thâm nhập Phật pháp, Tuệ Quang Wisdom Light Foundation trân trọng giới thiệu tiếp dịch phẩm **THÀNH THẬT LUẬN** như một dự báo sẽ ra mắt trong tương lai **LUẬN TẶNG TIẾNG VIỆT** của chúng tôi.

Xin trân trọng giới thiệu

Mùa xuân năm 2012, Phật lịch 2556
Chủ tịch Tuệ Quang Wisdom Light Foundation
Nguyễn Hiền
www.daitangvietnam.com

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 1)

No. 1646

Phẩm 1: Nhóm mở đầu

Luận Phật Bảo, trước tiên đức tính đầy đủ

*Trước lễ đáng đáng lễ,
Bậc chính trí tự nhiên,
Nhất thiết trí, Ứng cúng,
Đại Sư lợi thế gian.
Cũng lễ pháp chân tịnh,
Và các Thánh đệ tử.
Nay muốn giải lời Phật,
Lợi ích cho người đời.
Luận theo Tu-đa-la,
Không trái tướng thật pháp.
Cũng vào trong thiện tịch,
Đó là luận chính trí.
Như mặt trời mặt trăng,
Tính chúng vốn sáng sạch,
Bị khói mây bụi mù,
Năm thứ che không hiện,
Tà luận che chính kinh,*

Nghĩa kinh không chiếu sáng,
Vì nghĩa kinh không sáng,
Cửa tà trí mở ra,
Bị tội tiếng ác đồn,
Lòng ăn năn mệt mỏi...
Suy não loạn tâm này,
Đều do tà trí khởi.
Nếu ai muốn trừ bỏ,
Tội ác và suy não,
Phải tìm học chính luận
Phải gần người trí sâu.
Gần người có trí sâu,
Là căn bản chính luận.
Vì nhờ chính luận này,
Có thể sinh phúc tốt.
Dù người trí lanh lợi,
Tụng trăm ngàn tà luận,
Với chúng không được gì.
Chỉ được tài miệng lưỡi.
Biết pháp Phật đệ nhất,
Nói ra được quả vui.
Muốn pháp tồn tại lâu,
Thì không vì tiếng khen.
Rộng học các dị luận,
Biết khắp ý người trí
Muốn tạo thật luận này,
Chỉ biết Nhất thiết trí.
Các Tì-kheo dị luận,

*Nhiều thứ, Phật đều cho.
Nên tôi muốn luận đúng
Thật nghĩa trong 3 tạng.*

Bắt đầu vào phần luận

Hỏi: Tôi biết nay ông sẽ giảng thuyết Luận Thành Thật.

Ông nói: Trước lễ đáng đáng lễ. Đó có phải là Phật không? Vì sao gọi là Phật? Thành tựu công đức gì mà đáng lễ?

Đáp: Phật là người tự nhiên, dùng Nhất thiết chủng trí biết tất cả tự tướng sai khác của các pháp, lia tất cả bất thiện, tập hợp tất cả thiện, thường cầu lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên gọi là Phật. Những điều nói ra để giáo hoá, gọi là Pháp. Người thực hành pháp ấy, gọi là Tăng. Như vậy Tam Bảo là nhân duyên đáng lễ.

Tôi nay sẽ nói Phật có đầy đủ 5 phẩm chất, nên được người và trời trên thế gian kính trọng.

Hỏi: Có các Thánh nhân khác cũng có 5 phẩm công đức thì với Phật có chi khác?

Đáp: Năm phẩm pháp của Phật đầy đủ thanh tịnh. Sở dĩ vì sao? Vì các nghiệp của thân v.v... không sai lầm.

Giới phẩm đầy đủ, là Phật còn không sai lầm phạm cấm giới, huống là cố phạm.

Lại nữa Phật đã lâu đời tích chứa từ bi nên không phát ác tâm. Như trong kinh có nói: Phật bảo A-nan: Nếu

có người từ khi sinh ra tu tập lòng từ thì lòng ác có thể sinh khởi được không? Thừa không, Thế Tôn! Không thể khởi được. Phật đã lâu đời tích chứa tính thiện, không vì e sợ tiếng đồn mà phải tự giữ gìn cấm giới.

Lại nữa, Phật ở trong vô lượng nơi các Phật tu giới hạnh đã lâu, đã nhỏ góc 3 độ, vĩnh viễn không còn tập gì khác. Bởi các duyên ấy nên giới phẩm đầy đủ.

Định phẩm đầy đủ, là Phật y theo định này chúng được Nhất thiết trí. Vì thế nên biết định phẩm đầy đủ. Như bơ dầu nhiều, tim đèn lớn thì ánh sáng cũng lớn.

Lại nữa, định của Phật bền chắc như dầu sơn, sơn vào cây. Thiền định của người khác như hoa nổi trên nước không dùng được lâu.

Lại nữa, thiền định của Phật trong vô lượng kiếp tuần tự dần thành nên được đầy đủ.

Lại nữa, định của Như Lai không đợi các duyên như người hoặc xứ, hoặc nói pháp v.v... Các người khác thì không như vậy.

Lại nữa, định của Như Lai thường tu tập sâu, như người tự giữ hằng nhớ không quên. Phật khi vào thiền định không gắng tâm lực. Cũng như người ở tại bản xứ tự nói tiếng mẹ đẻ dễ dàng không khó, Phật ở trong định cũng vậy. Cho nên nói Như Lai thường ở trong Tam-muội.

Lại các pháp như cả mừng hay phá hoại thiền định, Phật đều khéo dứt hết.

Lại nữa, quả báo của định được tự tại đã lâu thần thông vượt trội bậc nhất. Dùng Như ý thông, trong một

niệm có thể vượt qua 10 phương vô lượng thế giới, tất cả việc phải làm tùy ý liền xong, với các biến hóa tự tại vô ngại. Tâm có thể phổ biến khắp tất cả các pháp. Còn các chúng sinh khác không sao kịp được.

Lại nữa, Phật thành tựu pháp Thánh tự tại, nên với cái đáng vui có thể sinh tướng không vui, với cái không vui có thể sinh tướng vui, với cái vui và không vui có thể sinh tướng bình thường.

Hỏi: Với cái không vui, có thể sinh tướng bình thường, chứ làm sao có thể sinh tướng vui?

Đáp: Vì khéo tu tâm nên với pháp không vui như ác khẩu chẳng hạn, không bị chướng ngại. Với các thần thông như thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng thông cũng không bị ngại. Do định lực nên thần thông vô ngại. Với các thiền định thông đạt rõ ràng, các chúng sinh khác không nghe được tên, chỉ có Như Lai là ra vào thiền định không bị ngăn ngại.

Lại nữa, thiền định của Phật gọi là lực, như trong Phẩm Thập lực có nói, những người khác không có. Cho nên Như Lai định phẩm đầy đủ.

Tuệ phẩm đầy đủ, là có 2 thứ vô minh: một chướng thiền định, hai khởi phiền não, Như Lai đều dứt. Vì dứt pháp trái nhau nên tuệ phẩm đầy đủ.

Lại được pháp tự nhiên, không theo học với người khác mà khéo lời lẽ, khéo biết nghĩa lý, không cạn biện tài, không hết trí tuệ. Còn chúng sinh đối với các tài khéo ấy không thể đầy đủ, chỉ có Phật biết hết không thiếu chút nào. Cho nên Như Lai tuệ phẩm đầy đủ.

Lại nữa, Phật thuyết pháp làm rõ nghĩa thú. Những người tiểu trí nói ra lời gì, không thể không lỗi, chỉ có Như Lai nói ra không làm lỗi. Cho nên biết Như Lai tuệ phẩm đầy đủ.

Lại còn vô lượng công đức thành tựu trí tuệ này nên được đầy đủ.

Lại nói pháp vi diệu, không sai lầm, như pháp quán bất tịnh để phá trừ dâm dục chẳng hạn.

Lại nữa trí tuệ vượt trội nên oai nghi cũng vượt trội. Bởi các duyên ấy nên tuệ phẩm đầy đủ.

Giải thoát phẩm đầy đủ, là với 2 thứ vô minh, tâm đều giải thoát không còn tập khí, vĩnh viễn không thoái lui. Như vậy gọi là giải thoát đầy đủ.

Giải thoát tri kiến đầy đủ, là có thể đối với việc đoạn tất cả phiền não, mỗi niệm đều biết. Như người chặt cây, tay cầm búa, bên cạnh có người trí thấy biết cán búa mòn hết. Phật cũng vậy với trí đoạn phiền não, từng niệm đều phân biệt biết.

Lại biết trong tâm tâm chúng sinh nghĩ gì, theo đó thuyết pháp giáo hóa khiến được giải thoát. Cho nên có thể đối chúng sinh trong các đạo giải thoát, thấy biết đầy đủ.

Lại nữa, Phật Thế Tôn biết thời cơ nói pháp, như đối với các Phạm Chí Những-cù-lô vậy.

Lại Như Lai biết rõ các pháp sai khác, nên vì người này nói pháp như vậy. Như Phật bảo A-nan nên vì Xa-nặc nói Kinh Ly Hữu Vô. Cho nên Như Lai khéo biết giải

thoát, lại khéo đem phương tiện đoạn cấu uế cho chúng sinh, như vì Nan-đà dùng đục đoạn đục.

Lại Phật biết trước chúng sinh đã thuần thục các căn như tín v.v... rồi sau mới nói pháp, như trường hợp La-hầu-la.

Lại có chúng sinh bị nghiệp báo chướng không được giải thoát, Phật có thể khiến dứt hết, sau mới nói pháp.

Lại có chúng sinh đợi khi hết các lậu, như trong Kinh Phu Phụ nói.

Lại có chúng sinh đợi người hết các lậu, như Xá-lợi-phất đợi A-thuyết-kì.

Lại có chúng sinh đợi nơi hết các lậu, như Phất-ca-sa Vương.

Lại có chúng sinh đợi hết một nửa các lậu như Phóng Ngưu Nan-đà đợi người làng là A-do-đà.

Lại có chúng sinh đợi gặp chân thân của Phật.

Lại có chúng sinh đợi chân thân Phật, hoặc đợi hóa thân Phật mới được hết các lậu, Phật đều phân biệt hết rồi vì họ nói pháp, khiến được giải thoát.

Phật nói nhiều các pháp vi diệu có thể phá tất cả nghiệp chướng. Vì là pháp giải thoát nên gọi là giải thoát tri kiến đầy đủ.

Lại nữa, Phật nói pháp nghĩa thú hay và lợi ích, không nói điều phi nghĩa và việc không quá báo.

Lại nữa, Phật tuân tự nói đạo giải thoát, giống như bài học toán pháp, nên dễ hiểu.

Lại nữa, Phật biết chúng sinh đời trước đã trồng thiện căn nên tuân tự nói pháp.

Lại nữa, Phật hiện chúng đấng giải thoát mà vì người nói pháp chứ không phải theo người học hỏi.

Lại nữa, Phật pháp đầy đủ nhiều các kỹ năng, như người dùng nhiều thứ thuốc đầy đủ chữa lành các bệnh, Phật pháp cũng vậy, dùng các pháp môn chữa trị trừ tất cả phiền não. Như 9 pháp quán tưởng thì các phiền não lớn nhỏ không thể làm hại lại được, cho nên có khả năng đầy đủ phá trừ các phiền não.

Lại nữa, Phật dùng phương tiện cao tột tế độ chúng sinh, hoặc dùng lời nói dịu dàng, hoặc lời khắc khổ, hoặc có khi dùng cả lời vừa êm dịu vừa khắc khổ. Đó là Như Lai giải thoát tri kiến đầy đủ.

Phẩm 2: Mười năng lực

Lại nữa, Phật thành tựu 10 lực nên trí tuệ đầy đủ. Vì nhân duyên đi về nên nói có 10 lực.

Trước tiên, thị xứ phi xứ lực, là trí quyết định trong nhân quả. Biết từ nhân như vậy thì sinh quả như vậy, không sinh quả như kia. Như làm điều không lành, ắt bị báo khổ, không sinh báo vui.

Thị xứ, là có việc như vậy. Phi xứ là không có việc như vậy. Lực đầu tiên là gốc của các lực khác.

Hỏi: Người đời cũng biết nhân quả của thị xứ phi xứ như lúa mì sinh lúa mì, không sinh lúa gạo?

Đáp: Thị xứ phi xứ lực này là biết các pháp về nghiệp nên nói lực này là sâu thăm thứ nhất. Cái biết của trời, của người đời không sao kịp được.

Lại biết rõ nhân của sinh pháp tuần tự duyên tăng thượng. Cho nên nói lực này là vi diệu. Nghĩa là biết các nghiệp nhân và các quả báo của 3 đời, biết xứ, biết sự, biết nhận, biết báo. Cho nên gọi trí biết này là lực. Vì biết xứ, biết sự, biết nhân, biết báo cả 3 đời nên nói là rất sâu. Sở dĩ vì sao? Hoặc có người bảo không có pháp quá khứ và vị lai, nên Phật có năng lực nói lên điều này.

Lại nữa, các pháp trong quá khứ vị lai tuy không hiện tướng, Phật cũng hiện biết.

Lại nữa, nghiệp có 2 thứ: thiện và bất thiện. Hoặc có nghiệp thiện mà hiện bị khổ, như vì trì giới mà bị các bức não. Hoặc có nghiệp tội mà hiện nay được hưởng vui, như phá giới mà được tự tại. Hoặc có người sinh nghi cho rằng đời vị lai cũng như hiện tại. Cho nên Như Lai tiếp theo nghiệp là nói về thụ. Thụ pháp có 4 thứ: Có hiện khổ sau vui, hiện vui sau khổ. Có hiện vui sau khổ, hiện khổ sau vui. Phật đều biết rõ biết xứ, sự, nhân, báo.

Xứ tức là người lãnh thụ, sự tức là vật bố thí, nhân tức là tâm bố thí. Như trong kinh nói: Trước tâm hoan hỷ, lúc thí tâm thanh tịnh, thí xong không hối hận. Nghiệp này được quả, gọi đó là báo. Duy Phật có thể biết nghiệp này nhiều ít hoặc quyết định, không quyết định, quả báo đời hiện tại, quả báo đời sau, quả báo sau đời sau v.v... các việc đều biết hết không sót nên gọi là lực. Phật đối với các pháp thiên định, giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-

bạt-đề biết cầu, biết trụ, biết tăng, và biết tịnh. Trong các nghĩa này, thiền là 4 thiền, 4 vô sắc định. Tức các hành nghiệp của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Còn giải thoát là 8 giải thoát. Có thể làm sạch hết các nghiệp này là thiền định cõi Vô sắc và 8 giải thoát. Đó là Tam-muội. Được cái dụng của Tam-muội này hiện tiền ra trước gọi là Tam-ma-bạt-đề. Tam-ma-bạt-đề phân biệt có 4 thứ là tùy cầu, tùy trụ, tùy tăng và tùy tịnh.

Biết cầu là tùy cầu định, biết trụ là tùy trụ định, biết tăng là tùy tăng định, biết tịnh là tùy đạt định. Tùy đạt định là noãn, đánh, nhấn v.v... 4 pháp. Phật đối với các pháp này đều hiểu biết không sót, nên gọi là lục. Phật rõ biết các căn lợi hoặc độn của chúng sinh. Tín v.v... các căn vượt trội nên gọi là lợi, như chư Phật v.v... Độn là bất cập, như xà nô chẳng hạn, không có trung căn, vì không nhất định. Lợi căn có biên giới như chư Phật. Độn căn cũng có biên giới như xà nô. Còn trung thì không biên giới nên không nói trung căn.

Lại nữa, có 2 thứ đạo là tín hành và pháp hành.

Lại có 2 thứ đạo nữa là nan đạo và dị đạo. Khác với 2 đạo này gọi là trung. Quán người lợi độn tức là bậc trung.

Lại nữa, tùy chỗ sở thích nên căn cơ có sai khác. Thích tín căn nên gọi là tín. Phần nhiều người có trí tuệ, các căn đều vượt trội. Bởi chỗ sở thích nên gọi Hòa-già-lợi là tín căn vượt trội. Các căn như vậy, Phật đều biết hết, nên gọi là lục. Phật biết chúng sinh đều có chỗ sở thích, sở thích đó là lạc tức là dục. Như người có sở thích nhậu nhẹt thì muốn vui cùng bạn bè chè chén. Phật tùy theo chỗ

sở thích mà đều biết từng sở thích. Nghĩa là chúng sinh muốn vui thích nơi 5 thứ dục, hoặc vui thích tu đạo. Biết như vậy rồi tùy cơ nghi mà nói pháp, có thể rộng độ tất cả chúng sinh. Phật biết người đời có vô lượng chủng tính vì chúng sinh hàng lâu tập theo sở thích mà thành tính quen. Như Điều-đạt chẳng hạn, đời đời hủy báng Phật, ác tâm càng sâu, nên gọi là tính. Tính thiện cũng vậy. Hoặc có chúng sinh, từ tính sinh khởi dục, hoặc duyên hiện tại mà sinh khởi, Như Lai đều biết rõ chỗ sở thích và tính quen của chúng sinh ấy, nên gọi là lục.

Phật biết tất cả đạo, tức con đường đưa đến nơi. Biết nếu đi đường này sẽ sinh vào địa ngục, cho đến sinh lên trời. Biết nếu đi đường này được đến Niết-bàn. Những hành nghiệp này đều từ gốc dục tính phát sinh. Nghiệp nhân hữu lậu thì sinh trong 5 đường. Nghiệp nhân vô lậu thì được đến Niết-bàn.

Trước chỉ nói đạo, giờ đây nói đến quả của đạo. Lại nữa, trước nói tướng chung, giờ đây nói đến tướng riêng. Có nghiệp như vậy thì đến địa ngục. Có nghiệp như vậy thì được đến Niết-bàn. Đến địa ngục cũng có sai khác. Nghiệp này thì đọa vào Hoạt địa ngục, nghiệp này thì đọa vào Hắc thành địa ngục. Cho nên Phật trong lục thứ 7 biết nghiệp vi tế, còn các người khác thì dù biết cũng không thể phân biệt được, cho nên gọi đó là lục. Phật biết nghiệp quả đời quá khứ như vậy gọi là túc mạng trí lục.

Lại nữa, Phật biết chỗ tu đạo chúng sinh đời trước, rồi mới nói pháp, cho nên túc mạng thông cũng gọi là trí lục.

Lại nữa, Phật không những nhớ biết tất cả chỗ sinh xứ của mình trong đời quá khứ, hoặc tại cõi Sắc hoặc tại cõi Vô sắc mà còn biết cả của chúng sinh nữa, nên gọi là lục. Trí thiên nhãn của Phật xem thấy 3 cõi nối nhau trong đời vị lai, biết 3 thứ nghiệp nhân, 4 thứ thụ pháp, rồi cũng ghi nhận mà nói, rõ biết không ngăn ngại, nên gọi là lục. Và Phật dùng trí lục lậu tận, biết không liên tục. Chúng sinh mạng chết, hoặc có liên tục, hoặc không liên tục. Lục này đều làm cho tất cả chúng sinh đến chỗ đạo lục, nói chung là Niết-bàn.

Nay trong lục này rộng phân biệt nói rõ, Phật biết nhân cấu uế, thanh tịnh nên có 10 lục. Chúng được 9 thứ trước thì thành tựu trí. Chúng được lục thứ 10 thì thành tựu đoạn. Đây đủ trí đoạn nên gọi là Thế Tôn, được trời người cung kính.

Phẩm 3: Bốn vô úy

Lại nữa, Phật thành tựu 4 vô úy, tức 4 thứ không khiếp sợ, cho nên đáng kính lễ.

Bốn thứ không khiếp sợ, là Như Lai được nhất thiết trí, nhất thiết lậu tận, có thể nói chương đạo và đạo hết khổ. Trong 4 pháp này, nếu có người đến nạn vẫn đứng như pháp thì ta không chỗ e sợ gì cả. Cái không khiếp sợ đầu tiên là nhất thiết trí, mà cũng là 9 thứ lục trước. Cái không khiếp sợ thứ 2 là đoạn, tức là lục thứ 10, là đầy đủ trí đoạn. Như Lai tự mình đầy đủ công đức đức. Còn 2 thứ vô úy sau là khiến người đầy đủ. Phật nói chương

ngại là pháp thật chướng. Như là bất thiện hoặc thiện hữu lậu, vì bởi ngăn ngại sự giải thoát nên gọi là pháp chướng ngại. Vì muốn lia chướng ngại nên nói pháp xuất đạo.

Hỏi: Như ông vừa nói các thứ lực tức là vô úy. Nay lực và vô úy có sai khác chi không?

Đáp: Trí gọi là lực. Vì nhờ lực này nên mới có sức kham chịu, nên gọi là vô úy. Có những người ngu si không biết hổ thẹn nên cũng có nhiều kham chịu. Sự kham chịu của Như Lai là từ trí tuệ mà sinh. Và cũng bởi trí tuệ mà không sợ người khác, nên gọi là vô úy. Sớ dĩ vì sao? Vì hoặc có người tuy có trí mà còn khiếp sợ.

Lại nữa, trí gọi là lực vì có thể nói trí này gọi là vô sở úy. Sớ dĩ vì sao? Vì có người tuy biết mà không nói tốt. Cho nên có thể hơn người gọi là vô úy. Sớ dĩ vì sao? Vì có người tuy biết không hơn người, cho nên trí này vô tận, nên gọi là lực. Biện tài vô tận, nên gọi là vô úy.

Lại nữa, nói ra có nghĩa thú, nên gọi là lực. Nói ra tự tại, nên gọi là vô úy.

Lại nữa, nhân gọi là lực, quả gọi là vô úy vì từ trong trí sinh ra vô úy.

Lại như có người xưa nay khiếp nhược, về sau được chút trí tuệ liền có thể không sợ, huống chi Thế Tôn, từ kiếp lâu xa đến nay tâm trí rộng lớn, và chúng được Nhất thiết trí mà còn sợ ai?

Lại nữa, có người không thể hơn người khác được, nên phải e sợ. Phật không có một người nào hơn, cho nên không e sợ.

Lại có luận giả lời lẽ khéo hay, lại giỏi nghĩa thú, thì không e sợ, người ấy tức là Phật. Vì được Nhất thiết trí nên giỏi nghĩa thú, được vô ngại biện nên khéo lời lẽ.

Lại có người gặp việc, vì bất lực mà sinh khiếp sợ. Như Lai đạt được Nhất thiết trí nên đối với tất cả mọi việc không bất lực. Tất cả kinh sách, tất cả luận nghị v.v... đều thông suốt vấn đáp rõ ràng, nên không e sợ.

Lại nữa có người bị khuyết điểm về gia tộc, về tính tình, về hình sắc, về giới, về trí đa văn v.v.... nên bị đời chê bai. Như Lai với các điều kể trên đều không chút khiếm khuyết, cho nên không e sợ.

Lại như có luận giả luận đúng như pháp thì không ai phá hoại được, người ấy tức là Phật. Như Bà-la-môn A-thúc-la thừa Thế Tôn rằng: Luận đúng như pháp thì khó thắng, khó phá. Luận thuận đạo lý, luận có suy lường, luận có nhân cũng như vậy.

Lại nữa nếu có người thành tựu 4 thứ luận pháp, cũng khó thắng, khó phá: 1. Trụ chính chấp. 2. Trụ nhân và phi nhân. 3. Có thể thụ thí dụ. 4. Trụ trong luận pháp. Phật đủ 4 thứ này, chư thiên và người không ai hơn được, cho nên không e sợ.

Lại nữa, người không học hỏi thầy giỏi mà luận nghị thì dễ bị phá hoại. Như Lai xưa từng ở chỗ Phật Định Quang và vô lượng chư Phật khác tu tập luận pháp, nên không thể phá hoại được.

Lại nữa, Phật nói có 2 đế: Thế đế và đệ nhất nghĩa đế, cho nên người trí cũng không thể phá hoại được. Phạm phu vô trí Phật không tranh với chúng.

Lại Phật không tranh cãi với người đời. Người đời bảo có, Phật cũng nói có. Người đời nói không, Phật cũng nói không, nên không tranh cãi. Vì không tranh cãi, nên không phá hoại được.

Lại nữa, luận nghị có 2 thứ: một là chân thật luận, hai là siểm khúc luận. Các ngoại đạo phần nhiều là siểm khúc luận. Phật là chân thật luận, nên không thể phá hoại.

Lại nữa, trong Phật pháp chính hành thanh tịnh nên luận nghị cũng thanh tịnh. Chính hành thanh tịnh là nhân hết khổ. Luận của các ngoại đạo có nhân tương tự, không có chính nhân nên không được đắc thắng.

Lại Phật kinh thanh tịnh, nói ra nghĩa thú không trái thật tướng, không giống như ngoại đạo. Hơn nữa, đạo Phật nói không chỉ tùy theo lời nói, mà đều biết rõ ngay trong tự tâm. Như trong kinh nói Phật bảo Tì-kheo: Các ông chớ nên chỉ tin lời ta nói mà phải tự thấy biết, tự thân tu chứng nữa.

Lại nói: Các ông đến những người không siểm khúc, như ta sớm mai vì các ông nói pháp khiến chiêu được đạo, chiêu vì nói pháp khiến sáng sớm được đạo.

Lại nữa, nếu người đối với pháp có chỗ không thông suốt thì ngưng không nói nữa, vì dù có nói ra chắc sẽ bị phá hoại. Phật không chỗ nào không thông suốt nên được vô úy.

Lại nữa, Như Lai được các trí vô ngại, với tất cả pháp, không pháp nào không thông đạt, nên không phải sợ. Còn những người tiểu trí không biết chỗ biết của

đại nhân. Đại nhân có thể biết tiểu trí. Phật là bậc đại trí nhất của chúng sinh, có thể biết tiểu luận nên không phải sợ.

Lại luận của các ngoại đạo chỉ nhân chỗ thấy mà khởi; Phật biết cái thấy ấy là từ các duyên sinh, và biết tập, biết diệt, biết vị, biết lỗi và biết thoát ra. Các ngoại đạo không thể biết hết được, nên mới sinh tranh luận. Phật dùng Nhất thiết chủng trí biết tất cả các pháp, có thể phá tất cả luận, mà không bị tất cả các luận phá lại, nên không phải sợ. Bởi các duyên do như vậy cho nên lục và vô úy nghĩa có sai khác.

Hỏi: Phật đối với các pháp đều không e sợ, mà sao chỉ nói 4 thứ vô úy?

Đáp: Nói 4 thứ là đã gồm nói tất cả vô úy. Bởi vì sao? Vì 2 thứ vô úy trước là tự nói trí và đoạn về phần mình, 2 thứ vô úy sau là vì người khác nói pháp chướng đạo. Nói đạo hết khổ, cũng gọi là trí đoạn. Thầy và trò trí đoạn đầy đủ, nên nói chung là nhất thiết vô úy.

Hỏi: Vì sao chúng sinh nghi Phật không phải người nhất thiết trí?

Đáp: Lời Phật nói ra, có khi có những lời tựa hồ không phải người có nhất thiết trí. Như Phật hỏi: Người từ đâu đến đây có những việc như vậy?

Lại như trong kinh có nói: Có người đi vào trong thành đô, làng xóm rồi họ hỏi tên các nơi ấy. Ta không cho người ấy là Nhất thiết trí. Có người nghe kinh này nói thế, mới nghi Phật không phải bậc Nhất thiết trí.

Lại nữa, có khi Phật nói ra tuồng như còn tham trước, như trong kinh nói: Phật nói: Hay thay! Tì-kheo đến đây, ông với thân này là được đại lợi. Tùy thuận pháp ta là ta vui mừng.

Còn có những lời tuồng như giận dữ, như Phật bảo Điều-đạt: Người là thứ người chết... là người ăn đồ khạc nhỏ của người khác...

Lại còn có những lời in tuồng kiêu ngạo, như tự nói: Ta là sư tử trong loài người, vì ta thành tựu 10 lực, 4 vô sở úy, nên trong đại chúng có thể rống lên tiếng rống sư tử.

Lại có lời nói như kiến chấp, như nói: Khéo tu trì pháp ta như người bưng bát dầu. Và bảo Điều-đạt: Ta không đem chúng tăng giao cho Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên hưởng chi giao cho ông. Có người tiểu trí nghe các lời nói ấy vội bảo Như Lai chưa hết các lậu.

Lại nữa, Phật nói các thứ dục là thứ chướng đạo, mà có người thụ dục cũng vẫn đắc đạo.

Lại nữa, trong Luật chế ra pháp ngăn chặn, mà có người hủy hoại pháp ấy cũng vẫn được đạo. Cũng vì vậy mà có người tiểu trí nghi Phật không biết pháp chướng đạo.

Lại có người tu đạo mà vẫn có kết sử, nên người tiểu trí nghi cho rằng tu Thánh đạo không thể hết các kết sử, kết sử không hết làm sao hết khổ? Vì vậy Như Lai với 4 pháp này nói không e sợ.

Hỏi: Đã bị các nghi như trên, làm sao dứt được?

Đáp: Đó là những lời Phật tùy theo lời nói thể tục, vì người đời có những việc đã biết mà vẫn hỏi và không cho thể là có lỗi. Phật cũng vậy, vì ở trong thể gian nên tùy theo thể tục mà hỏi.

Lại nữa, người đời cũng có người tâm không tham mà nói ra lời nói in tuồng có tham, có những trường hợp như vậy. Phật cũng vậy, vì muốn lợi cho chúng sinh nên hiện ra có những lời nói như thế. Hoặc nói: Dục không phải chương pháp. Như Lai nói dục thật là chương pháp, nếu dục còn ở nơi tâm thì không tu đạo được, phải trừ dục, nhiên hậu mới đắc đạo. Hoặc người nói tuy phạm pháp ngăn cũng vẫn đắc đạo, mà phá pháp thật ngăn, thì chắc chắn không đắc đạo. Nếu không phải thật tội mà vì trọng duyên nên Phật tự cho phép, chứ không phải phá hoại pháp ngăn. Hoặc nói người tu đạo cũng còn kết sử. Thánh đạo có thể phá trừ tất cả kết sử, vì chưa đầy đủ nên không thể phá trừ hết ví như tính của bơ có thể chữa được bệnh nóng, mà vì uống ít nên không lành bệnh. Tu đạo cũng vậy cho nên không có lỗi.

Như Lai thành tựu 4 thứ không khiếm sợ, cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 4: Mười danh hiệu

Lại nữa, trong kinh nói: Như Lai có 10 thứ công đức: Đó là Như Lai, Ứng cúng, Chính biến tri, Minh hạnh túc, Thiệt thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, và Phật Thế Tôn. Như Lai là

nương đạo như thật đến thành chính giác, nên gọi là Như Lai. Có nói ra điều gì đều đúng sự thật không hư dối. Như Phật hỏi A-nan: Như Lai có nói 2 lời chẳng? Thừa không, Thế Tôn. Cho nên gọi là như thuyết.

Lại nữa, Như Lai từ đêm đắc đạo cho đến đêm Niết-bàn, trong thời gian ấy, có nói ra lời gì đều chân thật không phá hoại được, nên gọi là như thuyết.

Lại dùng nhất thiết chủng trí biết biên tế trước sau, rồi sau mới nói, nên nói ra đều chân thật.

Lại nữa, chư Phật Thế Tôn ký ức bền chắc không quên mất. Có người hoặc đem trí so sánh hay theo trong kinh sách mới nói có thể được, hoặc có sự việc hiện tại không khéo thấy mà nói có thể. Người này nói ra là khi được khi mất. Như trong kinh nói: Người có trí so sánh nói ra khi được khi mất. Phật đối với các pháp hiện biết rồi mới nói cho nên lời nói đều không phá được, nên gọi là thật thuyết.

Lại nữa, Phật nói ra đều nói thật nghĩa, không phải như các người nói ra có thật có không thật, nên không phá được.

Lại nữa, lời nói hợp thời, như trong kinh nói: Phật biết chúng sinh tâm vui thích điều gì rồi nói đạo pháp, nên gọi là như thuyết.

Lại nữa, với người đáng nói, liền nói ngay, như trong Kinh Khẩn-thúc-già có nói.

Lại nữa, chỗ nên nói pháp liền vì nói ngay, như chỗ nói sơ lược, hoặc chỗ nói rộng các môn âm, nhập. Cho nên nói ra đều là chân thật.

Lại nữa, có 2 thứ pháp ngữ: một là dựa vào thế đế, hai là dựa vào đệ nhất nghĩa đế. Như Lai dựa vào 2 đế này mà thuyết pháp, nên nói ra đều thật.

Lại nữa, Phật không nói thế đế là đệ nhất nghĩa đế, cũng không nói đệ nhất nghĩa đế là thế đế, cho nên lời nói của đôi bên đều không trái nhau.

Lại nữa, Như Lai nói pháp hoặc ngăn, hoặc mở cũng không trái nhau. Tùy theo việc ngăn thì điều này không mở, tùy theo việc mà mở thì điều này không ngăn, cho nên lời nói đều không trái nhau.

Lại có 3 thứ pháp ngữ: một từ kiến sinh, hai từ mạn sinh, ba từ giả danh sinh. Phật không có 2 loại trước, còn đối với loại thứ 3 thì thanh tịnh không nhiễm.

Lại có 4 thứ pháp ngữ: là kiến, văn, giác, tri. Phật với 4 lối nói này đều thanh tịnh tâm không tham đắm.

Lại có 5 thứ pháp ngữ: là quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết. Năm thứ này, Phật đều thông suốt rõ ràng, biết rồi nhiên hậu mới nói, nên gọi như thuyết. Có thể như thuyết cho nên gọi là Như Lai. Bởi vì hết phiền não mới được pháp này, các thứ tham, sân si là cội gốc của vọng ngữ, diệt hết các kết sử này, cho nên gọi là Ứng cúng.

Lại nữa Như Lai nói pháp ứng cúng là pháp diệt kết sử, do chính trí sinh, đem trí tuệ của chính quán các pháp vô thường, khổ, không ... nên mới diệt hết các phiền não. Nhờ chính trí mới sinh pháp ứng cúng. Pháp chính trí này từ minh, hành mà sinh biên tế trước

sau và không liên tục, khéo thông suốt nên được gọi là chính trí. Tận hành các pháp bố thí Ba-la-mật v.v... nên gọi là Minh hành túc. Các người khác cũng ở trong vô thủy sinh tử tu các pháp bố thí, v.v... mà không có chính hành nên không gọi là Thiện thế. Phật có chính đạo tu bố thí v.v... các hạnh nên gọi là Thiện thế. Được 5 pháp này công đức của Như Lai về phần mình đầy đủ. Được chính trí nên có thể biết tất cả tâm niệm của thế gian, biết tâm niệm rồi mới vì đó nói pháp, nên gọi Vô thượng sĩ. Những người đáng điều phục chế ngự không một người nào không được điều phục. Đã được điều phục thì vĩnh viễn không còn bại hoại nữa. Người được điều phục là người, trời, nên gọi là Thiên nhân sư. Hoặc có người sinh nghi: Như Lai sinh trong loài người mà làm sao có thể giáo hóa trên cõi trời được? Cho nên Phật đã nói: Ta là bậc thầy của trời và người. Phật khi ngồi nơi đạo tràng, trừ giác ngủ vô minh, chứng được nhất thiết trí, sáng tỏ đại ngộ tất cả các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp hữu vi vô vi, hữu tận vô tận hoặc thô hoặc tế v.v... đều giác ngộ, nên gọi là Giác giả.

Như vậy 9 thứ công đức đầy đủ là đáng cao cả trong 3 đời 10 phương thế giới nên gọi là Thế Tôn.

Phật đầy đủ 10 hiệu nên tự thân đầy đủ, khiến người khác cũng đầy đủ, lợi mình lợi người, cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 5: Ba không hộ

Ba không hộ là 3 thứ không phải bảo hộ giữ gìn. Đó là 3 nghiệp thân khẩu ý của Phật không cần giữ gìn. Sở dĩ vì sao? Vì 3 nghiệp ấy của Phật không có bất tịnh, muốn khiến người khác không thấy không biết.

Lại các người khác hoặc có khi vô ký, tựa như 3 nghiệp thân khẩu ý có bất tịnh nên bị người trí chê trách. Phật không có như vậy. Sở dĩ vì sao? Vì tất cả 3 nghiệp ấy của Như Lai đều do trí tuệ và sự nghĩ nhớ chân chính mà sinh khởi. Còn những người tiểu trí bị vọng niệm không được nghiệp như vậy.

Lại người đời hoặc vì vội vã mà nói lầm lỗi. Phật thì không có các việc như vậy.

Lại nữa, Phật khéo tu thân giới tâm tuệ, các pháp như vậy đều khéo tu nên tất cả nghiệp nhân bất thiện và tương tự bất thiện v.v... đều trừ diệt.

Lại nữa, Thế Tôn từ kiếp lâu xa đến nay đã từng tu hành các thiện pháp không phải mới đời này, cho nên các nghiệp tính thanh tịnh không phải giữ gìn.

Lại Phật thường ưa tu giới hạnh, không phải vì lo sợ đọa ác đạo mà tu.

Lại tất cả 3 nghiệp thân khẩu ý của Phật đều vì lợi người nên không bất thiện, vì không bất thiện nên không phải gìn giữ. Vì 3 nghiệp thanh tịnh không cần gìn giữ nên đáng kính lễ.

Lại nữa, Phật thành tựu 3 niệm xứ, nên đáng kính lễ. Mỗi khi thuyết pháp, thính giả nhất tâm nghe, không

lấy làm mừng, hay không chăm lòng nghe, cũng không lấy làm buồn, vì thường tu tâm xả. Sở dĩ vì sao? Vì Phật không còn chút mây may tham sân tập khí.

Lại Phật biết các pháp rốt ráo là không, nên không mừng không buồn.

Lại Phật khéo nhóm họp tâm đại bi, nên đối với thiện hay bất thiện, tâm không vui buồn, mà chỉ sinh khởi tâm đại bi bình đẳng.

Lại Phật am hiểu tâm tính của mỗi chúng sinh, nên chăm nghe, không lấy làm mừng, không chăm nghe cũng không lấy làm buồn, vì bản tính là vậy, nên thường tu tâm xả.

Lại tâm Phật kiên cố như đại địa, cất bót vật nặng không lên cao, hay đặt thêm vật nặng cũng không thấp xuống. Còn tâm phàm phu như cái cân, thêm chút là thấp xuống, bớt chút thì cao lên.

Lại Phật Thế Tôn gọi là đấng đại bi, cho nên người, trời đều nên kính lễ.

Lại Phật bỏ cái vui trong cảnh sâu thiền định mà vì người nói pháp. Bi tâm của người khác không thành xong. Đại bi của Thế Tôn có thể cứu chúng sinh, nên gọi là hữu quả. Và cũng nhờ đại bi mà thành tựu đạo vô thượng chứ không phải dựa vào duyên nào khác.

Lại nữa, Phật không có ngã tâm, hành thiếu dục tri túc rất là bậc nhất. Cũng do đại bi nên tự khen thân mình.

Lại nữa, tính Phật nhu hòa, mà vì đại bi nên mới có những lời khỗ thiết, khởi đại phương tiện, chịu các điều

cần khổ vì độ chúng sinh. Và Phật vì đại bi độ chúng sinh nên trụ trong thế gian mà thụ thân 5 ấm như hoàn sắt nóng, trong giây lát cũng không kham chịu nổi.

Lại Phật Thế Tôn khéo tu tâm xả, rồi bỏ tâm xả thường hành đại bi, nên được tôn kính.

Lại Phật là người thiện trong những người thiện. Sở dĩ vì sao? Vì mình được đại lợi cũng làm cho người khác được đại lợi, lợi mình lợi người, nên gọi người thiện.

Lại Phật là chân thiện tri thức của chúng sinh. Như trong kinh nói: Ta là chân thiện tri thức của chúng sinh, là người thương xót, người làm lợi ích...

Lại nữa, Phật Thế Tôn là nơi hội tụ các công đức như tinh tiến v.v... như Hòa Lợi dùng một trăm câu kệ khen Phật. Do các công đức này. Cho nên đáng kính lễ.

Lại nữa, Phật tự nói công đức của mình, như trong Kinh Tăng Nhất A-hàm, Phạm Như Lai, Phật tự nói: Ta là sư tử trong loài người, là người đẹp như hoa, là người hùng như voi là đệ nhất Sa-môn mà cũng là đệ nhất trong Bà-la-môn, và là vua trong các Thánh, vì hành vi không còn sai lầm, là không tùy theo khổ vui, đó chính là thân ta.

Hỏi: Vì lý do gì Phật tự khen thân mình? Tự khen thân mình là tướng của người ngu.

Đáp: Thế Tôn không cầu danh lợi mà chỉ vì người khác nên tự khen thân mình.

Lại Phật tâm vô ngã, vì muốn lợi cho người khác nên tự khen không lỗi.

Lại cũng bởi nhân duyên mà tự khen ít nhiều vậy thôi, chứ với công đức của Phật không thể nói hết được, cho nên không đọa vào tướng người ngu, vì không có tự cao.

Lại như trong Kinh Thanh Tịnh, Xá-lợi-phất đứng trước Phật mà ngợi khen công đức của Phật. Cho nên đáng kính lễ.

Lại các hạnh thiếu dục tri túc và vô lượng công đức đều hội tụ nơi thân Phật. Sở dĩ vì sao? Vì Phật hội tụ đầy đủ tất cả các công đức. Bởi các duyên do đó nên kính lễ Phật.

Phẩm 6: Luận Pháp Bảo, trước tiên 3 thiện

Hỏi: Trước ông có nói nên lễ Pháp Bảo. Mà Pháp Bảo có công đức gì đáng kính lễ?

Đáp: Phật tự khen ngợi nói: Pháp ta nói ra trước, giữa, sau đều thiện, nghĩa thiện, ngữ thiện, độc pháp, cụ túc, thanh tịnh điều nhu, tùy thuận Phạm hạnh. Trước giữa sau đều thiện là Phật pháp không thời nào không thiện. Với thiếu thời, tráng thời, lão thời, 3 thời đều thiện. Nhập thời, hành thời, và xuất thời cũng đều thiện. Và trước là ngăn ác, giữa là xả phúc báo và sau là xả tất cả, cho nên gọi là ba thiện.

Lại 3 thời Phật thường thuận thuyết chính pháp không xen phi pháp như các ngoại đạo.

Lại 3 thời trước giữa sau Phật thường vì chỗ ưa thích của người trí mà thuyết pháp.

Lại trong 3 thời tất cả pháp đều rất sâu, không như kinh khác trước to, giữa nhỏ, sau nát vụn. Bởi các lẽ ấy nên gọi là 3 thiện.

Nghĩa thiện, là nghĩa Phật pháp có lợi ích sâu xa: được lợi đời này và đời sau, lợi xuất thế đạo, không phải như ngoại điển nguyện cầu tăng thêm thiên nhân.

Ngữ thiện, là tùy theo phương ngôn tục ngữ có thể hiển thị chính nghĩa, nên gọi là ngữ thiện. Sờ dĩ vì sao? Vì kết quả lời nói chính là nghĩa. Cho nên những lời nói ra có thể biện luận nghĩa lý, nên gọi là ngữ thiện.

Lại nữa, cái quý của Phật pháp là làm đúng như nói, chứ không quý ở nói suông, cho nên tùy theo phương ngôn tục ngữ, có thể khiến được đạo, đó gọi là ngữ thiện. Không như ngoại điển, chỉ quý lời nói, nếu sai lời nói hoặc lỗi âm thanh thì luận chủ bị tội.

Lại nữa khéo nói chân đế gọi là nghĩa thiện, khéo nói thế đế gọi là ngữ thiện.

Độc pháp, là Phật chỉ nói chính pháp chứ không vì hý luận mà nói chuyện đời xưa, và cũng không nói xen tạp pháp với phi pháp.

Lại độc pháp là Phật chỉ nói vì vô dư Niết-bàn, và chỉ độc nhất Phật có thể thuyết, cho nên gọi là độc pháp.

Hỏi: Có kinh Thanh Văn bộ, chỉ có Thanh Văn nói.

Lại có các kinh khác do các thiên thần nói, sao bảo chỉ độc nhất Phật nói?

Đáp: Là căn bản của pháp đều từ Phật mà ra, nghĩa là các Thanh Văn và thiên thần đều là những người truyền

đặt lời Phật. Như trong Ti-ni có nói: Phật pháp là những gì Phật nói. Những lời đệ tử Phật nói, các vị biến hóa và chư thiên nói, tóm lại tất cả thiện ngữ trong thế gian đều là lời Phật nói nên gọi là độc pháp.

Cụ túc, là pháp Phật nói ra không có giảm thiểu, như trong Kinh Uất-đà-la-già nói về tướng đầy đủ.

Lại Phật pháp không đợi các kinh mới được thành tựu, như Kinh Hòa-già-la-na đợi 5 kinh nhiên hậu mới được thành tựu. Phật pháp không phải như vậy, trong một bài kệ vẫn đầy đủ ý nghĩa, như nói: Chớ làm các ác, vâng làm các lành, tự tịnh tâm ý, là chư Phật dạy. Cho nên gọi là đầy đủ.

Thanh tịnh điều nhu, là có 2 thứ thanh tịnh, nên gọi là thanh tịnh điều nhu. Đó là lời thanh tịnh gọi là thanh tịnh, nghĩa thanh tịnh gọi là điều nhu.

Lại Phật cho phép trong nghĩa chính đặt lời tùy nghĩa. Trong chính ngữ đặt nghĩa tùy ngữ, không phải như ngoại đạo tùy theo kinh mà lấy.

Lại trong Phật pháp, căn cứ vào pháp không căn cứ vào người. Mà trong pháp cũng còn phân biệt, là căn cứ vào kinh liễu nghĩa, mà không căn cứ vào kinh không liễu nghĩa, đó là tịnh pháp, không chỉ theo kinh.

Lại trong Phật pháp có 3 pháp ấn: Tất cả vô ngã. Các pháp hữu vi, niệm niệm vô thường. Niết-bàn tịch diệt. Với 3 pháp ấn này, các luận giả không thể phá hoại được, vì là chân thật nên gọi là thanh tịnh điều nhu.

Tùy thuận phạm hạnh, là 8 chính đạo gọi là phạm hạnh. Phạm là đạo Niết-bàn, vì có thể đến Niết-bàn nên gọi là phạm hạnh.

Pháp Bảo thành tựu công đức như vậy, cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 7: Các giáo pháp

Lại nữa, Phật tự khen ngợi rằng: Pháp ta có thể diệt, có thể đến Niết-bàn, có thể sinh chính trí có thể khéo dẫn đường.

Có thể diệt, là diệt tất các lửa phiền não tham, sân si nên gọi là có thể diệt, như tu quán bất tịnh diệt được lửa dâm dục, như tu từ tâm diệt được giận dữ, không phải như ngoại đạo tu pháp đoạn thực, cho nên gọi là có thể diệt.

Có thể đến Niết-bàn, là rốt ráo Phật pháp chắc chắn đến Niết-bàn, không phải như ngoại đạo an trú trong hữu phần, hay say đắm các thiên định.

Lại trong Phật pháp, nói tất cả pháp hữu vi đều có tội lỗi nên không đáng khen ngợi, không phải như Bà-la-môn khen ngợi trời Phạm Thế, cho nên nói Phật pháp có thể đến Niết-bàn.

Có thể sinh chính trí, là có bao nhiêu Phật pháp đều vì Niết-bàn, cho nên có thể sinh chính trí. Và trong Phật pháp có quả chân trí, như từ văn tuệ sinh tư tuệ, từ tư tuệ sinh tu tuệ, nên nói Phật pháp có thể sinh chính trí.

Có thể khéo dẫn đường, là Phật pháp mình trước khéo thành tựu, sau làm cho người khác an trú trong chính pháp, nên gọi khéo dẫn.

Lại nữa, Phật pháp có 6 pháp: 1. Thiện thuyết. 2. Hiện báo. 3. Vô thời. 4. Có thể đem. 5. Đến nếm biết. 6. Người trí tự biết.

Thiện thuyết, là các pháp Phật nói đúng như thật tướng của các pháp, như pháp bất thiện là nói tướng bất thiện, thiện là nói tướng thiện, gọi là thiện thuyết.

Hiện báo, là Phật pháp có thể được quả báo hiện tại, như trong kinh nói: Sớm mai thụ giáo, khiến chiêu đắc đạo, chiêu vì nói pháp khiến sáng ngày đắc đạo.

Lại hiện báo là như hiện tại trong Kinh Sa-môn Quả nói: Hiện được cung kính, danh tiếng, thiên định, thần thông, các việc lợi ích.

Lại nữa, Phật pháp đều có nghĩa lý, nên khiến được cung kính hiện đời, quả báo đời sau và quả báo Niết-bàn. Các pháp ngoại đạo không có nghĩa lý nên không được quả báo hiện tại và đời sau hưởng chi Niết-bàn, cho nên gọi là hiện báo.

Vô thời, là Phật pháp không đợi ngày tháng năm nào hay tinh tú cát hung mới được tu đạo, hay ngày tháng năm nào đó không được tu đạo. Không phải như pháp của Bà-la-môn là đầu xuân Bà-la-môn thụ pháp lửa, cuối xuân Sát-lợi thụ pháp lửa. Hoặc đợi mặt trời mọc, hoặc chưa mọc mới cúng dường lửa. Như thấy ngũ cốc đợi thời vụ mới gieo trồng, rồi bảo Phật pháp cũng phải như vậy. Cho nên nói là Vô thời. Như trong kinh nói: Phật pháp dễ tu, đi đứng ngồi nằm không lúc nào không tu được.

Có thể đem, là vì nhờ chính hành nên có thể đem chúng sinh đến chỗ giải thoát, nên gọi là có thể đem.

Đến ném biết, là Phật pháp cần phải tự thân tác chứng, không phải chỉ theo người khác, như Phật bảo các Ti-kheo: Các ông đừng chỉ tin lời ta, mà phải tự suy nghĩ pháp ấy nên tu hay không nên tu. Không phải như ngoại đạo bảo các đệ tử rằng: Hãy bỏ lời vấn đáp này, như người rửa sạch không thích bụi đất, phải chỉ theo lời ta như đũa điếc câm. Cho nên gọi là ném biết.

Người trí tự biết, là lợi ích của Phật pháp, người trí tuệ mới có thể tin hiểu, còn pháp đoạn thực những người thô ngu tin ưa, chứ người trí không chấp nhận. Bởi chính trí tuệ có thể phá trừ phiền não. Những pháp như thế người trí mới hiểu. Tuy dùng vật thực đầy đủ nuôi thân mà nhất tâm tinh tiến tu trì, không nhiễm tham sân. Các việc như thế người trí hiện biết, như người lành bệnh tự nhiên biết được khỏi bệnh, như tướng nước lạnh chỉ người uống mới biết.

Lại nữa, hoặc có quá ngữ pháp, như nói tướng cứng của đất. Cứng lấy gì làm tướng? Không thể lấy lời nói đáp được, mà phải chạm đến mới biết. Cũng như có người mù bẩm sinh không thể nói cho người đó biết màu xanh vàng đỏ trắng được. Nếu người chưa thấm được khí vị Phật pháp thì không thể đem thật nghĩa Phật pháp mà bảo với người đó được, vì Phật pháp là pháp tịch diệt.

Lại nữa, Phật pháp có thể tự chứng biết chứ không thể đem chỗ chứng của mình trao cho người khác như đồ vật hay của cải. Như trong Kinh Bà-la-diên, Phật nói: Ta không thể

tự dứt nghi cho ông để ông có thể chứng pháp của ta. Nghi của ông tự dứt lấy.

Lại nữa pháp ấy khi đến thân người khác thì không thể thấy được, như lửa đã truyền đi nơi khác.

Lại người phàm phu ngu nhân bị núi vô minh che ngăn nên không tin pháp này, như Phật nhân Sa-di A-di-la-việt nói thí dụ núi lớn. Cho nên nói người trí tự biết.

Lại nữa, Phật pháp rất sâu, khai thị thì cạn để dứt trừ hư vọng, lưu bố khắp người trời. Nói rất sâu, là Phật pháp rất sâu. Vì không biết nguyên nhân nên người đời phần nhiều chỉ thấy hiện quả, không thể biết nguyên nhân nên nói do trời Tự Tại v.v... do các thứ tà nhân. Mười hai pháp nhân duyên sâu xa khó hiểu. Người đời trí cạn đối với Phật pháp không có tướng sâu xa được nên không thể thông suốt các pháp nhân duyên, cho đến cộng cỏ nhỏ cũng do các nhân duyên. Suy nghĩ quan sát thì tướng nó càng trở nên sâu. Như Phật có nói: Các pháp nhân duyên, điều này rất sâu, ai hết lia diệt, và chỗ Niết-bàn, cũng là khó thấy.

Hỏi: Nếu nhân duyên rất sâu sao A-nan sinh nghĩ tướng nông cạn?

Đáp: Có luận sư đã bảo rằng: Lời nói ấy không đúng. A-nan là bậc đại đệ tử thông đạt pháp tướng làm sao lại nói pháp nhân duyên là nông cạn?

Lại nếu đem tướng chung mà quán sát pháp nhân duyên nên sinh tướng nông cạn. Bởi vì sao? Vì người ấy không khéo phân biệt mà quán nghiệp phiền não.

Lại nữa, như người đối với sở học đã được rất ráo liền sinh lòng nghĩ cạn dễ, như khi được đại trí trở lại xem bài học ban đầu. Trái lại có người trí tuệ chưa thành tựu, đối với pháp rất sâu, sinh tưởng dễ dàng nông cạn.

Lại nữa, vì Phật khéo thuyết pháp nên hoặc có chúng sinh nghe liền sinh ý nghĩ cho là cạn dễ.

Lại Phật pháp đều không, vì lý không này rất sâu nên Phật dùng nhiều thứ nhân duyên thí dụ nói rõ nghĩa làm cho dễ hiểu, trẻ con cũng hiểu được, như Sa-di Tu-đà-da chẳng hạn.

Lại nữa, Phật pháp kiên cố, nên trong các lời nói rất là chân thật, không phải như những kinh Bà-la-đà-la-ma-diên chỉ có lời nói mà không có thật nghĩa. Như Phạm Chí Lô-đề thừa Thế Tôn rằng: Các Tì-kheo đối với pháp chân thật lợi ích tinh cần tu học thì được hết lậu.

Lại nữa, Phật pháp vì làm lợi ích cho tất cả người đời nên mới nói, chứ không phải như Bà-la-môn nói pháp Bà-la-môn chỉ có tự mình được đạo, người khác không được. Phật pháp là pháp tôn trọng, các vì Thiên vương là những người buông thả hưởng ngũ dục mà vẫn đến tín thụ. Vì các nhân duyên này, cho nên đáng kính lễ Pháp bảo.

Phẩm 8: Mười hai bộ kinh

Lại nữa, Phật pháp phân biệt có 12 loại: 1. Tu-đa-la. 2. Kì-dạ. 3. Hòa-già-la-na. 4. Già-đà. 5. Ưu-đà-na. 6. Ni-

đà-na. 7. A-ba-đà-na. 8. I-đế-viết-đa-già. 9. Xà-đà-già. 10. Tì-phật-lược. 11. A-phù-đa-đạt-ma. 12. Ưu-ba-đề-xá.

Tu-đa-la, là những lời nói thẳng.

Kì-dạ, là dùng kệ tụng lại Tu-đa-la, hoặc Phật tự nói, hoặc các đệ tử nói.

Hỏi: Vì sao phải dùng kệ tụng lại Tu-đa-la?

Đáp: Muốn cho nghĩa lý vững chắc, như dùng dây khâu hoa, thứ lớp chặt chẽ, lại muốn trau giồi lời lẽ, khiến người ưa thích, như rải hoa, hoặc cắm hoa khâu để trang sức.

Lại nữa, đưa nghĩa lý vào trong kệ thì tóm tắt dễ hiểu. Hoặc có chúng sinh ưa nói thẳng, hoặc thích kệ tụng.

Lại trước nói thẳng pháp, sau dùng kệ tụng thì nghĩa lý rõ ràng khiến lòng tin kiên cố.

Lại nghĩa được đưa vào trong kệ thì thứ lớp làm rõ cho nhau, dễ xung tán. Cho nên phải cần nói kệ.

Hoặc có người bảo: Phật pháp không nên tạo kệ vì giống lối ca vịnh. Lời nói ấy không đúng, vì Phật pháp cần nên tạo kệ. Sở dĩ vì sao? Vì Phật tự dùng kệ nói các nghĩa.

Lại như kinh nói: Tất cả các lời đẹp đẽ trong thế gian đều phát xuất từ pháp ta. Cho nên kệ tụng mới có lời đẹp đẽ.

Hòa-già-la-na, là các kinh có giải nghĩa thì gọi là Kinh Hòa-già-la-na. Nếu có kinh không đáp không giải như Tứ Vô Ngại chẳng hạn thì gọi là Tu-đa-la, kinh có vấn đáp gọi là Hòa-già-la-na, như nói có 4 hạng người: từ tối vào tối, từ tối vào sáng, từ sáng vào tối, từ sáng vào sáng. Hạng từ tối vào tối, là như những người bản thiện mà

còn gây 3 ác nghiệp sẽ đọa vào ác đạo. Những kinh như thế gọi là Hòa-già-la-na.

Hỏi: Vì sao Phật nói kinh không đáp không giải?

Đáp: Có kinh nghĩa lý thâm sâu, nghĩa của kinh này sẽ nói riêng trong phần A-tì-đàm, cho nên không giải.

Hoặc có người nói: Phật nói kinh đều có giải nghĩa. Nhưng vì người kết tập Pháp bảo lựa kinh nào nghĩa thâm sâu đặt vào trong A-tì-đàm, như bởi 2 nhóm người kết tập trong hang và ngoài hang, trọn đêm giải nghĩa. Nghĩa này nên ở trong nhóm kết sử.

Già-đà, là đệ nhị bộ thuyết Kì-dạ. Kì-dạ là kệ. Kệ có 2 thứ: một gọi là Già-đà, hai gọi là Lộ-già. Lộ-già lại có 2 thứ: một thuận phiên nào, hai không thuận phiên nào. Không thuận phiên nào là trong Kì-dạ gọi là Già-đà.

Trừ 2 thứ kệ này, ngoài ra các kinh không phải kệ, gọi là Ưu-đà-na.

Ni-đà-na, là các kinh nhân duyên. Sở dĩ vì sao? Vì chư Phật hay các bậc hiền thánh nói kinh pháp cần có nhân duyên. Nhân duyên của các kinh này hoặc ở trong Tu-đa-la, hoặc ở nơi khác, thì gọi là Ni-đà-na.

A-ba-đà-na, là nói có đầu đuôi thứ lớp, như trong kinh nói: Người trí nói thì có gốc ngọn, có thứ lớp, có nghĩa có giải không cho tán loạn. Đó gọi là A-ba-đà-na.

I-đế-việt-đa-già, là kinh nhân duyên và kinh thứ lớp. Nếu 2 kinh này ở quá khứ thì gọi là I-đế-việt-đa-già, tiếng Trung Quốc dịch là: Điều này đời quá khứ như vậy.

Xa-đà-già, là nhân việc hiện tại mà nói việc quá khứ. Như Lai tuy nói việc đời vị lai, nhưng điều này đều nhân quá khứ và hiện tại nên không nói riêng.

Tì-phật-lược, là kinh Phật nói rộng thì gọi Tì-phật-lược. Có người không tin bảo: Các bậc Đại Thánh, vì thích vắng lặng không ưa ồn ào, chán tạp ngữ thế gian, vì muốn nhỏ các gốc ưa vui, nên không ưa nói rộng. Như trong kinh nói: Có người chứng được đạo, hơn 2 tháng mới nói một lời. Vì muốn dứt nghi này nên nói có kinh nói rộng rất nhiều ích cho người khác. Như nói Như Lai có 2 lối thuyết pháp: một rộng hai sơ lược. Cố nhiên là rộng hơn sơ lược.

A-phù-đà-đạt-ma, là các kinh nói việc chưa từng có. Như nói các việc lạ khi kiếp hết như có đại biến, thân lượng các chư thiên, đại địa chấn động. Có người không tin các việc như vậy, cho nên nói có kinh nói việc chưa từng có. Hiện nghiệp quả báo, thế lực các pháp, không thể nghĩ bàn.

Ưu-ba-đề-xá, là như Đại Ca-chiên-diên v.v... là các bậc đại trí rộng giải lời Phật. Có người không tin cho là không phải Phật nói. Phật vì những người ấy cho nên nói có luận kinh. Kinh mà có luận thì nghĩa dễ hiểu.

Mười hai bộ kinh này là Phật pháp. Pháp Bảo đầy đủ công đức như thế, cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 9: Luận Tăng Bảo, trước tiên thanh tịnh

Hỏi: Trước ông có nói nên kính lễ Tăng Bảo. Sao phải kính lễ?

Đáp: Ở nhiều nơi Phật tự khen ngợi Tăng. Tăng Bảo là giới phẩm thanh tịnh, định phẩm, tuệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm đều thanh tịnh, nên thỉnh nên lễ, chấp tay cung kính cúng dường thì thí chủ có thể được lợi ích, vì đó là ruộng phúc cao tốt.

Giới phẩm thanh tịnh, là các đệ tử Phật giữ giới không bị tì vết, cho đến bị lỗi nhỏ cũng rất ô mòng lo sợ.

Lại đệ tử Phật, không phải vì cầu phúc báo sinh về cõi người, cõi trời, cũng không phải vì lo sợ địa ngục, ngã quý mà siêng có thể giữ giới, mà chỉ vì ưa thiện pháp nên gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, giữ tịnh giới chẳng hạn cuộc theo thời tiết, không như Bà-la-môn giữ giới 6 tháng, hay 1 đêm, cho đến rút ráo. Nên gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, giữ tịnh giới là 2 bên, là xa lìa vui ngũ dục và lìa khổ nơi thân, cho nên gọi giới này được Thánh ưa mến, mà giới này cũng được người trí yêu chuộng.

Lại nữa, bởi tâm tịnh nên giới cũng thanh tịnh.

Lại bởi thâm tâm ngăn ác, chứ không phải giữ giới chỉ vì lo sợ đời sau, cho nên gọi Tăng Bảo là giới phẩm thanh tịnh.

Định phẩm thanh tịnh, là nhờ thiên định có thể sinh chân trí nên gọi thanh tịnh.

Tuệ phẩm thanh tịnh, là nhờ tuệ mới được hết phiền não, nên gọi thanh tịnh.

Giải thoát thanh tịnh, là như được hết các phiền não, không phải chỉ có thể ngăn chặn phiền não, nên gọi giải thoát thanh tịnh.

Giải thoát tri kiến thanh tịnh, là đối với các phiền não hết mà được trí tuệ là hết ngã sinh, chứ không phải chưa hết phiền não mà nói hết ngã sinh. Đó là giải thoát tri kiến thanh tịnh.

Nên thỉnh nên lễ nên cúng dường, là vì có thể đầy đủ các công đức như thế, cho nên cần cầu thỉnh kính lễ và cúng dường các bậc phúc điền ấy. Trong đó mà trồng phúc thì được quả báo vô lượng, cho đến khi các vị vào Niết-bàn cũng không thể hết được.

Có thể làm lợi ích thí chủ, là có thể khiến công đức của thí chủ tăng thêm lợi ích, như ruộng 8 công đức, làm tươi tốt ngũ cốc không cho hư hoại. Ruộng Tăng Bảo cũng vậy, vì thành tựu 8 công đức, nên có thể khiến thí chủ được tăng trưởng công đức. Cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 10: Phân biệt hiện thánh

Hỏi: Do pháp gì nên gọi là Tăng?

Đáp: Do 4 hành, 4 đức, và giới, định, tuệ các công đức thanh tịnh, nên gọi là Tăng.

Bốn hành, là hành Tu-đà-hoàn, hành Tư-đà-hàm, hành A-na-hàm, hành A-la-hán.

Bốn đấng, là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Hành Tu-đà-hoàn có 3 hạng người: 1. Tùy tín hành 2. Tùy pháp hành. 3. Tùy vô tướng hành.

Tín hành, là nếu người chưa được trí không vô ngã, vì tin Phật pháp thực hành theo lời Phật dạy gọi tín hành. Như trong kinh nói: Ta đổi điều này vì tin nên làm. Nếu được chân trí thì không chỉ theo lòng tin mà làm. Như trong kinh nói: Biết người không làm, người không tin, đó là Thượng nhân. Cho nên phải biết chưa được chân trí là Tùy tín hành. Như trong kinh nói: Nếu người đối với Pháp đem chút trí tuệ quan sát nhãn, lạc, gọi là Tín hành. Vượt khỏi bậc phàm phu, nhưng chưa chứng được quả Tu-đà-hoàn, trong thời gian ấy không bị mạng chết, gọi là Tín hành. Người này trong văn tu tuệ chính quán các pháp, tâm nhãn dục lạc, tuy chưa được trí không vô ngã mà có thể sinh tâm thế gian tương tự nhãn pháp, từ đây trở đi gọi là vượt khỏi bậc phàm phu. Sở dĩ vì sao? Sau sẽ nói rộng. Nếu không có tín v.v... 5 căn, thì người này còn ở ngoại phàm phu. Cũng người này lần hồi tu tập được noãn v.v... các pháp tu tuệ mà bản danh vẫn còn nên cũng gọi là Tín hành, vì hoàn toàn không kịp người Pháp hành. Kinh này nên nói cần phải chứng được quả Tu-đà-hoàn, chứ không nên nói không bị mạng chết. Sở dĩ vì sao? Vì người Tín hành hãy còn xa. Như trường giả Úc-già cúng dường chúng Tăng, có Thiên thần cáo thị cho biết vị này là A-la-hán, vị này là hành A-la-hán, cho đến vị này là Tu-đà-hoàn, vị này hành Tu-đà-hoàn. Nếu còn ở 15 tâm thì không có

thê được cáo thị như vậy. Phải biết người hành Tu-đà-hoàn có gần có xa, gọi là Tín hành.

Người pháp hành, là người này được trí không vô ngã, mà còn ở trong pháp noãn, đành, nhẫn, thế đệ nhất, tùy thuận pháp hành, tu các pháp không vô ngã thì gọi là pháp hành. Hai hành nhân này nhập vào kiến đế đạo, thấy diệt đế, nên gọi là vô tướng hành. Ba hạng người này là hành quả Tu-đà-hoàn. Trong đạo thế tục vì không đoạn kết, nên không được gọi là hành. Còn 3 quả kia, sau sẽ nói.

Tu-đà-hoàn, như trong kinh Phật nói: Nếu người đoạn được 3 kết là thân kiến, nghi, giới thủ thì gọi là Tu-đà-hoàn, không đọa ác đạo, chắc chắn được chính trí, cùng cực đến 7 hữu.

Hỏi: Nếu Tu-đà-hoàn kiến đế, các phiền não đều đoạn hết, diệt được vô lượng khổ, như Kinh Địa Dục nói, sao đây chỉ nói đoạn 3 kết ư?

Đáp: Vấn đề này sau sẽ nói rộng. Nghĩa là thân kiến hết, các thứ khác cũng hết theo. Còn không đọa ác đạo thì ra sau, trong phần nhóm nghiệp cũng sẽ nói rộng. Nói chắc chắn được chính trí, là người này được vào trong dòng pháp chắc đến Niết-bàn, như cây trôi giữa sông Hằng, lia 8 nhân duyên chắc chắn đến biển cả. Nói cùng cực 7 hữu, là người này trong 7 đời trí vô lậu sẽ thành thực, như Ca-la-la v.v... trong bào thai, cứ bảy ngày biến thành trạng thái khác.

Lại như uống các thứ tô lạc đến 7 ngày thì lành bệnh khó.

Lại như dòng họ giới hạn đến 7 đời.

Lại như thân người bị một thứ rắn độc cắn, vì sức của tứ đại chỉ đi được 7 bước và vì sức độc của nọc rắn nên không đi được bước thứ 8.

Lại pháp đối gạt cũng đến 7 đời.

Lại như đến khi 7 mặt trời xuất hiện là kiếp thiêu hết. Như vậy 7 đời chứa nhóm tuệ vô lậu đốt cháy hết phiền não.

Lại pháp ấy ứng với 7 hữu. Có Tu-đà-hoàn đời nay vào Niết-bàn, có đời thứ 2 thứ 3 cùng cực là đến đời thứ 7. Đó gọi là Tu-đà-hoàn.

Hành Tu-đà-hàm, là tư duy đoạn kết có 9 phẩm. Nếu đoạn 1, 2, cho đến 3, 4, 5, đó là người hành Tu-Đà-Hàm. Có người nói chỉ dùng 1 vô ngại đạo mà đoạn. Điều này không phải như vậy, vì trong kinh Phật nói phải đem vô lượng tâm mà đoạn trừ, như trong Kinh Phú Kha Dự đã nói.

Lại hành giả Tu-đà-hàm còn có tên là Gia gia, là người này hoặc 2 hoặc 3 phen qua lại hoặc hiện thân này được vào Niết-bàn. Đó là hành giả Tu-đà-hàm.

Tu-đà-hàm, là chỉ còn đến nhân gian một phen rồi nhập Niết-bàn. Người này do tư duy đoạn được kết bạc, trụ trong bạc địa này gọi là Tu-đà-hàm. Tu-đà-hàm này, hoặc hiện đời này vào Niết-bàn.

Hành A-na-hàm, là nếu đoạn được kết phẩm thứ 7, thứ 8, người này đều gọi là hành A-na-hàm. Đoạn phẩm thứ 8 gọi là Nhất chủng. Người hành A-na-hàm, hoặc có người hiện đời này được vào Niết-bàn. Là hết 9 phẩm

kết của cõi Dục nên được gọi là A-na-hàm. A-na-hàm này có 8 thứ sai khác. Như là có người do thân trung âm nhập diệt, có người do sinh hữu nhập diệt, có người không hành nhập diệt, có người có hành nhập diệt, có người lên đến A-ca-ni-trá hành nhập diệt, có người đến Vô sắc xứ, có người chuyển thể nhập diệt, có kẻ do hiện đời nhập diệt. Tùy theo căn cơ thượng, trung, hạ nên có sai khác.

Trung âm nhập diệt cũng có 3 thứ thượng căn, trung căn, hạ căn. Có A-na-hàm rất chán thế gian mà có chút chướng ngại nên hiện đời không được nhập diệt, người này khi ở trong thân trung âm mới nhập diệt.

Sinh hữu cũng có 3 hạng là sinh diệt, hành diệt và không hành diệt. Sinh diệt, là khi sinh rất chán lìa sinh hữu liền vào Niết-bàn, gọi là sinh diệt, vì căn cơ lạnh lợi. Hoặc có khi sinh xong, các pháp vô lậu đạo tự nhiên hiện tiền không cần gia hành siêng tu mà vào Niết-bàn, gọi là không hành diệt, vì căn cơ bậc trung. Hoặc có người sinh xong rất sợ việc thụ thân, siêng tu hành đạo mới vào Niết-bàn, gọi là hành diệt vì căn cơ chậm lụt.

Thượng hành diệt cũng có 3 hạng: Hoặc từ một nơi mạng chung, đến một nơi khác sinh, rồi bèn vào Niết-bàn, gọi là lợi căn. Hoặc từ 2, 3 nơi sinh gọi là trung căn. Tất cả nơi mạng chung, tất cả nơi sinh, gọi là độn căn. Từ Sơ thiên đến cõi trời Quảng Quả, gọi là quyết định. Đến cõi trời Quảng Quả rồi nếu sinh về cõi trời Tịnh Cư, người này không còn đến cõi Vô sắc xứ, vì ưa thích tuệ. Nếu vào Vô sắc xứ thì người này quyết không sinh về cõi trời Tịnh Cư, vì ưa thích định.

Chuyển thể, là hoặc đời trước chứng được quả Tu-đà-hoàn, hay quả Tu-đà-hàm; về sau chuyển thân lại chứng được quả A-na-hàm. Người này không vào cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hiện diệt, là người lợi căn số một, tức hiện thân này được vào Niết-bàn.

Lại có 2 hạng người: một là tín giải thoát, hai là kiến đắc. Hai hạng này vì căn cơ có sai khác, như người học nhân độn căn trong tư duy đạo gọi là tín giải thoát. Lợi căn là kiến đắc. Nếu A-na-hàm đủ 8 pháp giải thoát gọi là thân chứng, các hạng này đều là người hành A-la-hán vì đồng đoạn kết. Nếu đoạn diệt tất cả phiền não gọi là A-la-hán. A-la-hán có 9 hạng: 1. Thoái tướng. 2. Thủ tướng. 3. Tử tướng. 4. Khả tiền tướng. 5. Trụ tướng. 6. Bất hoại tướng. 7. Tuệ giải thoát tướng. 8. Cầu giải thoát tướng. 9. Bất thoái tướng. Các bậc A-la-hán này vì chứng được Tín v.v... các căn nên có sai khác nhau.

Người rất độn căn gọi là thoái tướng, là thoái lui mất Tam-muội. Vì thoái lui Tam-muội nên trí tuệ vô lậu không thể hiện tiền. Thủ tướng, là người có chút căn cơ khá hơn, nếu gìn giữ Tam-muội thì không thoái mất, mà không giữ thì mất. Tiền thoái tướng, là trước kia dầu có cố giữ cũng thoái lui mất. Tử tướng, là người này căn cơ lại khá hơn chút nữa; rất chán các hữu, người này vì không thể được Tam-muội nên trí tuệ vô lậu khó được hiện tiền, giả sử được nhưng vui mừng rồi cũng mất, nên tự tìm lấy cái chết. Trụ tướng, là nếu được Tam-muội, nhưng không tiến không lui gọi là Trụ tướng. Ba hạng trước là ở trong

thoái phần Tam-muội, còn trụ tướng này ở trong trụ phần Tam-muội. Khả tiến tướng, là nếu được Tam-muội thì tăng thêm bền chắc, người này trụ ở trong tăng phần Tam-muội. Bất hoại tướng, là được Tam-muội rồi các thứ nhân duyên không thể làm hư hoại. Người này trụ ở đạt phần Tam-muội, vì trí tuệ rất sắc bén nên khéo lấy Tam-muội nhập vào tướng trụ khởi nên không thể hoại. Do diệt tận định nên có 2 hạng người không được định này gọi là Tuệ giải thoát. Được định này gọi là câu giải thoát. Bất thoái tướng, là những công đức được đều không thoái mất, như trong kinh nói: Phật bảo các Tì-kheo: Nếu đệ tử ta đem giường chõr ta, ta trước đã được, đều không lui mất.

Chín hạng như vậy gọi là vô học nhân. Trước có 18 học nhân và 9 vô học là 27 hạng người, tất cả gọi là ruộng phúc của thế gian. Trong Tăng Bảo có đầy đủ công đức cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 11: Ruộng phúc

Hỏi: Do những gì mà các hiền thánh này được gọi là ruộng phúc?

Đáp: Dứt hết tham, sân si và các phiền não nên gọi ruộng phúc. Như nói không trừ bỏ thứ cỏ giống như lúa, thì hại cây lúa. Cho nên cúng thí người vô dục được quá báo lợi lớn.

Lại người này tâm không, nên gọi ruộng phúc. Sở dĩ vì sao? Vì không tướng nên các phiền não tham, sân si không khởi, không sinh ác nghiệp.

Lại các hiền thánh chứng được pháp bất tác nên gọi là ruộng phúc.

Lại các người này thiên định đã được v.v... đều thanh tịnh, vì đã vĩnh viễn lìa các phiền não lớn nhỏ.

Lại xả bỏ hết sự buồn vui nên gọi ruộng phúc.

Lại có thể dứt trừ 5 thứ trói buộc tâm, nên tâm được thanh tịnh gọi là ruộng phúc.

Lại nữa, thành tựu 8 thứ ruộng công đức.

Lại dùng 7 thứ định cụ khéo giữ nơi tâm.

Lại có thể tận diệt 7 thứ lậu nên không còn các lầm lỗi.

Lại đầy đủ các giới hạnh, 7 pháp thanh tịnh.

Lại được thành tựu 8 công đức của hạnh thiếu dục và tri túc.

Lại có thể vượt qua bờ bên kia, và đang siêng năng có thể cầu độ, nên gọi là ruộng phúc. Như trong kinh nói: Chỉ có thể phát tâm muốn tu thiện pháp còn được nhiều lợi ích, hưởng chi là tu hành. Các hiền thánh này thường hành thiện pháp nên gọi ruộng phúc. Như trong kinh nói: Có người thí chủ nào cúng dường Tì-kheo có tri giới, vị ấy nhận cúng dường rồi nhập vô lượng định, người thí chủ được phúc vô lượng. Trong chúng có người nhập vô lượng Tam-muội, vô tướng Tam-muội, vô động Tam-muội có thể khiến thí chủ được quả báo vô lượng, nên gọi ruộng phúc.

Lại như trong kinh nói: Ba việc hòa hợp nên được phúc lớn. Một là có lòng tin, hai là vật thí, ba là ruộng

phúc. Với trong chúng Tăng, người có nhiều công đức, đối với người có công đức ấy dễ sinh lòng tin.

Lại nữa, cúng chúng Tăng đủ 9 nhân duyên nên được quả báo lớn, và cúng chúng Tăng là vì người thụ thanh tịnh nên người thí chắc chắn được thanh tịnh.

Lại cúng thí có 8 thứ: Có tâm thanh tịnh ít, vật thí cũng ít, thí cho người phá giới. Có tâm thanh tịnh ít, vật thí nhiều, thí cho người phá giới. Có tâm thanh tịnh ít, vật thí cũng ít, thí cho người giữ giới. Có tâm thanh tịnh ít, vật thí nhiều, thí cho người trì giới. Có tâm thanh tịnh nhiều, vật thí cũng ít, thí cho người trì giới. Có tâm thanh tịnh nhiều, vật thí nhiều, thí cho người trì giới. Ở trong chúng Tăng cúng thí chắc chắn được thành tựu hoặc 2 hoặc 3. Tất cả người thiện đều nhờ chúng Tăng mà tăng thêm công đức, nhiên hậu mới tùy ý nguyện hồi hướng Bồ-đề. Và nhờ đem vật thí Tăng này đều sẽ được quả giải thoát ở trong sinh tử quyết không thể hết.

Lại đem thí chúng Tăng đều vì trang nghiêm tâm.

Lại nữa, nếu đối với một vị Tăng sinh lòng tin thanh tịnh hoặc có khi có thể hoại, nhưng đối với chúng Tăng lòng tin thanh tịnh quyết không hư hoại.

Lại đối với một người sinh lòng ái kính hoặc không được rộng, mà đối với chúng Tăng sinh lòng tin kính thì tâm được rộng lớn vì cảnh duyên nhiều vô lượng.

Lại nữa, cúng thí vì muốn tất cả người vào Tăng số, vì tâm rộng lớn nên được quả báo cũng lớn.

Do các duyên như trên nên các hiền thánh này gọi là ruộng phúc. Cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 12: Cát tường

Bởi Tam Bảo này có công đức đầy đủ nên kinh nói đến trước.

Lại nữa, ngôi Tam Bảo này với tất cả thế gian là điều tốt lành thứ nhất. Như trong kệ Cát tường nói Phật, Pháp và chúng Tăng gọi là rất tốt lành.

Lại có các kinh lấy tốt lành làm tăng tuổi thọ muôn năm cho người mới học đạo được tiếng tăm đồn khắp, đó là ý kiến của người tác kinh, như dùng các chữ A Đà trước đầu kinh, đây không phải là tướng tốt lành, sau sẽ nói rộng. Nếu người nào muốn cầu điều rất tốt lành thứ nhất chính là Tam Bảo. Cho nên phải qui y. Như bài kệ Cát tường nói:

*Phật là bậc Đại giác,
Đấng Đạo sư cao tột,
Trong các cõi trời, người,
Đó là rất tốt lành.
Nếu ai đối với Phật,
Vững lòng tin không động,
Vâng giữ giới thanh tịnh,
Đó là rất tốt lành.
Xa lìa người ngu si
Gần gũi người có trí,
Người đáng kính thì kính,
Đó là rất tốt lành.*

Cho nên phải kính lễ Tam Bảo vì rất tốt lành. Tôi trước phải nói rõ.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 2)

Phẩm 13: Lập luận

Nay muốn luận giải Phật pháp lợi ích thế gian, vì Phật đem tâm đại bi làm lợi ích cho tất cả thế gian nên nói pháp này rộng không biên giới. Như hoặc có người chỉ vì dòng họ Bà-la-môn mà nói kinh giải thoát. Phật nói kinh đều vì độ thoát 4 phẩm loại chúng sinh cho đến loài súc sinh cũng không giới hạn.

Hỏi: Không nên tạo luận để luận giải lời Phật. Sở dĩ vì sao? Nếu Phật tự luận thì nên gọi là luận, nếu Phật không luận thì người khác không nên luận. Sở dĩ vì sao? Vì khó hiểu thấu ý thú của bậc Nhất thiết trí, không biết nói việc ấy để làm gì. Nếu không hiểu được ý Phật, mà nói ra tức là tự hại. Như trong kinh nói: Có 2 hạng người hủy báng Phật, một là vì không tin, ganh ghét nên hủy báng, hai là tuy có tin lời Phật nói, nhưng không thể lãnh thụ chắc chắn cũng là hủy báng Phật. Dù có chân trí mà không hiểu ý Phật, còn không nên luận giải lời Phật nói, huống là chưa được chân trí mà muốn tạo luận luận giải ý Phật ư? Sở dĩ vì sao? Như trong Kinh Dị Luận, Phật vì xúc nên nói việc như vậy. Các Tỳ-kheo có nhiều luận nghị khác nhau đều không đúng ý Phật.

Lại như trường lão Đại Ca-chiên-diên bảo các Tì-kheo rằng: Như người đốn cây đại thụ, bỏ hẳn thân gốc, mà chỉ lấy cành lá. Các người cũng vậy, bỏ rời Như Lai mà hỏi ta ư? Như Đại Ca-chiên-diên trong luận nghị mà thí dụ mình như cành lá hưởng chi người khác làm sao hiểu được lời Phật.

Lại Phật hỏi Xá-lợi-phất: Thế nào là học nhân? Thế nào là số pháp nhân? Ba phen hỏi mà không đáp được.

Lại nữa, Phật là cội gốc của tất cả các pháp, duy Phật mới hiểu, các người khác không thể hiểu được.

Lại khi A-nan bạch Phật rằng: Trong đường đắc đạo gặp thiện tri thức là được nửa phần lợi ích. Cũng có lý. Sở dĩ vì sao? Vì phải nhờ 2 nhân duyên chính kiến mới được sinh, một nghe từ người khác, hai tự mình chính niệm. Phật bảo A-nan: Chỉ gặp được thiện tri thức, thế là đầy đủ lợi ích đắc đạo cho mình rồi.

Lại như Phật nói: Nếu ta vì ông nói pháp, mà người ấy không hiểu ý ta nên sinh việc tranh luận. Nay các luận sư, mỗi người đều chấp theo ý mình. Hoặc cho quá khứ vị lai có pháp, hoặc có người cho là không. Phải biết các luận sư ấy chấp như vậy là vì không hiểu Như Lai tùy cơ thuyết pháp nên sinh tranh luận.

Lại như A-nan vì Tam-ma-đề mà nói các thụ đều là khổ. Bấy giờ, Phật bảo các Tì-kheo rằng: Các ông xem A-nan hãy còn lơ mờ nghĩa ấy.

Lại có các luận sư bảo: A-la-hán nên thụ cúng dường trước. Có Tì-kheo không hiểu liền đến hỏi Phật. Phật bảo: Ở trong pháp ta, người xuất gia trước nên thụ

cúng dường. Việc ăn uống là thường mà còn không biết hướng chi ý Như Lai nói pháp vi diệu. Vì các lẽ nói trên, cho nên không nên tạo luận.

Đáp: Không phải vậy. Sở dĩ vì sao? Vì có nhân duyên nên có thể biết ý người khác, như trong kệ nói: Có thể biết ý người thuyết giả hướng về nơi nào, cũng biết thuyết giả muốn nói việc gì. Có 2 thứ đạo: Thánh đạo và Thế gian đạo. Vấn đề này sau sẽ nói rộng. Nhờ 2 đạo này nên được biết ý thuyết giả.

Lại nữa, trong Kinh Dị Luận Phật cũng vẫn cho tạo luận.

Lại như Ca-chiên-diên và các vị đại luận nghị, đã lĩnh hội được ý Phật, nên Phật đều khen ngợi.

Lại các Tì-kheo như Ưu-đà-di, Tì-kheo-ni Đàm-ma-trần-na đều muốn xin tạo luận Phật pháp. Phật nghe liền cho ngay. Bởi Phật pháp thâm diệu, ai hiểu thì tạo mà không hiểu thì thôi. Như vậy ngoài ra các câu hỏi, Phật là cội gốc các pháp đều lấy đây làm câu trả lời chung.

Lại nữa, cần nên tạo luận. Sở dĩ vì sao? Vì, nếu kinh mà có tạo luận thì ý nghĩa dễ hiểu, Pháp Bảo được tồn tại ở đời bền lâu.

Lại Phật đã cho tạo luận, như trong kinh nói: Phật bảo Tì-kheo tùy ý tạo luận nhưng nên khéo thụ trì. Cho nên trong Tu-đa-la lấy nghĩa mà lập luận, riêng gọi là Dị Bộ, cho nên phải tạo luận.

Lại như Phật vì các chúng sinh đáng độ nên nói các môn luận nghị thế gian, như bọn Sa-đề không hiểu nổi nên tâm họ mê loạn. Nghĩa là bọn Sa-đề Tì-kheo chủ

trương sinh tử vãng lai thường là một thức. Phật mới nói các pháp như vậy. Nếu không luận nghị làm sao giải thích được? Bởi các duyên nói trên, nên phải tạo luận.

Phẩm 14: Các môn luận

Luận có 2 môn: 1. Thế giới môn. 2. Đệ nhất nghĩa môn. Do thế giới môn nên nói có ngã. Như trong kinh nói: Ta thường tự đề phòng, làm thiện tự được thiện, làm ác tự được ác.

Lại trong kinh nói: Tâm thức là thường.

Lại nói: Trọn đêm tu tâm, chết được sinh lên cõi trên.

Lại nói: Tác giả khởi nghiệp, tác giả tự chịu.

Lại nói: Chúng sinh nào đó sinh về nơi nào đó v.v... Như vậy đều do thế giới môn mà nói.

Đệ nhất nghĩa môn, là đều nói Không, nói Vô. Như trong kinh nói: Trong 5 âm này không có ta và vật sở hữu của ta. Tâm như gió như ngọn lửa, sinh diệt từng mỗi niệm, tuy có các nghiệp và quả báo của nghiệp, nhưng tác giả và thụ giả đều bất khả đắc. Như Phật do nhân duyên 5 âm liên tục tiếp nối nên nói có sinh tử.

Lại có 2 thứ luận môn: 1. Thế tục môn. 2. Hiền thánh môn. Thế tục môn, là do thế tục nên nói thán hết. Kỳ thật thán không hết. Như bà mẹ Ma-già-la xưng với con dâu là mẹ nhưng kỳ thật không phải mẹ. Như trong kinh nói: Lưỡi có khả năng biết vị, nhưng đó là do thiệt thức biết vị chứ không phải cái lưỡi biết vị. Như nói

người giáo đâm là người bị khổ. Thực ra đây cũng là thức biết khổ, chứ không phải người thụ khổ. Như người bần tiện mà đặt tên là Phú Quý. Phật cũng tùy người mà gọi Phú Quý.

Lại Phật gọi ngoại đạo Bà-la-môn cũng gọi Sa-môn.

Lại như các dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, Phật cũng tùy tục gọi họ là tôn quý.

Lại như một đồ vật, tùy theo mỗi nước mà có tên gọi khác. Phật cũng tùy theo mà gọi.

Lại như Phật nói: Đây là lần chót ta thấy thành Tỳ-da-ly. Những lời nói như vậy đều tùy theo thế tục mà nói gọi là Thế tục môn.

Hiền thánh môn, là như trong kinh nói: Do nhân duyên sinh thức, mắt v.v... các căn giống như biển cả.

Lại như kinh nói: Chỉ có ấm, giới và nhập các duyên hòa hợp, chứ không có tác giả và thụ giả.

Lại nói tất cả khổ. Như trong kinh nói: Người đời nói vui, thánh nhân nói khổ. Trái lại thánh nhân nói khổ, người đời nói vui.

Lại có thuyết, nói không, vô tướng gọi là Hiền thánh môn. Và còn có Ba thời luận môn là nếu trong điều này nói là sắc, nếu sắc đã từng có, sẽ có, nay có, đều gọi là sắc. Thức cũng như vậy, nếu thức đã từng biết, sẽ biết, nay biết, đều gọi là thức. Các điều như trên, đều gọi là Ba thời luận môn.

Lại nữa, hoặc có luận môn, là nếu có xúc chắc chắn do 6 nhập, chứ không phải tất cả 6 nhập đều làm nhân cho

xúc. Nếu có ái chắc chắn do nơi thụ, không phải tất cả thụ đều làm nhân cho ái. Hoặc nói nhân đầy đủ, như xúc là nhân duyên cho thụ. Hoặc nói nhân không đầy đủ, như thụ làm nhân duyên cho ái mà không vô minh. Hoặc có dị thuyết, như trong kinh nói: Tâm hoan hỷ thì thân khoan khoái. Tam thiên không hỷ, thân cũng có khoan khoái.

Lại nói khoan khoái là thụ lạc. Tứ thiên có khoan khoái mà không có thụ lạc. Đó gọi là dị thuyết.

Lại có thông suốt và bế tắc 2 thứ luận môn. Như trong kinh nói: Nếu có người khởi hành đi đến tháp để cúng dường, giữa đường bị chết, liền được sinh lên trời. Đó gọi là thông suốt.

Lại kinh khác nói: Người gây nghịch tội không được sinh lên trời. Đó gọi là bế tắc.

Lại trong kinh nói: Người thụ các thứ dục không điều ác nào không gây. Đó gọi là thông suốt. Bạc Tu-đà-hoàn tuy còn thụ các thứ dục, mà không hay gây nghiệp nhân đọa ác đạo. Đó gọi là bế tắc.

Lại trong kinh nói: Do mắt duyên sắc mới sinh nhãn thức. Đó gọi là thông. Nếu vậy thì nên duyên tất cả sắc đều sinh nhãn thức, nhưng không phải vậy.

Lại trong kinh nói: Do tai duyên tiếng sinh nhĩ thức, mà không sinh nhãn thức. Đó gọi là tắc.

Lại nữa, đã nói thông, tắc đều có đạo lý không hoại pháp tướng.

Lại có 2 thứ luận môn: Một quyết định, hai không quyết định. Quyết định là như nói Phật bậc Nhất thiết trí.

Lời Phật nói ra gọi là chân diệu pháp. Chúng đệ tử của Phật gọi là người chính hạnh.

Lại nói tất cả pháp hữu vi v.v... đều vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt, Niết-bàn. Các pháp môn như thế thì gọi là quyết định. Không quyết định, là như nói ai chết cũng đều sinh. Thế là bất định; vì có ái thì sinh, hết ái thì diệt.

Lại trong kinh nói: Nếu được tâm định đều sinh thật trí. Đây cũng bất định, vì thánh nhân được định có thể sinh thật trí mà ngoại đạo được định thì không thể sinh trí.

Lại như kinh nói cầu gì đều được. Đây cũng bất định. Hoặc được hoặc không được. Như nói 6 nhập chắc chắn có thể sinh xúc, cũng là bất định. Hoặc khi có sinh hoặc khi không sinh. Các điều như thế gọi là Bất định môn.

Lại như hữu vi không phải luận môn. Như nói hoa thơm cỏ lạ không xông nghịch gió.

Lại nói hoa Câu-tì-la có thể nghịch gió nghe mùi, vì là hoa người nên nói nghịch gió không nghe, vì là hoa trời nên nói xông nghịch gió.

Lại nói có 3 sự cảm thụ là cảm thụ khổ, cảm thụ vui và cảm thụ không khổ không vui.

Lại các kinh khác nói có bao nhiêu cảm thụ đều là khổ. Có 3 thứ khổ là Khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ. Vì nghĩa này nên mới nói có bao nhiêu thụ tất cả đều khổ.

Lại nói khổ này có 3 thứ là mới, cũ, vừa. Thụ mới thì vui, lâu chán thì khổ, vừa thì không khổ không vui.

Lại nói vì người đã đắc đạo nên gọi là đạo nhân, người chưa đắc đạo cũng gọi là đạo nhân. Có những nhân nương nhau như vậy mà được tên gọi.

Lại còn có Cận luận môn, như Phật bảo Tì-kheo: Ông dứt hý luận thì được Nê-hoàn. Tuy chưa được liền, nhưng vì gần được nên cũng gọi là được.

Lại có Đồng tướng luận môn, như nói một việc mà các việc khác đồng nhau, đều gọi là đã nói.

Lại như Phật nói tâm là nhẹ nhàng tức là đã nói các tâm số pháp khác.

Lại có Tùng đa luận môn, như Phật nói: Nếu người không biết tướng sinh diệt của 2 thứ kiến chấp, người ấy còn gọi đều có tham dục, nếu ai biết được thì gọi được ly dục. Người Tu-đà-hoàn cũng biết tướng sinh diệt của 2 kiến mà còn tham dục, nhưng bởi là người biết được phần nhiều là người ly dục.

Lại nữa, có thứ luận môn trong nhân nói quả, như nói thí thực là cho 5 việc: Mạng sống, sắc đẹp, sức mạnh, niềm vui và biện tài. Kỳ thật không cho mạng sống v.v... 5 việc kia chỉ cho cái nhân.

Lại như nói ăn tiền. Tiền không thể ăn được, chỉ nhờ tiền mà được cái ăn, nên gọi là ăn tiền đó thôi.

Lại như kinh nói: Nữ nhân cầu ướ. Kỳ thật không phải cầu ướ, bởi tham đắm các cầu ướ phiền não, do đó mà gọi cầu ướ.

Lại nói 5 trần là dục, mà thật không phải dục; vì nó hay sinh dục, mới gọi nó là dục.

Lại nhân duyên vui, gọi là vui. Như nói lấy pháp tập hợp người, người này là vui.

Lại nhân duyên khổ, gọi đó là khổ, như nói ở chung với người ngu, gọi đó là khổ. Như nói quá khổ quá vui.

Lại nói mạng sống là nhờ vật mạng, như trong kệ nói: Của tư sinh đều là ngoại vật của mạng sống, như cướp vật của người, gọi là cướp mạng.

Lại nói lậu nhân gọi là lậu, như Kinh Thất Lậu nói: Trong đây 2 thứ là thật lậu, ngoài ra 5 thứ kia là nhân duyên cho lậu mà thôi.

Lại trong quả nói nhân, là như Phật nói: Ta phải chịu nghiệp đời trước. Nghĩa là lãnh lấy nghiệp quả. Như thế có rất nhiều luận môn đều cần phải biết hết.

Phẩm 15: Khen ngợi

Nên học luận này. Sở dĩ vì sao? Vì học tập luận này được pháp của người trí. Như trong kinh nói: Đời có 2 hạng người, một là người trí, hai là người ngu. Nếu không khéo phân biệt các pháp âm, giới, các thứ nhập, 12 nhân duyên và nhân quả gọi là người ngu. Nếu khéo phân biệt được các pháp âm, giới nhập thì gọi là người trí. Nay trong luận này chính là phân biệt giải rõ các pháp âm, giới, nhập, cho nên nhờ luận này nên không gọi là phàm phu.

Lại có 2 hạng người: một là phàm phu, hai là không phải phàm phu. Như nói tuy cạo râu tóc, mặc pháp phục, thụ oai nghi Phật, mà còn cách xa Phật pháp là vì không

thành tựu các căn như tín v.v... Nếu người có thể thành tựu các căn như tín v.v... tuy là cư sĩ tại gia mà không gọi là phạm phu. Như trong kinh nói: Có 4 hạng người. Có người vào Tăng oai nghi mà không vào Tăng số, có người ở trong Tăng số mà không có Tăng oai nghi, có người vào Tăng oai nghi và vào Tăng số, có người không có Tăng oai nghi, cũng không phải Tăng số. Hạng đầu gọi là xuất gia phạm phu, hạng tiếp theo gọi là tại gia thánh nhân, hạng thứ 3 gọi là xuất gia thánh nhân, hạng thứ tư gọi là tại gia phạm phu. Do đó mới biết lìa các căn tín v.v... thì không vào Tăng số. Cho nên phải vì các căn tín v.v... siêng tu tinh tiến. Muốn được tín v.v... các căn cần phải đối với Phật pháp nghe học lãnh thụ đọc tụng như thuyết tu hành. Cho nên cần phải học tập luận Phật pháp này.

Lại nữa, từ luận này được 2 thứ lợi là tự lợi, lợi tha. Như trong kinh nói: Có 4 hạng người là có người tự lợi không lợi tha, có người lợi tha không hay tự lợi, có người lợi cả hai, có người không lợi cả hai. Nếu có thể tự đầy đủ các công đức giới mà không thể làm cho người trụ trong giới, đều gọi là tự lợi. Như vậy 4 hạng, nếu người tuy có khả năng tự lợi lại làm cho người khác tu bố thí v.v... được quả báo lớn, cũng gọi là lợi tha. Trong đây ý Phật không nói lợi này. Nếu người chỉ vì người khác nói pháp thì gọi là lợi tha. Người ấy tuy không tự tùy pháp hành, nhưng vì người nói pháp nên mình cũng được lợi. Như trong kinh nói: Vì người nói pháp được 5 thứ lợi. Trong đây ý Phật cũng không nói lợi này. Trong này chỉ nói lợi đệ nhất cao tột, nghĩa là như thuyết tu hành sẽ được hết các thứ lậu. Cho nên nói pháp có thể làm lợi cho người

khác. Vì là gồm lợi, nên gọi là hơn cả trong mọi người, như vị đề hồ so với các vị khác.

Lại nữa, người này đang ở chỗ sáng, sau cũng vào chỗ sáng. Chúng sinh trong thế gian, phần nhiều từ chỗ tối, vào chỗ tối. Nếu tu chút ít Phật pháp, người này cũng có thể từ tối vào sáng. Sở dĩ vì sao? Vì tu bố thí được lợi không bằng lợi nghe Phật pháp. Nếu được nghe chút ít lời Phật nói có thể được đạt tuệ, phá các suy não, được lợi ích vô lượng. Như trong kinh nói: Có 4 hạng người, có người từ tối vào tối; có người từ tối vào sáng; có người từ sáng vào sáng; có người từ sáng vào tối.

Lại có 4 hạng người, có người thuận dòng; có người nghịch dòng; có người trụ giữa dòng; và có người được qua khỏi dòng. Nếu người nhất tâm nghe Phật pháp, người ấy liền trừ được 5 thứ ngăn che, tu 7 thứ giác ý. Cho nên người này ngăn được dòng sinh tử, gọi là nghịch dòng, cũng gọi là trụ, cũng được gọi là qua khỏi dòng.

Lại có 4 hạng người, có người chìm luôn, có người tạm ngoi đầu lên rồi chìm lại, có người được ngoi lên xem, và có người được vượt qua. Nếu không thể sinh các công đức tùy thuận Nê-hoàn như tín v.v... thì gọi là chìm luôn. Hoặc sinh các công đức thế gian như tín v.v... mà không thể bền chắc, vừa sinh liền lại lui mất, gọi là tạm ngoi lên liền chìm, sinh khởi các công đức tùy thuận Nê-hoàn như tín v.v... và phân biệt thiện ác, gọi là ngoi đầu lên xem, và đầy đủ tu tập các công đức tùy thuận Nê-hoàn như tín v.v... thì gọi là người được vượt qua. Nếu người có thể hiểu chính nghĩa Phật pháp, hoàn toàn không chìm mất, giả sử có tạm thời thoái lui cũng không

mất vĩnh viễn, là vì người này gọi là người tu công đức. Nếu người không tu thân giới tâm tuệ dù làm ác nghiệp ít cũng bị đọa ác đạo. Nếu người có tu tập thân giới tâm tuệ, dầu gây nhiều ác, vẫn không vào ác đạo. Người tu thân, nhờ văn tuệ mà tu thân thụ tâm pháp. Vì tu thân nên dần dần có thể sinh các phẩm giới, định, tuệ, có thể diệt các nghiệp. Vì các nghiệp diệt nên sinh tử cũng diệt theo.

Lại như trong kinh nói có 4 hạng người: Có hạng kết sử nhảy bén mà không sâu. Có hạng sâu mà không nhảy bén. Có hạng cũng sâu cũng nhảy bén và có hạng không sâu không nhảy bén. Hạng đầu tiên gọi là có tầng thượng kết, vì thường thường đến. Hạng kế gọi là duyên trung kết, thường đến ở tại tâm. Hạng 3 gọi là như tầng thượng kết, thường đến ở tại tâm. Hạng 4 gọi là như duyên trung kết thỉnh thoảng mới đến.

Nếu người được nghe chính luận Phật pháp, thì dứt được 2 thứ kết sâu mà nhảy bén và hiểu rõ chính nghĩa Phật pháp thì không những không nào hại mình mà cũng không nào hại người khác nữa. Ngoại đạo giữ giới tức là tự nào hại thân, nếu lạc vào tà kiến tức hại người khác nữa, vì cho rằng không có tội phúc nghiệp nhân quả báo gì cả. Nếu tu bố thí thì cũng hại mình hại người, như trong các miếu thờ trời, sát hại biết bao nhiêu bò dê. Nếu hiểu được nghĩa Phật pháp thì được lợi ích là không hại mình và không hại người khác, như người được thiên định tu hạnh từ bi. Cho nên cần phải học tập luận Phật pháp này.

Lại như người học luận này, là có thể cùng trao đổi, vì đã hiểu đúng nghĩa. Như trong kinh nói: Nếu

khi luận nghị, cần phân biệt là nên cùng nghị luận hay không nên cùng nghị luận. Nếu người không trụ trong pháp của người trí, không trụ trong xứ phi xứ, hoặc không trụ trong phân biệt và không trụ trong đạo thì những người ấy đều gọi không nên cùng nghị luận. Nếu trái lại các thứ trên gọi là có thể cùng nghị luận. Không trụ trong pháp của người trí, là luận giả lấy chính trí tuệ khéo giải nghĩa thú, nhiên hậu mới chấp dụng. Người ấy không biết thì không chấp. Như các phái Ni-kiền từ tự nói: Thầy ta là người đáng tin. Nhưng đó chỉ theo lời nói suông mà thôi. Không trụ xứ phi xứ, là không trụ trong dụng nhân. Các ngoại đạo đối với 2 thứ nhân là nhân chung và nhân khác. Nếu có người hỏi nhân chung, thì họ lấy nhân khác đáp. Hoặc có người hỏi nhân khác, thì lại lấy nhân chung đáp. Thế là không trụ trong 2 thứ nhân như vậy. Không trụ trong phân biệt, là không trụ trong thí dụ. Không trụ trong đạo là không trụ đạo luận nghị. Như nói luận giả đừng thốt ra lời thô ác, đừng bỏ nghĩa tông, chỉ nên nói lời phương tiện thiệt lợi khuyến dụ khiến người tỏ ngộ tự tâm vui mừng gọi là Thánh ngữ pháp. Trong đây nếu luận giả là người hiểu biết chính nghĩa Phật pháp mới nên cùng luận, ngoài ra đều không phải.

Lại có người không nên cùng nghị luận. Có lỗi nên dùng quyết định để đáp câu hỏi thì lấy bất định đáp, nên dùng phân biệt đáp câu hỏi thì lấy bất phân biệt đáp, nên chất vấn lại để đáp câu hỏi thì không chất vấn lại mà đáp, nên bỏ không đáp câu hỏi mà đáp chứ không bỏ. Trái lại với các thứ trên thì gọi là nên cùng nghị luận.

Nên định đáp câu hỏi, là duy có một nhân. Như Phật Thế Tôn người đời không sánh bằng. Cứ như đây mà suy rộng ra.

Nên phân biệt đáp câu hỏi, là lại có các nhân duyên như chết rồi lại nối tiếp nhau.

Nên chất vấn lại đáp câu hỏi, là như có người hỏi mình, mình hỏi lại bắt người ấy đáp.

Nên bỏ không đáp câu hỏi, là như pháp không có thật thể, chỉ có giả danh. Nếu hỏi pháp này là một hay là khác, là thường hay là vô thường v.v..., đó là nghĩa không đáp, vì duy có người nào hiểu Phật pháp mới có thể biết được. Cho nên phải cần học tập luận Phật pháp này.

Lại có 3 hạng người: chính định, tà định và bất định. Người chính định quyết vào Nê-hoàn, người tà định quyết không vào Nê-hoàn, ngoài ra gọi là bất định. Nếu người có thể hiểu nghĩa Phật pháp, thì quyết vào chính định.

Lại có 4 hạng người: thuần tội, nhiều tội, ít tội và không tội. Thuần tội là như người chỉ có bất thiện mà không có một pháp thiện, nhiều tội là nhiều ác ít thiện, ít tội là nhiều thiện ít ác, và không tội là chỉ có thiện pháp mà không có bất thiện. Nếu người nào có thể hiểu chính nghĩa Phật pháp quyết được vào 2 hạng ít tội và không tội.

Lại nữa, nếu người hiểu nghĩa Phật pháp thì chịu khổ có hạn, vì quyết sẽ được đến Niết-bàn.

Phẩm 16: Bốn pháp

Lại nữa, nếu học tập luận này được thượng nhiếp pháp. Như trong kinh nói: Có 4 nhiếp pháp là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng lợi. Bố thí là áo cơm các vật, đem các vật này bố thí để thân nhiếp chúng sinh, nhưng vẫn bại hoại. Ái ngữ là tùy theo ý mà nói, mà cũng có lỗi vì thù lầy ý người kia. Lợi hành là mình cầu lợi vì người khác, như có cơ hội giúp người thành sự, cũng bị hư hoại. Đồng lợi là như đi chung một thuyền, buồn vui cùng nhau, cũng hoặc có khi hoại. Nếu người đem pháp mà bố thí, mà ái ngữ, mà lợi hành và đồng lợi để nhiếp hóa chúng sinh thì không thể hư hoại, vì đem pháp mà nhiếp hóa là học tập luận này.

Lại nữa, học tập luận này sẽ được chỗ y chỉ cao. Như trong kinh nói: Y theo pháp không y theo người. Có người tuy nói: Tôi theo Phật nghe pháp, hoặc theo Tì-kheo nhiều tri thức mà nghe, hoặc theo nghe hai ba Tì-kheo, hoặc nghe trong đại chúng, hoặc ở bên các Đại đức tôn túc mà được nghe. Không nên tin những người này mà liền lãnh thụ những lời nói của họ. Nếu lời nói của họ ăn nhập trong Tu-đa-la, không trái pháp tướng, tùy thuận Tì-ni nhiên hậu mới nên lãnh thụ. Nói ăn nhập trong Tu-đa-la là đúng vào trong liễu nghĩa khế kinh. Liễu nghĩa khế kinh là nghĩa lý không trái với pháp tướng. Pháp tướng là tùy thuận Tì-ni. Tì-ni gọi là Diệt. Như quán pháp hữu vi là Thường, là Lạc, là Ngã, là Tịnh thì không diệt được tham sân si v.v... Nếu quán pháp hữu vi là vô thường, khổ, không vô ngã thì diệt được tham v.v.... Biết

được vô thường v.v... gọi là biết pháp tướng. Cho nên y pháp không nên y người. Như nói y pháp thì đã gồm hết tất cả pháp. Cho nên tiếp theo nói y kinh liễu nghĩa chứ không y kinh không liễu nghĩa. Kinh liễu nghĩa tức là đệ tam y nghĩa là y nơi nghĩa, không y nơi lời nói. Nếu lời nghĩa này ăn nhập trong Tu-đa-la, không trái với pháp tướng, tùy thuận Tì-ni, ấy là y chỉ. Y trí bất y thức, nói thức là biết sắc v.v... các pháp. Như trong kinh nói: Có thể biết nên thức trí là thông đạt thật pháp. Như trong kinh nói: Như thật biết sắc, thụ, tưởng, hành và thức cho nên nói là trí. Như thật tức là không. Cho nên thức có chỗ sở đắc, vì thế không nên y. Nếu y nơi trí, tức là y nơi không. Muốn thông đạt pháp thượng y chỉ đây, nên cần phải học tập luận này.

Lại như trong kinh nói: Trời, người có 4 điều có thể tăng trưởng thiện pháp: 1. Ở chỗ thiện. 2. Y người thiện. 3. Tự phát chính nguyện. 4. Đòi trước đã trồng thiện căn. Ở chỗ thiện là ở giữa nước, được xa lia 5 nạn. Y người thiện là sinh được gặp Phật ra đời. Đòi trước đã trồng thiện căn là không bị điếc, câm và các tật khác. Tự phát chính nguyện là chính kiến. Nhờ theo học nghe Phật pháp mà sinh chính kiến. Cho nên cần phải học tập chính luận Phật pháp này.

Lại nữa, người nào tụng tập luận này, trong tuổi thọ được lợi ích lớn và kiên cố. Như trong kinh nói: Có 4 kiên pháp: Thuyết kiên, định kiên, kiến kiên, giải thoát kiên. Thuyết kiên là như nói tất cả pháp hữu vi đều là vô thường, khổ, tất cả vô ngã, tịch diệt Nê-hoàn thì gọi là thuyết kiên, đây là văn tuệ đầy đủ. Nhờ đây mà được định, đây là tư tuệ đầy đủ.

Lại nhờ định này mới quán pháp hữu vi là vô thường, khổ v.v... mới được chính kiến, gọi là tu tuệ đầy đủ. Được quả của 3 tuệ thì gọi là giải thoát kiên.

Lại như được học nghe chính luận Phật pháp thì được lợi lớn. Như trong kinh nói 4 pháp lợi ích lớn là gần gũi người thiện, lắng nghe chính pháp, tự chính nghĩ nhớ, tùy thuận pháp hành. Nếu gần người thiện thì được nghe chính pháp, vì chính pháp ấy ở nơi người thiện. Nghe chính pháp rồi thì sinh chính niệm. Đem vô thường v.v... chính quán các pháp. Nhờ chính quán này, có thể tùy pháp hành, tức được kiến giải vô lậu.

Lại được nghe luận này thì đủ 4 thứ đức xú là tuệ đức xú, thật đức xú, xả đức xú, tịch diệt đức xú. Nghe pháp sinh tuệ là tuệ đức xú. Nhờ trí tuệ này thấy được chân đế không, là thật đức xú. Vì thấy chân không, nên được lìa phiền não là xả đức xú. Vì hết phiền não tâm được tịch diệt là tịch diệt đức xú.

Lại nữa người được nghe chính luận Phật pháp thì trông được 4 thứ thiện căn tùy thuận Nê-hoàn đó là noãn pháp, đánh pháp, nhẫn pháp, và thế gian đệ nhất pháp. Vì khi đem vô thường v.v... các hạnh quán 5 ấm sinh tùy thuận Nê-hoàn là hạ noãn thiện căn, có thể khiến tâm nóng nên gọi là noãn pháp. Noãn pháp tăng trưởng thành trung thiện căn gọi là đánh pháp. Đánh pháp tăng trưởng thành thượng thiện căn gọi là nhẫn pháp. Nhẫn pháp tăng trưởng thành thượng thượng thiện căn gọi là thế gian đệ nhất pháp.

Lại có 4 thứ thiện căn là thoái phần, trụ phần, tăng phần và đạt phần. Lìa các thiện định mà lễ kính đọc tụng,

các thiện căn này gọi là thoái phần. Được các thiện căn thiên định, gọi là trụ phần. Từ nghe nghĩ v.v... sinh các thiện căn gọi là tăng phần. Vô-lậu thiện căn, gọi là đạt phần. Nếu được nghe Phật pháp thì hẳn lia thoái phần được 3 phần thiện căn sau.

Phẩm 17: Bốn đế

Nếu người được nghe nghĩa Phật pháp thì có thể biết phân biệt rõ 4 đế là khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Khổ đế là 3 cõi. Cõi Dục là từ địa ngục A-tì đến cõi Tha Hóa Tự Tại. Cõi Sắc là từ cõi Phạm Thế đến cõi trời A-ca-ni-tra. Cõi Vô sắc là 4 Vô sắc.

Lại có 4 sắc xứ là sắc, thụ, tưởng, hành. Các ngoại đạo hoặc cho thức nương nơi Thần mà tồn tại. Do đó nên Phật nói thức nương 4 chỗ này.

Lại có 4 loài sinh là loài sinh trứng, sinh thai, sinh do ẩm ướt, sinh do biến hóa. Tất cả trời và địa ngục là hóa sinh. Ngạ quỷ thuộc 2 thứ là thai sinh và hóa sinh. Ngoài ra gồm đủ 4.

Lại có 4 cách ăn gọi là đoàn thực, xúc thực, ý tư thực, thức thực. Đoàn thực là hoặc thô hoặc tế, như cơm v.v... là thô, dầu mỡ hương khí và các thứ uống là tế. Xúc thực là lạnh, nóng, gió v.v.... Ý tư thực là hoặc có người nhờ nghĩ muốn mà mạng được sống. Thức thực là thân trung ấm và địa ngục, vì các chúng sinh này không có thân sắc chất; những người vào diệt tận định, tuy không hiện thức, mà thức vẫn tồn tại nên cũng gọi là thức thực.

Lại có 6 đạo. Thượng tội là địa-ngục. Trung tội là súc sinh. Hạ tội là ngạ quỉ. Thượng thiện là thiên đạo; trung thiện là nhân đạo, hạ thiện là A-tu-la đạo.

Lại có 6 thứ, là địa, thủy, hỏa, phong, không và thức. Bốn đại bao vây nhau trống không, có thức nương ở trong đó, thường gọi là người.

Lại có 6 xúc nhập, là mắt v.v... 6 căn cùng với thức hòa hợp, gọi là xúc nhập.

Lại có 7 chỗ của thức. Trong đó vì sức điên đảo nên thức ham thích trụ ở đó.

Lại thế gian có 8 pháp là lợi, suy, xung, cơ, hủy, dự, khổ và lạc. Người thế gian chắc chắn phải chịu các điều này nên gọi là thế pháp. Còn có 9 chỗ chúng sinh ở. Chúng sinh đều bởi sức điên đảo cho nên có thể ở nơi đây.

Lại có 5 thứ để phân biệt các pháp, là 5 âm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên và 22 căn. Năm âm là nhãn sắc là sắc âm. Nương đây sinh thức có thể thủ tiền sắc gọi là thức âm. Ngay khi tâm sinh nghĩ tưởng nam, nữ người oán người thân đều gọi là tưởng âm. Nếu phân biệt biết oán thân hay người không phải oán thân, rồi sinh 3 thứ thụ gọi là thụ âm. Trong 3 thứ thụ này sinh 3 thứ phiền não gọi là hành âm. Bởi điều này mà sinh 3 thứ phiền não gọi là hành âm. Bởi điều này mà sinh khởi nhân duyên thụ thân gọi là 5 thụ âm. Do 4 duyên thức mới được sinh, là nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên và tăng thượng duyên. Lấy nghiệp làm nhân duyên, thức là thứ đệ duyên. Do thức thứ lớp sinh thức nên sắc là duyên duyên, nhãn là tăng thượng duyên. Trong đây thức do 2 nhân duyên sinh, như nhãn sắc

cho đến ý pháp gọi là 12 nhập. Trong đây thêm thức gọi là 18 giới, nghĩa là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới v.v...

Âm này và các pháp làm sao sinh được?

Ở trong 12 nên gọi là 12 nhân duyên. Trong đây vô minh là phiền não, hành là nghiệp. Nhân 2 điều này thứ lớp sinh thức, danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ, ái, thủ, 2 pháp gọi là phiền não. Còn hữu gọi là nghiệp. Lúc ban đầu lãnh thụ thân thức trong đời vị lai, gọi đó là sinh, ngoài ra gọi là lão tử. Mười hai nhân duyên này hiển thị có quá khứ vị lai và hiện tại. Nhưng vì các duyên nương nhau sinh khởi nên không có ngã.

Lại vì sinh tử vãng lai hoàn diệt nên nói có 22 căn. Tất cả chúng sinh, khi ban đầu thụ thân lấy thức làm gốc. Thức này có 6 thứ. Từ nhãn v.v... sinh nên gọi là 6 căn, như nhãn căn cho đến ý căn. Có thể sinh 6 thức nên gọi là 6 căn. Có thể phân biệt tướng nam nữ nên gọi là nam căn nữ căn. Có người cho đó là phần ít của thân căn. Sáu căn này hoặc gọi là 6 nhập. Do 6 thứ này sinh 6 thứ thức nên gọi là thọ mạng. Sở dĩ vì sao? Là 6 nhập, 6 thức này được liên tục sinh nên gọi là thọ mạng. Dứt sự liên tục này gọi là chết. Cho nên Điều này gọi đó là thọ mạng.

Trong đây những gì làm căn? Đó gọi là nghiệp. Vì do nghiệp nên 6 nhập 6 thức mới được liên tục sinh. Ở trong thọ mạng này nghiệp gọi là mạng căn. Nghiệp này từ các thứ lãnh thụ sinh. Các thứ thụ tức là lạc v.v... 5 căn. Do 5 căn này sinh tham ái v.v... tất cả phiền não và thân, khẩu nghiệp. Nghiệp nhân duyên này lại chịu lấy sinh tử, ấy là pháp cấu uế, có thể khiến nhân duyên sinh tử nối nhau.

Vậy lấy nhân duyên gì có thể sinh tịnh pháp?

Chắc chắn phải do tín v.v.... Tín v.v... 4 pháp nhân duyên thành tuệ. Tuệ có 3 là chưa biết, muốn biết, đã biết. Như khi tu tập hay ra làm việc gì, căn này đều là sai biệt của trí tuệ. Phật lấy sinh tử, vãng lai, hoàn diệt, cấu tịnh nên nói có 22 căn. Các pháp như vậy đều thuộc về khổ đế. Người nào có thể biết đây thì gọi khéo biết khổ đế.

Tập đế là nghiệp và phiền não. Về nghiệp, sẽ nói trong Phẩm nghiệp. Phiền não cũng sẽ nói trong Phẩm phiền não. Các nghiệp phiền não là nhân duyên của thân sau, nên gọi là tập đế.

Diệt đế là cũng sẽ nói rộng hơn trong nhóm diệt đế, là giả danh tâm, pháp tâm, không tâm. Diệt 3 thứ tâm này nên gọi là diệt đế.

Đạo đế là 37 phẩm trợ Bồ-đề pháp, là 4 niệm xứ, 4 chính cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 Bồ-đề phần, và 8 Thánh đạo phần.

Bốn niệm xứ, là thân, thụ, tâm, pháp. Trong chính an niệm và từ niệm sinh tuệ, quán thân vô thường v.v... rồi an trụ trong cảnh duyên, gọi là thân niệm xứ. Do niệm và tuệ này lần lượt tăng thêm có thể phân biệt để lãnh thụ, gọi là thụ niệm xứ. Và càng tăng thêm tâm thanh tịnh có thể phân biệt, gọi là tâm niệm xứ. Có thể đem chính hành phân biệt các pháp, gọi là pháp niệm xứ.

Bốn chính cần, là nếu ác pháp bất thiện đã sinh, thấy có tội lỗi, vì để dứt trừ nên mới sinh muốn siêng có thể tinh tiến. Đoạn phương tiện gọi là tri kiến. Do ác pháp bất thiện chưa sinh. Vì để không sinh nên mới sinh muốn

siêng năng tinh tiến. Để không sinh phương tiện tức là tri kiến. Do thiện pháp chưa sinh, vì muốn sinh mới sinh siêng năng tinh tiến. Sinh phương tiện tức là tri kiến. Do thiện pháp đã sinh, vì để tăng trưởng nên muốn siêng năng tinh tiến. Vì 3 lực thượng, trung, hạ phương tiện thứ lớp và bất thoái chuyển.

Bốn như ý tức, là muốn thành tựu diệu hạnh Tam-muội, nên tu như ý phần. Vì muốn sinh Tam-muội, gọi là dục Tam-muội. Muốn tinh tiến, tín, hỷ, ức niệm, an tuệ, tư, xả, hết v.v... các diệu pháp này cộng thành, gọi là diệu hạnh thành tựu. Công đức tăng trưởng nên gọi là như ý tức. Vì muốn tăng trưởng nên gọi là tinh tiến. Đó gọi là thứ 2. Có hành giả muốn có tinh tiến nên mới tu tập định tuệ. Được tâm Tam-muội, tức là định. Tư duy Tam-muội tức gọi là tuệ.

Năm căn, là nghe pháp sinh lòng tin, gọi là tín căn. Tin rồi vì muốn dứt cấu pháp để chứng tịnh pháp nên mới siêng năng phát khởi tinh tiến, gọi là tinh tiến căn. Tu 4 niệm xứ, gọi là niệm căn. Nhờ niệm căn thành Tam-muội, gọi là định căn. Nhờ định sinh tuệ, gọi là tuệ căn. Năm căn này tăng trưởng có sức mạnh, gọi là 5 lực.

Tám thánh đạo phần, là từ nghe sinh tuệ có thể tin 5 âm là vô thường, khổ v.v... gọi là chính kiến. Tuệ này hoặc từ suy nghĩ mà sinh, gọi là chính tư duy. Do chính tư duy dứt các pháp bất thiện, tu tập các thiện pháp, phát sinh hạnh tinh tiến, gọi là chính tinh tiến. Từ đây mới lần lượt đi xuất gia, thụ giới được 3 thứ đạo phần là chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng. Nhờ chính giới

này làm thành niệm xứ và các thứ thiền định. Nhân nhờ niệm định này được trí như thật gọi là 8 Thánh đạo phần. Theo thứ lớp là như vậy. Và trong 8 Thánh đạo phần, giới phải đứng đầu. Sở dĩ vì sao? Vì nghĩa trong phẩm giới định tuệ là thứ lớp như vậy. Chính niệm, chính định, gọi là định phẩm. Tinh tiến thường đi khắp tất cả chỗ. Tuệ phẩm là cận đạo nên sẽ nói sau. Tuệ này có 2 thứ, hoặc thô hoặc diệu. Thô là văn tuệ tư tuệ, gọi là chính tư duy. Diệu là tu tuệ tức là vào trong các pháp noãn đảnh. Có thể phá giả danh và pháp 5 ám, gọi là chính kiến. Do chính kiến này mà thấy 5 ám diệt, gọi là sơ nhập đạo. Từ đây tiếp được 7 pháp Bồ-đề phần. Niệm Bồ-đề phần là người học nếu mất niệm thì khởi phiền não nên phải buộc niệm ở chỗ thiện. Mà buộc được niệm thì trước tiên là được chính kiến, đó gọi là trạch pháp. Không bỏ trạch pháp gọi là tinh tiến. Lúc tu tinh tiến, phiền não giảm thiểu, tâm sinh vui mừng, nên gọi là hỷ. Vì tâm vui nên thân được khoan khoái, nên gọi là sáng khoái. Thân sáng khoái được vui, vui thì tâm định. Định này khó được nên gọi là Kim cương định. Được quả không chấp đắm, dứt buồn vui v.v..., thì gọi là xả. Đây gọi là thượng hành, không chìm đắm, không bộc phát, tâm được bình đẳng nên gọi là xả. Bồ-đề gọi là vô học trí. Tu 7 pháp này có thể được Bồ-đề, gọi là Bồ-đề phần.

Tu 37 phẩm này được 4 quả Sa-môn. Quả Tu-đà-hoàn là thông đạt được pháp không. Do không trí này có thể dứt 3 kết sử. Quả Tu-đà-hàm là cũng tu đạo này được làm mỏng phần phiền não trong cõi Dục, chỉ còn 2 lần sinh tử nữa là xong. Quả A-na-hàm là có thể dứt tất cả

phiền não của cõi Dục. Quả A-la-hán là dứt tất cả phiền não. Nếu ai tu tập được chính luận Phật pháp này thì có thể thông đạt 4 đế, được 4 quả Sa-môn. Cho nên cần phải tu tập chính luận Phật pháp này.

Phẩm 18: Các nhóm pháp

Lại nữa người học tập luận này thì thông đạt được các nhóm các pháp khả tri. Vì thông đạt nên tà luận của ngoại đạo không thể tấn công được, và cũng có thể mau diệt được phiền não, tự mình lìa khổ và cũng cứu độ được người khác. Các nhóm các pháp khả tri là pháp tri, pháp khả thức, gồm: Pháp sắc, pháp vô sắc. Pháp thấy được, pháp không thấy được. Pháp có đối, pháp không đối. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp tâm, pháp phi tâm. Pháp tâm số, pháp phi tâm số. Pháp tâm tương ưng, pháp tâm không tương ưng. Pháp tâm cộng hữu, pháp tâm không cộng hữu. Pháp tùy tâm hành, pháp không tùy tâm hành. Pháp bên trong, pháp bên ngoài. Pháp thô, pháp tế. Pháp trên, pháp dưới. Pháp gần, pháp xa. Pháp thụ, pháp phi thụ. Pháp xuất, pháp phi xuất. Pháp chung với phàm phu, pháp không chung với phàm phu. Pháp theo thứ tự, pháp không theo thứ tự. Pháp có thứ tự, pháp không có thứ tự. Các pháp như vậy là đi từng đôi 2 pháp.

Lại có pháp đi theo bộ 3 như: Pháp sắc, pháp tâm, pháp tâm không tương ưng. Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại. Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký.

Pháp học, pháp vô học, pháp phi vô học. Pháp kiến đế đoạn, pháp tư duy đoạn, pháp vô đoạn. Các pháp như vậy là đi theo bộ 3.

Lại có các pháp đi theo bộ 4 như: Pháp buộc cõi Dục, pháp buộc cõi sắc, pháp buộc cõi vô sắc, pháp không buộc.

Lại có 4 đạo là khổ khó tu đạo, khổ dễ tu đạo, vui khó tu đạo, vui dễ tu đạo.

Lại có 4 ý vị là xuất vị, ly vị, tịch diệt vị, chính trí vị.

Lại có 4 chứng pháp là tâm chứng pháp, niệm chứng pháp, nhãn chứng pháp, tuệ chứng pháp và 4 thụ thân, 4 nhập thai, 4 duyên, 4 tin. 4 thánh chủng. 4 ác hành. Như vậy v.v... là loại 4 pháp. 5 âm. 6 chủng. 6 nội nhập. 6 ngoại nhập, 6 sinh tính. 6 hỷ hành. 6 ưu hành. 6 xả hành. 6 diệu hành. 7 tịnh. 8 phúc sinh. 9 thứ tự diệt. 10 thánh xứ. 12 nhân duyên.

Các nhóm các pháp khả tri như vậy nhiều vô lượng vô biên không thể nói hết. Nên tôi nay chỉ lược nêu cương yếu mà thôi. Pháp khả tri là đệ nhất nghĩa đế. Pháp khả thức là thế đế. Pháp sắc là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Pháp vô sắc là tâm và vô tác pháp. Pháp có thể thấy là sắc nhập. Pháp có đối là sắc pháp. Pháp hữu lậu là nếu pháp ấy có thể sinh các thứ lậu, như phi A-la-hán tâm trong pháp giả danh. Pháp hữu vi là do các duyên sinh khởi, tức là 5 âm. Pháp vô vi là diệt sạch 5 âm. Pháp tâm là có thể duyên. Pháp tâm số là nếu thức được cảnh duyên tức thì thứ tự sinh tướng v.v... Pháp tâm tương ưng là thức được cảnh duyên thứ tự ắt sinh khởi, như tướng v.v...

Pháp tâm cộng hữu là pháp và tâm đôi bên có chung, như sắc và tâm không tương ưng hành. Pháp tùy tâm hành là nếu pháp có tâm thì sinh, không tâm thì không sinh, như thân, khẩu vô tác nghiệp. Pháp bên trong là 6 thứ nhập bên trong của thân thể. Pháp thô tế là đối đãi với nhau mà có, như quán 5 dục sắc định là tế, quán vô sắc định thì sắc định là thô. Pháp trên dưới cũng như vậy. Pháp gần xa là hoặc phương khác cho nên xa, hoặc không tương tự nên xa. Pháp thụ là từ thân sinh ra pháp. Pháp xuất là pháp thiện. Pháp chung với phàm phu là pháp hữu lậu. Pháp thứ tự là từ cái khác mà thứ tự sinh ra. Pháp có thứ tự là có thể sinh thứ tự. Pháp sắc là sắc v.v... 5 pháp. Pháp tâm là như trước đã nói. Pháp tâm không tương ưng hành là vô tác nghiệp. Pháp quá khứ là pháp đã diệt rồi. Pháp vị lai là pháp sẽ sinh. Pháp thiện là pháp làm lợi ích các chúng sinh và chân thật trí. Trái với pháp trên đây là pháp bất thiện. Trái với cả 2 điều trên là pháp vô ký. Pháp học là pháp người học tâm vô lậu. Pháp vô học là pháp đệ nhất nghĩa tâm của người vô học. Ngoài ra gọi là phi học phi vô học. Pháp kiến đế đoạn, là pháp Tu-đà-hoàn đoạn được hiện tướng ngã mạn và từ đây sinh ra. Pháp tư duy đoạn, là pháp Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm đoạn được ngã mạn không hiện tướng và từ đây sinh ra. Pháp không đoạn là vô lậu. Pháp hệ thuộc cõi Dục là nếu pháp đem lại quả báo địa ngục A-tì cho đến trời Tha Hóa Tự Tại. Pháp hệ thuộc cõi Sắc là từ cõi Phạm Thế cho đến cõi trời A-ca-ni-tra. Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc là 4 cõi Vô sắc. Pháp không hệ thuộc là pháp vô lậu. Khổ khó tu đạo là người độn căn được định đề tu đạo. Khổ dễ tu đạo

là người lợi căn được định đề tu đạo. Vui khó tu đạo là người độn căn được tuệ đề tu đạo. Vui dễ tu đạo là người lợi căn được tuệ tu đạo. Xuất vị là xuất gia cầu đạo. Ly vị là thân tâm xa lìa. Tịch diệt vị là được thiên định. Chính trí vị là thông đạt 4 đế. Pháp niệm chứng là 4 niệm xứ. Nhờ niệm xứ này nên có thể sinh 4 thứ thiên, gọi là thân chứng. Thông đạt 4 đế, gọi là tuệ chứng.

Bốn thân chịu là có người tự hại mình mà người khác không hại được, có người bị người khác hại mà mình không tự hại, có người tự hại, người khác cũng hại mình được, có người không hại, người khác cũng không hại được.

Bốn nhập thai, là người không tự niệm vào thai, cũng không tự niệm trụ thai, xuất thai. Có người tự niệm vào thai trụ thai mà không tự niệm xuất. Có người tự niệm vào thai, trụ thai, xuất thai. Vì tâm điên đảo tán loạn nên không tự niệm nhớ. Tâm minh chính không loạn nên có thể tự niệm nhớ.

Bốn duyên, là nhân duyên, sinh duyên, tập nhân, và y nhân. Sinh nhân là nếu pháp khi sinh có thể cùng làm nhân cho cái khác, như nghiệp làm nhân cho quả báo. Tập nhân là như tập luyện tham dục thì tham dục ngày càng tăng trưởng. Y nhân là như tâm và tâm số pháp nương sắc hương v.v... gọi là nhân duyên.

Thứ đệ duyên là như tiền tâm pháp diệt nên hậu tâm mới được thứ lớp sinh.

Duyên duyên là như từ duyên sinh pháp, như sắc có thể sinh nhãn thức.

Tăng thượng duyên là các pháp duyên khác giúp cho pháp ấy khi sinh.

Bốn tín, là tin Phật là bậc chân trí. Đối với Phật quyết định sinh tâm thanh tịnh, vì trí Phật đối với chúng sinh là cao cả. Tin chân trí này tức là tin Pháp. Người được trí này đối với tất cả chúng sinh rất là đệ nhất, gọi là tín Tăng. Được giới thánh sở ái, tức là đem tâm tâm không gây các ác nghiệp, tự biết mình nhờ giới này có thể tín Tam Bảo, vì tin sức mạnh của giới nên gọi là tín giới.

Bốn Thánh chủng, là nhờ 4 thứ Thánh chủng này nên không bị ưa muốn áo mặc làm ô nhiễm, không bị những ưa muốn uống ăn, chỗ nằm cho thân làm ô nhiễm nên gọi là 4 Thánh chủng.

Bốn ác hành là vì tham nên sân, nên khiếp sợ nên si, nên bị đọa trong ác đạo.

Năm âm, gồm sắc âm là sắc v.v... 5 pháp. Thụ âm là pháp có thể duyên. Tướng âm là pháp có thể phân biệt giả danh. Hành âm là pháp có thể sinh thân sau. Thức âm là duy chỉ có thể biết trần pháp.

Sáu chủng gồm địa chủng, là sắc, hương, vị và xúc hòa hợp. Tướng cứng nhiều gọi là địa chủng. Tướng ẩm ướt nhiều gọi là thủy chủng. Tướng nóng nhiều gọi là hỏa chủng. Tướng nhẹ nhiều gọi là phong chủng. Không có sắc tướng gọi là không chủng. Có thể duyên pháp, nên gọi là thức chủng.

Sáu nội nhập, gồm nhãn nhập là 4 đại hòa hợp làm chỗ nương cho nhãn thức gọi là nhãn nhập. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập cũng như vậy. Ý nhập là tâm.

Sáu ngoại nhập, gồm sắc nhập là cảnh bị duyên của nhãn thức vậy. Thanh, hương, vị, xúc và pháp nhập cũng như vậy.

Sáu sinh tính, là người hắc tính có thể tập luyện hắc pháp nhưng cũng tập luyện bạch pháp và hắc pháp nữa. Người bạch tính cũng như vậy.

Sáu hỷ hành, là y nơi lòng tham.

Sáu ưu hành, là y nơi lòng sân.

Sáu xả hành, là y nơi lòng si.

Sáu diệu hành, là thật trí tuệ.

Bảy tịnh, gồm: Giới tịnh là giới luật nghi. Tâm tịnh là được thiền định. Kiến tịnh là đoạn được thân kiến. Độ nghi tịnh là đoạn được nghi kết. Đạo phi đạo tri kiến tịnh là đoạn được giới thủ. Hành tri kiến tịnh là tư duy đạo. Hành đoạn tri kiến tịnh là vô học đạo.

Tám phúc sinh, là người giàu sang trong loài người cho đến sinh ở cõi Phạm Thế. Trong đây được các vui phúc báo nhiều hơn hết, nên nói 8 phúc sinh.

Chín thứ tự diệt, là vào được sơ thiên diệt ngôn ngữ; vào nhị thiên diệt giác quán, vào tam thiên diệt hỷ, vào tứ thiên diệt hơi thở ra vào, hư không xứ diệt sắc tướng, thức xứ diệt vô biên hư không tướng, vô sở hữu xứ diệt vô biên thức tướng, phi tướng phi tướng diệt vô sở hữu tướng, và vào diệt tận định diệt được thụ và tưởng.

Mười Thánh xứ, là Thánh nhân đoạn 5 pháp, thành tựu 6 pháp, giữ 1 pháp, y 4 pháp, diệt nguy đố, bỏ các cầu mong, không suy nghĩ vẫn đục, lìa các thân hành, khéo

được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát, việc làm đã xong, và cô đơn không bạn bè. Đoạn 5 pháp là đoạn 5 phần thượng kết, được quả A-la-hán, vì tất cả kết đều dứt hết, tu 6 pháp diệu hành, nhãn v.v... các tình thức đối với sắc v.v... các trần cảnh không buồn không vui, cũng không ngu si. Giữ một pháp là buộc quán niệm nơi thân. Y 4 pháp là khát thực v.v... pháp 4 y.

Lại có người nói y 4 pháp là Thánh nhân có pháp viễn ly, có pháp thân cận, có pháp trừ diệt, có pháp nhẫn thụ. Thanh tịnh trì giới, nên có thể đạt thật tướng, gọi là lìa nguy đê. Dứt tất cả kiến hoặc gọi là được sơ quả. Bỏ các cầu mong là dục cầu, hữu cầu và Phạm hạnh cầu. Được sơ quả nên mới biết các pháp hữu vi đều là hư dối. Muốn bỏ 3 thứ cầu, được Kim cương Tam-muội rồi, mới bỏ việc học đạo. Bây giờ mới gọi là bỏ được hết các thứ cầu mong, không suy nghĩ vẫn dục là diệt được 6 thứ giác, tâm được thanh tịnh, có thể làm mỏng 3 độc, chứng quả thứ 2, diệt trừ được tham ái, chứng quả thứ 3, gọi là không suy nghĩ vẫn dục. Lìa các thân hành là trừ được mấy thứ kết ở cõi Dục, được 4 thiền, gọi là lìa thân hành. Được tận trí, nên gọi là khéo được tâm giải thoát. Được vô sinh trí, nên gọi là khéo được tuệ giải thoát. Các bậc Thánh nhân tâm an trụ 10 chỗ này, nên gọi là 10 Thánh xứ. Việc làm Phật pháp chắc chắn phải hết khổ, nên gọi là việc làm đã xong. Xa lìa phàm phu và các bậc học nhân, gọi là không bạn bè. Tâm lìa các pháp, an trụ tất cánh không, nên gọi là cô đơn.

Mười hai nhân duyên, tức vô minh nghĩa là theo giả danh, do tâm điên đảo này mới có thể nhóm các nghiệp,

cho nên gọi là vô minh duyên hành. Vì thức theo nghiệp, nên có thể thụ thân, gọi là hành duyên thức. Sau khi thụ thân gọi là danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ. Các chi phần này tùy thời tăng trưởng. Khi lãnh thụ các thụ, nương dựa giả danh nên có thể sinh ái. Bởi ái sinh bao nhiêu phiền não, nên gọi là thủ. Ái thủ làm nhân duyên cho hữu, đây gọi là 3 chi phần. Do các nghiệp nhân duyên phiền não này, trong đời sau mới sinh. Từ nhân duyên sinh mới có già chết v.v... Trong đây như nói vô minh và các hành nghiệp là nói rõ có đời quá khứ để khiến dứt chấp thường kiến, biết từ vô thủy sinh tử qua lại, do nghiệp phiền não nhân duyên mà thụ thân. Như nói sinh tử là nói rõ có đời vị lai để khiến dứt chấp đoạn kiến. Nếu không được chân trí thì sinh tử không có giới hạn, chỉ có quả báo đau khổ. Như nói 8 chi phần trung gian là rõ pháp hiện tại, chỉ do các duyên nối nhau mà sinh chứ không có pháp chân thật. Trong đây vô minh và các hành nghiệp là nhân duyên đời trước. Kết quả của nhân duyên này là thức, danh sắc, 6 nhập, xúc và thụ. Do 5 thứ nhân duyên này mới sinh khởi ái, thủ và hữu, là cái nhân đời vị lai. Kết quả của nhân duyên này là sinh, lão và tử. Nếu như lãnh thụ các thứ thụ, trở lại sinh ái và thủ. Vì vậy cho nên 12 chi phần này luân chuyển vô cùng tận.

Có thể được chân trí thì không tụ tập các nghiệp. Các nghiệp không tụ tập thì không có sinh. Sinh gọi là bắt đầu khởi thành. Nếu người nào học tập chính luận này thì biết các pháp tự tướng đều trống không, không tụ tập các nghiệp. Các nghiệp không tụ tập thì không có sinh, nên lão, tử, ưu bi, khổ não đều dứt hết. Cho nên muốn tự lợi lợi tha, chúng sinh dần thành Phật đạo.

Nếu người muốn đốt cháy tự pháp và diệt tha pháp phải học tập luận này.

Phẩm 19: Mười luận, trước tiên tướng có

Hỏi: Kinh của ông trước nói rộng học tập các dị luận, vì muốn luận nghĩa Phật pháp. Vậy những gì là các dị luận?

Đáp: Trong 3 tạng có nhiều các dị luận. Có điều là những người ưa khởi tranh luận như có 2 đời, không có 2 đời. Tất cả là có, tất cả là không. Có trung âm, không có trung âm. Tứ đế thứ tự được, nhất thời được, có thoái, không thoái. Kết sử cùng tâm tương ưng, không tương ưng. Tâm tính vốn tịnh, tính vốn bất tịnh. Đã thụ báo nghiệp hoặc có, hoặc không. Phật ở trong Tăng số, không ở trong Tăng số. Có người, không người. Có người nói pháp 2 đời là có, có người nói không.

Hỏi: Vì nhân duyên gì nói có? Vì nhân duyên gì nói không?

Đáp: Người nói có là nếu có pháp, trong ấy sinh tâm, vì pháp trong 2 đời có thể sinh tâm, thì phải biết là có.

Hỏi: Chính ông trước thường nói có tướng?

Đáp: Tính biết đi được chỗ nào, gọi chỗ đó là có tướng. Người ấy hỏi vặn rằng: Tính biết cũng đi đến chỗ không có chỗ. Sở dĩ vì sao? Vì như tin hiểu rồi quán, không phải màu xanh mà thấy xanh.

Lại như làm ra trò ảo hóa cũng không mà thấy có.

Lại như đem cái biết vào chỗ không có, nên gọi là vào định Vô sở hữu xứ.

Lại như đem ngón tay giụi vào mắt thấy có 2 mặt trăng.

Lại như trong kinh nói: Ta biết bên trong không tham dục.

Lại kinh nói: Biết trong sắc đoạn dứt tham gọi là sắc đoạn.

Lại như trong chiêm bao không mà vọng thấy. Do các duyên có này nên biết cái biết cũng đi đến chỗ không có chỗ. Không nên có tính biết đi đến chỗ nào nên gọi chỗ đó là có.

Đáp: Không có tính biết đi đến chỗ không có chỗ. Sở dĩ vì sao? Vì cần nhờ 2 pháp nhân duyên, nên thức mới được sinh. Một nương 2 duyên. Như không có cảnh duyên mà thức vẫn sinh thì cũng nên không có chỗ nương, thức cũng được sinh. Vậy thì 2 pháp kia vô dụng? Như vậy cũng không có giải thoát, vì thức thường sinh. Cho nên biết thức không đến nơi không.

Lại như vì có sở thức nên gọi là thức. Nếu không sở thức thì thức cũng không.

Lại như nói thức có thể biết trần, nghĩa là nhãn thức biết sắc, cho đến ý thức biết pháp. Nếu nói có thức không duyên cảnh, vậy thức này sở thức gì ư?

Lại nếu, nói có thức mà không duyên cảnh là sai lầm. Như có người nói: Tôi cuồng nên tâm loạn, thế gian không có gì hết, mà tôi đều thấy có.

Lại nếu biết không có gì hết, thì không nên sinh nghi, vì có chỗ biết nên mới sinh nghi.

Lại như trong kinh nói: Thế gian không có gì hết mà ta biết ta thấy, đó là vô lý.

Lại nữa, lời ông nói tự mâu thuẫn nhau, nếu không có gì thì biết cái gì ư?

Lại như trong kinh nói: Ba sự hòa hợp nên gọi là xúc. Nếu không có pháp, thì hòa hợp cái gì?

Lại biết không cảnh bị duyên thì làm sao thành được? Nếu biết thì không không, nếu không thì không biết. Cho nên không có cái biết mà không có cảnh duyên.

Lại như ông có nói câu: Tính biết đi đến chỗ không có chỗ, như tin hiệu quán màu không phải xanh mà thấy xanh, đó là vô lý. Sở dĩ vì sao? Vì trong màu không phải xanh này thật có tính xanh. Như trong kinh nói: Trong cây này có tính tịnh.

Lại như lấy tướng xanh, do sức của tâm chuyển rộng ra, thì tất cả đều xanh, không một tướng nào không xanh.

Lại như Kinh Huyền Vãng nói: Có người huyền thuật và vật để làm trò huyền thuật, thì trong không chúng sinh, mà thấy giống chúng sinh, nên gọi là huyền.

Lại như ông nói câu: Vì biết không có nơi chỗ, nên gọi là vào định Vô sở hữu xứ là vì sức Tam-muội, nên sinh vô tướng này chứ không phải là không có. Như thật có sắc hư hoại là không tướng.

Lại vào trong Tam-muội này vì pháp bị thấy ít, nên coi là không có, như muối ít nên nói là không muối, tuệ ít nên nói là không tuệ.

Lại như nói: Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Trong đây tuy thật có tướng, mà cũng nói phi hữu phi vô.

Lại ông nói: Dem ngón tay giụi vào mắt, thấy có 2 trắng. Thấy mà không nghĩ xét, nên cho một là hai. Nếu nhắm một mắt thì không thấy hai.

Lại như ông nói: Ta biết bên trong không tham dục. Vì người này thấy pháp ngũ cái trái nhau với pháp thất giác, nên liền sinh ý niệm rằng: Ta biết không tham dục, chứ không phải biết không có.

Lại như ông nói: Biết trong sắc đoạn tham, gọi là đoạn sắc. Đó là vì thấy chân thật tuệ cùng với vọng giải trái nhau, nên gọi là tham đoạn. Lại như ông nói: Trong chiêm bao không mà thấy có. Đó là vì trước đã từng thấy nghe nhớ nghĩ phân biệt và đã tu tập nên mới thấy trong chiêm bao, và do khí lạnh nóng thịnh nên tùy theo chiêm bao mà thấy, hoặc do nghiệp duyên nên thấy chiêm bao, như Bồ-tát có những đại mộng, hoặc các thiên thần đến hiện trong chiêm bao. Cho nên trong chiêm bao thấy có, chứ không phải biết không.

Ông lại hỏi vặn rằng: Ông nói cần phải có 2 pháp nhân duyên, thức mới được sinh. Điều này không phải, vì Phật muốn phá thuyết Thần ngã nên mới nói 2 pháp nhân duyên sinh thức, chứ không phải đều như vậy.

Lại như ông nói: Vì có sở thức, nên gọi là thức. Thức pháp có thì biết có, không có thì biết không có. Nếu việc ấy không, vì không việc ấy, nên gọi là thấy không.

Lại như 3 tâm diệt, nên gọi là diệt đế. Nếu không có không tâm thì diệt cái gì ư?

Lại như ông nói: Nhãn thức biết sắc cho đến ý thức biết pháp. Đó là thức này chỉ có thể biết pháp trần mà không biện biệt là có hay không.

Lại như ông nói: Nếu có thức biết, mà không cảnh duyên, vậy là sai lầm. Thì có cái biết, biết cái không có, như người bị bệnh cuồng thấy không có gì hết.

Lại như ông nói: Nếu biết không có gì hết, thì không nên sinh nghi. Nếu nghi là có hay là không có, thì có cái biết không cảnh duyên.

Lại như ông nói: Như trong kinh nói thế gian không có gì hết mà ta biết thấy, đó là vô lý. Kinh này không luận pháp tướng, hình như không phải lời Phật nói. Hoặc Tam-muội như vậy, là vào Tam-muội chỗ thấy đều có, đó là Tam-muội, nên nói như vậy.

Lại như ông nói: Lời nói ông tự trái nhau.... Tôi nói: Duyên nơi không có, không phải trái nhau.

Lại như ông nói: Tâm, tâm số pháp có thể duyên tất cả pháp. Duyên này là có tâm, tâm số pháp mà không có cảnh bị duyên. Cũng có tâm, tâm số pháp không thể thật duyên, nên không gọi là duyên.

Lại nữa, vì thật tướng của các pháp, là các tướng, nên không gọi là duyên.

Lại như ông nói: Các trần là nhân sinh thức, nếu không có gì lấy gì làm nhân? Tức là lấy cái không có, làm nhân.

Lại như ông nói: Ba sự hòa hợp, gọi là xúc. Nếu 3 sự có thể có được, thì có hòa hợp, chứ không phải tất cả chỗ đều có 3 sự.

Lại như ông nói: Nếu biết không không, nếu không không biết, nếu có cảnh duyên mà biết, cũng đồng lỗi này.

Lại như ông nói: Như trong cây có tịnh tính. Điều này không phải, vì có lỗi là trong nhân có quả.

Lại như ông nói: Lấy tướng tâm chuyển rộng ra. Điều này không phải. Vốn tướng xanh ít, mà thấy cả đại địa tất cả đều là màu xanh, tức là vọng kiến. Như vậy, vì quán chút màu xanh mà có thể thấy cõi Diêm-phù-đề v.v... đều màu xanh là không phải vọng kiến sao?

Lại như ông dẫn câu: Kinh Huyền Vãng nói: Có nhà ảo thuật làm trò ảo thuật, trong chỗ không có chúng sinh mà thấy giống như có chúng sinh làm các việc chúng sinh. Điều này thật không có mà thấy, tức là cái biết không có cảnh duyên.

Lại như ông nói: Vì sức Tam-muội nên sinh vô tướng này. Như thật có sắc hư hoại là không. Vậy nếu sắc thật có mà hoại là không thì điên đảo.

Lại như ông nói: Thấy không nghĩ xét. Điều này không phải. Như người bị bệnh mắt, thấy giữa không trung có những sợi như lông. Kỳ thật là không có.

Lại như ông nói: Thấy ngũ cái trái nhau với pháp thất giác liền sinh ý nghĩ: Ta biết không. Pháp thất giác khác, không tham cũng khác, làm sao là một?

Lại như ông nói: Thấy chân thật tuệ cùng với vọng giải trái nhau, gọi là tham đoạn. Vọng giải gọi là quán hư vọng. Cho nên biết tham dục đoạn, nên sắc đoạn. Chân thật tuệ là quán vô thường.

Lại như ông nói: Trong chiêm bao thấy thật. Điều này không phải. Như chiêm bao thấy nhà sập, mà thật nhà không sập. Cho nên có cái biết, biết cái không có. Không nên cho cái tính biết đi đến đâu là đó có tướng.

Phẩm 20: Tướng không

Hỏi: Nếu đó không phải tướng có, thì nay nói âm, giới, nhập là pháp nhiếp thuộc, lẽ ra phải là có?

Đáp: Đó cũng không phải. Sở dĩ vì sao? Vì người này nói pháp phạm phu nhiếp thuộc âm giới nhập, không thuận với pháp tướng. Nếu vậy có người nói như các pháp vô vi lẽ ra cũng phải có, mà thật ra pháp đó không có. Cho nên biết âm giới nhập các pháp nhiếp thuộc không phải tướng có.

Hỏi: Như có người cho pháp hiện biết, tin là có sở đắc, gọi là tướng có.

Đáp: Đó cũng không phải tướng có, vì pháp khả tín này, quyết định phân biệt không thể nói được. Cho nên có kinh nói nên dựa vào trí, chứ không nên dựa vào thức, vì tính là đắc, sắc v.v... các trần là bất khả đắc. Sau sẽ nói rộng. Tướng không này không hoại, thì tướng có sở đắc làm sao thành lập được?

Hỏi: Có, là cùng với pháp hợp lại nên gọi là có?

Đáp: Sau sẽ phá chấp cái gọi là có này.

Lại nữa, trong có, không có cái có, thì làm sao cùng với pháp hợp lại mà gọi là có? Do nhân duyên này, nên cái tướng có, quyết định phân biệt không thể nói được. Nhưng vì thế đế nên mới nói có, chứ không phải đệ nhất nghĩa đế.

Hỏi: Nếu vì thế đế nên có, nay lại lấy thế đế nên nói quá khứ vị lai là có hay không?

Đáp: Không. Sở dĩ vì sao? Nếu sắc v.v... các âm ở đời hiện tại có thể có sở tác, có thể được thấy biết. Như trong kinh nói: Não hoại là sắc tướng. Nếu ở hiện tại thì có thể não hoại, chứ không phải quá khứ vị lai. Thụ v.v... cũng vậy, cho nên biết chỉ có 5 âm hiện tại, chứ 2 đời kia không có.

Lại nữa, nếu pháp vô tác thì không có tự tướng, như lửa quá khứ không thể đốt được, không gọi là lửa. Thức cũng như vậy, nếu ở quá khứ không thể biết được gì thì không gọi là thức.

Lại nữa, nếu không nhân mà có, việc ấy không đúng. Pháp quá khứ không nhân có thể có. Cho nên không phải. Lại nữa, phạm có các pháp, là đều do các nhân duyên sinh. Như có đất, có giống, nước v.v... nhân duyên thì nảy mầm. Có giấy bút nhân công thì chữ được thành. Hai pháp v.v... hợp lại thì có thức sinh. Trong đời vị lai mầm hạt, chữ viết, thức nhận biết v.v... nhân duyên chưa hội hợp làm sao được có? Cho nên 2 đời kia không thể có được.

Lại nữa, nếu pháp vị lai mà có, thì là thường, vì từ vị lai đến hiện tại vậy. Như từ một nhà đi đến một nhà thì không có vô thường. Cho nên điều này không thể được.

Lại như trong kinh nói: Mắt sinh không từ đâu đến, diệt đi không đến đâu. Cho nên không nên phân biệt quá khứ vị lai.

Lại nữa, nếu vị lai có nhãn, sắc, thức tức phải có người làm, quá khứ cũng vậy, nhưng thật không phải vậy. Cho nên biết không có pháp quá khứ vị lai.

Lại như sắc quá khứ vị lai có, thì phải có đối có ngại, nhưng thật không phải vậy. Cho nên là không có.

Lại như cái bình v.v... các vật vị lai mà có, thì thọ gồm sứ v.v... không nên làm, mà hiện là có làm, chứ không phải vị lai sẽ có.

Lại Phật nói pháp hữu vi có được 3 tướng sinh, diệt, trụ dị. Sinh là nếu pháp trước không có mà nay hiện có làm. Diệt là làm rồi lại trở lại không. Trụ dị là nối nhau nên trụ, biến khác nên gọi là dị. Ba tướng hữu vi này đều có ở hiện tại, chứ không phải quá khứ vị lai.

Phẩm 21: Có 2 đời

Hỏi: Thật có quá khứ vị lai. Sở dĩ vì sao? Nếu pháp này có, trong ấy sinh tâm như pháp hiện tại và pháp vô vi.

Lại như Phật nói Sắc tướng, cũng nói sắc quá khứ và vị lai và nói có bao nhiêu sắc, như hoặc nội hoặc

ngoại, hoặc thô hoặc tế, hoặc quá khứ vị lai và hiện tại, gọi chung là sắc ấm.

Lại nói sắc quá khứ vị lai hãy còn vô thường, huống chi hiện tại. Vô thường là tướng hữu vi. Cho nên phải nói có.

Lại như hiện thấy từ trí sinh trí vì tu tập. Như từ nhỏ lúa sinh hạt lúa. Cho nên phải có quá khứ. Nếu không quá khứ, thì quả không có nhân.

Lại như trong kinh nói: Nếu sự thật quá khứ mà có ích thì Phật cũng vẫn nói.

Lại như nói quán quá khứ vị lai tất cả vô ngã.

Lại ý thức duyên vị lai là nương ý quá khứ, nếu không có quá khứ thì thức nương chỗ nào?

Lại như biết nghiệp nhân quá khứ mới có quả báo vị lai, đó là chính kiến.

Lại như Phật có 10 lực biết các nghiệp nhân quá khứ vị lai.

Lại như Phật tự nói: Nếu không có gây tội nghiệp quá khứ, người này không đọa các ác đạo.

Lại như người học nhân, nếu còn trong tâm hữu lậu, thì không phải có tín v.v... các căn vô lậu.

Lại như các bậc Thánh nhân không nên quyết định ghi trước việc vị lai.

Lại nếu không quá khứ vị lai thì người đời không nên ghi nhớ 5 thứ trần. Sở dĩ vì sao? Vì ý thức không biết 5 thứ trần hiện tại.

Lại như nói 18 ý hành đều duyên quá khứ.

Lại nếu không quá khứ, vị lai, thì A-la-hán không nên tự xưng rằng ta được thiên định. Vì ở trong định không thể nói như vậy.

Lại như trong 4 niệm xứ, không nên quán nội tâm nội thụ được. Sở dĩ vì sao? Vì hiện tại không được quán quá khứ.

Lại cũng không nên tu 4 chính cần. Sở dĩ vì sao? Vì trong đời vị lai không có ác pháp, còn 3 thứ kia cũng vậy.

Lại nếu không có quá khứ vị lai, thì cũng không có Phật.

Lại cũng không nên có người tu giới đã lâu và người mới tu. Cho nên không phải vậy.

Phẩm 22: Không có 2 đời

Đáp: Không có quá khứ vị lai. Tuy ông nói trong pháp có thì tâm sinh, điều đó trước tôi đã đáp rằng không pháp, tâm cũng thể sinh được.

Lại như ông nói sắc tướng, sắc số, sắc khả tướng, Điều này không đúng. Quá khứ vị lai không phải sắc, vì không có não hoại. Cũng không nên nói đó là tướng vô thường, mà Phật chỉ tùy theo vọng tưởng phân biệt của chúng sinh nên mới nói cái tên đó thôi.

Lại như ông nói trí sinh trí, là nhân cùng quả làm nhân duyên lẫn nhau rồi diệt, như hạt giống và mộng làm

nhân cho nhau rồi diệt. Phật cũng nói: Điều này sinh nên việc kia sinh.

Lại như ông nói thật mà có ích thì Phật cũng nói. Đó là Phật nói điều này gốc ở khi hiện tại, không phải Phật nói cũng có. Như nói quá khứ diệt hết thì biết không có.

Lại như ông nói quán vô ngã. Đó là vì chúng sinh đối với pháp quá khứ vị lai chấp có ngã, nên Phật mới nói như vậy.

Lại như ông nói đó là chính kiến. Là vì thân này khởi nghiệp, nghiệp này cùng quả làm nhân rồi diệt. Về sau lại tự chịu báo nên mới nói quả.

Tóm lại, trong Phật pháp mà nói hoặc có, hoặc không đều là phương tiện, vì muốn chỉ rõ nghiệp tội phúc nhân duyên, chứ không phải đệ nhất nghĩa. Như vì nhân duyên nên nói có chúng sinh, thì quá khứ vị lai cũng vậy. Như nói nương ý thức quá khứ đó là nương phương tiện, chứ không phải như người nương dựa nơi vách tường, và cũng nói rõ là tâm sinh, chứ không phải nương nơi thân mà sinh. Vì nhân tâm trước nên tâm sau mới được sinh. Nghiệp lực cũng vậy. Phật biết nghiệp này tùy diệt mà có thể cùng với quả làm nhân, chứ không nói quyết định biết như biết chữ trên giấy. Tội nghiệp cũng vậy, do thân này gây nghiệp, nghiệp này tuy diệt hết mà quả báo không mất.

Lại như ông nói không nên có các căn vô lậu. Nếu người học nhân đã được căn vô lậu, được lúc hiện tại, tuy quá khứ diệt, vị lai chưa đến, vì đã thành tựu rồi nên không được nói là không.

Lại như ông nói Thánh nhân không nên ghi nhận trước việc vị lai. Với trí lực Thánh nhân, tuy pháp chưa có mà có thể huyền ký trước, như pháp quá khứ tuy đã diệt hết mà vì niệm lực nên có thể biết được.

Lại như ông nói không nên nhớ 5 thứ trần. Vì là người phạm phu si mê vọng niệm nên trước lấy tướng quyết định, về sau tuy đã diệt hết, mà còn sinh lòng nghĩ nhớ, vì pháp nghĩ nhớ là như vậy, chứ không phải như nhớ lông rùa sừng thỏ... 18 thứ ý hành cũng như vậy, hiện tại thủ sắc, quá khứ tuy diệt, vẫn tùy theo mà nghĩ nhớ.

Lại như ông nói không nên tự xưng ta được thiên định. Là định được ở hiện tại, vì sức nghĩ nhớ nên tự nói ta được.

Lại như ông nói không nên được quán nội tâm nội thụ. Có 2 thứ tâm: một là niệm niệm sinh diệt, hai là thứ lớp nối nhau. Dùng tâm hiện tại, quán tâm nối nhau, chứ không phải niệm hiện còn.

Lại như ông nói không nên tu tập 4 chính căn. Đó là đề phòng nhân duyên ác pháp đời vị lai, đồng thời cũng phát khởi nhân duyên thiện pháp đời vị lai.

Lại như ông nói thì không có Phật. Phật là tướng tịch diệt, tuy còn hiện ở đời mà không thuộc vào có hay không, huống là khi đã diệt độ? Chúng sinh qui mạng nơi Phật cũng như người đời thờ phụng cha mẹ vậy.

Lại như ông nói cũng không nên có người tu giới lâu hay mới. Không vì thời gian mà giới có sai khác. Sở dĩ vì sao? Vì thời gian không thật, chỉ do các pháp hòa hợp sinh diệt nên mới có thời gian. Cho nên ông đã nói bao nhiêu nhân đều không đúng.

Phẩm 23: Tất cả có không

Luận giả nói: Có người nói tất cả các pháp có. Có người nói tất cả pháp không có.

Hỏi: Do nhân duyên gì nói có. Do nhân duyên gì nói không?

Đáp: Người nói có là căn cứ Phật nói 12 nhập gọi là tất cả. Đó là tất cả có địa, hỏa, phong, không, thời, phương, thần và ý v.v... các Đà-la-phiêu, tức chỉ tất cả vật. Số v.v... các Cầu-na, tức nương dựa. Nêu cử các nghiệp dưới đây. Các pháp tổng tướng biệt tướng hòa hợp và bản tính Ba-cư-đế v.v..., cùng những việc trong thế gian như sừng thỏ, lông rùa, chân rắn, mùi thơm của muối, và màu sắc của gió v.v..., đó gọi là không.

Lại như trong kinh nói: Hư không không dấu vết, ngoại đạo không Sa-môn, phạm phu ưa hý luận. Như Lai thì không có.

Lại như tùy theo chỗ thụ pháp, cũng được gọi là có. Như Đà-la-phiêu v.v... 6 sự, phái Ưu-lâu-khư cho là có, 25 đế phái Tăng-khư cho là có, 16 nghĩa phái Na-da-tu-ma cho là có.

Lại nếu như có đạo lý có thể thành xong sự việc, cũng được gọi là có, như 12 nhập.

Lại nữa, trong Phật pháp dùng phương tiện nên mới nói tất cả có, tất cả không, chứ không phải đệ nhất nghĩa. Sở dĩ vì sao? Vì nếu quyết định có, tức rơi vào bên thường, nếu quyết định không, thì rơi vào bên đoạn. Lìa được 2 bên mới là con đường trung đạo của Phật.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 3)

Phẩm 24: Có trung ấm

Luận giả nói: Có người nói có thân trung ấm, hoặc có người nói không có.

Hỏi: Do nguyên nhân gì nói có, do nhân duyên gì nói không?

Đáp: Người nói có là căn cứ Phật nói trong kinh A-du-la-na rằng: Nếu khi cha mẹ giao hội, chúng trụ ở nơi nào đó liền đến nương vào trong ấy. Cho nên biết có trung ấm.

Lại như kinh Hòa-ta nói: Nếu chúng sinh sau khi bỏ thân này rồi, mà chưa thụ tâm sinh thân sau, trong khoảng trung gian, ta nói ái là nhân duyên. Đó gọi là trung ấm.

Lại như trong 7 thứ người thiện, có thân trung hữu diệt.

Lại như trong kinh nói: Tạt khởi nghiệp, tạt thụ thân, và tạt sinh thế gian. Cho nên biết có trung ấm.

Lại như trong kinh nói 4 hữu là bản hữu, tử hữu, trung hữu và sinh hữu.

Lại nói 7 hữu là ngũ đạo hữu, nghiệp hữu, và trung hữu.

Lại nói vua Diêm-la quở trách tội nhân trung âm mà biết túc mạng chúng sinh, nghĩa là chúng sinh này sinh chỗ này, chúng sinh kia sinh chỗ kia.

Lại như trong kinh nói: Dùng thiên nhãn xem thấy các chúng sinh khi chết khi sinh.

Lại nói chúng sinh bị âm trói buộc nên từ thế gian này đến thế gian kia.

Lại như người đời cũng tin có trung âm, người ta nói: Nếu người khi chết có thân tứ đại vi tế, ở từ âm này mà đi.

Lại nếu như có trung âm thì mới có đời sau. Nếu không có trung âm, khi bỏ thân này rồi mà chưa thụ sinh thân sau, thì khoảng thời gian ấy phải gián đoạn.

Vì các lý do trên nên biết có trung âm.

Phẩm 25: Không có trung âm

Có người nói không có trung âm. Tuy ông dẫn trong kinh A-du-la-đa-na nói có trung âm, điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì nếu là Thánh nhân mà không biết đó là gì và từ đâu đi đến, tức là không có trung âm, nếu có tại sao lại không biết?

Lại như ông dẫn câu trong kinh Hòa-ta nói, điều này là không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh này hỏi khác đáp khác. Phạm Chí Hòa-ta này chấp thân khác thân khác, nên mới đáp như vậy, là trung âm trung hữu, 5 âm.

Lại như ông nói có trung hữu diệt, là người này ở trung gian cõi Dục và cõi Sắc thụ thân, ở trong đó diệt cho nên gọi là trung hữu diệt. Sở dĩ vì sao? Vì như trong kinh nói: Nếu người chết, đi đến chỗ nào, sinh về chỗ nào, ở tại chỗ nào. Nghĩa này không khác.

Lại như ông nói tạp thụ thân, tạp sinh thế gian. Nếu nói thụ thân, nói sinh thế gian, nghĩa này không khác.

Lại như ông nói 4 hữu, 7 hữu. Kinh ấy không phải như vậy, vì không thuận với pháp tướng.

Lại như ông nói vua Diêm-la quả trách. Đây là thân sinh hữu chứ không phải trung hữu.

Lại như ông nói Phật nhân trung âm mà biết đời trước. Điều này không đúng, sức Thánh trí là như vậy, tuy không liên tục mà cũng có thể nghĩ biết.

Lại như ông nói dùng thiên nhãn xem thấy khi chết khi sinh. Sắp sinh gọi là khi sinh, sắp chết gọi là khi chết, chứ không phải trung âm.

Lại như ông nói chúng sinh bị âm buộc, từ đây đến kia. Đó là muốn chỉ cho biết có đời sau nên mới nói như vậy, chứ không phải nói rõ có trung âm.

Lại như ông nói khi chết có 4 đại vi tế. Đó là chỗ thấy biết của người đời, không thể tin được, vì đây không phải dùng làm nhân.

Lại như ông nói nếu không có trung âm thì thời gian giữa phải gián đoạn. Đó là vì nghiệp lực, người này sinh đây, người kia sinh kia, như quá khứ vị lai tuy không nối nhau mà có thể nghĩ nhớ được. Cho nên không có trung âm.

Lại nữa, trong Kinh Túc Mạng Trí nói: Biết người này chết ở đây sinh nơi kia, chứ không nói trụ trong trung âm.

Lại nữa, Phật nói 3 thứ nghiệp là nghiệp hiện báo nghiệp sinh báo và nghiệp hậu báo, chứ không nói có nghiệp trung âm báo.

Lại nữa, nếu trung âm có xúc tức gọi sinh hữu. Nếu không thể xúc, thì không có, nên thụ tướng v.v... cũng không. Như vậy thì có chỗ nào?

Lại nếu như chúng sinh thụ hình trung âm, tức gọi thụ sinh, như trong kinh nói: Nếu người bỏ thân này thụ các thân khác, ta nói là sinh, nếu không thụ thân thì không có trung âm.

Lại nữa, nếu trung âm có thoái, tức gọi là sinh. Sở dĩ vì sao? Vì cần trước sinh sau thoái vậy. Nếu không thoái, tức là thường. Lại do nghiệp lực mới sinh, thì còn dùng trung âm làm chi?

Lại nếu như trung âm do nghiệp mà thành, tức là sinh hữu, như nói nghiệp nhân duyên, nếu không do nghiệp thành, thì do đâu mà có? Cần phải trả lời ngay.

Đáp: Tôi cho sinh hữu có sai khác, nên gọi là trung âm. Cho nên không có các lỗi như trên. Người này tuy trung âm sinh, mà cùng với sinh có khác. Có thể khiến thức đi đến trong Ca-la-la, đó gọi là trung âm.

Hỏi vặn lại rằng: Vì nghiệp lực có thể khiến đến, chứ cần chi phải dùng phân biệt nói trung âm?

Lại tâm không chỗ đến, vì nghiệp nhân duyên nên mới từ nơi đây diệt mà sinh nơi kia vậy thôi.

Lại như hiện thấy tâm không liên tục sinh, như người chân đạp phải gai mà trong đầu biết đau. Thức nơi chân không có nhân duyên gì đến trong đầu, chỉ vì các duyên xa gần hòa hợp sinh tâm. Cho nên không cần phân biệt chấp có trung ấm.

Phẩm 26: Thứ tự

Luận giả nói: Có người nói 4 để thấy theo thứ tự; lại có người nói thấy cùng một lúc.

Hỏi: Do nhân duyên gì nói thấy theo thứ tự? Lại do nhân duyên gì nói thấy cùng một lúc?

Đáp: Người nói thấy theo thứ tự, như trong kinh nói: Nếu người thấy thế gian tập, tức diệt được chấp không. Thấy thế gian diệt, tức diệt được chấp có. Phải biết tập diệt 2 tướng khác nhau.

Lại nếu như người nào có thể biết được bao nhiêu tướng tập đều là tướng diệt, gọi là lia câu uế được pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nói, người trí tuệ lanh lợi dần loại bỏ các điều ác, như thợ vàng có thể dũa bỏ chất rét của vàng.

Lại như trong Kinh Lộ Tận nói: Người nào có tri kiến thì được hết các lậu. Hành giả không tự hay biết chứ hằng ngày thường tu tập nên được hết các lậu.

Lại nữa, Phật nói: Trong các đế, có thể sinh nhãn trí minh tuệ. Trong khổ đế cõi Dục có 2, 2 cõi Sắc và Vô sắc cũng có 2. Tập v.v... cũng vậy.

Lại trong kinh miệng Phật tự nói ra lần lượt thấy đế, như người leo thang tuần tự mà lên. Vì các kinh này nên biết 4 đế không phải thấy cùng một lúc được.

Lại như các phiền não, trong 4 đế, có 4 thứ tà hành là không khổ, không tập, không diệt và không đạo. Cho nên trí vô lậu cũng phải thứ tự tu 4 thứ chính hành.

Lại nữa, hành giả cần định tâm phân biệt; đây là khổ, đây là nhân của khổ, đây là khổ diệt, và đây là đạo diệt khổ. Nếu như trong một tâm, làm sao quyết định phân biệt được như vậy? Cho nên biết là thứ tự chứ không phải thấy được cùng một lúc.

Phẩm 27: Cùng một lúc

Có người nói 4 đế thấy cùng một lúc chứ không phải theo thứ tự. Ông nói: Thấy thế gian tập, tức diệt chấp không. Thấy thế gian diệt tức diệt chấp có ấy. Nếu nói vậy tức hoại tự pháp, vì nếu như vậy cũng không cần 16 thứ tâm, 12 hành để đắc đạo.

Lại như ông nói: Biết bao nhiêu tướng tập đều là tướng diệt thì được pháp nhãn. Nếu vậy phải dùng 2 tâm mới đắc đạo: một là tâm tập, hai là tâm diệt. Nhưng không phải vậy.

Lại nữa, như ông nói trí lanh lợi dần dần loại bỏ các ác, nếu vậy cũng không nên chỉ 16 thứ tâm.

Lại như ông dẫn Kinh Lậu Tận nói: Người nào có thể biết sắc v.v... thì được hết các lậu. Nếu vậy phải có vô lượng tâm, chứ không phải chỉ 16 tâm.

Lại như ông nói nhãn trí minh tuệ là Phật tự nói trong 4 đế được nhãn trí minh tuệ, mà không nói thứ tự có 16 tâm.

Lại như ông nói miệng Phật tự nói ra rằng tuần tự thấy đế, như người leo thang. Tôi không học kinh này, dù có cũng nên bỏ, vì không thuận với pháp tướng.

Lại như ông nói 4 thứ tà hành thì đối với 5 ấm v.v... cũng phải tà hành, tùy theo chỗ tà hành, đều nên sinh trí. Nếu vậy không cần chỉ 16 thứ tâm mà đắc đạo.

Lại như ông nói nên định phân biệt, thì đối với sắc v.v... cũng cần phân biệt. Cho nên không chỉ cần có 16 thứ tâm.

Lại nữa hành giả không được các đế, chỉ có một đế. Nghĩa là thấy khổ diệt gọi là sơ đắc đạo. Vì thấy pháp v.v... các nhân duyên nên hành giả từ pháp noãn v.v... lần lượt thấy đế diệt đế, sau cùng thấy diệt đế nên gọi là đắc đạo.

Phẩm 28: Thoái lui

Luận giả nói: Có người nói A-la-hán thoái lui, hoặc có người nói không thoái lui.

Hỏi: Do nhân duyên gì nói có thoái lui, do nhân duyên gì lại nói không thoái lui?

Đáp: Nói thoái lui là như trong kinh nói: Khi giải thoát, A-la-hán do 5 nhân duyên bị thoái lui là ưa làm việc, ưa đọc tụng, ưa xử đoán, ưa đi xa, và luôn bệnh tật.

Như trong kinh nói có 2 hạng A-la-hán là thoái tướng và không thoái tướng.

Lại trong kinh nói: Nếu Tì-kheo nào thoái lui môn giải thoát thì có điều đó.

Lại như trong kinh nói: Quán thân như chiếc bình, ý tưởng phòng vệ như thành trì, đem tuệ chiến đấu với ma, giữ phần thắng không thua bại. Nếu không thoái thì không cần thù thắng.

Lại có 2 thứ trí là tận trí và vô sinh trí. Nếu tận trí không sinh trở lại thì dùng vô sinh trí làm chi?

Lại như Ưu-đà-da khó được diệt tận định, tức là nhân thoái lui. Người này tuy thoái lui mà cũng được sinh về cõi Sắc. Vì các duyên có này, nên biết có thoái lui.

Phẩm 29: Không thoái lui

Có người nói Thánh đạo không có thoái lui, chỉ có thiên định thoái lui.

Hỏi: Nếu như vậy thì không có 2 hạng A-la-hán, mà chỉ có thoái tướng, vì tất cả A-la-hán trong thiên định đều có thoái lui?

Đáp: Thoái sức tự tại trong thiên định, vì không phải tất cả A-la-hán đều được sức tự tại.

Hỏi: Không phải như Tì-kheo Cù-đề sáu phen thoái lui bèn lấy dao tự sát. Nếu như thoái thiên định cần gì tự sát? Vì trong Phật pháp quý hồ giải thoát, chứ không quý thiên định.

Đáp: Người ấy nương thiên định này, sẽ được A-la-hán đạo. Mà mất thiên định này là mất vô lậu, chứ không phải vô lậu có thoái. Sở dĩ vì sao? Như kệ nói hoàn toàn không tạo mới, ở trong các hữu, đều được chán lia. Diệt sạch các kết sử không trở lại sinh tương. Đó là các người mạnh, như ngọn đèn tắt.

Lại nói: Ví như núi đá, gió không thể động, người mạnh như vậy, chê khen không chao đảo.

Lại trong kinh nói: Ái sinh ái v.v..., A-la-hán này, vĩnh viễn nhổ gốc ái, thì do đâu sinh kết?

Lại nói: Gọi là Thánh nhân thì rốt ráo tận cùng biên giới, việc làm đã xong.

Lại nói: Thánh nhân diệt tan không nhóm, phá rách không dệt.

Lại trong kinh nói: Vô minh là nhân duyên khởi tham sân si. A-la-hán này, vĩnh viễn hết vô minh, làm sao sinh kết?

Lại trong kinh nói: Nếu các học nhân cầu đạo Nê-hoàn, ta bảo người này quyết không phóng dật. Nếu được hết lậu không tái sinh nữa, cho nên không thoái.

Lại nói: Người trí khéo suy nghĩ, khéo khâu thân nghiệp, làm việc không lầm lỗi.

Lại nói: Ti-kheo vui hạnh không phóng túng, vì thấy lỗi của phóng túng, vậy là không thoái, gần gũi Nê-hoàn.

Lại trong kinh nói: Hươu nai nương đồng nội, chim chóc nương hư không, pháp quy về phân biệt, chân nhân quy về diệt.

Lại nữa, 3 nhân duyên sinh khởi các kết sử là tham dục không dứt, cảnh tham dục hiện tiền, trong lòng sinh tà niệm. A-la-hán này tham dục đã dứt, tuy đối dục cảnh mà không sinh tà niệm, nên không khởi kết.

Lại nói Tì-kheo tà quán các pháp, nên khởi 3 lậu. A-la-hán này không có tà quán, nên không khởi các lậu.

Lại trong kinh nói: Nếu dùng Thánh tuệ biết rồi thì không có thoái. Như quả Tu-đà-hoàn không có thoái.

Lại A-la-hán khéo biết tướng 3 thụ là sinh tướng, diệt tướng, vị quá xuất tướng, cho nên không khởi kết.

Lại nói: Tì-kheo nếu giới, định, tuệ 3 việc thành tựu thì không thoái chuyên.

Lại A-la-hán dứt kết đã sinh, chưa sinh khiến không sinh.

Lại trong kinh nói: Thánh nhân thật hành, quyết không có thoái. A-la-hán đã chứng 4 đế, các lậu diệt hết rồi nên gọi là người thật hành.

Lại nói 7 giác là pháp không thoái lui. A-la-hán đầy đủ 7 giác, cho nên không thoái. A-la-hán chứng được giải thoát không hư hoại, cho nên không thoái.

Lại A-la-hán trong Phật pháp, được lợi kiên cố, nên gọi là giải thoát không hư hoại.

Lại như người cụt tay, nghĩ hay không nghĩ, vẫn gọi là người cụt tay, A-la-hán cũng vậy, đã đoạn kết sử thì nghĩ hay không nghĩ, vẫn gọi là đoạn.

Lại trong kinh nói: Tín v.v... các căn lợi, gọi là A-la-hán. Người lợi căn quyết không có thoái.

Lại A-la-hán có thể ở trong pháp vô thượng đoạn ái, nên tâm khéo được giải thoát, rốt ráo diệt hết.

Lại ví như lửa cháy chỗ chưa cháy, cháy rồi không trở lại cháy chỗ cũ. Tì-kheo cũng vậy, vì được thành tựu 11 pháp nên quyết không có thoái.

Hỏi: Có 2 hạng A-la-hán, ông đã dẫn kinh nói người không thoái?

Đáp: Đây là nói tướng chung, các người học nhân phải không phóng túng. A-la-hán thì không cần, không phải nói tướng riêng, tướng không thoái.

Lại như Phật nói kệ: Thắng mà nếu sinh lại, thì không gọi là thắng. Thắng mà không sinh, mới là chân thật thắng.

Lại A-la-hán sinh đã hết nên không còn thụ thân lại. Kinh của ông tuy nói A-la-hán thoái pháp phải được lại. Nếu như vậy thì pháp cũng phải không thoái. Nếu như Tì-kheo có thể khiến các tướng không sinh, gọi là A-la-hán, cho nên không có thoái.

Phẩm 30: Tâm tính

Luận giả nói: Có người nói tâm tính vốn trong sạch, vì khách trần, nên không trong sạch. Có người cho là không phải vậy.

Hỏi: Do nhân duyên gì nói vốn trong sạch, vì khách trần, nên không trong sạch? Lại do nhân duyên gì mà nói không phải vậy?

Đáp: Người cho rằng tâm tính không phải vốn trong sạch, vì khách trần nên không trong sạch. Sở dĩ vì sao? Vì phiền não cùng tâm thường tương ưng nhau sinh, chứ không phải tướng khách trần.

Lại có 3 thứ tâm là thiện, bất thiện, và vô ký. Tâm thiện và vô ký là không phải như bản, như tâm bất thiện vốn tự không trong sạch, không do khách trần.

Lại nữa, tâm này niệm niệm sinh diệt không đợi phiền não, nếu phiền não cùng sinh thì không gọi là khách.

Hỏi: Tâm là chỉ biết sắc v.v..., rồi sau thủ lấy tướng, từ tướng sinh các phiền não, rồi cùng với tâm làm bản, nên nói vốn trong sạch.

Đáp: Không phải vậy. Khi tâm và tâm này diệt chưa có tướng bản, thì khi tâm diệt rồi bản thấm vào đâu?

Hỏi: Tôi không vì tâm mỗi niệm mỗi niệm diệt nên nói như vậy, mà bởi tâm liên tục nối nhau nên mới nói nhiễm bản?

Đáp: Cái gọi là tâm liên tục nối nhau này, thế đế mới có, chứ không phải nghĩa chân thật. Điều đó không nên nói.

Lại nữa trong thế đế cũng nhiều lỗi. Tâm sinh đã diệt, chưa sinh thì chưa khởi, vậy liên tục nối nhau như thế nào? Cho nên tâm tính không phải vốn trong sạch vì khách trần nên không trong sạch. Chi Phật vì chúng sinh bảo rằng tâm thường tồn tại, cho nên nói bị khách trần làm ô nhiễm làm cho tâm không trong sạch.

Lại Phật vì chúng sinh biếng nhác, nếu nghe tâm vốn không trong sạch, liền cho rằng tính không thể biến đổi, nên không phát tâm thanh tịnh. Cho nên mới nói là bản tịnh.

Phẩm 31: Tương ưng và không tương ưng

Luận giả nói: Có người nói tâm tương ưng với các sử; lại có người nói tâm không tương ưng.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên nói tâm tương ưng; lại do nhân duyên gì nói không tương ưng?

Đáp: Người nói tâm tương ưng, trong Phẩm Sử sau sẽ đề cập.

Lại tham dục v.v... các nghiệp phiền não, nghiệp này các sử tương ưng. Trong pháp của ông tuy nói tâm không tương ưng với sử, với tâm tương ưng làm nhân cho kết triển. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh nói do vô minh, tà niệm, tà tư duy v.v... khởi tham v.v... các kết, chứ không có kinh nào nói do sử sinh. Trong pháp của ông tuy nói tập luyện kết triển lâu thì gọi là sử sinh. Điều này không như vậy. Sở dĩ vì sao? Vì các nghiệp thân khẩu cũng có tướng tập luyện lâu, đây chỉ nên có tương tự sử tâm bất tương ưng hành, mà thật không có. Vì nếu như vậy thì các pháp đều từ nhân hiện tại sinh, không có nhân quá khứ. Vậy thì cũng không cần từ nghiệp sinh báo, cũng không cần từ ý sinh ý thức nữa.

Lại các sử này vì niệm niệm diệt thì do nhân nào sinh?

Hỏi: Cùng chung làm nhân sinh?

Đáp: Như vậy cũng không đúng, vì nhân quả không được cùng một thời hợp lại. Điều này ra sau trong thí dụ ngọn đèn sẽ nói. Cho nên không nên nói các sử là không phải tâm tương ưng.

Phẩm 32: Nghiệp quá khứ

Luận giả nói: Đạo nhân Ca-diếp-bệ nói báo nghiệp đời quá khứ chưa chịu thì có, các đời quá khứ khác thì không có.

Đáp: Nghiệp này nếu mất là quá khứ. Quá khứ nếu không mất tức là thường. Mất là tên khác của quá khứ. Mà mất rồi bị mất nữa, thì nghiệp này làm nhân cho quả báo đã diệt, vì quả báo sinh sau. Như trong kinh nói: Vì điều này nên việc kia được sinh. Như khi sữa diệt làm nhân cho bơ. Thế thì cần gì phân biệt nghiệp quá khứ ư? Mà nếu nói như vậy thì trong các nhân có lỗi, là vì sao không nhân mà thức được sinh? Như thế thì không sữa làm sao có bơ? Nếu không có 4 đại, thì thân khẩu các nghiệp nương đâu mà có? Nhưng lẽ như vậy, tôi trước nói quá khứ có lỗi, người kia nên đáp lại đi.

Phẩm 33: Hai ngôi báu

Luận giả nói: Đạo nhân Ma-hê-xá-bà nói Phật ở trong số của Tăng.

Đáp: Nếu nói Phật ở trong 4 chúng là hữu chúng, sinh chúng, nhân chúng và Thánh nhân chúng thì không lỗi. Nếu nói Phật ở trong Thanh Văn chúng, thế là có lỗi. Vì do nghe pháp mà được giác ngộ gọi là Thanh Văn, và vì tướng Phật khác nên không ở trong chúng này.

Hỏi: Phật đứng đầu trong Tăng, vì có người cúng thí gọi là thí Tăng.

Đáp: Thí này thuộc về bậc Tăng nào? Kinh này có chút lỗi. Vậy thì nên nói thí ấy thuộc về Phật Tăng.

Hỏi: Phật bảo Cù-đàm-di rằng: Đem áo này thí Tăng, tức cúng dường ta, mà cũng là cúng dường Tăng.

Đáp: Ý Phật nói đem lời nói vì cúng dường ta, vật này cúng dường Tăng. Như trong kinh nói: Nếu ai đi thăm người bệnh, tức là thăm ta.

Hỏi: Có các người đã thành tựu Thánh công đức như Xá-lợi-phất v.v... đều ở trong Tăng số, Phật cũng như thế, vì đồng tướng.

Đáp: Nếu đem đồng tướng mà nói thì những người phạm phu và phi chúng sinh cũng phải nhập vào Tăng số, mà đâu có được như vậy. Cho nên biết Phật không thuộc trong Tăng số.

Lại nữa, Phật không vào Tăng Yết-ma, tức xử đoán và cũng không đồng các việc thuộc Tăng sự.

Lại nữa, vì Tam Bảo riêng biệt, cho nên Phật không ở trong Tăng.

Phẩm 34: Vô ngã

Luận giả nói: Đạo nhân Độc tử nói có ngã. Những người khác nói không có.

Hỏi: Đàng nào là thật?

Đáp: Pháp vô ngã thật. Sở dĩ vì sao? Như trong kinh, Phật bảo Tì-kheo rằng: Chỉ vì danh tự, chỉ vì giả thi thiết, và chỉ vì hữu dụng, nên mới gọi là ngã mà thôi. Bởi chỉ vì danh tự v.v..., cho nên biết không có chân thật ngã.

Lại như trong kinh nói: Nếu người nào không thấy khổ, thì người này thấy có ngã. Nếu như thật thấy khổ thì không còn thấy ngã. Nếu thật có ngã thì người thấy khổ cũng phải thấy ngã.

Lại nói: Thánh nhân chỉ vì tùy tục nên mới nói là có ngã.

Lại trong kinh Phật nói: Ngã tức là động xứ. Nếu thật có thì không gọi động xứ. Như mắt có nên không gọi động xứ.

Lại như trong các kinh đều ngăn chấp ngã. Như Thánh Tì-kheo-ni bảo ma vương rằng: Người gọi là chúng sinh tức là tà kiến. Vì các nhóm pháp hữu vi đều là trống không, không có chúng sinh.

Lại nói: Các hành hòa hợp nối nhau nên có, tức là huyền hóa đối gạt phạm phu, đều là oán tặc, như mũi tên đâm vào tim, không có chắc thật.

Lại nói: Không ngã, không ngã sở, không chúng sinh, không người, chỉ là trống không. Tướng 5 ấm

sinh diệt bại hoại mới có nghiệp, có quả báo mà thôi, chứ người làm ra là không thể có được. Các duyên hòa hợp nên mới có các pháp nối nhau. Vì các duyên do này nên trong các kinh Phật đều ngăn chấp ngã. Nên không có ngã.

Lại như trong kinh giải nghĩa thức như sau: Sao gọi là thức? Nghĩa là có thể biết sắc cho đến biết pháp chứ không nói biết ngã. Cho nên không có ngã. Tì-kheo Quần-na hỏi Phật rằng: Ai ăn thức thực? Phật đáp: Ta không nói có người ăn thức thực. Nếu có ngã nên nói ngã ăn thức thực. Vì không nói cho nên biết không có ngã.

Lại như trong Kinh Bình-sa Vương Nghinh Phật, có nói: Phật bảo các Tì-kheo rằng: Các ông xem những người phạm phu đuổi theo giả danh cho là có ngã. Trong 5 ấm này thật không có ngã và ngã sở.

Lại nói vì 5 ấm nên có các thứ tên như là ngã, chúng sinh, nhân, thiên v.v..., như vậy vô lượng danh từ đều do 5 ấm mà có. Nếu có ngã thì phải nói nguyên nhân ngã.

Lại như Trưởng lão Phất-ni-ca bảo ngoại đạo rằng: Nếu người tà kiến thì không mà cho là có. Phật muốn dứt tà mạn này chứ không dứt chúng sinh. Cho nên nói không ngã.

Lại như trong Kinh Viêm-ma-già, Xá-lợi-phất bảo Viêm-ma-già rằng: Ông thấy sắc ấm là A-la-hán chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Thấy thụ, tướng, hành, thức là A-la-hán chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Thấy 5 âm hòa hợp là A-la-hán chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Thấy lia 5 âm là A-la-hán chăng?

Đáp: Không phải.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy xét tìm không thể được, thì có nên nói A-la-hán sau khi chết là không có chăng?

Đáp: Thưa Xá-lợi-phất! Tôi trước đã có tà kiến ác nay được nghe nghĩa này, tà kiến kia liền diệt. Nếu như có ngã không gọi là ác sao?

Lại trong 4 thủ có nói ngã ngữ thủ. Nếu thật có ngã, nên nói ngã thủ, như dục thủ v.v..., không nên nói ngã ngữ thủ.

Lại như trong Kinh Tiên-ni nói: Trong tam sư, nếu có sư nào bất đắc hiện ngã hậu ngã, ta nói sư đó là Phật đấy. Vì Phật là bất đắc, nên biết không có ngã.

Lại trong vô ngã, ngã tướng là điên đảo. Nếu trong ý ông cho rằng ngã tướng trong ngã không phải điên đảo thì điều đó không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì Phật nói: Chúng sinh thấy có ngã, đều là thấy 5 âm đấy. Cho nên không có ngã.

Lại nói chúng sinh nghĩ nhớ bao nhiêu túc mạng cũng đều là nghĩ đến 5 âm đó thôi. Nếu như có ngã cũng nên nghĩ đến ngã, vì không nghĩ nên biết không ngã. Nếu trong ý ông bảo cũng có kinh nói nghĩ nhớ chúng sinh, như với chúng sinh nào đó, ta gọi tên chúng sinh đó. Điều này cũng không đúng. Vì đây là thế để phân biệt, nên nói là thật nghĩ 5 âm, chứ không phải nghĩ chúng sinh. Sở dĩ

vì sao? Vì ý thức nghĩ, ý thức chỉ duyên nơi pháp. Cho nên không có nghĩ nghĩ nhớ chúng sinh.

Lại như có người nói quyết định có ngã, thì trong 6 thứ tà kiến quyết sa vào một thứ. Nếu ý ông bảo vô ngã cũng là một thứ tà kiến, thế là không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì là 2 đế. Nếu đem thế đế nói không ngã, đem đệ nhất nghĩa đế nói có ngã, là có lỗi. Tôi nay nói đệ nhất nghĩa đế nên không lỗi, nếu thế đế thì có. Cho nên không lỗi.

Lại Phật nói nhỏ gốc ngã kiến, như trong lời hỏi của vua Si Vương. Phật đáp: Này Si Vương! Nếu có người dùng nhất tâm quán các thế gian là trống không, thì nhỏ được gốc ngã kiến, không còn thấy vua chết nữa.

Lại như vì các thuyết nói nhân duyên có ngã buồn vui các việc đều do 5 ấm mà ra, và để phá các ngã kiến nhân duyên của ngoại đạo, cho nên nói không có ngã.

Phẩm 35: Có ngã, không có ngã

Hỏi: Ông nói không có ngã, điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong 4 cách trả lời là cách trả lời thứ tư.

Nghĩa là người sau khi chết, hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, không phải có không phải không. Nếu thật không có ngã thì không nên có những lời trả lời ấy.

Lại như người nào nói không có chúng sinh thụ thân sau, đó tức là tà kiến.

Lại trong 12 bộ kinh, có Kinh Bản Sinh, Phật tự nói: Khi ấy vua Đại Hỷ Kiến kia tức là thân ta. Có các truyện bản sinh như vậy. Năm ấm nay không phải 5 ấm xưa. Cho nên có ngã từ xưa đến nay.

Lại Phật nói nay vui mừng sau vui mừng, làm lành được 2 đời vui mừng. Nếu chỉ có 5 ấm, thì không nên nói 2 đời vui mừng.

Lại trong kinh nói: Tâm cấu uế nên chúng sinh cấu uế. Tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh.

Lại như một người sinh thế gian, thì nhiều người bị tổn hại.

Lại một người sinh thế gian, thì nhiều người được lợi ích.

Lại như gây nghiệp nhân lành hay không lành đều căn cứ nơi chúng sinh chứ không căn cứ nơi số phi chúng sinh.

Lại nhiều chỗ trong kinh, Phật tự nói: Ta nói có chúng sinh có thể thụ thân sau, và có thể tự lợi mà không lợi tha-v.v.... Vì các lẽ ấy nên biết có ngã. Ông trước tuy nói chỉ vì danh tự v.v.... Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Là Phật chỉ vì ngoại đạo nói lìa 5 ấm riêng chấp có tướng ngã thường không hoại. Muốn dứt tà kiến này nên mới nói không có ngã. Nay chúng tôi nói 5 ấm hòa hợp, gọi đó là ngã nên không bị lỗi.

Lại tuy nói: Ngã chỉ vì danh tự v.v..., nên suy nghĩ kỹ lời nói này: Nếu chúng sinh chỉ là danh tự, thì nếu giết con bò bằng đất không bị tội sát sinh, thì giết con bò thật cũng không nên có tội.

Lại như trẻ con lấy tên một vật gì cúng thí, đều có quả báo, thì người lớn chỉ nói thí bằng cái tên cũng nên được báo. Nhưng thật không có được.

Lại chi cái tên, nên không mà nói có thì Thánh nhân cũng có vọng ngữ sao? Vì nói thật ngữ mới gọi là Thánh nhân chứ! Cho nên biết có ngã.

Lại như Thánh nhân thấy thật không có ngã mà tùy theo thế tục nên nói có ngã, thế là thấy điên đảo, vì nói khác.

Lại như vì tùy theo thế tục không mà nói có, thì không nên lại nói thật nghĩa trong kinh là 12 nhân duyên, 3 thứ giải thoát, và các pháp vô ngã v.v.... Nếu có người bảo có đời sau nên tùy theo mà nói có, trái lại có người bảo không, cũng tùy theo mà nói không.

Lại bảo muôn vật trong thế gian đều do trời Tự Tại sinh ra. Các thứ kinh sách tà kiến như vậy, cũng đều nên tùy thuận mà nói theo. Đó là điều không thể được. Cho nên ông đã dẫn kinh, nói chung đều bị đả phá hết. Cho nên không phải không có ngã.

Đáp: Ông trước nói vì bỏ không đáp nên biết có ngã. Đó là điều không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì đây là pháp bất khả thuyết. Sau trong nhóm diệt đế sẽ phân biệt nói rộng. Cho nên không có thật ngã, và bất khả thuyết là chỉ vì giả danh mà nói, chứ không phải thật có.

Lại ngã trong pháp của ông lấy 6 thức mà biết, như trong kinh của ông nói: Do mắt thấy sắc cho nên ngã hoại. Vậy cái bị biết của nhãn thức thì không nên nói phi sắc phi phi sắc, thanh v.v... cũng vậy.

Lại nữa, nếu ngã là cảnh được biết của 6 thức thì cũng trái với kinh. Vì trong kinh nói: Năm tình thức không thể thay đổi nhau mà thủ 5 trần, vì chủ vào việc khác nhau. Nếu lấy 6 thức mà biết được ngã, thì 6 căn dùng được cho nhau sao?

Lại nữa, lời ông nói trước sau mâu thuẫn nhau, như cái được biết của nhãn thức không gọi là sắc?

Lại ông nói: Vô ngã là tà kiến. Trong kinh, Phật tự bảo các Tì-kheo rằng: Tuy không có ngã, nhưng vì các hành nối nhau, mới nói có sinh tử. Ta dùng thiên nhãn thấy các chúng sinh khi sinh khi chết, cũng không nói là ngã.

Lại nữa, trong pháp của ông có lỗi, như ông nói ngã không sinh. Nếu không sinh thì không cha mẹ. Không cha mẹ thì không có nghịch tội, cũng không có các tội nghiệp khác nữa. Cho nên pháp ông là tà kiến.

Lại nữa, ông nói có bản sinh là do 5 ấm nên gọi là Hỷ Kiến vương, tức 5 ấm kia nối nhau, nên gọi là Phật. Cho nên nói ta là vua kia. Trong pháp ông, ngã là một, vậy không nên phân biệt.

Lại nữa, ông nói làm lành 2 đời mừng vui. Trong kinh, Phật tự ngăn điều này, nói ngã không nói có người bỏ 5 ấm này thụ ấm kia, chỉ vì 5 ấm nối nhau không khác, nên mới nói 2 đời mừng vui.

Lại nữa, ông nói tâm cấu bản nên chúng sinh cấu bản. Do đó nên biết không có thật ngã. Nếu có thật ngã nên cùng với tâm khác, không nên nói tâm cấu bản nên chúng sinh cấu bản. Sở dĩ vì sao? Vì không thể kia cấu bản mà đây nhận chịu. Chỉ vì giả danh nhân duyên mới

có như bản nên nói giả danh như bản. Cho nên giả danh là ngã, không phải chận thật.

Lại như pháp ông nói ngã không phải 5 âm. Vậy thì không sinh không diệt, không có tội phúc v.v..., có những lỗi như vậy. Tôi nói 5 âm hòa hợp giả danh là ngã. Do ngã này cho nên có sinh có diệt, và có tội phúc v.v..., không phải không có giả danh, chỉ là không phải thật.

Lại như trước ông nói vì muốn phá ngoại đạo nên Phật nói không ngã. Đó là ông tự vọng tưởng phân biệt như thế, chú ý Phật không phải vậy.

Lại các thuyết nói có ngã đều là làm lỗi, như ông nói ngoại đạo rời 5 âm rời riêng chấp có ngã, ông cũng như vậy. Sở dĩ vì sao? Vì 5 âm vô thường mà ngã không thể nói hoặc thường hay vô thường, tức là rời âm.

Lại nữa âm có 3 phần là giới định tuệ, thiện bất thiện vô ký, Dục giới hệ, Sắc giới hệ, Vô sắc giới hệ. Phân biệt như thế, thì ngã là không thể được, nên khác với 5 âm.

Lại ngã là người, 5 âm không phải người, tức là khác.

Lại âm là 5, ngã là 1, cho nên ngã không phải âm. Nếu vì các duyên do này mà có ngã, thì khác với 5 âm.

Lại thế gian không có một pháp nào không thể nói một không thể nói khác, cho nên không có pháp gọi là bất khả thuyết.

Hỏi: Như đốt cháy và cháy được, không được nói là một, không được nói là khác. Ngã cũng như vậy?

Đáp: Đó cũng là đồng nghi. Cái nào là đốt cháy, cái nào là cháy được? Nếu thứ lửa là đốt cháy, thứ khác là cháy được, thì đốt cháy khác với cháy được. Nếu thứ lửa tức là cháy được, làm sao nói không một? Nếu thứ cháy được tức là thứ lửa, nếu rời thứ lửa, cũng đều không được, nên mới gọi là đồng nghi. Nếu trong đốt cháy, có cái có thể cháy được, như trong ngã có sắc, tức sa vào thân kiến.

Lại phải nhiều ngã, như lửa củi khác, lửa phân bò khác. Ngã cũng như vậy, ngã nhân ẩm khác, ngã thiên ẩm khác, tức là nhiều ngã.

Lại như đốt cháy và cháy được ở trong 3 đời, ngã và 5 ấm cũng phải ở trong 3 đời như vậy, như đốt cháy và cháy được. Vì là hữu vi nên ngã và 5 ấm cũng phải là hữu vi.

Lại tuy ông nói đốt cháy và cháy được không một không khác. Nhưng mắt thấy tướng khác ngã và 5 ấm cũng phải có khác.

Lại 5 ấm mất, mà ngã không mất, vì chết nơi đây, sinh đến nơi kia, có 2 đời mừng vui. Nếu tùy theo 5 ấm có mất có sinh, thì đồng như 5 ấm không được gọi 2 đời mừng vui. Ông dùng vọng tưởng phân biệt có ngã, được những lợi gì?

Lại trong các thứ trần, không có một trần nào được biết của cả 6 thức. Ngã mà ông đã nói có thể 6 thức đều biết được, thế thì không phải là 6 trần.

Lại không gồm trong 12 nhập, tức không phải các nhập. Không gồm trong 4 đế, cho nên nếu nói có ngã tức vọng ngữ.

Lại trong pháp ông nói, pháp khả tri là 5 pháp tạng: quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết. Ngã ở trong pháp thứ 5, tức khác với 4 pháp kia. Ông muốn cho khác với 4 pháp trước mà không phải thứ 5 là không thể được. Như nói ngã là bị các lỗi này thì cần gì vọng tưởng phân biệt ngã làm chi? Cho nên trước ông nói có câu: Ngoại đạo rời 5 âm rời riêng chấp có ngã, chúng tôi không phải vậy. Điều này không đúng.

Lại trước ông nói ngã chỉ giả danh nên nghĩ kỹ. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong Phật pháp nói việc thế đế không cần nghĩ kỹ.

Lại ông nói vọng ngữ thấy điên đảo, cũng như vậy.

Lại như ông nói: Không nên nói thật nghĩa trong kinh. Điều này nên nói, vì khiến cho biết đệ nhất nghĩa.

Lại ông nói, những chỗ thế gian nói đều nên tùy thuận theo. Nhưng nếu nói trời Tự Tại sinh ra muôn vật v.v... thì không nên chấp nhận. Nếu có lợi ích và không trái với thật nghĩa thì chấp nhận, nên không lỗi. Nếu trong thế đế có thể sinh công đức, có thể có lợi ích, như vậy nên chấp nhận. Điều này sau sẽ nói rộng.

Lại ông nói giết con bò bằng đất v.v..., không tội sát sinh. Nay xin trả lời: Nếu đối với các loài có tình thức, các âm nối nhau thì có nghiệp và nghiệp báo. Với con bò bằng đất v.v... không có việc như thế. Cho nên phải biết 5 âm hòa hợp giả danh là ngã, chứ không phải thật có.

Phẩm 36: Sắc tướng trong luận về sắc của nhóm khổ đế

Hỏi: Trước ông nói sẽ luận về thành thật. Nay nói những gì là thật đây?

Đáp: Thật, là 4 đế. Đó là khổ, nhân của khổ, khổ diệt, đạo diệt khổ. Năm thụ ấm là khổ. Các nghiệp và phiền não là nhân của khổ. Hết khổ là khổ diệt. Tám Thánh đạo là đạo diệt khổ. Vì muốn thành lập pháp ấy nên mới tạo luận này. Phật tuy tự thành lập pháp này, để độ chúng sinh nên đã nói tán mác ở nhiều nơi.

Lại Phật lược nói pháp tạng có 8 vạn 4 ngàn, trong đó có 4 y, 8 nhân. Nghĩa này hoặc bỏ mà không nói, hoặc có nói lược qua. Tôi nay muốn soạn tập có thứ lớp cho nghĩa được rõ ràng nên nói.

Hỏi: Ông nói 5 thụ ấm là khổ đế. Những gì là 5?

Đáp: Sắc ấm, thức ấm, tưởng ấm, thụ ấm và hành ấm.

Sắc ấm là 4 đại, và những pháp gì do 4 đại mà thành. Và những pháp gì do 4 đại tạo thành gọi chung là sắc. Bốn đại là địa, thủy, hỏa, phong. Do sắc, hương, vị và xúc nên thành 4 đại. Do 4 đại này thành nhãn v.v... 5 căn. Các thứ này chạm nhau nên mới có tiếng. Địa là sắc v.v... nhóm họp cứng nhiều, nên gọi là địa. Như vậy ẩm ướt nhiều gọi thủy, nóng nhiều gọi là hỏa, nhẹ động nhiều gọi phong. Nhãn căn chỉ duyên sắc và làm chỗ nương cho nhãn thức, và khi đồng tính không nương, đều gọi nhãn căn. Bốn căn kia cũng như vậy. Sắc là chi làm chỗ bị

duyên cho nhãn thức, và khi đồng tính không duyên, gọi là sắc. Hương, vị, xúc cũng vậy. Các thứ này chạm nhau nên có tiếng.

Phẩm 37: Sắc danh

Hỏi: Trong kinh nói các sắc có, đều là 4 đại, và do 4 đại làm nhân mà thành.

Vì sao nói có, là đều là?

Đáp: Nói có, là đều là, là quyết định nói sắc tướng, chứ không nói gì khác. Vì người ngoại đạo nói có 5 đại. Vì muốn bỏ thuyết này, nên nói 4 đại và do 4 đại làm nhân mà thành. Bốn đại giả danh nên mới có. Phổ biến đến nên gọi là đại. Pháp không sắc không hình. Vì không hình, nên không phương. Vì không phương nên không gọi là đại. Lại vì thô hiện lên nên gọi là đại. Tâm số pháp không hiện, nên không gọi là đại.

Hỏi: Vì sao gọi các pháp như địa v.v... là sắc, mà không gọi thanh v.v...?

Đáp: Pháp có đối gọi là sắc, thanh v.v... đều có đối nên cũng gọi là sắc, chứ không phải như tâm pháp v.v... Có hình nên gọi là sắc. Thanh v.v... đều có hình nên cũng gọi là sắc. Xứ sở ngăn ngại nên gọi là hình.

Hỏi: Sắc v.v... không phải đều có hình, thanh v.v... mới không có hình.

Đáp: Thanh v.v... tất cả có hình. vì có hình, vì có đối, nên có ngăn ngại, như bị vách ngăn thì không nghe.

Hỏi: Nếu thanh v.v... có ngăn ngại, thì phải không thu nhận các vật, như vách ngăn nên không dung nạp được gì.

Đáp: Vì thanh vi tế nên có thể thu nhận được, như hương vị v.v... vi tế nên chung nung một hình, mà không trở ngại nhau. Cho nên thanh v.v..., vì có ngại có đối, nên đều gọi là sắc.

Lại vì tướng nó có thể tổn hoại, nên gọi là sắc. Có những sự cắt đứt tàn hại v.v..., đều nung nơi sắc. Vì trái với sắc này, nên gọi là vô sắc định.

Lại hiển thị nghiệp lành dữ đời trước, nên gọi là sắc.

Lại cũng hiển thị tâm và tâm số pháp, nên gọi là sắc.

Lại vì xưng danh, nên gọi là sắc.

Phẩm 38: Bốn đại giả danh

Hỏi: Bốn đại là giả danh, nghĩa này chưa thành lập được vì có người nói 4 đại là thật có?

Đáp: Bốn đại giả danh nên mới có. Sở dĩ vì sao? Phật vì ngoại đạo nên nói 4 đại. Có các ngoại đạo nói sắc v.v... tức là đại, như phái Tăng-khư v.v.... Hoặc nói rời sắc v.v... là đại, như Vệ-thế sư v.v.... Cho nên kinh này quyết định nói do sắc v.v... mới thành địa v.v... các đại. Cho nên biết các đại là giả danh có.

Lại như kinh nói địa chúng là cứng và nung cứng. Cho nên không chỉ có cứng cho là địa.

Lại người đời cũng đều tin các đại là giả danh có. Sở dĩ vì sao? Vì người đời nói trông thấy đất, ngửi thấy đất, chạm vào đất và mùi vị đất.

Lại trong kinh nói: Đất có thể trông thấy và đụng chạm.

Lại vào đất v.v..., vào trong tất cả, người ấy thấy sắc đất mà không thấy cứng v.v....

Lại người chỉ ra sắc đất, hương đất, vị đất, xúc đất; trong pháp thật có, không thể chỉ ra gì khác.

Lại nghĩa của tên đại là phổ biến cùng khắp, tướng này là nói trong giả danh, chứ không chỉ nói trong tướng cứng.

Lại nói địa trụ trên thủy là giả danh địa trụ, không phải chỉ có tính cứng trụ.

Lại nói cõi đại địa bị đốt cháy tận diệt mà không còn khói than là đốt cái địa giả danh, không phải chỉ đốt cái tính cứng.

Lại vì sắc v.v... nên tin có địa v.v..., không phải chỉ có tính cứng v.v....

Lại trong thí dụ cái giếng nói, nước cũng thấy cũng xúc. Nếu tính ướt là nước thì không có 2 thứ được. Sở dĩ vì sao? Vì Phật nói 5 tình thức không thể thay nhau thủ trần cảnh. Cho nên Phật nói nước có 8 công đức là nhẹ nhàng, mát mẻ, mềm mại, ngon ngọt, trong sạch không hôi, mỗi khi uống vào điều hòa khoan khoái, và uống rồi không bệnh hoạn. Trong đây như nhẹ mát mềm đều thuộc xúc nhập, ngọt thuộc vị nhập, trong sạch thuộc sắc nhập, không hôi là hương nhập, điều hòa khoan khoái và không

bệnh là thể lực của nước. Tám thứ hòa hợp này gọi chung là nước. Cho nên biết các đại là giả danh có.

Lại pháp do làm thành đều là giả danh không thật có. Như trong kệ nói: Bánh xe v.v... hòa hợp, nên gọi là cái xe, 5 âm hòa hợp, nên gọi là người.

Lại như A-nan nói: Các pháp do nhiều duyên thành, ta không quyết định chỗ nào cả.

Lại như có người nói tính cứng v.v... là đại. Người ấy cho rằng tính cứng v.v... làm chỗ nương cho sắc v.v... Vậy thì có nương, có chủ không phải là Phật pháp. Cho nên biết 4 đại đều là giả danh.

Lại trong các pháp có mềm mịn trơn láng v.v..., đều thuộc xúc nhập. Tính cứng v.v... 4 pháp có nghĩa gì đâu mà riêng được gọi là đại? Lại nữa, một thứ mà có 4 chấp, đều có sai lầm. Cho nên biết 4 đại chỉ là giả danh.

Lại nữa, thật pháp hữu tướng, giả danh hữu tướng, và giả danh sở năng sau sẽ nói rộng. Cho nên 4 đại không phải thật có.

Phẩm 39: Bốn đại thật có

Hỏi: Bốn đại là thật có. Sở dĩ vì sao? Vì trong A-tì-đàm nói: Tướng cứng là địa chủng, tướng ướt là thủy chủng, tướng nóng là hỏa chủng, tướng động là phong chủng. Cho nên 4 đại là thật có.

Lại sắc v.v... tạo sắc, do 4 đại sinh, giả danh có thì không thể sinh pháp được.

Lại lấy tính cứng v.v... chỉ cho 4 đại, như nói tính cứng, nương tính cứng là địa. Cho nên tính cứng v.v... là thật đại.

Lại như trong kinh, Phật nói 2 thứ: Cứng nương cứng, ướt nương ướt v.v.... Cho nên biết cứng là thật pháp, nương cứng là giả danh. Các đại khác cũng vậy. Cho nên cứng v.v... là thật đại. Pháp nương cứng vì tùy tục nên gọi là đại thôi. Cho nên mới có 2 thứ đại, vừa thật vừa cũng là giả danh.

Lại như trong A-tì-đàm nói: Hình xứ là địa, tướng cứng là địa chung. Các đại khác cũng như vậy.

Lại trong kinh Phật nói: Trong con mắt có tính cứng và nương cứng là địa, tính ướt và nương ướt là thủy, tính nóng và nương nóng là hỏa. Thịt là địa. Trong thịt này Phật nói có 4 đại, thì phải biết cứng v.v... là thật đại, mà hình là giả danh đại.

Lại Phật không nói trong phong có nương, nên mới biết phong là thật đại.

Lại nếu ai nói 4 đại là giả danh, thì lia tướng đại, nếu nương cứng gọi là địa chung thì thủy nương vật cứng, thủy tức là địa ư? Cục đất bùn nương ướt, đất bùn tức là thủy ư? Như người bị sốt, cả thân đều nóng, thân tức là hỏa ư? Điều này không đúng. Cho nên không được nói nương cứng là địa chung, mà chỉ có tính cứng mới là địa chung. Các đại khác cũng như vậy.

Lại nữa, 4 đại cùng sinh, cho nên không rời nhau. Như trong kinh nói: Có bao nhiêu sắc đều do 4 đại tạo thành. Nếu ai nói 4 đại là thật, thì không rời nhau. Mà nếu

4 đại giả danh thì phải rời nhau. Sở dĩ vì sao? Vì các thứ sắc v.v... nương cứng, rời các thứ ướt v.v..., như vậy thì trong con mắt không có 4 đại, tức trái với kinh. Ông muốn không trái với kinh thì phải công nhận 4 đại là thật.

Trước ông nói: Vì ngoại đạo nên nói 4 đại. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì các ngoại đạo nói 4 đại cùng với sắc v.v... hoặc một hoặc khác. Chúng tôi nói một phần ít xúc nhập là 4 đại. Cho nên không bị lỗi.

Lại chúng tôi nói hiện thấy cứng v.v... là 4 đại, chứ không phải như người phái Vệ-thế sư nói 4 đại cũng có mà không phải hiện thấy.

Lại ông nói cứng và nương cứng. Có 2 nghĩa của nương, như trong kinh nói sắc nương sắc.

Lại nói tâm nương đại pháp. Trong nghĩa này nói cứng tức là nương cứng, mà không nói pháp nào khác. Nếu vậy thì đâu có lỗi gì?

Lại ông nói người đời đều tin, cho đến nước có 8 thứ công đức. Đó chỉ là tùy tục mà nói vậy thôi, chứ không phải là thật đại.

Lại ông nói pháp nhân đó mà thành, đều là giả danh. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh nói: Nếu 6 xúc nhập, hoặc pháp do 6 xúc nhập mà thành.

Lại có Tì-kheo hỏi Phật: Những gì là mắt? Phật đáp: Do 4 đại tạo thành sắc thanh tịnh, đó gọi là mắt. Như vậy thành 12 thứ nhập.

Lại ông nói có chủ có nương. Chúng tôi không cho là như vậy, mà chỉ nói: Pháp trụ ở trong pháp.

Lại ông nói: Cứng v.v... có nghĩa gì mà được riêng gọi là đại? Cứng v.v... có nghĩa là như tướng cứng có thể gìn giữ, tướng nước có thể thấm ướt, tướng lửa có thể làm nóng, còn gió có thể thành trụ. Cho nên 4 đại là thật.

Phẩm 40: Không phải kia cứng

Đáp: Không đúng. Bốn đại là giả danh. Ông tuy dẫn trong A-tì-đàm nói tướng cứng là địa chủng v.v.... Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì Phật tự nói cứng và nương cứng là địa, chứ không phải chỉ nói tướng cứng. Cho nên đây không phải nguyên nhân chính.

Lại ông nói sắc v.v... do 4 đại sinh. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì sắc v.v... do nghiệp phiền não, ăn uống, dâm dục v.v... mà sinh. Như trong kinh nói: Mắt do đâu sinh? Do nghiệp sinh.

Lại nói tham vui nhóm nên sắc nhóm.

Lại như A-nan dạy Tì-kheo-ni rằng: Thân chị là từ ăn uống mà sinh, từ ái mạn mà sinh, và từ dâm dục mà sinh. Cho nên biết sắc v.v..., không chỉ từ 4 đại mà sinh.

Hỏi: Sắc v.v... tuy do nghiệp v.v... sinh, mà 4 đại cũng cần có dự một chút nhân chứ? Như nhân nghiệp nên mới có lúa, lúa này cũng nhờ hạt giống v.v... mà sinh. Như vậy mắt v.v... tuy do nghiệp sinh, mà 4 đại cũng làm một chút nhân.

Đáp: Hoặc có vật không nhân duyên mà sinh, như khi kiếp tận rồi, kiếp sơ có trận mưa lớn, thì nước mưa này do từ đâu sinh?

Lại như sở dục của các chư thiên, nghĩ là được. Như người ngồi thiền và những người đại công đức, sở dục tùy ý. Các điều này đâu có duyên do gì, đâu phải chỉ là nghiệp?

Lại như sắc tướng dứt rồi lại sinh nữa. Như người sinh về cõi Vô sắc, rồi sinh trở lại cõi Sắc. Sắc này lấy gì làm gốc?

Hỏi: Tại sao có vật chỉ do nghiệp sinh, tại sao lại có vật đợ trợ duyên bên ngoài mới sinh?

Đáp: Nếu có chúng sinh nghiệp lực yếu nên phải nhờ hạt giống của các duyên trợ giúp mới thành. Nếu nghiệp lực mạnh thì không cần ngoại duyên.

Lại nữa, pháp là phải như vậy, hoặc có nghiệp, hoặc có pháp, hoặc có sinh xứ, nhưng chỉ do nghiệp lực mà được, chứ không cần ngoại duyên.

Lại nếu cần nhân duyên, thì nên nói hạt giống làm nhân cho mầm v.v.... Vì sao phải nói do cứng v.v... sinh?

Lại vì nghĩa gì mà do cứng v.v... sinh sắc v.v... mà không do sắc v.v... sinh cứng v.v... ư?

Lại nữa cứng v.v... có sắc v.v... cùng chung lại sinh, tại sao nói do cứng v.v... có sắc v.v..., mà không do sắc v.v... có cứng v.v...?

Lại pháp đồng thời sinh, thì không thể làm nhân cho nhau được, như 2 cái sừng đồng sinh, không được nói tả hữu làm nhân cho nhau.

Hỏi: Như đèn với sáng tuy đồng thời sinh, cũng nói sáng nhờ đèn, đèn không nhờ sáng. Điều này cũng vậy?

Đáp: Đèn với sáng không khác. Đèn do 2 pháp hợp thành: 1. Sắc. 2. Xúc. Sắc tức là sáng, cho nên không được nói khác với đèn. Ví dụ này, ông không suy nghĩ kỹ.

Hỏi: Sáng này từ đèn đi tán đến các nơi. Cho nên phải khác?

Đáp: Không đi tán đến chỗ khác. Sắc sáng này hiện thấy ở trong đèn. Nếu đi chỗ khác, thì khi đèn tắt cũng vẫn còn thấy sáng, mà thật không thấy. Nên phải biết sáng này không khác đèn.

Hỏi: Lại có pháp đồng thời sinh cũng làm nhân quả cho nhau, như cái thức trong hữu đối, lấy nhãn sắc làm nhân duyên, chứ không phải nhãn sắc, lấy thức làm nhân duyên?

Đáp: Không đúng. Nhãn thức lấy tâm trước làm nhân, lấy nhãn sắc làm duyên. Bởi tâm trước diệt rồi làm sao đồng sinh?

Lại nếu pháp tùy sở nhân mà sinh tức là nhân thành, nếu tâm nhân nhờ tình trần mà có, tức là pháp do nhân thành.

Lại nữa, 4 đại tức là tạo sắc, vì là nhân sở sinh.

Lại hiện thấy vật ở thế gian do từ nhân giống nhau mà sinh, như do lúa sinh lúa, do bắp sinh bắp. Như vậy do đất sinh đất, không sinh nước v.v.... Cũng như do sắc sinh sắc. Cứ như vậy v.v....

Hỏi: Cũng thấy có vật do từ nhân khác sinh, như trồng ngược lông bò thì có cây xương bồ sinh, trồng sừng thì có cây lau sinh?

Đáp: Tôi không nói không do từ nhân khác sinh, chỉ nói trong nhân giống nhau cũng sinh được. Cho nên nói từ sắc v.v... sinh sắc v.v..., không chỉ từ 4 đại sinh. Cho nên không được nhất định nói sắc v.v... từ 4 đại sinh.

Lại như ông nói do cứng v.v... hiển thị 4 đại. Cho nên cứng v.v... là thật đại. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì tướng cứng v.v... quyết định có thể dùng phân biệt 4 thứ mềm v.v... không nhất định. Hoặc ở trong nhiều thứ cứng, hoặc ở trong nhiều thứ ướt. Cho nên không thể dùng phân biệt các thứ ấy được. Các thứ khác cũng vậy.

Lại với xúc các cứng v.v... phân biệt thứ nào gọi là mềm v.v.... Tại sao? Nếu cho ướt cũng sinh được tính dẻo, mềm, trơn, láng. Vì tướng cứng nhiều cho nên cứng rắn, thô rít như thế v.v.... Cho nên chỉ dùng tính cứng phân biệt 4 thứ.

Lại như trong kinh nói: Vì nương cứng nên hiển thị 4 đại sai khác. Cho nên biết pháp nương cứng gọi là địa chủng, chứ không phải chỉ là tướng cứng. Cho nên nói tướng cứng là nhân thành địa.

Lại với trong sự tạo thành địa, tướng cứng là nhân vượt trội, cho nên đặc biệt nói đến nó, các tướng khác cũng vậy.

Lại do đặt danh tự có bao nhiêu cứng nương cứng đều gọi địa chủng.

Hoặc lại có người chỉ nói tướng cứng là địa chủng. Vì muốn phá nghĩa này nên Phật mới nói cứng nương cứng là địa chủng. Các đại khác cũng như vậy.

Lại trong nhiều tướng cứng, vì cứng nhiều nên có 2 thứ nói. Trong tất cả thứ nhiều đều có cứng v.v... các xúc. Nếu cứng nương cứng, gọi là địa chủng; hoặc ướt nương ướt, gọi là thủy chủng; hoặc nóng nương nóng, gọi là hỏa chủng.

Lại cứng là nhân vượt trội thành địa, cho nên đối với trong ấy gọi là địa thành. Trong giả danh nhân duyên, có giả danh danh tự, như nói ta thấy người chặt rừng.

Lại như người nói có 2 thứ nói. Điều này không đúng. Nếu tùy theo thứ nói là thật, thì 12 nhập v.v... không phải thật. Cho nên nhân nhân duyên sắc mới có nhân thức sinh, vậy là không phải thật, vì không nói thứ nào. Đó là tà luận.

Lại như Phật nhập Hỏa chủng định, từ thân Phật phóng ra nhiều thứ sắc lửa; trong ấy thứ nào là hỏa chủng? Do sắc v.v... thành hỏa, không phải chỉ có tướng nóng.

Lại như Phật nói thân này là cái hòm nhỏ, trong chỉ đựng những tóc lông móng tay v.v.... Như trong kinh nói: Trong thân này có tóc lông móng tay v.v.... Do đó tóc lông móng v.v... là địa chủng chứ không phải lấy có 2 thứ lời nói mà gọi là thật pháp.

Lại trong Kinh Chủng Tử nói: Nếu có địa chủng mà không có thủy chủng thì các hạt giống không thể sinh trưởng được. Trong đây thứ nào là địa chủng? Nghĩa là giả danh ruộng, không không phải chỉ là tướng cứng. Thủy cũng giả danh, không phải chỉ là tướng ướt.

Lại một pháp mà 2 thứ vừa thật vừa giả danh là không thể được. Cho nên sắc v.v... là thật.

Lại nhãn v.v... vì giả danh nên có các đại cũng thật cũng giả danh, đó cũng là tà luận.

Lại trong Kinh Lục Chủng, Phật nói tóc lông móng v.v... gọi là địa chủng.

Lại trong Kinh Tượng Bộ Dụ cũng nói tóc lông móng v.v... là địa chủng.

Lại nữa, lấy nghĩa gì nói chủng là thật, mà không nói chủng là giả danh? Và nghĩa này không phải chép trong kinh.

Lại như ông nói Phật nói trong con mắt có bao nhiêu cứng nương cứng là địa v.v..., Phật dùng lời này để chỉ rõ 5 căn do 4 đại mà thành. Hoặc có người nói do từ ngã sinh căn, hoặc bảo lìa đại riêng có căn, hoặc nói các căn do các thứ tính sinh, nghĩa là từ địa đại sinh tử căn v.v... Vì Phật muốn dứt các chấp này nên mới nói nhãn v.v... các căn do 4 đại hợp thành, không có thật pháp.

Lại do phân biệt mà thành giả danh nhân duyên, thì giả danh cũng không có.

Lại trong thị này có 4 phần cứng nương cứng v.v..., Phật dùng lời này để chỉ trong các vật có là do từ 4 đại sinh.

Lại ông nói Phật không nói trong phong có nương, nên gọi là thật đại, Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì tính nhẹ trong phong là tướng vượt trội, không phải nương pháp nhẹ. Trong địa v.v... nương pháp cứng v.v... là vượt trội, phong thì không phải vậy. Lại nương pháp nhẹ ít, nên không nói.

Lại như ông nói: Nếu nói 4 đại là giả danh thì rời tướng đại, điều này không đúng. Như cúng nương cúng do 4 đại sinh, gọi là địa chủng, chứ không gọi vật khác đến nương. Nếu pháp khác tướng, thì không gọi là nương nhau, mà là rời nhau.

Hỏi: Sinh, thì không gọi là nương, mà nương là vật khác đến nương?

Đáp: Danh tự là nương, chứ không phải vật khác đến nương, vì sinh pháp sai khác. Như nói hư không phổ biến đến khắp cả, mà sự thật là không đến đâu cả.

Lại ông nói 4 đại chung sinh, điều này không đúng. Như trong ánh sáng mặt trời, chỉ có sắc và có thể tiếp xúc cái nóng được, chứ không có pháp gì khác. Trong ánh sáng mặt trăng, chỉ có sắc và có thể cảm xúc cái mát lạnh, mà không có pháp gì khác. Cho nên không phải trong tất cả vật đều có 4 đại. Như có vật không có mùi vị như kim cương v.v..., có vật không hương như vàng bạc v.v..., có vật không sắc như hơi ẩm trong nhà v.v..., có vật không nóng như mặt trăng v.v..., có vật không lạnh như lửa v.v..., có vật động nhau như gió v.v..., có vật không động như tảng đá v.v... Như vậy hoặc có vật không cứng, hoặc có vật không ướt, hoặc có vật không nóng, hoặc có vật không động. Cho nên 4 đại không phải không rời nhau.

Hỏi: Vì nhờ nhân duyên bên ngoài, nên tính các đại phát ra. Như vàng trong đá v.v... có tướng cháy, chờ khi có lửa thì phát ra. Trong nước có tướng cứng, nhờ lạnh thành băng giá. Trong gió có tướng lạnh nóng, nhân khi

nước lửa thì phát ra. Trong cỏ cây có tướng động, khi có gió phát ra. Cho nên trước sẵn có tự tính, rồi nương nhờ duyên ngoài mà phát sinh ra. Cho nên biết 4 đại không thể lia nhau được. Nếu không sẵn có bản tính thì làm sao phát ra được?

Đáp: Nếu như vậy thì trong gió hoặc có hương, hương phải có ở trong gió, như hương ướp trong dầu, hương phải có ở trong dầu. Điều này không đúng. Lại không do các đại sinh tạo sắc, như do ướt sinh ướt. Như vậy do sắc sinh sắc.

Lại nếu không rời nhau, thì trong nhân có quả, như đồng nữ có con; trong đồ ăn có bất tịnh v.v.... Chúng tôi không nói trong nhân có quả. Tuy trong sữa không bơ, mà bơ từ sữa sinh. Như vậy cần gì nhớ tưởng phân biệt bảo 4 đại cùng sinh không rời nhau?

Phẩm 41: Làm sáng tỏ bản tông

Trước ông nói: Chúng tôi không nói 4 đại với sắc hoặc một hoặc khác, cho nên không có lỗi. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì các ngoại đạo muốn thành lập thuyết thần ngã, nên lấy 4 đại là một là khác làm thí dụ. Cho nên Phật đối với trong giả danh lấy 4 đại làm thí dụ, mới nói nghĩa 4 đại. Nếu không phải như vậy thì không nên nói. Người thế gian đều tự nhiên biết địa v.v... 4 đại mà không thấu rõ thật tính, cho nên mới vì nói, mà không nói cái tay v.v.... Nếu cho cứng v.v... là 4 đại, thì có lợi ích gì?

Lại như ông nói nghĩa nương có 2 thứ là các đại là thật. Điều này chưa rõ. Phải biết nghĩa nương này khác, đó tức là giả danh.

Lại ông nói tùy tục mà nói không phải là thật đại. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì hoặc trong kinh sách, hoặc người đời đều không cho rằng không nhân duyên nên trong sắc v.v... đặt ra tên 4 đại. Như người đời nói: Tôi thấy người. Trong sắc v.v... nói tên người, chứ không phải không nhân duyên. Nếu không có nhân duyên mà miễn cưỡng đặt tên, vậy thì thấy ngựa nên nói là người, mà thật đâu phải vậy được.

Lại vì có chi mà không đối với tiếng nói gọi là đất? Người đời thường nói tiếng đất mà không bao giờ nói tiếng là đất. Nếu không nhân duyên mà miễn cưỡng đặt tên, thì cũng có thể nói tiếng là đất được. Mà thật không phải nói vậy được. Cho nên sắc v.v... 4 pháp là địa. Trong địa phần, gọi tên địa. Như sắc là nhân thành giả danh, trong đó gọi tên người, trong cây gọi tên rừng, trong Ti-kheo gọi tên Tăng. Như vậy trong pháp sắc v.v... gọi tên tứ đại.

Lại ông nói 6 xúc nhập, hoặc nhân 6 xúc nhập tạo thành. Kinh này không phải như vậy. Như trong pháp ông, tạo sắc không có chỗ có thể sinh. Trong pháp tôi cũng vậy, trong giả danh lại không có cái được sinh. Cho nên kinh này không nên có, nếu có nên đổi nghĩa này đi.

Lại ông nói nhân 4 đại tạo sắc thanh tịnh nên gọi là nhãn. Điều này không phải như vậy. Bốn đại hòa hợp giả danh là nhãn. Phật gọi 4 đại là sắc, sắc thanh tịnh nên gọi là nhãn.

Lại tuy ông nói pháp trụ trong pháp, không nương không chủ, tức là có nương chủ, vì nghĩa trụ là nương, pháp bị nương là chủ.

Lại ông nói tướng cứng có thể duy trì v.v..., Điều này không phải vậy. Không phải chỉ có tính cứng có thể duy trì mà nhờ nhiều nhân duyên khác nữa. Các thứ khác cũng như vậy. Cho nên 4 đại là giả danh có.

Phẩm 42: Không có tướng cứng

Hỏi: Ông nói nhiều sắc cứng thành địa đại. Cho nên địa v.v... là giả danh. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì pháp cứng còn không có, huống là giả danh địa. Nếu cục đất bùn là cứng, cục đất bùn cũng tức là mềm. Cho nên biết tướng cứng không nhất định.

Lại vì ít nhân duyên nên sinh tâm biết cứng, nếu vi trần hợp thưa thớt, gọi là mềm, hợp dày đặc gọi là cứng. Cho nên không nhất định.

Lại trong một pháp không có 2 chạm xúc, khiến tâm này sinh biết thân cứng mềm không nhất định. Vì đối đãi nhau mà có, như thấy tấm Khâm-bạt-la thì gọi là mềm vì nó mềm, mà gọi là nệm vì nó cứng. Xúc pháp không nên đối đãi nhau mà có.

Lại tự thấy vàng đá, thì biết là xúc cứng, không phải mắt có thể biết được cho nên không có cứng. Vì các nhân duyên này nên các xúc như mềm v.v... cũng đều không có.

Phẩm 43: Có tướng cứng

Đáp: Thật có tướng cứng. Tuy ông nói cục bùn là cứng, cục bùn tức là mềm. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì chúng tôi không cho có pháp thật cục đất bùn, chỉ các pháp hòa hợp giả danh cục bùn, nên không bị lỗi.

Lại ông nói vì nhân duyên ít nên sinh tâm biết cứng. Điều này không đúng. Tôi thì trong vi trần hợp dày đặc, được thành tướng cứng, nên gọi là cứng, không dày, được thành tướng mềm. Cho nên không lỗi. Nếu pháp thành được thì gọi là có. Ông lại nói trong một pháp không có 2 xúc. Điều này không đúng. Tôi thì trong một pháp có thể được nhiều xúc cũng cứng cũng mềm. Ông lại nói cứng mềm đối đãi nhau nên không nhất định. Điều này không đúng. Vì như dài ngắn v.v... do đối đãi nhau mà có.

Lại như nếm vị đường phèn trắng, liền cho đường phèn đen là đắng. Nếm vị Ha-lê-lặc, lại cho đường phèn đen là ngọt. Nếu vì đối đãi nhau nên không có, thì vị cũng không.

Hỏi: Trong đường phèn đen có 2 thứ vị vừa ngọt vừa đắng chăng?

Đáp: Trong tám vải cũng có 2 xúc, vừa cứng vừa mềm.

Lại như nói thấy đá biết cứng, do trước kia đã có chạm xúc nên nay so sánh biết. Như thấy lửa biết nóng, nóng không thấy được.

Lại như người thấy vải Khâm-bạt-la sinh nghi là cứng hay mềm? Cho nên xúc không phải mắt thấy được. Do đó nên có cứng v.v... các xúc.

Lại thật có cứng v.v... Sở dĩ vì sao? Vì có thể khởi tâm phân biệt. Nếu không cứng làm sao phân biệt được? Lại cứng có thể cùng tâm làm duyên và cũng làm ra nghiệp khác nghĩa là đập, ném đi v.v...,

Lại với mềm ướt trái nhau nên gọi là cứng.

Lại do có thể duy trì nhân duyên nên gọi là cứng.

Lại có thể trở ngại cái tay v.v... nên gọi là cứng. Lại chúng tôi hiện biết là cứng. Trong sự hiện biết không cần nhân duyên.

Lại do bởi việc thế gian được gọi là cứng. Các thứ khác cũng như thế, cho nên biết có cứng.

Phẩm 44: Tướng của 4 đại

Hỏi: Tôi đã biết có pháp cứng này, nhưng nay thấy vàng nóng thì chảy, nước lạnh thành băng. Vàng này do cứng nên thuộc đất, chảy nên thuộc nước?

Đáp: Mỗi pháp có tự tướng riêng. Như pháp cứng nung cứng là địa chủng; như ướt nung ướt là thủy chủng v.v....

Hỏi: Vàng cứng thì bị tiêu chảy, nước ướt thì đóng băng. Tại sao các đại không bỏ tự tướng? Như trong kinh nói: Tướng 4 đại hoặc có thể biến đổi. Người được 4 tín không thể được khác?

Đáp: Tôi không lấy cứng làm chảy, lấy ướt làm cứng. Có điều là cứng và chảy là nhân, ướt và cứng là nhân. Cho nên không bỏ tự tướng.

Hỏi: Trong A-tì-đàm nói: Ướt là tướng nước. Hoặc có người nói: Chảy là tướng nước. Trong kinh nói: Thấm là tướng nước. Rốt cuộc cho đằng nào là thật?

Đáp: Chảy, ướt, thấm đều là biệt danh của nước.

Hỏi: Chảy là hành nghiệp của nước, vì là pháp mắt thấy được. Cho nên chảy không phải ướt thấm?

Đáp: Vì ướt thấm nên chảy, ướt nên chảy rút xuống. Cho nên chảy tức là thấm, mà ướt thấm cũng là tướng của nước, chảy là nghiệp của nước.

Hỏi: Trong gió nói tướng nhẹ động. Nhẹ khác, động khác. Nhẹ là thuộc về xúc nhập, động thuộc về sắc nhập. Nay có thể cho cả 2 là pháp là gió được sao?

Đáp: Nhẹ là tướng của gió; động là nghiệp của gió. Tướng với nghiệp hợp lại nói.

Hỏi: Không có tướng động, vì các pháp niệm niệm diệt, nên không đến chỗ khác. Vì có đến chỗ khác mới gọi là động. Đến, đi, động là đồng một nghĩa vậy?

Đáp: Tôi chỉ dùng thế để nên mới gọi là nghiệp, chứ không phải đệ nhất nghĩa. Nhờ pháp nhẹ này, chỗ khác pháp sinh được gọi là nghiệp. Lúc bấy giờ gọi là đi.

Hỏi: Tướng nhẹ không nhất định. Sở dĩ vì sao? Vì đối đãi mới có. Như vật 10 cân, đối với 20 cân là nhẹ, với 5 cân là nặng?

Đáp: Pháp nặng, pháp lờng, nhờ tâm v.v... các pháp đối đãi nhau mà có. Như hoặc có pháp đối đãi nên dài, hoặc có pháp đối đãi nên ngắn. Tướng chung là nhờ tâm nên mới có tướng riêng. Nếu pháp nhẹ vì đối đãi nhau

nên không có, thì các pháp này cũng phải đều không, mà đâu phải vậy. Cho nên đối đãi nhau không phải là nguyên nhân chính.

Lại nhẹ không phải đối đãi nhau mà có, vì không thể cân được nên có. Vật không thể cân được như gió trong đây. Cho nên không phải đối đãi nhau mới có. Chỉ pháp nặng đối đãi nhau, vì không có vật nặng nào mà không cân được.

Hỏi: Nếu không cân được gọi là nhẹ. Vậy thì trừ nặng, còn các pháp sắc thấy, không cân được, đều phải là nhẹ, mà đâu phải vậy. Cho nên ông đã nói không phải là tướng nhẹ?

Đáp: Ý chúng tôi nói lìa sắc v.v..., lại không pháp gì khác gọi là nặng. Pháp sắc v.v..., hoặc có sinh tính cân được. Như cứng không cứng, sức không sức, mới, cũ, mục không mục, tiêu không tiêu, thô nhuyễn v.v..., đều không lìa sắc v.v... mà có tướng nặng. Cũng như vậy, các sắc này hoặc thuộc địa thủy thì cân được; hoặc thuộc phong hỏa thì cân không được.

Hỏi: Nếu pháp nặng không lìa sắc thì pháp nhẹ cũng phải không lìa sắc mà có chứ?

Đáp: Nhưng lìa sắc v.v..., không riêng có pháp nhẹ. Chỉ có sắc v.v... hòa hợp là nhẹ.

Hỏi: Không phải vậy. Muốn phân biệt nặng nhẹ, ắt phải dùng thân căn. Cho nên nặng nhẹ không phải sắc v.v...?

Đáp: Như phân biệt cứng v.v..., hoặc dùng mắt, hoặc dùng tai v.v.... Những vật cứng này không lìa sắc.

Nhẹ nặng cũng như vậy. Tuy dùng thân căn, trong ấy lại không có tướng gì khác.

Lại thân căn không xúc không sinh thân thức. Tướng nặng này tuy thân chưa chạm xúc, mà cũng có thể sinh thức. Như vật nặng tuy dùng vật gói cầm mà cũng biết là nặng.

Hỏi: Không phải lúc bấy giờ biết là tướng nặng?

Đáp: Như người mặc áo tuy không chạm xúc nhau, nhưng cũng được biết họ có hay không có sức mạnh. Nhẹ nặng cũng như vậy. Sở dĩ vì sao? Vì do các thứ xúc sinh các thứ biết về thân. Như hoặc bởi đề bầm sinh biết cứng mềm, hoặc bởi cử động sinh biết nhẹ nặng, hoặc bởi nắm bắt sinh biết mạnh yếu, hoặc bởi tiếp xúc sinh biết lạnh nóng, hoặc bởi xoa vuốt sinh biết rít trơn hoặc bởi bóp nắn sinh biết cứng yếu, hoặc bởi cắt đâm, hoặc bởi roi gậy sinh biết khác thứ. Hoặc có thứ xúc thường ở trong thân, không phải như lạnh nóng v.v... từ bên ngoài đến. Nào là khoan khoái, mệt mỏi, không mệt mỏi, hoặc bị bệnh, hoặc lành bệnh, thân lợi thân độn, biếng nhác, mê muội, tỏ mờ, đau đốn tê liệt, rên rỉ, đói khát, no nê, thèm muốn, không thèm muốn, mờ ám v.v... các thứ xúc, đều sinh biết khác nhau.

Hỏi: Nếu tướng nhẹ nặng tức trong các sắc v.v... thì làm sao với trong sắc v.v... đem thân thức duyên biết được?

Đáp: Không phải trong các sắc v.v... dùng thân thức duyên biết, chỉ trong xúc này có phần ít do thân thức duyên, như cứng không cứng v.v... tuy ở trong các sắc v.v..., hoặc dùng mắt thấy được biết.

Lại như khoan khoái v.v... là do các sắc v.v..., nhưng cũng dùng thân thức phân biệt. Điều này cũng như vậy.

Hỏi: Nếu nhẹ nặng chỉ là xúc thì có lỗi gì, cần gì phải dùng phân biệt các sắc v.v...?

Đáp: Như người đời nói lúa mới lúa cũ. Tướng mới cũ là phải khác sắc v.v..., mà thật không phải vậy. Chỉ có sắc v.v... mới sinh gọi là mới. Nếu tướng mới này là tướng nặng của các sắc v.v... thì sao không phải?

Hỏi: Nếu các sắc v.v... tức là nhẹ nặng v.v... thì tướng nhẹ ở trong lửa gió, thì các sắc nhẹ nhiều phải gọi là gió chứ?

Đáp: Tùy tướng nào nhiều tức gọi là đại. Trong lửa cũng có tướng nóng nhẹ. Vì nóng nhiều nên gọi là lửa, chứ không lấy nhẹ nhiều mà gọi là lửa được. Trong gió chỉ có nhẹ không nóng. Cho nên chỉ lấy nhẹ mà gọi.

Lại chúng tôi không những lấy nhẹ gọi là gió, mà nếu nhẹ nặng làm nhân cho động, thì cũng gọi là gió. Như trong kinh nói: Tướng nhẹ động gọi là gió. Với trong đây tướng nhẹ là gió, động là nghiệp của gió.

Hỏi: Gió có thể làm sập núi. Nếu là vật nhẹ làm sao sập núi được?

Đáp: Gió bạo mà có sức mạnh, thế lực nó có thể như vậy. Nếu như có gió có thể động cộng cỏ nhỏ, hoặc có thể xô núi sập, phải biết đó là nghiệp dụng của gió như vậy.

Hỏi: Nay địa v.v... các đại đều là các sắc hương vị xúc, không sai khác ư?

Đáp: Không nhất định. Như nói trong đất có sắc hương vị xúc. Hoặc chỉ có sắc xúc, như vàng bạc v.v.... Hoặc trong nước có sắc hương vị xúc, hoặc có 3 là sắc, vị và xúc. Hoặc trong lửa có sắc hương vị xúc, hoặc có 3 thứ là sắc hương xúc, hoặc chỉ sắc xúc. Trong gió hoặc có xúc không hương, hoặc có cả hương xúc. Cho nên không nhất định.

Hỏi: Phong xúc như thế nào?

Đáp: Lạnh nóng cứng mềm yếu v.v... các xúc. Nếu tùy các đại nối nhau không rời để có thể biết, thì đó là đại xúc.

Hỏi: Có thầy thuốc bảo sắc gió là đen. Sự thật như thế nào?

Đáp: Gió với sắc đen là nhân. Như người bị cảm gió trong miệng có vị đắng, nhưng người thầy thuốc không nói trong gió có vị. Đó tức gió và vị là nhân.

Hỏi: Có người nói gió lạnh mà không nói gió nhẹ. Sự thật như thế nào?

Đáp: Không có chuyện gọi lạnh là gió. Như băng tuyết lạnh mà không gọi là gió.

Lại gió và lạnh tên khác nhau. Sở dĩ vì sao? Vì như gió nóng và gió không lạnh không nóng, cũng gọi là gió. Cho nên cần y theo các nhẹ gọi là gió.

Lại không sinh pháp sắc xúc v.v... gọi là gió, chứ không phải lạnh là gió.

Hỏi: Nếu gió có sắc vị thì có lỗi gì?

Đáp: Sắc vị không thể có trong gió được. Nếu nói tuy có mà vì quá vi tế nên không thể biết được, nhưng trong tâm cũng nên nhớ tưởng phân biệt cho là có sắc vị, thì điều này cũng không đúng.

Lại nữa, chúng tôi không nói trong nhân có quả. Cho nên nếu việc trong quả có, thì bất tất trong nhân có trước. Đây gọi là thành lập 4 đại là thật.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 4)

Phẩm 45: Căn giả danh

Hỏi: Mắt v.v... các căn với 4 đại là một hay khác?

Đáp: Do nghiệp nhân duyên 4 đại thành mắt v.v... các căn. Cho nên không khác 4 đại.

Lại Phật phân biệt mắt nói như thế này: Trong con mắt thịt có cứng nương cứng gọi là địa chủng. Cho nên biết có căn tức là 4 đại. Sở dĩ vì sao? Vì chỉ phân biệt cứng v.v... thì lại không có mắt. Vì Phật muốn cho người đời biết con mắt là không, nên mới nói như vậy. Nếu không phải vậy thì trong con mắt phải riêng có cứng v.v..., hoặc trong cứng v.v... riêng có mắt? Tùy có phân chia cứng v.v..., cũng không ích gì. Cho nên các căn không khác 4 đại.

Lại như trong Kinh Lục Chủng nói 6 thứ là người. Nếu các căn khác 4 đại, thì mắt v.v... không gọi nhân duyên tạo thành người. Nhân sắc v.v... thành 4 đại. Thanh cũng là nhân duyên tạo thành người. Chỉ trong 6 thứ giả danh là người, cho nên biết các căn không khác 4 đại.

Lại có Ti-kheo hỏi Phật: Những gì là mắt? Phật đáp: Bởi 4 đại thành sắc, không thể thấy mà có đôi, đó là mắt.

Cho nên biết không khác 4 đại. Tì-kheo này có lợi căn trí tuệ, nên đối với mắt v.v... các căn rất sinh nghi rằng người đời đều biết mắt thấy sắc, cho đến cũng biết thân chạm xúc. Tì-kheo này với trong mắt v.v... sinh nghi ngờ là có hay không có. Sở dĩ vì sao? Vì có các sư hoặc nói 5 tính là 5 căn, hoặc nói 1 tính. Tì-kheo này muốn thử xem Phật pháp nói ra sao, nên mới hỏi Phật. Phật muốn chỉ rõ 5 căn đều thuộc 4 đại, nên đáp bảo Tì-kheo rằng mắt này nhân 4 đại tạo thành sắc, không thể thấy mà có đối. Nếu pháp có thật thì không phải do nhân thành. Do pháp giả danh, lại thành giả danh, như do cây thành rừng.

Hỏi: Hoặc có người nói sắc thành tựu gọi là mắt. Sự thật là thế nào?

Đáp: Hoặc thành tựu hay không thành tựu, 4 đại do nghiệp nhân mà sinh gọi là mắt v.v... các căn. Nếu không phải vậy thì nghi Tì-kheo này trong mắt v.v... các căn, rốt cuộc không thể dứt nghi được. Tại vì sao? Là Phật vì nói mắt v.v... các căn do 4 đại tạo ra. Cho nên Tì-kheo này biết mắt không có thật pháp. Cho nên biết mắt v.v... không khác 4 đại.

Lại nhiều chỗ Phật phân biệt 4 đại chỉ rõ mắt là không. Như nói dùng tuệ không hí luận, nghĩa là quán thân này phân biệt 6 thứ: Cứng và nương cứng gọi là địa v.v... Như vậy chán lìa 5 thứ, chỉ có một thức. Cũng như trong kinh nói thí dụ mổ bò, thí dụ voi bước đi để phân biệt 4 đại.

Lại không có mắt, nếu riêng có mắt, lẽ ra nên phân biệt nữa.

Lại như các luận sư Hòa-ta v.v... cũng đều nói như thế đó cho là không có lỗi. Nên phải tin chịu.

Hỏi: Năm căn khác với 4 đại. Sở dĩ vì sao? Vì mắt v.v... thuộc về nhãn nhập v.v..., 4 đại thuộc về xúc nhập.

Lại mắt v.v... là nội nhập, 4 đại là ngoại nhập. Mắt v.v... là căn, 4 đại không phải căn.

Lại mắt v.v... là do tạo sắc thành tựu, 4 đại không phải vậy. Cho nên biết các căn không phải là 4 đại?

Đáp: Tùy theo nhân duyên, tức nơi sự việc nên nói khác. Như tín v.v... 5 căn cũng gọi là hành âm. Nếu 4 đại do nghiệp sinh nhiếp thuộc về mắt v.v... cũng gọi là nội nhập, cũng gọi là căn.

Lại 4 đại tức là thành tựu, như bánh xe v.v... làm thành xe, bánh tức là xe. Điều này cũng vậy.

Hỏi: Không phải vậy. Như tâm thanh tịnh gọi là tín. Tín khác với tâm, điều này cũng vậy?

Đáp: Không phải vậy. Như nhờ ngọc làm cho nước trong, mà nước được trong. Trong sạch tức là nước. Cũng như vậy, nếu được ngọc tín thì ao tâm trong sạch. Tâm trong sạch này tức là tâm.

Lại nữa, trong luận này chúng tôi không nói do tâm có lòng tin khác. Cho nên thí dụ này không đúng.

Lại căn là giả danh, với nhân thành giả danh không được nói khác.

Hỏi: Cũng không được nói một?

Đáp: Trong 4 đại thành tựu giả danh là căn cũng không chỉ gọi 4 đại là căn. Cho nên biết các căn không khác 4 đại.

Phẩm 46: Phân biệt căn

Hỏi: Trong các căn này đại nào nhiều hơn?

Đáp: Không có đại nào nhiều hơn.

Hỏi: Nếu các đại đồng nhau, có sao có người có thể thấy sắc, có người không thấy?

Đáp: Đều do nghiệp sinh. Do nghiệp sinh thuộc về mắt, sức 4 đại có thể thấy sắc, các căn kia cũng vậy.

Hỏi: Nếu do nghiệp sinh, có sao không lấy một căn biết khắp hết các trần?

Đáp: Nghiệp này có 5 thứ sai khác. Có nghiệp có thể làm nhân của thấy, như bố thí đèn đuốc, được quả báo nhãn căn. Thanh v.v... cũng vậy. Vì nghiệp sai khác, nên sức căn cũng khác.

Hỏi: Nếu là sức nghiệp, cần gì nhờ các căn; chỉ cần do sức nghiệp, thức cũng có thể thủ các trần?

Đáp: Không phải vậy. Hiện thấy không căn thì thức không sinh. Sở dĩ vì sao? Vì như người mù không thấy, người điếc không nghe. Trong việc hiện thấy nhân duyên vô dụng. Đó không phải nạn vấn.

Lại pháp là phải như vậy. Nếu không các căn, thì thức không sinh. Ngoại trừ 4 đại v.v..., không căn mà sinh. Pháp phải nhờ đó.

Lại các căn còn là trang nghiêm thân chúng sinh nữa, cho nên do nghiệp mà sinh. Như vì nghiệp nhân duyên được lúa, nên lúa sinh, mà cũng nhờ hạt giống rồi mộng, cọng, nhánh, lá thứ lớp mà sinh. Điều này cũng vậy.

Hỏi: Vì sao tâm không phải vậy? Như nhãn thức lấy nhãn làm căn, cũng do diệt tâm thứ lớp, tâm chi lấy thứ lớp diệt tâm làm căn, lại không chỗ ở như nhãn v.v... các căn, căn phải nói nhân duyên?

Đáp: Nhất định có 5 trần, nhất định có 5 thức, tâm không phải như vậy.

Lại tâm pháp phải như vậy. Có điều là do thứ lớp diệt tâm làm căn, lại không căn thứ gì khác. Như pháp quá khứ vị lai tuy không mà ý có thể duyên, tâm pháp cũng như vậy. Điều này cũng vậy.

Lại điều này cũng đồng với pháp ông. Trong pháp ông sắc v.v... các trần, thức đời căn mới sinh, đời thứ lớp diệt tâm, ý thức mới sinh được.

Hỏi: Nếu ý thức mà không căn thì nương vào đâu?

Đáp: Nương thân tứ đại.

Hỏi: Nếu ở cõi vô sắc thì nương vào đâu?

Đáp: Thức ở cõi vô sắc không chỗ nương. Pháp là như vậy, không nương mà trụ. Sở dĩ vì sao? Vì tướng sai khác, nên ý thức có thể biết có không. Nếu có sắc thì nương, không sắc cũng vẫn có thể trụ. Lại các duyên hòa hợp nên thức mới sinh. Như trong kinh nói do ý duyên pháp thì ý thức sinh. Đó nương vào đâu? Đâu phải như người dựa vào vách v.v.... Tất cả các pháp đều trụ nơi tự tính.

Phẩm 47: Căn và đại đồng nhau

Hỏi: Các ngoại đạo nói 5 căn do 5 đại sinh. Sự thật như thế nào?

Đáp: Không. Sở dĩ vì sao? Vì hư không là không có, điều này đã nói rõ. Cho nên không do 5 đại sinh được.

Hỏi: Các ngoại đạo nói trong mắt nhiều hòa đại. Sở dĩ vì sao? Vì giống nghiệp nhân. Nhân bố thí ánh sáng nên được quả báo mắt. Như trong kinh nói: Thí áo được sắc, thí ăn được sức, thí xe được vui và thí đèn được mắt. Cho nên trong mắt hòa đại nhiều.

Lại mắt nhờ sáng mới thấy, rời sáng thì không thấy. Cho nên biết hòa đại nhiều.

Lại lửa có thể soi xa, vì trong mắt có ánh sáng nên có thể xa đối sắc.

Lại nói người chết mắt về lại mặt trời. Cho nên mặt trời là bản tính.

Lại mắt nhất định có thể thấy sắc, vì sắc thuộc hòa nên thấy lại tự tính. Như vậy hư không, địa, thủy và phong v.v..., tùy theo căn mà lệch nhiều. Người chết nhĩ cản trở về với hư không; tai nhất định có thể nghe tiếng, tiếng thuộc hư không. Các căn khác cũng như vậy. Cho nên các đại trong căn, phải có nhiều ít?

Đáp: Ông nói giống nghiệp nhân. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì hoặc thấy có quả không giống nghiệp nhân. Như nói bố thí ăn được 5 việc quả báo.

Lại nếu như trong mắt sáng nhiều, thì lẽ ra không nhờ sáng bên ngoài như đèn đuốc v.v....

Lại như vì mắt nhờ sáng bên ngoài nên gọi hòa nhiều thì trong tai v.v... các căn, hư không v.v... cũng phải nhiều, không cần nhờ hư không bên ngoài v.v...., mà thật thì phải nhờ ngoài. Cho nên không phải nhân.

Lại nước có thể làm tốt cho mắt, như người rửa mắt, mắt liền sáng tỏ, thì phải nước nhiều?

Lại lửa có thể làm hại mắt, như ánh sáng mặt trời chẳng hạn. Nếu là tự tính, không nên tự hại. Cho nên biết không phải trong mắt hỏa nhiều vậy.

Lại thiên nhãn lia sáng cũng có thể thấy sắc. Cho nên mắt không phải thuộc hòa.

Lại trong ánh sáng mặt trăng cũng được thấy sắc. Mặt trăng không phải hòa tính.

Lại nhãn pháp có thể như vậy. Hoặc có mắt đợi sáng mới có thể thấy, có mắt không đợi sáng vẫn thấy. Như mắt được nhân duyên hư không v.v... tuy không đến sắc mà có thể thấy từ xa. Nhãn pháp là như vậy. Không nên nhớ tưởng phân biệt gọi hòa đại nhiều.

Lại ông nói lia sáng thì không thấy, thì nếu lia hư không, nhớ nghĩ và sắc thì cũng không thấy được. Vậy thì hư không v.v... cũng đều phải nhiều?

Lại không phải tất cả mắt đều nhờ sáng bên ngoài, như loại chim cú vọ, cú mèo v.v... loại thú mèo chồn v.v... không nhờ ánh sáng bên ngoài cũng vẫn thấy được. Nên không phải hòa nhiều.

Lại hòa là soi sáng thường có tướng nóng, mắt đâu phải như vậy? Nếu ông nói mắt có ánh sáng có thể xa đôi với sắc. Điều này đã bị phá, vì mắt không có ánh sáng. Nếu nói trừ về mặt trời thì mắt là thường?

Lại mặt trời v.v... không phải là căn, mắt làm sao trở về được.

Lại như mặt trời chết thì căn của mặt trời và mặt trời lại trở về đâu? Cho nên không đúng.

Lại nữa, khi ở trên trời chết, mắt về chỗ nào? Vì trên ấy không có mặt trời.

Lại hư không là vô tác, thì chỗ đâu mà về?

Lại các căn không đi, vì pháp hữu vi diệt trong từng mỗi niệm.

Lại như ông nói mắt nhất định có thể thấy sắc, vì sắc thuộc hòa trở lại thấy tự tính. Điều này không đúng, vì là nhân vô dụng. Tiếng thuộc hư không v.v... cũng như vậy. Vậy ông nói trong 5 căn các đại lệch nhiều. Điều này đã bị phá.

Hỏi: Có luận sư nói mỗi căn mỗi tính, vì trong địa nhiều cầu-na. Có hương có thể phát ra biết hương. Trong thủy, hỏa, phong, vì có vị, sắc và xúc nên có thể phát ra biết vị sắc xúc. Sự thật như thế nào?

Đáp: Tôi trước đã nói không nhất định. Trong địa có hương các vật khác cũng có. Cho nên không phải nhân.

Lại các đại hợp lại sinh, không thấy có địa lia thủy v.v.... Nếu vì địa có hương nên có thể phát ra biết hương, thì lẽ ra cũng phát ra biết sắc v.v..., vì trong địa có đủ 4 cầu-na.

Hỏi:: Hương chi là địa vì có mũi thuộc địa nên xúc là có thể biết hương?

Đáp: Cầu-na trong địa chi là địa. Có mũi lẽ ra phải biết hết các thứ.

Lại nước chi có xúc lạnh, lửa chi có xúc nóng, lẽ ra lấy lưỡi mắt có thể biết, mà thật không được như vậy.

Lại vì không có đà-la-phiêu, tức không có căn.

Lại lực dụng các căn là cùng hợp lại với trần mới sinh biết. Hòa hợp đã bị phá thì không căn dụng. Cho nên không có một tính là một căn.

Phẩm 48: Căn vô tri

Hỏi: Các căn là đến với trần nên biết, hay không đến mà biết được?

Đáp: Không phải căn có thể biết được. Sở dĩ vì sao? Vì nếu căn có thể biết trần thì có thể cùng một lúc biết hết các trần, mà thật không thể được. Cho nên do thức mới có thể biết. Trong ý ông hoặc bảo căn đợi thức cùng biết, vì căn không rời thức mà biết thì điều này không đúng. Vì không có một pháp nào đợi các pháp khác mới có sở tác. Nếu mắt có thể biết cần gì đợi thức?

Lại như căn có thể biết, thì cần phải phân biệt đây là nghiệp của căn, đây là nghiệp của thức.

Hỏi: Chiếu soi là nghiệp của căn, biết là nghiệp của thức?

Đáp: Đó không phải phân biệt thế nào là chiếu soi. Trong pháp ông, tai v.v... các căn không phải hòa tính, nên không thể chiếu soi được. Nếu các căn đối với thức như đèn thì các căn lại chiếu soi được, như đèn thì chiếu soi lại có chiếu soi, như vậy vô cùng. Nếu lại không chiếu soi thì chỉ căn có thể chiếu soi thì cũng không cần căn, chỉ thức có thể biết. Cho nên chiếu soi không phải nghiệp của căn.

Lại căn không phải có thể biết, như đèn có thể chiếu soi mà không có thể biết, chắc chắn có thể làm chỗ nương cho thức, mới gọi là nghiệp của căn. Cho nên chỉ thức mới có thể biết chứ không phải các căn. Nếu có thức thì biết, không thức thì không biết, như có lửa thì nóng, không lửa không nóng. Phải biết do lửa có nóng.

Hỏi: Trong kinh nói: Dùng mắt thấy sắc, không nên thủ tướng. Tai v.v... cũng vậy. Cho nên biết mắt có thể thủ sắc.

Lại mắt v.v... gọi là căn, nếu nó không thể biết sao gọi là căn?

Lại trong kinh nói: Các đệ tử ta, với việc vi tế có thể biết như mắt xem thấy. Nếu mắt không có thể thấy, thì các đệ tử Phật không thấy gì cả. Điều này không thể được. Cho nên các căn nhất định có thể thủ trần.

Lại vì căn thủ trần do thức phân biệt, vậy căn thức có khác nhau?

Đáp: Trong kinh Phật tự nói: Mắt là cửa vì làm cho thấy sắc. Cho nên mắt không thấy sắc được, vì mắt là cửa, thức ở trong đó thấy, cho nên nói mắt thấy.

Hỏi: Cũng nói ý là cửa, vì biết pháp. Có thể lấy ý làm cửa, mà nó không phải biết sao?

Đáp: Ý cũng do thứ tự diệt tâm làm cửa. Cho nên ý không thể biết. Ý thức mới có thể biết.

Lại trong kinh Phật nói: Mắt muốn sắc đẹp. Mắt là sắc pháp, vì không phân biệt, nên thật không muốn, mà là thức muốn.

Lại như Phật nói: Sắc là cái bị biết của mắt. Thức mới có thể biết sắc, thật sự mắt không biết.

Lại người thế gian, vì thế tục nên mới nói mắt có thể thấy, tai có thể nghe, Phật cũng tùy theo mà nói.

Tại sao chỉ sắc có thể thấy, ngoài ra không thể thấy? Phật cũng nói thấy lỗi tham dục v.v....

Lại người đời nói hết thảy, Phật cũng tùy theo đó mà nói. Như người nghèo mà đặt tên là Phú Quý, Phật cũng theo tên đó mà gọi. Ý Phật không muốn tranh cãi với người đời, như mẹ của Ma-già-la v.v.... Cho nên phải biết đó là tùy theo thế tục mà nói, cho nên Phật mới nói mắt thấy.

Hỏi: Vì sao người đời nói những lời như vậy?

Đáp: Tùy chỗ nhân mắt biết, trong nhân này gọi là thấy. Như nói người kia thấy, người này thấy. Như nói người làm tội phúc v.v..., có chư Phật và trời thần thấy. Như nói mắt phải thấy, mắt trái thấy.

Lại nói do mặt trời sáng thấy, mặt trăng sáng thấy, hoặc hư không thấy hoặc hướng vào trong thấy, hoặc trong cửa trông ra thấy. Như trong việc nấu đồ vật nói

người nầy nấu, người kia nấu, hoặc nói dùng củ củ cây nấu, phân bò nấu, dầu nấu, bơ nấu, lửa nấu, mặt trời nấu. Sự thật là lửa nấu, các vật kia gọi tên mà thôi. Như vậy chỉ có thức có thể thấy, mà mất được tên.

Lại đây là lời bất tận, lẽ ra phải nói do cửa mắt thấy sắc.

Lại mắt là dụng cụ của người, người là giả danh tác giả cần có dụng cụ.

Lại nhờ nhãn thức mà thấy, gọi là mắt thấy. Như người ngồi trên giường cười gọi là giường cười.

Lại vì mắt liên hệ nghiệp của thức nên trong đó nói thức nghiệp. Như tay chân v.v... liên hệ nơi người, nghiệp ở nơi người gọi là nghiệp tay.

Lại nhãn thức làm nhân cho mắt, trong nhân nói quả. Như nói người nào đó đốt xóm làng nào đó. Như nói ăn vàng, gọi ăn là mạng. Cỏ là bò dê. Đều là trong nhân nói quả. Như vậy do mắt sinh thức, vì có thể thấy sắc nên gọi là mắt thấy.

Lại thức gần mắt thấy sắc bèn gọi mắt thấy. Như lừa bò đến gần nước bèn gọi bò ở nước.

Lại vì mắt nên mới phân biệt nhãn thức. Cho nên trong mắt giảm bớt nhãn thức nghiệp, như gậy Bà-la-môn.

Lại mắt có thể thành nhãn thức, cho nên trong đó nói nhãn thức nghiệp, cũng như tổn hao của vật mà gọi người tổn hao, của vật tăng trưởng, mà gọi người tăng trưởng.

Lại nhãn thức cùng với mắt hòa hợp, cho nên có thể thấy gọi là mắt thấy. Như cây hợp cùng người mà có thể

đánh, gọi là cây đánh người. Như màu đen hợp nhuộm áo, nên gọi là áo đen.

Lại các pháp thay đổi nhau mà nói, như nói tuệ nghiệp trong thụ v.v....

Lại phải nói do nhãn thức thấy sắc vì trong lời nói bớt cho nên chỉ nói mắt thấy.

Lại như vị dược thạch tùy nhận một tên.

Ông nói nếu không có thể thấy sao gọi là căn. Nay sẽ đáp: Mắt v.v... 5 pháp này hơn các sắc v.v... nên gọi là căn.

Hỏi: Mắt v.v... 5 pháp cùng các sắc v.v... là 10 pháp này đều không biết trần, như lia mắt v.v... thì thức không sinh. Nếu lia sắc v.v..., thức cũng không sinh, thì lấy gì gọi là hơn?

Đáp: Vì các căn nên thức có sai khác, gọi nhãn thức nhĩ thức v.v.... Như trống với dùi hợp đánh mà có tiếng, vì trống hơn dùi nên gọi tiếng trống, như đất cùng lúa v.v... hợp mà sinh mộng, vì lúa hơn nên gọi mộng lúa. Các thức cũng vậy. Tùy nơi chỗ nương, được tên khác nhau, không vì cảnh duyên mà hoặc gọi sắc thức thì dễ sinh nghi cho đó là nhãn thức, hay là ý thức, hay là ý thức duyên sắc.

Lại trong căn có thức, trong trần không thức.

Lại đối với trong mắt v.v... sinh tâm ngã si.

Lại chỗ sở y của thức là căn chứ không phải trần.

Lại trong danh số của tự thân là gọi căn chứ không phải gọi trần.

Lại cái mà con người sử dụng là căn chứ không phải trần. Lại căn là chúng sinh số chứ không phải trần.

Lại căn không thông lợi thì thức không sáng tỏ. Nếu căn thanh tịnh thì thức sáng suốt.

Lại vì các căn có thượng, trung, hạ, nên thức cũng tùy theo mà có sai khác. Vì các lý do này nên gọi là thắng hơn.

Lại căn là không chung, chứ một trần có thể được nhiều người chung sở hữu.

Lại căn và thức là một nghiệp quả báo, chứ trần không phải như vậy.

Lại căn là nhân, trần là duyên. Sở dĩ vì sao? Vì căn khác nên thức mới có sai biệt, chứ không phải do trần. Như giống là nhân, đất v.v... là duyên, tùy giống khác nên mới có sai khác. Vì nhân thắng hơn duyên, nên được gọi là căn.

Ông nói: Đệ tử ta đối với việc vi tế, như mắt xem thấy. Đó là lời nói tùy tục. Vì người đời nói trong mắt thấy, nên mới nói như mắt xem thấy. Như Phật nói kệ:

*Sáng suốt gần trí,
Như lưỡi biết vị.
Lưỡi tuy không biết,
Không đồng gáo bầu.*

Ý nói nương nơi lưỡi sinh thiệt thức nên mới nói lưỡi biết vị, nương nơi mắt sinh nhãn thức gọi là mắt thấy. Cho nên nói đệ tử Phật như mắt xem thấy.

Ông nói do căn thủ trần, nhờ thức phân biệt. Điều này đã đáp, vì căn là vô tri.

Lại các ông cũng không nói căn suy nghĩ biết ngã có tướng sai khác. Cho nên các căn không thể thủ trần.

Lại cái biết của các ông không đợi căn sinh. Sở dĩ vì sao? Vì đại và ngã v.v..., trước có căn mà sau sinh.

Lại các đại v.v... các đế của các ông, vì không bản tính nên lẽ ra đều không có. Bản tính của pháp ông biến làm đại v.v.... Bản tính pháp là không. Điều này đã nói. Vậy thì không căn.

Phẩm 49: Căn trần hợp nhau lia nhau

Hỏi: Ông nói thức có thể biết chứ không phải căn biết. Điều này đã thành. Nay vì là căn trần hợp nhau nên thức sinh, hay là lia nhau mà sinh ư?

Đáp: Nhãn thức không đợi đến mới biết trần. Sở dĩ vì sao? Vì mặt trăng v.v... vật xa, cũng có thể thấy được; sắc của mặt trăng không phải rời mặt trăng mà đi đến.

Lại nhờ hư không và ánh sáng nên thấy được sắc. Nếu mắt đến sắc thì không có khoảng giữa trống không và ánh sáng, như mắt bị đắp miếng thuốc dán, thì mắt không thấy được. Phải biết nhãn thức không đến mà biết. Nhĩ thức 2 thứ hoặc đến nên biết hoặc không đến mà cũng biết. Tai, tiếng kêu do đến nên biết, tiếng sấm không đến mà cũng biết. Còn 3 thức kia đều đến căn mới biết. Sở dĩ vì sao? Vì hiện thấy 3 thức này căn với trần hòa hợp

mới có thể biết được. Ý căn vì không sắc nên không chỗ nào không đến.

Hỏi: Ông nói nhãn thức không đến mà biết. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong mắt có ánh sáng; ánh sáng này có thể đi thấy sắc. Ánh sáng là vật lửa. Mắt do hòa sinh. Vì hòa có ánh sáng.

Lại nếu không đến có thể thấy, thì sao không thấy tất cả sắc? Vì nhãn quang đi có bị ngăn ngại không đến khắp nên không thấy tất cả.

Lại trong kinh nói: Ba việc hòa hợp nên gọi là xúc. Nếu không đến làm sao hòa hợp?

Lại vì 5 căn đều là hữu đối. Bờn trần ngăn ngại nên gọi là hữu đối. Mũi trong hương, lưỡi trong vị, thân trong xúc, mắt trong sắc và tai trong tiếng nếu không đến thì không ngăn ngại.

Lại hiện tại biết sinh trong 5 trần. Cho nên 5 thức đến mới có thể biết. Nếu không đến mà có thể biết, thì cũng phải biết sắc quá khứ vị lai, mà thật không biết.

Lại do nhiều duyên hợp lại nên biết mới sinh. Cho nên nhãn quang đi hợp với trần, vì nhãn quang đến sắc nên gọi là hòa hợp. Tiếng cũng vì đến tai nên mới nghe. Sở dĩ vì sao? Vì người ở chỗ xa, nói nhỏ thì không nghe. Nếu tiếng giống như sắc không đến mà biết, thì nói nhỏ tiếng, đáng lẽ cũng nghe được, mà thật không nghe. Cho nên biết vì đến mới nghe.

Lại tiếng có thể nghe xa. Nếu không đến mà nghe thì không có xa gần.

Lại tiếng vì bị vách ngăn, thì không nghe được. Nếu không đến cũng nghe thì dù bị ngăn cũng phải nghe được.

Lại tiếng nghe xa thì không rõ, nghe gần thì rõ. Nếu không đến mà nghe, thì không có sai khác. Vì đến tai nên có sai khác. Cho nên biết có âm thanh đến nên mới nghe được.

Lại tiếng thuận gió thì nghe rõ, nghịch gió không rõ. Cho nên biết có đến mới nghe được.

Lại tiếng có thể nghe hết, nếu không đến mà nghe, thì nghe không hết. Như sắc không đến mà thấy nên thấy không hết. Vậy mới biết tiếng không đồng như sắc. Nếu không đến vẫn nghe là đồng với sắc. Như sắc thấy được một phần, thứ khác cũng đợi có ánh sáng mới thấy. Tiếng lẽ ra cũng phải vậy, mà thật ra không phải vậy. Cho nên không đến tai thì không nghe.

Ông nói tai v.v... căn trần không đến mà biết. Điều này không đúng. Thanh, hương, vị và xúc, phải đi đến căn, nếu khiến căn đi, thì điều này không đúng. Vì tai v.v... các căn không có ánh sáng, chỉ một hỏa đại có ánh sáng cho nên không đi.

Lại tiếng nếu bị vật dày, đục và nước v.v... ngăn, tai cũng vẫn nghe được. Nếu căn có ánh sáng thì không thể như vậy được. Cho nên biết nhĩ căn không có ánh sáng.

Lại tai ở trong tối cũng biết trần được. Nếu căn có ánh sáng thì tối không thể biết được.

Lại như căn có ánh sáng thì tối không thể biết được.

Lại như căn có ánh sáng, đợi có phương hướng mới biết, thấy được một phương hướng, không thể đồng thời biết hết các phương. Như người hướng về Đông, thì thấy sắc phương Đông, không thấy các phương khác được.

Lại nói ý có thể đi, cho nên đến trần mới biết được. Như trong kinh nói: Tâm này một mình đi xa, ẩn tàng không hình dạng.

Lại tâm này tản đi như ánh sáng mặt trời chiếu.

Lại tâm này thường động, như cá mất nước.

Lại tâm này vốn tùy ý hành. Cho nên 6 trần đều đến mới biết?

Đáp: Ông nói ánh sáng đi đến, điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì như người xa thấy gốc cây trụi lá, nghi cho là người. Nếu ánh sáng đến thì đâu có sinh nghi?

Lại như quá gần mắt thì không thấy được, như mắt đắp miếng thuốc dán thì đâu thấy được. Cho nên dù cho ánh sáng đi tới, nhưng vì quá gần nên cũng không thấy gì được.

Lại mắt lia ánh sáng thì không thể thấy, quá gần thì ánh sáng mất.

Lại nếu ánh sáng đến nơi kia, cứ sao thấy vật lớn mà không thấy vật nhỏ?

Lại trong v.v... sắc còn có phương hướng sai khác, nghĩa là sắc phương Đông, phương Tây, cũng có xa gần sai khác nữa. Nếu mắt đến nên biết, thì không sai khác. Sở dĩ vì sao? Vì trong hương, vị và xúc, không có sai khác đó. Cho nên ánh sáng mắt không đến mà biết.

Lại ánh sáng mắt nếu đã thấy trước thì cần gì phải đi? Nếu trước không thấy thì đi đến chỗ nào?

Lại sắc gần sắc xa đồng thời đều thấy đi, thì không thể như vậy được. Cho nên ánh sáng mắt không đi.

Lại như ánh sáng đi, giữa đường lẽ phải thấy các sắc, mà thật không thấy, cho nên biết là không đi.

Lại ánh sáng đi, ánh sáng ấy phải lia thân, thì không gọi là căn. Như ngón tay dứt lia thân, thì không còn cảm giác của thân.

Lại không thấy có mắt nào có thể bỏ chỗ nương của mình, vì không có giống loại thì không phải chỗ nương.

Lại ánh sáng mắt này không thể thấy gì, thì tức là không có.

Hỏi: Mắt này có ánh sáng, nhưng vì bị ánh sáng mặt trời làm chói nên không thấy, như trong ánh sáng mặt trời các ngôi sao không thể hiện ra được.

Đáp: Nếu như vậy ban đêm phải thấy chứ?

Hỏi: Sắc pháp cần nhờ sáng bên ngoài mới có thể thấy được. Đêm không có ánh sáng ngoài, cho nên không thấy.

Đáp: Nếu ánh sáng này ngày đêm đều không thể có được, vậy thì hoàn toàn không thấy rồi.

Hỏi: Mèo, chồn, chuột v.v... và các loại trùng đi đêm, ánh sáng mắt nó có thể thấy mà?

Đáp: Sắc có thể thấy này trụ ở trong mắt mèo v.v..., như sắc sáng loài đom đóm là ở nơi thân, chứ không phải ánh sáng.

Lại như trùng đi đêm trong tối chúng có thể thấy mà người không thấy được. Vậy thì chỉ các loài ấy có ánh sáng, các vật khác không có. Pháp tự như vậy.

Lại ông nói: Nếu không đến có thể thấy, thì lẽ ra phải thấy tất cả sắc. Nếu sắc ở trong cảnh của biết, thì thấy được. Như trong kinh nói: Nếu mắt không hỏng, sắc ở trong cảnh của biết, như vậy thì thấy.

Hỏi: Thế nào gọi là cảnh của biết?

Đáp: Tùy theo lúc sắc và mắt hợp lại gọi là cảnh của biết.

Hỏi: Nếu mắt không đến, đâu có lúc nào hợp?

Đáp: Điều này cũng đồng như ông nói mắt đi đến sắc, hoặc có có thể thấy, hoặc không có thể thấy. Như mắt đi đến mặt trời có thể thấy vàng mặt trời mà không thấy nghiệp của mặt trời. Tôi cũng nói như vậy; mắt tuy không đi nếu sắc ở trong cảnh của biết vậy là có thể thấy, nếu không ở cảnh của biết thì không thấy được.

Hỏi: Ánh sáng mắt đi xa, vì thế lực cùng tốt nên không thấy nghiệp của mặt trời?

Đáp: Nếu vì thế cùng tốt, nên không thấy nghiệp nhỏ, chứ lượng của vàng mặt trời to, tại sao không thấy? Điều này không đúng.

Lại nếu ánh sáng đến kia có thể thấy thì có sao xa thấy vàng mặt trời mà không thấy các làng nước gần Ba-liên-phát ư? Nếu trong ý ông cho rằng các làng ở Ba-liên-phát v.v... không ở cảnh của biết nên không thấy, thì tôi cũng cho rằng mắt không đến, cũng vì sắc không ở trong cảnh của biết cho nên không thấy được.

Hỏi: Đã biết các sắc ở trong cảnh của biết nên có thể thấy. Nay tại vì sao thấy được và tại sao không thấy được?

Đáp: Vì đời ngắn nên không thấy, như sắc quá khứ vị lai.

Vì ánh chói quá nên không thấy, như ánh sáng mặt trời che các ngôi sao và ánh sáng của ngọc của lửa v.v....

Vì không hiển rõ nên không thấy được, như trong đêm có thể thấy lửa, những thứ khác không thể thấy.

Vì thứ bậc hơn nên không thấy, như mắt Sơ thiên không thấy sắc của Nhị thiên.

Vì tối ngăn cản nên không thấy, như tối trong bình.

Vì thần lực nên không thấy, như thân các loài quý.

Vì dày đục ngăn cản nên không thấy như sắc bên kia núi.

Vì xa nên không thấy, như các thế giới.

Vì quá gần nên không thấy, như không tự thấy được lông mi.

Vì thứ lớp chưa đến nên không thấy, như bụi nhỏ trong ánh sáng thấy được, ngoài sáng thì không thấy.

Vì nhỏ nên không thấy, như gốc cây trơ trụi giống như người không phân biệt được.

Vì giống nhau nhiều nên không thấy, như cho một hạt gạo vào trong đồng gạo lớn. Và như một con quạ vào trong bầy quạ. Trái lại với những cảnh như trên thì gọi là ở trong cảnh của biết.

Hỏi: Sao là gọi mắt hồng?

Đáp: Gió, nóng, lạnh v.v... các bệnh làm hồng.

Như vì gió làm hồng mắt thì thấy các sắc xanh đen xoay tròn.

Nếu vì nóng làm hồng mắt thì thấy các sắc vàng đỏ lửa cháy.

Nếu vì lạnh làm hồng mắt thì thấy nước ao nhiều sắc trắng.

Nếu cực nhọc làm hồng mắt thì thấy cây cối lay động.

Mệt mỏi làm hồng mắt thì thấy sắc không rõ.

Giụi vào một mắt thì thấy 2 mặt trăng.

Bị qui quấy phá thì thấy việc quái lạ.

Vì sức của tội nghiệp thì thấy ác sắc. Vì sức của phúc nghiệp thì thấy sắc tinh diệu.

Vì khí nóng hư mắt thì thấy các sắc đỏ lửa cháy.

Lại vì chúng sinh được mắt không hoàn toàn nên thấy không đầy đủ.

Lại mắt bị kéo mây, cho nên không thấy. Hoặc nhãn căn hồng nên không thấy. Đó gọi là mắt hồng. Trái với trên, gọi là không hồng. Tai v.v... các căn cũng căn theo nghĩa này mà phân biệt.

Hỏi: Đã hiểu 5 trần ở trong cảnh bị biết mới biết được. Pháp trần thế nào gọi không ở cảnh biết?

Đáp: Vì bậc trên nên không biết, như tâm người Sơ thiên không biết pháp Nhị thiên trở lên.

Vì căn vượt trội nên không biết, như tâm người độn căn không biết pháp trong tâm người lợi căn.

Vì người vượt trội nên không biết, như Tu-đà-hoàn không biết pháp trong tâm Tu-đà-hàm.

Lực có sai khác nên không biết, như có ý thức mà vô lực đối với pháp ấy. Bởi vì ý thức chẳng biết pháp này, như nhiếp tâm thì ý thức biết đối với pháp ấy.

Bởi vì ý thức không biết pháp này, như nhiếp tâm thì ý thức biết được pháp.

Loạn tâm ý thức không thể biết được, như ý thức Bích-chi-phật biết được pháp, mà ý thức Thanh Văn không thể biết được. Ý lực Phật biết được pháp, mà ý lực Thanh Văn và Bích-chi-phật không thể biết được, như pháp thượng phẩm, ý thức hạ phẩm không thể biết được.

Lại vì pháp trần vi tế nên không thể biết được, như trong A-tì-đàm nói: Những tâm nào có thể nghĩ? Nghĩa là trước đã từng trải dùng qua rõ ràng có thể nghĩ. Không phải không dùng qua, như việc người chết sống. Pháp trước đã có dùng là có thể nghĩ, mà chưa từng dùng thì không nghĩ được. Thánh nhân nếu đã dùng qua, hoặc không từng dùng qua, v.v... đều có thể nghĩ biết, vì sức Thánh trí. Lại vì thắng trần nên biết, như dùng tâm cõi Sắc, biết pháp cõi Dục. Lại vì điên đảo chướng ngại nên không biết, như thân kiến duyên 5 ấm không thấy vô ngã. Vô thường, khổ cũng như vậy.

Lại vì sức mạnh chướng ngại nên không biết, như người độn căn bị người lợi căn làm chướng ngại, nên khiến tâm không biết. Trái với trên, gọi là ở trong cảnh của biết.

Hỏi: Thế nào gọi là ý hòng?

Đáp: Điên cuồng qui ám, kiêu mạn, phóng túng, thất tâm, hoặc say rượu, hoặc bị thuốc mê hôn muội loạn tâm. Hoặc có tham giận v.v... các thứ phiền não bùng lên, phóng túng hư hoại tâm, như thuật Bà-già, như người bắt cá vậy, hoặc bị bệnh Na-nhã-bà, có thể phá hoại tâm.

Lại như già bệnh chết cũng có thể phá hoại tâm. Nếu tâm ở trong thiện pháp, hoặc không ẩn chìm trong pháp vô ký, gọi là không hư hoại. Vì các nhân duyên như vậy, dù có trần cảnh, cũng không biết được. Cho nên ông nói nếu không đến có thể thấy, có sao không thấy tất cả sắc, điều này là không đúng.

Lại nữa ông nói 3 việc hòa hợp nên gọi là xúc, Đó là tùy theo khi căn biết trần, thì gọi là xúc, không cần phải đến nhau. Sở dĩ vì sao? Vì ý căn cũng nói 3 việc hòa hợp, trong đó không do đến nhau, mới gọi là xúc.

Lại ông nói vì đến nhau, nên gọi hữu đối, điều này không đúng. Vì đã nói không phải tương đối vậy.

Lại ông nói hiện tại sinh biết thì thức thứ 6 cũng có, nhưng chỉ biết hiện tại, như tha tâm trí.

Lại ông nói các duyên hợp nên biết sinh thì trong ý căn thứ 6 đã đáp. Nghĩa là tùy khi biết trần, gọi là hòa hợp, lại do ý duyên pháp, ý thức sinh. Lời nói ấy chỉ là trống không, vì không đi đến.

Lại vì quyết định nên gọi là hòa hợp. Nhãn thức chỉ nương mắt, không nương gì khác cũng không phải không nương, chỉ duyên sắc, không duyên gì khác, cũng không phải không duyên. Cho nên ý thức cũng như vậy.

Phẩm 50: Nghe tiếng

Ông nói người ở chỗ xa, nói nhỏ thì không nghe, nên biết tiếng đến. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì như ông nói: Lời nói người ở chỗ xa là do tiếng, có tiếng nói nhau chuyển nhỏ dần, rồi không sinh nữa, cho nên không nghe. Tôi cũng nói như vậy. Mặc dầu tai không đến, nhưng tiếng nhỏ nên không nghe.

Lại như ông nói: Nhãn quang tuy đến mà chỉ thấy vàng mặt trời, không thấy nghiệp của mặt trời. Tôi cũng nói như vậy. Tuy tai không đến, vì tiếng lớn nên nghe được, nhỏ thì không nghe.

Lại như ông nói: Nhãn quang tuy đi xa, nhưng không thể đến trăm ngàn vạn do-tuần. Tuy có thể thấy suốt sự ngăn ngại của thủy tinh v.v..., mà sự ngăn ngại của vách v.v... thì không thấy được. Và có thể thấy mặt trời mà không thấy nghiệp của mặt trời. Tai tôi cũng như vậy, tiếng tuy không đến, vì to nên nghe được, mà không phân biệt kỹ.

Lại ông nói thuận gió thì rõ. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì không có ai nghịch gió mà nghe được. Giống như hương nghịch thì không nghe, tiếng cũng như vậy, nghịch gió lẽ ra không nghe được chút nào, mà thật ra thì nghe được. Cho nên biết tiếng không đến mà nghe. Nếu tiếng nghe được chút ít nhưng vì bị gió ngăn.

Lại tiếng không phải như hương bị gió thổi, cần gì phải phân biệt gió thuận hay nghịch?

Lại như ông nói: Tiếng có thể nghe hết, cho nên biết đi đến không đồng sắc. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao?

Vì lẽ thanh pháp nghe hết, sắc pháp thì không. Muôn vật đều có đồng tướng dị tướng; cho nên biết trần là đồng, biết hết không hết là dị, không vì đến không đến mà cho là dị.

Lại nữa, tiếng của chuông linh có thể nghe trong chuông linh. Làm sao biết? Như người muốn nghe tiếng chuông linh, thì đưa tai vào cái linh.

Lại tiếng là cầu-na cho nên không đi, vì các cầu-na là không tác nghiệp.

Hỏi: Do tiếng nói nhau sinh cầu-na của tiếng, như sóng trong nước, gọi là tiếng đi?

Đáp: Tiếng này cùng sóng dụ làm sao được? Vì tướng nước gió quạt động thì có sóng sinh, chứ ở trong tiếng lại có tiếng gì có thể sinh tiếng khác? Nếu ý ông bảo tiếng có thể sinh tiếng khác thì cứ sao không tức nơi bản xứ mà sinh cũng không ở xứ khác sinh? Vì nước với nước đập vào nhau mới có sóng sinh. Nếu nói rằng người là tạo tiếng, tai phải là nói, mà thật sự không phải. Cho nên biết tiếng không nói mà đi.

Lại như tiếng chuông linh chuyên dần nói nhau sinh, mà cái chuông linh không phải không tiếng. Nếu tiếng như sóng liên tục sinh, thì trước tiên nước không có sóng. Như vậy do cái chuông linh có tiếng, cái chuông linh phải không có tiếng, mà thật ra không phải vậy. Cho nên biết tiếng ở trong cái chuông linh.

Lại như nắm cái linh thì tiếng dứt mất, nên biết tiếng thường nương ở linh. Nếu tiếng nương nơi cái linh thì cũng lìa cái linh. Vậy khi nắm cái linh tiếng phải diệt mất, khi buông tay nắm ra tiếng phải còn.

Lại hiện trong lời nói không có như linh liên tục sinh, lại trong tiếng có phương sai khác, nghĩa là tiếng phương Đông, phương Tây, cũng có tiếng gần tiếng xa. Nếu tiếng đến tai, thì không có việc sai khác này.

Lại nếu tiếng đến, thì thiên nhĩ vô dụng. Sở dĩ vì sao? Vì tiếng nhiều trăm ngàn thế giới làm sao đến được.

Lại như tiếng bản, có thể trúng chỗ tiếng; nếu tiếng đến tai, phải là tai tự bị bản. Nếu không phải vậy, không gọi tiếng bản.

Lại như tiếng xa gần có thể đều nghe được.

Lại vì tiếng niệm niệm diệt, nên không sinh tiếng khác, không có thấy pháp nào niệm niệm diệt có thể sinh pháp khác được! Cho nên tiếng không sinh tiếng khác. Như nghiệp niệm niệm diệt không sinh nghiệp khác được. Tiếng cũng như vậy, niệm niệm diệt nên chẳng sinh tiếng khác. Nếu tiếng sinh tiếng khác, nghiệp cũng phải sinh nghiệp khác. Vậy thì nghiệp không sinh nghiệp, lời nói này hỏng.

Lại trong pháp của ông tiếng với tiếng khác trái nhau, trái nhau vì đôi bên không ở đồng chỗ. Nếu tiếng với tiếng khác ở đồng chỗ, thì không gọi trái nhau. Nếu không ở đồng chỗ, thì tiếng trước diệt rồi, tiếng sau mới tự sinh. Cho nên tiếng không sinh tiếng khác.

Lại tiếng là một pháp, làm sao có thể sinh tiếng khác; không thấy một vật mà có có thể sinh.

Hỏi: Như hợp là một, có thể sinh thành vật, thì tiếng cũng như vậy, tuy là một pháp, mà có thể sinh tiếng khác.

Đáp: Ông thấy hợp pháp là một, có thể có sinh được. Tiếng cũng như vậy. Sắc cũng là một, lẽ ra phải sinh sắc khác. Hương vị xúc cũng như vậy. Thế thì đà-la-phiêu tức chủ vạn vật, hoặc có 5 tính 3 tính 2 tính.

Lại vì đồng nghiệp, nên tiếng với nghiệp đồng tướng. Như nói tuy tiếng cầu-na diệt cùng với nghiệp đồng, như lấy ngón tay búng con dao, con dao động gọi là nghiệp, tức cũng có tiếng động không rời con dao. Tiếng cũng như vậy, lấy tay nắm con dao thì tiếng và động đều dứt. Cho nên biết nghiệp không sinh nghiệp khác. Tiếng cũng phải không sinh tiếng khác được. Nếu ông phân biệt do thể lực nghiệp ban đầu, lại sinh nghiệp sau. Như vậy cũng từ tiếng ban đầu sinh thể lực, do thể lực đó sinh các nghiệp sau. Trong đây không khác, do nghiệp có thể sinh thể lực, mà tiếng thì không thể.

Lại vì nghiệp diệt nên không gọi là nhân đà-la-phiêu. Sở dĩ vì sao? Vì nghiệp trước diệt rồi, đà-la-phiêu mới sinh. Tiếng cũng như vậy, tiếng trước diệt rồi tiếng sau mới tự sinh, tiếng sau không nên có nhân. Nếu ông hãy còn bảo tiếng trước sinh tiếng khác thì tiếng không gọi là niệm niệm diệt. Sở dĩ vì sao? Vì khi sinh tiếng này, là niệm thứ nhất, khi sinh tiếng khác là niệm thứ hai, tiếng khác sinh rồi là niệm thứ ba, khi tiếng trước diệt là niệm thứ tư. Cho nên không phải niệm niệm diệt.

Lại tiếng làm sao cùng tiếng khác trái nhau? Hay là như độc với thuốc độc trái nhau, thuốc với bệnh trái nhau ư? Nếu không như vậy, thì cái chuông linh không nên có 2 tiếng. Nếu trong một niệm, chuông linh có 2 tiếng, thì trong ngàn niệm, cũng phải chỉ có 2 tiếng.

Lại như không có cầu-na, đà-la-phiêu cùng lửa hợp lại mới sinh, cầu-na diệt, bản sắc đen lại sinh sắc đỏ. Tiếng cũng như vậy, tướng trước diệt rồi, tiếng khác lại sinh. Nếu không phải vậy, lẽ ra trong cái linh một niệm có 2 tiếng, mà thật không có 2 tiếng. Cho nên không đúng.

Lại nếu tiếng sinh tiếng khác, thì không theo nhân. Mà thật ra là do từ chuông linh sinh tiếng, vậy tức là theo nhân.

Lại tiếng khác này phải là tiếng chuông linh.

Lại tiếng khác này quyết không nên dứt, vì không có nhân dứt.

Hỏi: Do từ tiếng ban đầu này, chuyển sinh tiếng nhỏ dần, cho nên mới có dứt?

Đáp: Vì sao chuyển sinh tiếng nhỏ dần? Phải chăng tùy thế đánh trúng, tùy trúng mới có tiếng đầu tiên. Phần các tiếng thứ 2 thứ 3 v.v..., cũng tùy đánh trúng sai khác mà có. Vì không nhân đánh cho nên thế đánh giảm, vì thế đánh giảm nên tiếng chuyển nhỏ dần.

Lại nếu nhân tiếng sinh tiếng khác thì cũng phải nhân sắc sinh sắc trong bóng nước. Như vậy trăng dưới nước, tức gọi là sắc. Vậy thì kinh của Vệ-thế sư, tất cả đều bị hủy bỏ.

Lại các ông nói do lia sinh tiếng. Điều này cũng không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì không phải do tay lia sinh tiếng, mà hợp mới có tiếng. Dùng dao, tre v.v... các phần đụng vào nhau, khi lia sự chạm nhau thì có tiếng.

Lại chúng tôi không nói hợp sinh tiếng. Sở dĩ vì sao? Vì ngón tay hợp với hư không thì không sinh tiếng. Nếu ngón tay không chạm nhau cũng không sinh tiếng, cho nên không do hợp mà sinh tiếng. Chỉ do 4 đại hoặc hợp hoặc lìa thì có tiếng sinh; như các nghiệp của các đại thường còn, các đại không bỏ mà đi.

Phẩm 51: Nghe mùi

Hỏi: Ông nói hương đến mũi thì nghe. Đó cũng không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì nếu như tiếng có thể nghe xa, thì hương ở chỗ xa cũng có thể nghe được. Trong ý ông hoặc bảo do vật có hương này nối nhau sinh nhân của hương. Trong tiếng nối nhau, đã nói lỗi ấy mà?

Đáp: Hương làm sao nghe được?

Hỏi: Phần rất nhỏ trong hoa bay đi, hương cũng nương nhờ đó mà bay đi theo?

Đáp: Không phải. Nếu phần của hoa bay đi, thì phần của hoa là sắc, lẽ ra phải thấy được, mà thật sự không thấy, nên biết không đi.

Hỏi: Phần sắc của hoa này vì vi tế nên không thấy?

Đáp: Hương cũng vi tế nên không nghe được.

Hỏi: Thế lực hương lớn mạnh nên nghe được, như mùi hành trong bát canh, tuy không thấy sắc, nhưng nghe được hương?

Đáp: Nay hiện thấy sắc theo phần của hoa cũng nghe được hương, phần vi tế trong sắc, cơ sao không thấy?

Lại như đốt hoa, hương nó tăng thêm, sắc chỉ có diệt cho nên hương không phải phần của hoa.

Lại nếu hương là phần của hoa, lẽ ra cũng nghe chút ít, mà thật ra là không nghe.

Lại nếu là phần của hoa bay đi, thì hoa phải tồn giảm, mà thật ra không giảm. Tại sao biết? Vì như một cân uất kim, hương thường bay đi, mà vẫn thường đủ một cân.

Hỏi: Chỗ tồn giảm ít nên không biết được, như nước trong bình rơi đi một giọt, nào có biết giảm?

Đáp: Nếu thường giảm, thì hoa cũng không còn huống là không biết giảm.

Lại nếu hoa thường giảm thì không thấy nghe được, vì thường giảm nên niệm niệm sinh diệt. Niệm niệm diệt cho nên phải sinh ra đà-la-phiêu khác, huống lại không sinh cầu-na khác ư? Mà thật hoa này có thể thấy nghe được. Cho nên biết phần của hoa không đi.

Hỏi: Nếu chỉ hương bay đi, hương cũng phải hết, vì thường tồn.

Lại vì hương không phần nên lẽ ra phải hết cả.

Đáp: Chúng tôi cho phần của hoa đi theo gió, cũng không cho gió thổi hoa hương đi. Chỉ bởi hương trong hoa, lại sinh hương khác. Bởi gió hương này, lại sinh hương nữa, đi đến mũi nghe, cho nên không có lỗi đây. Vì sao biết? Như nghe hương trong mè vùng không phải hương của phần của hoa, vì đem hoa xông ướp. Nếu là phần của hoa, làm sao xông mè vùng được? Cho nên biết hương này không ở trong phần của hoa.

Lại hoa hương này hoặc xoa hoặc bóp, hoặc cho vào trong nóng, thì hương kia diệt mất. Nếu ở trong mè, thì không mất được.

Lại hoa hương này, chỉ ở trong dầu, không ở trong cặn, nên không phải phần của hoa.

Lại hương này còn lâu trong mè, mà trong hoa không còn lâu được. Nên không phải phần của hoa.

Hỏi: Nếu không phải phần của hoa thì hương của vật gì?

Đáp: Là gọi hương mè, nhân hoa mà sinh, lia mè không được. Như vậy nhân gió hoa hương, lại sinh hương khác, Điều này đã rõ.

Lại nữa, hoặc có gió nóng gió lạnh cảm giác được, mà sắc lửa nước trong ấy không thể thấy được. Nên phải biết trong gió lại sinh xúc khác, mà không phải thổi phần nước lửa đi. Nếu cảm xúc nóng trong gió là thuộc lửa, xúc lạnh thuộc nước, xúc không nóng, không lạnh, thì phải biết thuộc đất. Như sắc nước lửa không thể được thì sắc đất vì vi tế nên cũng không thể được. Nếu như vậy thì gió không có xúc, tức là có lỗi. Người ta cũng có thể nói rằng vì như gió hợp với nước lửa nên mới có xúc lạnh nóng. Như vậy vì gió hợp với đất nên có xúc không lạnh không nóng. Trong đây không có nhân duyên quyết định phần nào nước, phần nào lửa được theo gió mà đi, mà phần đất không đi. Như trong kinh ông nói có xúc, xúc thân mà không phải là đất nước lửa. Cho nên biết gió là tướng không thấy được. Vì lời nói này nên 3 thứ xúc đối với gió hoặc là khách tạm

hoặc không phải khách. Sở dĩ vì sao? Vì 3 thứ xúc này, nếu tướng không thấy thì là gió.

Lại trong ý ông nếu cho rằng vì thấy có xúc lạnh nóng trong nước lửa là không phải phần của gió. Như vậy vì thấy có xúc không lạnh không nóng trong đất thì lẽ ra cũng không phải là phần của gió. Nếu trước riêng thấy có xúc gió không hợp với đất thì lẽ ra nên nói xúc này thuộc gió, mà thật bام đầu không thấy, làm sao được biết không lạnh không nóng chỉ là xúc gió mà không phải phần của đất ư?

Lại chúng tôi cũng nói sắc hương vị xúc chỉ là vật đất chứ không phải nước v.v... mà có được. Ý ông nếu cho rằng thấy trong nước v.v... có sắc v.v..., vì cùng hợp với đất, nên ở trong nước v.v... thấy không phải trong nước v.v... có được, như tướng nóng trong nước. Trong đó không có nhân quyết định. Vì nước hợp với lửa nên có tướng nóng, mà hợp với đất thì không có tướng sắc v.v.... Ban đầu không từng thấy riêng có nước v.v... không hợp với đất, nếu đã từng thấy thì nên nói sắc này thuộc nước, chứ không phải thuộc đất mà có, lẽ ra cũng phải phân biệt nước v.v... như vậy.

Hỏi: Tại sao trong gió sinh được hương khác, mà không sinh được xúc của sắc vị khác?

Đáp: Pháp của gió là phải vậy. Pháp có nhiều thứ không thể nghĩ bàn. Các vật khác sinh được xúc của sắc vị. Như hoa xông mè sinh vị cay đắng. Quả A-ma-lặc ngâm vào sữa, tức trở thành quả ngọt. Yén chi xông hạt ma-đầu-lâu-già thì sinh lá đỏ. Màu xanh pha với thư hoàng

thì thành màu lục. Màu xanh đỏ hợp lại biến thành sắc tím v.v... như vậy với các vật khác, sinh mùi sắc khác.

Hỏi: Ông nói trong gió lại sinh hương khác. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Như trong nhà không có gió mà nghe được hương ở xa.

Lại hương ngược gió nghe được, như mùi cây thiên thụ ba-lê-chất-đa. Cho nên biết trong gió không sinh hương khác, chỉ là do hương lại sinh hương khác.

Đáp: Do có 2 thứ hương. Nếu trong gió lại sinh hương gió, nếu không gió thì nhân hương sinh hương. Đây nào có lỗi chi? Trước ông nói vì hương có thể nghe xa nên không phải đến. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì không đồng sắc vậy. Nếu không đến mà nghe thì cùng đồng với sắc không đến mà nghe.

Lại như xa thấy khói hương, thì không nghe được, khi đến mới nghe. Cho nên biết không đến thì không nghe.

Lại vì không có phép thiên tỷ, nên biết có đến mới nghe. Nếu không đến mà nghe, thì phải có thiên tỷ như thiên nhãn vậy.

Phẩm 52: Biết cảm xúc

Hỏi: Xúc cũng phải không đến mà biết được? Sở dĩ vì sao? Vì mặt trời xúc ở xa.

Đáp: Mặt trời xúc làm sao biết được?

Hỏi: Phần của hỏa từ mặt trời đi đến thân mới biết.

Đáp: Nếu từ mặt trời có phần của hỏa đi đến, khi trời lặn phần của hỏa phải còn, mà thật không còn. Nên biết không đến.

Hỏi: Mặt trời tuy lặn mà nóng hầy còn, vì xúc nên biết.

Đáp: Nếu như vậy, thì hỏa không sắc. Trong kinh ông không có hỏa không sắc, đó tức là lỗi.

Hỏi: Trong ấy có sắc vi tế.

Đáp: Hỏa sắc nhiều mà xúc ít, như thấy sắc đèn mà chưa cảm biết xúc được.

Hỏi: Xúc quyết định đến mới biết hay sao?

Đáp: Xúc quyết định đến mới biết. Sở dĩ vì sao? Vì như nhân hương trong gió, có hương khác sinh. Như vậy nhân mặt trời lại có hỏa sinh.

Hỏi: Mặt trời lặn sao không thấy hỏa sắc?

Đáp: Hoặc có hỏa chỉ xúc mà không sắc, như khi nóng khi mặt trời đã lặn, như người bị bệnh sốt hỏa nương nơi thân, như hơi ẩm trong nhà khi hỏa đã diệt. Các nóng trong nước sôi lửa v.v..., đều có xúc mà không sắc. Cho nên hỏa hoặc có sắc không sắc, phải tin nhận điều này.

Phẩm 53: Ý

Ông nói ý đi. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì ý niệm niệm sinh diệt, như gió như nghiệp. Pháp mà niệm niệm diệt, thì không có tướng đi.

Lại như ý đi, thì nếu đã biết rồi đi, hay không biết rồi đi, cả hai đều không đúng. Nếu trước đã biết rồi thì cần gì phải đi, nếu không biết mà đi, thì đi đến nơi nào?

Lại nếu tâm ở nơi mắt, làm sao lại đến nơi tai được? Nếu tâm sinh ý niệm rằng ta sẽ đến tai, tức là ý nghĩ tai rồi. Nếu nói muốn nghe tiếng, như vậy tức là ý niệm về tiếng. Nếu tâm ở nơi mắt thì không sinh ý niệm được. Ở các căn khác cũng vậy. Cho nên biết ý không đi.

Lại như người trước đã từng thấy thành thị xóm làng v.v..., nay nghĩ theo việc đã thấy thưở trước, mà không biết hiện tại, nên biết ý không đi.

Lại nếu pháp mà đi, thì phải trước gần sau xa, nhưng nay xa gần đều nghĩ đến, cho nên biết là không đi.

Lại nếu pháp mà đi thì giữa đường phải biết các trần, như người đi trên đường biết sắc các vật, mà ý thì không phải vậy.

Lại như tâm có thể biết không, nghĩa là quá khứ, vị lai, sừng thỏ, lông rùa, chân rắn, sắc màu của gió, mùi thơm của muối v.v..., cũng biết đều không đi đến. Cho nên biết không có đi.

Lại nếu tâm đến duyên, thì không nên có không biết, biết nghi, biết tà, mà thật ra là có. Cho nên biết không đi đến.

Lại tâm duyên Nê-hoàn, nếu tâm đi đến, thế là đem hữu vi đến trong vô vi, vậy là không đúng. Rồi lại từ vô vi ra nhập vào trong hữu vi, đó cũng không đúng.

Lại nếu sinh tâm nghĩ có đời sau, tâm liền đến đời sau, thì thân này phải chết, không còn sống lại được. Cho nên không đi.

Lại tâm nghĩ vị lai, tức đến vị lai, không thể đem phép hiện tại mà làm vị lai.

Lại tâm nghĩ quá khứ tức ở quá khứ, không thể đem pháp quá khứ và vị lai mà làm hiện tại. Nên biết không đi.

Lại do dục tâm mà sắc mặt biến khác, tâm giận giữ v.v... cũng vậy. Nếu tâm đến chỗ khác, thì sắc mặt phải không khác. Nên biết không đi.

Lại tâm đang ở trong cảnh duyên, gọi đó là thụ. Ba thứ thụ này, hoặc khổ hoặc vui hoặc không khổ không vui. Nếu tâm đến chỗ khác, thì không có mấy thứ thụ này. Cho nên biết không đi.

Lại tâm nương nơi thân, như trong kinh nói: Tâm nương danh sắc. Cho nên không rời thân đi đến chỗ khác.

Lại thân hợp với thức nên gọi là thân. Nếu tâm ở chỗ khác, thì thân không thức. Cảnh duyên hợp với thức mới gọi là có thức. Cho nên không đi.

Hỏi: Tâm trong chiêm bao đi đến các phương?

Đáp: Không phải. Như hành vi mộng tỉnh trong chiêm bao và các việc v.v... là đều do thân điên đảo nghĩa là ở nơi nào đó, mà thật ra không đi đâu.

Lại hành vi trong chiêm bao đều là hư vọng, như người nằm mơ thấy uống nước mà hoàn toàn không trừ

được khát. Lại chiêm bao hành dục v.v... không gọi là đọa. Cho nên biết trong giấc mơ ý cũng không đi.

Lại tâm chỉ ở trong pháp đã từng thấy nghe hay biết, chứ không đi đến pháp nào khác. Nếu có đi đến, chắc cũng phải biết pháp khác.

Hỏi: Có vị thần nào sai khiến ý có thể đi đến các phương khác?

Đáp: Điều này ra sao trong Phạm phá thần sẽ phân biệt rõ. Cho nên biết ý không đi.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 5)

Phẩm 54: Căn không quyết định

Hỏi: Các căn là quyết định, hay không quyết định?

Đáp: Thế nào là quyết định, thế nào là không quyết định?

Hỏi: Do cảnh sở tri, và nhân của mắt v.v... các căn, gọi là quyết định?

Đáp: Nếu như vậy căn không quyết định. Sở dĩ vì sao? Vì các căn không phải cảnh sở tri và nhân của mắt v.v... .

Hỏi: Tròng mắt lưới và thân, dùng mắt thấy được; còn tai và mũi ở trong nên không thể thấy được?

Đáp: Người chết cũng có tròng mắt lưới thân mà thật không có căn.

Hỏi: Tròng mắt có 2 thứ: căn và phi căn. Người chết diệt mắt căn có tròng, phi căn còn lại?

Đáp: Căn có tròng không thể thấy nó được. Cho nên không phải sở đắc của mắt v.v... Như trong kinh nói: Năm căn là sắc không thể thấy mà có đối. Nếu như có thể thấy thì có thể phân biệt được tròng mắt này là căn, tròng mắt này là phi căn.

Hỏi: Nếu trong kinh nói: Do 4 đại thành sắc thanh tịnh, gọi là 5 căn. Thế sao lại nói 5 căn là sắc không thể thấy mà có đối ư?

Đáp: Vì cho nên có thể nghi nghiệp lực là không thể nghĩ bàn. Vì nghiệp lực nên 4 đại biến thành căn. Phật sợ các đệ tử cho rằng 5 căn này do từ nghiệp sinh, nên mới nói đó là sắc.

Lại vì ngoại đạo nói 5 căn từ ngã mà sinh. Ngã tức không phải sắc.

Lại nói 5 căn biết lớn biết nhỏ, nên không quyết định. Người đó cũng cho vô sắc là căn, cho nên Phật nói các căn là sắc, do sắc v.v... làm thành. Hoặc bảo do sắc v.v... mà thành, thì phải thấy được, nên mới nói không thể thấy, cũng không phải sở đắc của tai v.v... các căn. Hoặc bảo nếu vậy thì lẽ ra không có đối, cho nên nói là có đối, là đối với các trần. Nếu sắc có hình có đối, thì đó là thô sắc, chỉ bị thấy của mắt.

Lại vì ngoại đạo nói: Các số lượng, một khác, hợp lìa, tốt xấu, tướng chung tướng riêng các tác nghiệp, và đà-la-phiêu tuy không phải sắc pháp, nhưng cũng là thấy được. Cho nên Phật nói rằng: Trong những thứ ấy, chỉ có sắc thấy được mà thôi, ngoài ra không gì thấy được. Ngăn ngại nơi tay v.v..., gọi là có đối.

Hỏi: Nếu như vậy đều phải bị xúc?

Đáp: Tuy đều ngăn ngại, nhưng không phải tất cả chỗ đều sinh. Thân thức tùy theo mà sinh biết, nên phân biệt được các căn.

Lại nữa, các căn thật không quyết định. Sở dĩ vì sao? Vì pháp nếu quyết định, như tay lấy vật, chỉ một tay lấy, còn mắt có thể thấy lớn nhỏ, cho nên không phải quyết định.

Lại nếu vật quyết định, thì tiếp xúc là có tác dụng, như chạm lửa thì cháy, chạm dao thì đứt, còn mắt ở xa có thể thấy, nên không phải quyết định.

Lại nếu pháp quyết định, thì ngăn pháp quyết định, như tay ngăn tay, mà mắt đối với trong thủy tinh, mây mù v.v..., cũng không ngăn ngại, nên không quyết định.

Lại căn nếu như quyết định, thì phải ở trong thân, vì ở trong thân nên tuy hợp với ý, cũng phải không thấy trần cảnh bên ngoài, mà thật ra thì có thể thấy, nên không quyết định.

Lại pháp nếu quyết định, thì có thể đếm là 5 căn, nhưng mắt tai mũi đều có 2, với lưỡi và thân thành có 8, nên không quyết định. Chỉ có xứ là nhất định, mà căn không nhất định.

Lại mắt trái thấy, mắt phải cũng biết, không phải thấy khác biết khác, vì căn không tương trái phải, nên không quyết định.

Lại vì pháp căn trần hợp, là không thể được, nên không quyết định.

Lại được quyết định thì sắc v.v... các pháp không có thể biết được căn, mà căn thì biết được pháp, nên không quyết định.

Hỏi: Nhãn quang có thể thấy lớn nhỏ và cũng có thể đi xa thấy sắc không bị ngăn ngại, giống như ánh sáng mặt trời lia thân có thể thấy. Ánh sáng do chỗ quyết định của 2 mắt nên hợp làm một, mới có thể thấy sắc.

Lại mắt là một, tai mũi ở tại trong, nên không thể phân biệt. Cho nên ông nói thấy khác biết khác, lời này bị hỏng.

Lại thân biết chứ không phải căn, căn chỉ là chỗ dùng mà thôi.

Lại ông nói pháp hợp không thể được. Điều này đã đáp rồi, nghĩa là ánh sáng mặt trời v.v..., tai v.v... các căn, vì hòa hợp chặt chẽ, nên cũng không thể được. Như cây ghép sát kín, xem không biết được là ghép.

Lại vì do thân nên biết không phải các căn; và căn do 4 đại mà thành, vì 4 đại không biết nên các căn cũng không biết.

Lại như cái bình do vi trần mà thành, vì vi trần không tri giác nên bình cũng không tri giác.

Lại không biết khác với trần, cho nên biết không có tri giác.

Đáp: Ông nói vì ánh sáng đi, nên căn là quyết định. Ông cho ánh sáng là căn, nhưng ánh sáng không phải quyết định nên căn cũng không quyết định.

Lại ánh sáng này không có, đoạn trước đã phá rồi.

Lại ông nói một mắt. Điều này không đúng. Một mắt thấy khác 2 mắt thấy khác. Nếu hỏng một mắt thì thấy không rõ ràng. Mắt trái mắt phải này trước đã giải đáp rồi.

Hỏi: Nếu một mắt có thể sinh thức, thì 2 mắt chi nên cần một mắt, dùng mắt thứ 2 làm gì?

Đáp: Vì sống mũi ngăn cách nên không được là một, dù không ngăn cách cũng không được một, như các ngón tay v.v.... Ông nói là chỗ dùng của thân. Điều này trước bác bỏ rồi. Thân không dùng được. Ánh sáng mặt trời v.v..., trước cũng bác bỏ rồi. Người nói hòa hợp chặt chẽ nên không thấy. Điều này cũng không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì pháp nếu quyết định thì không hòa hợp, vì thể khác nhau, như ghép cây tuy kín mà cũng vẫn thấy đường ghép. Căn trần hòa hợp không thấy như vậy. Ông nói vì thân nên tri giác. Sẽ nói về vô thân. Ông nói các đại thành căn. Điều này không đúng. Nghiệp lực biến đại làm căn thì có sai khác.

Hỏi: Căn là quyết định. Sở dĩ vì sao? Vì 4 đại làm thành mà 4 đại là quyết định nên căn cũng quyết định.

Lại vì mắt v.v... các căn là quyết định, nên đại v.v... có thể làm lợi ích.

Lại đại biến làm căn, vì đại quyết định nên pháp bị biến cũng phải là quyết định.

Lại tương đương căn có trần, tương đương trần có căn. Nếu không quyết định, thì không tương đương nhau được. Phải như ý pháp, nên biết quyết định.

Lại người đòi đối với trông mắt v.v... trong pháp quyết định gọi là các căn.

Lại căn biết 5 thứ pháp quyết định, không phải như ý v.v..., nên gọi là quyết định.

Lại căn biết hiện lượng, nên gọi quyết định.

Lại căn biết hiện tại, ngoài ra đều do so sánh mà biết, cho nên gọi là quyết định.

Lại căn biết có duyên, ý cũng không duyên, như biết quá khứ v.v...

Lại căn trần hòa hợp mới sinh căn biết pháp, nên phải dùng căn quyết định đôi trần quyết định. Cho nên biết là quyết định.

Đáp: Ông nói căn do đại làm thành gọi là quyết định. Tuy đều do các đại mà có căn và phi căn, như vậy là hoặc có quyết định hoặc không quyết định. Ông nói lợi ích. Lợi ích là đối với cái biết, chứ không phải giúp cho căn.

Lại nói đại biến thành căn. Biến cũng là biết, chứ không phải lợi ích cho căn.

Lại 4 đại thanh tịnh gọi là căn, nên không quyết định. Ông nói căn trần tương đương nhau cũng là ý. Chắc chắn căn không phải cái biết. Cho nên các thứ kia đều là sức của ý khác nhau.

Lại tuy nói 6 thức, nhưng chủ chốt do ý thức quyết định. Như khi thấy 4 đế hiện biết các pháp, mà chính quán pháp tính đều do ý thức.

Lại như vòng lửa xoay tròn, trò huyễn hóa lửa cháy thành Càn-thát-bà đều là không mà vọng thấy có. Thấy sắc cũng vậy. Cho nên mắt v.v... đều là tà duyên. Ông nói: Căn trần hợp nên sinh ra cái biết. Hoặc đến nên biết, hay không đến mà biết, đều trước đã giải đáp rồi.

Phẩm 55: Tướng của sắc nhập

Lại nói xanh vàng các sắc gọi là sắc nhập. Như trong kinh nói: Nhãn nhập diệt sắc tướng lia, chỗ này cần biết.

Hỏi: Có người nói nghiệp lượng cũng là sắc nhập. Sở dĩ vì sao? Như trong kinh nói đen trắng dài ngắn, thô tế các sắc?

Đáp: Hình v.v... là sai biệt của sắc. Vì sao biết được? Vì nếu lia sắc thì không sinh tâm biết hình lượng v.v.... Nếu hình v.v... khác màu, lia sắc cũng phải sinh tâm, mà thật ra không sinh. Cho nên biết không khác.

Hỏi: Trước sinh tâm biết sắc, sau mới sinh tâm biết hình. Sở dĩ vì sao? Vì tâm biết đen trắng vuông tròn không sinh đồng thời?

Đáp: Vì các tướng dài ngắn đều duyên nơi sắc nên sinh trong ý thức, như trước thấy sắc nhiên hậu ý thức mới sinh nghiệp tướng nam nữ. Cũng vì các pháp hữu vi niệm niệm diệt nên không có diệt pháp nào không đi, vì đi nên gọi là nghiệp.

Hỏi: Đi gọi là thân nghiệp, nếu không đi thì không thân nghiệp?

Đáp: Vì danh tự thể tục nên có thân nghiệp, chứ không phải đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Nếu trong đệ nhất nghĩa không có thân nghiệp, thì trong đệ nhất nghĩa cũng không có tội phúc. Vì không tội phúc nên cũng không quả báo?

Đáp: Pháp khi khởi ở chỗ khác, hoặc lợi hoặc hại người khác nên thành có tội phúc, không nên nạn vấn như vậy.

Phẩm 56: Tướng của tiếng

Hỏi: Vì sao không nói do tiếng thành đại?

Đáp: Tiếng rời sắc v.v..., sắc v.v... không rời nhau, cho nên không nói. Lại tiếng không như sắc v.v... thường nối nhau, lại cũng không cùng sắc v.v... đồng sinh.

Lại cùng sắc v.v... sinh khác. Sở dĩ vì sao? Vì sắc v.v... sinh lẫn nhau lần lượt rồi mội tuần tự mà có. Tiếng thì không như vậy.

Lại tiếng từ vật được tên, như nói tiếng cái bình, không nói tiếng trong bình.

Lại người hoặc nói thấy cái bình, hoặc nói thấy màu sắc cái bình. Ban đầu không nói nghe cái bình, mà chỉ nói nghe tiếng cái bình.

Lại nữa, vì đời trước chúng sinh trồng nghiệp nhân yên lặng. Nếu muôn vật đều thường có tiếng động, thì không lúc nào tạm thời yên lặng. Cho nên tiếng không phải thành nhân các đại.

Hỏi: Vật đều có tiếng. Tại sao biết? Vì động thì tiếng phát, các đại thường động nhau, nên tất cả đều phải có tiếng?

Đáp: Không phải muôn vật động nhau đều là nhân của tiếng. Sở dĩ vì sao? Vì mắt thấy 2 ngón tay động nhau mà không sinh tiếng được.

Hỏi: Trong đó có sinh tiếng, vì nhỏ nên không biết?

Đáp: Không sinh, cho đến tiếng nhỏ cũng không nghe. Nếu nói có tiếng, thì không hiện tín. Người ta cũng có thể nói trong nước có tiếng, vì nhỏ nên không nghe. Trong lửa có vị, trong gió trong không, đều có sắc v.v... mà thật ra không có. Cho nên không phải tất cả động nhau đều có thể sinh tiếng.

Hỏi: Người đời thường nói tiếng là câu-na của hư không. Nay do đâu mà biết từ 4 đại sinh?

Đáp: Nay hiện thấy tiếng sinh từ 4 đại, nên chúng tôi chỉ tin hiện thấy.

Lại nói tiếng chuông tiếng trống, cho nên biết là tiếng chuông trống.

Lại vì 4 đại khác nên có tiếng sai khác, như tiếng chuông trống.

Lại vì 4 đại khác nên có tiếng sai khác, như tiếng chuông trống khác nhau.

Lại như đánh đồ bằng đồng thì đều có tiếng động, tay nắm thì đều dứt tiếng, nên phải biết tiếng đồ vật động cũng như vậy.

Lại sắp muốn có tiếng, tất chuẩn bị chất tượng 4 đại. Cho nên biết tiếng từ 4 đại sinh ra.

Lại vì nghiệp nhân duyên nên tiếng có sai khác, như tiếng chúng sinh hoặc hay hoặc dở, không nên vì nghiệp duyên mà sinh câu-na hư không. Cho nên không phải.

Lại vì tướng của nhân. Tướng của nhân là tùy theo pháp nào đó nên mới có, tức gọi là nhân. Như vậy nhân nơi đại mà có tiếng, không thì không tiếng. Như có lửa thì nóng, không lửa không nóng; phải biết do lửa có nóng; do đại sinh tiếng cũng như vậy. Như hư không có nóng, hư không vẫn tồn tại, mà khi nóng hoặc khi không. Phải biết hư không không phải nhân của nóng, tiếng cũng như vậy. Như có hư không có tiếng, hư không vẫn tồn tại, mà tiếng hoặc có khi không có. Cho nên biết không phải nhân.

Lại tiếng là hư không cầu-na, đây không thể tin được, vì trong hiện sự, trước không thấy nhân của tiếng, với hư không cũng không lấy gì so sánh để biết, vì trong đó không so sánh được.

Lại trong các kinh sách phần nhiều cũng trái nhau, như vậy không một điều nào đáng tin, cho nên biết không đúng.

Phẩm 57: Tướng của hương

Hỏi: Đa-ma-la-bạt v.v... là các hương hợp lại nên hương khác với hương gốc. Vậy nên các hương này lại sinh hương khác chẳng?

Đáp: Bởi hòa hợp nên sinh hương khác, như màu xanh vàng pha vào nhau lại sinh màu lục.

Lại vì nhiều thứ nghiệp nhân duyên, nên sinh nhiều thứ hương.

Hỏi: Đệ tử phái Ưu-lâu-khư bảo hương chỉ là cầu-na của địa. Điều này thế nào?

Đáp: Không có đà-la-phiêu, điều này đã nói rõ, nên biết là không đúng.

Lại như người phái Vệ-thế sư bảo hợp kim chì thiếc, chì, thiếc, vàng, bạc, đồng v.v..., đều là hỏa vật, mà trong đó có hương. Cho nên biết không phải chỉ địa mới có.

Hỏi: Hợp kim chì thiếc, các thứ hợp cùng với địa, nên có hương?

Đáp: Không phải khách hương. Sở dĩ vì sao? Vì trong các vật kia trước người không nghe thấy hương. Nếu đã từng nghe nên nói là khách, như trước nghe hương hoa, sau nghe trong áo, nên gọi là khách, mà hương hợp kim chì thiếc v.v... không phải như vậy. Cho nên không phải nhân.

Lại hợp kim chì thiếc v.v... lúc không hương không nên nói là khách.

Lại chúng tôi cũng có thể nói trong nước v.v... không có màu sắc v.v..., chỉ cùng đất hợp nên mới có màu sắc v.v... Nếu ông nói trong nước v.v... tự có màu sắc. Chúng tôi cũng nói trong hợp kim chì thiếc tự có hương.

Lại như trong vật có pháp không rời nhau, tức vật ấy có. Cho nên hương tùy theo chỗ không rời nhau, tức hương của vật này.

Lại trong nước v.v..., nếu có hương, mà vì nhỏ nhiệm cho nên không biết có, thì có lỗi gì? Như nói trong mặt trăng có lửa, lửa quyết định nóng.

Lại ông nói hơi ẩm trong nhà là do lửa diệt, còn thừa khí nóng nên có chút sắc vi tế, cũng nói trong nước nóng có chút tướng lạnh vi tế, hương trong nước cũng vậy. Trong đó không có nhân quyết định nói nước không hương.

Lại các đà-la-phiêu của ông không có tướng quyết định. Sở dĩ vì sao? Vì ông tự nói trong đất có hương, mà kim cương, pha lê v.v... đốt thì biến đổi khác, nên đều là vật của đất, mà đều không có hương.

Lại ông nói tướng nước quyết định lạnh, tướng sữa v.v... cũng như vậy, mà bơ v.v... có hương, nên gọi là vật của đất.

Lại nói lửa quyết định là nóng, vì hợp kim chì thiếc là hóa vật, mà trong đó không nhất định là nóng.

Lại mặt trăng v.v... thật lạnh mà ông nói là vật của lửa. Vì các cơ này, nên các đà-la-phiêu không có tướng quyết định. Cho nên hương chỉ đất có, điều này không đúng. Ông cho hợp kim chì thiếc v.v... là vật của lửa. Đó cũng không phải nữa. Sở dĩ vì sao? Vì không có nhất định nóng. Các đệ tử phái Ưu-lâu-khư nói lửa nhất định nóng, mà hợp kim chì thiếc v.v... không nóng.

Hỏi: Vật hợp kim chì thiếc v.v... nóng ở trong quả, không ở trong xúc?

Đáp: Bơ quả lạnh, cho nên phải là vật của nước, mà ông quyết định có hương, nên gọi là vật của đất, cho nên không gọi là nhân của dụng.

Lại như quả ha-lê-lặc, khi còn là quả nhất định nóng nên là vật của lửa, mà thật có hương, có 5 vị nên

không gọi vật của lửa, vì nói quả không phải là nhân. Hợp kim chì thiếc v.v... không phải vật của lửa.

Lại nữa tướng lửa nhẹ, hợp kim chì thiếc v.v... nặng. Sắc lửa trắng mà hợp kim chì thiếc v.v... sắc khác.

Lại hợp kim chì thiếc v.v... không đồng tướng với lửa có thể biết được là vật của lửa.

Lại hợp kim chì thiếc v.v... với lửa trái nhau. Sở dĩ vì sao? Vì gặp nóng là tiêu. Nếu là vật của lửa, gặp được lửa phải tăng thêm, mà thật không tăng, nên không phải vật của lửa. Các ông không khéo suy nghĩ nên cho hương chỉ là vật của đất. Mà hương này là điều ở trong 4 thứ.

Phẩm 58: Tướng của vị

Vị là ngọt, chua, mặn, cay, đắng và nhạt. Sáu vị này đều tùy theo vật mà khác nhau, không bởi 4 đại lệch nhiều mà có. Như nói đất nước nhiều thì ngọt. Điều này không đúng. Vì vị ngọt có vô số sai khác. Phải biết vật sinh tự có sai khác nhau.

Hỏi: Thầy thuốc nói chỉ có 6 vị. Điều này thế nào?

Đáp: Chẳng hạn định trong 6 vị. Bởi vì sao? Hoặc 2 vị hợp lại, hoặc 3 hoặc 4, như vậy nhiều vô lượng. Không bởi ngọt chua hợp mà gọi vị chua ngọt. Ngọt chua hòa hợp lại sinh một vị khác. Như vậy nhiều vô lượng.

Lại vì tùy thể tục nên các vị sai khác, như người cho ngọt gọi là ngọt.

Lại khi các vị chín đều làm nhân cho nhau, như khi vị ngọt chín thì hoặc ngọt hoặc biến đổi khác. Các vị khác cũng vậy. Cho nên biết các pháp có sức như vậy.

Phẩm 59: Tướng của xúc

Xúc là cứng, mềm, nặng, nhẹ, mạnh, yếu, lạnh, nóng, rấp, trơn, khô, ướt, khoái vui, mệt mỏi, không mệt mỏi, bệnh hoạn, lành mạnh, thân nhanh nhẹn, thân chậm lụt, biếng nhác, tối tăm, nhức đầu, tê thấp, rên rỉ, đói khát, no nê, thèm thường, không thèm thường, mờ mịt v.v....

Hỏi: Có người nói xúc có 3 thứ là lạnh, nóng, không lạnh không nóng. Điều này thế nào?

Đáp: Trong cứng v.v... sinh biết, nếu lìa cứng v.v... thì không biết lạnh nóng.

Hỏi: Ưu-lâu-khư nói xúc vào đất là không lạnh không nóng, xúc gió cũng vậy, xúc nước lạnh, xúc lửa nóng. Việc ấy thế nào?

Đáp: Trước đã nói không có quyết định, nghĩa là bơ v.v... định là lạnh, hợp kim chì thiếc v.v... không nóng.

Lại trước nói 3 xúc, nếu gió là khách, thì gió không có xúc riêng, nên không có tướng quyết định.

Lại trong nước nóng không thể được tướng lạnh, nên nước không phải quyết định tướng lạnh.

Hỏi: Trong nước nóng tướng lạnh có ít vì lửa thắng nên không biết. Vì sao biết được? Vì nếu khi thế lửa hết thì nước trở lại lạnh như thường?

Đáp: Hợp kim chì thiếc v.v..., bơ v.v... vật cứng hợp cùng lửa thì chảy. Nếu tướng cứng không mất, mà có tướng chảy, thì tướng cứng tức là tướng chảy. Nếu mất tướng cứng mà có tướng chảy, ấy là xúc lạnh diệt rồi lại sinh xúc lạnh, như xúc đất là không lạnh không nóng, khi hợp cùng lửa, xúc nếu không mất thì không gọi chín thì biến đổi. Nếu mất xúc này, lại sinh xúc khác. Như vậy thì xúc lạnh mất rồi lại sinh xúc lạnh. Như vậy các cầu-na trong nước cũng phải chín thì biến đổi. Ông có lỗi nói tráo trở, lại sinh pháp mâu thuẫn, cho nên phải biết các tướng vô thường, như lửa hợp thì tướng cỏ v.v... diệt mất. Nếu bảo xúc nóng che xúc lạnh thì người ta cũng có thể nói tướng sữa không mất, chỉ bị tướng bơ che. Cho nên không thể được. Nếu ông bảo không thấy sữa thành lại sữa. Vậy thì không có chín thì biến đổi. Sở dĩ vì sao? Vì từ trong vô thủy sinh tử đến nay, vật gì mà không bị lửa đốt cháy!

Lại cũng tìm thấy được trong lòng đất có bùn đen. Phải biết đó cũng do chín thì biến đổi mà có lại. Như vậy thì xúc lạnh mất, lại sinh xúc lạnh. Hoặc có vật hợp cùng với lửa nên sắc đen diệt mất, sinh lại sắc đen, sắc đỏ mất, sinh lại sắc đỏ. Như vậy xúc lạnh diệt rồi, lửa sinh lại, điều đó nào có lỗi?

Lại như người phái Vệ-thế sư nói chỉ có đất có tướng chín thì biến đổi, nước v.v... thì không có. Mà các thầy thuốc nói, nếu uống thuốc lúc nóng thì được kết quả khác. Nếu trong nước nóng sắc v.v... không mất, thì đâu có kết quả khác. Cho nên biết nước v.v... cũng chín thì biến đổi. Như vì lửa đốt vật cháy mất bản tướng, nên

mới có tướng khác. Cho nên biết vật có tướng khác, nước cũng như vậy.

Lại các tướng này mâu thuẫn nhau nên vô thường, như nước có thể diệt lửa, lửa có thể tiêu nước; sức lửa không vật gì không làm tiêu, huống là hợp với nước mà xúc lạnh không diệt? Cho nên kinh Vệ-thế sư nói nước quyết định lạnh. Điều này không đúng.

Phẩm 60: Lập không số trong thức luận của nhóm khổ đế

Tâm, ý, và thức một thể mà khác tên. Nếu pháp có thể duyên thì gọi là tâm.

Hỏi: Nếu vậy thì thụ, tưởng, hành v.v... và các tâm số pháp, cũng gọi là tâm? Vì đều có thể duyên?

Đáp: Thụ tưởng hành v.v... đều là tên khác nhau của tâm. Như trong Phẩm đạo nói một niệm có 5 tên là niệm xứ, niệm căn, niệm lực, niệm giác chính và niệm tinh tiến v.v... cũng như vậy.

Lại một vô lậu tuệ mà có khổ tập trí v.v... nhiều tên sai khác.

Lại trong một định pháp mà cũng gọi là thiên, giải thoát, trừ nhập. Như vậy tâm một, chỉ vì tùy thời nên có tên sai khác. Cho nên biết chỉ là một tâm. Sở dĩ vì sao? Vì như trong kinh nói: Người này tâm dục lậu được giải thoát, tâm hữu lậu, vô minh lậu được giải thoát. Nếu riêng có tâm số, thì phải nói tâm số được giải thoát.

Lại trong kinh nói: Phật nếu biết chúng sinh tâm hoan hỷ, tâm nhu nhuyễn, tâm điều hòa, kham nổi được giải thoát, nhiên hậu mới vì nói 4 pháp chân đế. Trong đây không nói đến tâm số.

Lại trong kinh nói: Vì tâm cấu bần nên chúng sinh cấu bần, lại vì tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh.

Lại nói: Nếu Tì-kheo vào trong 4 thiền được tâm thanh tịnh bất động, nhiên hậu như thật biết khổ Thánh đế, tập diệt đạo đế.

Lại trong 12 nhân duyên nói hành duyên thức.

Lại nói 6 thứ là người.

Lại nói nhẹ nhõm dễ chuyển không gì bằng tâm.

Lại trong kinh nói: Sứ giả đến chủ thành tấu bày sự thật, tấu rồi trở về. Chủ thành tức là tâm.

Lại nói trong có thức thân ngoài có danh sắc, danh đó là hai.

Lại chỉ nói có thức thân, không nói có tâm số.

Lại nói vì 3 thứ hòa hợp nên gọi là xúc. Nếu có tâm số thì không gọi là ba, mà thật có nói ba. Cho nên biết chỉ có tâm, không riêng có tâm số.

Phẩm 61: Lập có số

Hỏi: Tâm khác, tâm số pháp khác. Sở dĩ vì sao? Vì tâm và tâm số pháp cùng tương ưng nhau. Nếu không có tâm số thì không có tương ưng, mà thật có tương ưng. Cho nên biết có tâm số pháp.

Trong ý ông, nếu bảo tâm cùng các tâm khác tương ứng. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh nói: Tâm đi riêng, đi xa, ẩn kín, không hình. Trong đây chỉ gần đồng tính, tuy với tâm số cùng đi, nhưng cũng gọi là đi riêng. Như nói Tì-kheo ở riêng, tuy có loài trùng thú, nhưng vì không đồng loại nên cũng gọi ở riêng một mình. Cho nên biết tâm không cùng tâm khác tương ứng, mà thật có tương ứng. Cho nên biết có tâm số.

Lại tâm nhiếp thuộc 7 giới 1 nhập 1 ám. Còn tâm số nhiếp thuộc 1 giới 1 nhập 3 ám.

Lại tâm làm chỗ nương ở cho tâm số. Như trong kinh nói: Tâm số pháp này đều nương tâm hành.

Lại nếu không tâm số thì không 5 ám, vậy là không thể được.

Lại 2 tâm này sinh khác nhau. Do từ 2 sinh tâm, từ 3 sinh số. Như trong kinh nói: Do nhãn duyên sắc sinh nhãn thức. Ba việc hòa hợp gọi là xúc. Xúc nhân duyên sinh thụ.

Lại nói: Danh sắc nhóm nên thức nhóm, xúc nhóm nên thụ nhóm.

Lại tâm số pháp tương ứng với chỗ bị nương, vì đồng chung một cảnh duyên, trong một đời. Tâm không phải như vậy vì sai khác. Cho nên biết tâm khác, tâm số pháp khác.

Lại trong 4 y nói: Y trí không y thức. Trí nếu là thức, làm sao nói y? Cho nên biết trí không phải thức.

Lại Phật tự nói tâm số pháp, nếu từ tâm sinh, nương nơi tâm thì gọi là tâm số.

Lại Phật không nói nghĩa này là chỉ độc có tâm, là không có tâm số. Người ta cũng có thể nói chỉ có tâm số mà không có tâm.

Nếu ông đem danh tự để phá tâm số, thì tôi cũng đem danh tự mà phá lại tâm.

Lại vì chỗ sở tác khác, nên tướng các pháp khác, như nước có thể thấm ướt, lửa có thể đốt cháy. Như vậy thụ v.v... vì sở tác khác nên biết có tướng khác.

Lại trong các kinh đều nói: Trong tâm sinh giác. Nên biết tâm số khác với tâm. Vì không lẽ trong tâm tự sinh tâm.

Lại như nói vì tâm cấu uế nên chúng sinh cấu uế. Tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh. Nếu chỉ là tâm, thì không nhân đâu mà có cấu uế hay thanh tịnh. Người này không vì vô minh nên cấu uế, tuệ minh nên thanh tịnh. Cái lý tự cấu uế tự thanh tịnh là không thể được. Cho nên có tâm số pháp.

Phẩm 62: Chẳng phải không số

Tuy ông nói cái có thể duyên pháp gọi là tâm. Tâm sai khác gọi là số, như trong Phẩm đạo nói. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh nói: Tướng tâm khác, tướng tâm số khác. Có thể nhận thức là tướng của

thức. Cảm giác khổ vui là tướng của thụ. Biết riêng là tướng của tưởng. Khởi tạo tác là tướng của hành. Cho nên biết tâm khác, tâm số cũng khác. Ông nói tâm được giải thoát. Điều này không đúng. Vì trong các kinh đều nói lìa vô minh, nên tuệ được giải thoát, cho nên không chỉ nói tâm được giải thoát.

Lại vì tâm thắng nên chỉ nói tâm.

Lại vì người đời phần nhiều đều biết tâm, mà không biết tâm số pháp, nên Phật nói tâm nhiều hơn.

Lại trong kinh Phật có những lời không nói hết, chính là lời này vậy.

Lại như trong kinh nói: Các Tì-kheo! Có thể dứt một pháp, ta bảo đảm các ông được đạo A-na-hàm. Nói tham dục, mà thật không phải chỉ riêng dứt tham dục. Điều này cũng vậy. Tâm hoan hỷ v.v... đều lấy đây đáp. Ông nói trong ngoài 2 pháp. Điều này cũng không đúng. Nói ngoài có danh sắc, tức nói tâm số, vì nhiếp từ ngoài vào nên gọi là ngoài.

Lại trong đây Phật nói 3 việc: Trong có thức thân, tức nói thức và căn, ngoài có danh sắc, tức là nói trần. Ông nói có thức thân. Điều này cũng không đúng. Trong kinh này nói: Tất cả tướng ngoài, tức là tâm số. Ông nói 3 thứ hòa hợp gọi là xúc. Điều này không đúng. Xúc với thụ v.v... làm nhân cho tâm số, cho nên nói riêng.

Phẩm 63: Chẳng phải có số

Đáp: Ông nói vì tương ưng nên có tâm số pháp. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì các pháp độc hành, sau sẽ nói rộng, cho nên không có tương ưng. Tâm này độc hành cũng lấy đây mà đáp. Không phải ngăn đồng tính mà ngăn tâm số pháp. Ông nói nhiếp thuộc khác, nên có tâm số. Người làm ra kinh này, tự lập danh tự, chứ trong kinh Phật không nói nhiếp thuộc nhau, cho nên không đúng. Ông nói chổ y, như ý ông nói thức y nơi tâm, không phải vì y mà gọi là tâm số. Như vậy thì tâm y nơi tâm không được gọi tên khác. Ông nói không có 5 ấm. Điều này không đúng. Tôi cho rằng vì tâm sai khác nên có gọi là thụ, có gọi là tưởng v.v.... Ông lấy tâm số phân biệt làm 3 ấm. Tôi cũng lấy tâm phân biệt làm 3 ấm. Ông nói sinh khác. Điều này không đúng. Vì nếu tâm với tâm số pháp cùng sinh, sao còn nói 2 sinh tâm, 3 sinh tâm số? Nếu chỉ nói tâm thì còn có lý. Sở dĩ vì sao? Vì người này khi trước nói thức, sau mới nói tưởng v.v.... Ông nói tương ưng duyên đời, nên biết có khác. Điều này trước đã phá rồi, vì không phù hợp. Ông nói y trí chứ không phải y thức. Tôi nói tâm có 2 thứ: một gọi là trí, hai gọi là thức. Cho nên tâm y trí, không y thức. Ông nói Phật nói y tâm sinh pháp gọi là tâm số. Tâm sinh ra pháp gọi là tâm số, vì tâm do tâm sinh nên gọi là tâm số.

Ông nói Phật cũng không nói không tâm số. Tôi cũng không nói không tâm số pháp, nhưng chỉ nói vì tâm sai biệt nên gọi là tâm số.

Lại nếu có cái đạo lý: không thể nói cũng gọi là nói, thì nếu không có cái đạo lý ấy dù có nói cũng như không nói. Cho nên không thể lấy cái nói làm nhân.

Lại chúng tôi sẽ nói nghĩa của danh tự tâm tâm số pháp. Vì tập khởi nên gọi là tâm. Thụ v.v... cũng có thể tập khởi thân đời sau. Vì tương đồng với tâm, nên cũng gọi là tâm.

Lại tâm với tâm số vì đều do tâm sinh, nên gọi là tâm số. Nếu người nói chỉ có tâm số pháp, thì người ấy cần phải thuyết minh danh nghĩa của tâm số pháp, mà thật ra không thể thuyết minh được, cho nên không phải nhân.

Ông nói tạo tác khác và tâm sinh giác, đều lấy đây mà giải đáp. Sở dĩ vì sao? Vì tôi cho rằng tâm sai biệt nên nghiệp tạo tác khác, rồi cũng trong tâm sinh tâm, gọi là tâm sinh giác. Ông nói cấu uế thanh tịnh không có nhân. Điều này không đúng. Tuy không có tâm số pháp, mà có cấu uế thanh tịnh.

Lại vì không tướng khác nên không có tâm số pháp. Sở dĩ vì sao? Vì ông lấy tâm tương ưng cho là tâm số, mà pháp tương ưng thì không có, sau sẽ nói rộng, cho nên không do tâm riêng có tâm số pháp.

Phẩm 64: Thuyết minh không số

Ông nói tướng khác nên có tâm số. Điều này không đúng Sở dĩ vì sao? Vì hoặc thức hoặc giác là các tướng đồng đẳng không có sai biệt. Như tâm nhận thức sắc, tức

gọi là giác, cũng gọi là tướng v.v.... Như người đời nói ông rõ người này tức gọi là biết. Do cảm thụ khổ vui cũng tức là biết. Phải biết nhận thức tức là thụ tướng. Nếu các pháp này nhất định có tướng khác nhau, nay cần phải nói, mà thật không nói được, cho nên không có tướng khác.

Ông nói tuệ được giải thoát. Điều này không đúng, vì không nhân duyên. Tùy tâm có nhiễm cũng có vô minh, tâm này trong nhóm nhiễm và vô minh đều cùng tương ưng với nhau. Nếu nói vô minh làm như tuệ, nhiễm làm bản tâm thì không có nhân duyên. Như vậy vì lia vô minh nên tuệ được giải thoát. Vì lia nhiễm bản nên tâm được giải thoát, cũng đều không có nhân duyên.

Lại gọi kinh này là không liễu nghĩa. Như trong kinh nói: Vì lia 3 thứ lậu nên tâm được giải thoát. Cho nên biết cũng từ vô minh tâm được giải thoát. Nếu như nói từ nhiễm tâm được giải thoát, lời này là ngăn đoạn. Nói từ vô minh tuệ được giải thoát, là rất ráo đoạn. Nếu do từ nhiễm nên tâm được giải thoát, từ vô minh nên nên tuệ được giải thoát. Vậy nếu từ giận dữ v.v... thì vật gì được giải thoát? Điều này cần phải đáp. Phải biết lia tâm không được giải thoát, cho nên chỉ có tâm.

Ông nói vì tâm vượt trội nên chỉ nói tâm. Tâm có nghĩa gì mà vượt trội còn tuệ v.v... các pháp lại không có?

Ông nói người đời phần nhiều biết tâm, nên chỉ nói tâm. Người đời cũng biết nhiều khổ vui, cần phải nói thụ v.v....

Ông nói có các kinh có sao không chỉ nói tâm số, mà chỉ nói tâm. Ông nói chỉ đoạn một pháp, lời này có

duyên, vì Phật tùy chúng sinh nào phiền não nhiều hơn, hoặc thường che nơi tâm, mới nói một pháp này, vì đoạn được pháp ấy, thì các pháp kia tự đoạn. Cho nên không phải nhân.

Ông nói vì nói danh tướng tức là nói tâm số. Ông tự nhớ tướng phân biệt, chứ kinh này không nói nghĩa ấy. Nếu ông tự sinh nhớ tướng phân biệt, sao không nói bởi danh tướng nên nói tâm duyên, thì có lý.

Ông nói xúc và thụ v.v... làm nhân cho tâm số. Lời nói này bị nhiều lỗi, vì đều là pháp tương ưng mà nói xúc làm nhân thụ v.v..., chứ không phải thụ v.v... làm nhân cho xúc. Có các lỗi như vậy cho nên biết chỉ có tâm, mà không riêng có tâm số.

Phẩm 65: Không tương ưng

Không có pháp tương ưng. Sở dĩ vì sao? Vì không có tâm số pháp thì tâm tương ưng với cái gì?

Lại các tướng thụ v.v... không được đồng thời.

Lại nhân quả không cùng lúc. Thức là nhân của tướng v.v... các pháp. Pháp này không phải đồng có một lúc, nên không có tương ưng.

Lại Phật nói trong pháp nhân duyên rất sâu. Vì việc này sinh nên việc kia được sinh.

Lại như hạt giống, mầm, cây, nhánh, lá, hoa, quả v.v..., hiện thấy nhân quả lần lượt nhau. Cho nên thức v.v... cũng cần theo thứ tự sinh. Nếu ý ông bảo tham v.v...

các phiền não cùng sắc cùng chung nhân nên đồng sinh, điều này không đúng. Vì sắc không có tính hiểu biết, nên không có thể duyên. Còn tâm và tâm số có duyên có hiểu biết, cho nên một lúc không được cùng có, vì không có nhiều hiểu biết.

Lại do một thân gọi là chúng sinh, vì một hiểu biết. Nếu trong một niệm có nhiều tâm số pháp, thì có nhiều hiểu biết, vì có nhiều hiểu biết nên phải là nhiều người, việc ấy không thể được. Cho nên trong một niệm không có các pháp thụ v.v....

Lại vì sao 6 thức không cùng sinh một lúc?

Hỏi: Các thức đều đợi tuần tự duyên sinh, nên không một lúc?

Đáp: Bởi các chướng ngại nên duyên một thứ lớp không được, mà thứ lớp sinh 6 thức ư? Phải biết vì nhân trước quả sau thứ lớp mà sinh.

Lại trong kinh nói: Mắt thấy sắc không lấy tướng. Lấy tướng tức là nghiệp của tướng. Nếu như Phật cho nghiệp thức mà ngăn nghiệp tướng, thì phải biết hoặc có thức mà không có tướng. Nếu ai lấy tướng, là thấy khi đã lấy, chứ không phải lúc thấy, cho nên biết thức v.v... sinh theo thứ lớp.

Lại trong kinh nói: Mắt thấy sắc rồi tùy theo vui vẻ suy nghĩ. Trong đó cũng trước nói nghiệp thức sau nói thụ v.v....

Lại trong kinh nói: Thấy cái thấy v.v.... Cho nên biết không phải tất cả tâm đều có thụ v.v....

Lại bởi tướng 5 thức. Điều này có thể rõ. Sở dĩ vì sao? Vì nếu người trong nhãn thức không thể lấy tướng người oan, người thân và tướng bình đẳng, tức là không có tướng, cũng không buồn vui, vì không phân biệt. Hoặc có người nói: Trong đó cũng không có tham v.v... các phiền não. Cho nên biết không suy nghĩ. Vì có thể tìm cầu thân đời sau, nên gọi là suy nghĩ. Điều này sẽ nói sau, cho nên biết 5 thức cũng không suy nghĩ.

Lại các ông nói 5 thức không thể phân biệt. Trong đó làm sao mà có giác quán? Vì suy nghĩ phân biệt trước thô sau tế, nên gọi là giác quán.

Lại nếu trong 5 thức có giác quán, như nói muốn ta biết ông, là vốn đều do nghĩ giác sinh ra. Vậy thì khi giác không muốn, khi biết làm sao có giác? Hoặc có người nói trong 5 thức có tướng không có giác, giác này do tướng sinh thì làm sao khi tướng có giác? Cho nên phải chấp nhận 5 thức không tướng, không giác, không quán. Sở dĩ vì sao? Vì trong 5 thức không có phân biệt là nam nữ, cũng không phân biệt thụ v.v..., thì trong đây phân biệt những gì?

Lại các ông nói 5 thức thứ lớp ắt sinh ý thức, vì 5 thức không phân biệt. Nếu trong 5 thức có phân biệt thì cần gì thứ lớp sinh ý thức ư?

Lại giác quán không phải sinh trong một tâm niệm, vì thô tế trái nhau. Ví như rung chuông linh, tiếng đầu là giác, các tiếng tiếp sau là quán. Dụ kia cũng vậy. Nếu trong 5 thức có giác quán, thì phải nói hành nghiệp của nó, mà thật không nói được. Phải biết tâm và tâm số pháp sinh theo thứ lớp.

Lại si và tuệ trái nhau phải không hiện hữu cùng một lúc. Vậy làm sao trong một niệm có cũng biết, cũng không biết.

Lại trong một tâm niệm không dung có nghi. Sở dĩ vì sao? Vì hoặc là cây trụi hoặc là người, không được cùng hiện hành trong một tâm niệm. Vì nghiệp của tâm không có có thể lực này.

Lại có người nói trong tâm số pháp ký ức đi duyên đời quá khứ, thì tâm hiện tại làm sao hiện hữu được?

Lại như nghĩ người này là bạn tri thức của ta, vì đã từng làm lợi ích cho ta, nghĩ rồi sinh vui. Việc ấy làm sao ở trong một tâm niệm?

Lại muốn, không muốn làm sao ở trong một tâm niệm? Như trong kinh nói: Nếu các Tì-kheo ưa thích pháp ta, thì pháp tăng trưởng, nếu không ưa thích thì pháp tổn giảm. Làm sao ở trong một tâm niệm?

Lại như trong một tâm niệm có tâm số pháp thì pháp sẽ thác loạn. Sở dĩ vì sao? Vì trong một tâm mà có biết không biết, nghi không nghi, tin không tin, tinh tiến, biếng nhác... các lỗi như vậy.

Lại tất cả tâm số nên đều ở trong một tâm, lấy cái gì ngăn, mà khổ vui tham giận v.v... không ở trong một tâm? Nếu ông bảo vì khổ vui v.v... trái nhau nên không ở trong một tâm, thì biết và không biết v.v... cũng trái nhau, lẽ ra cũng phải không ở trong một tâm? Cho nên không tương ưng.

Lại trong Kinh Thất Bồ-đề Phần, Phật thứ lớp nói tâm số pháp: Nếu Tì-kheo tu 4 niệm xứ; bấy giờ mới tu tập niệm Bồ-đề phần được. Tâm ở trong niệm, chọn lựa các pháp.

Do chọn lựa các pháp nên sinh tinh tiến.

Do sức tinh tiến nên có thể nhóm họp pháp lành.
Tâm sinh hoan hỷ thanh tịnh.

Do tâm hoan hỷ nên được khoan khoái.

Do được khoan khoái nên giữ được tâm.

Do giữ được tâm nên được định.

Do được định nên có thể bỏ tham dục ưu phiền.

Do bỏ tham dục ưu phiền nên mới biết tâm số thứ lớp sinh.

Lại trong Kinh Bát Đạo Phần cũng thứ lớp nói: Nếu được chính kiến, thì từ chính kiến sinh chính tư duy cho đến chính định.

Lại trong kinh thứ lớp Phật bảo A-nan rằng: Người tri giới không nên cầu tâm không lo buồn, ăn năn. Vì tâm pháp người tri giới là không lo buồn ăn năn. Người không lo buồn ăn năn, không nên cầu tâm được vui tươi. Tâm không lo buồn ăn năn pháp tự vui tươi. Vui tươi thì tâm hoan hỷ. Tâm hoan hỷ thì thân được khoan khoái. Thân khoan khoái thì cảm thụ vui. Thụ vui thì tâm nhiếp. Tâm nhiếp thì được thật trí. Được thật trí thì chán lìa. Chán lìa thì giải thoát. Cho nên mới biết tâm pháp theo thứ lớp sinh.

Lại trong Kinh Bát Đại Nhân Giác cũng thứ lớp nói: Nếu Tì-kheo tu thiếu dục thì tri túc. Tri túc thì xa lìa. Xa lìa thì tinh tiến. Tinh tiến thì nghĩ nhớ chân chính. Nghĩ nhớ chân chính thì tâm nhiếp. Tâm nhiếp thì được tuệ. Được tuệ thì dứt hí luận.

Lại trong Kinh Thất Tịnh cũng thứ lớp nói: Giới tịnh là tâm tịnh. Tâm-tịnh là kiến tịnh. Kiến tịnh là độ nghi tịnh. Độ nghi tịnh là đạo phi đạo tri kiến tịnh. Đạo phi đạo tri kiến tịnh là hành tri kiến tịnh. Hành tri kiến tịnh là hành đoạn tri kiến tịnh.

Lại trong Kinh Nhân Duyên cũng thứ lớp nói: Do mắt duyên sắc mới sinh si nghi phân và nghĩ nhớ ô trược. Trong đây si phân là vô minh. Chỗ tìm cầu của người si là ái. Chỗ tạo tác của người ái là nghiệp. Tất cả là như vậy.

Lại trong Kinh Đại Nhân cũng thứ lớp nói: Ái đứng đầu trong 9 pháp. Do ái sinh tìm kiếm, do tìm cầu nên được, do được nên so sánh, do so sánh nên sinh nhiễm, do nhiễm nên tham đắm, do tham đắm nên thù, do thù sinh lòng tham đắm, do tham đắm nên giữ gìn, do giữ gìn nên mới có roi gậy tranh kiện bao nhiêu khổ não.

Lại trong pháp Tu-đà-hoàn cũng thứ lớp nói: Nên gần gũi người lành được nghe chính pháp, vì nghe chính pháp nên có thể sinh chính niệm, nhờ nhân duyên chính niệm có thể tu hành đạo.

Lại trong kinh nói: Do mắt duyên sắc sinh nhãn thức. Ba thứ hòa hợp gọi là xúc. Nếu nói tâm và tâm số pháp sinh cùng một lúc, thì không có 3 thứ hòa hợp. Nếu nói mỗi mỗi sinh riêng thì có 3 thứ hòa hợp. Vì các lý do trên đây nên không có tương ưng.

Phẩm 66: Có tương ưng

Hỏi: Có pháp tương ưng. Sở dĩ vì sao? Nếu như người thấy thụ là thần, thức tâm nương vào đó, vì có tương ưng. Tương ẩm v.v... cũng như vậy. Nếu không tương ưng, do đâu có như vậy?

Lại trong kinh ông nói: Do mắt duyên sắc sinh nhãn thức. Ba thứ hòa hợp sinh xúc, cùng sinh thụ, tưởng, hành v.v.... Trong pháp này có nhiều thứ tên, như là chúng sinh, trời, người, trai, gái, lớn, nhỏ. Các tên ấy đều do các ẩm. Nếu nói tâm và tâm số pháp thứ lớp sinh thì nhân 2 ẩm. Có người cho rằng không nên nhân 5 ẩm. Sở dĩ vì sao? Vì không thể nhân các ẩm quá khứ vị lai mà gọi là người. Ông nói hiện tại không có 5 ẩm, thì làm sao nói nhân 5 ẩm gọi trời người v.v.... mà trong đó nói nhân các ẩm, chứ không phải chỉ có hai. Cho nên nhân 5 ẩm có tên chúng sinh.

Lại trong kinh nói có lời tương ưng, nghĩa là có căn trí tương ưng tín.

Lại trong kinh nói xúc tức cùng với thụ tưởng tư cùng sinh.

Lại nói 5 chi Sơ thiên. Cũng nói thụ v.v... là chỗ trụ của thức. Nếu thức không tương ưng làm sao thức trụ trong pháp thụ v.v... được? Gọi trụ này là nương dựa mà trụ. Sở dĩ vì sao? Vì không nói thức là chỗ thức trụ.

Lại trong kinh nói: Tâm cùng pháp này đều từ tâm sinh, rồi nương đậu nơi tâm.

Lại nói tâm chúng sinh trong đêm dài bị tham giận v.v... làm ô nhiễm. Nếu không tương ưng làm sao nhiễm được!

Lại vì tâm và tâm số pháp tính yếu ớt, nên nương nhau mới duyên được, thí dụ như bó tre nương nhau mới đứng vững.

Lại trong kinh nói: Khi tâm chao động không nên tu 3 thứ giác là: trạch pháp, tinh tiến và hỷ, vì lại động thêm, mà nên tu 3 thứ giác là: thư thái, định và xả, vì ngăn sự phát động. Còn niệm thì có thể điều hòa khắp. Nếu tâm mỗi một lặn chìm thì không nên tu 3 thứ giác là: thư thái, định và xả, vì càng lặn chìm. Cho nên cần tu 3 giác là: trạch pháp, tinh tiến và hỷ, vì có thể làm tâm phấn chấn. Niệm có thể điều hòa khắp.

Lại có luận sư nói: Nên đồng tu tập pháp trợ Bồ-đề, không được lia nhau. Cho nên biết có tương ưng.

Phẩm 67: Chẳng phải tương ưng

Ông nói thấy thụ là thần, điều này không đúng. Người phàm phu si mê, vọng sinh thấy đó, không có thể phân biệt đó là thụ, đó là thức nương đậu. Người này, nếu có thể phân biệt được như vậy, cũng có thể vào được lý không. Người này thấy tâm tương tục không phân biệt được, chỉ chấp lấy lời nói, nên mới nói như vậy, đó là lời si mê lầm lạc không thể tin được.

Ông nói do các ấm nên gọi là người. Là do 5 ấm nối nhau gọi là người, nên nói là các ấm. Như người đời nói: người vui, người khổ và người không vui khổ, không đồng thời có 3 thụ cùng một lúc. Các ấm cũng vậy.

Ông nói có căn trí tương ưng với tín. Trong kinh cũng nói các việc tương ưng. Như nói 2 Tì-kheo tương ưng với nhau trong một việc làm.

Lại nói oán ghét tương ưng thì khổ, yêu thương chia lìa thì khổ. Trong pháp của ông sắc không tương ưng, mà đây vì thế tục, nên cũng gọi tương ưng. Trí tín cũng vậy. Tín có thể tin vô thường v.v...; tuệ tùy theo hiểu biết, chung thành một việc, nên gọi tương ưng.

Ông nói do xúc liền có thụ v.v... cùng sinh. Điều này không đúng. Thế gian có việc tuy có chút trái nhau, cũng gọi là cùng chung, như bảo đệ tử cùng đi, cũng như nói vua Đánh Sinh, sinh tâm nghĩ, liền lên đến trời. Điều này cũng vậy. Phạm phu khi thức đến duyên cảnh, 4 pháp ắt thứ lớp sinh thức, tiếp đến sinh tưởng; kế tưởng sinh thụ, kế thụ sinh suy nghĩ, rồi suy nghĩ rồi lo buồn, mừng vui v.v... Từ đó sinh tham, giận, si. Cho nên nói liền sinh.

Ông nói 5 chi Sơ thiên. Tức là trong bậc thiên này có 5 chi, không phải nhất thời, như cõi Dục có 3 thứ thụ. Sở dĩ vì sao? Vì trước nói pháp, sau nói đến bậc.

Lại giác quán không tương ưng nhau được, trước đã đáp rồi.

Ông nói thức xứ. Trong kinh này nói thức duyên xứ, không nói y xứ. vì sao biết được? Tức trong kinh này nói thức duyên sắc vui nhuận nên mới trụ.

Ông tuy nói nếu thức duyên thức trụ, thì phải có 5 thức xứ. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Là vì khi thức biết sơ qua, thức biết việc rồi tâm mới sinh tưởng

v.v... Rồi trong đó khởi ái, do nhân duyên khởi ái mới nói là thức xứ. Cho nên không nên nói thức là thức xứ.

Lại trong 7 thức xứ cũng nói thức là thức xứ.

Lại phải suy nghĩ kinh này, đừng chỉ theo lời nói, như nói tin có thể vượt qua sông, là lời nói bất tận, mà thật nhờ tuệ mới vượt qua được. Điều này cũng phải như vậy.

Ông nói tâm số nương nơi tâm. Điều này không đúng. Tâm trước biết việc sau sinh tướng v.v....

Lại trong kinh nói: Thụ v.v... nương nơi tâm. Chứ không phải như bức vẽ nương nơi vách mà gọi là tâm số nương tâm.

Ông nói tâm số nương nhau như bó tre. Điều này trái với các kinh. Nếu cùng tương ưng, tại sao tâm số nương tâm, mà tâm không nương tâm số?

Nếu ông bảo vì tâm sinh trước lớn nên tâm số pháp phải nương vào, vậy là thành nghĩa của tôi rồi, vì khi tâm sinh không có tâm số pháp.

Ông nói vì phiền não nhiễm tâm nên biết có tương ưng. Điều này không có đạo lý. Nếu tâm trước sạch mà bị tham v.v... đến làm nhiễm bản, tức là tịnh pháp có thể bản, tức hại pháp tướng. Cũng như trước có nói tâm tịnh vốn sạch mà bị khách trần đến làm bản, vì tâm tịnh nên chúng sinh tịnh. Vậy thì chúng sinh cũng cần tương ưng? Nếu chúng sinh không tương ưng được, thì tham v.v... cũng không tương ưng được. Vì hiện hành trong tâm nối nhau sinh bản v.v... tâm bản nối nhau, nên mới nói nhiễm

tâm. Như nói từ nhiễm tâm được giải thoát. Trong tâm nối nhau này, nếu tịnh tâm sinh được gọi giải thoát. Điều này cũng vậy. Như mây mù v.v... tuy không tương ưng với mặt trời mặt trăng, nhưng cũng có thể làm mờ. Tham v.v... cũng vậy, tuy không tương ưng với tâm, nhưng cũng có thể làm ô nhiễm.

Lại vì khói mây mù v.v... có thể che mặt trời mặt trăng nên gọi là mờ. Tham v.v... cũng vậy, có thể chướng tịnh tâm nên gọi là bản.

Hỏi: Mây mù mặt trời mặt trăng chỉ là nhất thời, còn phiền não với tâm thì không như vậy, cho nên dụ này không đúng?

Đáp: Vì cùng chướng ngại. Điều này đã thành, nên không có lỗi. Phiền não này có thể làm bản cái tâm tương tục, nên gọi là nhiễm.

Ông nói tâm số từ tâm sinh rồi nương tựa nơi tâm. Điều này trước đã giải đáp.

Ông nói tâm và tâm số pháp tính yếu ớt ấy. Vì niệm niệm diệt, nên gọi yếu ớt, chứ không phải giúp nhau mới có thể hiện hành nơi cảnh duyên. Nếu giúp nhau thì phải tạm trụ lại, mà thật không thấy có sức tương trợ cần gì phải tương ưng?

Ông nói giác ý hợp nhau. Lời nói này là tùy lúc nên tu 3 giác, không phải trong một niệm. Như Xá-lợi-phất nói: Trong 7 giác tôi có thể vào tự tại. Nếu tâm chao động, bảy giờ nên tu thư thái v.v... 3 giác.

Lại Phật cũng nói thứ lớp của giác pháp.

Ông nói đồng thời tu Bồ-đề phần. Điều này không đúng. Nếu đồng thời tu 37 phẩm thì nên đồng thời tu 2 thứ tín và 5 niệm v.v.... Nếu ý ông bảo tùy được chỗ tu tức là lìa tu.

Lại tùy theo người khác tu được như Nhị thiên v.v..., nên gọi là không lìa.

Lại đồng thời 37 phẩm thì không có đạo lý ấy. Sở dĩ vì sao? Vì trong một niệm không thể tu được nhiều pháp như vậy.

Phẩm 68: Nhiều tâm

Hỏi: Đã biết không có riêng tâm số, cũng không có tương ưng. Vậy tâm này là một hay là nhiều? Có người bảo tâm là một, mà tùy sinh nên nhiều?

Đáp: Nhiều tâm. Sở dĩ vì sao? Vì biết gọi là tâm, mà sắc thì biết khác, hương v.v... biết khác, cho nên có nhiều tâm.

Lại nhãn thức sinh khác, nghĩa là đợi có ánh sáng, hư không và các duyên. Nhĩ thức thì không phải vậy. Ba thức trần đến mới sinh. Ý thức thì do nhiều duyên sinh. Cho nên biết không phải một.

Lại thức biết tướng của trần thường như vậy, thì làm sao biết thứ trần khác? Nếu nhiều tâm sinh thì mới có thể biết được nhiều, như tà chính biết khác. Hoặc quyết định hoặc nghi ngờ, hoặc thiện, bất thiện, hoặc vô ký đều biết sai khác. Trong thiện lại có thiện định, giải thoát, 4

vô lượng, thần thông v.v... khác nhau. Trong bất thiện cũng có tham dục, giận dữ, ngu si v.v... khác nhau. Trong vô ký cũng có đi đến v.v... khác. Có thức có thể khởi thân nghiệp khẩu nghiệp, có khởi oai nghi, hoặc hợp hoặc ly, bởi thứ lớp duyên tăng thượng, mỗi mỗi sai khác, nên các tâm cũng khác.

Lại sạch không sạch các thụ sai khác, nên tâm cũng khác.

Lại sở tác sai khác nên tâm có khác.

Lại sạch không sạch tâm tính đều khác; nếu tâm tính sạch thì không bị bẩn, như ánh sáng mặt nhật vốn sạch quyết không bẩn được. Nếu tính không sạch không thể khiến sạch, như lông của những thú đen đều không thể khiến trắng. Mà trong bồ thí v.v... thật có tịnh tâm. Trong pháp sát-sinh v.v... thật có bất tịnh tâm. Cho nên tâm không phải một.

Lại tùy các thụ khổ vui sai khác, nên tâm cũng không phải một. Như nói Tì-kheo dùng thức để biết việc gì đó, nghĩa là biết khổ vui và không khổ vui.

Lại nếu tâm là một, thì một thức nên có thể thủ lấy tất cả trần. Mà nói nhiều tâm, là tùy căn sinh thức, cho nên không thể thủ lấy tất cả trần. Nếu tâm là một, thì vì cái gì ngăn mà không thủ lấy tất cả trần được? Cho nên biết nhiều tâm.

Lại pháp có thể bị lấy khác, nên có thể lấy cũng khác. Như người nói hoặc tự biết tâm mình, làm sao tự biết tự thể được? Như mắt không tự thấy, dao không tự cắt, ngón tay không tự xúc, nên tâm không một.

Lại trong Kinh Viên Dụ nói: Ví như con khi con vượn bỏ một nhánh liền vịn một nhánh khác. Tâm cũng như vậy, sinh diệt mới luôn.

Lại nếu tâm là một, mà nói có cả 6 thức, thì lời này hỏng.

Lại trong kinh nói: Thân hoặc trụ 10 năm, mà tâm thì niệm niệm sinh diệt.

Lại nói: Phải quán trụ tâm vô thường. Tâm này mà nói là trụ, vì nối nhau niệm niệm không dừng.

Lại như một nghiệp không thể lấy lần thứ 2, thức cũng như vậy, không trùng tại duyên cảnh.

Lại như lửa cỏ không dời được đến củi. Cũng như vậy nhãn thức không đến trong tai. Cho nên biết có nhiều tâm.

Phẩm 69: Một tâm

Hỏi: Tâm là một. Sở dĩ vì sao? Như trong kinh nói: Tâm này thời gian lâu tằm tối bị tham v.v... làm ô nhiễm. Nếu tâm khác ấy, không gọi là thường ô nhiễm.

Lại trong Kinh Anh Lạc nói: Nếu tâm thường tu tín, giới, thí, vãn và tuệ, thì chết sinh lên cõi trên.

Lại trong Kinh Thiên nói: Người được Sơ thiên, vì tâm điều hòa nhu nhuyễn, nên có thể từ Sơ thiên đến Đệ nhị thiên.

Lại trong Phẩm tâm nói: Tâm này thường động, như cá mất nước, cho nên các ông phải phá quân ma. Cho nên biết tâm một, động ở đây đến nơi kia.

Lại trong Tạp Tạng Tì-kheo, nói: Trong hang 5 cửa, khi đột nhảy múa, khi tạm đứng yên, đừng cho như xưa. Cho nên biết một tâm, ở trong hang thân, 5 căn cửa cửa động, nay tức là xưa, cho nên mới nói: Đừng cho như xưa.

Lại nói tâm này đi khắp như ánh sáng mặt trời soi. Người trí có thể chế ngự, như cái móc điều khiển con voi. Cho nên biết tâm là một, chạy rộng duyên trong các cảnh.

Lại vì vô ngã, nên tâm mới khởi nghiệp, vì tâm là một nên có thể khởi các nghiệp, rồi tự chịu quả báo; tâm chết tâm sống, tâm buộc mở, vốn tự chịu lấy. Tâm có thể nghĩ nhớ, nên biết tâm một.

Lại vì tâm là một, nên có thể tu nhóm, nếu niệm niệm diệt, thì không sức nhóm họp.

Lại Phật pháp là vô ngã, vì tâm một nên gọi tướng chúng sinh. Nếu tâm nhiều thì không phải tướng chúng sinh.

Lại bên tả thấy bên hữu biết, không lẽ thấy khác biết khác? Cho nên biết tâm một, tự thấy tự biết.

Phẩm 70: Chẳng phải nhiều tâm

Ông tuy nói sắc v.v... biết khác, nhưng điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì nếu tâm là một, làm nhiều thứ nghiệp thủ lấy sắc hương v.v..., như một người ở

trong nhà có 5 hướng, khắp chỗ thủ lấy trần, tức là tâm này trụ ở trong mắt, đợi các duyên sáng v.v... mới có thể thấy sắc. Như người này, ở chỗ khác đợi bạn, tức là tâm này chỗ biết sai khác. Như người này, trước là người biết, sau lại không biết. Như vậy biết tà lại là biết chính. Như người này, trước là người tịnh, sau lại bất tịnh. Như vậy biết nghi ngờ tức là biết quyết định. Như người này, trước là người nghi, sau lại người quyết định. Là tâm bất thiện tức lại là thiện, cũng là vô ký. Như người này, hoặc nghĩ thiện, hoặc nghĩ bất thiện, hoặc nghĩ vô ký. Tức là tâm này có thể làm oai nghi đến đi sai khác. Như người này, làm các hành nghiệp đi đến các oai nghi. Như vậy tịnh tâm tức là bất tịnh, bất tịnh tức là tịnh. Như người này trước là thanh tịnh, sau lại bất tịnh. Tức là tâm này tương ứng với vui, sau lại tương ứng với khổ. Như người này trước là người vui, sau lại là người khổ. Cho nên nói tâm là một dùng làm nhiều nghiệp.

Ông nói 1 thức không thủ lấy 6 trần, nên không phải 1 tâm. Điều này không đúng. Tôi cho vì căn sai khác nên thức mới có sai khác. Nếu thức trụ trong mắt, chỉ có thể lấy sắc mà không lấy trần khác, các thức khác cũng vậy.

Ông nói thủ và khả thủ khác. Điều này không đúng. Tâm pháp có thể biết tự thể; như đèn tự chiếu sáng và chiếu sáng các vật; như người tính toán cũng có thể tính toán mình, và tính toán cho người khác. Như vậy tâm một có thể biết tự thể, cũng biết người khác.

Ông nói ví dụ con khi. Điều này không đúng. Như một con khi bỏ một nhánh lại liền bắt lấy một nhánh khác.

Tâm cũng vậy bỏ một cảnh duyên, lại lấy một duyên. Ngoài ra lời ông đã nói: Có thể tự khởi nghiệp, tự chịu quả báo đều đã đáp chung. Sở dĩ vì sao? Vì nếu tâm khác, thì phải làm khác, chịu khác, chết khác, và sống khác, có các lỗi như vậy, cho nên biết một tâm.

Phẩm 71: Chẳng phải một tâm

Đáp: Ông nói tâm một, bị tham v.v... làm bản dài lâu. Điều này không phải vậy. Trong cái tâm luôn nối nhau thấy là một tướng. Như nói gió chiều qua tức là gió sáng nay. Sông ngày nay tức sông ngày xưa. Đèn buổi sáng nay tức là đèn ngày hôm qua. Như cái răng mọc gọi là tái sinh, mà cái răng cũ thật không tái sinh. Vì giống nhau ấy nên gọi là tái sinh. Cũng như vậy, tâm khác nhưng vì nối nhau liên tục nên bảo là một tâm.

Ông nói nghĩ nhớ, là người hoặc tự nghĩ bản tâm, nếu bản tâm đến nay nghĩ việc gì?

Lại làm sao đem tâm này mà nghĩ tâm này? Không có một trí nào có thể biết tự thể, cho nên không phải một tâm.

Ông nói tu nhóm. Nếu tâm thường một, tu sao được ích? Nếu có nhiều tâm thì hạ, trung, thượng thứ lớp nối nhau sinh, nên mới có tu nhóm.

Ông nói tâm là một tướng. Nếu tâm là một tướng, tức đó là thường, thường tức chân ngã. Sở dĩ vì sao? Vì nay làm, sau làm, thường một không biến đổi nên mới cho là ngã.

Lại không thể biết tướng sai biệt của tâm nên cho là một. Như rót nước liên tục nối nhau luôn, trong tâm cho là một. Như người bệnh mắt thấy đùm tóc cho là một. Nếu trong việc này, người có thể phân biệt thì biết kia là khác.

Lại người có trí sâu sắc có thể biết tâm khác. Sở dĩ vì sao? Vì các Phạm Vương v.v... ở trong con mê muội thốt nói như vậy: Thân này vô thường, mà tâm thức này là thường. Nếu các Phạm Vương v.v... mà hãy còn mê muội, hướng chi người khác mà không chấp trước là thường ư? Cho nên phải khéo suy nghĩ các pháp duyên sinh, thì ý nghĩ điên đảo cho là thường kia mới diệt.

Ông nói bên tả thấy bên hữu biết là sức của trí, cho nên thấy khác biết khác, như người này làm sách nhiều người khác có thể biết.

Lại như các người đã được là Thánh nhân có thể biết những việc vị lai chưa sinh, chưa có mà Thánh trí có thể biết.

Lại việc quá khứ không nghĩ nhớ, nên biết chưa đến chưa có mà trí lực có thể biết. Điều này ra sau sẽ nói rộng.

Phẩm 72: Thuyết minh nhiều tâm

Ông nói tâm một dùng làm nhiều nghiệp. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì chính lấy nghĩa rõ biết là tâm. Mà rõ biết sắc khác, rõ biết thanh khác, tâm làm sao một được?

Lại như nghiệp tay cầm bình, thì chính tay này không cầm được vật khác nữa. Như vậy vì tùy tâm nào lấy sắc, thì chính tâm ấy không còn nghe tiếng được.

Lại nhãn thức này lấy nhãn căn làm chỗ nương, lấy sắc làm cảnh duyên, 2 thứ này là vô thường niệm niệm sinh diệt, thì nhãn thức làm sao tránh khỏi niệm niệm diệt được? Ví như không có cây, bóng cũng không có. Như vậy vì nhãn sắc niệm niệm diệt, nên chỗ bị nương để sinh thức cũng niệm niệm diệt; pháp niệm niệm diệt không có sức đi.

Lại trước đã có các lời đáp trong Phạm ý, nên ý không đi. Tuy ông nói thức trụ trong mắt, đọi sáng có thể thấy, như người này có thể thấy nghe v.v.... Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì nay trong luận này tìm thật nghĩa của pháp, còn người là giả danh không nên đem làm thí dụ.

Lại nếu cần tìm tướng người, thì tôi nói các ám là người, cũng nói nghi, biết v.v..., khác với các biết quyết định. Không đem các nghi, biết, mà cho là các biết quyết định. Như vậy tất cả.

Ông nói vì căn sai khác nên thức mới có sai khác. Điều này không đúng. Căn là nhân duyên sinh thức. Nếu thức là một, thì nhiều căn để làm gì?

Ông đem cái đèn, người tính toán làm thí dụ. Thí dụ này không đúng. Như vì không soi đốt đèn mà thể đèn không phải không soi, nên không tự soi, nhờ đèn mà thể đèn không phải không soi, cho nên không tự soi. Vì đèn phá tối, nhãn thức được sinh; nhãn thức sinh rồi cũng có thể thấy đèn và bình v.v... các vật.

Lại người tính toán, có thể biết sắc mình, cũng biết sắc người khác, nên gọi biết nhau.

Ông nói nghiệp v.v.... Trong vấn nạn về nghiệp v.v... đã giải đáp rồi, nên không lỗi này.

Lại nếu tâm thường một thì không nghiệp không báo. Sở dĩ vì sao? Chính vì tâm và chỗ sở y là nghiệp. Nếu tâm là một, đâu có nghiệp báo? Buộc hay mở v.v... đều như vậy.

Lại ông nói làm khác chịu khác. Đó cũng không đúng. Vì các ám nối nhau luôn, không phải một, không phải khác, vì sa vào nhị biên.

Lại thế tục danh tự nói các nghiệp v.v... không phải nghĩa chân thật nên trong ám tương tục nói các danh tự kia thì không lỗi. Cho nên biết có nhiều tâm.

Phẩm 73: Thức tam trụ

Hỏi: Đã rõ biết nhiều tâm. Nay các tâm là niệm niệm diệt hay là có trụ một thời gian ngắn? Có người nói: Tâm trụ một thời gian ngắn. Sở dĩ vì sao? Vì rõ biết sắc v.v.... Nếu niệm niệm diệt, thì không thể rõ biết được. Cho nên không phải không trụ.

Lại nếu niệm niệm diệt thì quyết không biết được các sắc v.v...các pháp. Sở dĩ vì sao? Vì như điện sáng tạm trụ còn không nhận biết được, huống là niệm niệm diệt mà rõ được ư? Nay thật có rõ biết nên mới biết các thức không phải niệm niệm diệt.

Lại nhãn thức nương nhãn căn duyên sắc, 2 thứ này không khác, thức cũng không khác.

Lại tâm đủ có thể lực lấy xanh v.v... các màu sắc, nên biết không phải niệm niệm diệt. Nếu ý ông bảo vì nói nhau liên tục, nên có thể quyết rõ. Điều đó cũng không đúng. Vì nếu mỗi tâm không thể định rõ, thì dù cho nói nhau liên tục cũng không rõ biết được. Như một người mù không thể thấy sắc, thì nhiều người mù cũng không thấy gì. Nếu ông lại bảo: Như mỗi mỗi sợi chỉ không thể buộc voi, nhóm lại nhiều sợi thì được. Như vậy một tâm không thể quyết rõ, mà nói nhau thì được. Đó cũng không đúng. Vì trong mỗi mỗi sợi chỉ đều có chút sức mạnh, hòa hợp thì có thể. Tâm trong một niệm không có chút sức mạnh rõ biết. Cho nên nói nhau liên tục cũng phải không thể hiểu rõ, mà thật có hiểu rõ. Cho nên biết không phải niệm niệm diệt.

Lại nếu tâm niệm niệm diệt, thì các hành nghiệp quá khứ vị lai đều thành vô dụng, vì có chút thì gian ngắn tạm trụ, nên mới có thể khiến thành hữu dụng. Cho nên biết tâm không phải niệm niệm diệt. Tuy là vô thường phải có trụ một thời gian ngắn.

Phẩm 74: Thức không trụ

Đáp: Ông nói vì tâm có rõ biết, nên không phải niệm niệm diệt. Điều này không đúng. Vì sức các tướng tại tâm có khả năng quyết rõ, chứ không phải vì trụ lại. Nếu không phải vậy, thì trong âm thanh cũng không thể

quyết rõ được. Sở dĩ vì sao? Vì hiện thấy điều này niệm niệm diệt, mà thật ra thì có quyết rõ. Cho nên biết không phải vì tạm trụ mà có thể hiểu rõ.

Lại chính vì biết rõ là tâm, như biết xanh tức không phải biết vàng; Cho nên dù tạm trụ đi nữa, biết xanh cũng không thể rõ biết vàng được.

Lại khi biết xanh khác, khi biết không phải xanh khác. Một pháp không nên 2 thời, là pháp với thời cùng lúc, thời với pháp cũng vậy.

Lại nhận lấy có 2 cách: một là quyết rõ, hai là không quyết rõ. Nếu thức không niệm niệm diệt, thì tất cả những gì nhận lấy đều phải quyết rõ. Tôi cho là tùy thức sinh nhiều nối nhau, thì sự nhận lấy mới rõ ràng. Nếu ít nối nhau thì không rõ.

Lại thức lấy trần, hoặc chậm hoặc nhanh tâm không nhất định.

Ông nói nương cảnh duyên không khác. Nghĩa này đã thành. Sắc niệm niệm diệt, nên nương duyên cũng khác.

Ông nói có thể lấy đầy đủ, là thức có thể lấy khắp thân phần, nên gọi là lấy đầy đủ. Cho nên không có một thức có thể lấy khắp. Sở dĩ vì sao? Vì chưa lấy đầy đủ tâm đã diệt theo, thì đâu được có tâm có thể lấy tất cả?

Ông nói tác nghiệp vô dụng. Điều này không đúng. Như đèn tuy niệm niệm diệt nhưng có tác dụng chiếu soi. Các nghiệp và gió tuy niệm niệm diệt, cũng có thể lay động các vật. Thức này cũng vậy.

Lại như đèn v.v... tuy niệm niệm diệt, cũng có thể lấy được. Thức cũng như vậy, tuy niệm niệm diệt, cũng có thể lấy được.

Lại nữa, các tâm ý thức đều niệm niệm diệt. Sở dĩ vì sao? Vì xanh v.v... các màu sắc nhóm hiện tại trước mặt mà có thể mau sinh diệt, nên biết không trụ.

Lại người hoặc khi sinh tâm tự bảo một lúc có thể lấy các cảnh, cho nên thức không trụ. Nếu thức tạm trụ, thì người kia không thể sinh tâm nghĩ làm này. Sở dĩ vì sao? Vì như giống rễ nối nhau mới có tạm trụ, cho nên người kia trong đó không sinh ý nghĩ sai lầm cho là mầm, thân v.v... đồng thời mà có. Cho nên biết thức niệm niệm diệt.

Lại như người thấy cái bình liền sinh nhớ cái bình, vì thấy rồi mới sinh nhớ, cho nên niệm niệm diệt.

Lại nếu các thức không niệm niệm diệt, thì một trí cũng phải là tà cũng là chính. Như thấy người này, nhận là người, cũng nhận là không phải người. Như vậy lấy nghi ngờ tức cũng lấy quyết định là không được. Cho nên biết niệm niệm diệt.

Lại các phân biệt v.v... các nhân duyên, cho nên biết niệm niệm diệt.

Lại tướng âm thanh nối nhau niệm niệm diệt, trong đó sinh biết. Cho nên biết tâm niệm niệm diệt.

Phẩm 75: Thức cùng sinh

Hỏi: Đã rõ tâm niệm niệm diệt. Nay các thức là đồng thời cùng sinh hay là thứ lớp sinh? Có luận sư nói thức đồng thời cùng sinh. Sở dĩ vì sao? Vì có người đồng thời có thể lấy các trần như người thấy bình cũng nghe tiếng nhạc, mũi ngửi hoa thơm miệng cũng ngậm vị thơm, gió thổi xúc thân, cũng suy nghĩ âm điệu khúc hát. Cho nên biết đồng thời có thể lấy các trần.

Lại nếu một thức ở trong thân có thể khắp biết khổ vui. Vậy thì đem một nhãn thức cũng có thể lấy các cây. Điều này là không thể. Vì làm sao một thức đều biết rễ, cọng, nhánh, lá, hoa quả? Cho nên biết nhiều thức đồng thời cùng sinh khắp lấy các xúc.

Lại trong nhiều thứ màu sắc đồng thời sinh biết, mà biết xanh tức không phải biết vàng. Cho nên biết đồng thời nhiều thức cùng sinh.

Lại các phần trong thân có thể mau sinh biết, khi lấy một phần tức có thể khắp lấy.

Lại trong Phật pháp không có hữu phần, không thể một thức khắp lấy các phần. Cho nên biết đồng thời có thể sinh nhiều thức khắp lấy các phần.

Phẩm 76: Thức không đồng thời cùng sinh

Đáp: Ông nói các thức đồng thời cùng sinh. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì thức đợi nghĩ mới sinh. Như trong kinh nói: Nếu mắt nhập vào sắc không hoại,

nhập trong cảnh biết mà nếu không nghĩ có thể sinh thức, thì nhãn thức không sinh. Cho nên biết các thức vì đợi nghĩ vậy, chứ không phải đồng thời sinh.

Lại tất cả pháp sinh đều thuộc nghiệp nhân, vì tâm mỗi mỗi sinh nên quả báo địa ngục v.v... không phải đồng thời thụ báo. Nếu nhiều tâm cùng sinh, thì phải đồng chịu quả báo một lúc, mà thật ra là không thể. Cho nên biết các thức không phải đồng một thời sinh.

Lại thức có thể mau lẹ lấy cảnh duyên, như vòng lửa quay tròn, vì quay nhanh nên không thấy ranh giới. Các thức cũng vậy, vì thời gian trụ ngắn nên không phân biệt được.

Lại các thức nếu đồng thời sinh thì tất cả pháp sinh đều có thể một niệm một thời cùng sinh, có gì ngăn ngại? Vậy thì tất cả pháp sinh không cần công đức, không cần tạo nghiệp công đức cũng vẫn được giải thoát? Điều này là không thể được. Cho nên biết các thức không phải một thời sinh.

Lại thân bị tâm sai khiến, nếu các tâm đồng sinh thì thân bị tan nát, vì các tâm đi lại một thời sinh, mà thật thân không hư hoại, cho nên biết các thức không phải một thời sinh.

Lại mắt thấy vật bên ngoài như giống, rẽ, mộng v.v... và trạng thái ca-la-la lúc mới đậu thai v.v... rồi đến hình hài thiếu, tráng, lão tuần tự mà có, tâm cũng phải như vậy.

Lại như trong kinh nói: Nếu khi thụ vui, thì 2 thụ diệt, đó là khổ thụ và bất khổ bất lạc thụ. Và như vậy v.v.... Nếu thức đồng thời sinh thì phải sinh 3 thứ thụ

cùng một lúc, mà thật đâu phải vậy. Cho nên biết các thức không một thời sinh.

Lại vì trong một thân một tâm sinh, nên gọi là một người. Nếu thức đồng sinh thì một thân phải có nhiều người mà thật đâu phải. Cho nên trong một thân thức không cùng sinh một lúc.

Lại nếu thức cùng sinh, thì phải một lúc biết, biết tất cả pháp. Sở dĩ vì sao? Vì trong mắt có vô lượng trăm ngàn thức sinh. Cho đến trong ý cũng đều như vậy. Như vậy thì phải biết tất cả pháp, mà thật đâu phải. Cho nên biết các thức không sinh cùng một lúc.

Hỏi: Các thức vì sao phải thứ tự sinh?

Đáp: Vì một thứ lớp duyên, nên mỗi mỗi thức sinh.

Hỏi: Có sao chỉ có một thứ lớp duyên?

Đáp: Pháp phải như vậy. Như một thân một ý của ông, tôi cũng như vậy, một ý một thứ lớp duyên. Như mộng thuộc hạt giống, cần phải thứ lớp sinh mộng, mà không sinh cộng v.v.... Cũng như vậy pháp nào tùy thuộc tâm, cần phải kế tâm đó mà sinh, không sinh các pháp khác.

Lại tướng thức quyết định, mỗi mỗi khởi diệt thứ lớp thuộc nhau, như tướng lửa và nóng. Cho nên các thức phải thứ lớp sinh.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 6)

Phẩm 77: Tướng ám trong nhóm khổ đế

Hỏi: Pháp gì là tướng?

Đáp: Vì lấy tướng giả pháp nên gọi là tướng. Bởi vì sao? Vì như trong kinh nói: Có người tướng ít, có người tướng nhiều, có người tướng vô lượng, hoặc không có tướng, mà thật không có các pháp nhiều ít v.v... này, cho nên biết tướng là lấy tướng giả pháp. Tướng này phần nhiều ở trong điên đảo mà nói. Như nói, trong vô thường, điên đảo tướng thường, trong khổ điên đảo tướng vui, trong vô ngã điên đảo tướng ngã, trong bất tịnh điên đảo tướng tịnh. Cũng nói trong tín giải quán tất cả nhập v.v.... Con người vì tướng 3 thứ sai khác lấy cảnh duyên nghĩa là trong oán thân con người trong cảnh duyên ấy tiếp sinh 3 thứ thụ. Thụ sinh 3 thứ độc, nên tướng có lỗi. Vì tướng có lỗi, nên Phật dạy cần phải đoạn dứt. Như nói mắt thấy sắc đừng lấy tướng. Cho nên biết lấy tướng giả pháp, gọi là tướng.

Hỏi: Lấy giả pháp là tướng?

Nghĩa này không phải. Bởi vì sao? Vì tướng này có thể dứt phiền não. Như trong kinh nói: Vì khéo tu vô thường tướng, nên có thể dứt được tất cả nhiễm cõi Dục,

nhiệm cõi Sắc, và nhiệm cõi Vô sắc, tất cả hý động, ngã mạn và vô minh. Cho nên biết không phải chỉ lấy giả pháp là tướng. Lấy giả pháp là tướng thì phải không dứt được các phiền não?

Đáp: Thật tuệ này lấy tướng gọi tên. Như nói người thụ giả, đối với tất cả được giải thoát. Cũng nói dùng ý dứt tất cả phiền não.

Lại như nói dùng nghiệp không đen không trắng có thể hết các nghiệp. Cũng nói tin có thể qua sông, nhất tâm qua biển, tinh tiến trừ khổ, tuệ có thể sinh thanh tịnh. Mà thật dùng tuệ mới được qua, chứ không phải dùng tín v.v.... Như vậy trí tuệ mà lấy tướng gọi tên.

Lại trong kinh nói: Lấy tuệ làm dao. Như nói Thánh đệ tử dùng gương trí tuệ có thể dứt phiền não. Cho nên biết trí tuệ có thể dứt kết, chứ không phải tướng.

Lại trong 37 phẩm Thánh đạo không nói tên của tướng nên không đoạn dứt kết.

Lại trong kinh nói: Người biết, người thấy có thể được hết lậu, chứ không phải người không thấy không biết.

Lại trong 3 căn vô lậu nói: căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết, đều lấy cái biết mà gọi tên.

Lại Phật nói: Tuệ là tuệ phạm, giải thoát tri kiến phạm.

Lại nói không thiên nào không trí, không trí nào không thiên.

Lại trong kinh thứ lớp nói người giữ gìn tịnh giới thì tâm không ăn năn, cho đến giữ tâm nơi cái biết, được như thật.

Lại pháp trí v.v... đều lấy tuệ làm tên.

Lại trong 3 môn học, tuệ học là vượt trội hơn hết. Cũng nói trí tuệ đầy đủ là tri kiến giải thoát đầy đủ.

Lại trong 7 tịnh nói tri kiến tịnh.

Lại Phật gọi là hiểu biết đúng đắn tất cả pháp nên gọi là trí tuệ vô thượng. Tướng, thì không nói như vậy. Lại lẽ ra phải dùng tuệ dứt các phiền não, không phải dùng tướng. Bởi vì sao? Như Kinh Đại Nhân Duyên nói: Nếu nghĩa nào ăn nhập vào trong Tu-đa-la, và không trái với pháp tướng, tùy thuận Tì-ni, thì nghĩa ấy nên lấy.

Lại nói trong chính nghĩa để riêng lời tùy nghĩa, trong chính ngữ để riêng nghĩa tùy ngữ. Cho nên trong kinh tuy nói vô thường tướng v.v... có thể dứt trừ các kết mà lý đúng ra phải là tuệ.

Lại nói vô minh là gốc phiền não, vì lìa vô minh nên tuệ được giải thoát. Cho nên lấy tuệ dứt các phiền não.

Hỏi: Ông nói các tướng lấy tướng giả pháp. Vậy cái gì là tướng?

Đáp: Có người lấy giả pháp làm tướng. Giả pháp có 5 thứ: 1. Quá khứ. 2. Vị lai. 3. Danh tự. 4. Tướng. 5. Người. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì người do 5 âm tạo thành, tướng không có nhân tạo thành. Cho nên không phải giả danh.

Hỏi: Vậy nghĩa của tướng là gì?

Đáp: Cảnh duyên tức là tướng. Vì sao biết được? Như nói sư tử chúa loài thú, đứng bên này bờ sông, lấy tướng bờ bên kia, rồi cắt ngang dòng mà qua. Nếu không

như vậy thì vẫn ở bờ này, đến chết không rời bỏ. Trong kinh này lấy cây cối v.v... làm tướng.

Lại nói Tì-kheo nêu tướng, trong ấy cũng lấy áo v.v... làm tướng.

Lại nói Thế Tôn hiện tướng như vậy.

Lại quan trông coi bữa ăn của vua nhân khi vua ăn, nên mới lấy tướng thềm thường.

Lại nói sớm mai là tướng mặt trời mọc.

Lại nói 3 tướng là nhiếp tướng, phát tướng và xả tướng. Trong ấy lấy nhiếp v.v... làm tướng. Tùy nghĩ pháp nào, buộc tâm nơi cảnh duyên, gọi là nhiếp tướng.

Lại chư thiên khi thoái đọa, có 5 tướng hiện ra, trong đó lấy 5 pháp làm tướng. Cho nên biết không lấy giả pháp làm tướng, cũng không phải nhiếp thuộc hành âm.

Lại Xá-lợi-phất lấy diện mạo các tướng của Phú-lâu-na.

Lại trong kinh nói mắt thấy sắc không lấy tướng.

Lại trong Pháp ấn nói nếu Tì-kheo tự thấy đoạn sắc thanh các tướng, ta chưa nói người này được tri kiến thanh tịnh. Vì các lẽ đó nên biết duyên tức là tướng, không phải giả pháp.

Hỏi: Duyên không phải tướng. Bởi vì sao? Vì Vô tướng Tam-muội cũng có duyên. Lại nói thấy sắc rồi không lấy tướng. Nếu duyên là tướng, làm sao lấy sắc mà không lấy tướng?

Đáp: Tướng có 2 thứ: Có tướng có lỗi, có tướng không lỗi. Vì ngăn tướng lỗi, nên nói thấy sắc không lấy tướng. Vô tướng mà duyên cũng có lỗi, sau sẽ nói rộng ở phần diệt đế. Nghĩa là diệt 3 thứ tâm, nên gọi vô tướng. Hành giả mới nhập đạo thì không phải tất cả tướng đều là lỗi. Nếu lấy nhiếp tướng, phát tướng và xả tướng v.v... thì không lỗi.

Lại Niết-bàn gọi là vô pháp, cho nên không nên nạn vấn. Như nói nếu lấy pháp tướng, không thể là ô nhiễm, mà lấy giả danh tướng, thì sinh phiền não. Bởi vì sao? Vì lấy tướng sai khác oan, thân v.v... nên sinh buồn, vui v.v.... Do đó có thể sinh các lỗi tham, giận v.v.... Cho nên biết lấy tướng giả pháp, đó gọi là tướng.

Phẩm 78: Tướng của thụ trong luận về thụ của nhóm khổ đế

Hỏi: Vậy thế nào là thụ?

Đáp: Khổ, vui, không khổ vui.

Hỏi: Sao gọi là khổ, sao gọi là vui, sao gọi là không khổ vui?

Đáp: Nếu tăng ích thân tâm là vui, tổn giảm thân tâm là khổ, trái với 2 điều trên là không khổ không vui.

Hỏi: Ba thứ thụ này không có tướng quyết định. Bởi vì sao? Vì như một việc, hoặc tăng ích thân tâm, hoặc làm tổn giảm, hoặc đều trái cả hai?

Đáp: Đó là cảnh duyên bất định, chứ không phải thụ bất định. Bởi vì sao? Vì như cùn là một thứ lửa, mà khi thì sinh vui, khi sinh khổ, khi sinh không khổ không vui. Từ duyên sinh thụ là quyết định. Như một việc mà tùy lúc làm nhân cho vui, hoặc làm nhân cho khổ; hoặc làm nhân cho không vui không khổ.

Hỏi: Do lúc nào duyên này làm nhân cho khổ vui v.v...?

Đáp: Tùy lúc có thể ngăn chặn khổ, thì lúc đó sinh tướng vui. Như người đang bị lạnh, bấy giờ tiếp xúc hơi nóng là sinh tướng vui.

Hỏi: Tiếp xúc nóng này nếu quá nhiều lại có thể làm khổ, đâu phải vui, cho nên biết thụ vui cũng không có?

Đáp: Theo danh tướng thế tục nên mới có thụ vui, không phải nghĩa chân thật. Tùy theo người này khi thích tiếp xúc nóng thì tăng ích, lại ngăn được khổ trước, bấy giờ trong khi ấy thì sinh tướng vui. Nếu lia khổ trước, thì tiếp xúc nóng này không có thể làm vui nên không phải thật có.

Hỏi: Ông nói chỉ vì danh tướng nên có vui. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì trong kinh, Phật tự nói 3 thụ, nếu thật không vui, làm sao nói 3 thụ?

Lại nói sắc nếu quyết định là khổ, thì chúng sinh trong đó không sinh tham đắm.

Lại nói những gì là ý vị trong sắc? Như nói vì do sắc có thể sinh vui mừng.

Lại nói khi lạc thụ sinh thì vui, khi trụ thì vui, mà khi hoại thì khổ. Khổ thụ khi sinh thì khổ, khi trụ thì khổ,

mà khi hoại thì vui. Cái thụ không khổ không vui thì không biết khổ không biết vui.

Lại lạc thụ là phúc báo, khổ thụ là tội báo. Nếu thật không có lạc thụ, thì tội phúc chỉ có quả khổ, mà thật không phải vậy.

Lại trong cõi Dục cũng có lạc thụ, nếu thật không có lạc thụ thì cõi Sắc, cõi Vô sắc phải không có thụ, mà thật không phải vậy.

Lại nói trong lạc thụ là tham sai khiến, nếu không có lạc thụ thì tham sai khiến chỗ nào? Không nên nói trong khổ thụ là tham sai khiến. Cho nên biết thật có lạc thụ?

Đáp: Nếu thật có lạc thụ thì phải nói ra tướng thế nào là vui, mà thật không thể nói được. Phải biết chỉ vì trong khổ có sai khác mà gọi là tướng vui mà thôi. Tất cả vậy giới, từ dưới đại địa ngục lên đến cõi Hữu Đảnh, đều là tướng khổ, bị nhiều khổ bức bách. Trong khổ ít sinh tướng vui đó thôi. Như người bị khổ nóng bức, thì lấy cảm xúc lạnh làm vui. Cho nên trong các kinh đều nói như vậy, không có phương hại gì.

Hỏi: Cũng có thể nói tất cả thế gian đều là vui, vì do trong ít vui, mà sinh tướng khổ. Nếu không phải vậy, thì cũng không được nói do trong ít khổ, mà sinh tướng vui?

Đáp: Tướng của khổ thụ thô, cho nên không thể cho ít vui là khổ.

Lại vui dù ít, cũng không phải tướng bức bách. Bởi vì sao? Vì không thấy có người thụ chút vui mà đưa tay lên kêu gào.

Lại lạc thụ chuyển ít dần nên gọi là tướng tịch diệt, giống như bậc trên chuyển dần tịch diệt. Cho nên nói trong ít vui sinh tướng khổ là chỉ có lời này: Phạm phu ngu nhân, trong ít khổ, vọng sinh tướng vui thì có đạo lý.

Phẩm 79: Hành khổ

Các thụ đều khổ. Bởi vì sao? Các vật áo cơm v.v... đều là nhân khổ, không phải nhân vui. Vì sao biết được? Vì hiện thấy áo cơm tăng quá thì khổ cũng tăng, nên gọi là nhân khổ.

Lại đau tay các khổ có thể chỉ tướng được, mà tướng vui không chỉ được.

Lại áo cơm các vật đều vì để trị bệnh, như người không khát, uống không thấy vui.

Lại người bị khổ bức bách, đối với khổ khác mà sinh tướng vui. Như người sợ chết, cho hình phạt là vui.

Lại roi gậy dao xà mâu, các nhân duyên khổ đều là quyết định, mà các nhân vui thì không phải vậy.

Lại vì tất cả đồ cần dùng rất ráo là khổ, nên phải biết trước có, sau rồi mới hiểu, như guốc mòn dần.

Lại với nữ sắc v.v... trước sinh tướng vui. Là nhớ tướng tà vậy mới thấy tội lỗi của nó.

Lại nữ sắc v.v... đều là nhân khổ khô héo tiêu mòn sinh các bệnh hoạn. Cho nên không phải là vui.

Lại khi lìa đục đều xả duyên này. Nếu thật là vui thì sao lại xả?

Lại người ta tùy việc sinh vui, về sau cũng chính việc ấy lại sinh tâm khổ. Cho nên biết không phải vui.

Lại thân là ruộng khổ, không phải ruộng vui, như trong ruộng đồng, lúa mạ khó trồng, mà cỏ lác dễ sinh. Giống như vậy ruộng thân thì các khổ dễ tụ, mà vui hão khó sinh.

Lại người trong khổ trước, khởi sinh vui điên đảo, sau sinh tham đắm. Cái vui nếu có chút thật, thì không gọi là điên đảo. Như Thường, Ngã, Tịnh, chút thật cũng không có. Cái vui cũng như vậy, vì đều là điên đảo.

Lại người trong khổ cực, mà sinh lòng vui, như gánh nặng đôi vai, nên biết không có vui.

Lại trong kinh Phật nói: Phải quán vui là khổ, quán khổ như mũi tên đâm vào tim, phải quán không khổ không vui, là vô thường niệm niệm sinh diệt. Nếu quyết định có vui, không nên quán khổ. Phải biết phàm phu nhận khổ làm vui, cho nên Phật nói người phàm phu tùy chỗ sinh tưởng vui. Ông nên quán khổ.

Lại 3 thứ thụ này đều gồm trong khổ đế. Nếu thật là vui, vì sao gồm trong khổ đế?

Lại khổ là chân thật, mà tướng vui là hư vọng. Vì sao biết được? Vì tâm quán khổ có thể dứt các kết, không phải tâm vui, nên biết đều là khổ.

Lại tất cả muôn vật đều là nhân khổ, giống như oán tặc. Có 2 thứ oán tặc: Hoặc có thể làm khổ tức

thì, hoặc trước tuy có chút thiện, sau lại hại người. Muôn vật cũng vậy, hoặc ban đầu sinh thiện, sau trở lại làm hại, cho nên biết đều là khổ.

Lại chúng sinh được dục không chán, như uống nước mặn không đã khát nên khổ.

Lại không cầu dục vọng thứ gì, mới gọi là vui, tìm cầu nên gọi là khổ. Không thấy trong thế gian có người nào không cầu, cho nên biết không có vui.

Lại tất cả chúng sinh thường bị thân khổ tâm khổ đuổi theo cho nên biết thân là khổ.

Lại thân như lao ngục thường bị xiềng xích. Vì sao biết được? Bởi diệt thân này mới gọi là giải thoát khỏi xiềng xích.

Lại tất cả vật dần dần tuần tự đều trở nên xấu ác. Như thân địa ngục v.v... mùa đông mùa hạ v.v..., căn trẻ nhỏ v.v... biết các tướng lạnh nóng, đợi về sau đều chán ghét, nên biết đều là khổ.

Lại thân có nhiều oán tặc, như cái rương nhốt rắn độc, như 5 tên giặc cầm dao rượt, như kẻ giặc già làm thân thiện, và như giặc già phá hoại xóm làng, như ở bên này bờ con sông lớn bị các khổ rượt đuổi, cho nên biết đều là khổ.

Lại biết thân chúng sinh bị các khổ rượt đuổi, như sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau khổ, thương yêu chia lìa khổ, trái điều mong ước khổ v.v... thường đuổi theo, cho nên biết thân là nơi hội tụ các khổ.

Lại vì có thân cho nên có cái sở hữu của ta và tham đắm v.v... tụ tập các suy não, cho nên biết thân là nhân duyên các khổ.

Lại 5 đường chúng sinh hành 4 oai nghi đều không có vui. Bởi vì sao? Như trong kinh nói sắc là khổ, thụ tướng hành thức là khổ. Nếu khi sắc sinh, phải biết tức là già, bệnh, chết v.v... các suy não sinh. Thụ tướng hành thức cũng như vậy.

Lại thân thường gặp những việc đột xuất, bởi thân miệng ý tạo tác các việc. Tạo tác các việc đều gọi là khổ.

Lại các hiền thánh lấy thân làm vui, nếu thật có vui, sao mất vui mà sinh hoan hỷ? Cho nên biết đều là khổ.

Phẩm 80: Hoại khổ

Hỏi: Ông tuy đem nhiều nhân duyên để thuyết minh khổ, mà người đời hãy còn tham vui, tùy được sở dục cho là vui?

Đáp: Điều này trước đã đáp. Vì phàm phu điên đảo nên lấy khổ làm vui. Lại bị ngu si làm hại thì làm sao tin được! Tuy được sở dục cũng nên quán là khổ. Bởi vì sao? Vì những thứ đó đều vô thường, khi hư hoại sẽ sinh khổ. Như trong kinh Phật nói: Người, trời yêu sắc thích sắc tham sắc. Khi sắc đó hư hoại sinh sầu khổ lớn. Thụ tướng hành thức cũng như vậy. Vì đều bị hư hoại nên phải biết cũng đều là khổ.

Lại người thụ cái vui giả dối mà sinh lòng tham đắm. Do nhân duyên tham đắm sinh các lỗi giữ gìn v.v.... Nên phải quán vui là rất khổ.

Lại vui là cửa ngõ cho khổ vào. Bởi tham vui, nên từ 3 độc khởi các nghiệp bất thiện, đọa địa ngục v.v... chịu các khổ não. Nên phải biết đều bởi vui là cội gốc của khổ.

Lại tất cả hội họp đều là tướng của biệt ly. Khi mất chỗ yêu thương, sẽ chịu các khổ rất sâu nặng nề, do yêu thương mà ra. Cho nên biết rằng hưởng thụ vui còn khổ hơn là chịu khổ.

Lại sinh ra những thứ để làm vui đều là lừa dối chúng sinh khiến đọa các khổ, như đã cầm ăn phải bả độc, như cá cắn mồi, đều bởi tự rước lấy tai hại. Vật vui cũng vậy, nên phải quán khổ.

Lại trong sự hưởng lạc, được chút mùi vị, mà bị tội lỗi nhiều vô lượng. Như chim cá được vị rất ít mà bị hoạn nạn rất nhiều, nên phải quán khổ.

Lại lạc thụ là chỗ sinh phiền não. Bởi vì sao? Vì tham thân nên muốn đồ cần dùng; vì nhân duyên dục vọng nên giận dữ v.v... các phiền não lần lượt phát sinh.

Lại lạc thụ là cội gốc sinh tử. Bởi vì sao? Vì nhân vui sinh ái. Như trong kinh nói ái là gốc khổ.

Lại tất cả chúng sinh có những tạo tác không gì không vì vui, nên gọi là gốc khổ.

Lại lạc thụ khó trừ bỏ còn hơn gông cùm.

Lại trong sinh tử bị tham vui trói buộc. Bởi vì sao? Vì tham vui nên không thoát sinh tử.

Lại lạc thụ này thường hay sinh khổ như khi tìm cầu thì dục vọng là khổ, khi mất thì nhớ tiếc là khổ, khi được cũng khổ vì không biết chán, như biển cả nuốt các dòng sông, đó cũng là khổ.

Lại lạc thụ là nguyên nhân không mỗi một. Bởi vì sao? Vì chúng sinh khi tìm nhân vui, dù trải qua gian nan nguy hiểm đến đâu cũng cho là vui, nên tâm không mỗi một. Cho nên người trí cần phải quán khổ.

Lại lạc thụ là nguyên nhân khởi các khởi các nghiệp. Bởi vì sao? Vì tham vui nên có thể khởi nghiệp thiện, vì tham vui hiện tại nên khởi nghiệp bất thiện, tất cả cũng là nhân để thụ thân. Bởi vì sao? Vì lấy vui để sinh ái; ái nên mới thụ thân.

Lại lạc thụ với Niết-bàn trái nhau. Bởi vì sao? Vì chúng sinh tham đắm cái vui sinh tử, nên không vui Niết-bàn.

Lại người chưa lia dục ưa lạc thụ này; bởi ưa nên sinh khổ. Cho nên biết lạc thụ là gốc các khổ.

Lại trong kinh nói 2 cầu khó dứt: một là cầu được, hai là cầu sống. Cầu theo ý muốn các thứ là cầu được. Cầu được thọ mạng để hưởng thụ các dục này gọi là cầu sống. Hai thứ cầu này, đều lấy lạc thụ làm gốc. Cho nên người trí nên dứt những điều khó dứt, nghĩa là có thể như thật quán tướng lạc thụ.

Lại mùi vị của lạc thụ cũng có thể làm nhiễm ô người chưa được lia dục. Tâm của người đại trí cho là khó dứt còn hơn khổ thụ.

Lại mùi vị của lạc thụ là nhân của tham v.v..., nếu không có lạc thụ, thì không có tham.

Lại mùi vị của lạc thụ, người có chân trí có thể cắt đứt. Bởi vì sao? Vì các trí thế gian là muốn lấy mùi vị của bậc trên, mới có thể xả bậc dưới. Cho nên biết lạc thụ còn quá hơn khổ thụ.

Lại tâm chúng sinh ràng buộc nơi sinh ra. Thậm chí như súc sinh cũng tham tiếc sắc thân, nên phải biết đều bởi mùi vị của lạc thụ. Cho nên phải quán lạc thụ là khổ.

Phẩm 81: Luận về 3 thụ

Hỏi: Đã biết tất cả đều khổ. Do sai khác nào nên có 3 thụ?

Đáp: Tức một khổ thụ, vì thời gian sai khác nên có 3 thứ. Có thể nào hại gọi là khổ. Nã hại rồi lại cầu khổ khác để ngăn khổ trước. Vì mong cầu nên khổ lớn kia được chút tạm ngừng, bấy giờ gọi là vui. Buồn vui không phân biệt, không mong không cầu, bấy giờ gọi là không khổ không vui.

Hỏi: Không khổ không vui không gọi là thụ. Bởi vì sao? Vì khổ vui cảm giác được, mà không khổ vui, không thể cảm giác được?

Đáp: Người này vì cảm xúc 3 thứ xúc là xúc khổ, xúc vui và xúc không khổ không vui. Vì có nhân nên phải biết có quả. Như người đang rất nóng gặp được xúc lạnh thì cảm giác vui, mà bị xúc nóng thì cảm giác khổ,

được xúc không lạnh không nóng, thì cảm giác không khổ không vui. Cho nên biết có thụ không khổ không vui này. Ý ông cho rằng trong xúc không khổ không vui, không thể sinh thụ. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì người cảm giác xúc không nóng không lạnh này, cảm biết được cảnh sở duyên, tức gọi là thụ, sao nói không có?

Lại cảnh duyên có 3 trường hợp khác nhau. Trường hợp oán thân thì với người thân sinh vui, với người oan sinh buồn. Còn với người không oán không thân thì dùng dụng không vui buồn. Cho nên biết do tướng sai khác mới có 3 thứ thụ này. Vì duyên sai khác nên khởi 3 thứ tướng này.

Lại cảnh duyên có 3 thứ là làm tăng ích, làm tổn giảm, hoặc đều trái cả hai. Có vui, không vui, và có đều trái cả hai. Cũng có chỗ tham, chỗ sân chỗ si. Có mừng, không mừng, có đều trái cả hai. Có phúc quả, tội quả, có bất động quả. Trong các cảnh duyên này tùy trường hợp sinh 3 thụ. Cho nên biết có thụ không khổ không vui này.

Lại chỗ khá vừa lòng gọi là lạc thụ; chỗ trái nghịch lòng gọi là khổ thụ, không nghịch không thuận gọi là không khổ không lạc thụ.

Lại 8 pháp của thế gian là được, mất, chê, khen, tán dương, bài bác, khổ, vui, người phạm phu đối với mất v.v... 4 pháp là nghịch ý, đối với được v.v... 4 pháp cho là vừa ý. Chắc phải có Thánh nhân lià dục mới có thể bỏ cả hai, bỏ gọi là thụ không khổ không vui. Cho nên không phải là không có thụ ấy.

Hỏi: Nếu vì nhân duyên xúc v.v... nên có 3 thụ thì tất cả tâm hành đều gọi là thụ. Bởi vì sao? Vì có bao nhiêu tâm hành ở trong thân, đều là khổ, vui, không khổ không vui?

Đáp: Như vậy tất cả tâm hành đều gọi là thụ. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói 18 ý hành. Trong đó chỉ là một ý có 18 thứ sai khác. Đó là: 6 hỷ hành, 6 ưu hành, 6 xả hành. Vì tướng phân biệt nên có khổ phần, lạc phần, xả phần. Cho nên biết tất cả tâm hành không không phải là thụ.

Lại trong kinh nói: Các thụ đều khổ. Cho nên biết tâm hành ở trong thân đều là khổ.

Lại nói nếu sắc sinh tức là khổ sinh. Vì sao sắc gọi là khổ? Vì là nhân của khổ. Cho nên biết cảnh duyên và các căn đều có thể sinh khổ. Cho nên tất cả tâm hành đều gọi là thụ. Vì hành khổ nên tất cả các hành cần phải quán là khổ. Vì hoại khổ nên phải quán lạc thụ là khổ. Khổ khổ tức khổ. Ba thứ khổ này đều từ các duyên hòa hợp sinh ra, vì niệm niệm diệt nên Thánh nhân quán khổ. Cho nên tất cả tâm hành đều gọi là thụ.

Hỏi: Các thụ vô lậu cũng là khổ sao?

Đáp: Cũng khổ. Bởi vì sao? Vì các thụ vô lậu Thánh nhân cũng thứ tự xả. Từ Sơ thiên trở đi cho đến chứng tất cả diệt đều có khổ.

Lại vui hữu lậu thiên với vui vô lậu thiên đâu có khác gì? Tùy hữu lậu thiên vì nhân nào đó nên khổ. Các thiên vô lậu cũng bởi khổ này.

Lại như Thánh nhân trụ tâm vô lậu rất nhàm chán tất cả. Cho nên sinh tâm vô lậu thì sinh nhàm chán, như lông mi đâm vào mắt. Phàm phu không biết đều lấy khổ làm vui. Trí Thánh nhân biết sâu nên chán lia cõi Hữu Đảnh, hơn cả những người khác chán ghét cõi Dục. Cho nên khổ vô lậu dụ với hữu lậu.

Lại các bậc Thánh nhân được tâm vô lậu, chỉ hướng về Niết-bàn. Bởi vì sao? Vì bấy giờ người này thấy rõ tất cả khổ của pháp hữu vi, nếu thụ vô lậu là vui, thì nên vui mừng, không nên lại sinh tâm hướng về Niết-bàn.

Hỏi: Nếu các tâm hành đều gọi là thụ, thì sao còn riêng có các tâm pháp v.v...?

Đáp: Tức là trong một thụ duyên này, hành khác nên có sai khác, các tâm pháp v.v... cũng hành duyên khác, chỉ khi thức duyên, hành này gọi là tâm. Các điều này như trước đã nói là tất cả pháp, khi ở trong thân, vì có lợi ích v.v... các sai khác, cho nên gọi là thụ.

Lại phần nhiều vì tâm có thể khởi phiền não, bấy giờ gọi là thụ. Như trong kinh nói: Trong lạc thụ tham sai khiến. Trong khổ thụ sân sai khiến. Trong không khổ không lạc thụ là vô minh sai khiến. Cho nên trong cảnh duyên tương phân biệt, mừng v.v... các pháp gọi là thụ. Bởi vì sao? Vì khi ấy có thể sinh các phiền não.

Hỏi: Nếu trong mỗi mỗi thụ đều bị 3 phiền não ấy sai khiến, Vì sao quyết định nói trong lạc thụ tham sai khiến?

Đáp: Trong khổ thụ không nên tham sai khiến. Si khiến tất cả chỗ vì sức mạnh của si. Trong khổ sinh tương

vui, vì không thấy biết việc nên bị khổ mới sinh sân. Vì thụ không khổ không vui vì tế nên không biết tham sân. Bởi vì sao? Vì người này trong đó không sinh tưởng khổ vui, vì không thấy biết việc nên chỉ sinh si sai khiến mà thôi.

Lại trong cảnh duyên xả, không khổ vui, nếu tham sân không hiện hành, nên phàm phu trong đó bảo là cảnh duyên có thể thắng. Cho nên Phật nói ông không thắng duyên này đâu, chỉ vì chưa hay biết nên tham sân không hiện hành đó thôi.

Như trong kinh nói: Phàm phu trong sắc sinh tâm xả là đều y chỉ nơi sắc. Nếu thắng duyên này với ngã làm tăng ích hay tổn giảm, thì trở lại sinh tham sân. Cho nên biết chưa thắng được cảnh duyên.

Lại thụ không khổ không vui, tương đó tịch diệt, như định Vô sắc. Vì tịch diệt nên phiền não hiện hành rất vi tế, phàm phu trong đó sinh tưởng là giải thoát. Cho nên Phật nói trong đó có vô minh sai khiến.

Lại vì chưa biết được cảnh duyên nên khổ vui chưa hiểu rõ. Nếu biết khổ vui trong cảnh duyên ấy thì hiểu rõ được, bấy giờ mới sinh tham sân.

Hỏi: Nếu biết được cảnh duyên này thì sinh tưởng khổ vui. Cho nên chỉ phải có thụ khổ vui?

Đáp: Người này có khi trong cảnh duyên ấy tâm không sinh vui không sinh khổ. Cho nên không chỉ có khổ vui. Như trước đã nói đều là khổ mà có 3 thứ sai khác.

Hỏi: Ông nói biết cảnh duyên này lại sinh tưởng vui. Vì sao cái biết không thể lấy vô minh biết?

Đáp: Người ấy trong cảnh duyên này, vì trước lấy tướng, nên trong cảnh duyên này, hoặc vô minh sai khiến, hoặc tham sân sai khiến.

Hỏi: Chỉ trong khổ vui sinh si. Như trong kinh nói: Người này đối với các thụ, không như thật biết mùi vị của tập, diệt quá xuất v.v..., vì không biết nên trong không khổ không vui nói là vô minh sử sai khiến. Cho nên chỉ trong khổ vui khởi vô minh sử, không phải trong không khổ không vui?

Đáp: Kinh này tự nói đối với các thụ không như thật biết mùi vị của tập, diệt v.v..., nên trong không khổ không vui bị vô minh sử sai khiến.

Hỏi: Tuy có lời này, nhưng trong nghĩa ấy không đúng. Vì vì sao với khổ vui, mà không biết tập, diệt v.v..., nên trong thụ không khổ không vui vô minh sử sai khiến. Bởi vì sao? Vì ở trong các việc mà không biết các việc sử sai khiến. Cho nên kinh ấy phải nói như vậy. Người này ở trong thụ không khổ không vui, vì không biết tập v.v... nên bị vô minh sử trong thụ không khổ không vui sai khiến. Còn nếu trong thụ không khổ không vui, vô minh không khiến?

Đáp: Người này trong thụ không khổ không vui, sinh 3 thứ tâm. Vì tịch diệt tướng, bất khổ bất lạc tướng, nên sinh tâm không khổ không vui. Nếu đem tà trí lấy tướng, thì sinh tâm vui. Nếu lấy mùi vị vui bậc trên thì sinh tâm khổ. Cho nên trong kinh nói nhiều về các thứ thụ. Bởi vì sao? Vì tất cả các thụ đều do vô minh sai sử. Thứ thụ bất khổ bất lạc này vì tùy thời nên có 3 thứ sai khác.

Lại nếu chưa thông đạt được tập đế khổ v.v..., bây giờ trong khổ thụ sinh tướng vui, cũng sinh tướng không khổ không vui. Cho nên mới nói vì không biết các thụ tập v.v... nên bị vô minh sử sai khiến. Chỉ trong thụ không khổ không vui nhiều vô minh sử sai khiến hơn.

Phẩm 82: Hỏi về thụ

Hỏi: Trong kinh nói: Người này khi thụ lạc thụ, như thật biết ta thụ lạc thụ này. Như thật biết thụ gì ư? Quá khứ vị lai không thể thụ được, thụ hiện tại không tự biết được?

Đáp: Kinh này ý nói người thụ, cho nên không lỗi.

Lại vui v.v... các thụ đến nơi thân, do ý có thể duyên, nên cũng không lỗi.

Lại trong các thứ làm vui mà nói ra tên vui v.v... Thế gian cũng có trong nhân nói quả vậy.

Lại người này trước thụ lạc thụ, sau mới lấy tướng, cho nên nói khi thụ lạc thụ biết như thật.

Hỏi: Vì bởi người thụ nên gọi là thụ, hay có thể thụ nên gọi là thụ? Nếu cho người thụ gọi là thụ, thì thụ và vui v.v... khác nhau. Mà trong kinh nói lạc thụ khổ thụ và bất khổ bất lạc thụ. Nếu cho rằng có thể thụ gọi là thụ, vậy ai là người thụ? Bởi thụ nên gọi là thụ?

Đáp: Ở trong cảnh duyên nói vui, như nói nửa khổ nửa vui. Cho nên vì biết cảnh duyên, nên gọi là thụ vui.

Lại chúng sinh thụ thụ này, nên nói có thể thụ là thụ.

Hỏi: Chúng sinh không gọi là thụ, vì trong kinh nói thụ là thụ?

Đáp: Danh nghĩa là như vậy, có tướng thì có tác. Trong giả danh có tướng là khổ, vui, không khổ không vui, ở tại thân, thì tâm có thể biết, nên nói thụ là thụ.

Hỏi: Trong kinh nói trong các thụ, người quán thuận thụ bấy giờ làm sao sinh tướng khổ, vui, không khổ không vui? Người này bấy giờ không đều sinh khổ tướng ư?

Đáp: Người ấy chưa được tất cả đều khổ, chỉ nghĩ nhớ 3 thụ.

Hỏi: Nếu dùng ý thức tu 4 niệm xứ, thì sao nói là thân vui?

Đáp: Trong tất cả thụ, phải buộc niệm như vậy: Thân này vui, tâm này vui.

Lại khi tu niệm xứ, trong thân sinh tướng vui, buộc niệm trong đó, nên gọi là thân vui.

Hỏi: Nếu tất cả thụ đều là tâm pháp, vì sao nói thân thụ?

Đáp: Vì ngoại đạo nên nói như vậy. Ngoại đạo bảo các thụ nương nơi thân, nên Phật nói các thụ y chỉ thân tâm.

Hỏi: Những gì là thân thụ?

Đáp: Do 5 căn sinh ra thụ, đó gọi là thân thụ. Do căn thứ 6 sinh ra thụ, gọi là tâm thụ.

Hỏi: Thụ này sao gọi là bản, sao gọi là sạch?

Đáp: Các phiền não là bản. Các phiền não này sai khiến thụ, nên gọi là bản. Phiền não không sai khiến thụ thì gọi là sạch.

Hỏi: Vì sao khổ thụ gọi là sạch?

Đáp: Khổ thụ để dứt trừ phiền não, đó gọi là sạch.

Lại khổ thụ cùng phiền não trái nhau, gọi là sạch.

Hỏi: Đã nói bản sạch, sao lại nói nương tham, nương xuất, tham tức phiền não, xuất tức là sạch?

Đáp: Trước đã nói chung là bản, nay lại nói riêng tham là nhân của bản. Như trong kinh nói: Có cái mừng bản, có cái mừng sạch, có cái mừng sạch ở trong sạch. Mừng bản là mừng do 5 dục sinh. Mừng sạch là mừng của Sơ thiên. Mừng sạch ở trong sạch là mừng của Nhị thiên. Nếu thụ chỉ vì Nê-hoàn, đó là nương xuất. Cho nên lại nói.

Hỏi: Trong 5 căn, vì sao khổ thụ lạc thụ đều phân chia làm 2, mà xả thụ thì không?

Đáp: Buồn mừng cần tướng phân biệt mới sinh, khổ vui không cần do tướng phân biệt. Còn xả thụ thì tướng phân biệt vi tế nên không phân chia làm 2.

Hỏi: Trong Đệ tam thiên, những gì ý thức thụ được vì sao gọi là vui, mà không gọi là mừng?

Đáp: Thứ vui này sâu dày đủ khắp thân tâm nên gọi là vui. Còn mừng chỉ có thể khắp tâm, mà không khắp thân. Nên trong Tam thiên Phật y vào cái mừng sai khác mà nói thân thụ vui.

Hỏi: Trong 3 thụ này cái nào có thể sinh phiền não sâu dày?

Đáp: Có luận sư nói lạc thụ có thể sinh. Bởi vì sao? Vì như trước đã nói các nhân duyên bại hoại nên thụ khổ lớn.

Lại có luận sư khác nói khổ thụ có thể sinh. Bởi vì sao? Vì chúng sinh bị khổ bức bách, nên mới cầu vui mà khởi sâu phiền não.

Lại nhiều thứ vui mà chút khổ có thể thắng, như người khi hưởng đầy đủ 5 dục mà bị ruồi muỗi chích thì liền sinh cảm giác khổ. Biết sắc v.v... 5 dục không phải như vậy.

Lại như cái vui còn sống trăm đứa con, không bằng cái khổ chết mất một đứa.

Lại trong sinh tử, tướng khổ thụ nhiều, mà lạc thụ thì không như vậy. Bởi vì sao? Vì có nhiều chúng sinh ở 3 ác thú, mà ít sinh về trời người.

Lại không phải gia công, tự nhiên bị khổ, mà gia công cầu vui thì khi được khi không. Như trong ruộng cỏ dại tự mọc mà lúa thì không.

Lại do khổ thụ khởi tội nghiệp nặng. Bởi vì sao? Vì trong khổ thụ có sân sai khiến. Như trong kinh nói: Sân là tội nặng.

Lại có luận sư khác nói có thụ không khổ không vui sinh. Bởi vì sao? Vì trong đó có si sai khiến. Si là cội gốc tất cả phiền não.

Lại thụ này vi tế vì phiền não trong đó khó biết được.

Lại thụ này là bản tính của chúng sinh, mà khổ vui là khách.

Lại thụ này phổ biến khắp 3 cõi, còn 2 thụ kia không như vậy.

Lại thụ này là nhân của sống lâu, vì tham thụ này nên được sống lâu 8 vạn đại kiếp, chịu tướng khổ các âm.

Lại thụ này với Nê-hoàn trái nhau. Bởi vì sao? Vì trong đó làm sinh tướng tịch diệt, tướng Nê-hoàn, nên không còn có thể được Nê-hoàn chân thật.

Lại thụ này nhờ Thánh đạo nên có thể được qua, như nói nhờ tính lìa mà được giải thoát. Khổ thụ lạc thụ nhờ thế gian đạo cũng có thể được qua.

Lại thụ này tận cùng biên giới sinh tử mới đoạn khi đoạn dứt sự tiếp nối. Cho nên có thể sinh phiền não sâu dày.

Phẩm 83: Năm thụ căn

Hỏi: Lạc căn ở tại đâu? Cho đến xả căn ở tại đâu?

Đáp: Khổ lạc tại thân, tùy chỗ được thân cho đến Tứ thiên. Còn 3 căn kia tại tâm, tùy chỗ được tâm, cho đến cõi Hữu định.

Hỏi: Như trong kinh nói: Trong Sơ thiên diệt ưu căn, trong Tam thiên diệt hỷ căn, trong Tứ thiên diệt lạc căn, trong Diệt tận đỉnh diệt xả căn. Cho nên lời ông nói không đúng?

Đáp: Nếu ông tin kinh này, thì khổ căn phải ở tại Sơ thiên. Mà trong pháp ông, Sơ thiên thật không có khổ căn. Cho nên kinh này không đáng tin.

Hỏi: Cõi Sắc và Vô sắc tu sâu thiện pháp, phải không có ưu khổ?

Đáp: Ba cõi đều khổ. Trong 2 cõi trên tuy không có khổ về mặt thô, cũng có khổ về mặt vi tế. Vì sao biết được? Trong Tứ thiên nói có 4 oai nghi. Đã có oai nghi, tức đều có khổ.

Lại cõi Sắc có mắt tai thân thức. Trong thức này có bao nhiêu thụ, đều là khổ vui. Từ một oai nghi cầu một oai nghi khác, nên biết có khổ.

Lại trong kinh hỏi: Trong sắc có mùi vị gì? Như là bởi sắc sinh vui sinh mừng. Trong sắc có những lỗi gì? Như là có sắc là tướng vô thường, khổ, bại hoại. Vì cõi Sắc có sắc nên có tâm đắm vị, có tâm tội lỗi, cho nên có khổ vui.

Lại có hành giả đối với các thiên định cũng tham, cũng bỏ, ắt phải vì nhân duyên lạc thụ nên tham, nhân duyên khổ thụ nên bỏ. Cho nên biết có khổ vui.

Lại Phật nói âm thanh v.v... là tác động kích thích đối với Sơ thiên. Giác quán là tác động kích thích đối với Nhị thiên, cho đến có tướng thụ là tác động kích thích đối với phi tướng phi vô tướng xứ. Tác động kích thích là nghĩa của khổ. Cho nên biết tất cả có khổ.

Lại tất cả 5 ấm đều là khổ. Chính vì não hại là khổ. Như cõi Dục vì chịu não hại nên khổ. Hai cõi trên cũng có chịu não hại, vì sao không khổ? Như cõi Dục nói có bệnh v.v... 8 hành nghiệp, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng đồng nói 8 hành nghiệp, vì sao không khổ?

Lại cõi Sắc nói ánh sáng có hơn kém, nên biết nghiệp cõi Sắc cũng có sai khác. Vì nghiệp sai khác nên quyết phải có nghiệp báo khổ.

Lại trong kinh nói trong đó có các phiền não ganh ghét v.v.... Như có Phạm Thiên bảo các Phạm chúng rằng: Chính nơi đây là Thường, các người đừng đến Sa-môn Cù-đàm. Cũng có Phạm Thiên đến nạn hỏi Phật.

Lại trong kinh nói vào Đệ tứ thiên mới dứt pháp bất thiện.

Lại trong kinh cũng nói trong đó có phiền não tà kiến. Các phiền não đó tức bất thiện, phải bị khổ báo, vì sao không khổ?

Lại có luận sư nói tất cả phiền não đều là bất thiện. Trong đó làm sao không có khổ thụ.

Lại trong kinh nói: Các người trời yêu sắc, thích sắc, tham sắc và đắm sắc. Các người trời này vì yêu, thích, tham, đắm sắc, cho nên khi sắc ấy bại hoại thì sinh sầu khổ, cho đến thức cũng như vậy. Cho nên biết tất cả người chưa lìa dục đều có buồn mừng.

Lại ái duyên sinh mừng, lìa ái duyên này, quyết sinh buồn rầu. Phạm phu vô trí đâu có sức gì gặp được ái duyên mà không sinh mừng, mất không sinh buồn? Như trong kinh nói: Chỉ có người đắc đạo, khi sắp mạng chung không hiện sắc buồn mừng. Cho nên biết tất cả phạm phu, buồn mừng thường bám theo.

Lại Phật nói: Không buồn không mừng một lòng hành xả, đó là công đức La-hán.

Lại 6 xả hành duy chỉ Thánh hành, không phải phạm phu thực hành được. Phạm phu hoặc khi tu hành xả đều vì chưa có thể biết kiến duyên. Như trong kinh nói: Phạm phu trong sắc, có tâm xả đều nương dựa sắc, tham sắc không rời, cho nên biết phạm phu không có tâm xả .

Lại trong kinh nói: Trong lạc thụ tham sai khiến. Nếu không có lạc thụ thì tham sai khiến chỗ nào? Ý ông hoặc cho rằng trong bất khổ bất lạc thụ tham sử sai khiến. Trong kinh không chỗ nào nói như vậy.

Lại trong bậc trên càng càng chuyên tăng vui tịch diệt, càng lợi lớn thân tâm. Như nói vị trời này một khi ngồi là một ngàn kiếp. Nếu khổ thì hành giả không thể trụ lâu trong các oai nghi được. Như trong kinh nói: Ngồi yên 7 ngày thụ vui giải thoát.

Lại trong đó khoan khoái vui đệ nhất. Như trong kinh nói: Người khoan khoái mới hưởng thụ vui. Cho nên biết trong tất cả bậc đều có cái vui. Ý ông hoặc bảo khoan khoái khác, thụ vui khác. Điều này không đúng. Vì có bao nhiêu lợi ích đến nơi thân thì gọi là vui. Cho nên khoan khoái vui không khác thụ vui.

Hỏi: Nếu cõi trên quyết định có khổ, vui, buồn, mừng, thì sao thuận với Kinh Thiên?

Đáp: Kinh ấy trái hại pháp tướng, nếu bỏ nào có lỗi gì?

Lại trong ấy lạc hành tịch diệt không hiển lộ, không thể phát khởi tham giận về mặt thô. Cho nên nói là không khổ không vui.

Lại trong đó khổ vui vi tế không rõ, không có các thứ khổ về đao, gậy; các thứ buồn rầu về mất người thân v.v... Cho nên gọi không buồn mừng. Như nói cõi Sắc không lạnh không nóng. Trong đó cũng có tứ đại, sao nói là không lạnh không nóng được? Như nói chúng sinh ở Tam thiên một thân một tướng. Trong ấy cũng có ánh sáng sai khác. Như nói nếu người hành thiền không thể khéo trừ sự buồn ngủ, sự đùa giỡn thì ánh sáng không trong sạch.

Lại như người ít trí gọi là không có trí.

Lại như người đòi thức ăn ít mặn nói là không mặn. Như vậy trong đó buồn mừng không hiển hiện, nên gọi là không có.

Lại các ông nói trong đó không giác. Trong kinh Phật nói tướng làm nhân duyên cho giác. Trong đó có tướng mà Vì sao không giác? Cho nên phải biết giác pháp cho đến cõi Hữu Đảnh vẫn còn là thô giác, nên mới nói vào Nhị thiên mới diệt được.

Cho nên trong 2 cõi trên cũng có khổ vui v.v....

Xong phần luận về thụ ấm.

Phẩm 84: Luận về tư trong hành ấm của nhóm khổ đế

Trong kinh nói tư duy là hành ấm.

Hỏi: Những gì là tư duy?

Đáp: Nguyện cầu là tư duy. Như trong kinh nói: Tư duy thấp, cầu thấp, nguyện thấp.

Hỏi: Vì sao biết cầu là tư duy?

Đáp: Như trong kinh nói: Vì khởi làm nên gọi là hành. Thụ ấm khởi làm, gọi là cầu. Như trong kinh nói: Khởi làm đều nương nơi ái.

Lại trong kinh nói: Như một bó lúa mạch để giữa ngã tư đường, 6 người đến đập, có người thứ 7 lại đến đập nữa. Ý các Tì-kheo nghĩ sao? Là thành thực chưa? Thành thực rồi thưa Thế Tôn! Phật nói: Người si cũng vậy, thường bị 6 thứ xúc nhập đánh đập. Khi bị đập như vậy là nghĩ thân sau, tức là đến thành thực. Phải biết cầu tức là tư duy.

Lại nói ý nghĩ đến cái ăn nên quán như đồng lừa. Lừa dụ cho cái gì? Là người cầu thân sau; thân sau như lừa, vì thường sinh các khổ.

Lại trong kinh nói: Ngã tức là chỗ động, cũng là hý luận. Tác khởi nương nơi ái, tùy chỗ có ngã thì có động niệm hý luận. Tác khởi nương ái. Nếu pháp tác khởi, thì nói là nương nơi ái. Phải biết cầu tức là tư duy.

Lại nói nếu đưa trẻ từ khi sinh tập lòng từ, có thể khởi nghiệp ác, suy nghĩ nghiệp ác chẳng? Thưa không, Thế Tôn! Nghĩa này là cầu muốn tạo nghiệp ác.

Lại nói nghiệp là tư duy, tư duy rồi thì trong tư duy là ý nghiệp. Tư duy rồi là thân khẩu nghiệp. Tư duy rồi gọi là cầu rồi.

Lại trong Kinh Hòa Lợi nói: Ni-kiền tử dứt thụ nước lạnh, mà thụ nước nóng; khi sắp chết cầu nước lạnh cuối cùng không được mà chết, sinh ý mong lên trời. Vậy thì vì suy nghĩ cái lạnh nên sinh. Cho nên biết cầu tức là tư duy.

Hỏi: Ông nói cầu là tư duy. Đó là tướng của ái, chứ không phải tư duy. Bởi vì sao? Vì trong Kinh Hữu Nhân Hữu Duyên nói: Cái tìm cầu của người si tức là ái.

Lại trong Kinh Đại Nhân nói: Do ái nên mới cầu v.v...

Lại trong kinh nói: Người khổ cầu nhiều, người vui không cầu.

Lại nói nếu người muốn hành 5 dục, muốn tức là cầu...

Lại nói ái nhân duyên nên lấy. Trước cầu sau lấy. Cầu tức là ái. Cho nên ông cho cầu là tư duy, cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì trong Kinh Hòa Lợi nói: Không tư duy mà tạo nghiệp, thì nghiệp ấy không nặng. Không tư duy là không biết trước. Thế gian cũng cho biết là tư duy, như nói làm sao người trí có thể làm điều này. Ai có tư duy, sẽ làm điều này. Nghĩa của lời này là người trí cho nên biết, biết tức là tư duy?

Đáp: Nguyện gọi là nhóm. Muốn, một phần của nguyện gọi là tư duy. Như người nguyện nói: Đời sau tôi sẽ được thân như vậy.

Hỏi: Nếu muốn là một phần của tư duy, thì không có tư duy vô lậu.

Lại tư duy là nhân của ái. Như trong kinh nói: Nếu biết, thấy, ý nghĩ ăn, tức là biết, thấy, dứt, 3 thứ ái. Cho nên biết tư duy là nhân của ái?

Đáp: Ông nói không có tư duy vô lậu. Tôi cũng không nói có tư duy vô lậu. Bởi vì sao? Vì hành tướng khởi làm,

nên gọi là tư duy. Pháp vô lậu không có tướng khởi làm. Cho nên tư duy là khởi làm, không phải diệt pháp.

Lại ông nói tư duy là nhân của ái. Đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì tư duy là quả của ái, cũng là một phần của ái, không phải nhân của ái. Vì quả đoạn nên nói nhân đoạn, nghĩa là ý, tư, thực đoạn nên 3 ái đoạn. Hành v.v... các nhân duyên đều lấy đây giải đáp. Cho nên biết ái phần là tư duy. Ái có 2 thứ: Có nhân có quả. Nhân gọi là ái, quả gọi là cầu. Cầu tức là tư duy.

Hỏi: Nếu lúc ở trong nhân gọi ái, lúc ở trong quả gọi tư duy, thì tư duy không phải ái phần. Bởi vì sao? Vì nói pháp ở trong nhân tướng khác, ở trong quả tướng khác. Cho nên biết tư duy không phải ái phần. Như trong Kinh Hữu Nhân Hữu Duyên nói: Chỗ tìm cầu của người si tức là ái, chỗ ra làm của người ái tức là nghiệp. Cho nên tư duy tùy theo nghiệp tướng mà khác với ái.

Lại nếu người vì tham việc này nên tìm cầu việc này, cho nên từ tham sinh cầu. Cầu tức là tư duy. Cho nên tham là nhân của tư duy?

Đáp: Tôi trước đã nói ái phần là tư duy, ái phần tức là ái, chỉ có ái mới khởi gọi là tham, tham rồi gọi là cầu.

Lại ông nói nguyện, điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nguyện là một phần của tư duy. Trước nguyện là nghiệp, sau nghiệp là hồi hướng.

Hỏi: tư duy với ý là một hay là khác?

Đáp: Ý tức là tư duy. Như trong Pháp Cú nói: Ác tâm làm ra, nói ra đều chịu quả khổ. Thiện tâm cũng như

vậy. Cho nên biết ý tức là tư duy. Nếu ý không phải là tư duy, thì cái gì là nghiệp của ý? Ý nghiệp là ý hành trong cảnh duyên. Cho nên tư duy tức là ý. Tuy tướng chung nói ý hành là tư duy, mà tư duy ấy phần nhiều nói trong thiện và bất thiện. Tư duy này có nhiều phần. Nếu người vì chúng sinh cầu thiện cầu ác, bấy giờ gọi là tư duy. Nếu việc cầu chưa được, bấy giờ gọi là cầu. Nếu cầu thân sau, bấy giờ gọi là nguyện. Cho nên biết một thứ tư duy mà gọi bằng nhiều tên.

Phẩm 85: Xúc

Thức ở trong cảnh duyên gọi là xúc. Vì 3 thứ hòa hợp gọi là xúc. Đó không phải tướng của xúc. Bởi vì sao? Vì căn không đến duyên. Cho nên căn, duyên không phải hòa hợp. Vì 3 thứ này có thể lấy duyên nên gọi là hòa hợp.

Hỏi: Riêng có tâm số pháp gọi là xúc. Bởi vì sao? Vì trong 12 nhân duyên nói Xúc nhân duyên thụ.

Lại nói xúc làm nhân cho thụ, tưởng, hành v.v.... Nếu không có pháp, làm sao làm nhân? Cho nên biết có tâm số pháp này gọi là xúc.

Lại trong Kinh Lục Lục nói có nhiều lục xúc.

Lại trong kinh nói: Nên quán vô minh các xúc. Nếu nói các nhân của thành giả pháp, không nên lại nói riêng giả pháp.

Lại trong kinh có 2 thứ xúc: Một là 3 việc hòa hợp là xúc. Hai là 3 việc hòa hợp nên xúc. Cho nên biết xúc

có 2 thứ. Một là có tự thể. Hai là giả danh. Như mặt trời và phân trâu, 3 thứ khác với lửa, mặt trăng khác với nước, đất v.v... khác với mầm. Như vậy xúc khác với mắt v.v... có lỗi gì sao?

Lại như các Tì-kheo hòa hợp không khác các Tì-kheo. Các ẩm hòa hợp không khác các ẩm. Hai cây hòa hợp không khác 2 cây. Hai tay hòa hợp không khác 2 tay. Các bệnh hòa hợp không khác các bệnh. Xúc cũng như vậy, không khác mắt v.v... lại có lỗi gì?

Đáp: Tôi trước đã nói tâm có thể lấy duyên, bây giờ gọi là xúc. Cho nên, khi tâm làm nhân sinh thức, rồi sau thụ v.v... các pháp mới sinh. Trong Kinh Lục Lục cũng nói bây giờ gọi là xúc. Đó là có đạo lý.

Lại chúng tôi không công nhận 2 thứ xúc đó. Thường nói 3 thứ hòa hợp gọi là xúc. Dù cho có 2 thứ xúc đó, cũng nên bỏ hẳn kinh ấy đi, vì trái với pháp tướng. Cho nên dẫn kinh không phải là nhân.

Lại nếu xúc này khác nhau như nước với lửa, thì làm cũng phải khác mà thật không thấy có khác với làm. Cho nên biết xúc này không khác với 3 thứ kia.

Lại nếu xúc là tâm số thì khác nhau với các tâm số khác. Bởi vì sao? Vì xúc là các tâm số duyên mà xúc, chứ không phải xúc duyên để sinh khác, nên không phải tâm số pháp.

Hỏi: Vì xúc thắng nên xúc duyên, tâm số không phải xúc duyên. Xúc như thụ duyên ái, không phải ái duyên thụ?

Đáp: Xúc có tướng tướng gì mà các tâm số không có, cần nói tướng nó ra, mà thật nói không được. Cho nên không phải là nhân. Thụ là thời gian đầu, ái là thời gian sau, cho nên thụ duyên ái, không phải ái duyên thụ.

Lại nếu xúc là tâm số pháp đặc biệt cần nói tướng nó, nhưng thật không thể nói được, nên phải biết là không khác.

Lại Phật với trong pháp khác, cũng có nói tên xúc. Như nói nếu có khổ não đến xúc thân người.

Lại nói: Thụ lạc, xúc, không buông lung, thụ khổ xúc không giận dữ. Trong các thụ này là nói tên của xúc.

Lại Phật nói con quý mình có lông nhọn như mũi tên người chạm xúc thì nhám rít không thể lại gần thân. Như người đời nói xúc lửa thì vui, cũng nói xúc là ăn, cũng nói tay chạm xúc. Các việc trên đây đều do thân thức biết mà nói tên là xúc.

Lại các chỗ khác nói người mù không xúc sắc màu. Cũng đối với duyên sắc v.v... mà nói tên là xúc. Xúc này vì lời nói không nhất định, nên không phải riêng có tâm số pháp này. Nếu nói xúc là tâm số thì với xúc tướng trái nhau. Bởi vì sao? Vì Phật nói 3 thứ hòa hợp nên gọi là xúc. Cho nên biết thật không riêng có tâm số pháp. Nếu pháp đến nơi thân đều gọi là xúc.

Lại tùy có thể cùng với thụ v.v... làm nhân cho tâm số, bấy giờ mới gọi là xúc.

Phẩm 86: Niệm

Tâm tác phát gọi là niệm. Niệm này là tướng của tác phát nên niệm niệm mới có thể sinh lại tâm khác.

Lại nói niệm tướng có thể thành xong công việc. Như trong kinh nói: Nếu nhãn nội nhập sắc không hư hoại, ngoại nhập tại trước mắt, mà trong đó không thể có niệm hay sinh tâm khác, thì nhãn thức không sinh.

Hỏi: Biết của các thức đều do niệm lực sinh khởi phải không?

Đáp: Không phải. Bởi vì sao? Vì các thức sinh biết không hẳn quyết định. Hoặc do sức tác phát sinh, như cưỡng trừ dục v.v... Hoặc do sức của căn sinh, như người tỏ mắt có thể quan sát từng đầu sợi lông. Hoặc do sức của duyên sinh, như xa thấy ánh sáng đèn, thấy ánh sáng không xao động. Hoặc do khéo tập nên sinh, như nghề nghiệp tinh xảo v.v... Hoặc do để lấy tướng nên sinh, như đắm say nơi sắc. Hoặc do pháp tự phải sinh, như thiền định trong thời kiếp tận. Hoặc do thời tiết nên sinh, như chúng sinh ác tâm bị đoản mạng. Hoặc do chỗ sinh nên sinh như tâm bò dê v.v... Hoặc tùy thân lực nên sinh, như tâm nam nữ v.v... Hoặc tùy theo năm nên sinh như tâm trẻ nhỏ v.v... Hoặc do môi mệt nên sinh, hoặc do nghiệp lực nên sinh, như thụ các thứ dục. Hoặc do định lực nên sinh, như buộc tâm một chỗ là tăng tăng trưởng htri thức. Hoặc do quyết định nên sinh, như kế tiếp vô ngại đạo ắt sinh giải thoát. Hoặc do lâu chán nên sinh, như chán mùi cay đắng thì nghĩ đến vị ngon ngọt. Hoặc theo sở thích nên sinh, như đối với

sắc v.v... hoặc thích xem sắc, mà không ưa nghe tiếng, như màu xanh đỏ v.v... cũng vậy. Hoặc do mềm mại nên sinh, như lông đâm vào mắt thì sinh khổ tâm mà đâm vào nơi khác thì không vậy. Hoặc do hết khổ nên sinh, như chữa thiện bệnh mắt thì ăn mới biết ngon. Hoặc do diệt chướng nên sinh như diệt trừ dục v.v..., thì mới biết nó là tội lỗi. Hoặc lần lượt nên sinh, như do dưới mà sinh giữa, do giữa mà sinh trên. Hoặc tùy chỗ thiên vị mà sinh.

Hỏi: Nếu tất cả tri thức đều do thứ lớp tùy thuộc nhau, có sao nói không có thể sinh tâm niệm khác ư?

Đáp: Là vì ngoại đạo. Các ngoại đạo nói vì thần ý hợp nên biết của thức mới sinh. Vì muốn phá thuyết này, nên mới chỉ rõ các biết của thức đều thuộc thứ lớp duyên, cho nên nói lời như vậy. Nếu người không có thể sinh tâm niệm khác, thì biết của thức không sinh. Bởi vì sao? Vì thứ lớp duyên, tức biết của thức có nhân, mỗi mỗi mới sinh.

Lại tùy chỗ nghiêng về đó mà mỗi mỗi thức sinh, như đốn cây, cây thường ngã về phía nghiêng nặng.

Lại như trước đã nói các thức không phải sinh đồng thời. Vì nhân duyên ấy mà biết các thức mỗi mỗi theo thứ lớp sinh.

Lại các thức pháp phải theo thứ lớp sinh, chứ không đợi thần ý hòa hợp. Như ngoại vật mầm, cây, nhánh, lá, hoa quả theo thứ lớp sinh. Nội pháp cũng như vậy, biết của mỗi mỗi thức theo thứ lớp sinh. Niệm ấy có 2 thứ một là chính, hai là tà. Chính là thuận lý, như nói chính vấn chính nạn. Đó là nên đáp, vì nạn vấn có lý.

Lại như hỏi thật tướng các pháp, tính vô thường v.v..., đó gọi là chính.

Lại tùy chỗ có thể thành nên gọi là chính. Cho nên biết tùy thuận đạo niệm chân thật niệm v.v... gọi là chính niệm.

Lại tùy khi tùy người niệm gọi là chính niệm. Như người nhiều dục quán bất tịnh là chính niệm. Khi tâm chìm lặng mà phát khởi tướng lên là chính niệm. Trái lại trên đây gọi là tà niệm. Chính niệm có thể sinh tất cả công đức, tà niệm có thể khởi tất cả phiền não.

Phẩm 87: Dục

Tâm có điều cần, gọi là dục. Bởi vì sao? Kinh nói dục dục. Vì cần các điều mình muốn nên gọi dục dục.

Lại trong kinh nói: Dục là gốc của pháp. Vì muốn tìm cầu nên được tất cả pháp, cho nên nói dục là gốc của pháp.

Lại nói: Nếu các Ti-kheo thâm dục pháp ta, thì pháp trụ lâu dài. Nếu nhất tâm cần đến gọi là thâm dục.

Lại trong như ý túc nói: Dục Tam-muội, tinh tiến Tam-muội, tâm Tam-muội, tư duy Tam-muội. Tùy tâm cần đến gọi là dục. Pháp dục này, lấy tinh tiến giúp tu tập định tuệ. Từ 4 việc này, chỗ cần đến đều được gọi là như ý phần.

Lại nói: Ông muốn bay đi.

Lại có một Tì-kheo thường ưa đọc tụng. Vị này tu thiền chứng được A-la-hán, nên không đọc tụng nữa. Có vị trời hỏi rằng: Ông thường ưa đọc tụng, nay sao không tụng nữa? Tì-kheo đáp: Trước kia tôi chưa lìa dục nên phải cần kinh sách. Nay đã lìa 3 cõi nên không cần đến nữa. Có bao nhiêu kinh sách, thiền định, trí tuệ, Thánh nhân đều nói là pháp có thể xả bỏ. Cho nên biết cái cần đến là nguyên nhân của dục. Vì cần đến nên tham các thứ mình muốn, đó gọi là tham dục.

Phẩm 88: Hỷ

Nếu tâm ưa thích, gọi là hỷ. Như nói chúng sinh tính loại theo nhau. Thích ác theo ác, ưa thiện theo thiện, gọi là hỷ.

Hỏi: Tính không gọi là hỷ. Bởi vì sao? Phật biết chúng sinh có nhiều thứ tính, tính đó là trí lực. Biết nhiều thứ hỷ là dục trí lực. Cho nên biết tính của hỷ đều khác nhau.

Đáp: Tu lâu, nhóm họp tâm, thì gọi là tính, tùy tính sinh hỷ. Cho nên biết nhóm họp tâm lâu gọi là tính trí lực. Trí tùy theo tính sinh hỷ, gọi là dục trí lực. Cho nên nói chúng sinh tùy tính theo nhau, nhóm họp lâu ác tâm thì ưa thích điều ác, nhóm họp lâu thiện tâm thì ưa thích điều thiện. Như lúc lạnh ưa thích nóng. Đó là nhân duyên hiện tại không phải từ tính sinh. Đó sự khác nhau của tính hỷ.

Phẩm 89: Tín

Quyết định là tướng của tin..

Hỏi: Quyết định là tướng của tuệ. Quyết định là dứt nghi, là tướng của tuệ?

Đáp: Tự mình chưa thấy pháp, theo lời dạy của hiền thánh, tâm được thanh tịnh. Đó gọi là tin.

Hỏi: Nếu vậy thì tự thấy pháp rồi không cần tin nữa?

Đáp: Phải. A-la-hán gọi là người không tin. Như trong Pháp Cú nói: Người không tin, người không biết ơn, gọi là bậc Thượng nhân.

Lại trong kinh nói: Bạch Thế Tôn! Tôi đối với việc này là tin theo lời Phật. Nếu tự thấy pháp tâm được thanh tịnh, thì đó gọi là tin. Trước nghe pháp, sau dùng thân chứng, khởi ý niệm như vậy: Pháp này chân thật chắc chắn không hư dối, tâm được thanh tịnh, đó gọi là tin trong 4 thứ tin. Ví như người bệnh, trước tin lời thầy, uống thuốc thiện bệnh, sau đối với thầy sinh tâm thanh tịnh, đó gọi là tin. Tin này có 2 thứ: một sinh từ si, một sinh từ trí. Sinh từ si là không nghĩ thiện ác, như đối với các ác sư Phú-lan-na v.v... sinh tịnh-tâm. Sinh từ trí là như trong 4 thứ tin, đối với Phật v.v... sinh tịnh tâm. Tin này 3 thứ: thiện, bất thiện, vô ký.

Hỏi: Tin bất thiện này tức là phiền não. Pháp bất tín trong đại địa không phải là tin vậy?

Đáp: Không phải pháp bất tín. Tín này là tịnh tướng, bất thiện tín đó cũng là tịnh tướng. Nếu không

phải vậy thì bất thiện thụ không nên gọi là thụ, mà thật không phải vậy. Cho nên mới có 3 thứ sai khác. Nếu như tin ở căn số tùy thuận giải thoát, ở 37 phẩm trợ đạo thì quyết định là thiện.

Phẩm 90: Cần

Tâm phát hành động gọi là cần. Thường nương các pháp hoặc nghĩ nhớ hoặc định, trong đó phát động nhất tâm thường hành gọi là cần. Cần có 3 thứ là thiện, bất thiện và vô ký. Nếu ở trong 4 chính cần thì gọi là thiện, ngoài ra không gọi là thiện. Nếu hành giả tin bất thiện là tội lỗi, thiện pháp là lợi ích, sau đó sinh siêng năng là dứt bất thiện, và tụ tập pháp thiện. Cho nên kế tiếp tín căn mới nói tinh tiến căn. Cần này khi vào trong thiện pháp gọi là tinh tiến, vì có thể làm căn bản cho tất cả việc lợi ích. Nhờ tinh tiến này trợ giúp các pháp ức niệm v.v... mới có thể được quả lớn, như lửa gặp được gió đốt cháy càng nhiều.

Phẩm 91: Hồi ức

Biết cảnh từng trải qua từ trước gọi là nhớ lại. Như trong kinh nói: Đã trải qua lâu xa có thể nhớ không quên. Đó gọi là nhớ.

Hỏi: Nhớ này ở trong 3 đời. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói nhớ tất cả đều là đúng.

Lại nhớ này ở trong 4 ký ức. Bốn chỗ ký ức này cũng duyên 3 đời, vì sao chỉ nói quá khứ ư?

Đáp: Đó nói đều đúng, là không phải 3 đời. Nếu tâm dao động, lặng chìm thì nhớ theo 2 chỗ, đó gọi khắp đi. Ông nói 4 chỗ ký ức duyên 3 đời, trong đó tuệ có thể duyên hiện tại, mà không phải là nhớ. Cho nên Như Lai trước nói tên nhớ, hiểu thì nói là tuệ.

Hỏi: Vì sao một thức khác trải qua biết, lại một thức khác có thể nhớ?

Đáp: Pháp về nhớ là như vậy. Trong pháp tự nối nhau sinh diệt, liền sinh thức khác rồi trở lại có thể tự duyên.

Lại pháp tri thức là như vậy. Một thức khác trải qua, một thức khác có thể biết. Như nhãn thức nhận thức sắc, ý thức có thể biết.

Lại một người khác đã dùng qua, một người khác có thể biết. Như các Thánh nhân cho đến các thân đời trước đã từng trải qua, nhờ sức ký ức nên biết.

Hỏi: Nếu biết cảnh đã trải qua từ trước gọi là nhớ, thì nay thức v.v... các pháp đều nên gọi là nhớ. Bởi vì sao? Vì pháp ấy cũng đi qua cảnh đã từng trải từ trước?

Đáp: Các thức pháp cũng gọi là nhớ. Như Phật bảo Tát-già-ni-diên từ rằng: Người nhớ lại việc trước thì hãy đáp.

Lại nói: Nếu nhớ việc hý lạc từ trước thì phiền não phát sinh. Cho nên các thức v.v... các pháp nhớ việc trước, nên cũng gọi là hồi ức. Hồi ức này do lấy tướng mà sinh, tùy pháp nào đó rồi lấy tướng thì hồi ức phát sinh, khác thì không sinh. Về định tuệ, sẽ nói trong Phẩm định tuệ.

Phẩm 92: Giác quán

Nếu tâm thường khởi sinh tán hành, gọi là giác.

Lại trong tán tâm, cũng có thô, tế. Thô gọi là giác, vì không giữ sâu nên gọi thô tâm. Như trong kinh nói: Phật nói hạnh của ta có hạnh giác quán. Cho nên Sơ thiền chưa giữ sâu được, nên gọi là hữu giác quán. Tán tâm vì tế thì gọi là quán. Hai pháp này phổ biến khắp 3 cõi, vì tướng thô, tế của tâm này.

Lại tâm tán loạn gọi là giác quán, vì tướng này ứng tất cả chỗ.

Lại việc chưa hiện biết việc, phải dùng trí so sánh mới biết. Suy nghĩ so lường nên vậy hay không nên vậy, gọi là giác. Cho nên suy nghĩ so lường việc hiện chưa biết nên có tên chính giác và tà giác. Liệt phân biệt suy nghĩ so lường thì gọi là chính kiến. Ba thứ biết này là: Tà giác là suy nghĩ điên đảo cho rằng trong vô thường là thường v.v... Chính giác là chưa được chân trí, dùng tướng so sánh mà biết. Hành giả này trong đạt phần thiện căn gọi là nhẫn. Như vậy các điều thuận đạo so sánh biết, gọi là chính giác. Trong đó nếu xa liệt tướng nghĩ nhớ phân biệt, gọi là biết trong hiện tại. Trong giác này suy nghĩ tính toán, cho rằng do nhân duyên này nên như vậy, nhân duyên kia nên không như vậy, đó gọi là quán.

Hỏi: Có thuyết cho rằng giác quán ở trong một tâm. Việc ấy thế nào?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì các ông tự nói dụ như đánh chuông linh, tiếng đầu là giác, các tiếng sau là quán.

Lại như dụ sóng nước, thô là giác, tế là quán. Là vì thời gian và phương hướng khác, nên không phải một tâm.

Lại 5 thức không phân biệt nên không có giác quán.

Phẩm 93: Các tâm số

Nếu không làm điều thiện, hoặc làm điều thiện mà không chính đáng, gọi là phóng dật. Không riêng có một pháp gọi là phóng dật. Khi tâm hành, gọi là phóng dật. Trái với đây gọi là không phóng dật. Nền tâm hành thiện gọi là không phóng dật, cũng không có pháp riêng khác.

Lại tâm chạy theo bất thiện gọi là phóng dật. Thuận theo thiện pháp gọi là không phóng dật. Người có thiện căn thì không tham, sân, si. Lấy suy nghĩ so lường làm đầu, có thể không tham đắm gọi là không tham. Lấy từ bi làm đầu, không sinh giận dữ gọi là không sân. Lấy chính kiến làm đầu, không sai lầm gọi là không si. Không riêng có một pháp gọi là không tham. Có người nói không tham gọi là không tham. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì không tham gọi là không pháp. Không pháp làm sao làm nhân cho pháp? Không sân không si cũng như vậy.

Lại cùng với 3 bất thiện căn trái nhau nên chỉ nói 3. Kiêu mạn v.v... cũng phải là bất thiện căn. Vì lược bớt nên chỉ nói là 3 bất thiện căn. Sẽ nói đến trong Phẩm bất thiện. Vô ký căn, có người nói có 4 là: vô ký, ái kiến, mạn và vô minh.

Lại có người nói có 3 là: ái, vô minh và tuệ. Đó không phải Phật nói. Tùy tâm vô ký mà nhân duyên nào sinh, thì gọi nhân duyên đó là vô ký căn.

Lại vì nghiệp thân khẩu phần nhiều từ tâm vô ký sinh khởi, cho nên vô ký tâm gọi là vô ký căn. Khi tâm hành có thể khiến thân tâm yên tĩnh, diệt trừ được thô trọng, bấy giờ gọi là khoan khoái. Khi có nhiều tâm hành gọi là xả. Nếu trong các thụ, tâm hành không rõ gọi là xả. Trong các Thiền lìa khổ vui mặc cho tâm hành gọi là xả. Trong 7 giác không chìm lặng, không động, tâm hành bình đẳng gọi là xả. Lìa lo buồn mừng vui, được tâm bình đẳng gọi là xả. Trong 4 vô lượng, lìa tâm yêu ghét gọi là xả. Như vậy tùy nhiều thứ pháp trái nhau thì có vô lượng tâm số sai khác.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 7)

Phẩm 94: Bất tương ưng hành

Tâm bất tương ưng hành là: đắc, bất đắc, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng xứ, mạng căn, sinh, diệt, trụ, dị, lão, tử, danh chúng, cú chúng, tự chúng và phạm phu pháp v.v....

Đắc là các pháp thành tựu, vì chúng sinh nên mới có đắc. Chúng sinh thành tựu 5 âm thân, đời hiện tại gọi là đắc.

Lại trong đời quá khứ nghiệp thiện bất thiện, quá báo chưa chịu, chúng sinh đã thành tựu pháp này. Như trong kinh nói: Người này thành tựu thiện pháp và cũng thành tựu bất thiện pháp.

Hỏi: Có người nói thành tựu nghiệp thân khẩu thiện bất thiện đời quá khứ, như người xuất gia thành tựu giới luật nghi đời quá khứ. Việc này thế nào?

Đáp: Đều đã thành tựu. Bởi vì sao? Trong kinh nói: Nếu người làm tội phúc tức là đã có 2 việc thường bám theo thân, như bóng theo hình.

Lại trong kinh nói: Họa phúc không hư hoại, nghĩa là có thể được quả. Nếu không thành tựu nghiệp tội phúc thì không nên đắc quả, tức mất các hành nghiệp.

Hỏi: Luật nghi quá khứ không nên thành tựu. Bởi vì sao? Vì ông đã nói pháp quá khứ diệt, vị lai chưa có, hiện tại không có thể thường có thiện tâm, thì làm sao thành tựu giới luật nghi được ư?

Đáp: Người này thành tựu luật nghi hiện tại, không phải quá khứ. Như bởi hiện ô nhiễm nên nhiễm. Như vậy lấy giới hiện tại nên gọi là trì giới, chứ không lấy quá khứ. Nhưng vì trước đã thụ mà không xả, nên gọi thành tựu quá khứ.

Hỏi: Có luận sư nói chúng sinh thành tựu tâm thiện bất thiện trong đời vị lai. Việc ấy thế nào?

Đáp: Không thành tựu. Bởi vì sao? Vì chưa tác nghiệp mà đã được. Cho nên vị lai không thành tựu. Đó gọi là đắc, là không riêng có tâm bất tương ưng pháp gọi là đắc. Trái với đó gọi là bất đắc. Và cũng không riêng có pháp bất đắc.

Vô tướng định là không có pháp nhất định. Bởi vì sao? Vì phạm phu không có thể diệt tâm và tâm số pháp. Điều này sẽ nói sau. Tâm và tâm số pháp này vì tế khó giác sát biết được, nên gọi là vô tướng. Vô tướng xứ cũng như vậy.

Diệt tận định là tâm diệt không còn hành nữa nên gọi là diệt tận, không có pháp riêng, giống như Nê-hoàn.

Mạng căn là vì nghiệp nhân duyên nên 5 ấm nối nhau gọi là mạng. Mạng này lấy nghiệp làm căn bản nên gọi là mạng căn.

Sinh là 5 ấm ở đời hiện tại gọi là sinh.

Xả bỏ đời hiện tại gọi là diệt.

Nói nhau nên trụ.

Trụ này biến đổi khác nên gọi là dị. Không phải riêng có pháp gọi là sinh trụ diệt.

Lại trong nghĩa sâu xa của Phật pháp, thì các duyên hòa hợp là có pháp sinh. Cho nên không có pháp nào có thể sinh pháp khác.

Lại nói nhãn, sắc v.v... làm nhân duyên cho nhãn thức. Trong đó không nói có sinh, cho nên không sinh không có lỗi gì.

Lại nói sinh pháp v.v... đồng thời sinh. Nếu pháp đồng thời sinh tức diệt. Trong đó sinh v.v... để làm gì? Điều này cần suy nghĩ.

Lại trong 12 nhân duyên Phật tự nói nghĩa sinh: Các chúng sinh nơi nơi sinh, thụ các ấm là sinh. Cho nên trong đời hiện tại trước tiên được các ấm gọi là sinh. Cũng nói 5 ấm lui mất gọi là chết. Cũng nói các ấm suy hoại gọi là già, mà không riêng có pháp già chết.

Danh chúng là do từ chữ sinh danh, tức tên gọi, như nói người nào đó. Từ chữ thành nghĩa gọi là cú, tức là câu. Các chữ gọi là chữ. Có người nói có các danh, cú, tự, là tâm bất tương ưng hành. Điều này không đúng. Vì pháp này gồm trong pháp thuộc về thanh.

Hỏi: Pháp phạm phu là tâm bất tương ưng hành. Việc này thế nào?

Đáp: Pháp phạm phu không khác phạm phu. Nếu riêng có pháp phạm phu, cũng phải chấp nhận riêng có pháp cái bình v.v....

Lại nữa số lượng, một khác, hợp ly, tốt xấu, v.v... pháp đều phải có riêng. Trong kinh sách ngoại đạo nói cái bình khác, pháp cái bình khác. Do pháp cái bình mới biết là sắc cái bình khác, sắc của pháp khác. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì pháp là tự thể. Nếu ông bảo pháp phạm phu khác, thì sắc không có tự thể, phải đợi sắc pháp mới có. Điều này không đúng. Cho nên bởi ông không nghĩ kỹ nên mới nói riêng có pháp phạm phu. Có các luận sư học ngoại điển nên tạo luận A-tì-đàm nói riêng có pháp phạm phu v.v.... Cũng có các luận sư khác nói riêng có pháp tính, chân tế, nhân duyên v.v... các pháp vô vi. Cho nên phải suy nghĩ kỹ lý này, đừng chỉ theo văn tự.

Xong nhóm khổ đế.

Phẩm 95: Tướng của nghiệp trong luận về nghiệp của nhóm tập đế

Luận giả nói: Đã nói xong về khổ đế, nay sẽ nói về tập đế.

Tập đế là các nghiệp và phiền não. Nghiệp này có 3 thứ: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Thân nghiệp là thân ra làm gọi là thân nghiệp. Nghiệp này có 3 thứ: đoạt lấy sinh mạng v.v... là bất thiện, đứng lên nghênh tiếp lễ bái v.v... là thiện, nhổ cỏ v.v... là vô ký.

Hỏi: Nếu thân ra làm gọi là thân nghiệp, thì cái bình v.v... các vật cũng phải có thân nghiệp, vì thân nó cũng có tác dụng vậy?

Đáp: Cái bình v.v... là quả của thân nghiệp, chứ không phải thân nghiệp, vì nhân quả khác.

Hỏi: Không nên có thân nghiệp. Bởi vì sao? Vì thân khởi động tác gọi thân nghiệp, mà pháp hữu vi diệt trong từng mỗi niệm nên không phải có động tác.

Đáp: Điều này trong Phạm niệm niệm diệt đã giải đáp, nghĩa là pháp khi sinh ở các chỗ khác, làm tổn hại hoặc lợi ích cho người khác, đó gọi là thân nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy thì thân tức là thân nghiệp, vì sinh các chỗ khác, nên không phải thân ra làm gọi là thân nghiệp?

Đáp: Thân là công cụ tác nghiệp. Thân khi sinh ở các chỗ khác nhóm họp tội phúc gọi là nghiệp. Cho nên thân không phải nghiệp.

Hỏi: Nhóm tội phúc là không làm, còn thân làm là thế nào?

Đáp: Khi sinh thân ở các chỗ khác có các tạo tác gọi là thân làm.

Hỏi: Thân này ra làm hoặc thiện hoặc bất thiện, mà thân không vậy. Cho nên không phải thân làm?

Đáp: Tùy tâm lực nên khi sinh thân ở chỗ khác có thể nhóm nghiệp. Cho nên hoặc nhóm thiện, bất thiện, không những là thân, mà khẩu nghiệp cũng vậy, chẳng những âm thanh ngôn ngữ cũng lấy tâm lực, tùy âm thanh ngôn ngữ mà nhóm thiện ác gọi là

khẩu nghiệp. Ý nghiệp cũng vậy, nếu tâm quyết định: Ta giết chúng sinh này. Bây giờ nhóm tội phúc cũng như vậy.

Hỏi: Như từ thân khẩu riêng có nghiệp, ý với ý nghiệp là tức chính nó hay là khác?

Đáp: Hai thứ: Hoặc ý tức là ý nghiệp. Hoặc do từ ý sinh nghiệp. Như ý quyết định giết chúng sinh, đó là ý bất thiện, mà cũng là ý nghiệp. Nghiệp này có thể nhóm tội thặng hơn nghiệp thân khẩu. Nếu tâm chưa quyết định, thì ý này khác với nghiệp.

Hỏi: Đã biết tướng tạo tác là do từ tạo tác mà sinh. Nhóm nghiệp khác, cái nào là tướng?

Đáp: Đó tức là không tạo tác.

Hỏi: Chỉ thân khẩu là không tạo tác, ý không có không tạo tác sao?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì trong đó không có nhân duyên, nên chỉ nghiệp thân khẩu có không tạo tác, mà ý không có không tạo tác.

Lại trong kinh nói có 2 thứ nghiệp là tư nghiệp và tư dĩ nghiệp. Tư nghiệp, nghĩa là nghĩ tức là ý nghiệp. Tư dĩ nghiệp, nghĩa là nghiệp do đã nghĩ rồi. Có 2 thứ là do nghĩ nhóm họp nghiệp và nghiệp thân khẩu. Ý nghiệp là quan trọng nhất, sau sẽ đề cập. Do trọng nghiệp nhóm họp gọi là không tạo tác, vì thường nối nhau sinh, nên biết ý nghiệp cũng có trạng thái không tạo tác.

Phẩm 96: Không tạo tác

Hỏi: Pháp nào gọi là không tạo tác?

Đáp: Do tâm sinh tội phúc. Ngủ mê, ngất xỉu v.v..., những khi ấy thường sinh đó gọi là không tạo tác. Như trong kinh nói: Nếu trồng cây gây vườn rừng, đào giếng, bắt cầu v.v.... Người này tạo phúc ngày đêm thường tăng trưởng.

Hỏi: Có người bảo tác nghiệp hiện có thể thấy. Như bố thí, lễ bái, sát sinh hại mạng v.v... là phải có. Còn không tác nghiệp, vì không thể thấy nên không có. Xin làm rõ nghĩa này.

Đáp: Nếu không có sự không tạo tác, thì không có pháp lìa sát sinh v.v....

Hỏi: Lìa là không làm, không làm thì không có pháp. Như người khi không nói, thì không có pháp không nói sinh. Như khi không thấy sắc cũng không có pháp không thấy

Đáp: Nhân lìa sát sinh v.v... được sinh lên trời. Nếu không có pháp làm sao làm nhân?

Hỏi: Không vì lìa nên sinh trời, mà vì thiện tâm vậy?

Đáp: Không phải. Trong kinh nói: Người tinh tiến tùy theo sống lâu được phúc nhiều. Vì tùy theo phúc nhiều nên được hưởng vui cõi trời lâu dài. Nếu chỉ có thiện tâm làm sao có thể có nhiều phúc? Vì người ấy không thể thường có thiện tâm.

Lại nói trồng cây v.v..., phúc ngày đêm tăng trưởng.

Lại nói trì giới kiên cố. Nếu không có không tạo tác, làm sao nói phúc thường tăng trưởng và trì giới kiên cố?

Lại chẳng phải làm tức là sát sinh, làm tuân tự pháp sát sinh mới sinh, rồi sau bị tội sát sinh. Như người sai bảo giết, tùy lúc sai bảo, người sai bảo bị tội sát sinh. Cho nên biết có cái gọi là không tạo tác.

Lại ý không có giới luật nghi. Bởi vì sao? Vì người tâm ở trong tâm bất thiện, vô ký, hoặc vô tâm, cũng gọi là trì giới. Cho nên biết, lúc bấy giờ có cái không tạo tác. Bất thiện luật nghi cũng như vậy.

Hỏi: Đã biết có pháp không tạo tác không phải tâm. Vậy nó là sắc, hay là tâm bất tương ưng hành?

Đáp: Đó là thuộc về hành ấm. Bởi vì sao? Vì tướng tác khởi là hành, không tạo tác là tướng tác khởi. Sắc là tướng não hoại, không phải tướng tác khởi.

Hỏi: Trong kinh nói 6 thứ tư duy là hành ấm, mà không nói tâm bất tương ưng hành?

Đáp: Điều này trước đã nói rõ, nghĩa là có tâm không tương ưng với tội phúc.

Hỏi: Nếu cái không tạo tác là sắc tướng thì có lỗi gì?

Đáp: Năm pháp sắc thanh hương vị xúc, vì không phải tính tội phúc, nên không lấy sắc tính cho là không tạo tác.

Lại Phật nói sắc là tướng não hoại. Trong cái không tạo tác này không thể tìm được tướng não hoại, cho nên không phải sắc tính.

Hỏi: Không tạo tác là tính của thân khẩu nghiệp; thân khẩu nghiệp tức là sắc?

Đáp: Không tạo tác chỉ gọi là thân khẩu nghiệp, mà thật không phải thân khẩu làm ra, vì bởi thân khẩu mà ý nghiệp mới sinh, cho nên mới nói thân khẩu ý nghiệp tính.

Lại hoặc chỉ do ý sinh cái không tạo tác, thì cái không tạo tác này làm sao gọi sắc tính được?

Lại trong cõi Vô sắc cũng có cái không tạo tác. Trong Vô sắc thì làm sao có sắc?

Hỏi: Làm những gì có thể sinh cái không tạo tác?

Đáp: Do thiện bất thiện tác nghiệp có thể sinh cái không tạo tác, chứ không phải vô ký, vì sức nó yếu.

Hỏi: Từ khi làm thời gian bao lâu sinh cái không tạo tác?

Đáp: Từ đệ nhị tâm sinh. Tùy tâm thiện ác mạnh thì có thể trụ lâu. Nếu tâm yếu thì trụ không lâu. Như thụ giới một ngày thì trụ một ngày, thụ giới trọn đời trụ trọn đời.

Phẩm 97: Cố ý và không cố ý

Hỏi: Trong kinh nói: Cố tác nghiệp không cố tác nghiệp. Thế nào là cố ý và không cố ý?

Đáp: Trước đã biết mà cứ làm gọi là cố làm, trái lại gọi là không cố làm.

Hỏi: Nếu không cố ý làm, không gọi là nghiệp?

Đáp: Có nghiệp, nhưng chỉ có tâm cố ý làm thì nghiệp có quả báo.

Lại tâm quyết định làm nghiệp gọi là cố ý. Tâm không quyết định làm gọi là không cố ý. Như nói lỡ lời gọi là không cố ý, không lỡ lời là cố ý. Như trong kinh nói: Ông có tội lỗi, ta sẽ kể tội, nếu nói lỡ lời thì ta không kể. Hỏi như vậy 3 lần. Nếu trước không cố ý làm mà làm như người khi đi dẫm phải làm chết trùng, đây là không cố ý. Nghiệp không cố ý này, vì không nhóm, nên không có thể sinh quả báo.

Nghiệp có 4 thứ: có làm không nhóm, có nhóm không làm, có cũng làm cũng nhóm, có không làm không nhóm.

Làm mà không nhóm như làm nghiệp sát sinh v.v..., sau liền sinh ăn năn làm nghiệp bố thí v.v... , về sau lòng cũng ăn năn và làm nghiệp rồi sau tâm không nhớ. Đó gọi là làm mà không nhóm.

Nhóm không làm là như người khác làm sát sinh v.v... mà lòng mình sinh vui mừng, người khác làm bố thí v.v... lòng cũng vui mừng.

Cũng làm cũng nhóm là như tự làm tội sát sinh v.v..., làm phúc bố thí v.v..., tự sinh lòng vui mừng.

Không làm không nhóm là cũng không làm cũng không sinh mừng. Trong đây, cũng làm cũng nhóm, nghiệp ấy quyết định chịu quả báo. Như trong kinh nói nếu nghiệp cũng làm cũng nhóm là nghiệp chắc chắn thụ quả báo. Cho nên nghiệp làm nhóm, hoặc hiện đời chịu báo, hoặc đời sau chịu báo, hoặc sau đời sau nữa chịu báo.

Hỏi: Nếu nghiệp có làm có nhóm quyết định chịu báo thì không giải thoát?

Đáp: Nghiệp tuy cố làm, nhưng vì được chân trí nên không còn nhóm nữa, ví như rang hạt giống thì hạt giống không có thể sinh lại.

Hỏi: Trong Kinh Giám Lượng Phật nói: Có người tạo nghiệp báo địa ngục mà hiện đời chịu nhẹ?

Đáp: Nếu ác nghiệp nặng mà có thể hiện chịu nhẹ, có sao không thể khiến hết sạch ư? Nếu người không thể tu đầy đủ chân trí, thì ác nghiệp được cơ hội trả báo, nên đời hiện tại ít chịu quả báo.

Hỏi: A-la-hán tuy tu đủ chân trí mà cũng chịu ác báo?

Đáp: Thâm nghiêm tu hành thiện pháp thì ngăn được bất thiện. Cho nên, nếu người ở trong trăm ngàn đời tu nhóm giới v.v... các nghiệp thiện, thì nghiệp bất thiện không thể sinh khởi được, giống như chư Phật, bậc Nhất thiết trí. Còn những người khác không thể như vậy, cho nên nghiệp bất thiện được cơ hội phát sinh. Cho nên A-la-hán tuy tu đủ chân trí, nhưng vì nghiệp đời trước nên cũng phải chịu ác báo.

Hỏi: Trong kinh cũng nói Phật cũng bị hủy báng v.v... các nghiệp báo bất thiện?

Đáp: Phật là bậc Nhất thiết trí, không còn ác nghiệp báo vì đã dứt tất cả cội gốc các pháp bất thiện. Nhưng dùng vô lượng thần thông, phương tiện thị hiện làm Phật sự không thể nghĩ bàn. Như trong Kinh Tăng Nhất A-hàm nói có 5 việc không thể nghĩ bàn.

Nghiệp có 2 thứ: Định báo và Bất định báo. Nghiệp định báo là hoặc nhiều hoặc ít quyết sẽ chịu quả báo. Nghiệp bất định là có thể khiến tiêu hết.

Hỏi: Thế nào gọi nghiệp định báo và những gì là nghiệp bất định báo?

Đáp: Trong kinh nói tội ngũ nghịch là nghiệp định báo.

Hỏi: Chỉ tội ngũ nghịch là nghiệp định báo, còn có tội gì khác không?

Đáp: Trong các nghiệp khác cũng có phần định báo, nhưng không thể chỉ ra được. Hoặc vì sự trọng nên quyết định báo, như đối với Phật và đệ tử Phật, hoặc cúng dường, hoặc khinh chê. Hoặc vì tâm trọng nên có định báo, như người vì cố tâm giết hại trùng kiến, nặng đến việc giết người. Những nghiệp như vậy v.v... quyết chắc có định báo.

Hỏi: Nếu tội ngũ nghịch có thể khiến nhẹ bớt, Vì sao không thể khiến tiêu hết?

Đáp: Tội pháp này là như vậy, không thể làm tiêu hết được. Như Tu-đà-hoàn dù giải đãi mấy cũng không đến 8 lần sinh.

Lại tội ngũ nghịch vì bền chắc nặng nề nên không thể làm tiêu hết được. Như trong phép vua người bị trọng tội, có thể được giảm khinh, chứ không tha bổng.

Phẩm 98: Tội nhẹ nặng

Hỏi: Trong kinh nói có tội nghiệp nhẹ nặng. Thế nào là nhẹ nặng?

Đáp: Nếu nghiệp có thể bị quả báo địa ngục A-tì, gọi là tội nặng.

Hỏi: Những nghiệp gì có thể bị quả báo ấy?

Đáp: Như nghiệp phá Tăng ắt chịu báo này. Bởi vì sao? Vì chia lìa ngôi Tam Bảo, khiến Tăng bảo lìa Phật bảo cũng phá Pháp bảo nữa.

Lại vì sinh tà kiến hạng nặng nên có thể khởi nghiệp này. Cũng do rất ghét, giận Phật, nên khởi nghiệp này. Cũng từ lâu tụ tập ác tính, rất tham lợi dưỡng, nên khởi nghiệp này.

Lại người này nói phi pháp là pháp phải thời, ngăn nhiều chúng sinh tu các thiện pháp, nên gọi là tội nặng.

Hỏi: Chi có tội phá Tăng bị báo địa ngục A-tì, còn các tội khác?

Đáp: Các nghiệp khác cũng có. Như nói không có tội phúc, cúng dường cha mẹ và các người thiện không có quả báo. Các tà kiến này cũng bị quả báo đó.

Lại làm cho người khác sa vào tà kiến này, khiến nhiều chúng sinh tạo các ác nghiệp nên cũng bị báo đó.

Lại có thể trước tác các kinh sách tà kiến như vậy, như bọn Phú-lan-na v.v... và các sư tà kiến, làm hại chính kiến, nên mở đường nhân duyên cho nhiều chúng sinh làm ác.

Lại tội hủy báng hiền thánh cũng bị quả báo ấy, như nói một bên hông chịu khổ 8 vạn 4 ngàn năm.

Lại như trong Kinh Pháp Cú nói:

Thánh sống lâu vì pháp,
 Đem pháp ấy giáo hóa.
 Độn căn nường ác kiến
 Trái nghịch lời dạy đây,
 Như tre gai sinh trái,
 Thì tự hại thân hình,
 Người này đọa địa ngục,
 Đầu xuống chân ngược lên,
 Người ác tâm ác khẩu,
 Vì bài báng hiền thánh.
 Người này đọa 10 vạn
 Địa ngục Ni-la-phù,
 Ba sáu vạn địa ngục,
 Và 5 A-phù-đà.

Lại sát sinh v.v..., nếu sự trọng, tâm trọng, tội này cũng đọa địa ngục A-tì. Trái lại với nặng là nhẹ, như là ở trong địa ngục nhỏ bị nướng trên lửa nướng v.v... súc sinh, ngựa quý và trong người trời chịu quả báo bất thiện, đó là tội nhẹ.

Phẩm 99: Nghiệp lợi lớn nhỏ

Hỏi: Trong kinh nói có nghiệp lợi lớn nhỏ. Những gì là nghiệp lợi lớn?

Đáp: Tùy theo nghiệp nào có thể đưa đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đó là nghiệp báo lợi lớn nhất. Nghiệp kế tiếp là có thể được quả Bích-chi-phật đạo. Nghiệp kế tiếp là được quả Thanh Văn đạo. Nghiệp kế tiếp là được quả báo cõi Hữu Đảnh, có thọ mạng đến 8 vạn đại kiếp. Đây là nghiệp báo lớn nhất trong sinh tử. Nghiệp kế tiếp là được quả báo cõi Vô sở hữu xứ, thọ mạng 6 vạn kiếp. Cứ như vậy lần lượt cho đến cõi Phạm Thế, thọ mạng nửa kiếp. Tiếp đến trời Tha Hóa Tự Tại trong cõi Dục hưởng số trời 1 vạn 6 ngàn tuổi. Cho đến trời Tứ Thiên Vương hưởng số trời 5 trăm tuổi. Như vậy trong loài người 4 thiên hạ đều tùy theo nghiệp mà thụ quả báo. Như vậy súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục cũng có nghiệp lợi nhỏ.

Hỏi: Những nghiệp nào có thể được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Đáp: Bồ thí v.v... đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, thì có thể được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Rồi từ thiện nghiệp này thứ lớp càng mỏng dần được Bích-chi-phật Bồ-đề, càng mỏng dần nữa được Thanh Văn Bồ-đề. Nếu tu tăng thượng 4 vô lượng tâm thì được sinh về cõi Hữu Đảnh. Tu 4 vô lượng thứ lớp mỏng dần, kể là sinh về bậc dưới. Tu 4 vô lượng càng nhỏ mỏng nữa và tùy nhân duyên giới định nên sinh cõi Sắc. Do nhân duyên tu bồ thí trì giới

tu thiện nên sinh cõi Dục. Nghiệp bố thí v.v... này tùy theo phúc điền dày mỏng nên có sai khác. Nếu tu trong phúc điền chư Phật thì vượt trội hơn hết. Kế đến là trong phúc điền Bích-chi-phật, v.v... mà tu, thứ lớp càng ít dần.

Hỏi: Trí phúc điền hơn, hay đoạn phúc điền hơn?

Đáp: Nếu trí có thể đạt tới pháp tướng nghĩa là rất ráo không, thì trí ấy hơn. Bởi vì sao? Vì như Phật do trí nên trong hàng đệ tử Phật là hơn, chứ không do đoạn. Như trong Tạp Bảo Tạng nói: Nếu quét đất phòng Tăng rộng bằng một cõi Diêm-phù-đề, không bằng quét tháp Phật một chỗ bằng chừng một bàn tay. Lại tất cả trí tuệ đều vì để đoạn. Như các Bồ-tát ở lâu trong sinh tử đều là khéo đoạn. Khéo đoạn nghĩa là tự mình đoạn kết và cũng đoạn kết cho chúng sinh. Các kết này đều dùng trí đoạn dần. Cho nên biết trí tuệ phúc điền đối với đoạn là hơn.

Hỏi: Như Tu-đà-hoàn lợi căn, Tu-đà-hoàn độn căn, thì 2 phúc điền này đàng nào là hơn?

Đáp: Lợi căn hơn, không phải độn căn.

Hỏi: Nói vậy không đúng. Như trong kinh nói: Cúng dường trăm Tu-đà-hoàn, không bằng cúng dường một Tư-đà-hàm.

Lại nói: Cỏ dại hại lúa, tham dục vậy bản tâm. Cho nên bố thí người vô dục, phải được phúc nhiều. Tư-đà-hàm có thể làm mỏng 3 độc, Tu-đà-hoàn thì chưa, làm sao nói hơn được?

Đáp: Kinh đó là không liễu nghĩa. Vì sao biết được? Trong kinh này nói: Thí cho súc sinh được lợi gấp trăm.

Mà thật thí cho chim chóc v.v... được quả báo hơn thí cho người ngoại đạo có 5 thân thông. Cho nên kinh này cần phải biện biệt rõ nghĩa lại. Kinh này theo số nhiều nên mới nói như vậy, trừ lợi trí tuệ.

Lại Tu-đà-hoàn vì trí lực nên tuy thụ các dục mà cũng gọi phúc điền, không phải phạm phu đoạn dục, cho đến người có thể được định cõi Hữu Đảnh.

Lại trí đa văn ở trong đạt phần còn hơn, chứ không phải định Hữu đảnh phần không thông đạt.

Lại Bồ-tát Di-lặc tuy chưa được Phật quả, nhưng cũng được các A-la-hán lễ kính.

Lại như người chỉ có thể phát tâm Bồ-đề suông liền được La-Hán cung kính. Như có một Sa-di mang áo bát đi theo A-la-hán, Sa-di này bỗng phát tâm vô thượng Bồ-đề, vị A-la-hán liền lấy áo bát lại tự mang lấy và đi theo sau Sa-di. Như trong thí dụ có nói rộng. Cho nên biết trí tuệ phúc điền là hơn hết.

Phẩm 100: Ba nghiệp

Hỏi: Trong kinh nói 3 nghiệp: thiện, bất thiện, và vô ký. Những gì là nghiệp thiện?

Đáp: Tùy theo nghiệp nào đó có thể cho người khác việc tốt, nghiệp đó là thiện. Nghiệp thiện này do pháp bố thí, trì giới, lòng từ v.v... mà sinh, chứ không phải do tắm rửa v.v....

Hỏi: Sao gọi là tốt?

Đáp: Làm cho người khác được vui, gọi là tốt. Cũng gọi là thiện, cũng gọi là phúc.

Hỏi: Nếu làm cho người khác được vui gọi là phúc thì làm cho người khác bị khổ phải có tội? Vậy như thầy thuốc châm cứu làm bệnh nhân đau đớn cũng phải đắc tội?

Đáp: Thầy thuốc châm cứu là vì làm cho được vui nên không đắc tội.

Hỏi: Nếu vì cho vui là được phúc, thì như dâm vợ người ta, khiến họ sinh vui sướng cũng phải được phúc?

Đáp: Dâm dục quyết định là bất thiện. Nếu ai khiến người khác làm pháp bất thiện, thì đấy là khổ không phải vui. Nói vui, là nay vui, sau cũng vui, chứ không phải chút vui hiện tại, mà vì đó bị khổ lớn về sau.

Hỏi: Có người dùng nhân duyên ăn uống khiến người khác sinh vui, hoặc ăn uống không tiêu khiến người kia đến chết, thì người cho ăn này bị tội hay được phúc?

Đáp: Người này tâm tốt cho ăn, không có tâm xấu, nên chỉ được phúc mà không bị tội.

Hỏi: Dâm vợ người khác ấy cũng như vậy. Chỉ vì khoái lạc nên cũng bị tội, và được phúc?

Đáp: Điều này trước đã giải đáp. Nghĩa là dâm dục, quyết định là bất thiện, vì sinh khổ lớn.

Lại trong bố thí ăn uống có phần phúc đức. Bởi vì sao? Vì người được ăn uống không phải ai cũng chết. Chúng sinh đều bởi lòng tham nhiễm mà hành dâm dục, hoàn toàn không phải nhân phúc, làm sao được phúc?

Hỏi: Có người vì sát sinh mà lợi ích nhiều người, như người phá giặc thì đất nước khỏi tại họa. Như giết thú dữ thì lợi nhân dân. Các trường hợp này có thể dùng sát sinh mà được phúc chăng? Hoặc có người dùng nhân duyên trộm cướp mà cúng dường cha mẹ, nhân duyên đâm dục sinh con cái tốt, nhân duyên vọng ngữ hoặc cho mạng sống lâu, hoặc do ác khẩu v.v... khiến người ta được lợi. Đó đều là thuộc về 10 ác, làm sao do đấy mà được phúc?

Đáp: Người này được phúc mà cũng bị tội. Vì lợi người khác nên được phúc, vì hại người khác nên bị tội.

Hỏi: Thầy thuốc này trước làm cho người khổ vì đau đớn, sau khiến được vui vì thiện bệnh, sao không bị tội và được phúc, mà chỉ được phúc?

Đáp: Thầy thuốc ấy vì thiện tâm mà châm cứu, không có ác ý. Nếu hành nghiệp vì thiện ác nên khởi, thì có tội phúc cả hai.

Hỏi: Sát v.v... đều là được phúc. Bởi vì sao? Vì nhân duyên sát được việc sở dục. Như làm vua giết giặc được giàu sang. Do nhân duyên phúc nên được tùy ý sở dục, sao sát sinh mà không gọi là phúc?

Lại người có thể sát thì được tiếng khen. Mà tiếng khen là điều vui của người đời, mà điều vui của người đời là quả báo của phúc đức.

Lại vì sát, nên được mừng vui, mà mừng vui cũng là quả báo phúc đức.

Lại trong kinh sách nói: Nếu ra trận bị chết, được sinh lên trời. Như bài kệ nói: Nếu người ra chiến trận bị chết, thì thiên nữ tranh nhau làm chồng.

Lại nói: Tuy người thiện giàu sang, vì giặc mà xông ra trước có thể giết giặc không bị tội, không giết giặc là bị tội.

Lại Kinh Thế Pháp nói: Có 4 hạng người: Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá và Thủ-đà-la. Bốn hạng người này đều có pháp riêng. Bà-la-môn có 6 pháp, Sát-lợi 4 pháp; Tỳ-xá 3 pháp và Thủ-đà-la 1 pháp. Sáu pháp là: 1. Tự làm miếu thờ trời. 2. Làm thầy tế trời. 3. Tự đọc kinh Vi-đà. 4. Cũng dạy người khác. 5. Bố thí. 6. Nhận của thí. Bốn pháp là: 1. Tự làm miếu thờ trời mà không được làm thầy tế. 2. Theo người khác thụ học kinh Vi-đà mà không được dạy người. 3. Bố thí, không được nhận của thí. 4. Bảo vệ nhân dân. Ba pháp là: 1. Làm miếu thờ trời mà không làm thầy tế. 2. Tự học kinh Vi-đà mà không dạy người. 3. Tự bố thí mà không nhận của ai thí. Một pháp là: Lo cung cấp 3 hạng người trên mà thôi. Như hạng Sát-lợi vì bảo hộ nhân dân nên có quyền đoạt mạng sống người khác mà chỉ có phúc không có tội.

Lại kinh Vi-đà nói sát sinh được phúc, như lấy thần chú trong Vi-đà đọc mà giết dê, dê chết sinh lên trời. Kinh Vi-đà được người đời tin.

Lại cũng kinh ấy nói nếu thật sự người đáng chết thì giết không tội. Như tiên ngũ thông hay dùng thần chú giết người, không thể nói là thần tiên có tội. Người có tội làm sao có thể thành được điều này. Cho nên biết sát sinh được phúc.

Lại người hoặc có tâm lực có thể đoạt mạng sống thì được phúc, mà thí cho mạng sống là đắc tội. Như người

đem thiện tâm mà sát sinh vì muốn khiến được an vui làm sao có tội? Như những người hàng thịt nuôi dưỡng bò dê, tuy thí mà vẫn phải tội. Như vậy trong việc trộm v.v... cũng có phúc đức?

Đáp: Ông nói sát sinh được sở dụng nên gọi phúc đức. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì do phúc đức nên được tùy ý sở dụng. Việc sở dụng đó lại duyên sát sinh mà được. Bởi vì sao? Vì do đời trước tạo phúc bất tịnh. Như trong kinh nói: Cướp đoạt sát hại được của dùng làm bố thí, khiến cho người khác buồn khóc, và bất tịnh thí, thí như vậy v.v... gọi là bất tịnh. Phải do ác duyên mới thụ quả báo.

Lại người này do đời trước có phúc mà cũng có nghiệp duyên sát sinh, cho nên thân nay nhân sát mà thụ báo. Cũng có chúng sinh phải đền cửa, đền mạng nên do sát hại mà được toại sở dụng.

Lại không phải tất cả chúng sinh đều do sát sinh mà được giàu sang, như người đời nói: Người ấy bạc phúc, làm nhiều công đức, mà không được quả. Tiếng khen, mừng vui cũng như vậy, đều nhờ phúc đức nhân duyên nên được tiếng khen, được thân mạnh mẽ và vui sướng. Chỉ vì phúc đó bất tịnh nên mới do sát mà được.

Hỏi: Sư tử, cọp sói v.v... được thân khỏe mạnh đều từ tội sinh, Dạ-xoa, La-sát v.v... được vui thân khỏe mạnh vui sướng cũng do tội sinh?

Đáp: Điều này như trước đã đáp. Cũng do phúc bất tịnh nên nhờ tội duyên mà được. Ông nói trong kinh sách có nói nếu ra trận bị chết, thì được sinh lên trời. Điều này

không đúng. Bởi vì sao? Vì kinh ấy là lấy lời tà ngữ dụ dỗ người ngu, làm cho họ có dũng khí. Vì sao biết được? Vì phải do phúc sinh phúc, do tội sinh tội. Trong đó hoàn toàn không có nhân của phúc thì do đâu mà được quả phúc? Ông nói 4 hạng chúng sinh đều tự có pháp riêng. Hạng Sát-lợi vì bảo hộ người nên giết không tội. Điều này cũng như gia pháp, như những người hàng thịt v.v... đòi đòi gia truyền thường phải sát sinh mà cũng không khỏi tội. Hạng Sát-lợi cũng vậy, tuy vương pháp, nhưng cũng phải đắc tội. Nếu Sát-lợi vì vương pháp nên sát sinh không tội, thì những người thợ thịt, thợ săn kia cũng phải không tội? Chỉ hạng Sát-lợi đem lòng thương xót vì dân trừ hoạn, do đó mà được phúc. Nếu trừ lý do trên, mà đoạt mạng sống của người khác, thì có tội. Như người cướp đoạt của cải người khác để nuôi cha mẹ mình, thì người này đều phải chịu cả tội lẫn phúc.

Hỏi: Người nào trộm cướp về nuôi cha mẹ người ấy không nên đắc tội. Như Kinh Thế Pháp nói: Nếu thiếu ăn 7 ngày, theo Thủ-đà-la mà cướp lấy thì không tội. Nếu mạng đói muốn chết, thì được quyền theo Bà-la-môn mà lấy. Người ấy tuy dùng ác nghiệp để nuôi mạng sống, nhưng không gọi là người phá giới, vì lý do nguy cấp, giống hư không bụi đất không làm bẩn được. Người này cũng vậy, không nhiễm bẩn vì tội?

Đáp: Tức trong pháp Phạm Chí nói: Nếu khi cướp đoạt, tài chủ đến bảo hộ, bấy giờ Phạm Chí cần phải so sánh tính toán giả sử công đức của tài chủ không bằng thì nên giết đi. Bởi vì sao? Vì Phạm Chí ta là người thắng nhân có thể dùng nhiều phương pháp sám hối mà trừ diệt

tội này. Nếu công đức đôi bên ngang nhau, thì tự giết giết người tội đó cũng ngang nhau, vì đó là trọng tội khó trừ diệt. Nếu tài chủ đức thắng hơn, thì nên tự xả thân, vì đó là trung tội, không thể trừ. Phân biệt như vậy, trong việc giết người cướp đoạt cũng phải như vậy.

Lại nói dùng ác nghiệp nuôi sống, trong đó vì có ác nghiệp làm sao gọi là phúc? Ông nói người xông ra trước giết thì không tội, không giết là đắc tội. Lời này đã bị phá. Bởi vì sao? Vì nếu đối phương đức hơn mình, thì nên tự xả thân. Nếu là không tội, có sao phải như vậy? Ông nói kinh Vi-đà nói sát sinh được phúc. Lời nói này trước đã đáp, là giết thì không phúc... Ông nói người thật đáng chết, thì giết không tội. Vậy thì giết những người oán tặc cũng phải không tội?

Lại tất cả chúng sinh đều là tội nhân, vì khởi tác nghiệp thụ ám thân. Vậy thì sát sinh không đắc tội. Điều này không thể được.

Hỏi: Nếu chúng sinh đời trước tự tạo sát duyên, nay giết lại sao đắc tội. Nghiệp cướp trộm v.v... cũng đều như vậy?

Đáp: Nếu như vậy thì không có tội phúc. Bởi vì sao? Vì người ấy đời trước tự tạo duyên giết hại, nên giết nó không tội, thì lia sự sát sinh cũng không có phúc đức. Như vậy nếu bố thí người khác cũng phải không có phúc, vì người thụ thí đời trước đã tự tu nghiệp bố thí, nay tự được quả báo. Nhưng kỳ thật không thể không có tội phúc. Nên phải biết chúng sinh tuy tự tạo nghiệp sát, mà người sát sinh cũng vẫn đắc tội, vì khởi tham sân

si các phiền não. Các phiền não này gọi là tà điên đảo; sinh tâm tà điên đảo còn đáng bị tội hưởng chi cố ý khởi nghiệp thân khẩu? Bởi đó mà khiến sinh tử vô cùng tận. Nếu không như vậy, thì khi các vị thần tiên khởi phiền não tham sân v.v..., phải không liền bị mất thần thông. Nếu đó không phải tội lỗi thì với pháp gì trái nhau mới gọi là phúc đức? Phải biết chúng sinh tuy đời trước tự tạo duyên sát sinh, nhưng kẻ sát sinh vẫn phải có tội. Tuy ông nói tội nhân vô sở có thể thành. Điều này không đúng. Vì hạng Chiên-đà-la v.v... cũng có thể dùng chú thuật để giết người. Người tiên cũng vậy, vì ác tâm nên tùy theo lời chú nên vẫn có thể thành tội.

Lại người này vì phúc lực nên có thể thành, bởi cướp đoạt mạng sống nên bị tội. Ông nói hoặc có tâm lực do đoạt mạng sinh phúc, thí mạng đắc tội. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì phải do tâm lực và phúc nhân duyên nên mới được phúc, chứ không những chỉ do tâm. Nếu đem thiện tâm dâm vợ của thầy, giết Bà-la-môn có thể được phúc chăng? Những người ở vùng biên giới xa xôi như ở các xứ An-túc v.v... đem tâm phúc đức dâm mẹ, dâm chị liệu có phúc chăng? Cho nên biết do nhân duyên phúc, mới có phúc sinh, chứ không phải chỉ có tâm mà thôi. Cướp trộm v.v... cũng như vậy. Cho nên biết sát sinh v.v... đều là bất thiện.

Lại sát sinh này v.v... chẳng phải vì lợi cho người khác nên gọi là bất thiện, tuy với đời hiện này được chút vui chốc lát, nhưng đời sau chịu khổ lớn, vì hại tổn người khác nên gọi là tướng bất thiện.

Lại hiện thấy có nhiều chúng sinh gây những nghiệp sát sinh v.v... cũng phần nhiều ở trong tam đồ và loài người chịu các khổ não. Nên phải biết khổ não là kết quả của sát sinh v.v..., vì quả giống nhân.

Lại trong 3 ác đạo tội khổ rất dữ dội. Cho nên biết vì nhân duyên sát sinh v.v... mà sinh vào trong đó.

Hỏi: Trong người, trời cũng như vậy. Các trời cũng thường cùng chiến tranh với A-tu-la, giết hại lẫn nhau. Trong loài người cũng dùng hầm hào, lưới, thuốc độc, giết hại chúng sinh?

Đáp: Trong cõi người, cõi trời có pháp lia sát sinh v.v..., mà trong 3 ác đạo không có. Phải biết trong đó, tội khổ rất lớn.

Lại trong loài người bởi nhân duyên sát sinh v.v... nên mất những lợi lạc sống lâu v.v... Con người thời thượng cổ có thọ mạng vô lượng, ánh sáng từ thân phóng ra, sáng như mặt trời mặt trăng, bay đi tự tại; đất đều tự nhiên sinh các vật tùy ý, gạo thóc tự nhiên sinh. Nhưng đều bởi phạm tội sát sinh v.v..., nên mất các việc như vậy. Về sau, đến khi con người thọ mạng chỉ còn 10 tuổi, lại mất các thứ như bơ, dầu, đường phèn, thóc lúa, bắp v.v..., tất cả đều không có. Cho nên biết sát sinh v.v... là nghiệp bất thiện.

Lại nếu như lia sát sinh v.v... được lợi lạc trở lại: Thọ mạng tăng thêm như tuổi thọ đến 8 vạn tuổi và các sở dục đều tùy ý. Cho nên biết sát sinh là bất thiện.

Lại như hiện nay, Châu Uất-đan-việt tự nhiên có gạo bắp, áo mặc do cây sinh ra, đều do lia sát sinh v.v...

Nói tóm lại, chúng sinh có tất cả những vui sướng gì đều do lia sát sinh v.v... mà được. Cho nên biết sát sinh v.v... là nghiệp bất thiện.

Lại pháp sát sinh v.v... là pháp những người thiện đã xả bỏ. Như chư Phật, Bồ-tát, Duyên Giác, Thanh Văn và bao nhiêu những người có công đức, v.v... đều lia bỏ, cho nên biết là bất thiện.

Hỏi: Sát sinh v.v... này, người thiện cũng cho phép. Như trong Kinh Vi-đà nói: Vì cúng trời nên cho phép giết dê?

Đáp: Đó không phải là người thiện. Người thiện là thường câu lợi tha, tu tâm từ bi, bình đẳng với kẻ oán, người thân. Những người như vậy, đâu có cho phép sát sinh? Người nói như vậy là do lòng tham sân đục vẫn nên tự tạo kinh này để cầu sinh lên trời. Chứ nguyện chúng sinh kia, nhờ phúc lực nên có thể thành điều này.

Lại sát sinh v.v... này, người được giải thoát không bao giờ làm. Cho nên biết là bất thiện.

Hỏi: Những người được giải thoát cũng không làm các việc khác nữa, như ăn quá trưa v.v... Điều này cũng nên là bất thiện sao?

Đáp: Đó là nhân duyên sinh tội, nên người thiện cũng bỏ. Nếu pháp không lỗi không nên lia bỏ. Ăn quá giờ trưa v.v... có thể hại hạnh tu hành, cho nên cũng bỏ. Có pháp vì thể tính bất thiện nên bỏ, như sát sinh, trộm cắp v.v... Có pháp vì nhân duyên bất thiện nên cũng bỏ, như uống rượu, ăn quá trưa v.v... Cho nên biết sát sinh thể tính bất thiện.

Lại người sát sinh bị nhiều người ghét như sư tử, cọp, sói, các oán tặc và Chiên-đà-la v.v.... Nếu vì pháp nhân duyên này mà bị nhiều người ghét gồm lẽ đâu chẳng phải bất thiện?

Lại nếu người không sát sinh được nhiều người thương mến, như các vị hiền thánh tu hạnh từ bi. Cho nên biết sát sinh là bất thiện.

Hỏi: Có người sát sinh vì sức mạnh mẽ nên được người ưa, như người vì vua giết các oán giặc thì được vua yêu mến?

Đáp: Vì nhân duyên nên không phải yêu mến cho lắm. Như nói nếu người đem ác nghiệp làm cho chủ vui lòng, nếu khi chủ sinh chán, thì trở lại nghi người này. Nếu vì ác sự sinh nghi thì làm sao gọi là thương mến?

Lại những người làm điều bất thiện là tự không thương mình huống chi người khác? Cho nên biết sát sinh là pháp bất thiện.

Lại pháp sát v.v... là đánh phá sự trói buộc v.v... các nhân khổ não. Cho nên biết là bất thiện.

Hỏi: Pháp bắt sát v.v... cũng có nhân khổ, như vua ra lệnh cho người phải giết giặc, nếu không giết chắc bị vua hại?

Đáp: Nếu vì không giết bèn bị hại. Vậy thì những người không giết đều bị hại chết? Người này vì tự trái lệnh vua. Nếu vua biết thâm tâm người này không giết, thì không gia hại mà lại cúng dường. Cho nên biết giết v.v... là nhân duyên khổ, chứ không phải không giết v.v....

Lại người làm sát sinh, khi sắp chết đều sinh tâm ăn năn. Cho nên biết là bất thiện.

Lại làm việc sát sinh v.v... nên bị người không tin, trong đồng bọn còn không tin nhau, huống chi người thiện.

Lại người làm việc sát sinh còn bị đồng bọn chê bai, huống chi những người khác.

Lại người làm việc sát sinh v.v... người thiện lánh xa, như những Chiên-đà-la, người hàng thịt, thợ săn v.v....

Lại những người làm việc sát sinh v.v... không gọi là người vui, như người hàng thịt, thợ săn v.v... trọn đời không nhờ nghề nghiệp đó mà được quý trọng.

Lại người thiện gắng công lìa bỏ sát sinh v.v.... Nếu không phải bất thiện, có sao gắng công cầu lìa bỏ làm gì?

Lại hiện thấy sát sinh v.v... có quả báo không ưa thích. Phải biết đời sau cũng bị quả báo khổ.

Lại nếu sát sinh v.v... không phải bất thiện, thì còn có pháp nào gọi bất thiện sao?

Hỏi: Nếu pháp sát sinh v.v... là bất thiện, thì không có thân người đẹp. Bởi vì sao? Vì không có lúc nào không sát sinh. Như những lúc đi đến, chân cật lên dẫm xuống, hàng thường giết hại những chúng sinh vi tế. Cũng thường vì ý tưởng của mình mà lấy vật của người khác. Cũng tùy ý tưởng của mình mà nói dối. Cho nên chắc không có thân đẹp?

Đáp: Cố ý làm thì bị tội, chứ không phải không cố ý. Như trong kinh nói: Thật có chúng sinh, trong đó sinh tâm tưởng chúng sinh, có tâm muốn giết, giết rồi bị tội giết. Trộm v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Như người ăn thứ độc, cố ý hay không cố ý đều có thể chết người.

Lại như sa hầm lửa, biết cùng không biết đều có thể cháy người. Dẫm gai v.v... cũng như vậy. Phải biết sát sinh cố ý hay không cố ý đều phải bị tội?

Đáp: Dụ này không đúng. Độc để giết hại thân nên chết, còn tội phúc do tâm, làm sao đem ví dụ được.

Lại lừa gai v.v..., nếu không cảm giác, không thể sinh khổ. Cho nên dụ này không đúng. Nếu không biết thì không cảm giác đau, có biết mới có cảm giác. Như vậy nếu không cố tâm, thì tác nghiệp không thành, cố tâm thì thành, dụ này mới đúng. Có cố thì có tội, không cố thì không. Các nghiệp đều do tâm sai khác, nên có thượng có hạ, nếu không cố tâm làm sao có thượng có hạ?

Như thầy thuốc với không phải thầy thuốc, đều làm cho bệnh nhân sinh khổ, nhưng vì tâm lực nên có tội phúc sai khác.

Lại như con sờ vú mẹ thì không bị tội, vì không nhiễm tâm. Nếu nhiễm tâm mà sờ thì có tội. Nên phải biết tội phúc đều do tâm sinh.

Lại nếu không cố tâm mà có tội, thì những người được giải thoát cũng có không cố mà não hại chúng sinh thì phải bị tội, và không có giải thoát, vì lẽ các tội nhân thì không giải thoát.

Lại nếu không cố mà có tội phúc, thì một hành nghiệp phải là thiện và bất thiện. Như người làm phúc nghiệp lầm giết chúng sinh, thì nghiệp này cũng tội mà

cũng phúc? Điều này không đúng. Phải biết không có, thì không nên có tội có phúc gì cả.

Lại nếu vô tâm mà có nghiệp báo, thì làm sao phân biệt được đâu là thiện, đâu là bất thiện và đâu là vô ký ư? Nên đều do tâm mới có sai khác. Như có 3 người đồng đi nhiều quanh tháp. Một người nghĩ nhớ công đức Phật. Một người để lấy trộm đồ. Một người vì dạo mát. Tuy thân nghiệp đồng mà có thiện, bất thiện và vô ký khác nhau. Phải biết là do ở tâm.

Lại có nghiệp quyết định có quả báo; có nghiệp không quyết định có quả báo. Có nghiệp thượng, trung, hạ. Có nghiệp có quả báo hiện tại, có quả báo đời sau, có quả báo sau các đời sau nữa v.v.... Nếu không do tâm mà có tội phúc thì sao có sai khác như vậy?

Lại nếu lia tâm có nghiệp, thì chẳng phải chúng sinh cũng phải có tội phúc. Như gió xô sập núi hại chết chúng sinh, gió cũng phải có tội. Nếu thổi hoa thơm đến chùa tháp, gió cũng phải được phúc. Điều đó không thể được. Cho nên biết lia tâm không có tội phúc.

Lại có ngoại đạo nói: Tu pháp nhịn ăn, nằm trên tro, đất, chông gai v.v..., gieo mình xuống vực, nhảy vào lửa, tự lao mình xuống núi v.v..., dùng những nhân duyên khổ mà có phúc đức. Có người trí hỏi vặn lại rằng: Nếu vậy chúng sinh ở địa ngục thường bị đốt nướng, loài ngựa quý bị đói khát, loài trùng thiêu thân bay vào lửa, loài cá rùa ở nước, heo, dê, chó v.v... thường nằm trên phân đất, Chúng cũng phải được phúc? Ngoại đạo kia đáp: Phải đem cố tâm chịu khổ não này mới có phúc đức, chứ

không phải không cố tâm mà được. Địa ngục v.v... không phải dùng cố tâm chịu khổ đốt v.v... Nếu không do cố tâm nên không có phúc, thì do không cố tâm nên không tội. Nếu do không cố tâm mà có tội phúc, thì trong địa ngục v.v... cũng phải có phúc? Có những lỗi như vậy.

Lại nếu không cố tâm mà có tội phúc, thì đời không có người thiện. Bởi vì sao? Vì trong 4 oai nghi thường giết chúng sinh. Điều này là không thể được. Phải biết không cố tâm, thì không tội phúc.

Lại không được sinh nơi tốt đẹp là thường vì tội. Mà thật có các Phạm vương có các thân hình tốt đẹp, cho nên biết nghiệp không cố tâm là không tội phúc.

Lại trong pháp của các ông, ăn thức ăn bất tịnh, thì đều có tội. Nếu suy nghĩ cho kỹ, tất cả đồ uống ăn đều là bất tịnh, ăn thức ăn bất tịnh đều phải đắc tội. Như vậy đụng đến rượu v.v..., thì không phải Bà-la-môn. Nếu không thấy nghe, đem tịnh tâm mà ăn, bèn không tội. Phải biết lìa tâm, thì không tội phúc gì cả.

Lại trong việc cúng trời, đem phúc tâm nên giết dê, khiến dê sinh lên trời. Vì phúc tâm mà giết nên có phúc. Nếu không phải vậy, tất cả sát sinh đều được phúc mà cũng bị tội.

Lại như Bà-la-môn nói: Hoặc có khi trộm cướp mà không tội. Như thiếu ăn 7 ngày được theo Thủ-đà-la mà lấy. Nếu đói gần chết thì theo Bà-la-môn mà lấy. Cũng vì muốn sinh con đẹp nên dâm dục không tội. Nếu không vì cố tâm, thì sẽ không có các khác biệt này. Cho nên biết, nếu người không cố tâm ác ý mà cho người khác

uống độc, thì do đâu đắc tội? Nếu cố tâm cho người chắt độc, mà độc trở lại làm thiện bệnh, thì phải được phúc? Như bố thí cho người ăn, thức ăn ấy không tiêu, khiến người phải chết, vậy là đắc tội sao? Nếu không cố tâm mà có tội phúc thì pháp loạn.

Lại người đời, tất cả việc đều tin nơi tâm, như ngay một câu nói có thể sinh vui hoặc giận. Đánh đập v.v... cũng vậy. Cho nên biết các nghiệp đều do nơi tâm.

Lại ý nghiệp thắng hơn hết, phàm sau sẽ nói, cho nên biết các nghiệp tại tâm.

Lại như người trí tuệ tuy ở nơi ngũ dục mà không đắc tội, đều nhờ sức của ý. Bởi vì sao? Vì người trí thấy sắc không khởi tâm tưởng tà vạy, nên không lỗi đấm sắc. Thanh v.v... cũng như vậy. Nếu không khởi vọng tưởng mà có lỗi ấy, thì tất cả mọi thấy nghe, phải đều có lỗi. Vậy thì ý nghiệp vô dụng. Người trí lấy trí tuệ làm đầu, tuy thụ 5 dục mà không tham đắm. Ngũ dục tuy có đấy, nhưng tâm nhàm chán nên có thể không đắm nhiễm, đó không phải là sức của ý nghiệp ư? Cho nên không có việc không cố tâm mà đắc phúc hay đắc tội.

Hỏi: Ông nói tướng thiện và bất thiện là tổn hại hay lợi ích cho người khác. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu người tự đem vật nuôi thân mà làm phúc nghiệp, người ấy tự ăn cũng vẫn có phúc đức.

Lại tháp chùa, chẳng phải chúng sinh, tưới quét cũng được phúc.

Lại lễ kính v.v... đối với người khác là vô ích. Chỉ tổn hại công đức người khác, không nên có phúc.

Lại không chỉ phát tâm nên có phúc đức mà tùy đem áo cơm lợi ích cho người khác bấy giờ mới được phúc. Như vậy thì người tu hạnh từ bi, không nên có phúc.

Lại như tháp chùa v.v... nếu chẳng phải thuộc loài chúng sinh, thì hoặc đoạt lấy của cải đồ vật, hoặc làm hư hại, phải không có tội.

Lại không ra trước mặt mà ác khẩu mắng sau lưng người ta, phải không có tội, vì người ta không nghe, đâu tổn giảm chi mà tội?

Lại đối với người khác, chỉ sinh ác tâm mà không động thân mở miệng, thì đâu có hại gì, đó đều không phải tội.

Lại hoặc tự mắng mình hoặc tự sát, hoặc tự làm hạnh tà cũng có khi đắc tội. Cho nên tướng thiện và bất thiện, không phải chỉ có tổn hại hay lợi ích người khác.

Đáp: Ông nói tự đem đồ nuôi thân là có phúc đức. Điều này không đúng. Nếu tự cúng dường cho mình mà có phúc đức, thì không ai cúng dường người khác. Mà thật có người cúng dường người khác để cầu phúc đức.

Lại do mình vị kỷ mà phúc trở nên mỏng, cho nên biết tự vì mình thì không có phúc.

Lại ông nói tự ăn là làm phúc nghiệp. Nếu tự nuôi thân là lợi ích cho người khác, đó là do nơi tâm mới có thể sinh phúc đức, chứ không phải do tự nuôi mình mà được phúc.

Ông nói tháp chùa, là chẳng phải chúng sinh, tưới quét cũng được phúc. Đó là người này nghĩ công đức của

Phật, đối với trong chúng sinh Phật là bậc cao cả, cho nên tưới quét. Điều này cũng do chúng sinh nên được phúc.

Hỏi: Phật đã diệt độ, không gọi chúng sinh. Như trong kinh nói: Phật không phải có, không phải không, cũng không phải có không, cũng không phải không có không phải không không. Làm sao gọi là chúng sinh được?

Đáp: Nếu đã diệt độ không gọi chúng sinh. Người ấy nghĩ Phật khi chưa diệt độ mà cúng dường, cho nên được phúc. Như người thờ cúng cha mẹ là nghĩ tưởng lúc sinh thời. Nếu không như vậy, không gọi là cúng cha mẹ. Việc này cũng vậy.

Ông nói lễ kính v.v... với người khác vô ích. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì lễ kính v.v..., có nhiều lợi cho người khác, là khiến cho người kia được trọng vọng, được người khác cung kính, đó là lợi ích. Cũng khiến người khác bắt chước theo cung kính, cũng được phúc đức.

Lại khi lễ kính người khác, tự mình phá bỏ được sự ngạo mạn, vì phá được một phần bất thiện, nên được nhiều lợi ích. Cũng để hiển dương công đức của người khác, nên lễ kính v.v... có những lợi ích như vậy.

Lại ông nói lễ kính v.v... tổn công đức người khác. Điều này không đúng. Dem hảo tâm mà lễ kính, không phải như ngoại đạo muốn làm tổn người kia mà hành lễ kính.

Lại như bố thí, nếu người kia không tiêu, thì cũng tổn công đức. Vậy thì bố thí cũng phải không có phúc. Nên khi lễ kính v.v... cần phải suy nghĩ kỹ, có phúc thì làm. Như trong kinh nói: Có một Tì-kheo ở trong nhà

tắm, đem tay thoa thân người khác. Phật bảo các Ti-kheo rằng: Người cúng dường này là A-la-hán, người thụ cúng dường là người phá giới. Các người nên học. Không nên đem sự tử cúng dường chồn mèo v.v...

Ông nói không chỉ phát tâm mà được phúc. Tâm là gốc tất cả công đức. Như người làm lợi mình và người, lợi đời này và đời sau, đều lấy thiện tâm làm gốc. Như người làm tổn mình và người, tổn hại đời này và đời sau, đều do tâm bất thiện làm gốc.

Lại người tu hạnh từ, lấy quả báo từ tâm làm lợi ích cho tất cả. Như là gió mưa phải thời, nhật nguyệt tinh tú không sai lệch, nước biển lớn không dâng cao, lửa dữ không thiêu đốt, gió mạnh không làm đổ sập. Đây đều là quả báo của sức từ. Như trong kinh nói: Nếu tất cả thế gian đều làm hạnh từ tâm thì điều mong muốn tự nhiên được.

Ông nói cướp lấy của tháp chùa không phải tội, người này đem tâm chúng sinh mà cướp đoạt tùy theo tháp gì mà cướp đoạt đây? Do nhân duyên đó nên nếu có thể làm tổn hay nếu không thể làm tổn đều là chủ nên đắc tội.

Nếu tâm ông bảo đối với Phật không thể sinh nào cho nên vô tội, thì dùng ác khẩu v.v... với A-la-hán không thể sinh khổ, cũng phải không có tội.

Ông nói không ở trước mặt mắng nhiếc thì phải không có tội, điều này không đúng. Người này dùng ác tâm với người. Bởi ác tâm cho nên tuy người kia không nghe, nếu nghe ắt phải sinh khổ, cho nên phải đắc tội.

Ông nói nếu sinh ác tâm mà không động thân mở miệng thì không có tội, điều này cũng không đúng. Cái tâm xấu ác ô trược này là vì não hại người mà sinh, nếu người kia biết ắt sinh khổ não. Như giặc đến cướp của người, tuy không hay biết cũng làm não hại người.

Ông nói tự sát, tự mắng nhiếc mình cũng bị tội, điều này không đúng. Nếu tự làm khổ thân mà bị tội, thì không có ai được sinh chỗ tốt. Bởi vì sao? Con người trong 4 oai nghi thường bị khổ thân. Vậy thì tất cả chúng sinh thường phải bị tội như não hại người khác, cho nên không có ai được sinh chỗ tốt. Điều này không đúng. Phải biết không do tự thân có tội phúc, mà vì đạo nhân duyên, cho nên trong Ti-ni kết giới này. Nếu người ác tâm mà tự sát, do phiền não nên bị tội.

Nghiệp vô ký, là nghiệp không phải thiện không phải bất thiện. Đối với chúng sinh khác không làm tăng ích cũng không tổn giảm gọi là vô ký.

Hỏi: Vì sao gọi là vô ký?

Đáp: Đây là tên gọi của nghiệp này. Nếu nghiệp không phải thiện, không phải bất thiện thì gọi là vô ký.

Lại, nghiệp thiện bất thiện đều có thể được quả báo, nghiệp này không thể sinh quả báo nên gọi là vô ký. Bởi vì sao? Nghiệp thiện bất thiện là kiên cường, còn nghiệp này sức yếu. Ví như hạt giống hỏng không thể nảy mầm.

Lại báo có 2 thứ, thiện được báo yêu thích, bất thiện bị báo không không yêu thích, vô ký không có báo.

Hỏi: Trong đây có lấy chẳng phải yêu chẳng phải ghét là báo vô ký. Nói vậy có lỗi gì?

Đáp: Phật nói báo có 2 thứ. Tà thân mà làm, được báo không yêu thích. Chính thân mà làm được quả báo ưa thích. Không nói có báo thứ 3.

Lại quả báo phúc đức thì được yêu thích như ý muốn, mà quả báo tội lỗi thì trái lại với trên.

Lại khổ, vui là quả báo của tội, phúc. Không khổ không vui cũng là quả báo của thiện hành. Cho nên biết vô ký không có quả báo.

Phẩm 101: Tà hành

Phật nói 3 tà hành: Thân tà hành, miệng tà hành, ý tà hành. Thân tạo tác ác nghiệp gọi là thân tà hành. Tà hành này có 2 thứ. Một là thuộc vào 10 bất thiện đạo, như giết, trộm, tà dâm. Hai là không nhiếp, như roi, gậy, trói buộc, tự dâm vợ v.v... và bất thiện đạo trước sau ác nghiệp.

Hỏi: Sát sinh v.v... này là 3 nghiệp bất thiện, chỉ là tính của thân nghiệp ư?

Đáp: Tội sát gọi sát bất thiện nghiệp. Tội này thân cũng có thể tạo, tùy đem thân mình sát hại chúng sinh. Miệng cũng có thể tạo, tùy đem lời sai bảo khiến người sát chúng sinh, hoặc đem tâm rửa nộ mà sát cũng có thể tạo được. Có người phát tâm có thể khiến người khác chết. Tội trộm, dâm cũng như vậy. Có điều tự làm thì bị tội đầy đủ.

Lại thân nghiệp bất thiện, hoặc lấy thân làm tướng, hoặc miệng làm tướng, hoặc phát tâm thì người khác biết, lấy nhân duyên này cũng tạo được tội sát v.v.... Nhưng phần nhiều là do thân tạo tác, nên thông thường gọi là thân nghiệp. Tà hành của miệng cũng như vậy. Miệng gây ra ác nghiệp gọi là tà hành của miệng. Trong đây cũng có 2 thứ. Như khi có người quyết định hỏi, mà hiện trước mặt đối người ta, đó thuộc về bất thiện đạo. Ngoài ra là không nhiếp thuộc. Tham sân tà kiến v.v... là tà hành của ý.

Hỏi: Vì sao trong 10 bất thiện đạo nói là tà kiến? Trong 3 bất thiện căn nói là si?

Đáp: Tà kiến là tên khác của si. Si này tăng trưởng bền chắc gọi là tà kiến. Si lại không có tướng riêng, chỉ lấy điên đảo tham đắm, nên gọi là si.

Hỏi: Trong kinh nói: Các tà hành được quả báo bất ái, chính hành được quả báo ái. Tướng ái và bất ái này không quyết định. Như có một sắc, mà có ái và bất ái. Cho nên cần nói rõ tướng đó?

Đáp: Vui là tướng ái. Như trong kinh nói: Phúc báo gọi là vui. Khổ là tướng bất ái. Như trong kinh nói: Các ông đối với tội, phải sinh lòng khiếp sợ, vì đó là nhân duyên khổ.

Hỏi: Nếu vui là tướng ái thì heo chó v.v..., ăn phân nhơ lấy làm vui, đó là quả phúc đức sao?

Đáp: Là phúc quả bất tịnh. Như Kinh Nghiệp nói: Nếu phi thời thí, bất tịnh thí, tâm khinh khi, tâm đục vẩn mà bố thí nơi phi phúc điền. Thí như vậy v.v... thì được quả báo ấy.

Hỏi: Như trong kinh nói chính hành được ái báo. Vì sao lại nói do nhân duyên chính hành được sinh lên trời?

Đáp: Có những người tà hành cũng được sinh lên trời, hoặc báo sinh trời là quả báo tà hành. Nên trong kinh lại nói nhân duyên chính hành mới sinh về nơi ấy.

Lại tà hành chính hành có thể được thân 2 đường thiện ác khác nhau. Khi thụ thân rồi trong đó chịu những khổ vui. Như nhân duyên tà hành trong ác đạo chịu khổ; nhân duyên chính hành thì được hưởng vui cõi trời cõi người.

Phẩm 102: Chính hành

Thân làm điều thiện gọi là thân chính hành. Miệng, ý cũng như vậy. Lìa sát sinh v.v... 3 nghiệp bất thiện gọi là thân chính hành. Miệng lìa 4 lỗi gọi là miệng chính hành. Ý lìa 3 bất thiện gọi là ý chính hành. Ba thứ này nhiếp thuộc về luật nghi. Như là giới, định vô lậu luật nghi.

Lại có những lễ kính, bố thí v.v... là thiện nghiệp của thân, đều gọi là thân chính hành. Như nói lời chân thật dịu dàng v.v... đều gọi miệng chính hành. Ý nghiệp không tham v.v... đều gọi ý chính hành. Gọi chung là 3 chính hành.

Hỏi: Ngoại đạo, thần tiên không có quả báo được giải thoát giới, những người này có thể được giới luật nghi chăng?

Đáp: Các ngoại đạo ấy từ nơi tâm sinh giới luật nghi, hoặc cũng gọi giới khẩu thụ.

Lại các người đó v.v... cũng có thể được nhiếp thuộc về chính hành giới luật nghi. Như khi loài người thọ mạng chỉ còn 10 tuổi mà nhờ thụ pháp bất sát thì đẻ con thọ mạng được 20 tuổi.

Hỏi: Trong kinh nói chính hành, tịnh hành và tịch diệt hành. Có gì sai khác?

Đáp: Có luận sư nói: Người phạm phu tu thiện nơi nghiệp thân, miệng, ý gọi là chính hành. Học nhân đã đoạn kết thì ngay nơi chính hành này gọi là tịnh hành. Vô học nhân đoạn kết, vì từ không kết sinh lời nói, nên gọi là tịch diệt hành.

Lại vô học nhân rất ráo không khởi nghiệp bất thiện nên gọi là tịch diệt hành. Như nói thân tịch diệt, miệng tịch diệt, ý tịch diệt.

Lại có người nói 3 thứ hành này nghĩa đồng mà tên khác. Chỉ đẹp nơi chất trực nên gọi là chính. Là các phiền não nên gọi là tịch. Là các bất thiện nên gọi là tịch diệt. Nên tuy có 3 tên mà nghĩa không khác.

Hỏi: Có luận sư nói chỉ có tâm là tịch diệt hành chứ không phải tư duy. Nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Ba thứ hành này đều do tâm. Bởi vì sao? Vì là tâm không có tư duy, cũng không có nghiệp thân miệng.

Hỏi: Trong kinh nói: Người thấy chính hành thành tựu, tức là thấy trời. Nếu thấy số trời không phải tất cả người chính hành đều sinh lên trời, sao nói quyết định như vậy?

Đáp: Vì nói số trời nên điều này đã rõ. Những người chính hành tuy không nhất thiết sinh lên trời, nhưng nếu sinh về nơi tôn quý, thì cũng tương tự như trời, nên mới nói thấy số trời. Những người chính hành đáng lẽ đều sinh lên trời mà hoặc bị các duyên thừa phá hoại, cho nên không sinh, như là tà chính tạp hành. Vì tà hành mạnh hơn nên không được sinh lên trời. Như trong kinh Phật bảo A-nan rằng: Ta thấy có người tu 3 chính hành mà sinh vào ác đạo. Đó là người quả báo tà hành đời trước đã chín muồi, nay tuy tu chính hành nhưng chưa đầy đủ.

Lại có người khi sắp lâm chung khởi tâm tà kiến, nên bị đọa ác đạo. Còn những người tà hành sinh về nơi thiện cũng như vậy. Cho nên pháp phàm phu là không nên tin. Phải biết tùy theo nghiệp lực mạnh nên thụ sinh có sai khác.

Phẩm 103: Nghiệp buộc

Hỏi: Kinh nói có 3 thứ nghiệp: Nghiệp buộc cõi Dục, nghiệp buộc cõi Sắc, nghiệp buộc cõi Vô sắc. Sao như vậy?

Đáp: Nếu nghiệp từ địa ngục đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại, trong đó chịu báo gọi là nghiệp buộc cõi Dục. Từ cõi Phạm Thế đến cõi trời A-ca-ni-tra, trong đó chịu báo gọi là nghiệp buộc cõi Sắc. Từ Hư Không Xứ đến Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ, trong đó chịu báo gọi là nghiệp buộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nghiệp vô ký và nghiệp bất định báo, không ở trong 3 thứ này sao?

Đáp: Nghiệp này và quả báo đều gọi là buộc ở cõi Dục. Bởi vì sao? Vì pháp này là nghiệp quả báo cõi Dục.

Hỏi: Pháp cõi Dục, không phải tất cả đều là nghiệp báo, cho nên không phải?

Đáp: Tất cả pháp ở cõi Dục đều là nghiệp báo buộc ở cõi Dục.

Hỏi: Nếu vậy thì ngoại đạo tà luận cho rằng tất cả những sự thụ khổ vui đều là nghiệp nhân duyên đời trước? Lại nghiệp quả báo đời trước là thiện, bất thiện có báo không có báo? Lại công phu tinh tiến là không có chỗ dùng? Nếu đều là nghiệp báo lại cần gì nhọc công? Và nếu các phiền não và nghiệp đều là nghiệp báo, thì không giải thoát được, vì nghiệp báo không thể hết?

Đáp: Ông nói là ngoại đạo tà luận. Điều này không đúng. Ngoại đạo nói: Khổ vui tốt xấu chỉ là nghiệp quả báo đời trước. Vậy thì không cần nhờ nhân duyên hiện tại. Mà thật thấy muôn vật từ hiện tại duyên sinh, như hạt giống chẳng hạn. Cho nên không được nói tất cả đều từ nghiệp nhân duyên đời trước.

Lại do nhân do duyên muôn vật mới được sinh, như lấy hạt giống làm nhân, đất, nước, thời gian, không gian v.v... làm duyên. Nhân thức lấy nghiệp làm nhân, nhân sắc v.v... làm duyên.. Cho nên không đồng với tà luận ngoại đạo. Ông nói nghiệp quả báo đời trước. Điều này không đúng. Vì hiện thấy do quả mới có quả khác nổi

nhau sinh, như do lúa sinh lúa. Như vậy do báo sinh báo, đâu có lỗi gì?

Lại như người ái nam, và sự dâm dục của loại chim sè, chim uyên ương v.v..., sự giận dữ của loại rắn độc v.v..., phải biết đều là nghiệp quả báo đời trước.

Hỏi: Nếu từ báo sinh báo, vậy là vô cùng?

Đáp: Tôi nói 3 thứ nghiệp báo: Thiện, bất thiện và vô ký. Từ thiện và bất thiện sinh báo vô ký không sinh, nên không phải vô cùng. Như từ lúa sinh lúa, trong đó từ hạt giống sinh mộng, không từ bắp v.v... sinh. Như vậy từ quả báo thiện và bất thiện mới có quả báo khác sinh không từ vô ký báo mà sinh. Ông nói không cần nhọc công lao. Nhưng tuy từ nghiệp sinh báo cũng cần phải gia công sau mới thành. Như nhờ được nghiệp lúa mới có lúa sinh, nhưng cần phải gieo trồng v.v... mới được thành. Ông nói không có giải thoát. Điều này không đúng. Được chân trí là ác nghiệp diệt hết, cũng như hạt giống đã rang cháy không còn sinh được, nên không bị lỗi không giải thoát.

Lại các pháp có sinh ra đều lấy nghiệp làm gốc. Nếu không có nghiệp làm gốc làm sao có thể sinh.

Lại vạn pháp sinh ra đều có định phần, như pháp này quyết từ thân người này sinh, mà không ở thân các người khác. Nếu không có nghiệp làm gốc, thì làm sao quyết định sự sai khác.

Hỏi: Nếu pháp chi từ nhân mà sinh, như từ đậu sinh đậu có lỗi gì?

Đáp: Điều này cũng lấy nghiệp làm gốc, vì nghiệp nhân duyên được đậu, nên mới có từ đậu sinh đậu. Làm sao biết được? Là thời kỳ thượng cổ người ta tu hạnh thiện, nên lúa thóc tự sinh, cho nên biết nghiệp là gốc mới có đậu sinh đậu.

Hỏi: Vậy thì chúng sinh số, vật, từ nghiệp đời trước mà sinh?

Đáp: Không phải, chẳng phải chúng sinh số, vật cũng lấy nghiệp làm gốc. Tất cả chúng sinh có quả báo cộng nghiệp, nghĩa là được chỗ ở, nhờ nghiệp nhân duyên nên có đất v.v..., nhờ nghiệp nhân duyên sáng nên có mặt trời mặt trăng v.v.... Nên phải biết vật sinh ra đều lấy nghiệp làm gốc.

Hỏi: Nếu pháp sinh ra đều do nghiệp làm gốc thì hữu vi và vô lậu là thế nào?

Đáp: Cũng lấy nghiệp làm gốc. Bởi vì sao? Vì là đời trước đều có nguyên do của sức bố thí, trì giới v.v..., cho nên cũng từ nghiệp v.v... sinh.

Hỏi: Nếu pháp vô lậu cũng từ nghiệp sinh, thì đó cũng là pháp bị ràng buộc. Vậy thì không được, vì lẽ trong kinh nói có thụ pháp không bị buộc kia mà?

Đáp: Pháp vô lậu lấy chân trí làm nhân, lấy nghiệp làm duyên, vì sức lớn mạnh nên gọi là không buộc.

Hỏi: Nghiệp nào thụ quả báo cõi Dục? Nghiệp nào thụ quả báo cõi Sắc, và cõi Vô sắc?

Đáp: Nếu ở trong 3 cõi Dục, Sắc, Vô sắc khởi 10 nghiệp bất thiện, thì thụ quả báo cõi Dục.

Hỏi: Nếu ở trong cõi Sắc, Vô sắc cũng có thể khởi nghiệp bất thiện chăng?

Đáp: Trong đó có thể khởi nghiệp bất thiện. Như trong kinh nói trong kia có tà kiến. Tà kiến không phải bất thiện sao?

Hỏi: Trong đó tà kiến là vô ký không phải bất thiện?

Đáp: Không phải vô ký. Làm sao biết được? Vì trong kinh Phật nói: Tà kiến là nhân khổ não. Người tà kiến khởi các nghiệp thân, khẩu, ý. Mọi tạo tác đều là quả báo khổ. Như trái mướp đắng, toàn tứ đại đều một vị đắng. Như cõi Dục tà kiến bất thiện; cõi Sắc và Vô sắc cũng lấy tướng này nên cũng gọi là bất thiện, vì tướng đồng nhau. Như Phạm Chí Bà-già bảo các Phạm kia rằng: Các ông đừng đến Sa-môn Cù-đàm, ta ở đây có thể độ thoát cho các ông. Đó là khởi tâm khẩu bất thiện ở cõi Sắc.

Lại có các Phạm thiên ở cõi kia nạn hỏi Phật các việc như vậy.

Lại người ở cõi Sắc, Vô sắc bảo đó là Nê-hoàn. Đến khi mạng chung thấy âm thân ở trong cõi Dục, cõi Sắc liền sinh tà kiến cho rằng không có Nê-hoàn, nên bài báng Pháp vô thượng. Làm sao không phải bất thiện u? Vì những điều này nên biết trong đó có nghiệp bất thiện.

Hỏi: Nếu ở trong đó khởi nghiệp bất thiện, nghiệp này bị buộc nơi nào?

Đáp: Nghiệp bất thiện này thụ quả báo cõi Dục, nên buộc ở cõi Dục. Nghiệp thiện có 3 bậc: thượng, trung, hạ.

Nghiệp hạ chịu quả báo cõi Dục; trung, chịu quả báo cõi Sắc; thượng chịu quả báo cõi Vô sắc.

Lại có người nói nghiệp thiện chịu báo ở cõi Sắc là nghiệp thuộc về Tứ thiên, chịu báo cõi Vô sắc là nghiệp thuộc về 4 Vô sắc định. Ngoài ra tâm tán loạn khởi nghiệp thì chịu quả báo ở cõi Dục.

Hỏi: Vì sao trong đó khởi nghiệp thiện mà chịu quả báo cõi Dục?

Đáp: Như trong đây nhiếp tâm khởi nghiệp thiện, thì trong kia chịu báo. Như vậy trong kia tâm tán loạn khởi nghiệp thiện, thì trong đây chịu báo.

Lại như cõi Sắc, Vô sắc khởi nghiệp bất thiện thì ở trong cõi Dục chịu báo. Nghiệp thiện trong kia cũng như vậy.

Hỏi: Nếu ở cõi Sắc, Vô sắc không thể khởi nghiệp thiện buộc về cõi Dục?

Đáp: Trong đó không có nhân duyên này. Nếu ở cõi Dục có thể khởi nghiệp thiện cõi Sắc, Vô sắc, mà ở cõi Sắc, Vô sắc lại không có thể khởi nghiệp thiện cõi Dục sao?

Lại các ông nói ở trong cõi Sắc có thể sinh tâm vô ký cõi Dục. Nếu có thể sinh tâm vô ký, Vì sao không thể sinh tâm thiện ư?

Lại trong kinh, Phật bảo Thủ Thiên tử rằng: Phải niệm trụ tâm thụ thô tướng. Thô tướng tức là tâm buộc cõi Dục. Người này tùy đem thiện tâm nghe pháp lễ Phật, đều là buộc tâm ở cõi Dục. Nếu không như vậy không gọi thô tướng.

Lại trong đó nghĩ cầu tài phúc. Như nói: Thế Tôn! Tôi đối với 3 việc không chán đủ nên trong đây mạng chung sinh về cõi trời Vô Nhiệt. Nghĩa là chiêm bái Phật, nghe Pháp, và cúng dường Tăng mà nghĩ cầu tài phúc là buộc tâm về cõi Dục.

Lại trong đây có người niệm Phật v.v... mà không cầu tài phúc nên phải biết có thiện buộc về cõi Dục.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 8)

Phẩm 104: Ba nghiệp báo

Hỏi: Trong kinh Phật nói 3 thứ nghiệp báo: Nghiệp hiện báo, nghiệp sinh báo, nghiệp hậu báo. Vậy là thế nào?

Đáp: Nếu thân này gây nghiệp tức ngay thân này chịu, gọi là hiện báo. Đời này gây nghiệp đời sau chịu báo, gọi là sinh báo. Đời này gây nghiệp, qua các đời sau nữa mới chịu báo, gọi là hậu báo, vì qua sau đời sau nên gọi là hậu.

Hỏi: Báo nghiệp thân trung ấm chịu ở chỗ nào?

Đáp: Chịu ở 2 chỗ. Nghiệp trung ấm thứ tự chịu ở chỗ sinh báo, vì sinh có sai khác gọi trung ấm; nên nghiệp các trung ấm khác chịu ở chỗ hậu báo.

Hỏi: Ba thứ nghiệp này là báo quyết định hay đời quyết định?

Đáp: Có người nói báo quyết định. Nghiệp hiện báo ắt hiện chịu báo. Hai thứ kia cũng vậy.

Tuy có thuyết này, nhưng nghĩa ấy không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu như vậy không chỉ ngũ nghịch gọi là định báo mà trong Lục Túc A-tì-đàm cũng nói ngũ nghịch là định báo.

Lại trong Kinh Giám Lượng cũng nói bất định. Có nghiệp phải chịu quả báo địa ngục mà người này vì tu thân giới tâm tuệ nên có thể chịu quả báo đời hiện này. Cho nên 3 thứ nghiệp phải là đời quyết định, vì báo nghiệp hiện đời không nhất thiết hiện đời này chịu. Nếu chịu thì nên hiện chịu chứ không phải các chỗ khác. Hai thứ nghiệp kia cũng như vậy.

Hỏi: Những nghiệp gì có thể thụ hiện báo?

Đáp: Có người nói nghiệp nhanh nhạy chịu hiện báo. Như đối với Phật các vị Thánh nhân và cha mẹ v.v... mà khởi nghiệp thiện, ác là hiện chịu ngay quả báo. Nếu nghiệp không nhạy mà nặng thì đời sau chịu báo. Như ngũ nghịch v.v.... vừa nhạy vừa nặng, thì sau đời sau mới chịu. Như nghiệp Vua Chuyển luân, hoặc nghiệp Bồ-tát.

Lại có người nói 3 thứ nghiệp này tùy thuận được quả báo. Nếu nghiệp nguyện đời nay thụ tức là hiện thụ. Như bà Mạt Ly phu nhân đem phần ăn của mình cúng dường Phật, nguyện hiện đời được làm phu nhân của vua. Hai nghiệp kia cũng như vậy.

Lại tùy nghiệp nào chín muồi thì thụ trước.

Hỏi: Nghiệp quá khứ sao gọi là chín muồi?

Đáp: Đầy đủ tướng nặng, thì gọi là chín muồi.

Hỏi: Liệu có một niệm khởi nghiệp, một niệm kế thụ báo không?

Đáp: Không có. Lần lượt rồi mới thụ, như hạt giống lần lượt sinh mầm. Nghiệp pháp cũng như vậy.

Hỏi: Như những người còn ở trong thai, khi ngủ mê, hoặc điên cuồng v.v..., có thể tụ tập nghiệp không?

Đáp: Những trường hợp như vậy, hẳn có suy nghĩ tư duy thì có thể tụ tập nghiệp, nhưng không đầy đủ.

Hỏi: Nếu lia địa vị cõi Dục này có thể khởi nghiệp địa vị này không?

Đáp: Người có ngã tâm đều tụ tập nghiệp này, nếu lia ngã tâm thì không tụ tập lại.

Hỏi: A-la-hán cũng kính lễ tu phúc v.v..., nghiệp này Vì sao không tụ tập?

Đáp: Vì tâm chúng sinh nên các nghiệp mới nhóm. A-la-hán không ngã tâm nên các nghiệp không nhóm.

Lại A-la-hán tâm vô lậu, mà người vô lậu tâm không nhóm các nghiệp.

Lại trong kinh nói dứt nghiệp tội phúc gọi là A-la-hán. Người này không tụ tập nghiệp tội phúc và nghiệp bất động, thụ nghiệp cũ đã xong, nghiệp mới không tạo.

Hỏi: Học nhân có nhóm các nghiệp không?

Đáp: Cũng không còn tụ tập. Bởi vì sao? Kinh nói: Người này phá tan các nghiệp, không nhóm, không chứa, diệt hết v.v....

Có luận sư nói: Học nhân này có ngã mạn, nên cũng nhóm các nghiệp, nhưng nhờ sức của trí vô ngã, nên bất tất chịu báo.

Hỏi: Ba thứ nghiệp này ở cõi nào có thể tạo?

Đáp: Tất cả chỗ trong 3 cõi đều tạo được.

Hỏi: Có hay không có nghiệp bất định?

Đáp: Có. Nếu nghiệp hoặc hiện báo, hoặc sinh báo, hoặc hậu báo, đó gọi là bất định. Nghiệp như vậy nhiều.

Hỏi: Nếu biết 3 thứ nghiệp này được lợi gì?

Đáp: Nếu có thể phân biệt 3 thứ nghiệp này thì sinh chính kiến. Bởi vì sao? Vì hiện thấy có người làm ác mà hưởng giàu có sung sướng. Người hiền thiện lại chịu khổ. Đối với việc như vậy hoặc sinh tà kiến cho rằng thiện ác không có quả báo. Nếu biết 3 nghiệp này sai khác như vậy, thì sinh chính kiến. Như kệ nói:

*Làm ác thấy vui,
Vi ác chưa chín.
Đến lúc ác chín,
Tự thấy chịu khổ.
Làm thiện thấy khổ,
Vi thiện chưa chín.
Đến khi thiện chín,
Tự thấy hưởng vui.*

Lại Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp nói: Người không đoạn sát được sinh lên trời, là vì nếu người này đời trước có phúc, nên khi mạng chung phát thiện tâm mạnh mẽ, có thể biết như vậy tức sinh chính kiến. Cho nên phải biết tướng 3 thứ nghiệp này.

Phẩm 105: Ba thứ nghiệp thụ báo

Hỏi: Trong kinh Phật nói 3 thứ báo nghiệp: Báo vui, báo khổ và báo nghiệp không khổ không vui. Thứ nào như thế nào?

Đáp: Nghiệp thiện được báo vui. Nghiệp bất thiện bị báo khổ. Nghiệp bất động được báo không khổ không vui. nghiệp này không nhất thiết quyết định chịu, nếu chịu thì chịu báo vui, không phải khổ v.v.... Hai nghiệp kia cũng như vậy.

Hỏi: Các nghiệp này cũng được báo sắc, Vì sao chỉ nói thụ thôi?

Đáp: Trong các quả báo, thụ là vượt trội hơn hết. Thụ là thật báo, sắc v.v... là như đồ dụng cụ.

Lại trong cảnh duyên nói thụ, như nói lửa khổ lửa vui; hoặc trong nhân có quả, như người thí thực gọi là thí 5 thứ lợi. Cũng như nói ăn tiền v.v....

Hỏi: Từ cõi Dục đến trong Tam thiên có được thụ quả báo không khổ không vui ư?

Đáp: Được thụ.

Hỏi: Do nghiệp báo nào?

Đáp: Là nghiệp báo hạ thiện. Nghiệp thượng thiện thì thụ báo vui.

Hỏi: Nếu như vậy, Vì sao nói trong đệ Tứ thiên và Vô sắc định ư?

Đáp: Kia là tự địa. Bởi vì sao? Vì trong đó chỉ có một thứ quả báo này mà không có thụ nào khác, vì là tịch diệt vậy.

Hỏi: Có người nói buồn không phải nghiệp báo. Việc ấy thế nào?

Đáp: Vì sao không phải?

Hỏi: Buồn chỉ do tướng phân biệt sinh, nghiệp báo không phải là tướng phân biệt.

Lại nếu buồn là nghiệp báo thì nghiệp báo nhẹ, nên không phải báo.

Lại buồn này khi lia đục là dứt, mà nghiệp báo khi lia đục không dứt. Cho nên biết buồn không phải nghiệp báo?

Đáp: Ông nói buồn do tướng phân biệt sinh nên không phải báo, thì vui cũng là nghiệp báo. Vui này có 2 thứ: một là vui, hai là mừng. Mà vui mừng cũng do tướng phân biệt sinh, lẽ ra không nên gọi là báo sao?

Ông nói nghiệp báo thì nhẹ. Buồn này nặng hơn khổ. Bởi vì sao? Vì buồn là người ngu, những người có trí không buồn, cho nên khó trừ, cũng có thể sinh phiền não sâu đậm.

Lại trong Tứ Bách Quán nói: Tiểu nhân thân khổ, quân tử tâm ưu.

Lại buồn lo này cần phải đem trí mới dứt được, thân khổ vui cũng có thể trừ được.

Lại buồn có thể sinh khổ não trong 3 đời, như nói ta trước khổ, nay khổ mai sau sẽ khổ.

Lại buồn là chỗ trú của các phiền não. Như trong kinh nói là chỗ ở của phiền não. Nên nói 18 thứ ý hành, bởi trong 5 thức không sinh phiền não.

Lại trong kinh nói buồn là 2 mũi tên, vì chịu khổ 2 lần, như người bị 2 mũi tên đâm vào một chỗ thì chịu khổ gấp đôi. Như vậy người ngu bị khổ bức bách lại càng thêm buồn lo, nên thân tâm khổ lắm hơn khổ thông thường.

Lại người ngu thường buồn lo. Bởi vì sao? Vì người ấy trái lìa ân ái, gặp gỡ oán ghét, tìm cầu không được v.v..., nên thường lo buồn khổ não.

Lại buồn này do 2 nhân sinh: một là do hỷ sinh, hai là do ưu sinh. Như mất vật mình yêu là do hỷ sinh, như trong kinh nói: Phật hỏi vua Ba-tư-nặc rằng: Ông yêu nước Ca-thi-kiều-tát-la không?

Lại nói: Chư thiên vui sắc, tham sắc, sắc này nếu hoại, thì sinh buồn khổ. Đó là hỷ sinh.

Do ưu sinh là do việc ghét mà sinh, cũng do ganh ghét v.v... sinh. Người chưa lìa dục ganh ghét v.v... các thứ kết thường não hại nơi tâm. Như nói thiên nhân nhiều kết xan tham tật đố.

Lại nhiều chúng sinh bởi chộc tức người khác nên bị quả báo buồn khổ, như nói tùy trông giống sinh quả, cho nên biết buồn là nghiệp báo. Ông nói khi lìa dục thì dứt nên không phải báo. Điều này không đúng. Tu-đà-hoàn chưa ly dục cũng dứt được báo địa ngục v.v.... Có thể cho các báo địa ngục là không phải quả báo sao? Cho nên không thể cho ly dục dứt, mà liền gọi là không phải quả báo.

Hỏi: Báo nghiệp không khổ không vui, gọi là bất động. Nghiệp này là thiện, lẽ ra phải thụ báo vui, sao lại thụ báo không khổ không vui?

Đáp: Thụ này bất động nên thật vui. Vì tịch diệt nên gọi không khổ không vui.

Lại trong kinh nói: Trong lạc thụ tham sai khiến. Trong đó lòng tham ở trong thụ kia sai khiến nên biết là vui.

Phẩm 106: Ba chương

Hỏi: Trong kinh nói 3 chương: Nghiệp chương, phiền não chương, báo chương. Thứ nào như thế nào?

Đáp: Nếu các nghiệp phiền não và báo, có thể chương ngại đạo giải thoát, thì gọi là chương.

Hỏi: Có thể chương pháp gì?

Đáp: Tu thiện thí, giới hồi hướng 3 cõi, đây thường hay chương đạo.

Lại cũng là chương báo nghiệp quyết định chịu. Như trong kinh nói: Nếu người này quyết định nhóm chịu báo nghiệp, thì không vào chính vị. Đó gọi là nghiệp chương.

Lại nếu người phiền não sâu dày thường ở nơi tâm tăng thượng một cách nhanh chóng, đó là phiền não chương.

Lại như người phiền não không trừ khiến được, như dục tâm của những người ái nam v.v..., cũng gọi là phiền não chương.

Lại ở chỗ do tội ác sinh như địa ngục v.v..., và tùy những chỗ sinh không thể tu đạo, đều gọi là báo chương.

Hỏi: Có người trước không hiểu rõ đối tượng, không biết người ấy là người thiện, nên không bố thí, vì nghĩ rằng người kia nếu ta thí sẽ được điều kiện gây các việc ác, thì ta có phần trách nhiệm, như Phạm Chí v.v... các người xuất gia. Cho nên các người xuất gia, không nên bố thí, vì nghiệp mới trói buộc chương ngại giải thoát?

Đáp: Không phải vậy. Vì người khác tạo tội phúc với ta không can hệ. Bởi vì sao? Vì trong nhân duyên tội phúc có nhiều tội lỗi. Bởi vì sao? Như chúng sinh là nhân duyên sát, nếu không chúng sinh làm sao có sát? Vậy thì người chết lẽ ra phải có tội.

Lại như người giàu là nhân duyên của trộm cắp. Sắc đẹp là nhân duyên của tà dâm. Người khác là nhân duyên của nói dối v.v.... Ngụy xưng v.v... là nhân duyên của lường gạt. Người mua lẽ ra cũng có tội?

Lại người nhận làm nhân duyên của người thí, lẽ ra cũng được phúc. Như người đào giếng đào ao v.v..., người dùng nước lẽ ra đều được phúc? Như vậy thì tự mình không cần làm phúc đức. Mà thật không phải vậy. Cho nên trong nhân duyên không nên có tội phúc.

Lại phúc phần của người nhận lẽ ra phải tiêu hết, thì người ấy không nên theo người khác mà thụ thí. Bởi vì sao? Vì đem phần phúc đức của mình mà đổi lấy đồ uống ăn.

Lại người thí phải nhiều tội mà ít phúc. Bởi vì sao? Vì đâu có bao nhiêu người Bà-la-môn hay làm thiện. Phần nhiều đem tâm 3 độc vẫn đục, chìm đắm trong 5 dục, không siêng tu hành. Cho nên người thí lẽ ra phải tội nhiều mà phúc ít.

Lại các Phạm Chí v.v... tự xưng là người thiện tu hành pháp thiện. Mà sự thật những người ấy không thể nhiếp tâm chính quán các pháp thiền định. Nếu lìa thiền định, thì khó điều phục tâm. Cho nên người thí cho người chưa lìa dục lẽ ra phải bị tội nhiều?

Lại như người cúng dường cha mẹ, cung cấp cho vợ con, thân bằng quyến thuộc bè bạn đều phải bị tội, thì không có người được phúc phần. Mà thật không phải vậy. Cho nên tội phúc không ở trong nhân duyên.

Lại pháp trì giới v.v... cũng lợi cho người khác, vì người này không sát sinh nên thí mạng sống cho tất cả, thì người trì giới bị phần đại tội? Vì không sát nên đối tượng được sống lâu làm các điều ác, vậy lẽ ra người trì giới phải chịu một phần, như vậy thì người cầu phúc nên sát sinh, chứ không nên trì giới?

Lại như người thuyết pháp khiến cho người khác tu phúc, nhờ nhân duyên tu phúc về sau được giàu sang; giàu sang thì kiêu ngạo, phóng dật, kiêu ngạo phóng dật thì gây các việc ác; các ác này người thuyết pháp đều phải có phần trách nhiệm?

Lại nhân duyên thí khiến người khác giàu, vì nhân duyên giàu gây làm các tội, vậy người thí cũng phải chịu một phần. Vậy thì Phạm Chí không nên nhận thí, cũng không nên thí cho ai. Mà nay Phạm Chí chỉ nhận thí mà không thí nên biết đó là tà đạo.

Lại như các vị vua đứng như pháp trị dân cũng phải có tội?

Lại như con làm tội, cha mẹ phải có phần trách nhiệm, vậy thì lẽ ra không nên sinh con?

Lại như thầy thuốc giỏi chữa lành bệnh lẽ ra cũng phải tội, vì người được sống sẽ làm nhiều tội lỗi.

Lại trời mưa đúng thời vụ, nuôi lớn ngũ cốc lẽ ra trời cũng đắc tội, vì cứu sống và nuôi nhiều chúng sinh ác.

Lại người thí cho ăn lẽ ra cũng bị tội, vì người ăn nếu không tiêu thức ăn khiến đến chết, và những người chưa lia dục vì đắm say thực vị, nên người thí lẽ ra cũng bị tội. Vậy thì người thí thường phải buộc người nhận lập lời thề rằng: Nay ăn thức ăn của ông, quyết sẽ không làm ác, rồi sau mới thí cho. Nếu không làm vậy thì người thí mất hết cả hai.

Hỏi: Trong kinh cũng nói: Nếu Tì-kheo ăn cơm của thí chủ, mặc áo của thí chủ, nhập vô lượng thiên định, nhờ nhân duyên này nên thí chủ ấy được phúc vô lượng. Nếu nhờ nhân duyên này mà được phúc ấy, thì sao lại không bị tội?

Đáp: Nếu Tì-kheo ăn cơm của thí chủ, mặc áo của thí chủ, nhập vô lượng thiên định, là phúc bố thí của thí chủ tự được tăng trưởng, chứ không được phúc thiên định. Như ruộng tốt nên thu hoạch nhiều, ruộng xấu thì thu hoạch ít. Như vậy ruộng phúc tốt thì quả báo thí phúc nhiều, mà phúc điền xấu thì phúc ít, chứ không phải do người nhận làm phúc làm tội mà người thí chịu ảnh hưởng. Cho nên không bởi nhân duyên tội phúc mà bị tội hay được phúc. Người kia tuy là nhân duyên, mà tội phúc phải do tự mình khởi 3 nghiệp.

Hỏi: Người chưa lìa dục tâm không tự tại, ắt có tham đắm, nên người xuất gia không nên tu thí?

Đáp: Nếu như vậy thì người xuất gia trì giới v.v... đều có phúc đức, điều đó cũng nên bỏ, mà thật ra là không thể. Cho nên bố thí cũng không nên bỏ, nhưng đừng hồi hướng 3 cõi mà phải vì Nê-hoàn.

Lại chỉ nên xa lìa phiền não các nghiệp bất thiện. Bởi vì sao? Vì các nghiệp này, trong nhân còn có thể đề phòng, mà đến khi thành quả thì không thể làm gì hơn được! Cho nên chư Phật thường trong khi nhân nói pháp giáo hóa, không phải như Vua Diêm Vương khi quả đến mới giáo hóa bằng quả trách.

Hỏi: Trong 3 nghiệp chương này thứ nào nặng hơn?

Đáp: Có người nói báo chương nặng hơn, vì không giáo hóa được. Có người nói bởi tùy người nên tất cả đều nặng.

Hỏi: Thứ nào có thể chuyển được?

Đáp: Điều có thể khiến diệt được. Nếu có chuyển, thì đã không gọi là chương.

Phẩm 107: Bốn nghiệp

Hỏi: Trong kinh Phật nói 4 thứ nghiệp: Báo nghiệp đen đen, báo nghiệp trắng trắng, báo nghiệp đen trắng đen trắng, và không báo nghiệp không đen không trắng vì đã diệt hết nghiệp. Thứ nào như thế nào?

Đáp: Nghiệp báo đen đen là tùy theo nghiệp nào đó sinh về nơi khổ não như địa ngục A-tì và các chỗ khổ não khác không báo thiện, như súc sinh ngựa quý một phần ít. Trái nhau với đây, tức nghiệp thứ hai. Tùy theo nghiệp nào đó sinh về nơi không khổ não, như 2 cõi Sắc, Vô sắc và cõi Dục, người trời một phần ít, đen trắng lẫn lộn, tức nghiệp thứ ba. Tùy theo nghiệp nào đó sinh về nơi khổ não không khổ não, như địa ngục súc sinh ngựa quý người trời một phần ít. Nghiệp thứ tư là vô lậu vì có khả năng diệt hết 3 nghiệp. Nếu nghiệp 2 đời bị quở trách là đời nay quở trách, đời sau quở trách, là người bị tội đọa ở nơi tối đen, không có tiếng tăm, nên gọi là đen.

Lại 2 đời khổ não là đời nay khổ, đời sau khổ nên gọi là đen.

Hỏi: Nghiệp này thứ nào có thể sinh về nơi hoàn toàn khổ não?

Đáp: Tâm nối nhau làm ác, không chút ăn năn, không có điều thiện có thể tiêu diệt nghiệp ác, đó là có thể sinh nơi hoàn toàn khổ não.

Lại đem tâm tà kiến gây các ác.

Lại đối với người quan trọng mà gây ác, như cha mẹ và các người thiện.

Lại đối với chúng sinh làm ác không chút xót thương, như giết chúng sinh, hoặc cướp hết của cải, hoặc nhốt nơi lao ngục mà lại không cho ăn, hoặc đánh khảo nặng nề khiến không còn chút vui. Các nghiệp như vậy sinh về nơi hoàn toàn khổ.

Nghiệp báo trắng trắng là như người thuần tụ tập các thiện, không có gì bất thiện. Thế lực 2 nghiệp này to lớn nhất, các nghiệp khác không hơn được. Như khi chịu nghiệp báo đen thì không dung nghiệp báo trắng, khi chịu nghiệp báo trắng thì không dung nghiệp báo đen. Bởi vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều tụ tập thiện, bất thiện, nghiệp lực chướng ngại nhau, nên không được đồng chịu cùng lúc. Như 2 người cùng kéo giành một vật ai mạnh lôi đi trước. Nghiệp thứ 3 báo yếu ớt, vì thiện, bất thiện lẫn lộn cho nên chịu báo cùng thay nhau thắng hơn.

Hỏi: Có người nói nếu nghiệp bất thiện chịu báo ác đạo, đó là nghiệp đầu tiên. Thiện buộc ở cõi Sắc, là nghiệp thứ hai. Trong cõi Dục buộc người trời chịu nghiệp báo lẫn lộn, đó là nghiệp thứ ba. Trong vô ngại đạo, 17 bậc học tu, là nghiệp thứ tư. Nghĩa này như thế nào?

Đáp: Phật tự nói tướng các nghiệp này. Nghĩa là nếu người khởi gây tội nơi thân khẩu ý, thì sinh về nơi khổ não, thân chịu khổ não, và chịu lấy các thứ phải chịu đều không như ý muốn. Cho nên tùy khiến chúng sinh về nơi hoàn toàn khổ, đó là nghiệp đầu tiên. Cõi Sắc và Vô sắc thì hoàn toàn hưởng lạc. Trời người cõi Dục cũng có người hoàn toàn hưởng lạc, như trong kinh nói: Có người vui cũng có 6 thứ xúc, người trời cảm giác các thứ trần, không gì không được tùy ý. Đó là nghiệp thứ hai. Gây nghiệp đen trắng lẫn lộn, là nghiệp thứ ba. Tất cả nghiệp vô lậu là hết các nghiệp, vì trái nhau, chứ không phải chỉ 17 bậc học tu gọi là nghiệp thứ tư.

Hỏi: Vô lậu thật trắng, sao gọi là không trắng?

Đáp: Tướng trắng này khác không giống trắng của nghiệp thứ hai. Trắng này vượt trội hơn cả, vì không đối đãi nhau. Như nói vị Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu thanh tịnh quá hơn mắt người trời. Thật mắt người này hơn các người khác nên gọi là hơn người. Nghiệp này cũng vậy, hơn các nghiệp trắng khác nên nói không trắng.

Lại có người nói: Lẽ ra phải nói là nghiệp báo không phải đen trắng, vậy thì không lỗi.

Lại Nê-hoàn không là không phải trắng. Cho nên nghiệp này phải gọi là không phải trắng.

Lại cũng phải nói không phải trắng không phải đen. Bởi vì sao? Vì Nê-hoàn là vô pháp. Nghiệp này là Nê-hoàn nên gọi không đen không trắng.

Lại người đời quý trọng nghiệp thiện hữu lậu, nên gọi là trắng. Và nghiệp thứ tư có thể bỏ nghiệp này, nên gọi không trắng.

Lại nghiệp này không có tướng đen nên cũng không thể có tướng trắng được.

Lại báo trắng nên nghiệp gọi cũng trắng. Nghiệp này không báo nên không gọi trắng.

Phẩm 108: Năm nghịch

Thân kế sau chịu quả báo nên gọi không gián đoạn. Nếu đời hiện này chịu thì khổ não nhẹ, báo ít; vì nghiệp ấy nặng, nên theo thứ lớp mau đọa vào địa ngục A-tì.

Ngũ nghịch là bởi phúc điền đức trọng, nên gọi là nghịch. Đó là ác tâm phá Tăng, làm thân Phật chảy máu, giết A-la-hán, giết cha mẹ. Vì không biết ơn dưỡng dục, nên gọi là nghịch. Nghịch tội này chỉ trong đạo làm người có thể sinh khởi, không phải trong các đạo khác, vì người có phân biệt hiểu biết.

Hỏi: Giết Thánh nhân khác có bị tội nghịch không?

Đáp: Người giết Thánh nhân phần nhiều đọa địa ngục, nếu giết A-la-hán chắc chắn phải đọa địa ngục. Nếu người đánh Phật mà không chảy máu cũng bị trọng tội, vì cố tâm muốn hại Thế Tôn.

Hỏi: Nếu người gây một nghịch tội thì đọa địa ngục, hoặc gây 2, 3, cũng nơi một thân đều chịu báo chướng?

Đáp: Vì tội này nhiều nên chịu khổ nặng lâu. Ở trong đó chết rồi lại sống lại trong đó.

Hỏi: Trong tội phá Tăng vì sao nặng?

Đáp: Nếu phi pháp biết là phi pháp, pháp biết là pháp, với tâm như vậy mà làm thì gọi là nặng. Nếu phi pháp bảo là pháp, pháp bảo là phi pháp, là không như trước.

Lại như người ở chỗ Phật mà phá Tăng, tự xưng Đại sư đáng cao cả trong trời người, đó cũng là nặng.

Hỏi: Nếu không phải Thánh nhân, phạm phu có thể phá sao gọi trọng tội?

Đáp: Vì chướng ngại chính pháp nên gọi trọng tội.

Hỏi: Pháp phá Tăng là bao lâu?

Đáp: Pháp không trụ lâu, không trải qua một đêm. Trong đó, các Phạm Vương, chư thiên, các đại đệ tử như

Xá-lợi-phất v.v..., liền hòa hợp trở lại. Có người nói 5 trăm vị Tì-kheo này, đời trước vì nhân duyên ngăn thiện căn đắc đạo của người khác nên nay bị quả báo này.

Lại nhân tâm phạm phu vợ vã nên dễ có thể phá hoại, như chỉ chúng được tâm không, vô ngã thế gian còn không thể phá được, huống chi bậc vô lậu! Vì ác dục ở trong tâm, nên mới gây nhân duyên phá Tăng. Cho nên người cầu phúc cần phải bỏ ác dục.

Phẩm 109: Năm giới

Phật nói Ưu-bà-tắc có 5 giới.

Hỏi: Có người nói thụ đầy đủ thì được giới luật nghi. Việc ấy thế nào?

Đáp: Tùy thụ nhiều ít đều được luật nghi. Nhưng chỉ cần lấy có 5.

Hỏi: Là trời buộc v.v... vì sao không gọi là giới, mà chỉ nói bất sát v.v...?

Đáp: Vì là bà con quyến thuộc.

Hỏi: Vì sao không nói đoạn dâm, mà chỉ nói không tà dâm?

Đáp: Vì người còn ở thế tục khó thường lia bỏ.

Lại như tự dâm vợ mình không nhất thiết đọa các ác thú. Như Tu-đà-hoàn v.v... cũng còn hành pháp này. Cho nên không nói hoàn toàn dứt dâm dục.

Hỏi: Là 2 lưỡi v.v..., vì sao không gọi là giới?

Đáp: Việc này vi tế, khó giữ gìn được.

Lại 2 lưỡi v.v... là một phần của nói dối, nếu nói nói dối là đã nói chung tất cả.

Hỏi: Uống rượu là thật tội sao?

Đáp: Không phải. Bởi vì sao? Vì uống rượu không làm nã hại chúng sinh, chỉ làm nhân sinh tội. Nếu người uống rượu thì mở cửa bất thiện. Cho nên, nếu dạy uống rượu thì đắc tội một phần, vì có thể chuống ngại thiên định và các thiện pháp. Như trồng cây ăn trái, ắt phải làm rào ngăn. Như vậy 4 pháp kia là thật tội, lia là thật phúc. Vì để bảo vệ nên mới kết giới rượu này.

Phẩm 110: Sáu nghiệp

Nghiệp có 6 thứ. Nghiệp báo địa ngục, nghiệp báo súc sinh, nghiệp báo ngạ quỷ, nghiệp báo làm người, nghiệp báo sinh về cõi trời và nghiệp báo bất định.

Hỏi: Thứ nào như thế nào?

Đáp: Nghiệp báo địa ngục là như trong phần Lâu thán của bộ Lục Túc A-tì-đàm có nói rộng.

Lại tội sát sinh v.v... đều là địa ngục. Như trong kinh nói người ưa sát sinh, sinh trong địa ngục; nếu được làm người thì chịu quả báo chết yểu. Cho đến tà kiến cũng như vậy.

Hỏi: Đã biết 10 bất thiện đạo chịu báo địa ngục và cũng sinh trong súc sinh, ngạ quỷ và loài người, mà ông

chỉ nói sinh trong địa ngục và loài người. Nay phải nói riêng nghiệp nào chỉ chịu báo địa ngục?

Đáp: Tức tội nghiệp này, rất nặng là chịu báo địa ngục, nhỏ nhẹ chịu báo súc sinh v.v....

Lại nếu đầy đủ 3 thứ tà hành tức là địa ngục, còn các nghiệp khác không đầy đủ thì làm súc sinh v.v....

Lại cố ý gây trọng tội là địa ngục.

Lại người phá giới phá kiến, gây các ác nghiệp tức là địa ngục.

Lại thâm tâm làm ác, tâm hoại, hành hoại, người này gây ác nghiệp tức là địa ngục.

Lại gây nghiệp bất thiện vì giúp bất thiện là địa ngục.

Lại như đối với hiền thánh tạo nghiệp bất thiện là địa ngục.

Lại khởi nghiệp bất thiện, rồi tu nhóm bất thiện, về sau ngợi khen khoái lạc không muốn bỏ lìa, là địa ngục.

Lại đem tâm ghét giận để gây tội nghiệp, thì là địa ngục. Nếu vì của cải thì còn chịu dư báo nữa.

Lại đem tâm tà kiến khởi nghiệp bất thiện, là địa ngục.

Lại người phá giới gây ra tội nghiệp, là địa ngục.

Lại người không hổ thẹn gây ra tội nghiệp, là địa ngục.

Lại người ác tính gây ra tội nghiệp, là địa ngục, ví như đất ướt mưa ít cũng thành bùn.

Lại người thường làm bất thiện gây ra ác nghiệp, là địa ngục.

Lại nếu không duyên có cấp nạn mà gây ác nghiệp là địa ngục.

Lại nếu người không được chút ít không vô ngã, vì nhiễm đắm sâu đậm gây tội nghiệp là địa ngục.

Lại nếu người không tu thân giới tâm tuệ, gây ra ác nghiệp, là địa ngục.

Lại nếu người phạm phu gây ra tội nghiệp là địa ngục. Bởi vì sao? Vì người này không biết các pháp; âm, giới, các nhập và 12 nhân duyên v.v..., vì không biết nên làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, nói lời không nên nói, không nói lời nên nói, nghĩ điều không nên nghĩ, không nghĩ điều nên nghĩ. Người này gây ra tội nghiệp tuy ít nhưng cũng là địa ngục.

Lại nếu không thấy lỗi trong bất thiện, thì người này có thể khởi tội nghiệp nặng, chịu quả báo địa ngục.

Lại nếu người làm tội mà không nương nơi thiện, tức là địa ngục, như người mắc nợ không nương cậy vua, thì chủ nợ dễ đòi.

Lại nếu người nghiệp thiện yếu ớt gây ra tội ít cũng là địa ngục, như trong thân người nhiệt lực kém ít, ăn phải thứ ăn khó tiêu, thì không tiêu được.

Lại nếu người chỉ làm bất thiện, không xen chút thiện nghiệp, tức là địa ngục. Như người làm giặc, nặng nhẹ đều bị trói.

Lại nếu lìa bỏ tất cả thiện căn, như khi voi chiến ra trận không giữ tiếm cái đầu, người ấy gây tội tức là địa ngục.

Lại nếu hành tiểu pháp, thụ học tiểu sư, người ấy tạo tội tức là địa ngục. Như người nghèo hèn mắc nợ, bị người giàu lôi kéo.

Lại nếu người thường trường dưỡng bất thiện, như mắc nợ ngày một sinh lãi. Như hành nghiệp của những người hàng thịt, thợ săn v.v..., là địa ngục.

Lại nếu che giấu tội lỗi, tức là địa ngục, như mọt nhọt cháy mù.

Lại nếu người bất thiện ở lâu trong tâm, không thể mau dứt, tức là địa ngục. Như bị trị độc liền có thể giết người.

Lại như người tự làm bất thiện, cũng đem dạy người khác, vì mở nhiều cửa đau khổ cho chúng sinh, tức là địa ngục. Như các quốc vương và nhiều người tri thức làm ác tà hạnh khiến nhiều người học theo, như bọn Phú-lan-na v.v....

Lại nếu gây ra nghiệp hại nhiều chúng sinh, như đốt rừng v.v..., lại dạy nhiều người khác, khiến sa vào phi pháp, như làm thợ săn v.v...

Lại nếu người dùng ác nghiệp làm nghề sinh sống, như làm đầu sỏ đảng giặc cướp, thợ thịt, thợ săn v.v...

Lại người rất ráo phá giới gây tạo tội nghiệp, tức là địa ngục. Đến chết không bỏ nên gọi là rất ráo. Như kệ nói:

*Người ráo phá giới
Như dây mây quấn cây.
Người ấy thân tạo ác,
Tự khiến oán toại nguyện,*

Lại vô cơ mà nổi giận dữ, vì tâm giận dữ này mà gây tội nghiệp tức là địa ngục. Nếu có cơ sự mà giận thì tội không đến như vậy.

Lại vì giận khởi nghiệp là kết nặng, tức là địa ngục. Như trong kinh nói: Giận là tội nặng mà dễ trừ diệt.

Lại nếu ác tâm thành tính, tức là địa ngục. Nếu vì nhân duyên mà khởi tội nghiệp thì yếu nhẹ.

Lại như người phóng túng tạo các ác nghiệp, tức là địa ngục. Nếu được bạn tri thức ủng hộ thì được sinh lên trời. Như chủ hàng thịt tên Tá-bà khi sắp lâm chung được Xá-lợi-phất đến tại chỗ, người ấy liền đưa mắt dữ tợn nhìn Xá-lợi-phất, mà không thể làm gì được, liền hô lên: Lại đây một chút. Rồi thờ dài và thấy sắc hào quang của Xá-lợi-phất rực rỡ, bèn nảy ý nghĩ rằng: Người này hơn ta, không thể giết. Liền đem tịnh tâm nhìn lên nhìn xuống Xá-lợi-phất 7 lần như vậy. Nhờ nhân duyên ấy mà được 7 phen sinh lên trời, 7 phen sinh trong loài người. Về sau tu chứng được quả Bích-chi-phật.

Lại như Ương-quật-ma-la đã gây nhiều tội nghiệp còn muốn toan giết mẹ, vì nhờ Phật là vị thiện tri thức, nên liền được giải thoát.

Lại như người thí việc dùng hầm lửa, cơm độc, muốn Phật trúng độc và hại Phật. Phật là vị thiện tri thức, nên cũng được giải thoát. Những người như vậy tuy có ác nghiệp mà không đọa địa ngục, cho nên mới nói: Nếu người phóng túng tạo các ác nghiệp, tức là địa ngục.

Lại nếu đứt mắt thiện căn không còn chữa được, như Điều-đạt v.v..., giống như bệnh nhân tướng chết đã hiện, người ấy tạo tội, tức là địa ngục.

Lại nếu người không thường làm thiện, đến khi mạng sắp chết thiện tâm khó sinh, người này tâm ăn năn nên đọa địa ngục.

Lại nếu đến khi chết khởi tâm tà kiến, người này bởi trước lấy bất thiện làm nhân, tà kiến làm duyên, nên đọa địa ngục. Như vậy có nhiều các nghiệp quả báo địa ngục.

Lại có luận sư nói: Tất cả bất thiện đều là nhân duyên địa ngục. Ngoài ra dư báo bất thiện sinh trong các loài súc sinh v.v... Như trong kinh nói: Phật bảo Tì-kheo rằng: Các ông đã thấy chúng sinh thân tà hành, khẩu tà hành, ý tà hành. Phải biết đó là thấy người trong địa ngục.

Hỏi: Đã biết báo nghiệp địa ngục. Còn báo nghiệp súc sinh là thế nào?

Đáp: Nếu người thiện không thuần, khởi nghiệp bất thiện, nên đọa súc sinh.

Lại kết sử bùng phát mạnh nên đọa súc sinh. Như dâm dục thịnh nên sinh trong loại chim sẻ, chim cù dục, uyên ương v.v..., giận dữ thịnh nên sinh trong loại rắn, rết, bò cạp loài có nọc độc v.v..., ngu si thịnh nên sinh trong loài heo dê v.v..., kiêu ngạo thịnh nên sinh trong loài sư tử, cọp, sói v.v..., hiếu động thịnh nên sinh trong loài vượn khi v.v..., ganh ghét v.v... thịnh nên sinh trong loài chó v.v... Như vậy, các loại phiền não khác thịnh, nên sinh trong nhiều loài súc sinh khác. Nếu người có chút phần bố thí, tuy sinh trong súc sinh cũng được hưởng vui, như loài chim cánh vàng, rồng, voi ngựa v.v....

Lại khẩu nghiệp báo, phần nhiều đọa súc sinh, như người không biết, không tin nghiệp quả báo, nên khởi các thứ khẩu nghiệp. Như nói: Người ấy hiểu động như vượn khi thì sinh trong loài vượn khi, như nói tham ăn như quạ, nói như chó sủa, hã như heo dê, tiếng như lừa kêu, đi như lạc đà, tự cao như voi, hung dữ như trâu hoang, dâm như chim sẻ, sợ như chồn mèo, nịnh hót như dã can, hung tợn như dê đen, nhiều như lông bò. Sinh khởi ác khẩu nghiệp như vậy v.v..., nên phải theo nghiệp mà chịu quả báo.

Lại chúng sinh vì ham muốn nên phát nhiều thứ nguyện ước, như ham muốn dâm dục thì sinh trong loài chim sẻ v.v... Nếu nghe các loài rồng, chim cánh vàng v.v... có thể lực, nên muốn sinh trong các loài ấy.

Lại như trong kinh nói: Nếu chết ở chỗ chật hẹp, nguyện được ở chỗ rộng rãi, thì sinh trong loài chim. Nếu chết vì khát, cầu nước nên sinh trong loài ở nước, chết vì đói, tham ăn nên sinh trong nhà xí v.v....

Lại từ ngu si khởi nghiệp nhẹ yếu, vì thiện lẫn lộn, nên sinh trong các loài bọ chết, rận, rệp, trùng, kiến v.v....

Lại nếu dạy người khác khiến đọa trong tà pháp thì sinh chỗ không trí, mù bầm sinh, mù suốt đời, sinh làm côn trùng trong cây chết.

Lại gây nghiệp lẫn lộn, nên sinh trong súc sinh. Như trong kinh nói: Các súc sinh tùy nhiều thứ tâm, được nhiều thứ hình.

Lại nếu khởi nghiệp phải ăn cỏ, như người vọng ngữ, tự trừ ẻo thè rằng: Nếu ăn thứ ăn này khiến ta ăn cỏ, hoặc nói ta ăn đất v.v....

Lại nếu người ác khẩu mắng rằng: Sao ngươi không ăn cỏ, ăn đất cho rồi! Người ấy tùy theo lời nói mà thụ sinh ăn cỏ ăn đất v.v....

Lại người tu bất tịnh thí, thì bị quả báo ăn cỏ v.v....

Lại nếu người mắc nợ không trả đọa trong các loài bò, dê, cheo, nai, lừa, ngựa v.v... để đền nợ xưa. Các nghiệp như vậy v.v... đọa trong súc sinh.

Hỏi: Đã biết báo nghiệp trong súc sinh, còn nghiệp nào đọa trong loài ngựa quý?

Đáp: Đối với ăn uống sinh tâm tham lam, nên đọa ngựa quý.

Hỏi: Nếu người có vật của mình không cho ai, sao lại bị tội?

Đáp: Vì người tham lam keo kiệt này, nếu có ai theo xin, thì tham tiếc mà sinh giận dữ. Do tội này nên sinh trong ngựa quý.

Lại người tham lam keo kiệt này nếu có ai theo xin có mà nói không, vì vọng ngữ nên đọa trong ngựa quý.

Lại người này lâu nay tụ tập lòng keo kiệt, thấy người khác được lợi thì sinh lòng ganh ghét, nên đọa ngựa quý.

Lại người tham lam keo kiệt này, thấy người khác tu thí thì ghét giận thí chủ, rồi nói: Người xin này vì quen xin được, nên chắc sẽ lại theo xin ta.

Lại đã từ lâu tụ tập lòng keo kiệt, nên đã tụ không thí lại còn ngăn người khác thí.

Lại nếu là của chung như vật của chúng Tăng trong chùa và vật của Bà-la-môn trong các miếu thờ trời, có người độc quyền chiếm lấy, lẫn tiếc không muốn thí cho người khác nên đọa vào ngạ quỷ.

Lại nếu người vì cướp đoạt phá hoại đồ uống ăn của người khác, nên sinh về chỗ không có vật uống ăn.

Lại nếu người không có phúc bố thí, nên không được báo sinh theo chỗ mong muốn, mà còn bị trách mắng là nghiệp ăn xin, nên chịu khổ trong đó.

Lại người keo kiệt này thấy người đói khát, không lòng thương tưởng, nên sinh về nơi thường bị đói khát. Nếu nhờ lòng từ bi được sinh lên trời. Như vậy bởi lòng giận hờn, nên sinh trong đường ác.

Lại tham đắm thân thuộc, yêu thích nơi ở nên đọa vào loài chim Ca-lăng-già v.v.... Sinh trong ngạ quỷ, vì tham ái làm nhân duyên sinh. Như vậy v.v..., như trong Kinh Nghiệp Báo có nói rộng.

Hỏi: Đã biết 3 ác báo nghiệp, còn do nghiệp gì sinh trong loài người và trời?

Đáp: Nếu tu nghiệp thiện như bố thí, trì giới v.v..., bậc thượng sinh trời, trung, hạ sinh trong loài người.

Lại người lợi căn thì sinh trong loài người, vì có thể tu hành pháp làm người nên gọi là người.

Lại nghiệp thiện lẫn lộn nên sinh trong người. Nghiệp này có thượng trung hạ, nhất tâm bất nhất tâm, tịnh bất tịnh v.v.... Vì sao biết được? Vì người có nhiều phẩm cách sai khác bất đồng. Như trong kinh nói: Sát

sinh thì đoán mạng, trộm cướp thì bản cùng, tà dâm thì gia đình không trinh lương, nói dối thì thường bị bài báng, đâm thọc thì dòng họ bất hòa, ác khẩu thì thường nghe tiếng dữ, lời thêu dệt thì người không tin, tham lam tạt đổ thì nhiều dâm dục, giận dữ thì nhiều tính ác, tà kiến thì nhiều ngu si, kiêu mạn thì sinh làm người hạ tiện, tự cao thì sinh lùn thấp, ganh ghét thì không uy đức, keo kiệt thì bản hàn, giận dữ thì thân xấu xí, não hại người thì nhiều tật bệnh, tạp tâm bố thí thì thềm những thứ không mỹ vị, bố thí phi thời thì không được quả vừa ý, nghi hối thì sinh ở biên địa, hành bất tịnh thì từ việc khổ mới được quả báo, phi đạo hành dâm thì sinh thân ái nam. Trong loài người có nghiệp bất thiện pha tạp như vậy v.v.... Nghiệp thiện thì trái lại với trên, như không sát sinh thì mạng được sống lâu v.v.... Trong loài người có nhiều thứ bất đồng như vậy v.v..., cho nên biết là nghiệp báo xen tạp.

Lại vì nguyện nên sinh trong loài người.

Lại người không ưa phóng túng, cũng không nhiều dục, mà ưa thích trí tuệ, phát nguyện muốn được thân người, thì sinh trong loài người.

Lại nếu người ưa thích cúng dường cha mẹ và các bậc tôn trưởng, cũng biết cúng dường Sa-môn Bà-la-môn v.v... ưa vui làm sự nghiệp, cũng ưa thích tu phúc, thì sinh loài người, ở trong loài người hoặc tu nhân duyên tịnh nghiệp, thì sinh về Uất-đan-việt.

Lại nếu người chán ghét ruộng vườn nhà cửa và các ngã sở sai khác, thì cũng sinh Uất-đan-việt.

Lại nếu, người tu chính hành bạch nghiệp, không nã hại người khác, dùng của để bố thí, cũng không tham đắm, tự trì giới hạnh lại không phá các giới quyền thuộc trước sau, thì sinh Uất-đan-việt. Làm điều thiện nhỏ yếu, thì sinh về Câu-da-ni.

Lại nhỏ mà không bằng điều trên, thì sinh về Phất-vu-đãi. Nghiệp báo cõi trời là giới, thí thiện, thanh tịnh bậc thượng nên sinh về cõi trời.

Lại nếu người được một phần trí tuệ, uốn dẹp được các kết, nên sinh lên cõi trời.

Lại cũng tùy tạp nghiệp nên có sai khác, như đã nói trong phần về loài người.

Lại vì nguyện, như nghe nói nhân duyên hưởng vui trên trời, rồi ra làm nghiệp thiện, nguyện vãng sinh, như đã nói trong 8 nơi có phúc được sinh về. Nếu tu từ bi hỷ xả thì sinh cõi Phạm Thế cho đến cõi Hữu Đảnh. Trong đó phẩm loại thiên định có sai khác, nên quả báo cũng sai khác. Như không khéo dứt trừ sự ngủ nghỉ vui chơi v.v..., thì ánh sáng nơi thân người này đục, nếu khéo thì dứt thì ánh sáng trong sáng.

Lại thượng thiện nghiệp báo thì sinh lên trời, được các thứ sở dục, nghĩ là liền được. Nếu lia sắc tướng thì được Vô sắc định, sinh Vô sắc xứ. Như vậy v.v... gọi là nghiệp báo thiện. Nghiệp báo bất định là nghiệp thiện bậc thấp và nghiệp bất thiện. Nghiệp này chịu quả báo hoặc trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời.

Hỏi: Trong 4 đạo kia khá được thiện nghiệp báo, còn địa ngục thì sao?

Đáp: Nếu trong địa ngục nhỏ có tạm nghỉ ngơi, như từ địa ngục lửa tự thoát ra, xa thấy rừng cây lòng mừng chạy đến vào trong rừng ấy, gió mát cây động, dao gươm chưa rơi xuống, bấy giờ tạm vui. Hoặc thấy sông nước mặn tưởng là nước ngọt, vội chạy thẳng đến cũng được chút vui. Như vậy v.v... là phần nghiệp báo thiện trong địa ngục. Đó gọi là nghiệp báo bất định.

Phẩm 111: Bảy bất thiện luật nghi

Bảy bất thiện luật nghi là: giết, trộm, tà dâm, dâm thọc, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt. Nếu người với 7 điều này, hoặc đầy đủ, hoặc không đầy đủ, đều gọi là người bất thiện luật nghi.

Hỏi: Những gì thành tựu bất thiện luật nghi?

Đáp: Thành tựu giết bất thiện luật nghi, là những người hàng thịt, thợ săn v.v.... Thành tựu trộm, là trộm cướp v.v.... Thành tựu tà dâm, là hành dâm không phải đạo và dâm nữ v.v.... Thành tựu nói dối là những con hát, ca vũ kỹ v.v.... Thành tựu dâm thọc là ưa sàm báng và độc tụng những kinh sách nhằm nhí, mưu phản bán nước v.v.... Thành tựu ác khẩu là ngục tốt v.v..., cũng dùng ác khẩu tự sinh sống v.v.... Thành tựu lời nói thêu dệt là họp tập những ngôn từ khiến người cười chơi v.v.... Có người nói các vương hầu tể tướng trị việc nước, thường thành tựu bất thiện luật nghi này. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu người gây tội nối nhau không dứt, đó mới gọi thành tựu bất thiện luật nghi, chứ vương hầu v.v... không phải vậy.

Hỏi: Làm sao được bất thiện luật nghi này?

Đáp: Tùy khi làm ác nghiệp mà được.

Hỏi: Là do giết một chúng sinh được luật nghi này, hay do tất cả chúng sinh mà được?

Đáp: Do tất cả chúng sinh mà được. Như người tri giới đối với tất cả chúng sinh mà được thiện luật nghi. Bất thiện luật nghi cũng như vậy. Như tùy giết chúng sinh được 2 thứ vô tác: một là thuộc về tội giết, hai là thuộc về bất thiện luật nghi.

Hỏi: Bất thiện luật nghi này thành tựu thời gian bao lâu?

Đáp: Cho đến khi chưa được xả tâm thì thường thành tựu.

Hỏi: Nếu người do tâm hạ duyên, được bất thiện luật nghi, nếu tâm tham v.v... được, người ấy thường thành tựu như vậy, hay là lại được nữa ư?

Đáp: Tùy tâm tùy phiền não nhân duyên, lại được bất thiện luật nghi này nữa, vì trong niệm niệm thường được. Đối với tất cả chúng sinh được khởi 7 thứ. Bảy thứ này có thượng trung hạ nên lại thành 21 thứ. Như vậy trong mỗi niệm thường đối bên tất cả chúng sinh mà được.

Hỏi: Làm sao xả bỏ được bất thiện luật nghi này?

Đáp: Tùy khi thụ thiện luật nghi là bỏ được, khi chết cũng bỏ.

Lại phát thâm tâm từ nay không còn tái phạm, bấy giờ cũng bỏ.

Có luận sư nói khi nào chuyển căn là bỏ. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì những người ái nam cũng được thành tựu.

Trong Luật Tì-ni cũng nói: Nếu Tì-kheo chuyển căn không mất luật nghi. Nên phải biết không vì chuyển căn mà bỏ được.

Hỏi: Trong ngũ đạo, chúng sinh trong đạo nào thành tựu bất thiện luật nghi?

Đáp: Chỉ đạo làm người thành tựu, không phải các đạo khác. Có người nói sư tử cạp sói v.v... thường sinh sống bằng nghiệp ác cũng phải thành tựu.

Phẩm 112: Bảy thiện luật nghi

Bảy thiện luật nghi là không giết cho đến không nói lời thêu dệt.

Hỏi: Đối với phi chúng sinh số, có được thiện luật nghi này không?

Đáp: Nhưng cần phải nhân nơi chúng sinh, thiện luật nghi này có 3 thứ là giới luật nghi, thiền luật nghi, và định luật nghi.

Hỏi: Vì sao không gọi vô lậu luật nghi?

Đáp: Vô lậu luật nghi gồm trong 2 thứ sau, nên không nói riêng.

Có luận sư nói: Lại có đoạn luật nghi. Nghĩa là khi lìa cõi Dục được thiện luật nghi. Vì đoạn dứt phá giới

v.v... các điều ác nên gọi là đoạn. Mà thật ra tất cả luật nghi đều gồm trong 3 thứ.

Hỏi: Các ngoại đạo được giới luật nghi này không?

Đáp: Được, vì người này cũng nhờ thâm tâm lìa các ác, nên giới sư dạy rằng: Người từ ngày nay không nên khởi giết v.v... các tội.

Hỏi: Các đạo chúng sinh khác có được giới luật nghi này không.

Đáp: Trong kinh nói các loại rồng v.v... cũng có thể thụ giới tu một ngày. Nên biết là có.

Hỏi: Có người nói có những người không đủ nam căn không được giới luật nghi này. Việc ấy thế nào?

Đáp: Giới luật nghi này do tâm mà được sinh. Người ái nam cũng có thiện tâm vì sao không được!

Hỏi: Vậy sao không cho làm Tì-kheo?

Đáp: Vì người này kết sử sâu dày khó mà đắc đạo.

Lại người này không ở trong hàng ngũ Tì-kheo, cũng không thuộc hàng ngũ Tì-kheo-ni, cho nên không cho.

Lại trong đó cũng có ngăn không cho các người khác nữa, như lé mắt v.v.... Người ấy cũng được thiện luật nghi này.

Hỏi: Trong Luật Tì-ni ngăn cấm người nghịch tội, người tặc trú và người làm ô uế Tì-kheo-ni v.v... không cho làm Tì-kheo. Nhưng các người ấy cũng có thiện luật nghi chứ?

Đáp: Những người ấy nếu là người thế gian có thể được thiện luật nghi, như không ngăn những người ấy tu bố thí từ bi các pháp thiện. Như vậy nếu có thế gian giới luật nghi, đâu có lỗi gì. Nhưng vì người ấy bị ác nghiệp làm bản cũng chướng ngại Thánh đạo nữa, cho nên không cho xuất gia.

Hỏi: Là do chúng sinh có thể giết v.v... mà được thiện luật nghi hay là với tất cả chúng sinh mà được?

Đáp: Điều đối với tất cả chúng sinh mà được. Nếu không phải vậy, thì luật nghi có giới hạn, mà có giới hạn là không đầy đủ.

Lại luật nghi ấy có thể tăng giảm. Vậy là cũng đồng với pháp của Ni-kiền tử, nghĩa là trong phạm vi một trăm do-tuần không sát sinh v.v.... Có các lỗi ấy, cho nên luật nghi không có phân biệt. Nếu có người nói: Ta đối với người ấy lìa giết, mà người ấy không lìa, người ấy không được luật nghi này.

Có luận sư nói: Nếu phân biệt bố thí tu từ tâm v.v... cũng có phúc đức. Giới cũng như vậy, như giữ một giới cũng được phúc một giới. Như vậy đối với một chúng sinh cũng được luật nghi.

Hỏi: Giới luật nghi này có 2 thứ: một là trọn đời, hai là một ngày đêm. Trọn đời như giới Ti-kheo, Ưu-bà-tắc. Một ngày đêm như thụ 8 giới một ngày đêm, việc ấy thế nào?

Đáp: Việc ấy vô định. Hoặc một ngày một đêm, hoặc chỉ một ngày, hoặc chỉ một đêm; hoặc nửa ngày, hoặc nửa đêm. Tùy lúc có thể lãnh thụ được. Xuất gia thì

chỉ nên trọn đời. Nếu nói tôi chỉ thụ 1 tháng hay 2 tháng, hoặc chỉ 1 năm thì không gọi là được pháp xuất gia. Năm giới cũng như vậy.

Hỏi: Nếu được thiện luật nghi trở lại phá, có mất luật nghi chăng?

Đáp: Không mất. Chỉ do bất thiện pháp làm bản luật nghi này.

Hỏi: Chi đối với chúng sinh hiện tại được giới luật nghi hay là chúng sinh 3 đời được chăng?

Đáp: Đều phải đối với chúng sinh 3 đời được. Như người cúng dường Chư Tôn quá khứ cũng có phúc đức.. Luật nghi cũng như vậy. Cho nên tất cả Chư Phật đồng một giới phẩm. Luật nghi này nhiều vô lượng, như đối với một chúng sinh được khởi 7 thứ, như do thiện căn không tham v.v... mà khởi, cũng do tâm thương trung hạ mà khởi, nên có nhiều thứ. Như một người, hay tất cả chúng sinh cũng như vậy, trong mỗi niệm thường được, nên có vô lượng.

Hỏi: Giới luật nghi, thời gian bao lâu mới được?

Đáp: Có người thụ giới một ngày, là sơ luật nghi. Ngay ngày thụ giới Ưu-bà-tắc, là luật nghi thứ hai. Ngay ngày xuất gia làm Sa-di, là luật nghi thứ ba. Ngay ngày thụ giới Cù-túc là luật nghi thứ tư. Ngay ngày thiền định, là luật nghi thứ năm. Ngay ngày được Vô sắc định, là luật nghi thứ sáu. Ngay ngày được vô lậu, là luật nghi thứ bảy. Tùy chỗ được đạo quả lại được luật nghi nữa, mà những luật nghi đã được từ trước không mất. Chỉ thứ nào thắng hơn thì được tên gọi. Như vậy là phúc đức càng

tăng thêm, vì giới luật nghi này đối với tất cả chúng sinh trong mỗi niệm thường được. Cho nên nói giới luật nghi một ngày này, 4 kho báu lớn không bằng 1 trong 16 phần. Thiên luật nghi, vô lậu luật nghi tùy tâm hành, mà giới luật nghi không tùy tâm hành.

Hỏi: Có người nói khi nhập định có thiên luật nghi, mà xuất định thì không có. Việc ấy thế nào?

Đáp: Xuất nhập đều thường có. Vì người này thật được pháp không tạo ác, và trái với phá giới, thường không làm ác, thiện tâm càng vượt trội, nên phải thường có.

Hỏi: Như thiên trong cõi Vô sắc, không có pháp phá giới thì lấy gì trái nhau mà gọi là thiện luật nghi?

Đáp: Pháp phải như vậy. Các tiên, thánh đều được thiện luật nghi. Nếu phải lấy trái nhau với phá giới mới có luật nghi, thì chi do nên nã hại chúng sinh mới được thiện luật nghi. Có những lỗi như vậy, cho nên không đúng.

Phẩm 113: Tám giới trai

Tám giới trai gọi là Ưu-bà-ta, nhà Tần dịch là thiện túc, là người ấy thiện tâm lìa được phá giới một đêm nên gọi là thiện túc.

Hỏi: Vì sao chỉ nói lìa 8 việc ấy ư?

Đáp: Đây là 8 cửa. Do 8 pháp này lìa tất cả ác. Trong đó có 4 pháp thật ác là uống rượu là cửa của ác; 3 pháp kia là nhân duyên phóng dật. Người này lìa 5 thứ ác là nhân duyên của phúc, lìa 3 thứ kia là nhân duyên của

đạo. Người thế gian phần nhiều thiện pháp yếu ớt, chỉ có thể khởi nhân duyên của đạo nhờ 8 pháp này mà thành tựu pháp ngũ thừa.

Hỏi: Tám phần trai giới chỉ nên thụ đầy đủ, hay thụ một phần nào cũng được?

Đáp: Tùy sức có thể giữ. Có người nói pháp này chỉ trai giới một ngày đêm. Điều này không đúng. Tùy thụ giới nhiều ít, hoặc có thể nửa ngày cho đến một tháng, đâu có lỗi chi?

Có người nói cần phải theo người khác mà thụ. Đó cũng không nhất định. Nếu khi không người truyền thì chỉ tâm niệm miệng nói: Tôi giữ 8 giới. Giới này có 5 thứ thanh tịnh:

1. Tu 10 thiện đạo
2. Dứt các khổ trước sau
3. Không bị ác tâm nhiễu hại
4. Cần nghĩ nhớ giữ gìn
5. Hồi hướng về Niết-bàn.

Có thể được trai giới như vậy, thì 4 kho báu lớn không bì kịp một phần, phúc báo Thiên Vương cũng không bì kịp. Để Thích nói kệ, Phật quở rằng nếu người hết lậu tâm mới nên nói kệ này. Kệ rằng:

*Lục trai tháng thân túc,
Vâng tu 8 giới pháp.
Người này được phúc đức,
Thì cùng tôi ngang nhau.*

Nếu ngày trai người nào thụ trai giới thì phúc như Đế Thích. Vì thụ trai pháp này ứng với quả Nê-hoàn, nên những người hết lậu tâm mới nên nói kệ này. Trong phép thụ trai pháp, có bị trói buộc, gông cùm đều được tháo xả, cũng cắt đứt được tất cả nhân duyên bất thiện, nên gọi là thanh tịnh.

Hỏi: Chuyện Luân Thánh Vương muốn thụ trai pháp này, thì nhờ ai truyền dạy?

Đáp: Đại Đức Thiên Thần từng yết kiến Phật sẽ dạy cho thụ.

Phẩm 114: Tám thứ lời nói

Tám thứ lời nói có 4 thứ bất tịnh 4 thứ tịnh. Bốn thứ bất tịnh là: Nếu người thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, không thấy tự bảo thấy, nhưng hỏi thì nói không thấy, thấy tự bảo không thấy, nhưng hỏi thì nói thấy. Như vậy là sự trái ngược, tâm cũng trái ngược, nên gọi là bất tịnh. Bốn thứ tịnh là: Nếu thấy nói thấy, không thấy nói không thấy, thấy tự bảo không thấy, hỏi thì nói không thấy, không thấy tự bảo thấy, hỏi thì nói thấy. Sự thật, tâm cũng thật, nên gọi là tịnh. Nghe, hiểu, biết, cũng như vậy.

Hỏi: Thấy, nghe, hiểu, biết có sai khác gì không?

Đáp: Có 3 thứ tin: Thấy là tin hiện tại, nghe là tin lời hiền thánh, biết là so sánh biết, hiểu là phân biệt. Là 3 thứ tin tuệ. Ba thứ tuệ này, hoặc đều là thật, hoặc đều là

trái ngược. Bậc thượng nhân không khởi bất tịnh, chỉ nói lời tịnh ngữ. Cho nên lời nói của kẻ hạ nhân dùng là bất tịnh. Lời nói của thượng nhân mới gọi là tịnh. Có người nói trong nghĩa này, các người chính trí đều gọi là thượng vì không những chỉ có người đắc đạo mà người phạm phu cũng có tịnh ngữ.

Phẩm 115: Nghiệp

Có 9 thứ nghiệp. Nghiệp buộc cõi Dục có 3 thứ là tạo tác, không tạo tác, không phải tạo tác, không phải không tạo tác. Nghiệp buộc cõi Sắc cũng vậy. Cõi Vô sắc 2 thứ và nghiệp vô lậu.

Nghiệp do thân khẩu gây ra gọi là tạo tác. Bởi tạo tác nên nhóm các tội phúc thường bám theo, đó là pháp tâm bất tương ưng, gọi là không tạo tác. Cũng có không tạo tác chỉ do tâm sinh. Không phải tạo tác không phải không tạo tác; tức là ý. Ý tức là ý nghĩ, ý nghĩ là nghiệp. Cho nên nếu ý tìm cầu thân sau, thì đó gọi là ý nghiệp, cũng gọi là ý nghĩ. Tư duy nghĩ về thân sau nên gọi là nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy thì không có tư duy vô lậu?

Đáp: Nếu cho đó là tư duy, tức là tư duy vô lậu.

Hỏi: Không tạo tác này tuy từ thân sinh, nhưng phải có nhiều ít sai khác chăng?

Đáp: Tất cả thân phần đều khởi tác nghiệp, nhân đó nhóm họp nhiều không tạo tác, được quả báo lớn.

Hỏi: Không tạo tác này ở chỗ nào?

Đáp: Thể của nghiệp đạo quyết định nhóm không tạo tác. Tạo tác hoặc có hoặc không, các thứ khác thì phải đợi tâm. Nếu tâm mạnh thì có, tâm yếu thì không.

Lại không tạo tác này cũng từ nguyên sinh, nếu người phát nguyện: Tôi cần phải bố thí hoặc xây tháp cất chùa. Người ấy quyết định được không tạo tác.

Hỏi: Không tạo tác này thời gian bao lâu mới được, thời gian bao lâu thì mất?

Đáp: Tùy việc làm ra tồn tại, như tạo lập vườn tược tháp chùa v.v... thí tùy vật thí không hư, bấy giờ thường còn.

Lại tùy tâm không dứt, như người phát tâm: Ta phải thường làm điều này. Hoặc hội đồng hoặc cúng áo, những việc như vậy ở nơi tâm không dứt, bấy giờ thường được.

Lại tùy mạng sống chưa qua đời, như người thụ giới xuất gia, bấy giờ thường được.

Hỏi: Có người nói chỉ trong cõi Dục do tạo tác sinh không tạo tác mà trong cõi Sắc thì không có. Việc ấy thế nào?

Đáp: Hai cõi đều có cả. Bởi vì sao? Vì chư thiên ở cõi Sắc cũng có thể thuyết pháp, kính lễ Phật và Tăng. Những người như vậy v.v..., Vì sao không do tác nghiệp sinh vô tác ư?

Lại có người nói ẩn mất, vô ký, nên không có không tạo tác. Điều này không đúng. Ẩn mất, vô ký là phiền não nặng. Phiền não này nhóm họp, gọi là sử,

nhưng không ần mắt, vô ký thì không có không tạo tác. Bởi vì sao? Vì tâm ấy mềm yếu, không thể khởi nhóm, như hoa có thể ướp mè chứ không phải cỏ cây v.v.... Có người nói: Vượt lên trên cõi Phạm Thế không có tâm có thể khởi tác nghiệp. Bởi vì sao? Vì có giác quán mới có thể khởi khẩu nghiệp, kia không có giác quán, chỉ dùng tâm Phạm Thế có thể khởi khẩu nghiệp. Điều này không đúng. Chúng sinh tùy nghiệp thụ thân, nếu được sinh lên bậc trên, thì không được dùng báo trong cõi Phạm Thế. Cho nên biết dùng tâm từ cõi mình có thể khởi khẩu nghiệp.

Lại ông nói kia không giác quán, ra sau sẽ nói có.

Hỏi: Thánh nhân đoạn các kết chưa hết có thể khởi tác nghiệp không?

Đáp: Thánh nhân không thể khởi nghiệp thật tội.

Hỏi: Âm thanh chúng sinh như tiếng chó sủa v.v... có phải khẩu nghiệp chăng?

Đáp: Tùy không có ngôn từ sai biệt, nhưng vì do tâm khởi nên cũng gọi là nghiệp.

Lại như hiện tướng hoặc hiệu lệnh, hoặc tiếng đàn sáo v.v..., đều gọi khẩu nghiệp. Nghiệp thân khẩu này cần có ý thức mới có thể khởi, chứ không phải các thức khác. Cho nên người có tự thấy thân nghiệp, tự nghe khẩu nghiệp, dùng ý thức sinh khởi nghiệp, nói nhau không dứt nên tự thấy nghe.

Phẩm 116: Mười con đường bất thiện

Trong kinh Phật nói 10 con đường bất thiện là sát sinh v.v.... Năm âm hòa hợp gọi là chúng sinh. Dứt mạng sống này là sát sinh.

Hỏi: Nếu 5 âm ấy thường diệt trong từng mỗi niệm thì lấy gì mà sát?

Đáp: Năm âm tuy mỗi niệm diệt mà lại nối nhau sinh. Cắt đứt sự nối nhau gọi là sát sinh.

Lại vì người ấy có cố tâm sát, nên bị tội sát.

Hỏi: Vì dứt 5 âm hiện tại mà gọi là sát hay sao?

Đáp: Trong 5 âm nối nhau có tên chúng sinh. Vì hoại sự nối nhau này nên gọi sát sinh, chứ không bởi trong mỗi niệm diệt có tên chúng sinh.

Hỏi: Có người dựa theo cựu pháp của quan mà sát hại chúng sinh, hoặc vì sức mạnh ép bức sát chúng sinh, tự bảo không có tội. Việc ấy thế nào?

Đáp: Lẽ ra cũng bị tội. Bởi vì sao? Vì người ấy đầy đủ nhân duyên sát tội. Do 4 duyên bị tội sát sinh: 1. Có chúng sinh. 2. Biết là chúng sinh. 3. Có tâm muốn sát. 4. Dứt mạng sống của nó. Người ấy đủ 4 nhân này làm sao mà không tội?

Gọi là trộm, là nếu vật ấy thật thuộc của người ấy mà cướp trộm đấy gọi là trộm. Trong đó cũng có 4 thứ nhân duyên: 1. Là vật thật thuộc người khác. 2. Biết là thuộc người khác. 3. Có tâm cướp trộm. 4. Cướp trộm lấy xong.

Hỏi: Có người nói của vật ẩn tàng là thuộc của vua, nếu lấy vật ấy thì đắc tội với vua. Việc ấy thế nào?

Đáp: Bất luận vật gì trong đất, chi vật trên mặt đất thuộc của vua. Bởi vì sao? Vì như Cấp-cô-độc chẳng hạn, là Thánh nhân mà cũng lấy vật ấy, nên biết không tội.

Lại như tự nhiên được của không gọi trộm cướp.

Hỏi: Nếu tất cả muôn vật đều là cộng nghiệp sinh, thì trộm cướp vì sao bị tội?

Đáp: Tuy do nhân cộng nghiệp sinh, nhưng nhân có mạnh yếu, nếu người có sức nghiệp nhân mạnh, lại siêng có thể gia công thì vật ấy mới thuộc quyền sở hữu.

Hỏi: Nếu người cướp lấy ruộng đất nhà cửa đồ vật v.v... của tháp, chùa, chúng Tăng thì đắc tội với ai?

Đáp: Tuy Phật và Tăng đối với vật không có tâm cho là của mình, nhưng cũng đắc tội, vì vật này nhất định thuộc Phật Tăng. Trong đó sinh ác tâm hoặc cướp hoặc trộm, cho nên đắc tội.

Gọi tà dâm, là nếu hành dâm với người không phải vợ mình thì gọi là tà dâm.

Lại tuy là vợ mà hành dâm chỗ phi đạo cũng gọi là tà dâm.

Lại tất cả nữ nhân đều có người giám hộ, như cha mẹ, anh em, chồng, con cái v.v....Nữ nhân xuất gia được vua v.v... làm giám hộ.

Hỏi: Hành dâm với gái giang hồ là người không phải vợ, có phải tà dâm không?

Đáp: Là vợ thời gian ngắn. Như trong Luật Tì-ni có nói: Đó là vợ một thời gian ngắn, cho đến lấy một sợi tóc ngắn.

Hỏi: Nếu gái không chồng, tự đến cầu xin làm vợ, việc ấy thế nào?

Đáp: Nếu thật không chồng mà dối trước công chúng đúng như pháp đến cầu, thì không gọi tà dâm.

Hỏi: Nếu người xuất gia lấy vợ miễn tà dâm chăng?

Đáp: Không miễn được. Bởi vì sao? Vì không có pháp này. Pháp người xuất gia là thường lià dâm dục. Nhưng tội nhẹ hơn phạm vợ người khác.

Vọng ngữ là, nếu thân khẩu ý dối gạt chúng sinh khác, khiến hiểu sai lạc, gọi là vọng ngữ. Phật vì trọng tội nên nói trong chúng định hỏi là vọng ngữ. Cho đến khi một người hỏi cũng gọi vọng ngữ, đâu cần phải nhiều người.

Lại tùy chỗ muốn dối gạt người thì đắc tội với người đó. Nếu ai báo với người khác rằng tôi đã nói với người nào đó việc như vậy. Việc tuy không thật mà không gọi là vọng ngữ.

Lại vọng ngữ tùy theo ý tưởng. Nếu thấy tướng không thấy, hỏi thì nói không thấy, là không bị tội vọng ngữ. Như trong Luật Tì-ni đã nói.

Hỏi: Nếu người, việc điên đảo không thấy nói thấy, Vì sao không phải vọng ngữ?

Đáp: Tất cả tội phúc đều do tâm sinh. Người ấy với việc không thấy mà sinh tưởng thấy, cho nên không tội.

Như với thật chúng sinh tương không chúng sinh, trong phi chúng sinh tương chúng sinh, thì không bị tội sát.

Hỏi: Như thật có chúng sinh, sinh tương chúng sinh mới bị tội sát. Như vậy nếu thấy sinh thấy tương, thì phải không tội, không phải không thấy thấy tương mà được không tội?

Đáp: Sinh tội là do tâm, do chúng sinh. Cho nên tuy có chúng sinh mà tương không chúng sinh thì không bị tội, vì vô tâm. Nếu không chúng sinh mà tương có chúng sinh, vì chúng sinh không nên cũng không bị tội. Nếu có chúng sinh tương có chúng sinh, vì đã đủ nhân duyên nên mới bị tội sát sinh. Nếu trong việc thấy sinh tương không thấy, hỏi thì nói không thấy; người ấy nghĩ tương không điên đảo, nên không dối chúng sinh, tuy là việc điên đảo, nhưng cũng gọi là thật. Nếu trong việc không thấy mà sinh tương thấy, hỏi thì nói không thấy, người ấy tương điên đảo dối gạt chúng sinh; việc tuy không điên đảo, nhưng cũng gọi vọng ngữ.

Đâm thọc, là nếu người muốn chia rẽ người khác nên khởi khẩu nghiệp, gọi là đâm thọc. Nếu không cố tâm chia rẽ, mà người kia nghe tự hoại, thì không đắc tội. Nếu đem thiện tâm giáo hóa khiến lìa người ác, tuy là chia lìa, nhưng cũng không đắc tội. Nếu không bởi kết sử trực tâm tuy là miệng nói cũng không đắc tội.

Ác khẩu, là nếu người đem lời khó nghe mà không có lợi ích chỉ muốn não hại người khác, gọi là ác khẩu. Nếu vì lòng thương xót muốn làm lợi ích, nên phải dùng lời khó nghe, thì không có tội. Như vô sự mà gia hại thì có tội. Y theo phương pháp châm cứu chữa bệnh, tuy làm đau đớn mà không phải tội. Khổ ngôn cũng vậy, Chư

Phật, hiền thánh cũng vì việc ấy, nên như nói: Ông là người ngu si! v.v....

Lại nếu không kết sử trực tâm, tuy là khổ ngôn mà không gọi là tội, như người ly dục v.v.... Nếu vì thiện tâm, trong khổ ngôn mà khởi phiền não là lập tức đắc tội.

Lời thêu dệt, là nếu không phải thật, ngữ nghĩa bất chính, gọi là lời thêu dệt.

Lại tuy là thật ngữ vì phi thời, nên cũng gọi lời thêu dệt.

Lại tuy thật và phải thời, vì tùy thuận suy não không lợi ích, nên cũng gọi là lời thêu dệt.

Lại tuy lời thật và phải thời, cũng có lợi ích, nhưng vì nói nghĩa lý không đầu đuôi, không thứ tự, nên cũng gọi lời thêu dệt.

Lại vì si v.v... các phiền não tán tâm mà nói, gọi là lời thêu dệt. Thân ý bất chính cũng gọi nghiệp nói thêu dệt. Chỉ đa phần do miệng nói, cũng tùy thế tục mà nói, nên gọi là lời thêu dệt. Còn 3 khẩu nghiệp kia lời thêu dệt đều xen lẫn không thể rời nhau. Nếu vọng ngữ mà không khổ ngôn, cũng không chia lìa thì có 2 thứ là vọng ngữ và thêu dệt. Nếu là vọng ngữ cũng muốn chia rẽ, mà không khổ ngôn thì có 3 thứ là vọng ngữ, đâm thọc và thêu dệt. Nếu vọng ngữ, khổ ngôn, không muốn chia lìa, thì đủ 4 thứ. Nếu không vọng ngữ, khổ ngôn, cũng không chia lìa, nhưng là lời phi thời, lời vô ích, lời vô nghĩa, thì chỉ là lời thêu dệt. Lời thêu dệt này vi tế khó lìa bỏ, chỉ Chư Phật mới có thể dứt tận gốc. Cho nên chỉ có Chư Phật độc xưng Thế Tôn, vì nói là tin thụ, kỳ dư không ai sánh kịp được.

Hỏi: Đã nói 7 thứ nghiệp đạo, cần gì lại nói 3 ý nghiệp?

Đáp: Có người báo tội phúc chỉ cần do thân khẩu, chứ không phải do tâm. Cho nên mới nói tâm cũng là nghiệp đạo.

Lại 3 thứ này ý nghiệp có sức mạnh, nên thân khẩu mới khởi ác nghiệp. Ba thứ này tuy đều quan trọng, nhưng vì ý nghiệp vi tế nên phải nói ở sau. Mặc dù tất cả phiền não có thể khởi ác nghiệp, mà chỉ 3 thứ này làm não hại chúng sinh nhiều hơn, nên mới gọi là nghiệp đạo bất thiện. Nếu lòng tham ở mức trung, hạ không gọi là nghiệp đạo. Lòng tham này tăng thượng sâu đậm của người khác khi có phương tiện muốn não hại là có thể khởi nghiệp thân khẩu, cho nên lấy tham lam tật đố làm nghiệp đạo. Giận si cũng vậy.

Lại nếu nói si tức đã nói tất cả phiền não. Trong đây chỉ vì có thể khởi nghiệp thân khẩu xâm hại chúng sinh nên nói 3 thứ.

Hỏi: Vì sao gọi si là tà kiến?

Đáp: Si có nhiều thứ sai khác. Bởi vì sao? Vì không phải tất cả si đều là bất thiện. Nếu si tăng thượng trở thành tà kiến, thì gọi nghiệp đạo bất thiện. Tất cả bất thiện đều do 3 cửa này: Như người vì tài lợi nên khởi nghiệp bất thiện. Như vì tiền bạc tàn sát chúng sinh. Hoặc vì sân nên sát như giết oán tặc. Hoặc không vì tài lợi, cũng không giận dữ, chỉ vì sức si không biết tốt xấu nên giết chúng sinh.

Hỏi: Trong kinh nói nhân duyên ác đạo có 4 thứ hành: Do tham, do giận, do sợ sệt và do si nên đọa các ác đạo. Nay trong đây Vì sao không nói do sợ sệt khởi ác nghiệp?

Đáp: Sợ là gồm trong si. Nếu nói do sợ tức là do si. Bởi vì sao? Vì người trí cho đến gặp phải nhân duyên mất mạng vẫn không khởi ác nghiệp. Lại điều này trước đã đáp. Nghĩa là phiền não tăng trưởng có thể khởi nghiệp thân khẩu, bấy giờ gọi bất thiện đạo. Vì 3 thứ này phần nhiều khởi bất thiện.

Hỏi: Vì sao gọi là nghiệp đạo?

Đáp: Ý tức là nghiệp; đi ở trong đó nên gọi là nghiệp đạo. Trước đi trong 3 thứ sau, sau đi trong 7 thứ trước. Trong 3 nghiệp là đạo, chứ không phải nghiệp, 7 nghiệp vừa là nghiệp vừa là đạo.

Hỏi: Cũng có roi, gậy và uống rượu v.v... các nghiệp bất thiện, Vì sao chỉ nói 10 thứ ấy?

Đáp: Mười tội này nặng nên nói.

Lại roi, gậy v.v... đều là quyền thuộc trước sau. Uống rượu không phải thật tội cũng không làm hại người khác, dù cho có hại người khác đi nữa cũng không phải chi rượu.

Hỏi: Bất thiện đạo này là ở chỗ nào?

Đáp: Đều ở trong 5 đạo. Chỉ Uất-đan-việt không tà dâm do 3 việc khởi bởi tham dục mà thành, ngoài ra 3 việc khởi cũng bởi 3 việc thành.

Hỏi: Thánh nhân có thể khởi bất thiện nghiệp chăng?

Đáp: Cũng khởi ý bất thiện nghiệp, chứ không khởi thân khẩu.

Lại trong ý nghiệp cũng chỉ khởi tâm sân chứ không khởi tâm sát.

Hỏi: Trong kinh nói học nhân cũng rủa người nói diệt khiến người đoạn chủng. Việc ấy thế nào?

Đáp: Cũng có kinh nói A-la-hán rủa. Là người lậu tận, dứt gốc phiền não còn không khởi tâm, hưởng nữa là rủa. Nói học nhân rủa cũng như vậy.

Lại Thánh nhân đối với nghiệp bất thiện được bất tác luật nghi, thì làm sao còn tác bất thiện?

Lại Thánh nhân này không đọa ác đạo, nếu có thể khởi bất thiện, thì cũng phải đọa.

Hỏi: Nếu các Thánh nhân đời nay không gây nghiệp bất thiện, nên không đọa ác đạo, chứ trong đời quá khứ có nghiệp bất thiện. Vì sao không đọa?

Đáp: Tâm Thánh nhân này khi trí trung thật sinh, các ác đạo nghiệp đều bị yếu ớt, như hạt giống hư, không còn mọc được.

Lại 3 độc có 2 thứ: Thứ có thể gây ác đạo, thứ không có thể gây, Thánh nhân đã dứt hết. Vì nghiệp phiền não, nên được thụ thân, Thánh nhân tuy có các nghiệp phiền não mà không đầy đủ, cho nên không đọa.

Lại người này nương đại thế lực, như Tam Bảo có thể tiêu trừ đại ác, như người nương vua, chủ nợ không dám quấy rầy.

Lại người này trí tuệ sáng suốt linh lợi có thể tiêu ác nghiệp, như nhiệt lực trong người thịnh nên có thể tiêu thứ ăn khó tiêu.

Lại người này có nhiều phương tiện: hoặc niệm chư Phật, hoặc niệm từ bi các nghiệp thiện, nên được thoát khỏi các ác, như gian tặc nhiều phương kế, nung các chỗ hiểm nạn thì không thể làm gì được.

Lại Thánh nhân này đã biết được đạo giải thoát, như con bò chúa đi, như chim nung hư không.

Lại vì thời gian dài lâu tu tập các pháp thiện, nên không đọa ác đạo. Như trong kinh nói: Nếu người thường tu thân giới tâm tuệ, thì quả báo địa ngục có thể hiện chịu nhẹ.

Lại như kệ nói:

*Tu tâm từ bi,
Vô lượng vô ngại.
Có các nghiệp nặng,
Sẽ không đến thân.*

Lại Thánh nhân này tâm bất thiện nghiệp không thể bền chắc, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng.

Lại Thánh nhân này nghiệp thiện sâu xa, như rễ cây hoàn-thù-la.

Lại Thánh nhân này nhiều thiện ít ác. Ác ít mà ở trong thiện nhiều thì không có sức mạnh, như bỏ xuống sông Hằng một lượng muối, không thể làm hoại vị nước được.

Lại Thánh nhân này giàu của tín v.v... Như người nghèo cùng vì một đồng tiền mà bị tội, người giàu có tuy là trăm ngàn cũng không mắc tội.

Lại vì vào Thánh đạo nên được cao quý, như người tôn quý tuy bị tội mà không vào lao ngục.

Lại như cọp sói chó dê, lớn nhỏ giành nhau, con lớn đắc thắng.

Lại Thánh nhân này tâm ngụ nơi Thánh đạo, các tội ác đạo không thể hại được, như vua ngũ nhà trống, những người khác không thể vào được.

Lại Thánh nhân này đi chỗ tự đi, tội nghiệp ác đạo không làm gì được, như thí dụ chim ung.

Lại Thánh nhân tâm buộc 4 niệm xứ, nên nghiệp các ác đạo không làm gì được, như bình tròn đã đặt vào cái đế.

Lại dù 2 thứ kết mới vào ác đạo theo nghiệp chịu báo, Thánh nhân dứt được một thứ, nên không đọa ác đạo.

Lại người này thường hưởng quả báo nghiệp thiện, nên các nghiệp ác đạo không làm gì được.

Lại như trong Phẩm 6 nghiệp trước đã nói nghiệp tướng địa ngục. Thánh nhân không nhân duyên không đọa ác đạo.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 9)

Phẩm 117: Mười thiện đạo

Mười thiện nghiệp đạo, là lia sát cho đến chính kiến là 10 điều nhiếp thuộc vào trong giới luật nghi. Một thời được nhiếp thuộc về thiên Vô sắc luật nghi, và một thời được lia gọi là thiện nghiệp đạo, tức là vô tác.

Hỏi: Các phúc như lễ kính, bố thí v.v... là thiện nghiệp đạo, sao chỉ nói lia là nghiệp đạo?

Đáp: Vì lia là hơn, nên 10 thứ nghiệp này đối với thí v.v... là hơn. Bởi vì sao? Vì bố thí v.v... được phúc báo không bằng trì giới. Như đến khi con người chỉ còn 10 tuổi, nhờ nhân duyên lia giết mà thọ mạng được tăng lên.

Lại 10 nghiệp bất thiện là thật tội, nên lia được gọi là thật phúc.

Lại 3 thứ thiện nghiệp sau là gốc các thiện, cho nên các thiện bố thí v.v... đều gồm trong nghiệp đạo.

Lại nghiệp đạo này có lia roi gây v.v..., vì trước sau hợp nói, nên tất cả các thiện đều thuộc vào trong ấy.

Phẩm 118: Tội lỗi

Hỏi: Nghiệp bất thiện có những tội lỗi gì?

Đáp: Do nghiệp bất thiện nên chịu các khổ địa ngục. Như trong kinh nói: Vì nhân duyên sát sinh nên đọa địa ngục. Nếu được sinh trong loài người, thì chịu quả báo chết yểu. Như vậy cho đến tà kiến.

Lại vì nhân duyên nghiệp bất thiện, nên chịu khổ não lâu, như địa ngục A-tì trải vô lượng tuổi mà thọ mạng không hết.

Lại chúng sinh có tất cả các điều ác bại hoại suy não, đều bởi nghiệp bất thiện.

Lại chưa từng thấy bất thiện mà có lợi ích lớn, như những người hàng thịt, thợ săn v.v..., không bao giờ nhờ nghiệp ấy mà được tôn quý. Hoặc ý ông bảo: Nhờ nhân duyên phá giặc mà được giàu sang. Điều này trong phẩm Ba nghiệp ở trước đã giải đáp.

Lại người làm việc bất thiện, bị quả trách và các phần khổ não.

Lại khiến người khác phải ra làm việc ác, gọi là hung bạo. Cho nên cần phải lìa nghiệp bất thiện này.

Lại trong kinh nói giết có 5 lỗi: Người không tin dùng, bị mang tiếng ác, xa thiện gần ác, khi chết sinh hồi, sau đọa ác đạo.

Lại nhân duyên sát sinh, vui ít khổ nhiều.

Lại làm nghiệp bất thiện, nhiễm ô tâm con người, chất chứa lâu đời khó mà chữa được.

Lại người làm điều bất thiện, từ chỗ tối vào chỗ tối lưu chuyển trong tam đồ vĩnh viễn không ngày ra khỏi.

Lại người làm bất thiện, uống một đời người, như vào núi Tuyết tìm thuốc mà hái phải cỏ độc, thật là rất ngu.

Như vậy nhờ 10 thiện đạo này mới được làm thân người, có điều là không làm thiện đã là một lỗi lớn, huống chi còn khởi ác nghiệp!

Lại người làm bất thiện tuy tự yêu thân mà thật không tự yêu được; tuy tự hộ thân mà thật không phải tự hộ. Vì nhân duyên khởi nghiệp mà tự ão hại.

Lại người này thụ thân giống như người oán tặc tự làm khổ vậy.

Lại nếu làm bất thiện là mình gây giặc cho bản thân, huống chi người khác ư?

Lại làm nghiệp bất thiện, nay tuy không hiện quả báo mà đã mắc phải. Cho nên tuy ít cũng không thể không tin. Như chất độc tuy ít có thể hại người; như nợ tuy ít dần dần sinh lợi tức.

Lại làm ác với người, người thường không quên. Cho nên gây nghiệp tuy lâu xa mà không thể không tin.

Lại người làm bất thiện gọi là mất vui, nghĩa là vì làm bất thiện nên mất quả vui người trời. Không vui điều đáng vui là người ngu lắm vậy.

Lại người làm bất thiện là bị khổ dữ dội đáng thương. Hiện tâm bị ăn năn các khổ, sau chịu khổ nơi ác đạo.

Lại quả báo của nghiệp bất thiện dù bay lên hư không, hay lặn dưới biển cũng không chỗ trốn thoát được, như cây gáo vàng truy đuổi theo Phật.

Lại tất cả nghiệp bất thiện đều do si khởi, cho nên người có trí không nên tùy theo.

Lại trong kinh nói: Phóng túng như người oán, có thể hại các pháp thiện, nên không đáng theo.

Lại nghiệp bất thiện, Chư Phật, Bồ-tát các Thánh hiền ứng chân, thần tiên có 5 thần thông và những người rõ thấu tội phúc không ai không quở trách, cho nên không nên tạo.

Lại hiện thấy người ác tâm mạnh mẽ thì ý chí mờ tối rối loạn buồn bực khổ đau, nên sắc mặt biến khác, người không muốn thấy, huống là khởi nghiệp thân khẩu. Vì các duyên do này, nên biết nghiệp bất thiện có tội lỗi nhiều vô lượng.

Phẩm 119: Ba nghiệp nhẹ nặng

Trong 3 nghiệp, nghiệp nào nặng hơn: thân nghiệp, khẩu nghiệp, hay ý nghiệp?

Hỏi: Có người nói 2 nghiệp thân khẩu nặng, chứ không phải ý nghiệp. Bởi vì sao? Vì nghiệp thân khẩu định thật. Như tội ngũ nghịch đều bởi thân khẩu gây nên.

Lại thân khẩu có thể thành xong việc, như người sinh lòng muốn giết chúng sinh này, cần đem thân khẩu có thể hoàn thành việc ấy, không phải chỉ ý nghiệp gây

được tội sát sinh. Cũng không phải chi phát tâm xây chùa tháp mà được phúc đức.

Lại nếu không có thân khẩu, chi ý nghiệp thì không quả báo, như người phát tâm rằng ta phải bố thí, mà thật không bố thí, thì không có thí phúc.

Lại không chi tùy nghiệp mà việc được thành xong, như người phát nghiệp mở hội Đại thí, mà thật không thí, thì không hội phúc. Nếu tâm nghiệp lớn thì phải được thí phúc, vậy thì nghiệp báo lộn xộn.

Lại trong Luật Tì-ni, ý không phạm tội. Nếu ý nghiệp là trọng đại vì sao không phạm?

Lại nếu phát tâm liền được phúc, thì phúc dễ được, vì sao hành giả bỏ nghiệp dễ này mà tu thí v.v... là những hạnh nghiệp khó tu ư?

Lại nếu như vậy, thì phúc vô tận, như người chi phát tâm suông hoàn toàn không đầu thì chỗ dùng làm sao cho hết được? Vì tài vật có hạn nên phúc mới có thể hết.

Lại không chi phát tâm mà có thể làm tổn hại hay lợi ích cho người khác. Như chúng sinh đói khát cần phải cơm nước, chứ đâu phải tâm nghiệp có thể trừ được đói khát.

Lại người đời rất quan trọng việc suy tổn hay lợi ích, vì tâm nhẹ nhàng mau lẹ khó chế phục, nên không điều ác nào không khởi, thì mình chịu việc suy tổn nặng nề. Nếu phát thiện tâm muốn gây phúc nghiệp, thì mình được lợi lớn, vậy là quá lắm.

Lại nếu ý nghiệp lớn phát tâm muốn sát sinh thì đọa địa ngục. Như vậy tuy lâu tụ tập giới v.v... đâu có ích gì!

Lại tu trì giới v.v... các công đức thiện không có an ổn. Bởi vì sao? Vì chỉ một khi phát tâm liền bị tội.

Lại trong kinh nói: Nghiệp thân khẩu thô nên dứt trước. Vì dứt phiền não thô nên tâm được định.

Lại nếu phát tâm làm tâm rồi, liền phải phạm giới. Nếu phát tâm mà không gọi là tâm, thì lìa tâm tâm này lại có pháp gì gọi là tâm ư?

Lại có bao nhiêu sinh khởi tác nghiệp đều do thân khẩu, không phải do ý nghiệp, như đối gạt người khác ắt do khẩu nghiệp mới bị tội vọng ngữ.

Lại như trước đã nói đủ 4 thứ nhân duyên mới bị tội sát sinh là: có chúng sinh, có tâm tưởng chúng sinh, có tâm muốn sát, dứt mạng sống nó. Do 4 việc thành tội, nên phải biết không do ý nghiệp là trọng.

Lại như Phật nói: Như đứa trẻ nhỏ tập lòng từ từ nhỏ, có thể khởi ác nghiệp, nghĩ ác nghiệp ư? Cho nên biết chỉ là thân khẩu nghiệp ác, chứ không phải ý nghiệp?

Đáp: Ông nói nghiệp thân khẩu nặng, không phải nghiệp ý, điều này không đúng. Bởi vì sao? Trong kinh Phật nói: Tâm là gốc các pháp. Tâm cao tốt, tâm dẫn đường, tâm nghĩ thiện ác. Tức nói tức làm. Cho nên biết ý nghiệp là quan trọng.

Lại ý có sai biệt nên nghiệp thân khẩu mới có sai biệt, như thượng, trung, hạ v.v... Lìa tâm không có thân khẩu nghiệp.

Lại trong kinh nói: Cho nên khởi tác nghiệp ắt phải chịu báo.

Lại nói 7 thứ tịnh phúc, có 3 thứ chi dùng ý nghiệp. Bảy tịnh phúc này, với tài phúc của là hơn.

Lại lòng từ là ý nghiệp, nên kinh nói từ tâm được quả báo lớn. Như kinh nói: Xưa, ta lên 7 tuổi, nhờ tu tập tâm từ nên ở trong 7 đại kiếp, không trở lại thế gian này. Cho nên biết ý nghiệp là quan trọng. Vì quan trọng mới có thể che khắp tất cả vậy giới.

Lại ý nghiệp là trọng, như quả báo ý nghiệp nên sống lâu được 8 vạn đại kiếp.

Lại thế lực của ý nghiệp thắng hơn thân khẩu nghiệp, như người tu thiện khi mạng sắp chết sinh lòng tà kiến, thì đọa địa ngục. Người làm bất thiện khi sắp chết khỏi tâm chính kiến, thì sinh lên trời. Nên phải biết ý nghiệp là quan trọng.

Lại trong kinh nói: Trong các tội, tà kiến là nặng nhất.

Lại nói: Nếu người được thế gian thượng chính kiến, tuy qua lại trong sinh tử cho đến trăm ngàn năm hoàn toàn không đọa ác đạo.

Lại sức của ý nghiệp vượt trội hơn thân khẩu nghiệp. Như trong Kinh Hòa Lợi nói: Ngoại đạo thần tiên một khi nổi giận, liền diệt nước Na-la-vu-đà. Như Đàn-đặc v.v... các chỗ hiểm nạn đều do người tiên nổi giận gây nên.

Lại ý nghiệp có thể mau được quả báo, như trong kinh nói: Nếu người này nay chết lập tức vào địa ngục, lập tức sinh lên trời, như cây giáo mau lẹ lia khỏi tay.

Lại ý nghiệp này chứa nhóm pháp như bản cho đến đọa vào địa ngục A-tì, chứa nhóm pháp thiện cho đến được Nê-hoàn.

Lại tâm có quả báo nên thân khẩu mới có quả báo, vì nghiệp không cố ý không có quả báo.

Lại không lìa ý nghiệp mà có báo nghiệp thân khẩu, nếu ý nương nơi thân khẩu làm thiện hay bất thiện, gọi là thân khẩu nghiệp. Lìa thân khẩu nghiệp, thì ý nghiệp có quả báo; mà lìa ý nghiệp thân khẩu không quả báo. Cho nên biết ý nghiệp là quan trọng, chứ không phải thân khẩu nghiệp.

Tuy ông nói thân khẩu nghiệp là định thật, như tội ngũ nghịch đều do thân khẩu gây nên, cho nên gọi là nặng. Điều này không đúng. Vì nghĩ nặng, sự nặng nên nghiệp mới nặng, không phải thân khẩu nặng nên nặng.

Lại vì tâm quyết định nên nghiệp mới định thật, như chỉ dùng tâm lực vào ngôi vị chính pháp, cũng vì tâm lực có thể đủ nghịch tội. Nếu người vô tâm dù giết phải cha mẹ cũng không bị nghịch tội. Nên biết thân khẩu là không có sức.

Ông nói thân khẩu có thể làm xong việc. Điều đó cũng không đúng. Vì việc rồi gọi là xong. Như cướp mạng sống người khác rồi, mới bị tội sát sinh, không phải khi khởi nghiệp thân khẩu. Khi xong việc còn phải cần dùng đến tâm lực nữa, cho nên không phải thân khẩu.

Ông nói chỉ phát tâm suông không quả báo. Điều này không đúng. Như trong kinh nói: Phát tâm mạnh nên lập tức sinh lên trời, lập tức vào địa ngục. Sao nói ý nghiệp không quả báo ư?

Ông nói không chỉ nhờ nguyện có thể thành sự. Điều đó cũng không đúng. Vì có người phát thiện tâm sâu, được phúc thắng hơn đại thí hội.

Ông nói ý không phạm tội, Điều đó cũng không đúng. Nếu phát ác tâm tức thì bị tội. Như Phật nói có 3 thứ tội là thân, khẩu, ý. Nên biết chỉ phát ác tâm không được vô tội. Có điều là không kết giới vì khó hành trì. Thô tội trì giới có thể ngăn được. Tế tội thì thiên định v.v... mới trừ được.

Ông nói tội phúc dễ. Điều này không đúng. Bởi người tâm lực yếu nên bỏ việc dễ, làm việc khó. Như từ tâm v.v... được phúc rất nhiều, không phải bố thí được như vậy. Chỉ vì chúng sinh trí lực yếu ớt không thể tu ý nghiệp từ bi v.v., nên mới tu bố thí v.v..., đem các thứ hương hoa và dụng cụ cúng dường, vì tịnh tâm khó được.

Ông nói phúc vô tận. Cũng lấy đây mà đáp. Người này nếu có trí lực thì có thể được pháp thiện vô tận.

Ông nói ý nghiệp không làm tôn ích. Điều này không đúng. Vì thân khẩu nghiệp đều do ý nghiệp dẫn đường nên không gọi là thắng. Vì tùy theo sức tự khởi được mới gọi là thắng.

Lại các điều lợi ích đều do tu từ tâm. Sở dĩ vì sao? Vì sức tu hành từ bi nên được mưa thuận gió hòa trăm thứ lúa được thành thực. Như thời đại kiếp sơ, gạo thóc tự sinh. Đến khi con người thọ chỉ còn 10 tuổi thì những điều ấy đều mất hết, làm sao nói từ tâm không lợi ích ư?

Lại người tu tâm từ, có thể trừ hết tất cả gốc nghiệp bất thiện. Vì nghiệp bất thiện có các điều suy não, làm

sao nói tu tâm từ không có lợi ích lớn? Nếu tất cả chúng sinh tu tâm từ thì đều sinh chỗ thiện, tất cả thụ dụng tự nhiên mà có, không cần gia công. Cho nên biết phúc của từ là sâu dày hơn hết.

Lại, hoặc có khi vì từ tâm bỏ thí lợi ích chúng sinh, hoặc chỉ do từ tâm mà lợi ích.

Lại người tu từ tâm, nếu chúng sinh chạm đến thân phần, hoặc vào trong bóng của thân đều được an vui. Nên phải biết phúc của từ tâm thắng hơn phúc đức của bố thí.

Ông nói suy lợi rất lắm. Trước đã đáp việc ấy rồi nghĩa là dùng sức của ý làm tổn hại hoặc lợi ích chúng sinh, cho nên biết ý nghiệp là quan trọng.

Ông nói thời gian lâu tụ tập giới v.v... không có ích gì. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì ý tịnh nên trì giới mới tịnh. Nếu ý bất tịnh, giới cũng bất tịnh như trong Kinh Thất Chủng Dâm nói.

Lại giới thanh tịnh được quả báo lớn, như trong kinh nói người trì giới được sở nguyện tùy ý, là vì giới tịnh vậy.

Lại nếu thanh tịnh trì giới, thì tâm được yên ổn, chứ không phải pháp nào khác.

Ông nói nghiệp thân khẩu thô nên dứt trước. Điều này không đúng. Vì thiện vi tế mới được quả báo lớn, như ý nghĩ trong thiên định.

Ông nói nếu phát dâm tâm liền bị phá giới. Điều này không đúng. Nếu người ý nghiệp không tịnh thì giới cũng không tịnh.

Lại được tội phúc khác, phép kết giới khác.

Ông nói khởi ra tác nghiệp là do thân khẩu. Điều này đã giải đáp chung rồi. Nghĩa là thân khẩu nghiệp pháp khác, ý nghiệp pháp khác. Nghiệp thân khẩu cần do tác thành, như do 4 nhân duyên thành tội sát sinh, không lìa tâm nghiệp.

Lại thế gian chúng sinh cho nghiệp thân khẩu là ác, mà ý nghiệp không như vậy.

Lại ý nghiệp không gia hại với người, cũng không thể được là có.

Lại trước đã nói tướng tội phúc vì bởi tướng này nên chỉ ý nghiệp là quan trọng chứ không phải thân khẩu.

Phẩm 120: Nói rõ nghiệp nhân

Luận giả nói: Đã lược nói các nghiệp. Nghiệp là nhân duyên thụ thân. Thân là bản tính khổ nên phải diệt trừ. Muốn diệt thân này phải dứt nghiệp nhân, vì nhân diệt nên quả cũng diệt, như nhân hình có bóng, hình diệt thì bóng diệt. Cho nên, nếu muốn diệt khổ phải siêng năng tinh tiến dứt nghiệp nhân này.

Hỏi: Do nghiệp thụ thân, điều này cần hiểu rõ. Bởi vì sao? Hoặc có người nói: Thân do Bà-la-già-đề sinh, có người nói do trời Tự Tại sinh, hoặc nói do Đại nhân sinh, hoặc nói do tự nhiên sinh. Cho nên phải nói lý do vì sao biết do nghiệp sinh?

Đáp: Điều này đã dùng nhiều thứ nhân duyên phá rồi. Phải biết do nghiệp thụ thân.

Lại muôn vật có nhiều thứ tạp loại, nên biết nhân cũng sai khác, như thấy lúa bắp v.v... khác, biết giống không đồng, thì trời Tự Tại vì không sai khác, nên phải biết không phải nhân. Nghiệp vì có vô lượng sai khác, nên mới thụ nhiều thứ thân khác nhau.

Lại các người thiện đều tin bởi nghiệp nên thụ thân. Bởi vì sao? Vì những người này thường tu các pháp thiện như thí, giới, nhẫn v.v..., lìa các pháp bất thiện như sát sinh v.v... Nên biết do nghiệp thụ thân.

Lại nếu bởi nghiệp thụ thân thì là có thể trở lại được chân trí, dứt tà trí. Vì tà trí dứt, nên tham sân v.v... các phiền não đều dứt. Vì các phiền não dứt, nên nghiệp nặng khởi thân sau cũng dứt. Đó gọi là có thể trở lại. Trong nhân Tự Tại v.v... thì không trở lại được, vì Tự Tại v.v... không dứt được, nên biết do nghiệp thụ thân.

Lại hiện thấy quả cùng nhân giống nhau, như do bắp sinh bắp, do lúa sinh lúa. Như vậy do nghiệp bất thiện được báo không ưa thích, do nghiệp thiện được quả báo ưa thích. Trong nhân Tự Tại v.v... không có giống nhau này. Cho nên nghiệp là gốc của thân, chứ không phải trời Tự Tại v.v....

Lại nay hiện thấy muôn vật đều do nghiệp sinh, vì nhân ác nghiệp nên bị chịu đánh, bắt, trói, nhốt, roi, gây chết v.v... các khổ, nhân thiện nghiệp được tiếng khen, lợi dưỡng v.v... vui sướng. Người tùy ý nói lời ái ngữ, thì

được hưởng quả báo tùy ý, nên biết do nghiệp thụ thân, không phải Tự Tại v.v....

Lại người đời tự biết muôn vật do nghiệp nhân sinh nên khởi làm các sự nghiệp cấy lúa mạ, và cũng tu thí, giới, nhẫn v.v... các nghiệp phúc, không ai ngồi yên mà trông ông trời Tự Tại ban cho điều mình muốn, nên biết do nghiệp được quả báo.

Lại như những người tuy nói do Tự Tại mà họ cũng phải nương nhờ các nghiệp, nghĩa là tự khổ thân và thụ trai pháp v.v.... nên biết lấy nghiệp làm nhân.

Lại nếu việc không hiện có, phải theo người khác mà thụ giáo, nghĩa là chỗ sở hành của Thánh nhân, tất cả Thánh Hiền nhờ giới v.v... các pháp thiện, nên biết vì do nghiệp nhân mới có thể gian pháp. Nếu lìa giới v.v... cũng không có Thánh nhân, nếu không Thánh giáo thì hành nghiệp trái lỗi, cho nên biết do nghiệp thụ thân.

Lại tu giới v.v... các nghiệp thiện, nên có thể thành các việc thần thông biến hóa, nên biết lấy nghiệp làm nhân.

Lại địa ngục v.v... trong các ác thú, sân nã v.v... nhiều, cho nên biết do sân nã v.v... mà có các ác thú, như thấy quả trên cây biết cây là nhân, cho nên biết nghiệp là gốc của thân.

Lại trong ác đạo do sức mạnh của si v.v..., nên phải biết phiền não là nhân ác đạo, vì tất cả bất thiện đều do si.

Lại sinh các ác đạo thì nhiều, mà sinh về chỗ thiện thì ít. Mắt thấy người giết v.v... người làm ác nhiều, người làm thiện ít. Nên biết việc giết v.v... là nhân ác đạo.

Lại việc giết v.v... bị người thiện quở bỏ không làm, vì người thiện biết giết v.v... chắc chắn có quả báo, nên mới quở bỏ không làm. Nếu biết không quả báo ác thì vì sao bỏ?

Lại tâm của các người thiện nếu khởi ác tức liền siêng năng ngăn chặn, vì sợ ác báo. Nên phải biết giết v.v... chắc chắn có ác báo. Nếu không phải vậy, thì tùy ý tung hoành là vui sướng thì chúng sinh ăn được cứ giết ăn, của cải người cứ cướp, vợ người cứ dâm, cũng đều cho là vui sướng cả. Vì sợ khổ báo đời sau nên mới xa lìa các việc ấy, nên biết do nghiệp có thân.

Lại tu tập chính trí nên dứt hết nghiệp hữu lậu thì không thụ thân, nên biết nghiệp là cội gốc.

Lại A-la-hán tuy có các nghiệp hữu lậu, vì tu chính trí nên nghiệp không nhóm, nên biết nghiệp là nhân thụ thân. Vì nhân của thân diệt nên thân cũng diệt theo.

Lại vì nhờ biết 4 đế nên nhờ 4 đế mà phiền não vĩnh viễn không sinh khởi lại nữa. Vì không khởi nên không có thân. Người trí suy nghĩ như vậy, nên muốn biết 4 đế. Cho nên biết nghiệp là nhân của thân.

Lại nếu nhân duyên không đủ thì không thụ thân, như đất khô giống hư thì tất cả mầm không mọc được. Như vậy nơi đất thức mà không có nước ái thấm nhuần hạt giống nghiệp bị chân trí làm hư, thì thân sau là mầm không nảy sinh được. Người trí vì biết điều này nên muốn làm khô đất thức, làm hư hạt giống nghiệp, nên mới siêng năng gia công tinh tiến. Cho nên biết nghiệp là nhân duyên thụ thân.

Xong phần luận về nghiệp.

Phẩm 121: Tướng của phiền não, trong luận về phiền não của nhóm tập đế

Luận giả nói: Đã nói các nghiệp, các phiền não, nay sẽ nói làm bản tâm gọi là phiền não.

Hỏi: Sao gọi là bản?

Đáp: Nếu tâm có thể khiến sinh tử nối nhau luôn, đó gọi là bản. Sự sai khác của tâm bản là: tham, sân, si v.v..., tâm bản này gọi là phiền não, cũng gọi pháp tội, cũng gọi pháp thoái lui, cũng gọi là pháp ẩn chìm, cũng gọi là pháp nóng và cũng gọi là pháp ăn năn. Có các tên như vậy. Tâm bản này tu nhóm gọi là sử, không phải chỉ khi tâm bản sinh gọi là sử.

Phiền não là tham, sân, si, nghi, kiêu mạn và 5 thứ kiến. Do 10 thứ sai khác này nên mới có 98 thứ sử. Tham là mừng vui 3 cõi, cũng mừng vui vô hữu gọi là tham. Như trong kinh nói: Dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Vô hữu gọi là đoạn diệt. Chúng sinh bị khổ ép ngặt, nên muốn diệt ám thân cho cái không đó là vui.

Hỏi: Mừng vui là tướng thụ, chứ không phải tướng tham. Như trong kinh nói nghĩa nay mừng, sau mừng là nói đời nay thụ vui, sau cũng thụ vui.

Lại nói nghĩa nay buồn sau buồn là nói đời này chịu khổ, đời sau cũng chịu khổ.

Lại như trong lời trời hỏi rằng có con thì mừng. Phật đáp: Có con thì lo. Các việc như vậy?

Đáp: Tham là một phần của mừng. Như trong kinh nói: Thụ làm nhân duyên cho ưa vui, trong thụ tham sai

khiến, trong đoàn thực có mừng có tham, mừng hết nên tham cũng hết. Cho nên biết tham là một phần của mừng. Vậy là không lỗi. Vì sao biết được? Như trong kinh nói: Tập đế: Nghĩa là khao khát. Khao khát là thế nào? Là muốn được thân sau. Hành tướng thế nào? Là nương dựa lòng tham muốn được đủ thứ.

Hỏi: Nếu nói muốn được thân sau là tướng khao khát, vì sao nói nương dựa lòng tham muốn được đủ thứ?

Đáp: Lại còn có tướng khao khát, như nói muốn được đủ thứ là nói tướng chung; muốn được thân sau là nói tướng riêng. Người lìa dục cũng có muốn được các thứ như khi khát muốn được nước v.v..., đó không phải nhiếp vào tập đế. Nếu nương dựa lòng tham muốn được thân sau, khao khát này mới gọi là nhiếp vào tập đế.

Hỏi: Nếu như khao khát cũng là mừng, tham cũng là mừng vì sao nói nương dựa lòng tham?

Đáp: Mới sinh gọi khát, tăng trưởng gọi là tham, nên nói nương dựa. Như trong kinh nói: Ưa thích trói buộc trong thế gian. Cho nên mừng tức là tham.

Lại trong kinh nói: Diệt trừ tham buồn các pháp bất thiện. Trong đó tham tức là mừng, buồn tức là giận. Như nói giận là buồn thì biết cũng nói mừng là tham. Cho nên trong 18 ý hành, không nói phiền não, mà chỉ nói các thứ thụ, nên biết phần mừng là tham.

Lại phàm phu lìa tham không thể thụ vui, lìa giận không thể thụ khổ, lìa si không thể thụ không khổ không vui. Làm sao biết được? Trong thụ thứ 3 nói: Người phàm phu trong thụ này, không biết tập nhân, không biết diệt

trừ, không biết ý vị, không biết tội lỗi, không biết xuất ly, nên với trong thụ không khổ không vui bị vô minh sử sai khiến. Người phạm phu ấy thường không biết 5 pháp này, nên thường đối với trong thụ không khổ không vui bị vô minh sử sai khiến. Vô minh sử tức là tính không biết của thụ hành. Như vậy phạm phu tâm hành khổ vui cũng tức là tham giận.

Lại như bắt đầu đến tại tâm gọi là thụ, tăng trưởng minh liễu gọi là phiền não.

Lại tâm mềm xuống gọi là thụ, cũng tức tâm ấy tăng lên gọi là phiền não.

Phẩm 122: Tướng của tham

Luận giả nói: Tham này trong 9 thứ kết buộc cả 3 cõi gọi là ái. Trong 7 sử chia làm 2 thứ là dục tham và hữu tham. Bởi vì sao? Vì có người đối với 2 cõi trên sinh tướng giải thoát. Cho nên Phật mới nói nơi đó gọi là hữu. Hữu gọi là sinh. Nếu không tham thì không sinh. Cho nên đặc biệt nói hữu tham. Không phải chỉ có dục tham. Hoặc nói chỉ dục tham là phiền não, hết dục tham gọi là được giải thoát. Cho nên Phật nói: Thiên trong Vô sắc cũng có hữu tham. Phật chỉ rõ trong đó có trói buộc vi tế. Cho nên đặc biệt nói tham này, ở trong 10 đường bất thiện và trong 4 trói buộc gọi là tham dục. Tham dục mà gọi là dục, vì muốn được vật của người khác. Ở trong 5 thứ ngăn che và trong hạ phần kết gọi là dục dục. Dục dục mà gọi là dục, vì ở trong 5 dục. Trong 3 bất thiện căn gọi

là tham bất thiện căn. Tham bất thiện căn là có thể sinh trưởng các pháp bất thiện. Tham này, nếu tham phi pháp gọi là ác tham, như trộm cướp vật của người khác, cho đến lấy vật của tháp, chùa, Tăng chúng; hoặc chúng sinh chưa chết mà muốn ăn thịt, hoặc muốn đâm mẹ, chị, em gái, vợ của thầy, người xuất gia và vợ của mình mà đâm chổ phi đạo, đều gọi là ác tham.

Nếu vật của mình không muốn xả cho, gọi là xan, xan tức là tham.

Nếu thật không công đức, mà muốn khiến người ta bảo là có, gọi là ác dục.

Nếu thật có công đức, mà muốn cho người ta biết gọi là phát dục.

Nếu muốn được thí nhiều, được nhiều vật, gọi là đa dục.

Nếu được thí ít, ít vật, mà cầu thứ tốt không biết chán gọi là bất tri túc.

Nếu chấp đắm sâu về chủng tính, dòng họ, danh sắc, của cải, tuổi trẻ, tuổi thọ v.v..., gọi là kiêu dật.

Nếu tham 4 vật cúng dường, gọi là tứ ái.

Lại tham này có 2 thứ một là dục tham, hai là cụ tham.

Lại có 2 thứ một là ngã tham, hai là ngã sở tham. Một duyên nội, hai duyên ngoại. Tham 2 cõi trên một bề duyên nội.

Lại có 5 thứ: 1. Tham sắc. 2. Tham hình. 3. Tham xúc. 4. Tham oai nghi ngôn ngữ. 5. Tham tất cả.

Lại tham sắc, thanh, hương, vị, xúc gọi là tham 5 dục.

Lại với 6 thứ xúc sinh ái gọi là tham 6 trần.

Lại tham ở trong 3 thứ thụ: Trong lạc thụ có tham muốn được, có tham giữ gìn. Trong khổ thụ có tham không muốn được, có tham muốn mất. Trong bất khổ bất lạc thụ có tham si.

Lại tham này có 9 phần, như trong Kinh Đại Nhân nói: Do ái nên tìm cầu chỗ mong muốn. Như người bị điều này làm khổ thì tìm việc khác, như nói người vui không cầu, người khổ nhiều cầu. Tham này tăng trưởng gọi là cầu. Khi cầu, nếu được gọi là đắc. Ưa thích nhân được thì trừ tính là nên lấy hay không nên lấy. Nếu tâm quyết định gọi là nhân trừ tính nên ưa muốn, nhân ưa muốn nên tham đắm, tham đắm gọi là ái sâu. Nhân tham đắm duyên thù, thù gọi là thụ, nhân thụ sinh keo kiệt, nhân keo kiệt nên giữ gìn, nhân giữ gìn nên mới sắm đủ thứ roi, gậy, dao, xà mâu v.v.... Đó gọi là 9 phần.

Lại có 9 phần nữa là tham tùy thời, nên có thượng, trung, hạ là hạ hạ, hạ trung, hạ thượng; trung hạ, trung trung, trung thượng, thượng hạ, thượng trung, thượng thượng.

Lại thế gian chia tham này làm 10 thứ: 1. Như khi thấy sắc đẹp trước tiên tâm cho là được. 2. Tiếp đó sinh muốn. 3. Phát nguyện. 4. Nghĩ nhớ. 5. Theo bắt chước làm. 6. Quên xấu hổ. 7. Thường ám ảnh trước mắt. 8. Phóng dật. 9. Cuồng si. 10. Chết ngất. Đó là tướng tham.

Phẩm 123: Nhân của tham

Hỏi: Tham đó sinh như thế nào?

Đáp: Như trong cảnh duyên nữ sắc v.v... sinh nghĩ nhớ tà vạy như hoặc sắc, hoặc hình, hoặc xúc, hoặc điệu bộ nói năng là sinh tham dục.

Lại nếu không giữ gìn các cửa mắt tai thì sinh tham dục.

Lại như với việc ăn uống không biết độ lượng là sinh tham dục.

Lại gần gũi nữ sắc thì sinh tham dục.

Lại hưởng các thú vui thì sinh tham dục.

Lại vì ngu si nên sinh tham dục như với bất tịnh tướng là tịnh.

Lại bởi ác tri thức nên sinh tham dục, như đem khăn nhơ nhớp mà gói áo sạch.

Lại vì cộng sự với người đa dục, nên sinh tham dục.

Lại đối với thân thụ v.v... 4 pháp sinh nghĩ nhớ vọng tưởng là bị tham dục lôi kéo, như bình tròn không có đế, như hoa không rễ xâu.

Lại như biếng nhác không siêng tu thiện thì tham dục dễ sinh.

Lại đi chỗ không nên đi, thì bị tham xâm nhập, như là nơi dâm nữ, quán rượu, hàng thịt v.v..., ví như loài chim ưng, đại bàng.

Lại quán bất tịnh v.v... chưa có thể phá hoại được cảnh duyên thì tham dục đắc vậy.

Lại từ lâu xa đến giờ, thường quen tham dục, thành tham sử nên dễ sinh.

Lại với cảnh duyên nữ sắc v.v... ưa thủ tướng, thủ liễu. Thủ tướng là lấy các tướng tay, chân, mặt, mắt, lời nói, giỡn cười, nhìn ngắm, khóc lóc v.v.... Thủ liễu là phân biệt trai gái hình trạng sai khác. Như vậy thủ lấy, thủ lấy rồi nghĩ nhớ phân biệt thì sinh tham dục.

Lại tâm nghĩ lường yếu ớt nên cứ chạy theo cảnh duyên không thể ngăn chặn được, thì sinh tham dục.

Lại nếu sinh tham dục nhẫn chịu không bỏ, thì ngày càng tăng thêm từ hạ sinh trung, từ trung sinh thượng.

Lại trong tham dục chỉ thấy say đắm mùi lợi lạc mà không biết tội lỗi, thì sinh tham dục.

Lại vì thời tiết nên sinh tham dục, như mùa xuân v.v....

Lại vì nơi chốn nên sinh tham dục, như có địa phương từ xưa nay nhiều thói dâm dục.

Lại tùy theo thể lực, nên sinh tham dục, như tuổi trẻ, không bệnh hoạn và đồ nuôi sống đầy đủ.

Lại vì lực có thể nên sinh tham dục, như uống thuốc tăng lực v.v....

Lại được tịnh diệu tùy ý ngũ dục thì sinh tham dục. Nghĩa là thấy sắc đẹp hoa ao, vườn rừng, sum sê xanh tốt, nước suối chảy mát mẽ, mây đẹp, điện chớp sáng, gió đưa hương đến, hoặc nghe tiếng kêu áo não của chim chóc

hòa nhau, và nữ nhân trang điểm dáng điệu dịu dàng, nói năng cử chỉ v.v....

Lại vì nghiệp nhân duyên nên sinh tham dục, như người thanh tịnh thì hay ưa thích tịnh diệu ngũ dục, mà người tội lỗi thì ưa bất tịnh.

Lại vì từng loại nên sinh tham dục, như người thì tham dục người.

Lại đắm sâu giả danh thì sinh tham dục. Người này đối bên trong sinh tướng sĩ phu, bên ngoài sinh tướng nữ lưu và áo mặc, người oan, người thân các tướng.

Lại vì chưa được không tâm, nên trong thấy chúng sinh, ngoài thấy sắc v.v... thì sinh tham dục.

Lại nếu tham sử chưa diệt hết, ái duyên hiện tiền, trong đó sinh nghĩ nhớ tà vạy. Những nhân duyên như vậy v.v... tức sinh tham dục.

Phẩm 124: Tội lỗi của tham

Hỏi: Tham dục có những lỗi gì nên muốn dứt ư?

Đáp: Tham dục thật khổ, phạm phu điên đảo vọng sinh tướng vui, người trí thấy khổ, thấy khổ thì phải dứt.

Lại thụ dục thì không bao giờ biết chán, như uống nước mặn, càng uống càng khát. Vì càng khát thì làm sao được vui?

Lại vì thụ dục nên các ác đều tụ tập và có dao gậy v.v... xảy ra đều bởi tham dục.

Lại trong kinh nói: Tham tội nhẹ mà khổ bỏ. Vì đối với giận dữ nên gọi là tội nhẹ, kỳ thật là nặng.

Lại tham làm nhân duyên cho thân sau, như nói ái làm nhân duyên cho thù, cho đến tụ tập thành khổ lớn.

Lại nói nhân khổ là ái.

Lại nói Tì-kheo phải suy nghĩ kỹ xem có bao nhiêu các khổ và do đâu mà có? Phải biết đều lấy thân làm nhân duyên, thân là nhân nơi ái.

Lại nói trong đoàn thực có hỷ có tham, cho nên thức sinh trong đó. Phải biết ái làm nhân duyên của sự thụ thân.

Lại tham này thường hành động trong bất tịnh, như nữ nhân v.v.... Thân tâm nữ nhân là bất tịnh, như cục phân được bọc lại, có thể làm ô uế, như rắn độc có thể cắn hại.

Lại tham dục này thường hành động trong si, như trong kinh nói: Ví như chó gặm xương khô dính máu, vì nước dãi thấm vào, nên tưởng cho là ngon. Người tham cũng vậy, trong cái dục vô vị, mà vì sức tà điên đảo cho là có hương vị.

Lại như miếng thịt v.v... có 7 thứ ví dụ.

Hoặc có người bảo với việc trong quá khứ vị lai mà sinh tham dục cho nên biết thường hành động trong si.

Lại chúng sinh vì nhân duyên tham dục nên vui ít khổ nhiều. Bởi vì sao? Vì như hương giàu sang thì ít, mà lúc tán hoại thì nhiều.

Lại người ái dục là vì nhân vui nên chịu đủ các thứ khổ. Nghĩa là khi tìm cầu khổ, khi giữ gìn khổ, khi thụ dụng cũng khổ luôn. Như trồng lúa, buôn bán, chinh chiến, làm quan v.v.... Khi tìm cầu là khổ. Khi giữ gìn lo sợ mất mát nên khổ, hiện tại không chán nên khổ.

Lại đoàn tụ vui yêu ít, ly biệt khổ nhiều. Cho nên biết tham dục có nhiều tội lỗi.

Lại như Phật nói ái dục có 5 thứ tội lỗi: 1. Ý vị ít mà lỗi nhiều. 2. Các kết bùng phát. 3. Đến chết không chán. 4. Bị Thánh trách bỏ. 5. Không ác nào không tạo.

Lại tham dục này thường khiến chúng sinh thuận theo dòng sinh tử, xa lìa Nê-hoàn. Có các tội lỗi như vậy nhiều vô lượng. Nên phải biết tham dục là nhiều tội lỗi.

Lại sinh các phiền não đều bởi tham dục, như tham thân nên khởi các phiền não về thân.

Lại không nhổ gốc ái sử thì thường xuyên bị khổ, như không chặt cây độc thì thường hại người.

Lại tham có thể khiến chúng sinh gánh gánh nặng.

Lại trong kinh nói: Tham ái là trói buộc, như bò đen bò trắng tự không buộc nhau, chỉ bởi dây buộc. Như vậy mắt không buộc sắc, sắc không buộc mắt, mà tham dục ở trong đó buộc. Nếu duyên là buộc, thì không được giải thoát.

Lại trong kinh nói: Chúng sinh bị vô minh che khuất bị ái kết trói buộc, qua lại trong sinh tử không cùng tận.

Lại trong kinh nói: Tham dứt nên sắc dứt, cho đến thức cũng dứt. Tham này nhờ quán vô thường v.v... mới

dứt được. Dứt được tham dục này thì tâm được giải thoát. Sắc tham dứt thì không sắc. Không sắc thì khổ diệt, cho đến thức cũng như vậy. Cho nên biết tham dục là trói buộc bền chắc.

Lại tham dục như giấc mà chúng sinh không thấy cái ác của nó.

Lại tham dục thường hành động trong sự mềm dịu đẹp đẽ nên gọi là thâm ác.

Lại tâm chúng sinh ưa khởi tham dục, cho đến loài muỗi, kiến cũng đều ở trong uống ăn, dâm dục mà khởi.

Lại tham dục này có nhiều thứ nhân duyên có thể buộc lòng người, như là cha mẹ, anh em, chị em vợ con và của cải v.v....

Lại chúng sinh vì tham dục ăn uống, dâm dục v.v... che tâm nên mới có thể thụ sinh. Nếu tham thiền định thì sinh cõi trên.

Lại tham dục này có thể làm hòa hợp tất cả sở thích khác nhau của thế gian. Tham dục làm hòa hợp lại, giống như cát trộn với nước là dính nhau lại.

Lại trong sinh tử lấy tham ái làm khí vị, như nói trong sắc đắm vị. Nghĩa là do sắc sinh hoặc mừng hoặc vui. Nếu không tham thì không có khí vị, không khí vị thì có thể mau dứt sinh tử.

Lại tham dục này trái nhau với giải thoát. Bởi vì sao? Vì chúng sinh vì tham đắm vui dục lạc, vui thiền định nên không vui muốn giải thoát.

Lại tùy dứt được một phần tham, tức được biến thành một phần vui, như nói tùy chỗ lìa dục chuyển thành vui sâu sắc.

Lại nói: Nếu muốn được các vui, phải bỏ tất cả dục. Bỏ tất cả dục nên được rốt ráo thường vui. Nếu muốn được cái vui lớn, phải lìa bỏ cái vui nhỏ. Bỏ cái vui nhỏ nên có thể được cái vui vô lượng.

Lại nói: Người trí không có cái lợi nào khác bằng lìa lìa bỏ tâm tham ái. Tùy tâm lìa tham ái thì diệt các khổ não.

Lại tham dục này làm hại thiện pháp. Bởi vì sao? Vì người nặng tham đắm thì bất chấp giới luật, chùng tính, giáo pháp, oai nghi, danh dự, không lĩnh thụ giáo hóa, không thấy sự suy bại, không coi tội phúc ra gì, như cuồng như say không biết tốt xấu; cũng như người mù không thấy phúc lợi. Như nói: Tham dục không thấy lợi; tham dục không biết phân biệt phải trái, giống như mù lòa không biết, vì không diệt trừ tham dục.

Lại nói: Tham dục là biển cả, không bờ cũng không đáy, sóng mồi xoáy sâu, ác trùng và qui La-sát, các hiểm nạn như vậy, không ai quá khỏi được, chỉ có ở trong thuyền tịnh giới, nhờ sức gió chính kiến, Phật là vị thuyền trưởng có thể chỉ dẫn đường chính, đúng như nói mà tu hành, thì mới qua được.

Lại trong các phiền não không có tướng nhớ phân biệt khí vị nào bằng tham dục.

Lại tham dục này là khó dứt, như trong kinh nói có 2 thứ ước muốn khó dứt: một là muốn được, hai là muốn sống lâu.

Hỏi: Tham dục có những lỗi như vậy, làm sao biết được tướng của người tham dục?

Đáp: Người nhiều tham dục thì ưa vui nữ sắc và hoa hương, đồ trang sức, ca nhạc, múa hát; thường đến nhà dân nữ nhóm họp, ăn uống; ưa tụ họp đông đảo và các đồ dụng cụ vui chơi, ưa đem lời ái ngữ, tâm thường vui mừng, sắc diện tươi hòa, gợi ý hỏi han, cười cười nói nói, khó giận dễ vui, dễ tâm chiếu cố, thân thể mau lẹ, tính tình tháo vát, tự chấp chặt bản ngã. Những tướng như vậy gọi là tướng nhiều tham dục. Tướng này cùng với tính trói buộc đều thuận nhau, cho nên khó dứt.

Lại tất cả tham dục rất ráo đều khổ. Bởi vì sao? Vì những việc tham ái, được thì chắc chắn phải có lìa tan, lìa tan ắt có buồn khổ. Như nói người, trời đều thích sắc, tham sắc, ưa sắc, đắm sắc. Khi sắc này hoại thì tâm hối tiếc buồn rầu. Thụ, tướng, hành, thức cũng đều như vậy.

Lại trong các kinh Phật nói nhiều ví dụ để quả trách tham dục này. Nghĩa là có thể hại tuệ mạng, nên nói là độc. Ở trong tâm thì đau nên gọi là gai, có thể dứt thiện căn nên gọi là dao, có thể đốt thân tâm nên gọi là lửa, có thể sinh các khổ nên gọi là oán, từ trong tâm sinh ra nên gọi là giặc bên trong, vì khó nhỏ nên gọi là rễ sâu, có thể làm bản danh dự nên gọi là đất bùn, ngăn trở đường thiện nên gọi là chướng ngại, đau bên trong nên gọi là mũi tên đâm trong tim, khởi các ác nên gọi là bất thiện căn, chảy vào biển sinh tử nên gọi là sông, trộm cướp của thiện nên gọi là giặc. Tham dục có vô lượng tội lỗi như vậy cho nên cần phải dứt.

Phẩm 125: Dứt trừ tham

Hỏi: Tham dục có những lỗi như vậy, làm sao dứt?

Đáp: Lấy bất tịnh quán v.v... mà ngăn, vô thường quán v.v... mà dứt.

Hỏi: Có người biết vô thường nên càng tăng tham dục, việc ấy thế nào?

Đáp: Nếu người có thể biết tất cả vô thường thì không tham dục. Như trong kinh nói: Khéo tu tướng vô thường nên có thể phá hoại được tất cả tham dục, tham sắc, tham vô sắc, tất cả hí lộng, kiêu mạn và vô minh.

Lại nếu người có thể thấy thế gian đều khổ, khổ bởi nhân duyên tham, thì tham này dứt.

Lại nếu người thường nghĩ rằng mình chắc phải chịu khổ sinh lão bệnh tử, thì tham này dứt.

Lại như được cái lạc thanh tịnh thì bỏ cái lạc bất tịnh. Như được Sơ thiên thì bỏ dục ái.

Lại thấy lỗi của tham dục là có thể dứt được. Lỗi như trước đã nói.

Lại vì đa văn v.v... trí tuệ tăng trưởng nên có thể dứt tham dục vì tính trí tuệ phá phiền não.

Lại nhờ nhân duyên thiện đầy đủ, thì tham dục dứt, nghĩa là tịnh trì giới v.v..., và 11 thứ định cụ. Điều này sẽ nói trong đạo đế.

Lại sắc trí v.v..., pháp trí v.v... các phương tiện, Phật là vị thầy thuốc lớn, các đồng học là những người sai khiến, chính pháp là thuốc, tự như nói mà làm đúng, thì

bệnh tham dục dứt. Như có người biết bệnh và đầy đủ 3 việc ấy thì bệnh khỏi tức thì.

Hỏi: Như trong kinh nói dùng bất tịnh quán để trừ tham dục. Vì sao nói bất tịnh v.v... và vô thường v.v...?

Đáp: Tất cả Phật pháp đều vì phá các phiền não. Nhưng đều có sức thắng riêng. Trước tiên dùng bất tịnh quán để ngăn tham dục, sau mới lấy trí vô thường mà dứt.

Lại dùng bất tịnh để trừ tham dục thô, điều đó được nhiều người biết, còn tham sử thì vi tế nên phải dùng vô thường mới dứt được.

Lại chi trong một kinh đó nói như vậy, chứ trong các kinh khác cũng nói các pháp khác cũng có thể dứt. Nhân duyên như vậy thì tham dục dứt.

Phẩm 126: Sân nhuế

Luận giả nói tướng giận dữ là như giận người này muốn khiến người này diệt mất, nhờ người khác trối đánh giết hại, nhất quyết trừ bỏ không muốn thấy. Giận này gọi là Ba-la-đề-già, nghĩa là giận hạng nặng. Có thứ giận chỉ muốn mắng nhiếc đánh đập người khác gọi là Vi-hân-bà, là giận hạng trung. Có thứ giận không muốn bỏ rời như bởi ghét, yêu vợ con mà sinh, gọi là Câu-lô-đà; là giận hạng nhẹ. Có thứ giận thường nhiễm ô tâm, gọi là Ma-xoa, là không trả thù. Có thứ giận ở mãi nơi tâm không bỏ, cần muốn trả thù, gọi là Ưu-bà-na-ha, là trả thù. Có thứ giận vội chấp một việc, dù nhiều lời khuyên nhủ quyết

không muốn bỏ, như sư tử muốn qua sông, cứ nhắm đến bờ bên kia, chết cũng không nao núng, gọi là Ba-la-đà-xá, nghĩa là chấp chặt. Có thứ giận thấy người ta được lợi, tâm sinh ganh ghét, gọi là I-sa. Có thứ giận thường ưa tranh tụng, tâm khẩu cương cường, gọi là Tam-lam-ba, nghĩa là giận tranh giành. Có thứ giận, hoặc sư trưởng dạy dỗ mà nghịch chống lại, gọi là Đầu-hòa-già, nghĩa là phản kháng. Có thứ giận như được việc chút ít không vừa lòng thì tâm sinh bối rối gọi là A-sần-đề, nghĩa là không nhẫn nhịn. Có thứ giận nói lời không nhỏ nhẹ thường hay nhăn nhó không có sắc mặt hòa dịu. Nói năng cướp lời trước, gọi là A-bà-cật-lược, nghĩa là không vui lòng. Có thứ giận đối với người ở chung thường hay mắng nhiếc, gọi là A-táo-la-cô, nghĩa là không thuận hòa. Có thứ giận dùng thân khẩu ý xúc não người đồng học, gọi là thắng kỳ, nghĩa là xúc hại. Có thứ giận thường hay cầu nhau và chê bai đủ thứ, gọi là Đẳng-đan-na-tha, nghĩa là khó tính.

Hai thứ giận này, hoặc nhân chúng sinh hoặc không nhân chúng sinh. Nhân chúng sinh gọi là tội nặng.

Lại có thượng, trung, hạ phân biệt làm 9 phẩm.

Lại nhân 9 thứ phiền não phân biệt làm 9, và vô sự nổi giận ngang ấy là thứ 10.

Hỏi: Giận này làm sao sinh?

Đáp: Từ việc không vừa ý khổ não mà sinh.

Lại vì không biết đúng cái tính của khổ thụ, nên sinh giận dữ.

Hoặc từ quả mắng roi vọt v.v... mà sinh.

Hoặc cùng làm việc với người ác mà sinh giận dữ, như hàng thịt, thợ săn v.v....

Hoặc vì do trí lực yếu ớt nên sinh giận dữ như cành nhánh cây bị gió làm lay.

Hoặc tích chứa giận dữ lâu ngày đến nỗi thành tính nên sinh giận dữ.

Hoặc gốc từ dòng hàng thịt, thợ săn và loài rắn độc lai sinh làm người thì sinh giận dữ.

Hoặc ưa nhớ lỗi của người khác nên sinh giận dữ, như trong 9 thứ phiền não đã nói.

Hoặc tùy thời tiết nên sinh giận dữ, như đến khi người chỉ còn 10 tuổi v.v....

Hoặc bởi loài giống nên sinh giận dữ, như loài rắn độc v.v....

Hoặc bởi địa phương nên sinh giận dữ, như người nước Khương Cù v.v....

Lại như trước đã nói nhân duyên sinh tham, cùng mâu thuẫn với tham thì sinh giận dữ.

Lại tâm chấp ngã, kiêu mạn bùng phát mạnh và say đắm tài vật một cách sâu đậm, các nhân duyên như vậy v.v..., thì sinh giận dữ.

Hỏi: Giận này có những tội lỗi gì?

Đáp: Trong kinh nói giận là tội nặng đối với tham dục. Cho nên nói là dễ cởi bỏ, mà kỳ thật là khó gỡ. Có điều là không bằng tham đeo bám lâu nơi tâm.

Lại giận tạo ra 2 cái phiền não. Trước đốt hại nơi mình, sau đốt hại nơi người.

Lại giận chắc chắn là địa ngục, vì do giận đa phần khởi nghiệp đọa địa ngục.

Lại giận có thể phá hoại phúc thiện, nghĩa là thí, giới, nhẫn 3 pháp này đều do tâm từ v.v... sinh ra, giận thì mâu thuẫn với tâm từ nên nói là có thể phá hoại.

Lại do giận khởi nghiệp đều bị tiếng xấu.

Lại do giận khởi nghiệp về sau tâm phải ăn năn.

Lại người hay giận hờn, là người không có lòng thương yêu, nên gọi là người hung bạo, vì chúng sinh đã thường khổ mà lại vì giận làm hại thêm, như ung nhọt, như lửa.

Lại trong kinh tự nói lỗi của giận là người nhiều giận thì hình sắc xấu xí, ngủ thức không yên vì tâm thường lo sợ bị người khác không tin v.v....

Hỏi: Người nhiều giận dữ có những tướng ra sao?

Đáp: Tâm khẩu cương cường thường không vui vẻ, mặt mày nhăn nhó, sắc diện không khoan hòa khó gần gũi, dễ nổi xung khó bỏ, thường hay giận hờn, ưa cãi cọ, hay sấm sủa binh khí, kết bè đảng với bạn ác, lại ganh ghét người thiện, là người thô kệch không suy nghĩ kỹ, ít khi biết hổ thẹn. Có những điều như vậy gọi là tướng giận dữ. Các tướng này đều vì ganh ghét người khác mà sinh, cho nên cần phải dứt.

Hỏi: Phải dứt như thế nào?

Đáp: Thường tu từ bi hỷ xả thì giận dữ dứt.

Lại phải thấy tội lỗi của giận dữ thì mới dứt được.

Lại được chân trí thì giận dữ dứt.

Lại phải nhờ sức nhẫn nhục, giận dữ mới dứt được.

Hỏi: Sao gọi là sức nhẫn?

Đáp: Nếu có thể nhẫn các khổ do người khác mắng nhiếc là người này được phúc của pháp thiện. Cũng không nên do không nhẫn mà sinh hung ác. Đó gọi là sức nhẫn nhục.

Lại người tu nhẫn gọi là Sa-môn, vì nhẫn nhục là cửa ngõ đầu tiên vào đạo. Pháp Sa-môn là giận dữ không đáp trả bằng giận dữ, bị mắng không mắng trả, bị đánh không đánh trả.

Lại nếu Tì-kheo nhẫn được là đúng với pháp xuất gia.

Lại người giận dữ là không phải phép của người xuất gia. Phép người xuất gia là nhẫn nhục.

Lại nếu Tì-kheo thân mặc áo khác tục mà tâm còn giận dữ đồng với người là không hợp.

Lại như người tu nhẫn nhục tức là đã đủ công đức từ bi.

Lại người tu nhẫn nhục có thể thành tựu tự lợi. Bởi vì sao? Vì những người giận dữ muốn não hại người, mà trở thành tự hại. Đem hết thân khẩu để thêm ác cho người, mà tự mình bị ác quá hơn trăm ngàn lần. Cho nên biết giận là tự tổn hại nặng nhất. Vì vậy người trí muốn mình và người đều được khỏi khổ lớn và tội lớn, cần phải tu nhẫn nhục.

Hỏi: Làm sao có thể chịu nổi cái khổ bị mắng nhiếc?

Đáp: Nếu người khéo tu vô thường, rõ thấu các pháp niệm niệm sinh diệt, thì biết rằng người mắng, người bị mắng đều diệt từng mỗi niệm, trong đó có chỗ nào đáng sinh giận dữ?

Lại khéo tu không tâm, mới có thể nhẫn nhục được. Nên nghĩ như vậy: Các pháp là thật không, có ai là người mắng, có ai là người bị mắng.

Lại sự việc nếu thật, thì nên nhẫn nhục, vì ta thật có lỗi, người kia nói thật lời, sao lại giận? Nếu sự không thật, thì người kia tự phải bị quả báo vọng ngữ, ta giận làm gì?

Lại nếu nghe lời mắng ác, phải nghĩ như vậy: Tất cả thế gian đều theo nghiệp chịu báo, ta xưa chắc đã gây nghiệp ác này, nay nên đền trả chứ sao lại giận?

Lại nếu nghe mắng ác, tự phải xét lỗi mình. Bởi ta thụ thân, mà thân là đồ đựng các nỗi khổ, nên phải chịu mắng.

Lại người tu nhẫn nhục nên suy nghĩ như vậy: Vạn vật đều do nhiều nhân duyên sinh. Cái khổ mắng ác này, là do nhĩ thức, ý thức và âm thanh v.v... sinh ra. Trong đó tự ta có 2 phần, người kia chỉ có âm thanh, vậy là tội ta nhiều hơn, sao lại giận? Và vì ta chấp lấy tướng phân biệt của âm thanh kia, nên sinh phiền não tức là ta lỗi.

Lại người nhẫn nhục không nên bắt lỗi người khác. Bởi vì sao? Vì tội tham sân si này không phải lỗi của chúng sinh mà do tâm bệnh của chúng sinh phát sinh ra nên không

được tự tại. Như thầy trị quý, chữa người bị quý ám, thì chi nên giận quý mà không nên giận bệnh nhân.

Lại người này vì siêng tu tinh tiến thích tập pháp thiện nên không chấp lời người khác.

Lại nghĩ nhớ chư Phật, các hiền thánh còn không khỏi bị mắng. Như người Bà-la-môn xảo quyết v.v... mắng Phật nhiều điều. Như Xá-lợi-phất v.v... bị Bà-la-môn gia hại các thứ nhục mạ, huống chi chúng ta là hạng người bạc phúc ư?

Lại nghĩ như thế này: Thế gian nhiều ác mà không đoạt mạng ta đã là rất may mắn lắm rồi huống chi đánh mắng nào có nhằm gì?

Lại nghĩ thế này: Các thứ mắng ác này với ta không khổ, có thể dễ nhẫn chịu. Như Phật dạy Tì-kheo dẫu cho cưa sắt xẻ mình, cũng nên nhẫn chịu, huống chi mắng nhiếc.

Lại người tu hạnh này thường chán sinh tử nếu bị mạ nhục thì chứng nghiệm rõ ràng lại càng thêm chán lìa, bỏ ác tu thiện.

Lại người này biết không nhẫn nhục sau chịu khổ báo, mới nghĩ như vậy: Thà bị khinh mắng, chớ đọa địa ngục.

Lại người này ôm sâu lòng hổ thẹn. Ta là đệ tử Thế Tôn, bậc Đại nhân, là người tu đạo, làm sao lại khởi thân khẩu là nghiệp không đáng khởi ư?

Lại được nghe BỒ-tát tu nhẫn nhục và Đế Thích v.v... mà được sức nhẫn. Cho nên phải tu nhẫn.

Phẩm 127: Vô minh

Luận giả nói chạy theo giả danh gọi là vô minh. Như nói phàm phu theo tiếng ngã. Trong đó thật không có ngã và ngã sở. Chỉ có các pháp hòa hợp giả gọi tên là người. Phàm phu không thể phân biệt nên sinh ngã tâm. Ngã tâm sinh tức là vô minh.

Hỏi: Trong kinh Phật nói không biết đời quá khứ v.v... gọi là vô minh. Vì sao chỉ nói ngã tâm?

Đáp: Vì trong quá khứ nhiều người sai lầm, nên nói trong đó không biết gọi là vô minh.

Lại trong kinh giải thích nghĩa chữ minh là có chỗ hiểu biết mới gọi là minh. Biết những pháp gì? Là sắc ấm vô thường, như thật biết vô thường. Thụ, tưởng, hành thức các ấm vô thường, như thật biết vô thường. Trái lại với minh gọi là vô minh. Vậy thì không rõ như thật nên gọi là vô minh.

Hỏi: Nếu không rõ như thật gọi là vô minh thì gỗ đá v.v... các pháp lẽ ra cũng phải gọi là vô minh? Vì chúng không rõ như thật?

Đáp: Không phải vậy. Gỗ đá vô tâm không phân biệt được đời quá khứ v.v..., vô minh phân biệt được nên không đồng gỗ đá.

Hỏi: Vô minh gọi là vô pháp, như người mắt không thấy sắc không có pháp không thấy. Cho nên chỉ minh là không có, nên gọi là vô minh, chứ không có pháp khác?

Đáp: Không phải vậy. Nếu không có vô minh thì trong 5 ám vọng chấp có người, và trong gạch đá sinh tương vàng bạc, gọi là thứ gì? Cho nên phải biết tính tà phân biệt gọi là vô minh, chứ không phải vì không có minh mà gọi là vô minh.

Lại từ vô minh nhân duyên mới có các hành v.v... nổi nhau sinh; nếu là vô pháp thì làm sao sinh được?

Hỏi: Nếu không phải minh gọi là vô minh thì nay chỉ trừ minh, tất cả các pháp còn lại đều là vô minh. Cho nên không lấy một pháp gọi là vô minh?

Đáp: Vô minh này là nói trong tự tướng, chứ không nói các pháp. Như nói bất thiện tức là nói cái thể bất thiện, chứ không nói vô ký. Vô minh cũng vậy. Tuy mang thân hình người, mà không có hành động như con người, nên mới gọi là không phải người. Như vậy cái minh này tuy có phân biệt mà không biết như thật, nên mới gọi vô minh. Còn gỗ đá không phải vậy.

Hỏi: Nếu nói vô sắc, vô đối, vô lậu, vô vi đều là các thuyết, vì sao vô minh không phải như vậy?

Đáp: Hoặc giả có lý này, nhưng trong bất thiện v.v... thì không như vậy.

Hỏi: Có người nói chỉ vì không có minh nên gọi vô minh, như trong nhà không ánh sáng nên gọi là tối?

Đáp: Thế gian có 2 lối nói: Hoặc không có sáng nên nói là không sáng, hoặc sáng không đúng cũng nói là không sáng. Không có sáng nên nói là không sáng, là như thế gian nói mù không thấy sắc, điếc không nghe tiếng.

Sáng không đúng cũng nói là không sáng như đêm thấy cây trơ trụi sinh tướng là người, thấy người tướng là cây trơ trụi.

Lại người không thể thật biết việc đó nên gọi là không biết.

Lại tà tâm gọi là phiền não. Các hành nghiệp nhân duyên này, A-la-hán đã dứt nên không có vô minh làm nhân duyên cho các hành. Nếu không phải minh gọi là vô minh thì nay A-la-hán không minh trong Phật pháp, lẽ ra phải gọi vô minh? Mà nếu có vô minh thì không phải A-la-hán. Cho nên phải biết rằng nói có thể tính vô minh riêng tức là tà tâm. Tà tâm này là vô minh phân ra tất cả phiền não. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều là tà hành.

Lại tất cả phiền não che tâm người, đều là đui mù. Như nói tham dục không thấy pháp, tham dục không thấy phúc. Người hay thụ tham này đều gọi là đui mù. Sân si cũng như vậy.

Lại từ tất cả phiền não sinh các hành nghiệp, nên trong kinh nói từ vô minh sinh hành. Cho nên biết tất cả phiền não đều là vô minh.

Lại người không thấy không, thường có vô minh. Có điều là cái bản vô minh là nhân duyên các hành.

Lại vì tà minh nên nói là vô minh. Người chưa thấy không, thường là tà minh. Cho nên biết vô minh phân ra tất cả phiền não.

Hỏi: Vô minh sinh như thế nào?

Đáp: Nếu nghe, nghĩ tà nhân thì sinh vô minh. Như cho có đà-la-phiêu, có hữu phần, có tinh thần, các pháp niệm niệm không diệt, không có thân sau, âm thanh và Thần là thường còn, cỏ cây v.v... có tâm, rồi muốn thành lập các tà chấp như vậy, thì sinh vô minh.

Hoặc do tà nhân nên sinh vô minh là gần gũi bạn tà ác, nghe tà pháp, rồi nghĩ tà và làm việc tà. Vì 4 tà nhân đó nên sinh vô minh.

Lại nhân duyên sinh các phiền não khác, đều là nhân sinh vô minh.

Lại do nhân vô minh nên sinh vô minh, như từ bắp sinh bắp, từ lúa sinh lúa. Như vậy từ chấp của chúng sinh, thì sinh vô minh.

Lại trong kinh nói: Từ nhân duyên tà niệm mà sinh vô minh. Tà niệm là một biệt danh của vô minh, như thấy có người, trước tâm sinh ý niệm về người, sau nghĩ rõ ràng, nên gọi là vô minh. Hai hiện tượng trước sau này tương trợ tương sinh, như từ cây sinh trái, từ trái lại sinh cây.

Hỏi: Vô minh có những lỗi gì?

Đáp: Tất cả tổn hại đều bởi vô minh. Bởi vì sao? Vì từ vô minh sinh tham v.v... các phiền não; từ phiền não khởi nghiệp bất thiện, từ nghiệp thụ thân. Nhân duyên thụ thân, mới bị các thứ tổn hại. Như trong kinh nói: Vô minh che khuất ái kết trói buộc, thụ thân các hữu.

Lại trong Kinh Sư Tử Hồng nói: Các thú, đều do vô minh làm gốc. Lại kệ nói:

*Có các chỗ tội ác
 Đời nay hoặc đời sau,
 Đều vô minh làm gốc,
 Nên từ tham dục khởi
 Tất cả lỗi phiền não
 Đều bởi vô minh có,
 Vì từ vô minh sinh
 Tất cả phiền não đó.*

Lại phạm phu vì vô minh nên chịu thân 5 ấm này là bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, làm gì có người trí chịu các khổ này!

Lại vì nhờ chính tư duy nên có thể xả 5 ấm. Như trong kinh nói: Nếu biết tâm ta là tà điên đảo, thì không sinh trở lại. Cho nên biết do vô minh nhân duyên nên bị trôi buộc, minh nhân duyên nên giải thoát.

Lại thế gian chúng sinh vì vô minh nên tham cầu một chút khí vị mà không thấy nhiều tội lỗi, như con thiêu thân tự gieo mình vào lửa, như cá nuốt mồi câu. Chúng sinh cũng vậy, hiện tham chút khí vị mà bắt cố nhiều tội lỗi.

Lại kinh điển ngoại đạo sinh tà kiến nói không có tội phúc v.v..., đều là vô minh.

Lại các ác đạo đều do bất thiện. Bất thiện đều là vô minh.

Lại các tà kiến khởi nghiệp phân nhiều đọa địa ngục. Tà kiến đều do vô minh sinh.

Lại Phật là đấng Thế Tôn, là bậc Nhất thiết trí, là Đại sư của 3 cõi, là người chân tịnh tu hành và Thánh

đệ tử v.v... mà các ngoại đạo không phân biệt biết được, như người mù vất bỏ viên ngọc châu báu. Đó đều là lỗi vô minh.

Lại tất cả chúng sinh có bao nhiêu việc tổn não bại hoại v.v..., đều do vô minh, tất cả lợi ích thành tựu tăng trưởng đều nhờ minh mẫn. Nếu tăng trưởng vô minh rốt ráo quyết đọa địa ngục A-tì. Như kiếp sơ con người không biết khí vị là hư vọng, mới sinh tham đắm, nên mất sắc lực thọ mạng các việc v.v... Phải biết đều bởi vô minh làm mất các điều lợi.

Lại vô minh này chỉ có chân trí mới dứt được, còn tham v.v... thì không vậy.

Lại trong tâm tham không có giận, trong tâm giận không có tham, còn vô minh thì có mặt trong tất cả tâm; và người không tu tuệ thì vô minh thường trực ở trong tâm.

Lại trong các phiền não vô minh là rất mạnh, như trong kinh nói vô minh tội nặng cũng khó giải trừ.

Lại vô minh là cội rễ của 12 nhân duyên, nếu không có vô minh thì các nghiệp không nhóm không thành. Vì sao biết được? Các A-la-hán không có tướng chúng sinh, vì không vô minh nên các nghiệp không thể nhóm thành. Nghiệp không nhóm nên thức v.v... các chi phần không sinh lại được. Cho nên biết vô minh là gốc của các khổ.

Lại hiện thấy tham đắm thân bất tịnh này cũng đối với vô thường sinh tướng là thường, giống như nắm tay không để gạt trẻ nít, cũng nhà ảo thuật có thể diễn trò ảo thuật khiến người xem thấy đất là vàng.

Lại tục nói người ngu hiện có thể gia thêm tội mà cũng có thể dùng lời nói gạt. Thế gian cũng vậy, mắt thấy bất tịnh mà vẫn để bị gạt.

Lại các tâm pháp niệm niệm diệt hết, vì chấp lấy tướng nên sinh. Sắc diệt hết rồi, vì si nên chấp lấy tướng. Với âm thanh v.v... cũng như vậy. Cho nên khó giải trừ. Đó là lỗi của vô minh.

Hỏi: Người nhiều vô minh có những tướng gì?

Đáp: Người này với chỗ đáng sợ không sợ, chỗ nên vui không vui, ganh ghét người thiện, ưa thích người ác, lấy ngược ý người, thường ưa trái chống, chấp cứng việc tà, thiếu lòng hổ thẹn, bất cố hiềm nghi, không hay làm cho người vui, tự mình cũng khó được vui, không hay gần ai, ai cũng khó gần; ngu hã không hiểu, ưa mặc áo bẩn, ưa ở chỗ tối, và chỗ bất tịnh, tự cao tự đại, hay khinh dễ người không cần đạo lý, tự khoe công đức, lỗi không biết lỗi, lợi không biết lợi, không thích sạch sẽ, cũng không oai nghi, nói năng vụng về, thường hay hờn giận, lấy trộm pháp người, mà sâu tham đắm, học tụng khó được, được rồi dễ mất, dầu có sở đắc, không thể hiểu nghĩa, dầu có hiểu nghĩa, thì cũng hiểu sai. Tất cả tướng đó đều do vô minh. Cho nên biết vô minh có vô lượng tội lỗi cần phải dứt trừ.

Hỏi: Làm sao dứt được?

Đáp: Khéo tu chân trí thì dứt được.

Hỏi: Biết âm giới v.v... cũng gọi là chân trí. Vì sao trong kinh nói thuốc chữa vô minh là hoặc nhân duyên, hoặc quán nhân duyên?

Đáp: Các ngoại đạo phần nhiều hiểu lầm nhân trong sự vật, vì hiểu lầm nhân, nên nói trời Tự Tại v.v... tạo ra thế gian. Vì lầm nhân trong sự vật, nên nói có đà-la-phiêu, có hữu phần v.v.... Quán pháp nhân duyên, thì dứt 2 sai lầm này.

Hỏi: Nhân duyên gọi là thuốc chữa vô minh. Vì sao nói 2 thứ?

Đáp: Vì muốn thu gom hết các trí. Nếu quán âm, giới, nhập v.v... cũng phá được vô minh. Nhưng vô minh nặng là tà kiến. Tà kiến nhờ nhân duyên dứt, nên nói 2 thứ. Tham giận cũng như vậy.

Lại thế gian phần nhiều sai lầm đối với tên gọi cái bình v.v... Như nghe tên cái bình thì sinh nghi sắc v.v... là cái bình hay rời sắc v.v... lại riêng có cái bình? Như vậy 5 âm là người hay rời 5 âm lại riêng có người? Nếu tâm quyết định thì sa vào nhị biên là đoạn và thường. Thân tức là Thần, hay thân khác Thần khác cũng như vậy. Nếu người biết cái bình từ các duyên sinh, do sắc, hương, vị, xúc mà thành, vậy sắc v.v... các âm có thể hiểu là người. Biết được như vậy thì có thể lìa bỏ sự sinh nghi từ tên gọi. Cái tên gọi này có thể che khuất thật nghĩa các pháp. Như trong Kinh Thiên Vấn nói: Tên gọi hơn tất cả pháp, mà không có gì có thể hơn được. Tên gọi này tất cả các pháp đều theo.

Lại nói: Thấy thế gian tập thì dứt được chấp không thấy thế gian diệt thì dứt được chấp có.

Lại nói: Vì các hành nối nhau luôn nên nói 5 âm sinh tử. Đó đều là tội lỗi của vô minh, quán nhân duyên thì dứt.

Lại trong kinh nói: Nếu ai thấy nhân duyên là người đó thấy pháp. Nếu thấy pháp tức thấy Phật. Như vậy nếu ai có thể dứt sự sinh nghi do tên gọi thì người đó mới thật thấy Phật, mà không phải theo ai học. Cho nên nhờ chính trí thì hết vô minh. Vì nhờ biết đúng pháp nhân duyên nên mới có được chính trí.

Lại lược nói trong 8 vạn 4 ngàn pháp tạng có bao nhiêu trí tuệ đều để diệt trừ vô minh, vì vô minh làm cội rễ tất cả phiền não và giúp phát triển tất cả phiền não. Nhân duyên như vậy thì dứt được vô minh.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 10)

Phẩm 128: Kiêu mạn

Hỏi: Đã nói 3 phiền não là cội rễ sinh tử. Lại còn có gì nữa không?

Đáp: Có. Là khinh mạn.

Hỏi: Khinh mạn là thế nào?

Đáp: Do tà tâm tự cao gọi là mạn. Mạn này có nhiều thứ: Như mình ở bậc thấp mà tự cao thì gọi là mạn. Ở bậc như nhau mà chấp như nhau cũng gọi là mạn, vì trong ấy chấp tướng tà tâm là ta hơn. Ở bậc ngang hàng mà tự cho cao hơn gọi là đại mạn. Ở bậc hơn mà tự cao gọi là mạn mạn. Trong 5 ám chấp lấy tướng ngã, gọi là ngã mạn. Ngã mạn có 2 thứ: hiện tướng và không hiện tướng. Hiện tướng là ngã mạn của phàm phu. Nghĩa là chấp sắc là ngã, hay chấp hữu sắc là ngã, chấp sắc trong ngã; chấp ngã trong sắc, cho đến thức cũng như vậy. Vì hiện ra 20 phần này nên gọi là hiện tướng. Không hiện tướng là học nhân ngã mạn, như Trường lão Sai-ma-già nói: Không nói sắc là ngã, không nói thụ, tướng, hành, thức là ngã, chỉ trong 5 ám có ngã mạn, ngã dục, ngã sử. Chưa dứt, chưa hết gọi là ngã mạn. Nếu chưa được các quả công

đức Tu-đà-hoàn v.v..., mà tự cho là đã được, gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Nếu chưa được vì sao sinh tâm đã được?

Đáp: Vì trong khi tập thiền được chút ít khí vị có thể ngăn chặn kết sử không cho hiện hành trong tâm nên sinh mạn này. Lại sức văn tuệ, tư tuệ thường gần thầy giỏi, thích hạnh viễn ly, biết chút ít tướng 5 ấm, cho nên sinh tưởng được quả Tu-đà-hoàn v.v... gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn có những lỗi gì?

Đáp: Về sau sẽ lo buồn. Như trong kinh nói: Nếu Tì-kheo nói ta dứt nghi được đạo, tức phải hiện tiền nói nhân duyên rất sâu pháp xuất thế gian. Nếu Tì-kheo này thật không được đạo, khi nghe pháp ấy thì sinh sầu não hối hận. Cho nên phải siêng dứt tăng thượng mạn.

Lại người tăng thượng mạn, chư Phật Thế Tôn có tâm đại từ bi hãy còn bỏ xa không vì nói pháp. Cho nên phải dứt.

Lại người tăng thượng mạn, vì trụ ở trong pháp tà kiến, nên không có thật công đức, giống như người đi buôn vào sâu trong biển cả, mà tham thứ ngọc giả. Người này cũng vậy, vào trong biển cả Phật pháp, được chút niềm vui thiền vị, bảo là chân đạo mà sinh tham đắm.

Lại người tăng thượng mạn, khi tuổi già sắp chết không kham nổi thụ đạo pháp, nên phải siêng cầu chân thật trí tuệ.

Lại người tăng thượng mạn tự mất lợi ích mà tăng thêm ngu si, vì thật chưa được mà tưởng đã được. Vì vậy không nên tự dối mình, phải mau xa lánh lia bỏ.

Nếu người đại thắng mà cho là không bằng chút nào, gọi là bất như mạn. Người này tự cao và cũng tự hạ mình xuống.

Nếu người không có đức mà tự cao gọi là tà mạn. Lại lấy ác pháp tự cao cũng gọi là tà mạn.

Nếu đối với người thiện và bậc đáng trọng, mà không chịu lễ kính gọi là ngạo mạn.

Tất cả những tên gọi như vậy là tướng kiêu mạn.

Hỏi: Mạn phát sinh như thế nào?

Đáp: Không biết thật tướng các ám thì sinh kiêu mạn. Như trong kinh nói: Nếu người lấy sắc vô thường, tự nghĩ là thượng, là trung, là hạ, người này chính là vì không biết tướng như thật. Cho đến thức cũng như vậy. Nếu biết tướng của ám thì không kiêu mạn.

Lại khéo suy nghĩ tu thân thì không kiêu mạn. Như con bò cạp cặp sừng nên sinh bạo mạn. Nếu bỏ cặp sừng thì không còn năng lực nữa. Thân là bất tịnh, 9 lỗ chảy ra đồ bất tịnh, làm gì có người trí ỷ vào đó mà tự cao. Nhờ những nhân duyên nghĩ về thân như vậy, tức không kiêu mạn.

Lại người trí biết tất cả chúng sinh hoặc nghèo hoặc giàu, hoặc sang hoặc hèn, cũng đều lấy xương thịt gân mạch, 5 tạng, phân như hợp lại mà thành thân, đều có sinh lão bệnh tử buồn rầu khổ não, cũng có tham sân v.v...

các phiền não, các nghiệp tội phúc, và địa ngục v.v... các phần ác đạo, làm sao mà khởi kiêu mạn?

Lại thấy nội ngoại tâm do nhân nguyên sinh, đều biết niệm niệm diệt, thì không kiêu mạn.

Lại khéo tu tập không tâm thì không kiêu mạn. Bởi vì sao? Vì chạy theo tướng nên sinh kiêu mạn, nếu không có tướng khởi mạn chỗ nào?

Lại người trí tuệ, như thật có giới v.v... các công đức, thì không sinh mạn. Bởi vì sao? Vì giới v.v... các công đức đều vì để làm hết các phiền não này. Nếu không công đức, làm gì có người trí, đối với việc không có, mà khởi kiêu mạn?

Lại quán tướng vô thường v.v... thì diệt kiêu mạn. Làm gì có người trí, đem vật vô thường khô, bất tịnh ra mà sinh kiêu mạn?

Hỏi: Kiêu mạn có các lỗi gì?

Đáp: Từ kiêu mạn có thân, từ thân sinh tất cả khổ. Như trong kinh Phật nói: Nếu đệ tử ta ai không thể như thật biết tướng kiêu mạn, thì ta thụ ký cho sẽ sinh về nơi nào đó, vì còn thừa kiêu mạn chưa dứt.

Lại tất cả phiền não đều tùy theo chấp lấy tướng, mà ngã là tướng lớn nhất trong các tướng. Cho nên biết là từ mạn có thân.

Lại kiêu mạn tức là phần của si. Bởi vì sao? Vì mắt thấy sắc bảo là ta có thể thấy.

Lại kiêu mạn này sinh không cần đạo lý. Bởi vì sao? Vì tất cả thế gian đều vô thường, khổ, vô ngã làm

sao bởi đó mà sinh kiêu mạn. Cho nên đối với tham sân si rất không có đạo lý.

Lại từ mạn khởi nghiệp vừa nhạy bén vừa nặng nề, vì tham đắm sâu sắc, cho nên từ tham khởi nghiệp không được như vậy.

Lại vì sức mạnh kiêu mạn nên tham v.v... bùng phát, tức tham này được chủng tính v.v... thì kiêu mạn thêm lớn bùng phát.

Lại nhân duyên ngã mạn bị sinh vào nhà thấp hèn, cũng sinh trong loài sư tử cạp sói. Do nhân duyên này mà đọa địa ngục. Kiêu mạn có những tội lỗi như vậy nhiều vô lượng.

Hỏi: Thế nào là nhiều kiêu mạn?

Đáp: Người này cố chấp khó cùng nói chuyện. Người này không có lòng cung kính, ít biết sợ, thích tự do tự tại, tự đại khó dạy, có được chút ít tự cho là nhiều, hay khinh người. Những lỗi này rất khó trừ. Cho nên người có trí rất không nên phạm kiêu mạn, vì nó phá tất cả công đức nên sinh.

Phẩm 129: Nghi

Luận giả nói nghi là đối với trong thật pháp tâm không quyết định. Như có giải thoát hay không giải thoát ư? Có thiện bất thiện hay không ư? Có Tam Bảo hay không ư? Đó gọi là nghi.

Hỏi: Như thấy cây trơ trụi sinh nghi là cây hay người? Thấy cục đất sinh nghi là cục đất hay con bò câu? Thấy con ong sinh nghi là con ong hay quả Diêm-phù? Thấy con rắn sinh nghi là con rắn hay sợi dây? Thấy sóng nắng sinh nghi là ánh sáng hay nước? Những nghi như vậy do nhãn thức sinh. Nghe tiếng sinh nghi là tiếng chim công hay người giả tiếng? Ngửi nghe mùi sinh nghi là mùi thơm hoa Ưu-bát hay mùi thơm hòa hợp? Nếm vị sinh nghi là vị của thịt hay vị giống như thịt? Chạm xúc sinh nghi là tơ lụa sống hay tơ lụa uơm? Ý thức thì nhiều thứ sinh nghi: Như nghi pháp này có đà-la-phiêu hay chi cầu-na? Có thân hay không có thân. Những điều như vậy có phải là nghi chăng?

Đáp: Nếu cây trơ trụi, người v.v... mà sinh nghi thì không phải phiền não, vì đó không thể làm nhân duyên cho thân sau, lại vì người lậu tận cũng khởi như vậy.

Hỏi: Nghi ấy sinh như thế nào?

Đáp: Như thấy nghe biết 2 thứ pháp, nên sinh nghi. Bởi vì sao? Vì trước thấy 2 vật đứng một là cây hai là người, sau mới xa thấy người với vật như nhau thì sinh nghi là cây hay là người? Đất v.v... cũng như vậy. Hai thứ nghe là như nghe nói có tội phúc đời sau, cũng nghe nói không có, cho nên sinh nghi. Hai thứ biết là như trời mưa lớn nên kênh mương tràn nước hoặc khi đắp đập, nước kênh mương cũng tràn. Như trời sắp mưa thấy kiến tha trứng di cư, hoặc người đào đất cũng thấy mang trứng tránh đi. Như chim công kêu, người có thể bắt chước tiếng kêu được. Thật sự có thể thấy như cái bình. Không

phải thật sự nhưng cũng có thể thấy như vòng lửa quay tròn. Thật sự không thể thấy như rễ cây dưới đất, trong nước. Không phải thật sự cũng không thể thấy như cái đầu thứ 2, cái tay thứ 3. Như vậy v.v... 2 thứ pháp thấy, nghe, biết nên mới sinh nghi.

Lại không xét kỹ khi thấy nên sinh nghi, như thấy ở xa v.v... hay 8 nhân duyên.

Lại vì 2 tin nên sinh nghi. Như có người nói có đời sau, lại có người nói không có. Tin cả 2 người nên mới sinh nghi.

Lại trong việc khả nghi đó, cho đến không thấy tướng gì khác, cho nên sinh nghi. Nếu thấy tướng khác thì không nghi này.

Hỏi: Thấy tướng khác là thế nào?

Đáp: Thấy nghe biết quyết định thì không có nghi. Trong Phật pháp, tùy khi đích thân chứng pháp thật tướng mới rõ ráo không nghi. Như Bồ-tát khi ngồi ở đạo tràng nói pháp tinh tiến, Bà-la-môn chứng được pháp sâu xa hiện tiền các duyên thấy biết tiêu tan hết, tức thì xé rách lưới nghi.

Lại nếu được trí tuệ có đạo lý thì nghi này dứt, như người trí nghe nói hành làm nhân duyên cho thức, liền quyết định biết rõ vô thùy sinh tử là như vậy v.v...

Hỏi: Nghi có lỗi gì?

Đáp: Nếu người đa nghi, thì tất cả sự nghiệp thế gian xuất thế gian đều không thành tựu. Bởi vì sao? Vì người nghi không thể khởi phát sự nghiệp gì cả, nếu phát khởi cũng yếu ớt, nên không thể thành tựu.

Lại trong kinh nói: Nghi là những nảy mầm nơi tâm, giống như ruộng hoang nảy sinh mầm cây dại cho nên cỏ lạ còn không mọc được, hướng là lúa má. Tâm cũng như vậy, vì gốc nghi phá hoại, nên đối với việc tà còn không quyết định được, hướng chỉ có thể quyết định việc chính.

Lại Phật gọi nghi là nhóm tối. Nhóm tối có 3 thứ là nhóm tối quá khứ, nhóm tối vị lai, nhóm tối hiện tại. Nhóm tối này là nơi sinh các ngã kiến.

Lại người này dù được định tâm cũng là tà định. Nếu lìa Phật pháp thì không thể nói là người chính định được.

Lại nhiều chúng sinh hoài nghi cho đến chết, như nói A-tra-già v.v... người tiên được 5 thần thông mà cũng ôm nghi ngờ đến chết.

Lại người nghi này, nếu tu phúc đức bố thí v.v..., thì hoặc không quả báo, hoặc ít được báo. Bởi vì sao? Vì các phúc nghiệp này đều từ tâm khởi. Mà tâm người này thường bị nghi làm đục vẩn, nên không có phúc thiện.

Lại trong kinh nói: Tâm nghi mà bố thí thì chịu quả báo sinh ở chốn biên địa. Bởi vì sao? Vì người đa nghi này không thể nhất tâm, theo thời mà tay đưa cho, nhưng không thể sinh tâm cung kính, nên được thụ chút quả báo sinh ở chốn biên địa, như tiểu vương Ba-da-tuy chẳng hạn.

Hỏi: Không có nghi này đâu. Bởi vì sao? Vì nghi là tâm số pháp, mà các tâm số pháp thì niệm niệm sinh diệt. Nếu đúng thì chẳng phải là nghi. Nếu sai cũng chẳng phải là nghi. Vì trong một tâm không được vừa có đúng vừa có sai. Cho nên biết là không có?

Đáp: Tôi không nói trong niệm niệm có nghi. Tâm không quyết định luôn nối nhau gọi là nghi. Bấy giờ tâm không quyết định rõ ràng là cái cây trụi hay là con người. Cái tâm này nối nhau luôn này vì không tin nên vẫn đục. Cũng bởi tà kiến nên không tin, khi nghi hoặc có hoặc không. Không tin này có 2 thứ: Một từ nghi sinh, hai từ tà kiến sinh. Từ nghi sinh thì nhẹ. Từ tà kiến sinh thì nặng. Tin cũng có 2 thứ: Một từ chính kiến sinh, hai từ nghe sinh. Từ chính kiến sinh thì tin bền chắc. Từ nghe mà sinh thì sinh không được như vậy.

Phẩm 130: Thân kiến

Trong 5 âm, ngã tâm gọi là thân kiến. Vì thật không có ngã nên nói duyên lấy 5 âm. Năm âm gọi là thân, trong đó sinh kiến chấp gọi là thân kiến. Trong không có ngã mà chấp lấy tướng ngã, nên gọi là kiến.

Hỏi: Trong 5 âm tạo tên gọi là ngã thì có lỗi gì? Như cái bình chẳng hạn, các vật đều có tự tướng, trong đó không lỗi, thì ngã cũng vậy. Lại nếu nói lìa âm riêng có ngã, đó mới là có lỗi?

Đáp: Tuy không lìa âm nói ngã, đó cũng có lỗi. Bởi vì sao? Vì ngoại đạo nói ngã là thường, vì đời nay khởi nghiệp, đời sau chịu quả báo. Nếu nói như vậy 5 âm phải là thường.

Lại nói là ngã vì ngã là một. Vậy thì 5 âm tức phải là một? Đó là có lỗi.

Lại ngã tức là lỗi. Bởi vì sao? Vì ngã tâm nên mới có ngã sở. Bởi có ngã sở nên khởi ra tham giận v.v... tất cả phiền não. Cho nên biết ngã tâm là nơi sinh phiền não.

Lại người này tuy không lìa ám nói ngã, vì chấp lấy tướng ám nên không tu lý không. Vì không tu lý không nên sinh phiền não. Từ phiền não sinh nghiệp, từ nghiệp sinh khổ. Như vậy sinh tử nối nhau luôn không dứt.

Lại người này vì chấp ngã nên không thể phân biệt được tướng thô như thân đầu mắt tay chân, huống chi có thể phân biệt được các ám, vì đã thụ ngã làm một, ngã là thường cho nên nếu không phân biệt được thì làm sao có ngộ nhập lý không?

Lại nếu chấp ngã thì sợ Nê-hoàn, vì cho ngã là không có. Như trong kinh nói: Phạm phu nghe đạo lý không vô ngã sinh khiếp sợ rất lớn, vì ngã là không có nên đều không được gì hết. Phạm phu mà như vậy thì cho đến tham cầu thân con dã can bị bệnh hủi, cũng không dùng Nê-hoàn. Nếu được không trí thì không còn sợ nữa. Như Kinh Ưu-ba-tư-na nói: Người thanh tịnh trì giới, khéo tu 8 Thánh đạo, đến khi mạng chung tâm vui mừng như đập vỡ đồ đựng chất độc.

Lại nếu nói có ngã tức sa vào tà kiến. Nếu ngã là thường thì khổ vui không biến đổi. Nếu không biến đổi thì không tội phúc. Nếu ngã là vô thường, thì không có đời sau, tự nhiên giải thoát cũng không tội phúc. Cho nên biết thân kiến là tội nặng.

Lại người thân kiến gọi là rất si. Tất cả phạm phu đều bởi thân kiến loạn tâm chấp sâu hữu ngã, nên bị qua lại sinh tử. Nếu thấy vô ngã thì dứt qua lại.

Hỏi: Nếu 5 âm là vô ngã, Vì sao chúng sinh trong đó sinh ngã tâm?

Đáp: Hoặc nghe các danh tướng như người trời trai gái, vì tướng phân biệt nên sinh ngã tâm. Và cũng bởi chẳng phải nhân, tương tự nhân nên sinh ngã tâm. Nghĩa là nếu không có ngã thì ai chịu khổ vui, cừ chỉ ngôn ngữ, khởi nghiệp tội phúc và chịu quả báo v.v... ư?

Lại từ vô thủy sinh tử tụ tập tướng ngã đã lâu thành thói quen rồi bị nó sai khiến, như tướng cái bình v.v... nên sinh ngã tâm.

Lại trong các thụ ẩm sinh ngã tâm, chứ không phải trong không thụ. Cho nên nói là chỗ sinh ngã tâm, vì trong đó có ngã. Bởi vì sao? Vì không phải tất cả chỗ đều sinh được ngã tâm.

Lại vì ngu si nên sinh ngã tâm, giống như người mù nhặt được gạch đá v.v... sinh tưởng là vàng ngọc.

Lại người này chưa được không trí phân biệt, vì si nên thấy có ngã, như trong ảo hóa, chiêm bao, thành Càn-thát-bà, vòng lửa quay tròn v.v... thấy mà sinh tưởng có thật.

Hỏi: Hiện thấy sắc thân tóc lông móng v.v... các phần đều khác. Làm sao người trí cho đó là ngã?

Đáp: Có người thấy thần như hạt bắp, hạt cải v.v... trụ ở trong tâm. Thần Bà-la-môn trắng. Thần Sát-lợi vàng. Thần Tì-xá đỏ. Thần của Thủ-đà-la đen.

Lại trong sách Vĩ-đà nói: Thuở minh sơ, thần của các Đại trượng phu sắc như ánh sáng mặt trời. Nếu ai biết thần này thì có thể vượt qua sinh tử, mà không đường nào

khác. Tiểu nhân thì thần nhỏ, đại nhân thì thần lớn, trụ ở trong hang thân.

Lại người ngồi thiền được tướng quang minh, thấy thần ở trong thân như sợi chỉ trong lòng hạt tịnh châu. Những người như vậy chấp sắc v.v... làm ngã. Người suy nghĩ nông cạn nói thụ là ngã, vì trong cây đá v.v... không có thụ, cho nên biết thụ tức là ngã. Người suy nghĩ bậc trung nói tướng là ngã, vì khổ vui tuy có lỗi, nhưng còn có tướng ngã tâm. Người suy nghĩ kỹ nói hành là ngã, vì tướng cái bình v.v... tuy có lỗi, nhưng còn có nghĩ ngã tâm.

Người suy nghĩ sâu sắc nói thức là ngã, vì cái biết và suy nghĩ còn thô, suy nghĩ này tuy có lỗi, nhưng còn có liễu biệt được ngã tâm.

Lại với trong 5 âm sinh ngã tâm, người này không thể phân biệt được thụ v.v... các âm. Trong sắc, tâm hòa hợp sinh ngã tướng, như trong sắc v.v... 4 pháp tổng hợp sinh tướng cái bình, vì sắc v.v... sai biệt nên có 20 phần thấy sắc là ngã. Bởi vì sao? Vì sắc là pháp bị ngã rõ biết và là chỗ nương của thụ v.v... Các thụ v.v... này buộc ở nơi sắc, cho nên gọi là sắc là ngã.

Có người thấy sắc trụ ở trong thụ v.v..., vì thụ v.v... là pháp không liễu biệt, cho nên bị sắc nương dựa, như hư không không liễu biệt nên bị đất v.v... nương dựa. Như vậy 20 phần đều do si sinh.

Hỏi: Vì sao trong mắt v.v... không nói ngã phần?

Đáp: Cũng có. Như trong kinh nói: Nếu ai nói mắt là ngã, thì không đúng. Bởi vì sao? Vì mắt là sinh diệt mắt là ngã, thì ngã cũng sinh diệt.

Lại mắt v.v... đều có tướng riêng; nếu nói mắt là ngã, tai v.v... không phải ngã, thế là không được. Nếu tai v.v... là ngã thì một người có nhiều ngã. Vì trong sắc v.v... có sai biệt nên có thể nói sắc là ngã mà không phải thụ v.v....

Hỏi: Nếu nói vô ngã cũng là tà kiến. Việc ấy thế nào?

Đáp: Có 2 đế lý. Nếu nói đệ nhất nghĩa đế mà có ngã, đó là thân kiến. Nếu nói thế đế vô ngã, đó là tà kiến. Nếu nói thế đế nên có ngã, đệ nhất nghĩa đế nên vô ngã, đó là chính kiến.

Lại đệ nhất nghĩa đế nên nói không; thế đế nên nói có, thì không sa vào kiến trung. Như vậy có, không 2 cách nói đều thông. Như cọp tha con, nếu ngoạm chặt con bị thương, ngoạm lỏng con rơi mất. Như vậy nếu nói cả quyết là có ngã, thì sa vào thân kiến, cả quyết nói không có ngã, thì sa vào tà kiến.

Lại thái quá và bất cập cả 2 đều có lỗi. Nếu cả quyết nói không có ngã là thái quá. Nếu cả quyết nói có ngã là bất cập. Cho nên trong kinh nói: Phải bỏ 2 bên. Nếu đệ nhất nghĩa đế nên nói không, thế đế nên nói có, đó là bỏ 2 bên đi con đường chính giữa.

Lại Phật pháp là không thể tranh hơn. Nếu nói đệ nhất nghĩa đế nên không, thì người trí không hơn; nếu nói thế đế nên có, thì phàm phu không tranh.

Lại Phật pháp là thanh tịnh trung đạo phi thường phi đoạn. Đệ nhất nghĩa đế là không, nên phi thường, Thế đế là có nên phi đoạn.

Hỏi: Nếu pháp đệ nhất nghĩa đế cho nên không, thì lẽ ra phải là không hẳn, sao lại nói thế đế cho nên có?

Đáp: Tất cả thế gian có bao nhiêu ngôn thuyết nói nghiệp và nghiệp báo, hoặc trói buộc hoặc cởi mở v.v... đều do si sinh ra. Bởi vì sao? Vì 5 ấm là trống không, như trò ảo hóa, như ánh lửa nối nhau sinh. Vì muốn độ người phàm phu, nên mới tùy thuận nói có, nếu không nói thì phàm phu mê muội hoặc sa vào đoạn diệt. Nếu không nói các ấm thì không giáo hóa được, vì tội phúc v.v... các nghiệp hoặc trói hoặc mở, đều không thành lập được. Nếu phá được những lời si này thì tự có thể vào được lý không. Bấy giờ không còn các tà kiến. Cho nên sau nói đến đệ nhất nghĩa đế. Như ban đầu dạy quán thân để phá tướng nam nữ, kể đó lấy tóc lông móng v.v... phân chia thân tướng chỉ có 5 ấm. Sau mới lấy tướng không để diệt tướng 5 ấm. Diệt tướng 5 ấm gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Lại nếu nói thế đế cho nên có, thì không cần phải nói đệ nhất nghĩa là không.

Lại trong kinh nói nếu biết các pháp không có tự thể tính, thì có thể vào lý không, cho nên biết 5 ấm cũng không có.

Lại đệ nhất nghĩa không, trong kinh nói mắt v.v..., bởi đệ nhất nghĩa đế nên không, thế đế nên có. Trong Kinh Đại Không nói: Nếu nói đây là già chết, hoặc nói người này già chết, hoặc ngoại đạo nói thân tức là thần, hoặc nói thân khác thần khác. Việc này nghĩa là một, mà tên gọi khác. Nếu nói thân tức là thần, thân khác thần khác, là không phải người Phạm hạnh. Nếu ngăn người

này già chết tức nói vô ngã. Nếu ngã đây là già chết tức phá lão tử, cho đến vô minh. Cho nên biết trong đệ nhất nghĩa không có lão tử v.v.... Nói sinh làm duyên cho lão tử, đều vì thế để mà nói, đó là trung đạo.

Lại trong Kinh La-đà nói: Phật bảo La-đà rằng: Sắc tán hoại phá vỡ khiến diệt không còn hiện, cho đến thức cũng như vậy. Như vách đá v.v..., vì không thật nên có thể phá hủy khiến không còn hiện. Các âm không hiện cũng vì đệ nhất nghĩa nên không có. Tùy các âm tướng tồn tại thì ngã tâm rất ráo không đoạn, vì nhân duyên không diệt. Như cây tuy đã bị đốn chặt, đốt cháy, cho đến thành tro than, nhưng cái tướng về cây hãy còn theo âm ảnh. Nếu tro than này bị gió thổi, nước trôi, cái tướng về cây mới diệt. Như vậy, nếu phá vỡ tán hoại, diệt tướng 5 ấm, bấy giờ mới gọi là đầy đủ tướng không.

Lại trong kinh nói: La-đà ông phá vỡ tán hoại, chia tách chúng sinh, khiến không hiện tại. Đó là trong kinh này nói 5 ấm vô thường, là chúng sinh không. Trong kinh trước nói 5 ấm tán diệt, đó là pháp không.

Phẩm 131: Kiến chấp một bên

Nếu các pháp hoặc đoạn hoặc thường, gọi là biên kiến, nghĩa là chấp thiên lệch một bên.

Có luận sư nói: Nếu ai nói ngã hoặc đoạn hoặc thường, gọi là biên kiến chứ không phải tất cả pháp. Bởi vì sao? Vì hiện thấy các vật bên ngoài có đoạn diệt. Nên trong kinh nói: Thấy có, là thường, thấy không, là đoạn.

Lại thân tức là thân gọi là đoạn kiến, thân khác thân khác gọi là thường kiến.

Lại sau khi chết rồi không làm gọi là đoạn kiến, chết rồi lại làm gọi là thường kiến, chết rồi cũng làm cũng không làm, trong đó chỗ có tác giả gọi là thường, chỗ không có tác giả gọi là đoạn, chẳng phải làm chẳng phải không làm cũng như vậy.

Hỏi: Điều thứ tư này không nên gọi là kiến chấp?

Đáp: Vì người này trong thế đế cũng không có người không có pháp nên gọi là kiến chấp. Thường, vô thường, hữu biên, vô biên, 4 câu cũng như vậy.

Lại trong kinh nói: Sáu xúc nhập diệt hết, mà còn có cái khác tức là thường, không còn cái khác tức là đoạn.

Lại nếu chấp ngã trước làm, sau sẽ làm nữa gọi là thường kiến. Chấp ngã trước không làm, sau cũng không làm, gọi là đoạn kiến.

Lại Kinh Tà Kiến nói: Thân người có bảy phần là đất, nước, lửa, gió, khổ, vui, và thọ mạng. Nếu khi thân chết, 4 đại quy về gốc, căn quy về hư không.

Lại nói: Lấy dao búa giết chúng sinh chứa thối thành đồng, không tội sát sinh, đó gọi là đoạn kiến. Và Kinh Phạm Võng nói đó là tướng đoạn kiến. Nếu nói có người là tác giả đời sau, tức người ấy là thụ giả, gọi là thường kiến.

Hỏi: Đoạn kiến và thường kiến sinh như thế nào?

Đáp: Tùy theo bởi nhân duyên nào đó mà nói chết rồi trở lại làm nhân duyên đó nữa, nên sinh bên thường

kiến. Tùy bởi nhân duyên nào đó mà nói chết rồi không làm nhân duyên ấy nữa, nên sinh đoạn diệt kiến.

Hỏi: Làm sao dứt được kiến chấp này?

Đáp: Chính nhờ tu tập không quán thì không có ngã kiến. Vì không ngã kiến nên không có chấp 2 bên. Như trong Kinh Diệm-ma-già nói: Nếu mỗi mỗi âm không phải là người, thì hòa hợp lại cũng không phải người, mà lia âm ra cũng không phải người. Hiện tại như vậy không thể được, làm sao nói A-la-hán chết rồi không làm? Cho nên biết người là không thể được. Vì người không thể được nên ngã kiến và đoạn thường kiến cũng không.

Lại thấy các pháp do từ nhiều duyên sinh, thì không chấp 2 bên.

Lại như nói thấy thế gian có tụ tập, thì dứt chấp không, thấy thế gian diệt, thì dứt chấp có.

Lại vì thực hành trung đạo, nên diệt cả 2 bên. Bởi vì sao? Vì thấy các pháp liên tục sinh thì dứt đoạn kiến, thấy niệm niệm diệt thì dứt thường kiến.

Lại nói 5 âm, không phải ngay âm đó là người, cũng không phải lia âm là người. Cho nên biết không phải thường không phải đoạn. Vì có thể được thân khác nên không được nói là một. Vì đều là chúng sinh nên không được nói là khác.

Lại 5 âm nối nhau mới có chúng sinh chết sống. Trong đó không được nói ngay ở đó, vì nối nhau luôn đổi khác. Cũng không được nói khác, vì trong nối nhau kia có thể nói là một.

Lại từ ám này đến ám kia khác nhau, nên không được nói thường; do sức nhân duyên nối nhau sinh nên không được nói đoạn.

Phẩm 132: Tà kiến

Nếu thật có pháp mà sinh tâm cho là không, đó là tà kiến. Như nói không có Tứ đế, Tam Bảo v.v.... Trong kinh nói: Tà kiến là: không bố thí, không thờ kính, không thiêu đốt, không thiện, không ác, không có nghiệp báo thiện ác, không đời nay, không đời sau, không cha mẹ, không chúng sinh thụ sinh thế gian, không A-la-hán chính hành chính chí, và tự cho rằng mình rõ thấu chứng đời này đời sau, biết ta sinh tử đã hết, Phạm hạnh đã thành, chỗ làm đã xong. Từ thân này trở đi không còn thân khác.

Bố thí là vì lợi tha nên thí cho. Thờ kính là những lời lẽ trong sách Vĩ-đà do trời mà có nên phải thờ kính. Thiêu đốt là ở trong miếu thờ trời đốt các hương tô hợp v.v... Thiện là có thể được 3 thứ quả được ưa thích của nghiệp thiện. Ác là bị 3 thứ quả không được ưa thích của nghiệp ác. Nghiệp báo thiện ác là tên thiện ác đời nay, quả báo thân trời đời sau v.v.... Đời nay là hiện tại. Đời sau là vị lai. Cha mẹ là người sinh ra. Chúng sinh thụ sinh là từ đời nay đến đời sau. A-la-hán là người hết phiền não. Nghĩa là không có những việc trên gọi là tà kiến.

Lại chúng sinh bản sạch, có thấy biết, không thấy biết đều không nhân duyên. Lại không sức, không mạnh và quả báo này v.v..., gọi là tà kiến.

Nói tóm lại có tâm điên đảo đều là tà kiến. Như vô thường tướng thường; khổ tướng vui, bất tịnh tướng tịnh, vô ngã tướng ngã, không hơn tướng hơn, đạo thanh tịnh tướng chẳng phải đạo thanh tịnh, đạo chẳng phải thanh tịnh tướng đạo thanh tịnh, trong không tướng có, trong có tướng không. Những tâm điên đảo như vậy v.v..., như 5 kiến chấp trong Luận A-tì-đàm, 62 kiến chấp trong Kinh Phạm Võng đều gọi tà kiến.

Hỏi: Tà kiến này sinh như thế nào?

Đáp: Bởi si nên sinh. Nhiễm đắm cái chẳng phải nhân và cái tương tự nhân, nên sinh tà kiến.

Lại vì nhiễm đắm nhân vui nên nói không khổ.

Lại mất đạo lý không, nên nói không khổ, vì cho rằng không có người chịu khổ.

Như nói muôn vật trong thế gian không nhân không duyên. Hoặc nói nhân nơi trời Tự Tại v.v... chứ không phải nhân nơi ái. Đó gọi là không Tập.

Tùy theo nhân duyên nào đó nói không có Nê-hoàn; hoặc nói Nê-hoàn bằng một cách khác. Đó gọi là không Diệt.

Nếu không đạo Nê-hoàn thì đến chỗ nào? Hoặc nói lại có đạo giải thoát khác là nhịn ăn v.v.... Đó gọi là không Đạo.

Không Phật, là người này nói: Các pháp nhiều vô lượng làm sao một người có thể biết hết được? Hoặc sinh ý nghĩ như vậy: Phật là bậc cao quý trong loài người, vì không người nào bằng, nên biết không có Phật.

Không có phiền não hết, nên gọi là không có Pháp.

Không có người chính hành được Pháp này, nên gọi không có Tăng.

Bởi bố thí không được hiện quả nên gọi không bố thí.

Lại có kinh sách nói không bố thí. So sánh mà biết cũng không nhất định. Như thế gian có người ưa bố thí mà lại nghèo cùng; người tham lam lại được giàu sang. Do các nguyên nhân này nên nói không bố thí.

Không thờ cúng, không đốt hương cũng như vậy.

Nếu lửa đốt vật thành tro, thì trong đó có quả gì?

Không có thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, là nếu thần là thường thì không thiện ác, nếu thần vô thường thì không có đời sau. Vì không đời sau nên không thiện ác, không nghiệp báo thiện ác.

Không đời nay là phân tích các pháp, chung qui đều không có gì cả.

Không đời sau là bởi sau khi chết rồi không làm nhân duyên nên nói là không có đời sau.

Không cha mẹ nghĩa là cũng đem từng phần phân tích cho đến hết.

Lại nói như do phân sinh trùng, phân không phải cha mẹ của trùng.

Lại thân phần đầu v.v..., không phải tức thân phần của cha mẹ.

Lại các pháp diệt trong tích tắc, thì lấy gì làm cha mẹ?

Không chúng sinh thụ sinh là vì pháp chúng sinh không có, nên đời nay còn không, huống là có thể thụ thân đời sau.

Lại suy nghĩ mà nói thì chúng sinh này là thân này hay không phải thân này? Nếu là thân này, thì mắt thấy thân này chôn thì thành đất; đốt thành tro; trùng ăn thành phân nên không thụ sinh. Nếu là không phải thân này thì có 2 thứ: hoặc tâm, hoặc lìa tâm. Nếu là tâm, thì tâm pháp sinh diệt trong tích tắc không dừng trụ, huống chi đến thân đời sau. Nếu lìa tâm, thì không chấp ngã. Với tâm người khác còn không chấp ngã, huống là chỗ vô tâm. Cho nên không có người thụ sinh.

Không A-la-hán nghĩa là người này thấy mọi người đói cầu ăn, lạnh cầu ấm, nóng cầu mát, phá hại thì giận, cung kính nuôi dưỡng thì mừng, cho nên không ai hết phiền não được.

Lại kinh sách hoặc nói không A-la-hán, do đó vin lấy kinh này nên sinh tà kiến.

Bản sạch v.v... không nhân duyên là người này thấy pháp bản tự nhiên mà sinh. Và có thứ bản tự thể nó bản, nên mới nói không có nhân. Thấy biết, không thấy biết cũng như vậy.

Không sức không mạnh là thấy tất cả chúng sinh đều nhờ nhân duyên hoặc có người nói do trời Tự Tại tạo ra mới có.

Lại thấy chúng sinh thuộc nghiệp nhân duyên không phải do trời Tự Tại, nên nói không sức mạnh và quả báo này.

Vô thường tướng thường, là tùy đem nhân duyên nào đó để phá niệm niệm diệt, nhờ nhân duyên đó nên sinh thường kiến.

Lại nói các pháp khi diệt lại thành vi trần, hoặc nói trở về bản tính.

Lại các pháp tuy diệt, vì nhớ tướng, nên có thể chịu khổ vui, rồi sinh tướng là thường.

Lại nói thân là thường, âm thanh cũng thường. Vì các duyên có này nên sinh tướng thường.

Khổ nghĩa là người ưa vui tùy đem nhân duyên nào đó, bảo là có vui như trong Phẩm 3 thụ ở trước đã nói. Do nhân duyên này, nên sinh tướng vui.

Bất tịnh tướng tịnh, là vì nhiễm đắm thân, nên mắt thấy bất tịnh mà sinh tướng tịnh. Hoặc nghĩ như vậy: Ta được tướng người, thấy thân người này bất tịnh, mà có chúng sinh cho đó là tịnh. Do các nhân duyên như vậy nên sinh tướng tịnh.

Vô ngã tướng ngã, là thấy âm nối nhau sinh, mà nhận lấy một tướng cho đó là ngã.

Lại như trước đã nói nhân duyên sinh thân kiến. Vì những nhân duyên này, nên sinh tướng ngã.

Không hơn tướng hơn, là người này đối với các sư ngoại đạo Phú-lan-na v.v... sinh tướng thắng hơn.

Lại Phạm Vương tự nói: Ta là Đại Phạm Thiên Vương người tạo ra muôn vật. Như vậy v.v....

Có người nói: Nếu người hưởng vui 5 thứ dục đầy đủ, đó là pháp hơn hết.

Lại nói, nếu người lìa đục vào Sơ thiên cho đến Tứ thiên, đó là pháp vượt trội hơn hết.

Lại nói hiện thấy chúng sinh trong thế gian Bà-la-môn là cao cả, chứ không phải hiện thấy trời trong chúng sinh là cao tốt. Đó là không hơn tưởng hơn.

Hơn tưởng không hơn, là trong tất cả chúng sinh Phật là vượt trội hơn cả, mà có người đối với Phật không sinh tưởng hơn lại nói như vậy: Phật là dòng Sát-đế-lợi, lại mới học đạo không mấy ngày. Lại còn bảo những lời trong Phật pháp không xảo diệu, văn từ phiền phức trùng điệp không bằng sách Vi-đà, đó không gọi là hơn. Trong chúng Tăng có 4 hạng người, cho nên không hơn. Như vậy v.v... là trong hơn sinh tưởng không hơn.

Trong chẳng phải đạo thanh tịnh tưởng là đạo thanh tịnh, nghĩa là như người nói lấy nước tro v.v... rửa người làm cho thanh tịnh.

Lại nói xong hết sinh tử gọi là đạo thanh tịnh.

Lại chi tham đắm trì giới, Phạm hạnh, cúng dường trời v.v.... Cũng nói do trời Tự Tại nên được thanh tịnh.

Hoặc nói tiêu hết bản nghiệp khổ hạnh, gọi là đạo thanh tịnh.

Lại nói dứt bỏ không dùng các thứ gia vị cay nồng và bơ sữa v.v... nên được thanh tịnh.

Lại mỗi khi tắm rửa sạch sẽ phải đọc câu chú trong sách Vi-đà, rồi sau mới ăn uống, gọi là đạo thanh tịnh.

Dùng các thứ tà đạo như vậy v.v... mà được giải thoát, chứ không dùng 8 chính đạo cho là đạo thanh tịnh.

Trong có sinh tướng không, là như trong pháp thế đế có mà nói là không.

Trong không sinh tướng có, là như nói có đà-la-phiêu, có hữu phần, cũng nói có cầu-na, số lượng v.v... cũng nói tướng chung, tướng riêng và tập hợp, cũng nói thế tính v.v... không vật là có. Những nhân duyên như vậy v.v... sinh tâm điên đảo, đều gọi là tà kiến.

Trong tà kiến này đặc biệt có 4 thứ kiến, còn bao nhiêu các thứ nặng đều gọi tà kiến.

Hỏi: Làm sao dứt tà kiến này?

Đáp: Trong kinh Phật nói chính kiến có thể làm tiêu tà kiến.

Hỏi: Làm sao sinh chính kiến?

Đáp: Nếu thấy, nghe, so sánh biết, quyết định đúng đắn là sinh chính kiến.

Lại khéo tu chính định, thì sinh chính kiến. Như kinh nói nhiếp tâm có thể biết như thật, chứ không phải tán tâm.

Hỏi: Tà kiến như vậy có những lỗi gì?

Đáp: Tất cả tội lỗi và các tổn não đều bởi tà kiến. Vì người tà kiến bảo không tội phúc và nghiệp báo thiện ác. Cho nên hiện tại họ không có các việc tốt hưởng chi là đời vị lai. Người phá thiện ác như vậy gọi là đoạn thiện căn, chắc chắn sẽ đọa địa ngục A-tì, như trong Luận A-tì-đàm, Lục Túc nói giết người này tội nhẹ hơn giết loại trùng kiến.

Lại người tà kiến này làm ô nhiễm thế gian, vì làm nhiều điều tổn giảm chúng sinh, cho nên họ sống như một loài cây có độc vì có hại.

Lại người này khởi ra nghiệp thân khẩu ý đều là ác báo. Như trong kinh nói: Người tà kiến khởi ra nghiệp thân khẩu ý, muốn nghĩ nhớ dục, sân đều là ác báo, như trồng giống bầu đắng, giống Câu-xa độc, ất hại giống cây Mạn-đà. Trong ấy có bao nhiêu địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng đều có vị đắng, là vì trồng giống đắng. Như vậy người tà kiến các tâm, tâm số pháp, vì tà kiến nên đều bị ác báo. Cho nên người này dù có làm bố thí v.v... quyết không có quả báo tốt, vì trước đã bị tâm tà kiến làm hủy hoại. Những bất thiện người này tạo ra đều tăng thượng, vì từ lâu chứa nhóm ác tâm.

Lại nhờ giới pháp nên có thể ngăn phi pháp, mà người này không có thiện ác nên không thể cấm kỵ họ được, do đó rất phóng túng làm những điều bất thiện, chắc chắn phá hủy 2 pháp trong trắng là hổ với thẹn, nên chẳng khác loài súc sinh.

Lại nếu ai nói không thiện ác, tức trong tâm người ấy thường ôm điều bất thiện.

Lại người này không có nhân duyên có thể thụ thiện pháp. Bởi vì sao? Vì người ấy không hay gần gũi người thiện, không nghe thiện pháp, ác tâm dễ khởi, thiện tâm khó sinh. Vì dễ khởi ác nên không có nhân duyên thiện. Như vậy dồn chứa thì dứt mất thiện căn.

Lại người tà kiến này gọi là ở chỗ bị nạn, như chúng sinh trong địa ngục không thể đắc đạo. Nếu người này, dù sinh ở trung tâm trong nước, đầy đủ 6 căn, có thể phân biệt tốt xấu, nhưng cũng không thể đắc đạo.

Lại người tà kiến này không ác nào không tạo, không kể nhẹ nặng.

Lại họ gây chút bất thiện cũng đọa địa ngục, vì tâm nặng tội mà khởi nghiệp này. Như trong Phạm nghiệp giải thích về nghiệp địa ngục. Vì những nhân duyên này mà người ấy gây ra nghiệp gì đều là địa ngục.

Lại người này không thể hết nghiệp tội ác, vì pháp bất thiện thường ở trong tâm.

Lại người này xoay vần trong địa ngục khó được giải thoát. Bởi vì sao? Vì người đoạn thiện căn, trong khi thiện căn chưa nối nhau quyết không ra khỏi địa ngục.

Lại vì người này tà kiến ở luôn trong tâm, thì thiện căn làm sao tương tục lại được?

Lại người tà kiến gọi là không thể chữa được, giống như người bệnh nhân đã hiện tướng chết thì dù lương y cũng không chữa được. Người này cũng vậy, vì không còn một chút thiện. Cho đến chư Phật cũng không cứu được. Cho nên quyết phải đọa địa ngục A-tì.

Phẩm 133: Hai thủ

Đối với không phải thật sự, sinh tâm quyết định chỉ là sự thật, ngoài ra đều là vọng ngữ. Đó gọi là kiến thủ. Và như trước đã nói trong pháp không hơn, mà quyết định sinh tưởng cho là hơn, cũng gọi kiến thủ.

Hỏi: Kiến thủ có những lỗi gì?

Đáp: Người này được ít công đức, tự cho là đủ.

Lại người này ủng hộ công lao. Bởi vì sao? Vì người ấy với việc chẳng phải thiện mà sinh tướng là diệu thiện, rồi siêng năng tinh tiến, do nhân duyên này về sau tâm sinh ăn năn.

Lại người này bị người trí chê cười, vì với không hơn mà sinh tướng là hơn.

Lại nếu người không hơn mà cho là hơn, là tướng ngu si, giống như người mù đối với gạch ngói mà sinh tướng là vàng bạc, bị người sáng mắt cười cho xấu hổ. Kiến thủ có những lỗi như vậy.

Nếu ai bỏ trí tuệ mà dùng giới v.v... tấm rùa mong được thanh tịnh, gọi là giới thủ.

Hỏi: Vậy không cần giới mà được thanh tịnh sao?

Đáp: Nhờ trí tuệ giới mới thanh tịnh vì trí tuệ là căn bản.

Hỏi: Giới thủ có những lỗi gì?

Đáp: Nói lỗi kiến thủ, là lấy việc thấp kém cho là đầy đủ v.v..., đều là lỗi này.

Lại nhân duyên giới thủ ủng hộ chịu các khổ, nghĩa là như chịu lạnh chịu nóng, nằm trên tro đất, nằm trên chông gai, gieo mình xuống vực thẳm, nhảy vào lửa, gieo mình từ trên cao v.v..., thì đời sau cũng chịu quả báo khổ kịch liệt, như trong kinh nói: Trì giới trâu bò, nếu thành tựu thì lại làm trâu bò, mà nếu không thành thì đọa địa ngục.

Lại người này là hạng người từ tối vào trong tối, vì thụ pháp này hiện đời bị khổ, đời sau cũng khổ.

Lại người này bị tội rất nặng. Bởi vì sao? Vì lấy phi pháp cho là pháp, rồi hủy hoại chân pháp, và cũng bài báng những người tu chính pháp, khiến nhiều chúng sinh phán lại chân tịnh pháp, mà sa vào vòng tội lỗi. Vì chất chứa nhiều đại tội, nên bị quả báo địa ngục A-tì. Thà chảm đứt còn hơn, chứ không nên tu hành tà đạo. Bởi vì sao? Vì nếu từ trước chưa tu để khiến tu đạo, chứ tu tà hư tâm, nên khó vào chính đạo.

Lại tuy là oán tặc không thể khiến người suy não như sinh tà kiến. Bởi vì sao? Vì oán tặc không thể làm ô uế người, như chạy theo tà kiến, chịu tu các tà giới ngoại đạo như lỏa hình không xấu hổ, bôi tro đất lên người, nhổ tóc v.v...

Lại người tà kiến đều mất tất cả lợi lạc thế gian. Hiện tại mất vui ngũ dục, vị lai mất vui sinh về cõi thiện và vui Nê-hoàn. Nếu ai cầu vui mà bị khổ, cầu giải thoát mà bị trói buộc, thì không gọi là cuồng ư! Bởi vì sao? Vì nhân duyên thí một bữa ăn còn có thể được sinh lên trời. Mà người này tu tà hạnh dù cho thí cả thân mạng cũng không lợi ích gì!

Phẩm 134: Tùy phiền não

Tâm nặng nề muốn nhắm mắt gọi là buồn ngủ. Tâm không còn thức tỉnh gọi là ngủ. Tâm tản động duyên các trần gọi là trạo động. Tâm ôm buồn lo gọi là ăn năn. Như điều không nên làm mà làm, nên làm mà không làm. Tâm uốn khúc giả thiện gọi là siểm. Tâm siểm được thành sự

gọi là lừa gạt. Tự tác ác không biết xấu gọi là không thẹn. Làm bậy giữa công chúng không biết ngượng ngại gọi là không xấu hổ. Tâm chạy theo bất thiện gọi là phóng dật. Thật không công đức mà hiện tướng khiến người ta cho là có, gọi là dối trá. Hiện tướng kỳ lạ vì cầu lợi dưỡng, dùng lợi khẩu làm cho đẹp lòng người gọi là La-ba-na. Vì muốn được vật của người, nên biểu lộ muốn được, như nói vật này tốt v.v..., gọi là hiện tướng. Nếu vì muốn chê bai người này, nên ngợi khen người kia, như nói: Thân phụ của ông tịnh tiến, ông không bằng, gọi là nói cạnh khốe. Nếu đem của thí đã được để cầu của thí nữa, như nói đây là vật thí do người nào đó mới cúng, những lời như vậy gọi là dùng lợi để cầu lợi. Nếu người có bệnh ưa ngủ, gọi bệnh Đon-trí-lợi. Nếu được chỗ tốt đầy đủ nhân duyên hành đạo, mà thường buồn rầu, gọi là bất hỷ. Nếu người hay uôn mình, thân không điều thích, vì nhân duyên ngủ nghỉ, gọi là uê oái. Nếu người không biết ít nhiều điều hòa sự ăn uống, gọi là ăn không điều độ. Nếu không tinh tiến nổi, gọi là thoái tâm. Nếu các tôn trưởng có lời dạy bảo, mà không kính sợ, gọi là không tôn kính. Ưa thích người ác, gọi là ưa bạn ác. Những điều như vậy gọi là tùy phiền não. Vì theo phiền não phát sinh.

Phẩm 135: Bất thiện căn

Ba bất thiện căn là tham, sân và si.

Hỏi: Những kiêu mạn v.v... lẽ cũng là bất thiện căn, Vì sao chỉ nói 3 thứ ấy ư?

Đáp: Tất cả phiền não đều do 3 phần phiền não này, còn mạn v.v... là si phân nên không nói rộng.

Lại 3 thứ phiền não này phần nhiều ở trong tâm chúng sinh, mạn v.v... không phải vậy.

Lại tất cả những ai chưa lìa dục, cho đến con trùng con kiến, 3 phiền não này đều có ở tại tâm, kiêu mạn v.v... không như vậy.

Lại tham là bất thiện căn của sân, vì trái hoặc mất cái mình tham thì liền sinh sân. Còn si làm gốc cho cả 2. Bởi vì sao? Vì nếu ai không si thì không tham sân.

Lại trong kinh nói 10 nghiệp bất thiện có 3 thứ do tham sân si sinh chứ không nói do mạn v.v... sinh.

Lại chỉ có 3 thứ thụ, chứ không có thụ thứ tư. Trong 3 thụ này bị 3 phần phiền não kia sai khiến, nếu riêng có mạn v.v... thì sai khiến ở trong thụ nào? Điều này thật không nói được. Phải biết 3 thứ này là gốc của các phiền não.

Hỏi: Vì sao trong lạc thụ do tham sai khiến?

Đáp: Vì hiện thấy sinh ở trong đó. Như trong kinh nói: Người được lạc xúc sinh mừng, bị khổ xúc không mừng. Người này đối với các thụ như tập, diệt, vị, quá và xuất, vì không biết như thật nên trong thụ không khổ không vui, bị vô minh sử sai khiến. Bởi vì sao? Vì người này bị buộc trong cõi Vô sắc, các ám nối nhau, không biết như thật nên trong đó sinh tưởng tịch diệt, hoặc tưởng giải thoát, hoặc tưởng không khổ không vui, hoặc tưởng ngã. Cho nên nói si sinh trong thụ không khổ không vui.

Hỏi: Các thứ sử này là ở trong pháp mà sai khiến, hay là ở trong chúng sinh mà sai khiến?

Đáp: Do pháp mà sinh tâm chúng sinh, tùy tâm chúng sinh mà nhận các thứ thụ, tùy các thứ thụ tham v.v... các phiền não sai khiến. Cho nên biết do pháp sinh sử rồi sai khiến chúng sinh.

Làm sao biết được? Nếu chúng sinh chưa dứt sử này thì bị nó sai khiến, trái lại là không còn khiến nữa. Nếu như trong pháp mà sai khiến, thì pháp là thường có, lẽ ra phải thường sai khiến, vì thường không nên dứt.

Lại phi chúng sinh số lẽ ra cũng có sai khiến. Nếu như vậy thì như vì người sai khiến thì cái vách tường v.v... cũng có sai khiến; vì người biết nên cái vách tường v.v... lẽ ra cũng có biết. Điều này thật không có. Như vậy thì không có A-la-hán, vì người khác có sử, nên mình cũng có sử.

Hỏi: Sử này chưa dứt thì sai khiến, mà dứt rồi không sai khiến?

Đáp: Có 2 thứ sử sai khiến là duyên sử, và tương ưng sử. Sử này hoặc dứt, hoặc không dứt, tức là duyên và tương ưng. Vì sao nói dứt thì không sai khiến? Nếu như vậy, phải nói tương sử thứ 3? Vì không thể nói được, nên phải biết là không có.

Lại sử có thể duyên cõi khác mà không sai khiến, cho nên biết chỉ sai khiến trong chúng sinh, chứ không phải trong pháp.

Hỏi: Hai thứ sử: một duyên, hai tương ưng, là các sử của chúng sinh, không phải duyên, không phải tương ưng, làm sao sai khiến?

Đáp: Điều này trước đã đáp: Các sử do pháp sinh mà sai khiến chúng sinh. Như trong A-tì-đàm thân trung nói: Chúng sinh cõi Dục có bao nhiêu thứ sử sai khiến v.v...?. Nếu không sai khiến chúng sinh làm sao có những câu hỏi như vậy?

Hỏi: Nếu sử sai khiến chúng sinh, mà trong kinh lại nói tham sử trong lạc thụ, thì mâu thuẫn nhau sao?

Đáp: Đó là lời nói chưa hết ý. Nên phải nói là trong lạc thụ sinh tham rồi sai khiến chúng sinh.

Hỏi: Tham này cũng do sắc v.v... sinh ra, vì sao trong đó chỉ nói do lạc thụ sinh?

Đáp: Bởi nghĩ nhớ phân biệt vui mừng v.v..., nên tham mới sinh, chứ không phải chỉ do sắc v.v... sinh.

Hỏi: Do khổ thụ cũng sinh tham, như nói người vui không cầu, người khổ cầu nhiều. Vì sao chỉ nói do lạc thụ sinh?

Đáp: Là không sinh tham khổ thụ. Người này bị khổ làm bức bách ngặt nghèo, nên sinh tham lạc thụ.

Hỏi: Trong bất khổ bất lạc thụ, cũng bị tham sử sai khiến, vì sao chỉ nói trong lạc thụ?

Đáp: Người này cho bất khổ bất lạc thụ là vui nên sinh tham, cho nên nói trong lạc thụ tham sai khiến. Vì trong 3 thứ thụ này, 3 phiền não sai khiến, nên chỉ nói ba.

Phẩm 136: Tập thiền não

Hỏi: Trong kinh nói 3 lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Thế là thế nào?

Đáp: Trong cõi Dục, trừ vô minh, còn tất cả phiền não là dục lậu. Hữu lậu trong cõi Sắc và Vô sắc cũng như vậy. Vô minh trong 3 cõi gọi là vô minh lậu.

Hỏi: Các lậu tăng trưởng như thế nào?

Đáp: Vì pháp từ hạ, trung, thượng lần lượt tăng trưởng.

Lại được sắc v.v... các thắng duyên, nên các lậu tăng trưởng.

Hỏi: Ba lậu này vì sao nói 7 lậu?

Đáp: Thật lậu có 2 thứ: Thấy đạo lý dứt được là các lậu căn bản. Suy nghĩ mà dứt được là quả của các lậu. Năm nhân duyên giúp cho lậu hợp lại thành bảy, tức là phiền não này. Phật tùy theo nghĩa nên nói 3 lậu, 4 lưu, 4 phược, 4 thủ, 4 kết v.v....

Hỏi: Bốn lưu là dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu. Thứ nào ra làm sao?

Đáp: Trừ kiến và vô minh, còn tất cả phiền não cõi Dục, gọi là dục lưu. Hữu lưu cõi Sắc và Vô sắc cũng như vậy. Các thứ kiến gọi là kiến lưu, vô minh gọi là vô minh lưu.

Hỏi: Trong lưu, vì sao riêng nói kiến lưu, mà trong lậu không nói?

Đáp: Ngoại đạo phần nhiều bị kiến chấp làm trôi nổi, cho nên riêng nói trong lưu. Vì hay nổi chìm nên gọi là lưu, vì hay trôi buộc 3 cõi nên gọi là phược.

Hỏi: Bốn thù gồm dục thù, kiến thù, giới thù, và ngã ngữ thù. Thứ nào ra làm sao?

Đáp: Vì vô ngã nên chỉ lấy lời nói gọi là ngã ngữ thù. Nếu người có ngã kiến, tức sinh chấp 2 bên, là ngã hoặc thường hoặc vô thường. Nếu quyết định nói vô thường thì thù lấy ngữ dục, vì cho rằng không có đời sau nên đắm nhiễm vui hiện tại. Nếu quyết định nói thường, nếu người độn căn thì lấy trì giới mong được vui đời sau, người có chút lợi căn thì nghĩ như vậy: Nếu thân là thường thì khổ vui không biến đổi, tức không tội phúc nên khởi tà kiến. Như vậy chỉ do ngã ngữ mà sinh 4 thứ thù.

Hỏi: Bốn kết là thân kết tham lam ganh ghét, thân kết giận dữ, thân kết giới thù, và thân kết tham trước thật thù. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Tham lam vật của người khác mà người không cho thì sinh tâm giận dữ, dùng đến roi gậy v.v... mà lấy, đó là cội rễ đấu tranh của người tại gia, cũng gọi là theo bên vui. Nếu người trì giới muốn nhờ giới này mà được thanh tịnh, liền bảo đây là thật, ngoài ra là vọng ngữ, kiến chấp này liền theo. Đó là cội rễ tranh cãi của người xuất gia, cũng gọi là theo bên khổ. Năm ấm gọi là thân, là 4 thứ kết này căn phải có thân khẩu mới thành, nên gọi là thân kết.

Lại có người nói 4 pháp này có thể trói buộc sinh tử nên gọi là kết.

Hỏi: Năm thứ ngăn che là tham dục, giận dữ, ngu ngù, trạo hối và nghi, việc ấy thế nào?

Đáp: Người tham đắm các thứ dục, nên giận dữ bám theo. Như trong kinh nói: Do ái sinh giận dữ và ganh ghét

v.v... các phiền não; roi gậy v.v... các nghiệp ác đều bởi tham dục sinh. Người này thân và tâm bị sự tham giận làm hư hoại. Nhiều việc mệt nhọc thì muốn ngủ nghỉ. Người này mới ngủ nghỉ một chút thì tham giận lại đến nữa làm tâm tán loạn. Tâm không được thiên định, nên chạy rong theo cảnh ngoài, nên mới sinh trạo hỉ. Người có nghiệp bất tịnh thì tâm thường lo lắng ăn năn. Vì tán tâm và hối tâm nên tâm thường sinh nghi ngờ có giải thoát hay chẳng? Như Vương Tử bảo A-di-la là Sa-di.

Hỏi: Sao gọi là ngăn che?

Đáp: Tham dục, giận dữ có thể che khuất giới phẩm. Trạo hỉ có thể che định phẩm. Ngủ nghỉ có thể che tuệ phẩm. Có người vì muốn trừ cái che này nên nói đây là thiện, đây là bất thiện. Người đó trong đó sinh nghi là có hay là không? Nghi này thành, có thể che 3 phẩm trên. Vì sức của 5 thứ che, 3 pháp này mạnh, nên được gọi độc nhất là che. Sức của 2 thứ che yếu, nên phải hợp 2 pháp mới thành.

Lại 2 thứ che này nhân duyên cùng sinh, cho nên hợp lại mà nói.

Năm pháp nhân duyên của ngủ nghỉ là Đơn-trí-lợi, không vui, uế oải, ăn không điều độ, tâm lui chìm.

Bốn pháp nhân duyên của trạo hỉ là biết bà con xóm làng, biết đất nước, biết không chết, và nghĩ nhớ việc vui chơi nói cười trước đây, là sinh nhân. Vì thuốc trị bệnh cũng đồng, nên ngủ nghỉ lấy tuệ làm thuốc, trạo hỉ lấy định làm thuốc. Vì che khuất cũng đồng nên hợp 2 thứ lại làm che. Năm pháp này hoặc là che hoặc không

phải che. Bất thiện trời buộc cõi Dục gọi là che, ngoài ra không gọi là che. Năm thứ kết hạ phần là tham dục, giận dữ, giới thủ. Vì đọa xuống nên gọi là hạ phần. Như giữ giới trâu bò thành tựu thì làm trâu bò, bất thành thì vào địa ngục. Nghi, ngăn ngại, lìa dục, thân kiến, là 4 thứ căn bản, đó gọi là 5.

Lại vì tham giận nên không ra khỏi cõi Dục. Thân kiến không ra khỏi tâm chấp ngã. Giới thủ không ra khỏi hạ pháp. Nghi không ra khỏi phàm phu.

Lại vì tham dục và giận dữ nên không vượt khỏi cõi Dục. Nếu vượt quá thì bị kéo lại. Còn 3 thứ kia không vượt khỏi phàm phu, nên gọi là hạ phần, 5 thứ thượng phần thì trạo hí phá hoại thiên định, nên tâm không tịch diệt. Trạo hí này tùy lấy tướng kiêu mạn nên sinh. Tâm lấy tướng này từ vô minh sinh, nên mới có nhiễm cõi Sắc, nhiễm cõi Vô sắc, 5 thứ kết này bậc học nhân gọi nó là đi lên, nên gọi thượng phần, 5 thứ kết này là đối với tâm người học nhân mà nói, chứ không là phàm phu.

Hỏi: Vì sao trạo hí trong cõi Sắc, Vô sắc gọi là kết, mà cõi Dục không nói?

Đáp: Trong đó không có thô phiền não, nên trạo hí rõ rệt.

Lại trạo hí này có sức phá định, nên gọi là kết. Dứt được thượng phần này thì được giải thoát. Có người trong cõi Sắc và Vô sắc sinh tưởng giải thoát. Vì muốn ngăn lắm này, nên mới nói có thượng phần kết.

Năm thứ xan là trụ xan, gia xan, thí xan, xung tán xan, và pháp xan. Trụ xan là chỉ mình ta ở đây,

không có cho người khác. Gia xan là chỉ mình ta ra vào nhà này, không cho ai cả, dẫu có ai ở đây ta là hơn họ. Thí xan là ở trong đây độc một mình ta được bố thí, không cho người khác, dẫu có ai nữa, chớ cho hơn ta. Xung tán xan là chỉ khen ngợi mình ta, đừng khen người khác, dẫu có khen ai cũng đừng hơn ta. Pháp xan là chỉ độc nhất mình ta biết nghĩa 12 bộ kinh, và biết sâu sắc nghĩa bí mật mà không nói cho ai hết.

Hỏi: Năm thứ xan tham này có những lỗi gì?

Đáp: Trụ-xứ ấy v.v... là cộng hữu của nhiều người. Người này đã từng bỏ nhà mình, đến ở chỗ cộng hữu lại sinh tâm keo kiệt bủn xỉn là tệ phiền não.

Lại người ấy đối với pháp giải thoát hoàn toàn không có phần. Bởi vì sao? Vì người ấy đối với pháp cộng hữu hãy còn không xả được, huống chi có thể xả được tự thân 5 ấm ư?

Lại người này sinh đọa ngã quý v.v... các chỗ ác.

Lại người này vì lợi dưỡng che tâm, thì kiêu mạn, khinh dễ các người thiện, nên đọa địa ngục.

Lại vì phá hoại người khác bố thí, nên dẫu được trở lại thân người thì bị nghèo cùng.

Lại vì tâm keo kiệt làm dứt mất công đức người thí, vật thí, người thụ, nên bị tội nặng. Nếu xan lẫn pháp thì bị tội báo đui mù v.v..., như mù bẩm sinh và sinh vào chỗ nhiều người ác, không được tự tại, thoái mất Thánh thai, là oán tặc 3 đời 10 phương chư Phật. Thường qua lại sinh tử làm người ngu si, người thiện xa lánh. Vì xa lìa người thiện nên không điều ác nào cũng gây.

Ác có 3 thứ: ác ác, đại ác, và ác trong ác. Ác ác là giết, trộm v.v.... Đại ác là tự mình giết, cũng dạy bảo người giết. Tự keo kiệt cũng dạy người keo kiệt. Ác trong ác là tự lẫn tiếc pháp cũng dạy người lẫn tiếc pháp.

Người này lẫn tiếc Pháp khiến nhiều người đọa vào ác. Cũng là diệt Phật pháp. Như trong kinh nói trụ xứ xan có 5 lỗi. Vị thiện Tì-kheo chưa đến không muốn cho đến, đã đến thì nhăn nhó không vui, nghĩ muốn khiến đi, cất giấu thí vật của Tăng, các thí vật của chư Tăng sinh tâm của mình.

Gia xan có 5 lỗi. Vì tham đắm nhà cửa nên cùng chung buồn vui với người thế gian, dứt việc làm phúc của người thế gian, dứt người thụ giả được của thí. Vì dứt 2 điều này nên sinh làm con qui ở trong chuồng tiêu của nhà ấy.

Thí xan có 5 lỗi là thường thiếu thốn vật nuôi sống, phá hoại lợi hai người, mắng nhiếc người thiện, tâm thường ốm lo buồn.

Khen ngợi xan tham có 5 lỗi là nghe khen người khác tâm thường vẫn đục, trong trăm trăm ngàn đời thường không tịnh tâm, chê trách người thiện, tự cao bán thân hạ thấp người khác, khiến thường mang tiếng xấu.

Lại tất cả xan tham chung có những lỗi này: chứa nhóm nhiều vật, khiếp sợ đại chúng, bị nhiều người ghét, tâm thường vẫn đục, thân thường cô độc, sinh vào nhà nghèo hèn. Như vậy nhiều vô lượng là tội lỗi của 5 thứ xan tham.

Năm thứ tâm trong là nghi Phật, nghi Pháp, nghi giới nghi giáo hóa, nếu có Tì-kheo được Phật và các bậc

Đại nhân khen ngợi, người này liền đem ác khẩu sàm báng. Đó gọi là 5 thứ. Nghi Phật là khởi ý nghĩ như vậy: Phật là lớn hay Phú-lan-na v.v... là lớn? Nghi pháp là Phật Pháp là hơn hay Vi-đà v.v... của ngoại đạo là hơn? Nghi giới là giới Phật nói là hơn hay giới gà chó v.v... là hơn? Nghi giáo hóa là nghi pháp A-na-ba-na v.v... là có thể đến Nê-hoàn hay chăng? Sàm báng là đem tâm giận dữ không chút kính nể mà xâm hại người thiện. Người này bị 5 pháp ấy làm bại hoại tâm, không kham trồng các thiện căn, nên gọi là tâm trồng.

Hỏi: Người ấy vì sao đối với Phật v.v... sinh nghi?

Đáp: Người này không thể đa văn, cho nên sinh nghi. Nếu những người đa văn thì ít nghi ngờ. Và người này ngu si vô tri không biết phân biệt Phật pháp và các pháp khác, cho nên sinh nghi.

Lại người này đối với Phật pháp, không thể có được ý vị, cho nên sinh nghi.

Lại không học không đọc các kinh Vi-đà mà chỉ nghe người khen ngợi rồi sinh tâm quý trọng.

Lại người này đời đời tà nghi nặng nề, vì tâm thường vẫn đục nên đối với Phật v.v... sinh nghi, như người thị giả của Phật tên Tô-na-sát-đa-la.

Lại người này cùng với nhiều người tà kiến cộng đồng sự nghiệp, nên khiến sinh nghi.

Lại người này vì đọc tụng Vi-già-đà-hòa-la-na v.v... các kinh tà kiến, nên chính trí tuệ bị hỏng mà sinh nghi.

Lại người này với các pháp nghĩa ưa sinh tà niệm, không thể lãnh hội được ý của tác giả kinh điển, cho nên sinh nghi.

Lại người này thù chung không thể được công đức tự lợi. Vì những duyên cơ này nên đối với Phật v.v... sinh nghi.

Năm thứ tâm trói là nếu ai vì không lìa thân dục nên sinh tham đắm. Thân không lìa 5 thứ dục nên tham đắm dục.

Lại cùng với những người tại gia xuất gia hòa hợp, đối với Thánh ngữ nghĩa tâm không ưa thích được chút lợi ích tự cho là đủ. Trong đó, 4 thứ trói là do tham dục mà khởi. Nếu người không lìa nội thân dục nên đối với ngoại cảnh, trong Sắc v.v... sinh đắm nhiễm, cho nên ưa cùng đồng người ồn ào hòa hợp. Vì ưa ồn ào náo nhiệt nên với Thánh ngữ nghĩa hiển thị pháp tịch diệt thì tâm không ưa thích. Cho nên đối với tri giới đa văn và thiền định v.v... được chút ít lợi ích tự cho là đủ. Vì tham đắm chút lợi ích này nên bỏ mất lợi lớn. Người trí không nên tham đắm lợi nhỏ mà tổn hại lớn. Người này nếu lìa 8 nạn, được thân người khó, cho nên cần phải nhất tâm siêng năng tinh tiến.

Lại pháp phàm phu không thể tin. Nếu lìa nhân duyên đầy đủ này, hoặc có duyên nào khác thì hoàn toàn không còn có thể vào Thánh đạo.

Lại không tham tiêu lợi thì có thể được quả báo xuất gia, đến khi lâm chung cũng không ăn năn, cũng được lợi mình lợi người.

Lại người này trong công đức còn không tham đắm huống là ác pháp, nên mới gọi là chính hành.

Lại làm lỗi phạm phu không thể thâm nhiễm được.

Hỏi: Lỗi phạm phu là thế nào?

Đáp: Trong kinh nói: Người phạm phu cần lấy 20 pháp chiết phục tâm mình. Nên nghĩ vậy: 1. Ta chỉ có hình thức ăn mặc khác với người tục. 2. Hoàn toàn không được gì. 3. Ta sẽ vì bất thiện mà chết mất. 4. Sẽ rơi vào biển rất khiếp sợ. 5. Sẽ phải đến chỗ sợ sệt. 6. Không biết chỗ không sợ. 7. Cũng không biết Đạo pháp. 8. Không được thiên định. 9. Thường chịu khổ thân. 10. Khó lia tám nạn. 11. Oán tặc thường đuổi theo. 12. Các đường đều mở chưa thoát đường ác. 13. Thường bị vô lượng kiến chấp trói buộc. 14. Với tội ngũ nghịch chưa thể đề phòng. 15. Vô thủy sinh tử chưa có biên giới. 16. Không gây tạo thì không được tội phúc. 17. Thiện ác không thể thay thế nhau. 18. Không tu pháp thiện quyết không an ổn. 19. Đã tạo thiện ác quyết không tiêu mất. 20. Ta sẽ vì không điều phục mà đến chết. Đó là 20 pháp không thể ô nhiễm được.

Lại việc đáng làm người này đã làm xong, nên tâm không ăn năn. Nếu ai tham đắm thì không có thể thành pháp tại gia và xuất gia. Cho nên không nên tham đắm tiểu lợi 7 thứ sử.

Hỏi: Các phiền não sao gọi là sử?

Đáp: Trong sinh tử nối nhau thường đeo bám theo chúng sinh, nên gọi là sử. Giống như người vú nuôi thường theo đứa bé, như bệnh sốt rét chưa khỏi, như mắc

nợ ngày càng sinh lãi, như chuột hại chưa trừ, như tướng đen tẩm sắt nóng, như mầm lúa, như tự ký giấy ở đợ, như người đoán việc mà làm chứng, như trí tuệ dần chừa, như nghề nghiệp thường tập, như lửa đèn thường nổi nhau. Cứ như vậy thứ lớp nối nhau liên tục tăng trưởng nên gọi là sử.

Hỏi: Sử này tương ứng với tâm hay không tương ứng?

Đáp: Tương ứng với tâm. Bởi vì sao? Vì đã nói tham v.v... là tướng của sử. Các tướng này của sử cùng với vui mừng tương ứng. Nếu không tương ứng với lòng vui mừng là không đúng. Sự vui mừng này hoặc ở trong cảm thụ vui gọi là tham sử.

Lại tham là đắm nhiễm, mà trong tâm không tương ứng thì không có nghĩa đắm nhiễm. Cho nên biết các sử cùng tương ứng với tâm.

Hỏi: Không phải vậy. Các sử không phải tương ứng với tâm. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Đứa trẻ con dâm tâm còn không có hướng chi có thể hành động dâm dục mà cũng bị dục sử sai khiến?

Lại nói không nghĩ, không phân biệt, cũng có duyên thức trụ.

Lại trong kinh nói: Khi dứt thân kiến các sử đều dứt hết.

Lại Thánh đạo và phiền não không được đồng thời. Cho nên Thánh đạo sinh, thì tâm bất tương ứng sử dứt. Nếu không phải vậy, thì Thánh đạo dứt những gì?

Lại nếu không có tâm không tương ưng, thì phạm phu, học nhân hoặc khi ở tâm thiện, tâm vô ký lẽ ra phải là A-la-hán?

Lại sử là nhân trói buộc, từ sử sinh trói buộc, bị trói thì sử bùng thịnh lên. Cho nên biết các sử không tương ưng với tâm.

Lại nếu người ở trong tâm thiện, vô ký cũng gọi có sử, nếu không có tâm không tương ưng với sử, thì sao gọi là có sử được? Cho nên biết các sử không tương ưng với tâm?

Đáp: Không phải vậy. Người nói đứa trẻ con không dục cũng có tham sử. Điều này không đúng. Đứa trẻ con chưa được thuốc trừ tham, tham dục chưa hết, nên bị tham sử sai khiến, như người bệnh vì quý ám, tuy khi chưa phát hiện, cũng gọi người bệnh quý ám. Bởi vì sao? Vì bệnh nhân chưa được chú thuật, thuốc men để trừ bệnh. Cũng như bệnh sốt cách 4 ngày, tuy 2 ngày không phát, cũng gọi là người bị bệnh sốt. Cũng như chuột hại chưa trừ, nên khi nghe tiếng sấm thì phát hiện. Như vậy không luận trong tâm nào, chưa được thuốc trừ sử đều gọi là không dứt. Các câu hỏi khác cũng như đã đáp chung rồi.

Ông nói không nghĩ, không phân biệt cũng có duyên thức trụ. Đó là cũng vì chưa dứt sử.

Ông nói thân kiến cùng sử đều dứt, ông cho rằng trói buộc là tương ưng với tâm khi chưa sinh cũng dứt, sử cũng như vậy, tuy khi Thánh đạo không có, cũng gọi là dứt, vì bị pháp trái nhau.

Ông nói đạo với phiền não không đồng thời, đó cũng bởi chưa dứt nên nói có thể có.

Ông nói phàm phu, học nhân nếu ở trong tâm thiện, vô ký lẽ ra phải là A-la-hán, A-la-hán đã dứt, người này chưa dứt nên như người không thụ pháp đoạn nhục, tuy không ăn thịt, nhưng không gọi là người đoạn nhục.

Lại có vô minh tà niệm, tà tư duy v.v... nên phiền não nào chưa dứt thì sinh. A-la-hán không nhân này, nên không đồng với những người khác.

Lại ông nói bị trói buộc thì sử bùng phát mạnh. Điều này không đúng. Các phiền não vì từ pháp hạ, trung, thượng nên bùng phát mạnh, chứ không phải bị trói buộc.

Ông nói người ở tâm thiện, vô ký gọi là có sử. Đó là cũng vì chưa dứt nên gọi có sử. Vì những duyên do này nên biết tham v.v... các sử chẳng phải không tương ưng. Tầm tà đạo, tà kiến cho đến tà định, vì không biết như thật, hiểu biết điên đảo nên gọi là tà kiến cho đến tà định.

Hỏi: Chính mạng với tà mạng không lìa nghiệp thân khẩu. Vì sao nói riêng?

Đáp: Người xuất gia khó dứt tà mạng, cho nên phải nói riêng. Tà mạng là dùng dối gạt v.v... 5 pháp có thể được lợi dưỡng, nên gọi tà mạng. Nói tóm lại các người xuất gia đều không nên làm các nghề nuôi sống như làm sứ giả cho vua, buôn bán, thầy thuốc v.v..., và không nên lấy tiền gạo v.v... của chúng sinh. Nếu lấy đều gọi là tà mạng.

Lại trong Luật cấm lấy đó làm kế nuôi sống, đó đều gọi là tà mạng. Như trong kinh nói Ưu-bà-tắc không nên buôn bán 5 thứ.

Hỏi: Lấy gì nuôi sống?

Đáp: Đúng như pháp cầu xin, lấy đó sinh sống không nên tà mạng. Bởi vì sao? Vì tâm bất tịnh thì hủy hoại thiện pháp, không thể tu đạo.

Lại người hành đạo nên nghĩ như vậy: Vào trong Phật pháp là vì mục đích tu đạo, không vì sinh sống. Cho nên người ưa thiện pháp nên tu tịnh mạng.

Lại Tì-kheo nên an trụ trong pháp Tì-kheo, nếu làm tà mạng là không phải pháp Tì-kheo.

Phẩm 137: Chín thứ kết

Ái v.v... 9 thứ kết.

Hỏi: Vì sao trong các thứ kiến, riêng nói 2 thứ thủ?

Đáp: Giới thủ khó lìa khỏi, như khúc gỗ nổi trôi vào dòng nước xoáy, khó thoát ra được. Người này cũng vậy, họ nghĩ như vậy: Ta nhờ trì giới này sẽ sinh lên trời. Vì lẽ đó nên họ cam chịu lao xuống vực sâu, gieo mình vào lửa, tự nhào xuống từ trên cao v.v... nhiều thứ khổ hạnh.

Lại người thế gian, trong giới thủ không thấy lầm lỗi, nên Phật nói là kết.

Lại y theo giới thủ này có thể bỏ 8 Thánh đạo.

Lại đó không phải chính đạo, không phải thanh tịnh đạo, nên gọi là tùy khổ biên.

Lại giới thủ là trói buộc người xuất gia. Các dục trói buộc người tại gia.

Lại người giới thủ tuy có tu các pháp xuất gia, mà luống không được gì cả.

Lại người giới thủ đời nay không được vui, đời sau chịu khổ lớn. Như giữ giới trâu bò, thành thì làm trâu bò, bại thì đọa địa ngục.

Lại bởi giới thủ này có thể hủy báng chính đạo và người tu chính đạo.

Lại giới thủ là chỗ các ngoại đạo sinh khởi kiêu mạn. Họ khởi nghĩ như vậy: Ta nhờ pháp này có thể thắng những người khác.

Lại vì giới thủ nên 96 phái đều có pháp sai khác nhau.

Lại giới thủ thô dễ thấy, nên nhiều chúng sinh tu hành theo. Đạo trí tuệ mầu nhiệm khó thấy, nên người đời không biết tu được lợi ích.

Lại kiến chấp này có thể lôi kéo lòng người, nên những người ngu si phần nhiều tu pháp này.

Lại đó gọi là ác kiến nặng, vì nghịch với chính đạo mà làm theo phi đạo. Người kiến thủ tham đắm tà pháp không lìa bỏ được là vì sức mạnh của kiến thủ. Lại vì sức kiến thủ nên kết cang kiên cố.

Hỏi: Trong Kinh Đế Thích Vấn hỏi vì sao chỉ nói người trời có 2 kết xan và tật?

Đáp: Hai thứ phiền não này là bỉ ôi tệ lậu nhất. Bởi vì sao? Vì thấy các chúng sinh đói khát khổ não, mà lòng bùn xin nên không thương xót cứu giúp, thấy người nào được điều gì cũng sinh tâm ganh ghét, lòng

ôm nóng này. Vì những lý do này nên đọa vào chỗ nghèo hèn, xấu xí không chút oai đức.

Lại Thích Đề Hoàn Nhân, 2 kết này nhiều thường xuyên đến làm não tâm, nên Phật vì đó mà nói.

Lại 2 kết này là nhân duyên tội nặng. Bởi vì sao? Vì bởi 2 kết này mà khởi ác nghiệp nặng.

Lại trong 3 thứ độc, tham giận có thể khởi tội nặng. Tham giận thịnh nên khởi 2 kết này.

Lại 2 kết này có thể não hại nam nữ.

Lại khó lia bỏ. Bởi vì sao? Vì nếu tu sâu thiện tâm mới có thể dứt hẳn tính ganh ghét, tu sâu bố thí sau mới dứt hết lòng bủn xỉn. Vì không thấy nghiệp báo mà có thể xả trọng vật đó là việc rất khó. Như người thấy con đắc thắng việc hơn mình, lòng còn khó mừng vui, huống là kẻ địch. Vì 2 kết này dựa vào 2 tính ghét ưa, nên rất khó trừ dứt. Vì những lý do này mà Phật nói riêng.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 11)

Phẩm 138: Các câu hỏi khác

Luận giả nói: Tất cả phiền não phần nhiều gồm thâu trong 10 sử, cho nên phải do nơi 10 sử mà tạo luận. Mười sử là tham, giận, mạn, vô minh, nghi và 5 kiến chấp.

Hỏi: Mười phiền não đại địa pháp này là không tin, biếng nhác, nhớ sai, tán tâm, vô minh, tà phương tiện, tà niệm, hiểu sai, vui đùa, phóng dật. Pháp này thường chung cùng với tất cả tâm phiền não. Việc đó thế nào?

Đáp: Trước đã phá tương ưng, chỉ tâm pháp mỗi mỗi sinh cho nên không đúng.

Lại đó là không đúng đạo lý. Vì sao biết? Hoặc có tâm bất thiện cùng tín bất thiện chung. Hoặc có tâm bất thiện mà không tín. Tinh tiến v.v... cũng như vậy. Cho nên biết không phải tất cả trong tâm phiền não có 10 pháp này.

Lại ông nói ngủ nghi và vui đùa ở trong tất cả tâm phiền não, cũng không đúng. Nếu tâm mê chìm, bấy giờ mới có ngủ nghi, chứ không phải ở trong tâm vui đùa. Có những lỗi như vậy.

Hỏi: Trong cõi Dục có 10 phiền não. Cõi Sắc và Vô sắc trừ sân, còn lại tất cả. Điều này thế nào?

Đáp: Trong đó cũng có ganh ghét v.v.... Vì sao biết được? Trong kinh nói có Phạm Vương bảo các Phạm chúng rằng: Các ngươi đừng đến Sa-môn Cù-đàm, các ngươi chỉ ở đây với ta tự sẽ được hết sự già chết. Đó là ganh ghét. Vì có ganh ghét nên phải có giận dữ.

Lại kinh nói Phạm Vương nắm tay một Tì-kheo kéo ra khỏi chúng Tăng, bảo rằng: Tì-kheo! Ta cũng không biết 4 đại ở chỗ nào diệt hết không còn. Như vậy đem tâm gièm siểm gạt các Phạm chúng đó gọi là gièm siểm. Như nói ta là tôn quý tạo ra muôn vật. Đó là kiêu mạn phóng dật. Những điều như vậy, trong đó cũng có những ác phiền não, nên phải biết cũng có bất thiện.

Có luận sư nói: Nếu tham phụ mẫu và Hòa thượng, A-xà-lê v.v... gọi là tham thiện, tham vật của người khác v.v... gọi là tham bất thiện, không làm tổn hại, hay lợi ích người khác gọi là tham vô ký. Giận pháp bất thiện và ác tri thức v.v... gọi là giận thiện, nếu giận thiện pháp và chúng sinh gọi là giận bất thiện, nếu giận vật phi chúng sinh gọi là giận vô ký. Nếu dựa ngạo mạn để dứt ngạo mạn gọi là ngạo mạn thiện, khinh chúng sinh gọi là ngạo mạn bất thiện. Vô minh v.v... cũng như vậy.

Lại có luận sư khác nói: Nếu như thiện thì không gọi là phiền não.

Hỏi: Thân kiến ở cõi Dục phải gọi vô ký. Bởi vì sao? Vì nếu thân kiến là bất thiện thì tất cả phàm phu đều sinh ngã tâm, không thể khiến đều đọa địa ngục, nên gọi là vô ký. Việc đó thế nào?

Đáp: Thân kiến là căn bản của tất cả phiền não, làm sao gọi vô ký được! Lại người này đọa là vì người khác nói có thân ngã, bây giờ làm sao được gọi vô ký? Biên kiến cũng như vậy.

Hỏi: Nếu chuyển người tà kiến sang đọa vào trong nghi, người này là bất thiện chăng?

Đáp: Người đó không phải là bất thiện. Bởi vì sao? Vì tà đọa trong nghi không vào tà kiến.

Hỏi: Có người nói tất cả phiền não trói buộc cõi Dục có thể khiến dục hữu nối nhau, buộc cõi Sắc và Vô sắc cũng như vậy. Việc đó thế nào?

Đáp: Chỉ ái có thể khiến các hữu nối nhau, vì trước vui mừng rồi sau mới sinh.

Lại nói ái là nhóm khổ, cũng nói ái ưa uống ăn tham dục v.v... nên tùy theo chỗ mà thụ sinh. Trong tà kiến v.v... không có nghĩa như vậy. Tuy trong kinh nói khinh mạn nhân duyên sinh. Cũng trước mạn sau ái nên mới sinh. Giận cũng như vậy. Cho nên biết đều bởi ái nên các hữu nối nhau.

Hỏi: Trong các phiền não có mấy thứ thấy đạo lý thì dứt, mấy thứ suy nghĩ mới dứt?

Đáp: Tham, sân, mạn và 2 thứ vô minh, thấy đạo lý và suy nghĩ dứt, ngoài ra 6 thứ chỉ thấy đạo lý là dứt.

Hỏi: Người học nhân cũng có ngã tâm. Cho nên biết không thị hiện tướng đó thôi, vì học nhân một phần thân kiến chưa dứt?

Đáp: Đó là mạn không phải kiến. Kiến là tướng thị-hiện.

Hỏi: Có người nói bunn xin, ganh ghét, hối tiếc, gièm siểm v.v... chỉ suy nghĩ dứt. Việc đó thế nào?

Đáp: Đó đều có 2 thứ, có kiến đế dứt, có tư duy dứt. Vì sao biết được? Như Ni-kiền tử v.v... vì thấy đệ tử Phật được cúng dường nên sinh tâm ganh ghét. Tâm ganh ghét này thấy đạo thì diệt. Cho nên biết kiến đế thì dứt liền.

Có người trước đối với đệ tử Phật, lẩn tiếc không thí, vì được thấy đạo nên có thể cúng thí. Lẩn tiếc này thấy đạo là dứt. Như Tô-na-sát-đa-la v.v..., hối tiếc cũng thấy đạo là dứt. Như Tu-đà-hoàn nhân duyên đọa địa ngục v.v... và thụ thân đời thứ 8, gièm siểm v.v... cũng thấy đạo lý mới dứt.

Hỏi: Các phiền não có mấy thứ thấy khổ đế dứt, mấy thứ thấy tập, diệt, đạo đế dứt, và mấy thứ suy nghĩ dứt?

Đáp: Trước đã nói thấy đạo lý dứt 6 sử là 4 thứ, thấy khổ đế dứt, thấy tập, diệt, đạo đế dứt. Ngoài ra 4 sử là 5 thứ.

Hỏi: Thân kiến, biên kiến chỉ thấy khổ đế dứt, giới lấy 2 thứ, thấy khổ thấy đạo dứt. Việc đó thế nào?

Đáp: Các phiền não khi thật thấy diệt đế mới dứt. Cho nên thân kiến v.v... không phải chỉ thấy khổ đế mà dứt được.

Lại thân kiến đối với 4 đế hiểu sai lầm. Năm ám vô thường do nhân duyên sinh. Ngã không phải vô thường, không do nhân sinh. Năm ám có diệt, ngã không diệt. Đạo đế cùng với ngã kiến là pháp trái nhau. Cho nên thân kiến 4 thứ dứt. Biên kiến cũng 4 thứ dứt. Bởi vì sao?

Vì hành giả thấy khổ để do tập để sinh thì dứt dứt kiến. Kiến chấp do đạo để được dứt, thì dứt thường kiến. Giới lấy cũng có 4 thứ. Có nhân có quả, cho nên khi thấy khổ để biết giới này là khổ, không, nhờ đó mà được thanh tịnh. Phải thấy khổ để mới dứt. Biết giới này là nhân khổ, không, nhờ đó mà được tịnh. Phải là thấy tập để mới dứt. Vì tà kiến bài bác Nê-hoàn, cho rằng nhờ kiến chấp này được tịnh. Phải là thấy diệt để mới dứt. Bởi đó mà bài bác đạo. Phải thấy đạo để mới dứt. Như kiến lấy dựa vào tà kiến nên có 4 thứ, giới lấy cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì không gọi 98 thứ sử?

Đáp: Các sử tùy bậc mà dứt, không tùy cõi, nên không giới hạn ở số 98.

Hỏi: Tham, mạn và trừ tà kiến, còn 4 kiến kia đều tương ứng với 3 căn. Trừ khổ căn ưu căn, giận dữ cũng tương ứng với 3 căn. Trừ lạc căn hỷ căn, vô minh tương ứng với 5 căn. Tà kiến, nghi tương ứng 4 căn. Trừ khổ căn, giận, che giấu tội, xan lẫn, ganh ghét không tương ứng với ưu căn. Việc đó như thế nào?

Đáp: Trước đã phá không có tương ứng rồi. Ra sau sẽ nói. Trong 5 thức không có phiền não.

Lại trong pháp của ông, tham tương ứng với hỷ căn, mà xan thì không phải như vậy. Đó là không lý do, vì xan là một phần của tham. Như vậy kiêu mạn không cùng tương ứng với ưu căn cũng không lý do. Cho nên biết chỗ lập luận của các ông đều tự nhớ tưởng phân biệt.

Hỏi: Có người nói thấy khổ để, dứt được 5 thứ kiến. Nghi và tham, sân, mạn không tương ứng với vô minh.

Và tập để dứt được tà kiến, kiến thù. Nghi và tham, sân, mạn không tương ưng vô minh. Đó gọi là sử biến khắp, ngoài ra không phải biến khắp. Việc đó thế nào?

Đáp: Tất cả biến khắp. Bởi vì sao? Vì tất cả đều cùng chung nhân duyên.

Lại đối với tà kiến của mình sinh tâm tham, như nói không khổ cho đến không đạo. Tham đắm kiến chấp này mà giữ lấy làm tự cao, nếu nghe nói khổ thì sinh ghét giận.

Lại tham này có thể duyên diệt đế, sân cũng có thể ghét giận Nê-hoàn, cũng lấy Nê-hoàn sinh tâm tự cao. Đạo cũng như vậy. Phải biết các sử khác cũng có thể biến khắp.

Lại phiền não trói buộc cõi Dục có thể duyên cõi Sắc, như bởi tham nên mừng, bởi giận nên oán ghét, vì lấy pháp kia tự cao, cũng lấy đó cho là hơn, không phải chỉ có cõi Dục. Như phiền não cõi Dục có thể duyên cõi Sắc, phiền não kiến v.v... cõi Sắc cũng có thể duyên quả cõi Dục. Cõi Vô sắc cũng như vậy.

Lại phiền não này đều có thể có tướng chung tướng riêng. Bởi vì sao? Vì tham cũng có thể có tướng chung như nhiễm cả 4 thiên hạ.

Lại như Kinh Trường Trảo nói: Tất cả nhãn là tham, tất cả bất nhãn là sân. Tất cả bất nhãn là tham, tất cả nhãn là sân. Cũng lấy phiền não này tự cao. Phiền não này đều có thể khởi nghiệp thân khẩu. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Sinh tâm thấy biết như vậy, nói việc như vậy. Nghĩa là có thân v.v....

Lại tất cả phiền não này đều ở trong thức thứ 6, trong 5 thức kia không có. Bởi vì sao? Vì tướng hiện hành trong thức thứ 6, nên tất cả phiền não đều do tướng sinh. Nếu không phải như vậy, thì thân kiến v.v... cũng phải ở trong 5 thức. Bởi vì sao? Vì mắt thấy sắc bảo ta có thể thấy. Nghi nạn v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Trong kinh nói 6 ái chúng. Vì sao nói trong 5 thức kia không phiền não?

Đáp: Như 6 ý hành đều hiện hành trong ý thức. Chỉ nhờ mắt v.v... mở cửa và dẫn đường, nên mới gọi 6 ý hành. Điều này cũng vậy.

Lại trong ý thức có những phân biệt nhân duyên, mà trong 5 thức kia không có. Cho nên biết trong 5 thức không có phiền não.

Phẩm 139: Dứt lỗi

Hỏi: Có người nói các phiền não có 9 bậc hạ, trung, thượng là hạ hạ, hạ trung, hạ thượng; trung hạ, trung trung, trung thượng; thượng hạ, thượng trung, thượng thượng. Trí cũng có 9 bậc là phiền não trước dứt thượng thượng, sau cùng dứt hạ hạ. Đem trí hạ hạ dứt phiền não thượng thượng, cho đến đem trí thượng thượng dứt phiền não hạ hạ. Việc đó thế nào?

Đáp: Dùng vô lượng tâm dứt các phiền não. Bởi vì sao? Trong kinh Phật nói: Vì như người thợ khéo, tay cầm cán rìu, mắt thấy chỗ ngón tay nắm, tuy hằng ngày

không thể phân biệt mòn hết bao nhiêu, nhưng khi mòn hết mới hay là mòn hết. Tì-kheo cũng vậy, khi đang tu đạo, tuy không phân biệt biết ngày nay diệt được hết bao nhiêu phiền não, hôm qua đã diệt hết bao nhiêu; nhưng đến khi diệt hết rồi mới biết là hết. Cho nên biết phải dùng vô lượng trí diệt mới hết các phiền não chứ không phải 8 không phải 9.

Hỏi: Dựa định nào, diệt những phiền não nào?

Đáp: Nhờ 7 chỗ dựa diệt được phiền não. Như trong kinh Phật nói: Nhờ Sơ thiên lậu hết, cho đến nhờ Vô sở hữu xứ lậu hết.

Lại lia 7 chỗ dựa này cũng có thể hết lậu, như trong kinh Tu-thi-ma nói lia 7 chỗ dựa cũng được hết lậu. Cho nên biết dựa vào định cõi Dục cũng được hết lậu.

Hỏi: Kiến đế thì phiền não dứt, không cần nương định Vô sắc mà dứt, vì lẽ hành giả này đã hoại sắc tướng?

Đáp: Điều này trước đã đáp rồi, nghĩa là Vô sắc định có thể duyên sắc.

Hỏi: Vì là trước từ Sơ thiên rồi tuần tự lia dục đến Nhị thiên v.v... là đồng thời hay sao?

Đáp: Phải tuần tự, vì lia Sơ thiên muốn sinh Nhị thiên.

Hỏi: Trong cõi Dục cũng có thứ tự sao?

Đáp: Các phiền não diệt từng mỗi niệm nên cũng phải thứ tự.

Lại như những người ở các cõi trời Diệm-ma, khi ôm nhau thì thành dâm dục. Trời Đâu-suất-đà nắm tay nhau thành dục. Trời Hóa Lạc miệng nói với nhau thành

dục. Trời Tha Hóa Tự Tại nhìn nhau là thành dâm dục. Phải biết phiền não cõi Dục cũng tuần tự mới dứt hết.

Có người nói nhờ nhân duyên phúc đức mà sinh về trong đó, chứ không phải nhờ dứt phiền não, vì chỗ sở dục vi diệu nên mới có sai khác.

Lại do căn chậm lụt nên ôm nhau mới thành dục; căn linh lợi nên nhìn nhau là thành dục.

Hỏi: Có người nói phiền não do tư duy thì dứt là dứt dần dần. Trước dứt trói buộc cõi Dục, sau dứt trói buộc cõi Sắc và Vô sắc. Còn kiến đế thì dứt là đồng thời dứt.. Việc đó thế nào?

Đáp: Tùy theo kiến đế mà dứt, nhưng thật ra tất cả phiền não, thấy diệt đế mới dứt. Điều này trước đã nói. Như nói kiến đế dứt các phiền như thân kiến v.v... đều là khi thấy diệt đế mới dứt. Từ noãn pháp, dùng vô thường v.v... tu quán tướng 5 âm mới dứt phiền não, thấy diệt đế mới hết.

Hỏi: Quán khổ trói buộc cõi Dục, có thể dứt kết cõi Dục. Tập cũng như vậy. Như cõi Dục cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ cũng như vậy. Quán diệt cõi Dục có thể dứt kết cả 3 cõi. Đạo cũng như vậy. Việc đó thế nào?

Đáp: Diệt trí có thể dứt phiền não. Cho nên lời ông nói không đúng.

Hỏi: Trong kinh nói quán 5 âm vô thường v.v..., nên được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán. Sao ông nói chỉ quán diệt đế là dứt phiền não?

Đáp: Trí quán 5 âm này sinh diệt hợp lại mà quán nên có thể dứt kết sử. Như trong kinh nói: Ti-kheo quán sắc này là sắc tập, là sắc diệt.

Lại còn nói thấy pháp biết pháp thì dứt phiền não. Mới biết là thấy diệt để nên dứt hết các phiền não.

Lại 5 âm là ở trong khổ sinh các phiền não, nếu thấy 5 âm diệt cho là tịch diệt an ổn. Như vậy là khổ tướng đầy đủ. Cho nên biết thấy các âm diệt, thì phiền não hết. Như nói vì các pháp không thể tính, nương một xả tâm mà dứt, Không thể tính tức diệt. Nếu hành giả thấy sắc không thể tính, cho đến thức cũng không thể tính, thì được xa lìa sâu.

Lại 3 môn giải thoát đều duyên Nê-hoàn, vì môn giải thoát này có thể dứt phiền não, không còn phương tiện nào khác. Cho nên biết chỉ vô vi duyên đạo mới có thể dứt phiền não. Cho nên ông nói phương pháp dứt phiền não là việc đó không đúng.

Luận giả nói: Các phiền não có vô lượng môn phân biệt như vậy v.v..., người cầu giải thoát cần phải biết. Bởi vì sao? Vì biết đó là trói buộc là tội lỗi nên được giải thoát. Như người biết kẻ oán nên mới xa lìa được. Như biết đường hiểm nên mới tránh được. Phiền não cũng như vậy.

Lại phiền não trói buộc rất là chặt chẽ, quá hơn vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, cho nên chúng sinh ở cõi Hữu Đảnh cũng vẫn thường bị phiền não trói buộc. Cho nên phải biết tội lỗi đó.

Lại chúng sinh, cho đến cõi Hữu Đảnh vẫn còn thoái đọa trở lại, là vì đều không thể thấy biết tội lỗi của phiền não.

Lại vì không dứt kết nên sinh tăng thượng mạn, tự cho mình đã dứt, sau thì nghi ngờ hối hận. Cho nên phải biết lỗi các phiền não, đừng để bị lừa gạt.

Lại nếu chúng sinh lìa bỏ cái vui tịnh diệu của Nê-hoàn, lại tham vui dục lạc tẻ lậu. Hễ có vui thì đều do lỗi các phiền não. Nếu dứt các phiền não thì được lợi ích lớn. Cho nên phải biết thấy lỗi các phiền não có chương ngại pháp giải thoát tức là phiền não. Nếu không dứt phiền não quyết không có nhân duyên giải thoát. Bởi vì sao? Vì các phiền não là nhân duyên có thân; tùy phiền não có thân, tùy thân có khổ. Cho nên người cầu lìa khổ, cần phải siêng năng tinh tiến dứt các phiền não.

Phẩm 140: Thuyết minh về nhân

Hỏi: Phiền não làm nhân duyên cho thân, điều này cần phải làm rõ. Bởi vì sao? Vì có các ngoại đạo không tin điều này. Hoặc nói thân này không nhân không duyên, giống như cỏ cây tự nhiên sinh. Hoặc nói muôn vật là do Đại Tự Tại v.v... các Trời sinh ra. Hoặc nói muôn vật từ thể tính sinh ra. Hoặc vì trần hòa hợp sinh ra. Có những thuyết lập luận như vậy, cho nên phải nói rõ?

Đáp: Từ nghiệp có thân, việc này trước đã thành lập. Nghiệp đó do phiền não sinh nên lấy phiền não làm nhân duyên sinh thân.

Hỏi: Vì sao biết do phiền não mới có nghiệp?

Đáp: Tùy tâm giả danh gọi là vô minh. Tâm giả danh đó có thể nhóm các nghiệp, cho nên biết nhân duyên phiền não mới có nghiệp.

Lại A-la-hán các nghiệp không nhóm không thành, cho nên biết các nghiệp do phiền não mà thành. Như trong kinh Phật nói: Nếu người được minh, lia vô minh, người đó có thể khởi tội nghiệp, phúc nghiệp và bất động nghiệp chăng? – Thưa không, Thế Tôn!

Lại không có nghiệp vô lậu, cho nên biết chỉ tùy giả danh có thể khởi các nghiệp. Tâm vô lậu không tùy giả danh nên không khởi nghiệp.

Lại người học nhân không hành, như kinh nói: Học nhân hoàn mà không hành, diệt mà không tác. Tướng tác là hành, hành là nghiệp.

Lại vì tâm vô lậu không phải tướng của hành, nên không có nghiệp vô lậu. Cho nên tất cả nghiệp thụ thân đều bởi phiền não sinh.

Lại người dứt phiền não không còn thụ sinh. Cho nên biết có thân đều bởi phiền não.

Hỏi: Tất cả chúng sinh đều là không phiền não, sau khi sinh mới khởi, như người khi sinh không răng, về sau mới mọc?

Đáp: Không phải vậy. Người có phiền não tùy có những tướng, nghĩa là khi mới sinh ra hiện có tiếng khóc v.v.... Cho nên biết đều cùng với phiền não cộng sinh.

Lại hiện thấy chúng sinh phần nhiều sinh trong chuồng xí v.v... chứ không sinh trên đá bàn thạch. Phải

biết vì tham đắm hương vị v.v... nên mới sinh vào trong đó. Cho nên biết do phiền não mà sinh.

Hỏi: Trong địa ngục v.v... không nên sinh được. Bởi vì sao? Vì không ai tham vui gì trong địa ngục?

Đáp: Chúng sinh vì sức mạnh của ngu si, nên ở trong tâm điên đảo mà sinh, khi sắp chết xa thấy địa ngục lầm cho là ao hoa do đó tham đắm, nên sinh vào trong đó. Như trong kinh nói: Nếu người ở trong chỗ chật hẹp ồn ào mà chết thì muốn được chỗ rộng rãi là sinh trong loài chim. Nếu người chết vì khát có thể là sinh làm loài trùng trong nước. Nếu người chết vì lạnh thì sinh trong địa ngục nóng, chết nóng thì sinh trong địa ngục băng giá. Nếu tham đắm dâm dục thì sinh trong loài chim sè. Tham đắm ăn uống thì sinh làm loài trùng trong cây chết.

Lại bởi vì chỗ tham đắm nên gây các ác. Vì các nhân duyên ác bắt buộc phải thụ quả báo.

Lại vì tham đắm thân, nên các nghiệp có thể sinh quả báo. Bởi vì sao? Vì sức mạnh ngu si tham đắm thân mình, nên sinh các phiền não kiêu mạn v.v.... Do đó có thể tụ tập thành nghiệp, vì nghiệp nên vào trong các đạo.

Hỏi: Nếu vì nhân duyên phiền não mới có thân, Người dứt phiền não, lẽ ra 5 ấm không còn nối nhau được?

Đáp: Thân này gốc do phiền não mới sinh, phiền não tuy hết, nhưng vì thế lực nên thân vẫn còn không dứt. Như lấy gậy quay bánh xe, tuy tạm bỏ gậy, nhưng bánh xe vẫn còn chạy không ngừng.

Hỏi: Nếu vì thế lực phiền não nghiệp trước nên mới có thân thì những người dứt phiền não, cũng vì thế lực phiền não nghiệp trước nên cũng phải thụ thân?

Đáp: Cốt yếu là vì lấy lấy tướng nên thức mới trụ được. Người này hết thế lực nghiệp trước, nay khéo tu môn vô tướng giải thoát nên không thụ thân sau.

Lại như các hạt giống không sinh trên đá nóng. Như vậy lấy lửa trí tuệ làm nóng các thức xứ thì giống thức không sinh, là dứt không còn nối nhau đời sau.

Lại vì nhân duyên các hành không đầy đủ nên không còn nối nhau nữa. Như trong kinh Phật nói: Thức là hạt giống, nghiệp hành là ruộng, tham ái là nước, vô minh là che khuất. Vì nhân duyên này nên thụ thân sau. A-la-hán duyên này không đủ nên không có thân sau. Phải biết nhân duyên phiền não mà thụ sinh.

Lại người không phiền não, có tâm biết khổ v.v.... Nay những người thụ sinh không thấy có những tâm này. Cho nên biết người không phiền não không thể thụ sinh.

Hỏi: Tu-đà-hoàn v.v... có tâm biết khổ v.v... mà khi sinh cũng không thấy có?

Đáp: Các A-la-hán sức trí tuệ mạnh, tất cả phiền não không thể thắng nổi, nên khi mạng sắp chết ngăn được thụ sinh. Tu-đà-hoàn v.v... trí lực không bằng, cho nên không nên đem so sánh.

Lại ông nói như rằng về sau dần dần mọc, phiền não cũng vậy. Việc đó không đúng. Bởi vì sao? Vì các A-la-hán dùng trí tuệ vô lậu đã đốt cháy phiền não, nên không

còn thụ sinh nữa, như hạt giống bị rang cháy không còn mọc được.

Lại hiện thấy đời nay do phiền não sinh thân, như do tham dục mà thân sắc biến khác, giận dữ cũng vậy. Cho nên biết 5 ấm thân đời sau cũng do từ phiền não sinh.

Hỏi: Cũng thấy do nhân duyên uống ăn v.v... có 5 ấm sinh, mà sao không gọi uống ăn là nhân duyên thụ thân?

Đáp: Uống, ăn nương nhờ tâm mà có thể sinh sắc v.v.... Phiền não không phải như vậy.

Lại vì không chỗ nương để sinh sắc v.v.... Cho nên biết phiền não là nhân duyên thụ thân.

Lại hiện thấy chim sẻ v.v... nhiều dục, rắn độc v.v... nhiều giận, heo v.v... nhiều ngu si. Phải biết các chúng sinh đó chắc chắn đã nhóm họp dâm dục v.v... các phiền não, nên mới sinh vào trong các loại đó.

Hỏi: Pháp sinh xứ là vậy, nhưng không phải trước đã nhóm họp nhân duyên phiền não?

Đáp: Nếu như vậy thì dâm dục v.v... không có nhân, điều này không thể được. Phải biết do từ trước nhóm họp nhân duyên nên mới có.

Lại tham giận v.v... phiền não bùng phát mạnh thì gây các tội sát hại v.v.... Vì tội này nên hiện chịu các khổ roi gậy trời buộc. Phiền não, nếu mỏng thì được trì giới tu thiện, làm các điều lợi ích v.v.... Nhờ giới thiện này hiện được vui tiếng khen lợi dưỡng v.v.... Nếu hiện đời

này suy bại lợi lạc, là đều bởi phiền não thì biết đời sau sẽ cũng như vậy.

Hỏi: Nếu do phiền não mà có thân, thì không có sinh tử qua lại. Bởi vì sao? Vì phiền não thịnh nên đọa trong ác đạo. Thân đã chịu tội, phiền não càng tăng, hẳn không nhân giải thoát. Như vậy không thể được sinh chỗ thiện. Nếu thụ thân phúc thì phúc lại tăng lên, tức không còn sinh lại chỗ ác. Như vậy thì không có sinh tử qua lại?

Đáp: Người đó tuy đọa chỗ ác, hoặc cũng có được thiện tâm, tuy sinh chỗ thiện hoặc cũng có khởi ác tâm, cho nên sinh tử qua lại không dứt.

Lại tùy tham v.v... phiền não giảm ít, theo đó mà được sinh chỗ tốt, tùy tham v.v... nhiều, theo đó mà sinh chỗ xấu, như heo chó v.v... Người tùy theo phiền não giảm sinh chỗ tốt, như vì phiền não mỏng nên có thể tu bố thí, trì giới v.v... phúc sinh cõi trời Lục Dục, vì dứt tâm dâm dục nên được vui thắng thiền, vì dứt sắc nhiễm nên được vui thắng định, hết tất cả kết thì được vui Nê-hoàn không gì so sánh. Cho nên biết thân này bởi phiền não mà có.

Lại hiện thấy chúng sinh ưa cõi nước tội tộ, và ưa ở những chỗ tội tộ của người ác là đều do tham đắm. Cho nên biết chỗ ở của chúng sinh trong sinh tử cũng do tham đắm, như con bướm tham ánh sáng mà bị đèn đốt cháy. Sự tham đắm đó không do trí sinh. Bởi vì sao? Vì con bướm kia không biết lửa đèn là khổ xúc nên mới gieo mình vào. Cũng vậy, chúng sinh bị khổ thân sau, đều bởi nhân duyên vô minh tham ái nên mới sinh. Như cá nuốt

mỗi câu; hư nài chạy theo tiếng kêu giả của người thợ săn, đều do tham đắm nên đến nỗi phải chết chóc.

Lại như người vì tham đắm nên đi đến phương xa lạ mà không thể hồi hương. Phải biết đều bởi phiền não sinh ra.

Lại như cây không nhỏ rễ thì cây mọc lại. Cũng như vậy rễ tham không nhỏ thì cây khổ vẫn còn. Như Phật nói: Rễ cây không nhỏ, dù chặt gốc cây vẫn còn sinh. Tham sử không nhỏ, thường thường chịu khổ.

Lại thân này là bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, tự không vô minh, thì làm gì có người trí mà tham thụ khổ này. Giống như người mù mới có thể đem áo bản mà gạt là đồ quý báu. Như vậy là bị vô minh làm mù quáng, thì có thể chịu tội lỗi 5 ấm bất tịnh.

Lại bởi ngã tâm nên thụ thân, tuy khổ mà không thể rời bỏ. Nếu không có ngã tâm, thì có thể xa lìa, như Xá-lợi-phất nói: Người thanh tịnh trì giới đắc đạo, khi chết vui mừng, như phá vỡ bát thuốc độc. Cho nên biết nhân duyên phiền não mà có thân.

Lại có người vì vô trí nên tham đắm thân này, như lấy chiếc hộp sơn vẽ đựng đầy đồ bất tịnh, khi chưa mở nắp, thì thấy có thể yêu thích, nhưng khi mở ra thì toàn là hôi thối.

Lại như rắn độc đầy trong nhà tối, khi đèn chưa soi thì sinh lòng vui đắm, mà khi thấy thì bỏ chạy ngay. Chúng sinh cũng vậy, tùy có vô minh thì vui thế gian, nếu khi hết vô minh thì tâm chán lìa. Như vậy tham ái là căn bản của thụ thân. Bởi vì sao? Vì tham ái nên cầu. Cầu

có 2 thứ là dục cầu và hữu cầu. Cầu các dục hiện tại gọi là dục cầu, lại cầu thân sau gọi là hữu cầu. Cho nên biết tham ái là gốc của sự thụ thân.

Lại nếu tham đắm 5 âm tức sinh thân kiến. Như nói: Ngã này là ngã ngữ thủ. Nhân thủ này sinh 3 thủ khác. Thủ làm nhân duyên hữu, hữu làm nhân duyên sinh. Phải biết phiền não là căn bản của thân.

Lại thân này đều khổ. Với khổ thân này sinh tưởng điên đảo là vui. Do vui điên đảo này sinh ái điên đảo, vì ái điên đảo này mà có thể thụ thân sau. Cho nên biết nhân duyên tham ái mới có thân.

Lại thân này nhờ nhân duyên ăn nên mới sống còn. Đắm trước đoàn thực nên không vượt khỏi cõi Dục. Như trong Phạm nghiệp nói tham hương vị nên sinh trong chuồng xí v.v.... Vì tham đắm xúc nên sinh trong bào thai. Vì tham đắm xúc ấm mát, nên sinh trong trứng, chỗ ướt, đều không vượt khỏi cõi Dục. Nhân 3 thứ xúc này mà sinh 3 thứ thụ, nên mới nói xúc làm nhân duyên thụ. Ý tứ thực cũng như vậy. Phát nguyện muốn được thân đời sau rằng ta sẽ làm điều này. Không thấy biết thức là gốc tham ái, có thể khiến có thân sau. Cũng như vậy, 4 cách ăn đều do tham ái. Tất cả chúng sinh đều nhờ ăn mà sống còn, cho nên biết ái làm nhân duyên cho sinh.

Lại 4 loài sinh là sinh trứng, sinh thai, sinh bằng sự ẩm ướt, và sinh bằng biến hóa. Vì ái dâm dục nên sinh trứng sinh thai. Tham hương vị v.v... nên sinh chỗ ẩm ướt. Tùy chỗ yêu thích nên khởi nghiệp nặng nề thì thụ hóa sinh. Cho nên biết 4 loài sinh sai khác đều do tham ái.

Lại 4 thứ thụ thân có thứ có thể tự giết mà người khác không thể giết, như vậy v.v... 4 thứ đều do tham ái sai khác mà có. Cho nên biết tham ái là nhân duyên có thân.

Lại 4 thức xứ là tùy sắc thức trụ, y sắc, duyên sắc, lấy hỷ làm nhuận thấm. Thụ, tương, hành cũng như vậy, mà không nói thức là thức xứ, vì khi thức tỉnh là không phiền não. Cho nên biết phiền não là nhân duyên có thân.

Lại 12 nhân duyên đều do vô minh. Bởi vì sao? Vì theo tâm giả danh gọi là vô minh. Nhân vô minh này mới khởi nghiệp phúc hành, tội hành và bất động hành. Muốn an lạc chúng sinh gọi là phúc hành, làm khổ não chúng sinh gọi là tội hành, nhiếp tâm từ bi v.v... gọi là bất động hành. Tùy theo các hành nghiệp này mà thức trụ thân đời sau. Dựa vào thức sinh danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ. Bốn chi này là quả báo phiền não nghiệp đời trước.

Lại nhân ái này sinh ái, lấy và hữu là nghiệp phiền não có thể sinh sinh, lão và tử đời sau. Như vậy 12 hữu phần nối nhau đều lấy vô minh làm gốc. Cho nên biết phiền não là nhân duyên có thân.

Lại sinh tử vô thủy, vì sao biết được? Trong kinh nói: Từ nghiệp nhân duyên mới có mắt v.v... các căn. Do ái có nghiệp, do vô minh nên có ái. Vô minh do nhớ nghĩ tà vạy, nhớ nghĩ tà vạy trở lại do mắt duyên sắc, từ si sinh. Cho nên biết sinh tử luân chuyển không có khởi đầu.

Nếu nói do trời Tự Tại v.v... thì chẳng phải vô thủy, điều này không thể được. Cho nên biết phiền não nhân duyên có thân.

Lại diệt hết phiền não thì được giải thoát.

Lại thân chúng sinh có nhiều tạp loại. Nếu do Tụ Tại v.v... thì lẽ ra không tạp. Vì nghiệp phiền não có nhiều thứ nên thân cũng không phải một.

Lại 22 căn, do 6 căn sinh 6 thức. Trong đó có nam nữ căn. Các pháp này nối nhau không dứt nên gọi là mạng. Mạng này lấy gì làm căn? Đó gọi là nghiệp. Nghiệp này do nơi phiền não. Phiền não nương thụ, nên lấy 5 thụ làm căn. Như vậy sinh tử lần lượt nối nhau. Nương tín v.v... các căn v.v... có thể dứt sự nối nhau. Như vậy 22 căn qua lại sinh tử. Cho nên biết đều bởi phiền não có thân.

Lại người cầu giải thoát mới sinh các phẩm giới định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Những thứ này dùng để làm gì? Dùng để diệt các phiền não. Người trí thấy lợi ích đó nên mới dựa vào các phẩm này. Cho nên biết là nhân duyên phiền não có thân.

Lại các phiền não thứ lớp diệt hết. Dứt 3 kết được quả Tu-đà-hoàn. Mông dần tham dục v.v... được quả Tu-đà-hàm. Hết kết cội Dục được quả A-na-hàm. Trong các thiên định cũng như vậy. Thứ lớp tất cả đều hết thì chứng được quả A-la-hán. Như vậy tùy theo các phiền não thứ lớp diệt nên thân cũng dần diệt theo. Nếu thân do trời Tụ Tại v.v... thì không phải dần diệt. Cho nên biết là nhân duyên phiền não có thân.

Lại phiền não tham v.v... các người thiện đều cầu dứt diệt, vì chắc sẽ thấy nhân duyên tham v.v... đời này đời sau bị việc suy hại, cho nên cầu dứt. Nếu không như vậy thì không cầu dứt. Nếu ai nói thân là do trời Tụ Tại

v.v..., thì người đó cũng cầu dứt tham dục v.v.... Cho nên biết tham dục v.v... là nhân duyên có thân.

Lại người trí biết dùng trí tuệ mà được giải thoát. Có thể biết vì do vô trí nên phải trói buộc. Cho nên biết là do nhân duyên phiền não có thân.

Lại Phật nói trong các kinh: Diệt hết tham, và vui mừng mới được chính giải thoát. Bởi vì sao? Vì mắt, sắc v.v... không gọi là trói buộc, tham và vui mừng mới gọi là trói buộc. Vì phá tham và vui mừng, nên tâm được chính giải thoát. Chính giải thoát nên tâm mới có thể vào Nê-hoàn. Cho nên biết là do nhân duyên phiền não có thân.

Lại dùng không, vô tướng, vô tác mà được giải thoát. Cho nên biết là nhân duyên phiền não có thân. Bởi vì sao? Vì quán các pháp trống không, tức không có tướng có thể được. Vì diệt tướng nên không nguyện muốn thân sau. Cho nên dùng không, làm môn giải thoát. Trái lại kia là trói buộc. Vì các lẽ trên nên biết do phiền não mà có thân. Điều này thuyết minh đã rõ.

Hết nhóm Tập đế.

Phẩm 141: Trong nhóm diệt đế, trước tiên lập giả danh

Luận giả nói: Diệt 3 thứ tâm gọi là diệt đế. Đó là giả danh tâm, pháp tâm, và không tâm.

Hỏi: Làm sao diệt 3 tâm này?

Đáp: Giả danh tâm thì hoặc dùng nhân duyên trí đa văn mà diệt, hoặc dùng nhân duyên trí tư duy mà diệt. Pháp tâm ở trong noãn pháp v.v... dùng không trí mà diệt. Không tâm thì vào Diệt tận định diệt, hoặc khi vào Nê-hoàn vô dư, khi dứt nối nhau là diệt.

Hỏi: Sao gọi giả danh?

Đáp: Bởi các âm có phân biệt, như bởi 5 âm nói có người, bởi sắc, hương, vị, xúc mới nói có cái bình v.v....

Hỏi: Vì sao lấy đó cho là giả danh?

Đáp: Trong kinh Phật nói: Như trục, bánh xe, hòa hợp nên gọi là cái xe. Các âm hòa hợp nên gọi là người.

Lại như Phật bảo các Tì-kheo: Các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã. Do nhiều nhân duyên sinh, không có tính nhất định. Chỉ có tên gọi, chỉ có nghĩ nhớ và chỉ có tác dụng. Do 5 âm này sinh nhiều thứ tên như là chúng sinh, người, trời, v.v.... Trong kinh đó ngạn pháp thật có, nên nói chỉ có tên gọi.

Lại Phật nói 2 đế là chân đế và tục đế. Chân đế là sắc v.v... pháp và Nê-hoàn. Tục đế là chỉ có giả danh không có tự thể. Như sắc v.v... nhân duyên thành cái bình, nhân duyên 5 âm thành người.

Hỏi: Nếu trong đệ nhất đế không có thể đế thì cần gì phải nói?

Đáp: Thế gian chúng sinh thụ dụng thế đế. Làm sao biết được? Như nói vẽ lừa người ta cũng tin nhận. Chư Phật, Hiền thánh muốn cho thế gian lià bỏ giả danh, nên đem thế đế giảng nói. Như trong kinh Phật nói: Ta không

tranh với thế gian, mà thế gian tranh với ta. Vì người trí không cần tranh cãi.

Lại người thời thượng cổ vì muốn dùng sự vật, nên khi vạn vật sinh thì đặt tên, như cái bình v.v.... Nếu trực tiếp pháp đó thì không thể dùng được, nên nói thế đế.

Lại nếu nói 2 đế thì Phật pháp thanh tịnh. Vì đệ nhất nghĩa đế nên người trí không hơn. Vì thế đế nên người ngu không tranh cãi.

Lại nói 2 đế thì không rơi vào đoạn, thường, không sa vào tà kiến và bên khổ bên vui, nghiệp quả báo v.v... đều có thể thành lập được.

Lại thế đế là căn bản giáo hóa của chư Phật, như bố thí trì giới được quả báo sinh chỗ thiện. Nếu lấy pháp này điều hòa tâm nhu thuận mới kham thụ đạo giáo, rồi sau vì nói đạo lý đệ nhất nghĩa. Như vậy Phật pháp ban đầu không sâu gấp mà giống như biển cả sâu dần dần, nên nói thế đế.

Lại nếu thành tựu được đạo trí tuệ, mới có thể vì nói thật pháp. Như Phật nghĩ rằng: Tì-kheo La-hầu-la nay đã có thể thành tựu đạo trí tuệ, sẽ vì nói thật pháp. Ví như cái ung nhọt đã chín muối thì dễ vỡ mà chưa muối thì khó phá. Cũng như vậy, dùng trí thế đế khiến tâm điều hòa nhu thuận, rồi sau mới lấy trí đệ nhất mà phá chấp.

Lại trong kinh nói: Trước biết phân biệt các pháp, rồi sau mới biết Nê-hoàn. Hành giả trước biết các pháp là giả danh có, hay là chân thật có? Sau mới có thể chứng diệt đế.

Lại các phiền não trước thô sau tế, lần lượt diệt hết, như lấy các tướng tóc lông diệt tướng nam nữ, lấy tướng sắc v.v... diệt tướng tóc lông. Sau mới lấy không tướng mà diệt sắc tướng v.v..., như lấy cái nêm tháo cái nêm, cho nên nói thế đế.

Lại nhờ thế đế nên được thành lý trung đạo. Bởi vì sao? Vì 5 ấm nối nhau sinh nên không dứt; niệm niệm diệt nên không thường. Là dứt thường này gọi là trung đạo. Như trong kinh nói: Thấy thế gian nhóm thì diệt chấp không; thấy thế gian diệt thì diệt chấp có. Vì có thế đế nên mới có thể thấy tập, thấy diệt, cho nên nói thế đế.

Lại vì thế đế nên Phật pháp đều thật. Nghĩa là có các môn có ngã không ngã. Nếu vì thế đế nên nói có ngã thì không lỗi, vì đệ nhất nghĩa nên nói không có ngã cũng là thật.

Lại vì thế đế nên có lời nạn vấn mà đề đó không đáp. Nếu đứng về thật pháp thì đều có thể đáp.

Lại nếu chấp thật có chúng sinh là đại si ám. Nếu nói thật không, cũng đọa vào si ám. Bởi vì sao? Vì 2 chấp có, không, này là sa vào chấp đoạn thường, khiến hành giả thoát được bên có, lại rơi vào bên không. Nếu không có thế đế thì do đâu được ra khỏi?

Lại nếu người chưa được trí tuệ chân không, mà nói không có chúng sinh, vậy là tà kiến, vì không chúng sinh chịu sinh tử, nên gọi là kiến. Nếu được không trí, nói không chúng sinh thì không lỗi. Như trong kinh nói: A-la-hán Ti-kheo-ni hỏi ác ma rằng: Người lấy gì cho là chúng sinh? Chỉ có nhóm 5 ấm trống không, thật không có chúng sinh.

Lại nói thân này 5 ấm nối nhau, trống không, không có gì cả, như trò ảo hóa dối gạt phàm phu, gọi là oán là giặc, như mũi tên, như ung nhọt, khô, không, vô ngã, chỉ là tướng sinh diệt bại hoại.

Hỏi: Điều là tâm không có gì cả, mà vì sao gọi là tà kiến, hoặc gọi đệ nhất nghĩa?

Đáp: Nếu người chưa sinh trí tuệ chân không, vì có ngã tâm nên nghe nói vô ngã liền sinh khiếp sợ. Như Phật nói: Nếu phàm phu nghe không, vô ngã, thì rất kinh sợ không còn làm gì nữa. Cho nên biết chưa được không trí, vì có ngã tâm nên khiếp sợ Nê-hoàn, vậy là tà kiến. Được trí chân không, biết bản lai không, thì không e sợ.

Lại người này chưa được chân không mà thấy không có gì thì dọa ác kiến, tức là đoạn kiến, tà kiến. Nếu người đó trước nhờ thế đế nên biết có ngã, tin nghiệp quả báo, sau quán tướng các pháp vô thường sinh diệt, dần dần chứng được diệt. Không còn ngã tâm thì diệt tâm tham. Nếu nghe nói không có gì, thì không tội lỗi nên nói thế đế.

Lại có ngoại đạo chê Phật là Sa-môn Cù-đàm phá chân thật Thân. Cho nên Phật nói: Ta dùng thế đế nói có chúng sinh. Ta biết rõ trong chính kiến nói có chúng sinh qua lại sinh tử. Đó gọi là chính kiến. Chỉ vì phàm phu tà niệm nên trong cái thật không chúng sinh, mà nói là thật có, nên chỉ phá tà niệm này mà không phá chúng sinh. Như cái bình v.v... là lấy giả danh mà nói. Trong đó không phải sắc v.v... là cái bình, không phải rời sắc v.v... riêng có cái bình. Cũng như vậy, không phải sắc v.v... các ấm

là chúng sinh, cũng không phải rời sắc v.v... các âm riêng có chúng sinh. Như do sắc v.v... quá giả danh, cũng như vậy lấy tướng diệt quá sắc v.v..., lấy thí dụ khiến nghĩa dễ hiểu. Cũng như cái đèn vẽ, cũng gọi là cái đèn, mà thật không có công dụng của cái đèn. Như vậy tuy nói có cái bình, mà không phải thật có, tuy nói 5 âm mà không phải đệ nhất nghĩa.

Phẩm 142: Tướng của giả danh

Hỏi: Làm sao biết các vật như cái bình v.v... là giả danh mà có, không phải chân thật?

Đáp: Trong giả danh, hiển thị cái tướng, trong chân thật, không hiển thị tướng. Như nói sắc này là sắc của cái bình, không nói được là sắc của sắc, cũng không nói được là thụ v.v... của sắc.

Lại đèn vì dụng cụ của sắc có thể soi, dụng cụ của xúc có thể đốt. Thật pháp không thấy như vậy. Bởi vì sao? Vì thức không vì khác dụng cụ thức, thụ cũng không vì khác dụng cụ thụ. Cho nên biết có dụng cụ là giả danh có.

Lại nhân pháp khác mà thành tên, giả danh là có, như nhân sắc v.v... thành cái bình. Thật pháp thì không nhân pháp khác mà thành. Bởi vì sao? Vì như thụ không nhân pháp khác mà thành.

Lại giả danh có nhiều sở năng, như đèn có thể soi có thể đốt. Thật pháp không thấy như vậy. Bởi vì sao? Vì như thụ không thể vừa thụ vừa thức.

Lại tên cái xe ở trong bánh xe, trục xe v.v.... mà tên gọi sắc v.v... không ở trong vật. Có sai khác như vậy.

Lại bánh xe, trục xe v.v... là nhân duyên thành cái xe, trong đó không có tên cái xe. Vậy thì trong nhân duyên cái xe không có pháp cái xe, mà chỉ nhờ đó thành xe. Cho nên biết cái xe là giả danh.

Lại như vì tên gọi sắc v.v... được nói là sắc v.v..., mà tên gọi cái bình v.v... không được nói cái bình v.v.... Cho nên biết cái bình v.v... là giả danh.

Lại có trong giả danh tâm động không định. Như người thấy con ngựa, hoặc nói thấy đuôi con ngựa, hoặc nói thấy thân con ngựa, hoặc nói thấy da, hoặc nói thấy lông. Hoặc nói nghe tiếng đàn tranh, hoặc nói nghe tiếng đàn huyền. Hoặc nói ngửi hoa, hoặc nói ngửi mùi thơm của hoa. Hoặc nói nếm bơ, hoặc nói nếm vị bơ. Hoặc nói chạm phải người, hoặc nói chạm thân người, hoặc nói chạm cánh tay người, hoặc nói chạm tay người, hoặc nói chạm ngón tay người, hoặc nói chạm đốt ngón tay. Ý thức đối với trong chúng sinh v.v... động, bảo thân là chúng sinh, tâm là chúng sinh. Sắc v.v... là cái bình, rời sắc v.v... có bình. Như vậy v.v... trong thật pháp tâm định không động. Không được nói tôi thấy sắc cũng thấy tiếng v.v....

Lại trong pháp khả tri v.v... bất khả thuyết cũng gọi là có, vì đó là giả danh như cái bình, cho nên biết cái bình v.v... là giả danh có. Bởi vì sao? Vì các pháp như sắc v.v... không gọi là bất khả thuyết trong các pháp khả tri v.v...

Lại như pháp sắc v.v... là tự tướng khả thuyết mà cái bình v.v... là tự tướng bất khả thuyết. Cho nên biết là giả danh có.

Hoặc có thuyết nói tướng giả danh là tướng ở những chỗ khác, không ở trong giả danh. Như trong kinh nói: Nghiệp là trí, tướng là chẳng có trí. Nếu thân khẩu ý có thể khởi nghiệp thiện gọi là trí, mà thân khẩu ý khởi nghiệp bất thiện gọi là chẳng phải trí. Thân nghiệp khẩu nghiệp nương 4 đại, ý nghiệp nương tâm. Ba việc này vì sao gọi là tướng của trí, tướng của chẳng phải trí? Cho nên biết giả danh không có tự tướng.

Lại tướng giả danh tuy ở các chỗ khác cũng không phải một. Như nói người chịu khổ não như mũi nhọn đâm vào tâm não hoại là sắc tướng.

Lại thụ là thụ tướng, cũng đối với người mà nói. Như Phật nói: Người trí người ngu đều thụ khổ vui mà người trí trong khổ vui không sinh tham giận, lấy nhiều ít v.v... Tướng là tướng tướng, cũng đối với người mà nói. Như nói tôi thấy ánh sáng, thấy sắc tác khởi, đó là tướng của hành. Cũng với người mà nói. Như nói người này khởi tác phúc hành, cũng khởi tội hành và bất động hành. Thức là thức tướng, cũng với người mà nói, như nói người trí biết pháp như lưỡi nếm vị. Cho nên nếu ở các chỗ khác mà nói cũng có nhiều tướng là tướng giả danh. Tướng sắc v.v... không ở các chỗ khác, cũng không nhiều tướng.

Lại nếu pháp bị tất cả thứ sử sai khiến, là giả danh có. Thật pháp không bị sử sai khiến, vì các sử sai khiến người.

Lại trong giả danh không sinh biết, mà trong sắc v.v... trước sinh biết, sau do tà tưởng phân biệt nói tôi thấy cái bình v.v....

Lại trong cái bình, cái biết cần đợi sắc v.v.... Bởi vì sao? Vì nhân sắc, hương, vị, xúc mới gọi là cái bình, mà cái biết trong thật pháp lại không cần đợi gì cả.

Lại trong giả danh sinh nghi, như nghi là thân cây trơ trụi, hay là con người? Mà trong sắc v.v... không sinh nghi là sắc hay là thanh.

Hỏi: Trong sắc v.v... cũng có nghi là có sắc hay không có sắc?

Đáp: Không phải vậy. Nếu thấy sắc quyết chắc thì không nghi là âm thanh.

Lại vì các nhân duyên khác nên mới nghi có sắc không sắc. Như nghe nói sắc không mà lại thấy sắc thì sinh nghi nói là có hay là không. Nếu thấy được diệt đế thì nghi này liền dứt.

Hỏi: Trong diệt đế cũng có nghi là có diệt hay là không diệt?

Đáp: Trong sở chấp sinh nghi chứ không phải trong diệt đế. Như nghe chấp có diệt, cũng chấp không diệt, trong đó sinh nghi là có hay là không. Người này bấy giờ không thấy diệt đế. Bởi vì sao? Vì người thấy diệt đế không còn nghi. Cho nên biết chỗ sinh nghi là giả danh có.

Lại trong một vật được sinh nhiều nhận thức. Đó là giả danh có, như bình v.v.... Trong thật pháp không có như vậy. Bởi vì sao? Vì trong sắc không sinh nhĩ thức v.v...

Lại nhiếp thuộc nhiều nhập là giả danh có, như cái bình v.v.... Cho nên có người nói giả danh gồm có 4 nhập. Thật pháp không được nhiếp thuộc nhiều nhập.

Lại nếu không tự thể mà có thể có tạo tác là giả danh có. Như nói người tạo tác mà thể của người và thể của nghiệp không thể được.

Lại có bao nhiêu phân biệt là người oan người thân v.v..., đều là giả danh chứ không phải thật pháp có. Bởi vì sao? Vì nếu chỉ thẳng ở trong pháp sắc v.v... thì không sinh tương người oan người thân gì cả.

Lại đi lại v.v..., đoạn hoại v.v..., đốt nát v.v... có bao nhiêu việc ra làm, đều là giả danh không phải thật pháp mà có. Bởi vì sao? Vì thật pháp không đốt, không phá hoại.

Lại các nghiệp tội phúc đều giả danh có. Bởi vì sao? Vì sát sinh v.v... là tội, mà lia sát sinh v.v... là phúc, đều không phải thật có.

Lại giả danh có đối đãi nhau mới thành, như đây kia, nhẹ nặng, dài ngắn, lớn nhỏ, thầy trò, cha con và sang hèn v.v.... Thật pháp không có đối đãi mà thành. Bởi vì sao? Vì sắc không đợi các vật khác để thành âm thanh v.v....

Lại không nhờ không, mà phá là giả danh có, như dựa vào cây phá rừng, dựa vào gốc rễ phá cây, dựa vào sắc v.v... phá gốc rễ. Nếu lấy không mà phá là thật pháp có. Như sắc v.v... cần lấy không mà phá.

Lại tùy không hành xứ là giả danh có. Tùy vô ngã hành xứ là thật pháp có.

Lại có 4 lối lập luận: 1. Một. 2. Khác; 3. Bất khả thuyết. 4. Không. Bốn thứ lập luận này đều có lỗi. Cho nên biết cái bình v.v... là giả danh có. Một, là sắc, hương, vị, xúc tức là cái bình. Khác, là lia sắc v.v... riêng có cái bình. Bất khả thuyết, là không thể nói sắc v.v... là cái bình, hay lia sắc v.v... riêng có cái bình. Không, là không có cái bình này. Bốn lối lập luận này đều không đúng. Cho nên biết cái bình là giả danh.

Phẩm 143: Phá chấp cho là một

Hỏi: Chấp này trong 4 lối lập luận có lỗi gì?

Đáp: Lối lập luận cho là một, là sắc v.v... các pháp, tướng đều sai biệt.

Nếu là một, thì cái bình không có được.

Lại sắc v.v... mỗi mỗi không gọi là địa, thì hòa hợp lại làm sao thành địa được? Bởi vì sao? Vì như mỗi mỗi con ngựa không gọi là con bò, thì hợp lại làm sao thành bò được?

Hỏi: Như mỗi mỗi hạt mè không thể thành đồng mè, mà hòa hợp là có thể thành đồng mè. Như vậy sắc v.v... mỗi mỗi không thể thành địa, mà hòa hợp lại thì thành?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì đồng mè là giả danh có, còn lập luận cho là một v.v... là luận trong thật pháp, làm sao đem ví dụ được!

Lại sắc, hương, vị, xúc là 4 pháp, mà địa là 1 pháp, 4 không phải là 1. Nếu 4 là 1 thì 1 cũng phải là 4? Việc đó không thể được. Cho nên biết sắc v.v... không tức là địa.

Lại thế gian đều nói địa sắc, địa hương, địa vị, địa xúc, mà không thấy nói là sắc sắc, mà cần lấy pháp khác để chỉ cho nhau, như nói nhà người nào đó v.v....

Hỏi: Đó không lấy pháp khác chỉ cho nhau, mà tức lấy tự pháp tự chỉ, như tay chân người bằng đá. Bởi vì sao? Vì lia tay chân lại không có người đá. Như vậy tuy không lia sắc v.v... là địa, mà cũng lấy tự thể tự chỉ, đâu có lỗi gì?

Đáp: Nếu nói địa lấy sắc v.v... tự hiển thị là không có lý này. Ông tuy nói thí dụ người đá, nhưng thí dụ này không đúng. Bởi vì sao? Vì như khi chỉ tay người đá, phải lấy các thân phần khác mới thành người đá.

Lại giữa hư không cũng nói có, như khi nói thân người đá, bây giờ người đá lại không còn có nữa, mà cũng nói được. Như Phật nói trong thân này có tóc lông máu thịt v.v..., lia tóc đây v.v... lại không có thân. Chỗ nương ở của tóc này v.v... tuy không có chỗ nương riêng mà cũng có thể nói. Cho nên biết nói người đá cũng là nói không đúng. Nếu ông cho người đá thành địa, cũng không thành địa được. Trong kinh của ông nói có sắc, hương, vị, xúc là địa. Địa này tức không phải như thân, cho nên biết sắc, hương, vị, xúc không phải là địa.

Lại trong các câu-na không thể hiển thị cho nhau được, vì không được nói sắc này có hương, mà chỉ nói địa có sắc, hương, vị, xúc. Cho nên biết không phải là một.

Lại sắc tâm v.v... với địa tâm đều khác. Cho nên biết sắc v.v... không phải địa.

Lại sắc v.v... tên khác, địa tên cũng khác.

Hỏi: Tâm khác, tên khác, đều ở trong hòa hợp mà có khác?

Đáp: Nếu tâm và tên chỉ là hòa hợp mới có, mà hòa hợp chỉ là tên gọi. Vậy thì địa chỉ có tên gọi, không thể luận là một.

Lại địa có thể lấy tất cả căn mà biết. Làm sao biết được? Vì có người nghĩ như vậy: Ta thấy địa, ngửi địa, nếm địa và chạm xúc địa. Nếu sắc, hương, vị, xúc là địa, thì không nên chỉ trong sắc sinh tướng về địa mà bảo là ta thấy địa. Hương v.v... cũng như vậy, mà thật chỉ trong sắc mới sinh tướng về địa. Cho nên biết không phải sắc v.v... là địa. Chỉ nhờ nhân duyên tên gọi, trong một phần cũng có thể nói tên gọi giả danh. Như người chặt cây, cũng nói chặt cây, cũng nói chặt rừng.

Lại bên các câu-na khác với đà-la-phiêu. Trong đó có bao nhiêu nhân duyên, vì nhân duyên đó mà không thành luận cho là một.

Lại người phái Tăng-khư nói 5 câu-na là địa. Đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì như trước đã nói tiếng lia sắc v.v... niệm niệm diệt, rồi nối nhau sinh lại, mà không phải nhân để thành 4 đại. Cho nên biết không phải tất cả 4 đại đều có âm thanh.

Phẩm 144: Phá chấp cho là khác

Hỏi: Trong lập luận chủ trương cho là khác có những lỗi gì?

Đáp: Là pháp sắc v.v... lại không còn địa. Làm sao biết được? Vì không lia sắc, hương, vị, xúc sinh tâm biết địa, chỉ trong pháp sắc v.v... mà sinh tâm. Bởi vì sao? Vì như sắc khác, thanh v.v... khác, không đợi thanh v.v... mà sinh tâm biết sắc. Nếu lia sắc v.v... riêng có địa thì cũng nên không đợi sắc v.v... sinh tâm biết địa. Mà thật không phải không đợi. Cho nên không riêng có địa.

Hỏi: Không phải không đợi các pháp khác, cần đợi sắc tướng mới sinh tâm biết sắc?

Đáp: Đến Phẩm phá tướng chung sẽ nói. Là sắc không riêng có sắc tướng, cho nên không phải vậy.

Lại khác với pháp địa v.v... không căn có thể biết. Cho nên biết không riêng có địa v.v....

Hỏi: Địa v.v... dùng 2 căn có thể lấy, là thân căn và nhãn căn. Vì sao biết được? Vì mắt thấy biết là cái bình, hoặc lấy thân căn chạm xúc cũng biết là cái bình. Cho nên ông nói không căn lấy địa. Điều này không đúng?

Đáp: Nếu như vậy thì cái bình là 4 căn lấy, nghĩa là cũng dùng tứ căn người đất bùn, thiết căn nếm đất bùn.

Hỏi: Tứ căn thiết căn không thể thủ lấy cái bình. Bởi vì sao? Vì trong tối không thể phân biệt là người cái bình hay người cái chậu, nếm cái bình, hay nếm cái chậu?

Đáp: Tuy không thể phân biệt là cái bình hay cái chậu, nhưng ở trong đất bùn sinh biết là người bùn nếm bùn.

Lại nếu chôn cái bình để lộ miệng, hoặc thấy, hoặc chạm không thể biết chắc là cái bình hay là cái vò hay là miếng sành. Cho nên biết nhãn căn thân căn cũng không thể thủ lấy được cái bình.

Lại trong tối tuy sinh tâm biết cái bình, mà không thể phân biệt là cái bình vàng hay bình bạc. Cho nên biết nhãn căn thân căn cũng không thể thủ lấy được cái bình.

Lại tĩ căn thiệt căn có thể lấy được các pháp như hoa quả bơ sữa v.v..., mà nhãn căn thân căn thì không thể lấy được. Như thấy hoa v.v... không thể phân biệt biết thơm, hôi, tốt, xấu và ngọt, chua v.v... Cho nên nếu bảo nhãn căn thân căn biết đà-la-phiêu, mà tĩ căn thiệt căn không biết là không có chuyện đó. Như tĩ căn thiệt căn không thể khác với đà-la-phiêu mà vẫn riêng có phân biệt. Nhãn căn thân căn cũng như vậy, tuy không khác với đà-la-phiêu mà cũng phân biệt được.

Lại trong 5 căn không có lấy giả danh mà biết. Cho nên biết giả danh không phải sở đắc của các căn mắt, thân, mũi, lưỡi, mà trong căn thứ 6 có biết giả danh. Bởi vì sao? Vì ý thức có thể duyên tất cả pháp.

Lại nếu mắt có thể thấy sắc, mà cũng thấy phi sắc, thì lẽ ra cũng phải có thể thấy được âm thanh v.v...? Nếu vậy thì không còn cần tai v.v... các căn. Việc đó không thể được. Cho nên không đem nhãn căn thân căn lấy đà-la-phiêu.

Hỏi: Do sắc mới rõ ðà-la-phiêu thì mắt có thể thấy, chứ không phải tất cả những gì khác với sắc pháp đều có thể thấy.

Đáp: Do sắc nên rõ cái bình, việc đó không đúng. Bởi vì sao? Vì cái gì làm ra sắc của cái bình chỉ là hòa hợp. Cho nên không phải sắc làm rõ cái bình.

Lại nếu vì pháp có thể thấy rõ các pháp khác, khiến có thể thấy là vì cái bình v.v... pháp không thể thấy rõ sắc, sắc cũng phải là không thể thấy.

Lại cái bình cần 2 thứ là vừa có thể thấy vừa không thể thấy. Vì là pháp có thể thấy, vừa không thể thấy rõ.

Lại nếu cần vì pháp sắc v.v... rõ, nên nhãn căn v.v... có thể biết, thì sắc tướng không nên là cái bị biết của nhãn căn. Bởi vì sao? Vì pháp của ông do sắc tướng nên sắc mới có thể thấy. Sắc tướng này lại không có tướng. Vậy thì sắc tướng lẽ ra không thể thấy. Cho nên không đúng.

Lại nếu vì sắc rõ nên có thể thấy, thì các căn đều phải biết ðà-la-phiêu; nhĩ căn cũng phải biết hư không, vì âm thanh rõ.

Lại người phải lấy thân căn biết gió, vì xúc rõ, mà pháp của ông không phải như vậy. Cho nên không có pháp rõ này.

Hỏi: Các pháp khác cũng không thể làm rõ, chỉ sắc có thể làm rõ?

Đáp: Không phải vậy. Trong đó không có nhân duyên chỉ nói sắc có thể làm rõ, mà các pháp khác lại không thể. Như ông nói ðà-la-phiêu lớn nhiều, trong đó

sắc có thể thấy. Như vậy thì nhân sắc nên được sắc, lẽ ra phải lấy sắc tương để rõ sắc, rồi sau mới có thể được, không chỉ có sắc có thể làm rõ. Nếu nói như vậy cũng không tránh khỏi lỗi như trước.

Lại khi khác thời sinh tâm biết sắc thì khác thời sinh tâm biết cái bình. Cho nên dù cho sắc có thể rõ, đối với cái bình có ích gì?

Lại như người mù vì quen thuộc với cái bình, nên tuy mắt nhắm căn, chỉ cần chạm xúc cũng biết cái bình. Cho nên không phải chỉ có sắc có thể làm nhân cho thấy.

Lại người mù thân căn cũng có thể biết gió, cho nên không phải chỉ sắc rõ, mới có thể sinh tâm biết.

Lại trong kinh của ông cũng nói cái xúc đến chạm xúc thân không phải là địa, thủy, hỏa. Phải biết cái tướng không thể thấy đó là gió. Đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì người mù khi biết gió này, cũng không biết cái xúc này là có thể thấy hay không thể thấy.

Lại người mắt thấy các pháp số lượng, trong đó không có cái biết về sắc, có nghe hương cũng biết được pháp không phải hương, nếm vị cũng có thể biết được pháp không phải vị. Cho nên phải do sắc rõ đà-la-phiêu, rồi sau mới biết được. Việc đó không đúng.

Hỏi: Nếu sắc rõ trong cái thấy không phải nhân, nếu số lượng các pháp, ở trong đà-la-phiêu không thể thấy và gió lẽ ra cũng thấy được?

Đáp: Pháp của tôi, lia sắc thì không còn có pháp nào có thể thấy được. Cho nên tùy trong pháp nào đó có

sắc sinh thì mắt có thể thấy. Mắt đã thấy sắc rồi tức sinh tướng cái bình. Nếu trong pháp không sắc sinh, thì trong đó dù có mắt vẫn không sinh tướng có khác với cái bình. Cho nên, nếu lia sắc v.v... riêng có cái bình là không có lý lẽ này.

Phẩm 145: Phá chấp cho là bất khả thuyết

Hỏi: Trong lập luận cho là bất khả thuyết có những lỗi gì?

Đáp: Thật pháp không có trong các lập luận cho là một, là khác, là bất khả thuyết. Bởi vì sao? Vì không có nhân duyên thí dụ cho rằng cái biết này là bất khả thuyết. Vì sắc v.v... pháp thật có, nên không phải bất khả thuyết.

Lại các pháp đều có tướng của chính nó, như não hoại là tướng của sắc mà không có tướng nào khác, sao gọi là bất khả thuyết?

Lại tùy nhận thức sai khác nên pháp mới có sai khác, như dùng nhãn thức biết màu sắc, không biết âm thanh v.v.... Cho nên trong đó không có cái gọi là bất khả thuyết.

Lại sắc là nhiếp thuộc về sắc nhập, không phải nhiếp thuộc về thanh v.v.... Nếu ông muốn cho có cái bất khả thuyết đó, thì sắc này là sắc khả thuyết, hay sắc này là phi sắc bất khả thuyết? Thanh v.v... cũng như vậy.

Lại các pháp có số thứ lớp, nếu là bất khả thuyết, thì các pháp không có số. Bởi vì sao? Vì thứ nhất thứ hai

không có khác nhau. Cho nên biết thật sự không có pháp gọi là bất khả thuyết.

Chỉ ở trong giả danh gọi là một, là khác, nên mới nói là bất khả thuyết.

Phẩm 146: Phá chấp không

Hỏi: Trong lập luận cho là không, thì có những lỗi gì?

Đáp: Nếu không thì không có quả báo tội phúc v.v..., không có tất cả các pháp trói buộc, giải thoát v.v...

Lại nếu chấp không, không có gì hết, thì cái chấp đó cũng không có nốt, bởi không có ai nói điều đó và không có ai nghe điều đó.

Lại lập luận có, không v.v... đều bởi tin mới nói. Hoặc tin do hiện thấy biết, hoặc tin do so sánh biết, hoặc theo kinh sách mà biết. Nếu nói không có gì hết, thì không ở trong 3 trường hợp này.

Ý ông hoặc bảo tôi theo kinh sách. Điều này cũng không đúng. Vì ý trong kinh sách cũng khó hiểu. Hoặc khi nói có, hoặc khi nói không, làm sao tin được? Nếu tin do so sánh biết, thì trước phải hiện thấy rồi sau mới so sánh biết.

Lại pháp cái bình v.v... nay hiện thấy có, vì có thể sinh tâm biết. Tùy có thể sinh tâm thì pháp này có, nên chẳng phải không.

Lại nay cái bình, cái chậu v.v... hiện có sai khác, nếu tất cả là không, thì đâu có sai khác? Ý ông hoặc bảo vì tà tướng nên có phân biệt đó. Vậy sao không ở giữa hư không mà phân biệt cái bình v.v....

Lại nếu ông bảo vì si nên sinh tâm biết vật đó. Nếu tất cả là không, thì cái si này cũng không, lấy đâu mà khởi?

Lại ý ông bảo tất cả pháp là không, thì biết do duyên nào mà sinh? Các cái biết không lẽ không có duyên mà sinh? Vì biết vật nên gọi là biết. Cho nên biết không nên nói không.

Lại nếu là đều không, thì nay tất cả người đời đều tùy ý ra làm. Những người thiện đều vui các pháp thiện như bố thí trì giới nhẫn nhục, xa lìa các pháp bất thiện. Cho nên biết chẳng phải không.

Lại pháp cái bình v.v... hiện nay có thể biết, mà ông nói hiện tại đều không có. Nếu không có pháp thì cũng không nên tin kinh sách. Vậy do nhân duyên gì mà nói tất cả không? Tất cả không, việc này cần phải thuyết minh. Nếu không thể dùng nhân duyên để thuyết minh, thì chỗ chấp của người ta tự nhiên phải được thành lập. Luận của người ta được thành lập, thì pháp của ông phải bị phá. Nếu có nhân duyên có thể thành, thì không gọi là không.

Phẩm 147: Thành lập không

Người lập luận cho là không, nói: Tuy ông dùng ngôn thuyết phá không, nhưng thật sự các pháp không có, vì các căn trần đều không thể được. Bởi vì sao? Vì trong

các pháp không có hữu phần có thể lấy. Cho nên tất cả pháp là không thể lấy, vì không thể lấy cho nên là không. Nếu ông bảo hữu phần tuy không thể lấy, nhưng các phần có thể lấy. Điều này không đúng. Trong các phần không sinh tâm. Bởi vì sao? Vì các vật thô như cái bình v.v... là có thể lấy.

Lại phần không làm hữu phần. Bởi vì sao? Vì nhân hữu phần nên mới nói phần, mà hữu phần là không, nên phần cũng không.

Lại đà-la-phiêu, cầu-na không phần, cho nên không phần.

Lại nếu thấy phần vi tế, thì phải thường sinh phần tâm, mà không sinh tâm biết cái bình. Bởi vì sao? Vì nếu thường nghĩ phần, thì phải hoàn toàn không sinh tâm biết cái bình.

Lại nếu trước nhớ phần, sau sinh tâm biết cái bình, thì tâm biết cái bình phải lâu mới sinh, mà thật không phải lâu mới sinh, cho nên không nghĩ nhớ phần.

Lại nếu thấy cái bình không sinh tâm phần phân biệt, tức sinh tâm biết bình.

Lại không có tất cả phần. Bởi vì sao? Vì tất cả phần đều có thể chia tách tan nát cho đến thành vi trần, rồi mới phá vi trần chung qui đều không có.

Lại tất cả các pháp rốt ráo ắt sinh không trí. Cho nên trong đệ nhất nghĩa các phần đều không.

Lại nếu nói phần, thì phá 2 đế lý. Bởi vì sao? Vì ai nói không có hữu phần mà chỉ có các phần, thì không có

các nghiệp khứ, lai, kiến, đoạn v.v... . Như vậy là không có thể đế. Ông cho đệ nhất nghĩa là không. Trong đệ nhất nghĩa cũng không có các phần. Cho nên biết chỉ nói các phần thì không vào 2 đế. Mà vì không vào trong 2 đế nên không có.

Lại nếu pháp có thể vượt qua tức là không có, như nhân phần vượt qua hữu phần rồi cũng lại nhân các phần khác vượt qua phần trước. Vì có thể qua nên không có phần luận này.

Lại sắc v.v... cũng không. Bởi vì sao? Vì mắt không thể thấy sắc vi tế, ý không thể lấy sắc hiện tại. Cho nên sắc không thể lấy được.

Lại nhãn thức không thể phân biệt sắc này. Ý thức ở quá khứ, không ở trong sắc, nên không có khả năng phân biệt được sắc. Vì không phân biệt, nên sắc không thể lấy.

Lại thức đầu tiên không thể phân biệt sắc, thì thức thứ hai v.v... cũng như vậy. Cho nên không có khả năng phân biệt được sắc.

Hỏi: Nhãn thức lấy sắc, rồi sau mới đem ý thức nghĩ nhớ, cho nên chẳng phải không phân biệt?

Đáp: Nhãn thức thấy sắc xong liền diệt, kế đó mới sinh ý thức. Ý thức này không thấy sắc. Không thấy làm sao có thể nhớ? Nếu không thấy mà có thể nhớ, thì người mù cũng phải nhớ sắc, mà thật ra không nhớ? Cho nên ý thức không thể nhớ.

Hỏi: Từ nhãn thức sinh ý thức, cho nên có thể nghĩ nhớ?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì tất cả tâm sau, đều nhân nhãn thức sinh. Vậy thì lẽ ra đều có thể nhớ?

Lại quyết không được quên, vì từ nó sinh, mà thật không phải như vậy. Cho nên biết ý thức cũng không thể nhớ. Như nhớ hư vọng, lấy sắc cái bình v.v... vạn vật cũng đều hư dối, không mà vọng lấy. Cho nên không có tất cả vật.

Lại nếu nói mắt thấy là đến sắc thấy hay không đến mà có thể thấy? Nếu đến thì không thể thấy, vì mắt không có tướng đi. Điều này trước đã nói rõ. Nếu không đến mà thấy, lẽ ra phải thấy sắc tất cả các nơi. Mà thật ra là không thấy. Cho nên biết chẳng phải không đến có thể thấy.

Hỏi: Sắc ở cảnh bị biết thì mắt có thể thấy?

Đáp: Cảnh bị biết là thế nào?

Hỏi: Tùy khi mắt có thể thấy gọi là cảnh biết?

Đáp: Nếu mắt không đến cũng gọi là cảnh biết, thì sắc tất cả chỗ phải đều là cảnh biết. Cho nên đến và không đến đều không thể thấy. Cho nên biết sắc là không thể thấy.

Lại nếu trước có mắt và sắc, sau nhãn thức mới sinh, thì nhãn thức này không chỗ nương và duyên. Nếu đồng thời thì không gọi mắt và sắc làm nhân duyên sinh thức, vì đồng thời không làm nhân cho nhau được.

Lại mắt là 4 đại, nếu mắt có thể thấy, thì tai v.v... lẽ ra cũng có thể thấy, vì đồng là 4 đại. Sắc cũng như vậy.

Lại nhãn thức này nên hoặc có chỗ, hoặc không chỗ cả hai đều có lỗi. Bởi vì sao? Vì nếu nhãn thức nương vào mắt thì có chỗ, nếu vật không chỗ thì không nương đâu được. Nếu ông bảo thức sinh một chỗ phần ít nơi mắt, hoặc khắp sinh, hoặc trong 2 mắt đồng thời sinh thức thì có chỗ. Mà có chỗ tức là hữu phần. Như vậy thì do nhiều thức, mà thành một thức. Có những lỗi như vậy, và cũng có lỗi nhiều thức đồng thời sinh.

Lại mỗi mỗi phần thức không thể biết được hữu phần đó, mà lẽ ra phải biết. Mà thật ra là không có hữu phần. Có những lỗi như vậy. Nếu không chỗ thì không nên nương mắt.

Phẩm 148: Phá chấp về âm thanh

Người nói không, nói: Một lời cũng không có. Bởi vì sao? Vì tâm niệm niệm diệt, âm thanh cũng niệm niệm diệt. Như nói Phú-lâu-sa, lời này không thể nghe. Bởi vì sao? Vì vừa nghe Phú thì thức không nghe Lâu, nghe Lâu thì thức không nghe Sa. Không có một thức có thể lấy cả 3 lời. Cho nên không có thức có thể lấy một lời. Cho nên biết âm thanh không thể nghe.

Lại tán tâm nghe tiếng, định tâm không thể nghe, vì sở tri của định tâm là thật. Cho nên tiếng không thể nghe.

Lại tiếng này, hoặc đến hoặc không đến đều không thể nghe, vì không thể nghe nên không tiếng.

Lại có người nói: Tai là tính của hư không, vì nó không vật nên gọi hư không. Cho nên không tai. Không tai nên không tiếng.

Lại nhân duyên của tiếng là không. Cho nên không tiếng. Nhân duyên của tiếng là các đại hòa hợp, pháp hòa hợp này là không thể được. Bởi vì sao? Vì nếu thể của các pháp có khác thì không hòa hợp. Nếu thể không khác làm sao tự hợp. Dù ở một chỗ cũng niệm niệm diệt. Cho nên hòa hợp không được.

Phẩm 149: Phá chấp về hương vị xúc

Hương không thể lấy. Bởi vì sao? Vì tĩ thức không thể phân biệt là hương Chiêm-bạc hay các thứ hương khác. Ý thức không thể nghe hương, cho nên ý thức cũng không thể phân biệt là hương Chiêm-bạc.

Hỏi: Tuy không thể phân biệt là hương Chiêm-bạc, nhưng có thể lấy hương?

Đáp: Không phải vậy. Như người không được cây Chiêm-bạc, vì ngu si nên tâm sinh cây Chiêm-bạc. Như vậy không được cái thể của hương, vì ngu si nên sinh tâm hương.

Lại như trước đã nói hương hoặc đến, không đến mà lấy, hai lẽ đều có lỗi. Cho nên không hương. Vị cũng như vậy. Xúc cũng không. Bởi vì sao? Vì trong phần vi trần v.v... còn không sinh biết xúc, như trước đã nói. Cho nên không có xúc.

Phẩm 150: Phá chấp về ý thức

Ý thức cũng không thể lấy pháp. Bởi vì sao? Vì ý thức không thể lấy sắc hương vị xúc ở hiện tại, như trước đã nói quá khứ vị lai thì không có. Cho nên ý thức không lấy sắc v.v....

Hỏi: Nếu ý thức không biết pháp sắc v.v..., thì phải biết tự thể.

Đáp: Pháp không tự biết. Bởi vì sao? Vì hiện tại không thể tự biết, như cái dao không thể tự cắt mình. Còn quá khứ vị lai vì không pháp nên cũng không có tâm nào khác. Cho nên ý thức không thể tự biết.

Hỏi: Nếu ai khi biết tâm người khác, tức ý thức có thể biết tâm pháp?

Đáp: Như người tâm không tự biết, mà cũng khởi ý nghĩ như vậy: Ta có tâm ở trong tâm người khác, cũng lại như vậy.

Lại nếu pháp vị lai không, cũng có thể sinh biết tâm người khác. Nếu vậy có lỗi gì?

Lại ý thức có thể duyên pháp thì có nhiều lỗi. Như ý đến duyên, và ý thức không đến duyên, không nên nhớ sắc v.v..., vì các lỗi này nên ý thức không biết pháp.

Phẩm 151: Phá chấp về nhân quả

Người nói không, nói: Nếu có quả lẽ ra trong nhân trước phải có cầu-na mới sinh, hay trước không cầu-na mà sinh? Cả 2 đều có lỗi. Như trong 2 tay trước không

tiếng mà có thể có tiếng. Trong nhân rượu, trước không rượu cũng có thể sinh rượu. Trong nhân xe, trước không xe mà có thể thành xe. Cho nên không phải trong nhân trước có cầu-na mà sinh quả. Nếu ông bảo trong nhân trước không cầu-na mà sinh quả, thì như vi trần của gió không sắc, phải có thể sinh sắc? Nếu vậy thì gió có sắc. Trong kim cương v.v... cũng phải có mùi thơm.

Lại hiện thấy chỉ trắng thì thành vải trắng, chỉ đen thì thành vải đen. Nếu trong nhân trước không cầu-na mà sinh quả đó thì vì sao chỉ trắng vẫn thành trắng mà không thành đen ư? Cho nên không phải trong nhân trước không cầu-na mà sinh quả. Xét cho cùng, 2 lý đều có lỗi, cho nên không có quả.

Lại nếu trong nhân có quả thì không cần sinh lại, vì đã có, còn sinh làm chi nữa! Nếu không cũng không sinh được, vì không làm sao sinh.

Hỏi: Hiện thấy làm cái bình, sao nói không quá?

Đáp: Cái bình này, nếu trước không làm, thì sao làm được? Vì nó không có. Nếu trước đã làm, còn làm chi nữa? Vì nó có rồi.

Hỏi: Chính khi làm gọi là làm?

Đáp: Không có khi nào là khi làm. Bởi vì sao? Vì chỗ phần có làm đã rơi vào trong làm, chỗ phần chưa làm rơi vào trong chưa làm, cho nên không có cái gọi là khi làm.

Lại nếu cái bình có làm, thì phải là quá khứ, vị lai hay hiện tại? Quá khứ không làm, vì đã diệt mất. Vị lai không làm vì chưa có. Hiện tại không làm vì là có.

Lại nhân có người làm mới có thành nghiệp. Mà trong đó người làm, thật không thể được. Bởi vì sao? Vì thân phần cái đầu v.v... đối với việc làm đó là vô sự, nên không có người làm. Vì không có người làm nên việc làm cũng không.

Lại nhân ở trong quả hoặc trước hoặc sau, hoặc đồng thời đều không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu nhân trước, quả sau thì nhân đã diệt hết, quả làm sao sinh, như không cha làm sao sinh con? Nếu nhân sau quả trước; nhân tự chưa sinh, làm sao sinh quả? Như chưa đẻ ra cha, ai sinh con? Nếu nhân quả đồng thời thì không có lý. Như 2 sừng đồng mọc không được nói tướng tả hữu làm nhân cho nhau. Xét cho cùng, 3 điều này đều không đúng, cho nên không có quả.

Lại nhân quả này hoặc một hoặc khác, cả hai đều có lỗi. Bởi vì sao? Vì nếu khác thì lẽ ra lia chỉ phải có vài. Nếu là một thì chỉ và vài không khác nhau.

Lại người đời không thấy có pháp nhân quả nào không sai khác.

Lại nếu có quả lẽ phải tự mình làm, hoặc người khác làm, cùng chung làm hay không nhân mà làm, đều là không đúng. Bởi vì sao? Vì không có pháp nào có thể làm ra tự thể. Nếu sẵn có tự thể thì cần gì tự làm. Nếu không tự thể làm sao có thể tự làm được?

Lại không thấy có pháp nào có thể làm ra tự thể, nên không tự làm. Người khác làm cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì như mắt và sắc đối với việc sinh thức vô sự, nên người khác không làm được.

Lại vì không có nghĩ tưởng làm, nên tất cả pháp không có người làm. Như hạt giống không nghĩ là ta nên nảy mầm. Mắt và sắc cũng không nghĩ là chúng ta nên hợp lại mà sinh thức. Cho nên các pháp không có tưởng làm. Hợp lại làm cũng không đúng vì có lỗi tự mình và người khác. Không có nhân làm cũng không đúng, vì nếu không nhân, cũng không có tên quả. Nếu 4 thứ đều không, làm sao có quả, nếu phải nói?

Lại quả này phải hoặc trước có tâm làm, hay trước không có tâm làm. Nếu trước có tâm làm thì thân phần như mắt v.v... của thai nhi là ai có tâm làm? Trời Tự Tại v.v... cũng không làm nên được. Trước đã nói nghiệp cũng không tâm đối với việc làm. Nghiệp này ở trong quá khứ làm sao có tâm làm. Cho nên nghiệp cũng không tâm. Nếu trước không tâm mà làm, thì làm sao làm khổ, người khác bị khổ, làm vui, người khác được vui?

Lại hiện trong nghiệp làm cũng đem tâm phân biệt nên làm như vậy, không nên làm như vậy. Nếu không tâm mà làm, thì sao có sai biệt này? Cho nên nói trước có tâm không tâm đều không đúng. Như vậy tất cả căn, trần đều không thể được. Cho nên là không có pháp.

Phẩm 152: Thế đế

Đáp: Tuy ông đem các thứ nhân duyên nói các pháp đều không, nhưng nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì trước tôi đã nói nếu tất cả không, luận này cũng không có, cũng không ở trong các pháp. Như vậy phá không, ông

hoàn toàn không đáp. Hãy còn cố tâm thành lập không, cho nên không phải không có tất cả các pháp.

Lại ông đã nói không căn không duyên v.v.... Điều này không phải chỗ minh luận của chúng tôi. Bởi vì sao? Vì trong kinh Phật tự ngăn điều này. Đó là 5 việc không thể nghĩ bàn: việc thế gian, việc chúng sinh, việc nghiệp nhân duyên, việc của người tọa thiền, và việc Chư Phật. Điều này nếu không phải bậc nhất thiết trí thì không thể nghĩ lường quyết đoán, chỉ Chư Phật mới có thể phân biệt pháp trí. Thanh Văn, Bích-chi-phật, chỉ có trí tuệ thông đạt Nê-hoàn, còn đối với trí phân biệt các pháp chỉ được phần ít. Chư Phật đối với tất cả pháp, tất cả chủng loại, gốc ngọn, thể tính, tướng chung, tướng riêng đều có thể biết thông suốt, như người, nhà cửa các vật, dễ hoại khó thành. Cũng như vậy, không trí dễ được, mà trí tuệ phân biệt đúng các pháp thì khó sinh.

Hỏi: Như Phật ngồi đạo tràng, chúng được các pháp tướng. Cứ đúng như Phật đã nói, phải như vậy mà nói?

Đáp: Tuy Phật nói tất cả pháp, nhưng không nói tất cả chủng, vì không được giải thoát. Như Phật nói các pháp từ nhân duyên sinh, nhưng không nói mỗi mỗi từ nhân duyên nào, mà chỉ nói điều cần thiết có công dụng có thể dứt khổ mà thôi. Các màu sắc hội họa, các âm thanh kỹ nhạc, các thứ hương vị xúc vô lượng sai biệt không thể nói hết được. Nếu nói cũng không lợi ích gì lớn lao, nên Phật không nói những việc như vậy, không được nói là không có.

Lại như người không biết phân biệt các phép hội họa mà nói đó là không. Ông cũng như vậy, việc không thể thành sự, mà nói là không có việc đó. Nhưng với người trí thì có, mà người không biết cho là không. Như người mù bẩm sinh nói không có đen trắng, vì tôi không thấy. Không nên vì không thấy mà nói không có các sắc như vậy. Như không thể vì tự duyên thành, mà nói không có tất cả pháp.

Lại chư Phật Thế Tôn là bậc nhất thiết trí, được chúng ta tin, Phật nói có 5 âm, cho nên biết sắc v.v... tất cả pháp là có, như cái bình v.v... do thế để cho nên có.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 12)

Phẩm 153: Diệt pháp tâm

Hỏi: Ông trước nói diệt 3 tâm gọi là diệt đế. Đã biết nhân duyên diệt tâm giả danh. Nay pháp tâm là thế nào? Và vì sao phải diệt?

Đáp: Có tâm thật cho 5 âm, gọi là pháp tâm. Khéo tu không trí, thấy 5 âm trống không, thì pháp tâm diệt.

Hỏi: Hành giả quán 5 âm trống không là trong 5 âm vô thường pháp, định pháp, bất hoại pháp, bất biến pháp, ngã, ngã sở pháp, vì không có các pháp này nên nói là nó trống không, chứ không phải không thấy 5 âm?

Đáp: Hành giả cũng không thấy 5 âm. Bởi vì sao? Vì hành giả dứt tâm duyên hữu vi, được tâm duyên vô vi. Cho nên hành giả không thấy 5 âm, mà chỉ thấy âm diệt.

Lại nếu thấy 5 âm thì không gọi là không. Vì âm chẳng phải không, như vậy thì không đầy đủ không trí.

Hỏi: Hành giả thấy sắc, vì vô ngã nên không. Như trong kinh nói: Hành giả thấy sắc này trống không, cho đến thức cũng trống không. Phải biết các âm chẳng phải không có sắc.

Đáp: Có nói như vậy, nhưng không phải thanh tịnh. Như trong Kinh Pháp Ấn nói: Hành giả thấy tướng các pháp như sắc v.v... là vô thường, bại hoại, dối giả, chán lìa. Đó cũng gọi là trống không. Nhưng chưa phải là thanh tịnh. Về sau người này thấy 5 ấm diệt, là do tu quán mới được thanh tịnh. Cho nên biết thấy các ấm diệt.

Hỏi: Vì trí duyên hữu vi, sao không được thanh tịnh?

Đáp: Hành giả hoặc khi khởi tướng 5 ấm, nên tâm giả danh sinh trở lại. Cho nên tâm duyên hữu vi không được thanh tịnh. Nếu chứng các ấm diệt, thì 5 ấm không hiện tiền nữa. Vì thành tựu diệt được nhân duyên giả danh nên tướng giả danh không theo đuổi nữa. Ví như có cây, cưa chặt, đốt cháy, tro than đều tiêu hết, cái tướng về cây mới diệt không còn theo đuổi nữa. Việc này cũng vậy.

Lại Phật bảo La-đà: Ông phá vỡ tan nát chúng sinh, khiến không tồn tại.

Lại một kinh khác nói: La-đà! Ông phá vỡ tan nát sắc, cho đến thức, khiến không tồn tại. Cho nên biết nếu hoại chúng sinh là giả danh trống không. Nếu phá hoại sắc gọi là pháp không.

Lại có 2 pháp quán là không quán và vô ngã quán. Không quán là không thấy giả danh chúng sinh, như người thấy cái bình, vì không có nước nên trống không. Cũng như vậy vì thấy trong 5 ấm không có người cho nên trống không. Nếu không thấy pháp thì gọi là vô ngã.

Lại trong kinh nói: Được trí vô ngã thì chính giải thoát. Cho nên biết sắc tính diệt, thụ, tưởng, hành thức, tính diệt, gọi là vô ngã. Vô ngã tức là vô tính.

Hỏi: Nếu gọi vô tính là vô ngã thì 5 âm thật sự không có sao?

Đáp: Năm âm thật sự là không, vì thế để nên có. Bởi vì sao? Vì Phật nói các hành v.v... đều như huyễn, như hóa, vì thế để nên có. Vì thế để nên có, là không phải thật có.

Lại trong kinh nói đệ nhất nghĩa không. Nghĩa này vì đệ nhất nghĩa để nên trống không, chứ không phải vì thế để mà không. Đệ nhất nghĩa là như nói sắc trống không không có gì hết, cho đến thức trống không, không có gì hết. Cho nên nếu người quán các pháp như sắc v.v... trống không, gọi là thấy cái không của đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Nếu vì thế để nên có 5 âm. Vì sao nói các pháp như sắc v.v... là chân đế?

Đáp: Vì chúng sinh nên mới nói có. Người đối với 5 âm sinh tưởng chân thật. Vì đó nên nói 5 âm, vì đệ nhất nghĩa nên trống không.

Hỏi: Trong kinh không nói có nghiệp có quả báo. Chi tác giả không thể được sao?

Đáp: Đó bởi các pháp mà nói tác giả là không thể được. Đó là nói giả danh trống không. Như trong kinh nói các pháp chỉ có cái tên gọi giả. Cái tên gọi giả đó, như vô minh, nhân duyên các hành, cho đến lão tử các khổ, tập, diệt. Do lời nói này nên biết 5 âm cũng vì đệ nhất nghĩa nên không.

Lại trong Kinh Đại Không, nói: Nếu ai nói lão tử này lão tử kia, hoặc ai nói thân tức là thân, hoặc nói thân

khác thần khác, những lời nói đó khác mà nghĩa đồng. Nếu có kiến chấp này, không phải đệ tử ta, không phải người Phạm hạnh. Nếu ngăn lão tử kia, tức phá giả danh, ngăn lão tử này là phá 5 âm.

Lại nói sinh duyên lão tử gọi là trung đạo. Phải biết đệ nhất nghĩa để nên nói không lão tử; thế để nên nói sinh duyên lão tử.

Lại như tướng quá hơn cái bình thì đệ nhất nghĩa nên không có cái bình. Cũng như vậy quá hơn pháp như sắc v.v... thì đệ nhất nghĩa nên không có sắc.

Lại trong kinh nói: Nếu pháp đó là lừa gạt, tức là hư vọng, nếu pháp không phải lừa gạt tức gọi là thật. Các pháp hữu vi đều biến đổi khác, nên đều gọi là lừa gạt. Lừa gạt nên hư vọng. Hư vọng nên không phải chặn thật có.

Như kệ nói:

*Thế gian hư vọng trôi,
Trạng như tướng quyết định
Thật không, thấy như có,
Quán sát thấy đều không.*

Phải biết các âm cũng trống không.

Lại thấy diệt để nên gọi là đắc đạo. Cho nên biết diệt là có của đệ nhất nghĩa, không phải là các âm. Nếu các âm thật có, hành giả cũng phải thấy mà được đạo, nhưng thật ra không phải vậy. Cho nên biết 5 âm không phải là có của đệ nhất nghĩa.

Lại vì âm diệt là thật, cho nên biết các âm không phải thật. Không nên nói các âm là thật, không âm cũng thật.

Lại có bao nhiêu pháp được thấy đều bởi si, như người mắt không thể gạt được, thì không thấy huyễn. Như vậy nếu không ngu si thì không thấy các âm. Cho nên các âm không phải là có của đệ nhất nghĩa.

Lại trong kinh nói: Tùy có ngã tức là động xứ. Mà trong âm có ngã, như A-nan nói: Nhân pháp thành ngã. Nghĩa là nhân sắc âm, cho đến thức âm.

Lại như chư Thượng tọa Tì-kheo hỏi Sai-ma-già: Ông lấy sự gì làm ngã?

Đáp: Tôi không nói sắc là ngã, không nói lià sắc là ngã, cho đến thức cũng vậy. Có điều là trong 5 âm ngã mạn chưa dứt.

Ý kinh này cho rằng học nhân hoặc khi tâm niệm bị tán loạn mới khởi ngã mạn. Nếu nhiếp tâm niệm diệt 5 âm thì ngã mạn diệt. Như hoa không phải chỉ rễ chồi nhánh lá là hoa, mà cũng không rời các thứ đó là hoa. Như vậy không phải sắc v.v... là ngã, mà cũng không rời sắc v.v... là ngã. Như vậy nhân duyên diệt ngã thì ngã mạn không khởi. Cho nên biết các âm cũng không.

Lại hành giả nên diệt tất cả tướng, chứng vô tướng. Nếu thật có tướng, sao không nghĩ nhớ? Không phải như ngoại đạo khi lià nơi sắc, biết thật có sắc, nhưng không nhớ nghĩ. Hành giả cần phải thấy sắc v.v... các âm diệt hết. Vì thấy diệt hết nên gọi là vào vô tướng. Cho nên biết sắc v.v... không phải đệ nhất nghĩa.

Lại tùy có 5 âm thì có ngã tâm. Phải biết không có 5 âm thì ngã tâm diệt. Cho nên các âm đều trống không.

Lại trong Kinh Thủy Mạt, Phật nói: Nếu ai thấy đám bọt nước, quan sát kỹ thì biết chúng không phải chân thật. Tì-kheo cũng vậy, nếu chính quán sắc âm, tức biết đối gạt không bền không chắc, là tướng bại hoại. Quán thụ như bong bóng nước. Tướng như sóng nắng. Hành như cây chuối. Thức như ảo hóa. Cũng như vậy, 5 dụ trên đây đều chỉ rõ nghĩa trống không. Bởi vì sao? Vì mắt thấy đám bọt nước, khi tiêu hết là hoàn lại không. Bong bóng nước cũng như vậy. Cho nên biết các âm không phải chân thật có.

Lại như đệ tử Phật rất chán sinh tử, đều bởi thấy các pháp xưa nay không sinh, không có sở hữu. Nếu thấy vô thường thì chỉ có thể sinh bại hoại khổ tướng, cũng như vậy thấy vô tính, không còn tướng gì khác thì mới có thể đầy đủ hành khổ. Đủ 3 khổ này gọi là được giải thoát. Phải biết tất cả các pháp đều trống không.

Lại không, là cửa giải thoát. Không này không phải chỉ chúng sinh không, mà hữu pháp cũng không. Như nói mắt khi sinh không từ đâu đến, khi diệt không đi đến đâu, thì biết quá khứ, vị lai mắt là trống không. Mắt hiện tại cũng do 4 đại phân biệt nên không. Như Phật nói mắt trong hình thịt, có bao nhiêu cứng và nương cứng gọi là địa v.v.... Nếu được cái không này tức nói không có gì hết.

Lại nói tất cả các hành dứt gọi là đoạn tính, lia gọi là ly tính, diệt gọi diệt tính. Cho nên biết tất cả các hành đều diệt. Nếu thật có các hành thì không có chính, đoạn, ly, diệt. Diệt gọi là không. Phải biết vì đệ nhất nghĩa nên các hành đều không có. Chỉ vì thế đế nên mới có các hành.

Phẩm 154: Diệt tâm

Như duyên Nê-hoàn gọi là không tâm.

Hỏi: Nê-hoàn không có pháp tâm thì duyên vào đâu?

Đáp: Tâm này duyên vô sở hữu. Điều này trước đã rõ vì biết Nê-hoàn.

Hỏi: Không tâm này diệt ở chỗ nào?

Đáp: Hai chỗ diệt: một là vào trong vô tâm định diệt, hai là khi vào Nê-hoàn vô dư, dứt tương tục mà diệt. Bởi vì sao? Vì diệt nhân duyên nên tâm này cũng diệt. Trong vô tâm định vì duyên diệt nên diệt, khi dứt tương tục vì nghiệp hết nên diệt.

Luận giả nói: Hành giả, nếu diệt được 3 tâm này, thì các nghiệp phiền não vĩnh viễn không còn khởi lại nữa.

Hỏi: Vì sao không khởi?

Đáp: Người này đầy đủ vô ngã, nên nghiệp phiền não diệt, như khói đèn đen có chỗ nương là trụ lại, mà không chỗ nương thì không trụ. Như vậy nếu có ngã tâm làm chỗ nương thì nghiệp phiền não tụ tập, không thì không tụ lại.

Lại vô lậu chính kiến đốt hết các tướng, khiến không còn sót, như kiếp hỏa đốt cháy hết đất v.v... không sót. Vì vô tướng nên các nghiệp phiền não không tụ tập lại nữa.

Lại người có ngã tâm thì nghiệp phiền não tụ lại. A-la-hán thông đạt không trí, vì không ngã tâm nên không còn tụ lại.

Hỏi: Người này tuy nghiệp mới không tụ, nhưng vì sao nghiệp cũ không sinh?

Đáp: Người đó đem chính trí tuệ phá hoại nghiệp này, nên không thể trả báo được, như hạt giống rang cháy không còn sinh được.

Lại nếu không có ái tâm thì tác nghiệp không thể trả báo được, như đất không ướt thì giống không mọc.

Lại hành giả này với các thức xứ diệt hết các tướng, thức không chỗ nương nên không có chỗ sinh, như giống không chỗ nương thì không mọc được.

Lại dù nghiệp phiền não mới có thể thụ thân, mà không đủ thì diệt. Người này không phiền não nên nhân duyên không đủ, dù có các nghiệp cũng không thụ sinh được.

Lại chúng sinh vì phiền não nên thụ thân ở các nẻo. Vì thụ thân nên các nghiệp trong đó có thể cùng với quả báo. Nếu không phiền não thì không thụ thân. Không thụ thân, thì các nghiệp làm sao có thể cùng quả báo được? Như người mắc nợ nhờ cậy thế lực, thì chủ nợ không làm gì được. Hành giả cũng vậy, nếu không ở trong sinh tử thì dù có các nghiệp cũng không trả báo được.

Lại như người bị trói, những người không bị trói tha hồ mắng nhiếc. Cũng như vậy, chúng sinh bị phiền não trói buộc, tùy nghiệp nhiều ít đều có thể trả báo. Người được giải thoát, thì phiền não không làm gì được.

Lại tự nghiệp mình có thể trả quả báo. Người này tu hạnh không hành, nên đối với các pháp không có tự tướng, cho nên các nghiệp không trả báo được, như dùng con mình làm đũa giúp việc thì khỏi trả tiền thuê. Điều này cũng như vậy.

Lại sức mạnh phiền não có thể chuyên các nghiệp, mà phiền não hết thế lực, thì các nghiệp không chuyên được. Như bánh xe tuy còn, mà động lực đã hết, thì bánh xe không lăn.

Lại sức phiền não có thể biến đổi các nghiệp, như mẹ vì thương con nên máu biến thành sữa. Khi hết lòng thương, thì máu không biến. Như vậy do sức phiền não, nên nghiệp có thể báo, lia thì không thể.

Lại người này, nhờ các công đức tu thân như giới, định, tuệ v.v... thế lực lớn, nên các nghiệp không làm gì được. Cho nên tuy có các nghiệp cũ mà không trả báo được. Như vậy, người này nghiệp cũ hiện tại trả báo chút ít, mà không gây nghiệp mới, như lửa đốt củi, củi hết thì tắt. Người này cũng vậy, vì không thụ nên diệt, diệt 3 tâm nên đối với tất cả các khổ được vĩnh viễn giải thoát. Cho nên người trí cần phải diệt 3 tâm.

Xong nhóm diệt đế.

Phẩm 155: Định nhân trong luận về định của nhóm đạo đế

Luận giả nói: Nay luận về đạo đế. Đạo đế là 8 con đường chính thẳng từ chính kiến cho đến chính định. Tám chính đạo này được nói có hai: một gọi là Tam-muội và dụng cụ, hai gọi là trí. Nay sẽ luận về Tam-muội.

Hỏi: Tướng Tam-muội ra sao?

Đáp: Tâm trụ một chỗ là tướng Tam-muội.

Hỏi: Tâm này làm sao trụ được một chỗ?

Đáp: Tùy chỗ tập luyện nhiều và trụ ở nơi đó. Nếu không tập nhiều, thì mau rời bỏ.

Hỏi: Tập bằng cách nào?

Đáp: Tập tùy sở thích.

Hỏi: Làm sao có thể thích?

Đáp: Thân tâm nặng nề gọi là khổ. Dùng phương pháp làm khoan khoái trừ tướng thô nặng nơi thân tâm, thì có thể sinh vui thích.

Hỏi: Làm sao sinh khoan khoái?

Đáp: Dùng nhân duyên hoan hỷ, nên thân tâm điều hòa vui thích.

Hỏi: Làm sao sinh hỷ?

Đáp: Do nghĩ Tam Bảo và nghe pháp v.v... tâm ưa thích nên sinh hỷ.

Hỏi: Làm sao sinh ưa thích?

Đáp: Do thanh tịnh trì giới, tâm không sinh ăn năn.

Hỏi: Đã nói nhân Tam-muội. Nay Tam-muội lại làm nhân cho cái gì?

Đáp: Làm nhân cho như thật trí. Như thật trí là không trí. Như nói hành giả như vậy nhiếp tâm, thanh tịnh tâm, trừ che tâm, trụ tâm, và không động tâm, thì có thể biết như thật khổ Thánh đế, tập, diệt, đạo Thánh đế. Cho nên ai muốn được như thật trí, phải siêng tinh tiến tu tập Tam-muội. Người tán tâm còn không thể được lợi ích kinh sách, nghề nghiệp công xảo v.v... của thế gian,

huống chi có thể được lợi ích xuất thế gian. Cho nên biết tất cả lợi ích thế gian, và xuất thế gian, đều nhờ định tâm mới được.

Lại tất cả diệu thiện đều nhờ chính trí, tất cả tệ ác đều bởi tà trí. Như trong kinh nói: Vô minh làm đầu, không hổ thẹn làm tùy tùng khởi tất cả ác. Bởi minh làm đầu, hổ thẹn làm tùy tùng khởi tu tất cả thiện. Mà Tam-muội là nhân chính trí tuệ. Cho nên biết tất cả diệu thiện đều nhờ Tam-muội. Cho nên phải siêng năng tinh tiến tu tập.

Phẩm 156: Tướng của định

Hỏi: Ông nói tâm trụ một chỗ là tướng Tam-muội. Vậy Tam-muội với tâm là một hay là khác?

Đáp: Tam-muội với tâm không khác. Có người nói Tam-muội khác với tâm, vì tâm được Tam-muội thì mới an trụ một chỗ. Tuy có lời đó, nhưng nghĩa không đúng như vậy. Nếu tâm được Tam-muội có thể ở trong cảnh duyên đó, thì Tam-muội này cũng trụ ở trong cảnh duyên, và cũng phải làm nhân cho Tam-muội khác trụ. Như vậy là vô cùng, việc đó không thể được. Nếu Tam-muội này tự nhiên trụ thì tâm cũng như vậy, không phải nhân Tam-muội mà an-trụ. Cho nên nếu nói Tam-muội khác với tâm, nghĩa đó vô ích.

Lại thụ tướng v.v... các tâm số pháp cũng trụ ở trong cảnh duyên, đó lại là nhân pháp nào mà trụ? Việc đó nên

nói. Nếu thụ tướng v.v... đều có Tam-muội, tức đồng lỗi như trước.

Lại trong kinh chỉ nói nhất tâm là tướng của Tam-muội, không nói tâm được Tam-muội nên trụ. Cho nên biết không đúng.

Lại nói nhất tâm thì không nói rõ các pháp khác. Như trước đã nói tùy chỗ tâm vui, duyên trụ ở đó. Phải biết với tâm không có Tam-muội riêng, tùy tâm trụ lâu gọi là Tam-muội.

Hỏi: Tam-muội đó là hữu lậu hay là vô lậu?

Đáp: Có hai thứ Tam-muội, hữu lậu và vô lậu. Các thiên định thế gian là hữu lậu. Các Tam-muội khi vào pháp vị gọi là vô lậu. Bởi vì sao? Vì bấy giờ gọi là thấy biết như thật. Bấy giờ 2 thứ cũng gọi là Tam-muội, cũng gọi là tuệ. Nhiếp tâm nên gọi Tam-muội. Biết như thật nên gọi là tuệ. Nhiếp tâm có 3 thứ là thiện, bất thiện, và vô ký. Trong đó lấy thiện nhiếp tâm là Tam-muội, chứ không phải bất thiện vô ký. Tam-muội này cũng có 2 thứ, một là giải thoát nhân, hai là phi giải thoát nhân. Giải thoát nhân, gọi là định căn.

Có luận sư nói: Chỉ định vô lậu gọi là định căn. Lời nói này không đúng. Nếu hữu lậu vô lậu có thể làm nhân giải thoát đều được gọi là định căn.

Tam-muội này tùy trụ duyên, nên mới phân biệt 3 thứ: tiểu, đại và vô lượng. Tâm khi trụ giây lát, nếu thấy chút cảnh duyên, đó gọi là tiểu. Còn 2 thứ kia cũng vậy.

Lại tùy thời nên có 3 tướng: chế tướng, phát tướng, và xả tướng. Khi tâm lui chìm, nên dùng phát tướng. Khi tâm lay động nên dùng chế tướng. Khi tâm hòa vui, nên dùng xả tướng. Như thợ vàng gia công vàng, khi thì cho vào lửa thét, khi thì ngâm vào nước, khi thì để tự nhiên. Nếu trui luôn thì chảy tiêu, ngâm mãi thì sống, thường để tự nhiên thì không thích hợp. Tâm hành giả cũng vậy. Nếu động mà không chế ngự thì thường tán loạn. Chìm mà không phát thì sinh biếng lười. Nếu điều hòa thích hợp rồi mà không xả thì lại thành không điều hòa thích hợp.

Lại như tập ngựa, nếu chạy nhanh thì gò, chậm thì giục, vừa thì xả. Hành giả điều ngự tâm mình cũng như vậy.

Lại Tam-muội này có 3 phương tiện là phương tiện nhập định, phương tiện trụ định, phương tiện khởi định. Đúng như pháp mà nhập định là phương tiện nhập định. Ở trong định không động là phương tiện trụ định. Đúng như pháp mà xuất định là phương tiện khởi định.

Hỏi: Làm sao được 3 phương tiện đó?

Đáp: Hành giả lấy tướng tự tâm chế ngự như vậy, phát động như vậy, và xả như vậy thì có thể nhập định, trụ định, và xuất định cũng như vậy.

Hỏi: Chỉ lấy thẳng định, cần gì phải dùng phương tiện?

Đáp: Nếu không sinh 3 thứ phương tiện này thì có lầm lỗi. Không được tùy ý muốn nhập thì khởi, muốn khởi lại nhập, có những lỗi này.

Lại lấy lợi làm tổn, lấy tổn làm lợi như thấy chút tịnh sắc và chút ánh sáng, bảo là đã được đại lợi. Hoặc

niệm vô thường, khổ, không v.v..., tâm không được vui, lại cho là tổn.

Hỏi: Hành giả, vì sao có người được định, hoặc có người không được?

Đáp: Có 4 nhân duyên được định: 1. Đòi nay siêng tập. 2. Tiền thân có duyên. 3. Khéo lấy tướng định. 4. Y theo định pháp.

Lại có 4 thứ tu định: 1. Thường xuyên tập mà không nhất tâm hành. 2. Nhất tâm hành mà không thường tu tập. 3. Cũng thường tu tập, cũng nhất tâm hành. 4. Không thường tập, không nhất tâm hành.

Lại có 4 thứ: Có nhiều thiện ít tuệ, có ít thiện nhiều tuệ, có nhiều thiện nhiều tuệ, có ít thiện ít tuệ. Trong đó thứ 3 chắc hành giả có thể được định, thứ tư chắc chắn không thể được, thứ nhất và thứ 2 nếu điều hòa đồng đều thì được.

Phẩm 157: Ba Tam-muội

Hỏi: Trong kinh nói có 3 pháp Tam-muội là nhất phần tu Tam-muội, cộng phần tu Tam-muội, và Thánh chính Tam-muội. Mỗi pháp như thế nào?

Đáp: Nhất phần tu là như tu định không tu tuệ, hoặc tu tuệ không tu định. Cộng phần tu là vừa tu định cũng vừa tu tuệ. Đó là thế gian Tam-muội ở trong pháp noãn v.v.... Thánh chính Tam-muội là như vào pháp vị có thể chứng diệt đế, gọi là Thánh chính. Làm sao biết

được? Như Trưởng lão Tì-kheo bảo hành giả lấy định tu tâm, nhờ tuệ có thể ngăn được phiền não, lấy tuệ tu tâm, nhờ định ngăn được phiền não, lấy cả định tuệ tu tâm, nhờ tính được giải thoát tính. Đó gọi là đoạn tính, ly tính và diệt tính.

Lại như định tuệ đồng thời đầy đủ, nên gọi Thánh chính, như nhờ cả định tuệ được giải thoát gọi là đều giải thoát .

Hỏi: Có người nói: Nhất phần tu là nếu nhân Tam-muội có thể thấy ánh sáng không thấy các sắc, nếu thấy các sắc không thấy ánh sáng. Cọng phần tu là có thể thấy sắc cũng thấy ánh sáng. Thánh chính là Tam-muội mà các bậc học và vô học chứng được. Việc đó thế nào?

Đáp: Không có kinh nào nói chỉ thấy ánh sáng mà không thấy sắc. Trong kinh chỉ nói ta vốn đã từng thấy ánh sáng cũng thấy các sắc. Nay mất ánh sáng cũng không thấy sắc.

Lại ông phải nói nhân duyên vì sao có thể thấy ánh sáng mà không thấy sắc? Vì những lẽ đó, lời ông nói là sai.

Hỏi: Lại trong kinh nói 3 Tam-muội là không, vô tướng, vô nguyện. Ba Tam-muội này sai khác nhau thế nào?

Đáp: Nếu hành giả không thấy chúng sinh cũng không thấy pháp, đó gọi là không. Trong không như vậy không có tướng có thể lấy; cái không đó tức là vô tướng. Trong không, không có nguyện cầu gì, cái không đó gọi là vô nguyện. Cho nên 3 mà nghĩa là một.

Hỏi: Nếu vậy nói 3 làm gì?

Đáp: Công năng của cái không này là cần phải tu không. Vì tu không mà được lợi ích là không thấy tướng. Vì không thấy tướng nên là vô tướng. Vì vô tướng nên không nguyện cầu. Vì không nguyện cầu nên không thụ thân. Vì không thụ thân nên mới giải thoát được tất cả khổ. Được những lợi ích như vậy đều nhờ tu không mà có. Cho nên phải nói có 3.

Hỏi: Có luận sư nói: Nếu Tam-muội lấy hành không vô ngã, đó gọi là không. Nếu hành vô thường, khổ, nhân tập mà sinh duyên đạo như hành xuất, đó gọi là vô nguyện. Nếu hành diệt chính diệu ly, đó gọi là vô tướng. Việc đó thế nào?

Đáp: Ông nói hành vô thường, khổ gọi là vô nguyện, điều đó không đúng. Bởi vì sao? Vì Phật thường nói nếu vô thường tức là khổ, nếu khổ tức là vô ngã. Biết vô ngã thì không nguyện nữa. Cho nên biết cũng bởi không, nên mới không nguyện. Nếu nói hành nhân tập sinh duyên gọi là vô nguyện, đây hoặc có thể được. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Thấy tướng sinh đều là tướng diệt thì sinh chán lìa.

Lại trong đạo, không nên có hành vô nguyện. Bởi vì sao? Vì nguyện là một phần của ái, như kinh nói: Nguyện, thượng, trung, hạ trong đạo không sinh tham ái. Cho nên không có hành vô nguyện.

Lại trong kinh nói: Năm ấm diệt nên gọi là diệt. Phải biết tùy không có 5 ấm, đó gọi là không. Không tức là diệt. Trong đó vô nguyện vì ái thân nên mới nguyện. Cho nên biết đó 3 mà nghĩa là một, không nên cho là sai khác.

Hỏi: Lại trong kinh nói 3 Tam-muội là không không, vô nguyện vô nguyện, vô tướng vô tướng. Mỗi thứ là thế nào?

Đáp: Lấy không, để thấy 5 ấm là không, lại lấy một cái không nữa để có thể làm không cái không này, đó gọi là không không. Lấy vô nguyện để nhằm chán 5 ấm, lại lấy một vô nguyện nữa để nhằm chán cái vô nguyện này, đó gọi là vô nguyện vô nguyện. Lấy vô tướng để thấy 5 ấm tịch diệt, rồi lại dùng một vô tướng nữa để không lấy vô tướng này, đó gọi là vô tướng vô tướng.

Hỏi: Có luận sư nói: Ba Tam-muội này là hữu lậu. Việc đó thế nào?

Đáp: Đó không phải hữu lậu. Bởi vì sao? Vì bấy giờ không có lậu có thể sai khiến.

Lại Tam-muội này đối với các không v.v... vượt trội hơn, làm sao nói là hữu lậu?

Hỏi: Nếu không v.v... 3 Tam-muội, là thật trí tuệ, vì sao gọi là Tam-muội?

Đáp: Vì các Tam-muội sai khác nhau.

Lại Tam-muội có thể sinh như thật tri kiến, cho nên gọi Tam-muội vì trong quả nói nhân.

Hỏi: Có luận sư nói: Các không không v.v... 3 Tam-muội này, chỉ bậc vô học được, không phải ai cũng được. Việc đó thế nào?

Đáp: Học nhân cũng được. Bởi vì sao? Vì hành giả phải chứng hữu lậu vô lậu tất cả pháp diệt. Cho nên học nhân cũng cần phải chứng vô lậu pháp diệt.

Phẩm 158: Bốn tu định

Có tu định vì vui hiện tại. Có tu định vì tri kiến. Có tu định vì tuệ phân biệt. Có tu định vì hết lậu.

Như Tam-muội có thể được vui hiện tại là đệ nhị thiên v.v.... làm sao biết được? Vì Phật nói: Đệ nhị thiên là do Tam-muội sinh hỷ lạc nên vì đó đặt tên mà không vì các pháp khác, như vào thành Xá-vệ, là vì khát thực.

Hỏi: Sơ thiên cũng có hỷ lạc, vì sao không nói có hiện vui?

Đáp: Sơ thiên lẫn lộn các giác quán hay làm tán tâm, nên không nói hiện vui.

Hỏi: Đệ nhị thiên cũng có hỷ v.v... hay làm loạn tâm pháp, mà sao gọi vui?

Đáp: Trước diệt các giác, nhiếp tâm sâu, nên mới nói hỷ v.v... là vui. Nhưng vì hành khổ nên tất cả gọi khổ.

Lại trong sơ thiên khổ ở trạng thái thô, trong nhị thiên khổ ở trạng thái vi tế. Vì khổ vi tế, nên mới được gọi là vui.

Hỏi: Trong đệ nhị thiên v.v... cũng có hành vui đời sau, sao chỉ nói vì vui hiện tại?

Đáp: Như vì vua A-xà-thế nói quả Sa-môn hiện tại.

Lại vì gần nên nói.

Lại vì muốn phá vui 5 dục, nên nói vui hiện tại. Nếu ai tham đắm vui 5 dục, nên không được các thiên định, vì thế nên nói. Nếu các người có thể lìa vui 5 dục, sẽ được vui hơn vui hiện tại.

Lại chư Phật không ca ngợi việc thụ thân sau, nên không nói vui đời sau.

Lại người đời nói người tại gia vui, không phải người xuất gia vui.

Lại 4 pháp tu định đều vì hiện vui, vì đầu tiên nhận được tên, nên độc nhất nói hiện vui.

Hỏi: Nếu 4 pháp tu định này, có thể thành các thứ lợi, sao chỉ nói 4 lợi?

Đáp: Lợi có 2 thứ là lợi ích thế gian, và lợi ích xuất thế gian. Tu định thứ 2 là lợi thế gian, như các lợi tri kiến, biết 8 trừ nhập, 10 nhất thiết nhập v.v... , thấy 5 thân thông v.v... Bởi vì sao? Vì lợi mắt có thể thấy, nên gọi là thấy. Việc này nhờ lấy ánh sáng mà thành, nên gọi tri kiến tức nói tướng ánh sáng. Hai là lợi ích xuất thế gian. Lấy tuệ phân biệt 5 âm, gọi là tuệ phân biệt. Nên trong kinh nói: Tuệ phân biệt là hành giả, hoặc sinh các thụ, các giác, các tướng, đều có thể phân biệt biết.

Phân biệt biết là cái biết chấp ngã. Làm sao khiến thành không?

Nghĩa là phân biệt tướng nam nữ v.v... là giả danh. Nếu phá được tướng này thì không có các giác. Như trong kinh nói: Các giác nhân đâu? Là tướng. Cho nên biết chỉ phá tướng thì không có giác. Vì các giác không, nên các thụ cũng không. Cho nên biết vì phá giả danh, nên gọi là tuệ phân biệt. Vì tuệ phân biệt nên được hết lậu. Như trong kinh nói: Hành giả quán tướng 5 âm sinh diệt, nên chứng được âm diệt. Cho nên mới biết tất cả lợi thế gian và xuất thế gian đều thâm nhiếp trong 4 pháp.

Hỏi: Có luận sư nói trong đệ tứ thiên, có thể chứng được quả A-la-hán vô ngại đạo, gọi là hết lậu. Việc đó thế nào?

Đáp: Trong đó không có nhân duyên gì sai khác mà chỉ trong đệ tứ thiên vô ngại đạo gọi là hết lậu mà không phải các pháp khác. Cho nên không đúng.

Lại tu định vì 3 lợi: một vì hiện vui, hai vì tri kiến, ba vì dứt kết. Hoặc nói vì hai, như nói vì rốt ráo hết, khéo thanh tịnh, sinh tử hết, phân biệt các thứ tính. Đó là người có mắt nói đạo. Trong đó, trước 3 nói dứt, sau 1 nói trí. Phật trong đó không nói hiện tại.

Phẩm 159: Bốn vô lượng định

Bốn vô lượng là từ bi hỷ xả.

Từ là thiện tâm, trái nhau với giận dữ. Như các thiện tri thức, vì người thiện tri thức thường cầu cho sự an ổn lợi lạc. Hành giả cũng vậy, vì tất cả chúng sinh thường cầu an lạc. Cho nên người này là thiện tri thức của tất cả chúng sinh.

Hỏi: Tướng của thiện tri thức ra sao?

Đáp: Thường vì cầu lợi ích an vui đời này và đời sau cho nhau, quyết không trái nhau cầu việc vô ích. Hành giả cũng vậy, chỉ vì chúng sinh cầu việc an lạc, không cầu việc không an lạc.

Bi là từ tâm, trái nhau với nã hại. Bởi vì sao? Cũng vì chúng sinh cầu an vui vậy.

Hỏi: Giận dữ và não hại có gì khác nhau?

Đáp: Sinh tâm niệm giận, muốn đánh đập hại chúng sinh này. Từ giận khởi nghiệp thân khẩu, gọi là não hại.

Lại giận làm nhân cho hại, vì người ôm lòng giận quyết làm hại cho kỳ được.

Hỷ là từ tâm, trái với ganh ghét. Ganh là thấy việc tốt người khác, tâm không chịu được tức sinh ghét giận. Hành giả thấy tất cả chúng sinh được những điều tăng ích, sinh lòng rất vui mừng, như tự mình được lợi.

Hỏi: Ba pháp này đều là từ cả sao?

Đáp: Tức là tâm từ có 3 thứ sai khác. Bởi vì sao? Vì không giận là từ. Có người tuy không hay giận, nhưng thấy chúng sinh khổ không có tâm bi. Nếu có thể đối với tất cả chúng sinh tu sâu tâm từ, như thấy con mình gặp khổ hại cấp bách, bấy giờ tâm từ chuyển gọi là tâm bi. Hoặc có người đối với việc khổ hại của người khác có thể sinh tâm bi, mà đối với việc tăng ích của người khác không hay sinh tâm hoan hỷ. Vì sao biết được? Vì có người thấy người oán tặc khổ, có thể còn sinh tâm bi, thế mà thấy con đắc thắng việc hơn mình vẫn không thể hoan hỷ. Hành giả thấy tất cả chúng sinh được sự tăng ích sinh tâm hoan hỷ như mình được không khác. Đó gọi là tâm hỷ. Cho nên biết sai khác của tâm từ là bi và hỷ.

Hỏi: Bỏ thứ gì gọi là xả?

Đáp: Tùy thấy oán, thân thì tâm từ không bình đẳng. Nghĩa là đối với người thân thì trọng đãi không gì bằng, đối với người oán thì khinh bạc. Bi, hỷ cũng như

vậy. Cho nên hành giả muốn tâm được bình đẳng thì đối người thân xả hết thân, đối với người oán bỏ hết oán, rồi sau tâm từ đối với tất cả chúng sinh mới bình đẳng. Bi, hỷ cũng vậy. Nên trong kinh nói: Vì muốn cắt đứt sự ghét, thương phải tu tập tâm xả.

Hỏi: Nếu như vậy thì không riêng có tâm xả? Chỉ lấy tâm bình đẳng gọi là xả?

Đáp: Tôi trước đã nói sai biệt của tâm từ là bi hỷ.

Lại tâm từ do pháp hạ, trung, thượng nên có 3 thứ. Có thể khiến 3 thứ này bình đẳng, nên gọi là xả. Như nói dùng tâm từ bậc thượng tu tập tam thiên.

Hỏi: Dùng phương tiện nào được tâm từ này?

Đáp: Sau sẽ nói tội lỗi của giận dữ. Biết tội lỗi này rồi, sẽ tu tâm từ. Như trong kinh nói: Người tu tâm từ, ngủ yên, thức yên, không thấy ác mộng, được trời hộ người mến, không trúng độc; không bị đao binh, không bị nước lửa làm hại. Như vậy tất cả nghiệp báo do giận dữ sinh, không bằng đó sao? Nghe lợi ích đó nên siêng tu tập.

Lại hành giả tự nghĩ: Ta khởi giận dữ, tự chịu quả báo, không phải ai chịu cho, vậy không nên giận mà nên tu tâm từ.

Lại hành giả suy nghĩ: Ta vì chút ác làm hại người, thì tự chịu nhiều ác gấp trăm lần không sánh kịp, nên phải lìa bỏ ác.

Lại trong kinh nói 5 thứ nhân duyên trừ giận, thường phải nhớ.

Lại giận dữ không phải là điều đáng có của người tu hành.

Lại phải nghĩ việc thiện lợi ích của người kia mà trừ bỏ việc ác, thì tự dứt giận dữ.

Lại phải quán nhân duyên trước sau của người kia. Như người này đời trước, hoặc từng làm mẹ ta, ôm thai sinh đẻ nuôi dưỡng ta, vì ta chịu khổ nhọc, hoặc từng làm cha, anh, em, vợ, con ta thì làm sao có thể giận?

Lại nghĩ: Đời sau, họ có thể sẽ làm cha mẹ anh em ta, hoặc sẽ làm La-hán, Duyên Giác, hay Chư Phật, thì làm sao dám giận?

Lại thấy người ác vì làm ác nên bị khổ cả 2 đời. Cho nên không giận.

Lại quán kỹ thể tính người kia là thiện hay ác. Nếu là ác họ làm ác với ta, cứ sao sinh giận? Như lửa đốt người, có ai giận lửa?

Lại thấy người kia bị phiền não bức bách, không được tự tại, giống như bị quý ám, thì sinh giận làm gì?

Lại tùy dùng nhân duyên nào đó mà tu tập nhẫn nhục, phải nghĩ nhớ pháp đó, thì dứt giận dữ, tâm từ thêm lớn.

Công đức nhẫn nhục là hành giả tâm nghĩ rằng: Nếu ta giận người, tức cũng thô bỉ như người không khác. Cho nên phải nhẫn. Như Phật nói kệ:

*Ví như tập voi,
Chịu đao, cung tên.
Ta cũng như vậy,
Nhẫn nhịn các ác.*

Lại kệ nói:

*Ác khẩu mạng nhiếc,
Nhục mạ giận dữ,
Tiểu nhân không kham:
Chim bị mưa đá.
Ác khẩu mạng nhiếc,
Nhục mạ giận dữ,
Đại nhân kham nói:
Voi tắm mưa hoa.*

Cho nên phải nhẫn.

Lại đem việc ác này chuyển làm công đức, làm cho các việc ác đó chuyển thành công đức.

Lại hành giả biết chúng sinh này ngu si không hiểu biết, như trẻ con, không nên giận. Nhờ các phương tiện này có thể tu tâm từ.

Hỏi: Làm thế nào tu bi?

Đáp: Hành giả thấy chúng sinh vui ít khổ nhiều nên sinh tâm bi. Ta nữ nào đối với chúng sinh khổ kia lại gây thêm khổ?

Lại thấy chúng sinh quá tham đắm vui, sinh ý nghĩ rằng: Ta nay làm sao dứt lòng tham của chúng, nên sinh tâm bi.

Lại thấy chúng sinh khổ, vì hiện khổ cho nên khổ, thấy chúng sinh vui, vì vô thường nên khổ. Cho nên tất cả chúng sinh đều có phần khổ, hoặc sớm hoặc muộn, không ai thoát được. Vì nhân duyên này, nên sinh tâm bi.

Hỏi: Làm sao tu hỷ?

Đáp: Hành giả thấy người ganh lợi với người khác là tướng xấu xa, cho nên tu hỷ, khởi nghĩ như vậy: Ta phải cho chúng sinh vui, nhưng nay chúng tự được, vậy là đã giúp ta. Cho nên sinh hỷ.

Lại thấy ganh ghét đó lường uổng vô ích, không tôn ai được, mà lại chỉ hại mình.

Lại như kinh nói ganh ghét là tội lỗi. Muốn lìa lỗi đó, nên sinh hoan hỷ.

Hỏi: Làm sao tu xả?

Đáp: Thấy lỗi tâm không bình đẳng, muốn cho tâm bình đẳng, cho nên tu xả.

Lại hành giả thấy lỗi của tâm tham giận nên tu hành xả.

Hỏi: Vô lượng tâm này ở trong cõi nào?

Đáp: Đều ở 3 cõi.

Hỏi: Có luận sư nói từ tam thiên trở lên không có hỷ căn. Việc đó thế nào?

Đáp: Tôi không nói tâm hỷ là hỷ căn tính chỉ vì tâm lợi tha, hỷ không làm vấn đục, nên gọi là hỷ. Bốn vô lượng tâm này đều là tuệ tính.

Hỏi: Trong cõi Vô sắc làm sao có 4 vô lượng tâm? Vì có sắc tướng mới phân biệt chúng sinh, trong cõi đó sắc tướng đã hoại, làm sao có được?

Đáp: Chúng sinh vô sắc cũng có thể phân biệt. Như trong kinh nói: Phải làm hữu sắc và vô sắc v.v...

Lại trong kinh nói: Tu từ rất xa, được báo Biến tịnh, tu bi rất xa, được báo Không xứ, tu hỷ rất xa được báo Thức xứ, tu xả rất xa được báo Vô sở hữu xứ. Cho nên biết trong Vô sắc cũng có vô lượng tâm.

Hỏi: Trong mỗi mỗi cõi có một vô lượng tâm. Phi tướng phi phi tướng xứ không có sao?

Đáp: Tất cả xứ có tất cả, chỉ tu từ ở bậc thượng nên sinh về Biến tịnh xứ. Vì các nghiệp sinh quả báo tương tự, nghĩa là chúng sinh cầu vui lại được báo vui. Bi cũng như vậy. Do có thân nên tụ tập các khổ. Vô sắc trong hư không, nên tâm ở Thức xứ trong cảnh duyên rất vui, nên bỏ hết. Vô sở hữu xứ thì hành giả vì bị tướng làm mỗi mệt, nên vào Vô sở hữu xứ. Phi tướng phi phi tướng cũng có vô lượng tâm. Nhưng vì vi tế không rõ nên không nói.

Lại tất cả xứ có tất cả, nhưng tùy nhiều mà nói, trong Biến tịnh, tâm từ cao tột nên như vậy v.v...

Lại trong các thiên định, 4 vô lượng tâm thụ quả báo vượt trội, vì duyên chúng sinh.

Hỏi: Có luận sư nói 4 vô lượng tâm này chỉ duyên chúng sinh cõi Dục. Việc này thế nào?

Đáp: Vì sao không duyên các chúng sinh khác ư? Là phải nói nhân duyên. Trong vô lượng kinh Phật nói tâm từ của hành giả bao trùm khắp chúng sinh 4 phương trên dưới. Chúng sinh trong cõi Sắc, Vô sắc cũng có vô thường bại hoại đọa các nẻo ác, tại sao lại không duyên.

Hỏi: Có luận sư nói chỉ sinh cõi Dục hành giả mới có thể hiện nhập vô lượng. Việc đó như thế nào?

Đáp: Tất cả sinh xứ đều có thể hiện vào.

Hỏi: Nếu sinh trong đó cũng có thể hiện vào thì phúc không thể hết, vì thường sống trong đó?

Đáp: Như trong đó cũng hiện nhập thiên v.v..., các thiện pháp khác, cũng vẫn có thoái lui. Từ v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Nếu có lẽ này, sao không mau thoái lui?

Đáp: Có nghiệp như vậy, tuy có nhân duyên thoái lui, mà không mau thoái lui, như các cõi trời trong cõi Dục v.v..., tuy có thiện nghiệp mà cũng sinh ác đạo. Việc này cũng vậy.

Hỏi: Người tu từ Tam-muội, vì sao đao binh, nước lửa không làm hại được?

Đáp: Đó là nhờ phúc thiện sâu dày, nên các ác không hại được, lại còn được chư thiên bảo hộ.

Hỏi: Kinh nói với từ cùng tu giác ý. Hữu lậu và vô lậu làm sao cùng tu?

Đáp: Từ này và giác ý thuận nhau như trong kinh nói: Nếu ai nhất tâm nghe pháp, thì có thể dứt 5 thứ ngăn che. Tu 7 pháp giác ý không cần nghe pháp, cũng tu giác ý được.

Lại trong kinh nói: Nay các Tì-kheo! Tu tập tâm từ, ta bảo đảm các ông được quả A-na-hàm. Tâm từ tuy không dứt kết, nhưng trước dùng tâm từ nhóm họp các lợi ích phúc đức trí tuệ, nên được Thánh đạo, vì Tuệ có thể dứt các kết, nên mới nói tu từ được A-na-hàm. Cùng với từ tu giác cũng như vậy.

Hỏi: A-la-hán dứt tướng chúng sinh, làm sao tu vô lượng tâm?

Đáp: A-la-hán tụy vào tâm từ, mà không thể nhóm họp thành nghiệp từ, là vì không thụ sinh.

Hỏi: Thế nào là đại bi của Chư Phật Thế Tôn?

Đáp: Chư Phật Thế Tôn có trí không thể nghĩ bàn như vậy: Tuy biết các pháp rốt ráo không mà có thể hành đại bi sâu sắc hơn phàm phu, chỉ không được quyết định tướng chúng sinh.

Hỏi: Bi với đại bi có gì sai khác?

Đáp: Gọi bi chỉ có lòng thương xót, có thể thành xong sự nghiệp, mới được gọi đại bi. Bởi vì sao? Vì Bồ-tát thấy chúng sinh khổ, muốn hết khổ này mới siêng có thể tu tinh tiến.

Lại trong vô lượng kiếp tu tập được thành, nên gọi đại bi.

Lại đem con mắt trí tuệ thấy khổ chúng sinh, quyết định phát tâm phải trừ diệt, nên gọi đại bi.

Lại làm nhiều việc lợi ích, nên gọi đại bi. Cũng không bị gì ngăn ngại, nên gọi đại bi. Bởi vì sao? Vì tâm bi nếu nghĩ ác về người khác thì sinh ngăn ngại, chứ đại bi đối với các ác dữ dội thông suốt không ngại.

Lại tâm bi có dày, mỏng không đồng, còn tất cả bình đẳng nên gọi đại bi.

Lại tự bỏ lợi mình, mà cầu lợi cho người, nên gọi đại bi. Tâm bi không được như vậy. Đó là các tên sai khác. Như vậy từ, v.v... ở Phật đều gọi là đại. Nhưng vì bi có thể cứu khổ, cho nên được nêu riêng.

Phẩm 160: Năm nhánh Thánh Tam-muội

Trong kinh nói 5 nhánh Thánh Tam-muội là hỷ, lạc, thanh tịnh tâm, minh tướng, và quán tướng.

Hỷ là sơ thiên nhị thiên tướng hỷ như nhau, nên gọi chung làm một nhánh. Đệ tam thiên vì lìa hỷ lạc nên riêng làm một nhánh. Trong đệ tứ thiên tâm thanh tịnh nên gọi nhánh thứ 3. Nương 3 nhánh này có thể sinh minh tướng, quán tướng. Minh tướng và quán tướng này làm nhân, có thể phá rách 5 ám. Quán 5 ám trống không, gọi là quán tướng. Có thể đến Nê-hoàn, nên gọi là Thánh.

Hỏi: Trong kinh nói 5 Thánh trí Tam-muội là thế nào?

Đáp: Phật tự nói: Hành giả khởi nghĩ như thế này: Ta với Tam-muội này là Thánh thanh tịnh, đó là sơ trí. Tam-muội này phi phạm phu mới đến gần được, là Tam-muội được người trí ngợi khen, đó là trí thứ hai. Tam-muội này phải tịch diệt diệu ly mới được, đó là trí thứ ba. Tam-muội này hiện tại vui, sau được quả báo vui, đó là trí thứ tư. Tam-muội này ta nhất tâm nhập, nhất tâm xuất, đó là trí thứ năm. Phật chỉ thị cho biết trong định cũng có trí tuệ. Không những chỉ buộc tâm, mà hành giả khi tu tập định, nếu sinh phiền não thì trong đó sinh trí trừ phiền não ấy. Muốn làm cho Tam-muội là Thánh thanh tịnh gọi là sơ trí. Thánh thanh tịnh là hạng phi phạm phu mới đến gần được, là điều người trí ngợi khen. Nói phi phạm phu nghĩa là các Thánh nhân vì đã được trí nên không gọi phạm phu. Trí này có thể phá giả danh, đó là trí thứ hai. Mông dần các phiền não, tham v.v..., phiền não diệt, nên

gọi tịch diệt. Vì tịch diệt nên diệu, lia các phiền não nên gọi là ly. Được pháp này đều là đạo lia dục, đó là trí thứ ba. Tùy chứng phiền não dứt, được an ổn tịch diệt, được cái vui lia nóng nảy, nên nói hiện vui, sau vui. Hiện vui, là vui lia phiền não. Sau vui là vui Nê-hoàn, đó là trí thứ tư. Hành giả thường hành tâm vô tướng, nên thường nhất tâm nhập Tam-muội xuất Tam-muội, đó là trí thứ năm. Cho nên nếu người nào chưa sinh 5 trí thì phải sinh, sinh rồi tức được quả Tam-muội.

Phẩm 161: Sáu Tam-muội

Hỏi: Trong kinh nói 6 Tam-muội là: Có một tướng tu làm một tướng. Có một tướng tu làm nhiều các tướng. Có một tướng tu làm một tướng và nhiều các tướng. Nhiều các tướng tu cũng như vậy.

Thế là thế nào?

Đáp: Một tướng đó phải là thiền định. Vì thiền định ở trong một cảnh, duyên nhất tâm hành. Cho nên nhiều các tướng phải là tri kiến, vì biết các pháp nhiều các tính, nên có phương tiện đối với các pháp trong 5 ấm v.v...

Hỏi: Một tướng tu làm một tướng là thế nào?

Đáp: Là như người nhờ định lại được sinh định. Còn một tướng tu làm nhiều các tướng là như người nhờ định được sinh tri kiến. Một tướng tu làm một tướng và nhiều các tướng là như người nhờ định được sinh thiền định và 5 ấm phương tiện. Nhiều các tướng tu cũng như vậy.

Hỏi: Có luận sư nói: Một tướng tu làm một tướng, phải là như người nhờ đệ tứ thiên chứng quả A-la-hán. Một tướng tu làm nhiều các tướng là như người nhờ đệ tứ thiên chứng 5 thần thông. Một tướng tu làm một tướng và nhiều các tướng là như nhờ đệ tứ thiên chứng quả A-la-hán và 5 thần thông. Nhiều các tướng tu làm nhiều các tướng là như người nhờ 5 nhánh Tam-muội chứng quả A-la-hán và 5 thần thông.

Còn 2 pháp kia cũng như vậy. Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Phải nói nhân duyên vì sao đệ tứ thiên và quả A-la-hán là một tướng, 5 nhánh Tam-muội và 5 thần thông là nhiều các tướng?

Lại 5 nhánh không nên làm chỗ nương, vì 5 nhánh Tam-muội là minh tướng quán tướng của 4 Thiên, thì làm sao nương đó được quả A-la-hán? Bởi vì sao? Vì cần phải nương một thiên mới được A-la-hán quả.

Lại cũng không nên nương minh tướng để được quả A-la-hán. Cho nên không đúng.

Hỏi: Có người nói có 6 thứ nhập định là: thuận nhập, nghịch nhập, nghịch thuận nhập, thuận siêu, nghịch siêu, và nghịch thuận siêu.

Việc đó thế nào?

Đáp: Có luận sư nói: Hành giả muốn được diệt tận định, nên thứ lớp nhập xuất các thiên. Cho nên không nên hoặc nghịch, hoặc thuận, hoặc nghịch thuận, và siêu việt v.v....

Năm thứ nhập xuất được lợi ích gì?

Hành giả muốn được diệt tận định, quyết phải nhập theo thứ lớp, cũng phải xuất theo thứ lớp.

Lại nếu được bậc thượng, vì sao lại nhập bậc hạ?

Vì bậc hạ gai góc, như người lớn không còn ưa cách chơi đùa của trẻ con.

Lại như người vì nghề nghiệp đã tinh xảo, thì không còn ưa sự vụng về nữa. Việc này cũng phải như vậy.

Lại nếu nói siêu việt thì việc này không đúng. Trong kinh chỉ nói thứ lớp vào các thiền định. Hành giả nếu có thể vượt đến thứ 3, sao không thể vượt đến 4, 5? Nếu nói vậy sức mạnh chỉ chừng đó, như người trèo lên thang lên một bậc không lên được bậc nữa, ví dụ này cũng không hẳn nhất định.

Lại người sức mạnh có thể bước lên bậc 4, lại cũng có thể vượt trên trăm bậc. Cho nên không đúng. Trong kinh tuy nói khi Phật nhập Nê-hoàn, nghịch thuận vượt lên vào các thiền định. Kinh này trái với chính nghĩa, không nên tin thụ. Tuy có câu đó, nhưng nghĩa không phải vậy. Bởi vì sao? Nếu nói hành giả đến diệt tận định, chỉ nên thuận nhập mà không cần 5 thứ. Hành giả nếu muốn đến thẳng diệt định, thì không cần. Nếu muốn tự thử tâm mình ở trong thiền định xem có thể tự tại không thoái lui, nên mới nghịch thuận nghịch, xuất nhập, siêu việt, như người cỡi ngựa, nếu tại trận đối địch thì không nên chạy quanh, còn như muốn tập luyện trong lúc nhàn rỗi thì nên. Nếu nói bậc dưới gai góc thì không nên vào đó, không vì bậc dưới thẳng hơn mà sau lại vào, mà vì là chỗ hành đạo của hành giả. Nếu nói như người không ưa trẻ nít đùa giỡn, mà

vì nhân duyên phải làm trẻ nít đùa giỡn, như người dạy võ đạo phải múa nhảy trọn ngày, đâu phải lòng mình ưa vui mà vì dạy dỗ luyện tập. Như vậy Thánh nhân nghịch thuận ra vào vượt lên các thiên, là vì muốn thị hiện cho trời, người và các thần, tiên biết sức tự tại trong các thiên định.

Lại khi Phật vào Nê-hoàn, vì muốn đem thâm diệu thiên định để huân tu ngọc Xá-lợi, nên tự tại vào ra nghịch thuận vượt lên.

Lại người thấy Phật khi vào Nê-hoàn vô dư, chán hết tất cả pháp hữu vi, cho nên Phật hiện pháp bảo quý đáng yêu mến này.

Ông nói kinh này trái với chính nghĩa, điều này không đúng.

Ông nói vì sao không thể vượt đến thứ 4, là vì trong Bồ-tát Tạng nói tướng vượt lên từ sơ thiên khởi vào diệt tận định, từ diệt tận định khởi cho đến vào trong tâm, vì tâm lực vĩ đại nên mới có thể như vậy.

Phẩm 162: Bảy Tam-muội

Luận giả nói có 7 chỗ nương: Nương sơ thiên được hết lậu, cho đến nương Vô sở hữu xứ được hết lậu. Nương là nhân nhờ 7 chỗ này được Thánh trí tuệ, như nhiếp tâm được sinh thật trí. Có người chỉ được thiên định cho đó là đủ. Cho nên Phật nói đó không phải đã đủ. Cần phải nương định này cầu thêm thắng pháp. Nghĩa là hết các lậu, cho nên nói là nương.

Hỏi: Làm sao nương thiền định này được hết các lậu?

Đáp: Phật nói hành giả tùy đem tướng nào, duyên nào vào sơ thiền là hành giả đó không còn nghĩ nhớ tướng đó, duyên đó nữa, mà chỉ quán trong sơ thiền, có các sắc, hoặc thụ, tưởng, hành, thức như bệnh, như ung nhọt, như tên bắn, đau nhức, vô thường, khổ, không, vô ngã. Khi quán như vậy, tâm sinh chán lìa, giải thoát các lậu. Cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Chỉ trừ 3 không xứ vì không có sắc có thể quán được. Hành giả thấy cõi Dục rối loạn, sơ thiền tịch diệt, rồi sau mới được. Cho nên Phật nói: Đừng nghĩ tướng vui tịch diệt ở sơ thiền, mà chỉ quán 5 ám và 8 thứ tội lỗi của sơ thiền mà thôi. Các chỗ nương khác cũng vậy.

Hỏi: Cõi Dục vì sao không nói nương?

Đáp: Trong Kinh Tu-thi-ma nói: Trừ 7 chỗ nương lại có Thánh đạo xứ. Cho nên biết cõi Dục cũng có nương.

Hỏi: Có người nói nương một bên sơ thiền chưa đến chỗ được quả A-la-hán. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải vậy. Nếu chưa đến nơi mà có chỗ nương, tức là có lỗi. Nếu chưa đến chỗ có thể được, vì sao vì không vào sơ thiền? Cho nên không phải.

Hỏi: Phi tướng phi phi tướng xứ, vì sao không nói nương ư?

Đáp: Trong đó không rõ định nhiều tuệ ít, nên không nói có nương. Bảy tướng định là 7 chỗ nương.

Hỏi: Vì sao Phật nói 7 chỗ nương là 7 tướng định?

Đáp: Ngoại đạo không có chân trí nên chỉ nương dựa nơi tướng. Tất cả chỗ nương dựa đều bị tướng làm nhiễm ô không giải thoát, nên gọi là tướng định. Thánh nhân có thể phá hoại tướng, chỉ nương định này thẳng lấy hết lậu, nên gọi là nương. Như nói hành giả quán các pháp này như tật bệnh, như ung nhọt. Phi tướng phi phi tướng xứ cũng vì tướng không rõ rệt, nên không nói tướng định.

Phẩm 163: Tám giải thoát

Luận giả nói: Trong kinh nói 8 giải thoát: Trước tiên tướng nội sắc, quán ngoại sắc. Hành giả nhờ giải thoát này xé rách các sắc. Làm sao biết được? Vì trong đệ nhị giải thoát nói: Nội không sắc tướng, quán sắc bên ngoài. Để phá sắc bên trong nên nói nội không sắc tướng. Cho nên biết hành giả trong sơ giải thoát, phá dần sắc thân, đến trong đệ nhị giải thoát, đã phá được sắc bên trong, chỉ còn sắc bên ngoài. Trong đệ tam giải thoát sắc bên ngoài cũng phá, nên không thấy sắc trong ngoài, đó gọi là sắc không. Như trong Kinh Ba-la-diên nói: Phá rách sắc tướng, dứt diệt các dục, trong ngoài không thấy, ta hỏi việc đó. Trong 4 giải thoát nói tâm thức trống không, như trong Kinh Lục Chủng nói: Nếu Tì-kheo đối với 5 thứ rất sinh chán lìa, chỉ còn có thức. Phải biết trong 4 giải thoát này phá rách các sắc, đến giải thoát thứ 8 mới diệt hết tất cả. Bởi vì sao? Nếu diệt sắc diệt tâm thì hữu vi đều diệt, đó gọi là quả A-la-hán. Dùng thứ lớp như vậy mới được diệt hết.

Đó gọi là 8 giải thoát. Có người nói giải thoát đầu tiên và thứ hai là bất tịnh, giải thoát thứ ba là tịnh. Việc này không đúng. Bởi vì sao? Vì là giải thoát không bởi quán bất tịnh mà được giải thoát, tịnh quán cũng không giải thoát, chỉ do không quán mới có thể giải thoát.

Lại ngoại đạo có thể được tịnh và bất tịnh quán, mà không gọi là được giải thoát.

Hỏi: Ngoại đạo cũng có thể phá rách sắc tướng, việc đó thế nào?

Đáp: Ngoại đạo lấy tín giải quán, phá hoại sắc tướng, mà không phải không quán. Bởi vì sao? Như dùng tín giải mà quán. Thấy thân đã chết đem bỏ trong gò mả cho trùng, thú ăn v.v....

Hỏi: Ngoại đạo lìa sắc được vô sắc định, lẽ ra phải có vô sắc giải thoát?

Đáp: Ngoại đạo tuy có Vô sắc định, mà vì tham đắm nên không gọi giải thoát. Thánh nhân nhờ Vô sắc định có thể quán 4 âm bệnh v.v... 8 việc, nên gọi giải thoát.

Hỏi: Ông nói diệt định là quả A-la-hán. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì học nhân cũng gọi là được 8 giải thoát. Ông nói diệt định gọi là lậu tận, vậy thì học nhân phải được lậu tận?

Đáp: Trong kinh nói diệt tướng chung mà không phân biệt nói là tâm diệt hay là phiền não diệt. Như trong kinh nói 2 thứ diệt: một diệt, hai thứ lớp diệt, 2 thứ Nê-hoàn: một hiện tại Nê-hoàn, hai cứu cánh Nê-hoàn, cũng nói 2 thứ yên ổn: một an ổn, hai đệ nhất an ổn. Người

được an ổn cũng 2 dạng: một được an ổn, hai được đệ nhất an ổn. Cho nên sở đắc của học nhân không phải là chân thật diệt.

Lại trong kinh nói: Nếu Tì-kheo có thể vào diệt định là xong tất cả việc. Nếu diệt định không phải quả A-la-hán thì không nên nói xong tất cả việc.

Hỏi: Học nhân thật không được 8 giải thoát sao?

Đáp: Trong kinh nói học nhân được 9 thứ lớp định, không nói được diệt tận. Hành giả nếu được diệt tận, mà không thể vào các thiền định, gọi là tuệ giải thoát, nếu có thể vào các thiền định mà không được diệt tận, gọi là thân chứng. Nếu cả 2 đều được, gọi là đều giải thoát. Bởi vì sao? Vì các lậu là một phần chướng, mà pháp thiền định là một phần đắc. Giải thoát 2 phần trên gọi là đều giải thoát.

Hỏi: Trong các thứ lớp diệt và trong các giải thoát diệt, có gì khác nhau?

Đáp: Tên đồng mà nghĩa khác. Trong thứ lớp diệt, gọi là tâm, tâm số diệt. Trong giải thoát diệt, gọi là các phiền não diệt. Như trong kinh nói các hành thứ lớp diệt. Nghĩa là vào sơ thiền diệt ngôn ngữ, vào nhị thiền diệt giác quán, vào tam thiền diệt hỷ, vào tứ thiền diệt lạc, vào không xứ diệt sắc tướng, vào thức xứ diệt không tướng, vào vô sở hữu xứ diệt thức tướng, vào phi tướng phi phi tướng xứ diệt vô sở hữu tướng, vào diệt tận định diệt các tướng thụ. Các diệt trong đây lại có thắng diệt, như hành giả đối với tâm tham sân si nhằm chán nên được giải thoát.

Hỏi: Làm sao biết trong thứ lớp tâm, tâm số diệt, trong giải thoát các phiền não diệt?

Đáp: Tên diệt tuy đồng mà nghĩa phải có khác. Trong thứ lớp nói diệt tương thụ. Trong giải thoát nói diệt vô minh xúc thụ. Bởi vì sao? Vì từ giả danh sinh thụ, phá giả danh thì diệt. Trong thứ lớp không phải như vậy. Trong các kinh có sai khác như vậy. Nếu nói thẳng hành giả được diệt tận thì xong tất cả mọi việc. Phải biết vì khi chứng Nê-hoàn các phiền não diệt, không nói tâm, tâm số diệt.

Hỏi: Nếu 8 giải thoát là pháp diệt phiền não thì tất cả A-la-hán v.v... đều phải được?

Đáp: Đều được, nhưng không thể vào. Nếu chứng được các thiền định, thì có thể vào.

Hỏi: Hành giả nếu không thiền định, làm sao có thể được thân tâm trống không, và hết các phiền não?

Đáp: Người này có định mà không thể chứng.

Lại có như điện Tam-muội, nhờ Tam-muội này được hết phiền não. Như trong kinh nói: Ta thấy Tì-kheo khi muốn lấy áo có phiền não, lấy áo rồi tức không phiền não. Như vậy là bởi vì sao? Vì tâm như điện, Tam-muội như kim cương. Chân trí có thể phá phiền não.

Lại nghĩa này trong đệ tam lực của Phật có nói: Như các thiền, giải thoát, Tam-muội, nhập, cấu, tịnh, sai biệt, như thật biết, trong đó thiền là 4 thiền. Có người nói 4 thiền, 4 vô sắc định đều gọi là thiền. Giải thoát là 8 giải thoát. Tam-muội là trong một niệm Tam-muội như điện. Nhập là được sức tự tại trong thiền giải thoát Tam-muội.

Như Xá-lợi-phất nói: Ta trong 7 giác, có thể xuất nhập tự tại. Cho nên biết tuệ giải thoát, với A-la-hán có các thiên định không thể nhập, thâm tu tập mới có thể tự tại nhập.

Hỏi: Vì sao A-la-hán có vị không tu tập sâu các thiên định?

Đáp: Người đó được đạo, việc làm đã xong, vui tu tâm xả, nên không hay tập nữa. Nếu không tâm xả, thì vào định không khó. Như trong kinh nói: Hành giả khéo tu 4 pháp như ý túc, có thể thổi tan núi Tuyết thành bụi đất, hưởng chi thứ vô minh chết ư? Cho nên biết trong 8 giải thoát nói diệt hết lậu, không phải nhập định diệt.

Lại trong kinh nói: Có minh tính, có không tính, có vô biên hư không tính, có vô biên thức tính, có vô sở hữu tính, có phi tướng phi phi tướng tính, có diệt tính. Bởi tối nên có tính sáng. Bởi chẳng không, nên có tính không. Bởi sắc nên có tính vô biên hư không. Bởi tính vô biên hư không, nên có tính vô biên thức. Bởi vô biên thức nên có tính vô sở hữu. Bởi vô sở hữu nên có tính phi tướng phi phi tướng. Bởi 5 âm nên có tính diệt. Nếu không thể phá tướng giả danh của 5 âm đó gọi là tối. Nếu có thể phá giả danh của 5 âm, thì gọi là tính sáng. Như Phật bảo một Tì-kheo: Ông đối với không, trong các hành phải quán các hành trong trống không, để tự điều phục tâm mình. Như người cầm đèn vào trong căn nhà trống không, tất cả chỗ thấy đều không. Hành giả lấy sắc chứng sắc này diệt, gọi là không tính. Ngoại đạo nhờ vô biên hư không xứ được lìa sắc, cho đến nhờ phi tướng phi phi tướng xứ mà lìa vô sở hữu xứ. Bởi các âm có diệt tính đó, hành giả có những

suy nghĩ, có các tác khởi đều diệt là vi diệu. Đó gọi là bởi các âm có diệt tính.

Hỏi: Các tính này nương định nào mà được?

Đáp: Trong kinh nói minh tính cho đến phi tướng phi phi tướng tính, đều do tự hành nhập định mà được. Nghĩa là hành duyên hữu vi đạo nên được. Bởi vì sao? Vì trí mới duyên sắc gọi là minh tính. Tính thứ hai cũng lấy sắc, lấy rồi phân biệt khiến không. Như vậy cho đến phi tướng phi phi tướng tính, diệt tính, vào diệt tính, tất cả pháp hữu vi đều không, cho nên mới được. Trong đây vì diệt tận các hữu vi cho nên biết trong đây nói diệt gọi là lậu tận Nê-hoàn.

Hỏi: Các giải thoát này ở trong bậc nào?

Đáp: Hành giả muốn phá hoại sắc, hoặc nương cõi Dục mà trụ định, hoặc nương cõi Sắc mà trụ định, thì có thể được sắc không. Tất cả trong các bậc có thể được tâm không.

Hỏi: Giải thoát này có mấy hữu lậu, mấy vô lậu?

Đáp: Là không tính cho nên tất cả là vô lậu.

Phẩm 164: Tám thắng xứ

Thắng xứ thứ nhất: Tương nội sắc thấy ngoại sắc ít hoặc tốt hoặc xấu. Đối với các sắc này thắng tri thắng kiến, nên gọi là thắng xứ.

Thứ hai tương nội sắc thấy ngoại sắc nhiều.

Thứ ba tường nội không có sắc, thấy ngoại sắc ít.

Thứ tư tường nội không có sắc, thấy ngoại sắc nhiều.

Thứ năm tường nội không có sắc, thấy ngoại sắc xanh, hình xanh, sáng xanh, như hoa Ưu-ma-già, như sắc chân thanh nhuộm áo Ba-la-nại.

Thứ sáu thấy vàng.

Thứ bảy thấy đỏ.

Thứ tám thấy trắng.

Hành giả thấy các sắc nhiều vô lượng như thế bởi vì sao? Vì không chỉ có 4 sắc xanh v.v... này, mà vì lược nói nên mới có 8 thắng xứ. Nếu hành giả có thể dùng không quán phá rách các sắc, bấy giờ gọi là thắng xứ.

Hỏi: Ai có thể được pháp này?

Đáp: Đệ tử của Phật chứ không phải ai khác.

Hỏi: Tám thắng xứ này ở trong bậc nào?

Đáp: Ở cõi Dục, và cõi Sắc.

Hỏi: Là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Trước là hữu lậu, mà dùng không quán phá sắc thành vô lậu.

Hỏi: Vì sao pháp này riêng gọi là thắng xứ?

Đáp: Đó là chỗ tham đắm nhất của hành giả. Cho nên Phật vì đệ tử nói tên thắng xứ, nghĩa là chỉ thị cho biết cần phải thắng cảnh duyên này.

Phẩm 165: Sơ thiên

Chín thứ lớp của định là 4 thiên, 4 vô sắc định và diệt tận định.

Sơ thiên là như trong kinh nói: Hành giả lìa các dục các pháp ác bất thiện, hữu giác, hữu quán, ly sinh hỷ lạc vào sơ thiên.

Hỏi: Chỉ nên nói tướng sơ thiên, sao lại nói lìa các dục ư?

Đáp: Có người chê bai nói thế gian không ai có thể lìa dục, vì người đời đều ở trong 5 dục, không ai mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi mùi, lưỡi không nếm vị và thân không chạm xúc. Cho nên nói lìa dục, là dục tâm chứ không phải là sắc v.v... Như nói sắc v.v... các vật không gọi là dục.

Làm sao biết được?

Có người tinh tiến, sắc v.v... vẫn tồn tại, mà có thể dứt dục.

Lại trong kinh nói: Sắc v.v... là phần không gọi là dục. Trong đó tâm tham mới gọi là dục. Nếu sinh tâm tham thì tìm cầu các dục. Vì nhân duyên tìm cầu dục, nên mới có tham giận, roi gậy, giết hại, các ác pháp tiếp theo. Như trong Kinh Đại Nhân nói: Nhân nơi ái sinh cầu v.v.... Cho nên biết lìa tham dục gọi là lìa dục.

Có người nói lìa sắc v.v... 5 thứ dục gọi là lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, gọi là lìa 5 thứ ngăn che. Sơ thiên gần với tâm tán loạn, nên gọi hữu giác.

Lại định lực của hành giả này chưa thành, tâm tán loạn phát khởi, nên gọi là hữu giác. Như trong kinh nói: Ta tu hạnh hữu giác hữu quán. Phải biết Phật nói tâm là giác. Giác này yếu dần nhiếp tâm chuyên thành sâu, thì gọi là quán. Tùy theo định lực thành tựu, không tán tâm nhiều, bấy giờ nói là quán. Quán này đi theo hành giả đến bậc thiền trung gian. Nếu lìa giác quán được hỷ gọi là ly sinh hỷ. Hỷ này mới được có thể lợi ích nơi thân, nên gọi là lạc. Lìa giác quán vui trụ trong một cảnh duyên, đó gọi là thiền. Thiền này bị giác quán làm loạn nên được quả báo thân có sai khác. Vì hạ, trung, thượng sai khác nên có trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm.

Hỏi: Nếu lìa giác quán hỷ, gọi là sơ thiền, thì không cần dùng 5 nhánh làm sơ thiền. Nếu lìa giác quán thì với đệ nhị thiền có gì khác nhau?

Lại trong kinh nói: Sơ thiền có giác có quán, khoái lạc khác, hỷ cũng khác. Nếu hỷ tức là lạc, thì trong 7 giác ý không nên riêng nói khoan khoái giác ý?

Đáp: Ông nói sơ thiền không có 5 nhánh. Điều này không đúng. Không nói 5 nhánh là tính của sơ thiền. Sơ thiền gần địa có giác quán này, nên gọi là nhánh.

Hỏi: Nếu gần địa có pháp số là nhánh, thì sơ thiền cũng gần 5 dục, thì phải nói là nhánh?

Đáp: Năm dục không gọi là gần, vì tâm hành giả này đã lìa.

Lại sơ thiền thứ lớp không khởi dục tâm.

Lại 5 dục không trụ làm nhánh sơ thiền. Nhánh gọi là nhân. Nhân tức là phần, như thánh đạo phần nhóm họp đủ v.v.... Giác quán cũng như vậy, là nhân của sơ thiền. Nếu định tâm của hành giả ở trong cảnh duyên bị thoái lui, thì trở lại lấy định tương. Nhiếp tâm nơi cảnh, nhớ nghĩ bản tướng, đó gọi là giác quán. Cho nên biết giác quán là nhân của sơ thiền. Trong đệ nhị thiền, định tâm đã thành, cho nên không do giác quán làm nhân, nhị thiền cũng thứ lớp mà không sinh giác quán.

Nếu ông nói sơ thiền cùng chung với giác quán, đó cũng không đúng. Vì từ sơ thiền khởi, kể đó sinh giác quán. Vì gần giác quán nên gọi là cùng chung, như cùng đi chung với đệ tử, tuy chút xa nhau, nhưng cũng gọi là chung được.

Lại trong bậc này có sinh nhân duyên, nên gọi có giác quán, như người bệnh qui ám, tuy khi không phát cũng gọi là bệnh. Người này bị qui ám nếu có cơ hội là phát ra, nên gọi là bệnh.

Lại lạc thụ tức là hỷ, chỉ nói sai khác cũng từ khoái mà riêng nói là lạc. Như trong kinh nói: Được thân khoái thì thụ lạc.

Hỏi: Nếu như vậy, sao sơ thiền nói 5 nhánh ư?

Đáp: Tùy lúc nói 5, như 7 giác ý được thời tiết, thì gọi là 14 giác ý. Trong đây nói có khoái thân, khoái tâm mà thật ra thân không khoái, chỉ có tâm vui nên thân cũng thụ vui. Hỷ cũng như vậy, ban đầu đến nơi thân gọi là hỷ. Mới đầu được tướng hỷ lạc, nên gọi là lạc. Về sau chỉ gọi hỷ, vì khác thời gian.

Lại không riêng có pháp khoái, chỉ khi hỷ sinh thân tâm không còn thô nặng, mà được nhu nhuyễn điều hòa, nên gọi là khoái. Như bệnh 4 đại diệt, bệnh 4 đại không sinh, người đó gọi là vui. Khoái cũng như vậy.

Lại trong pháp trừ diệt cũng gọi là khoái. Như trong kinh nói: Các hành thứ lớp diệt. Như nhập sơ thiền, ngôn ngữ diệt, cho đến nhập diệt tận định các tướng thụ diệt. Cho nên không riêng có pháp khoái. Nếu nói sơ thiền tương ưng với giác quán cũng không đúng. Bởi vì sao? Trong kinh nói: Hành giả nếu vào sơ thiền thì diệt ngôn ngữ. Giác quán là nhân của ngôn ngữ, làm sao có nhân ngôn ngữ mà ngôn ngữ diệt? Nếu bảo rằng giác quán vẫn còn, chỉ ngôn ngữ diệt, thì như người ở cõi Dạc khi tâm không muốn nói, cũng gọi là diệt.

Hỏi: Nếu trong sơ thiền không giác quán, phải gọi là Thánh mặc nhiên. Mà Phật chỉ nói nhị thiền là Thánh mặc nhiên, không nói sơ thiền. Cho nên biết sơ thiền, phải có giác quán?

Đáp: Vì gần giác quán nên không nói mặc nhiên, chứ không phải giác quán tương ưng nên không nói.

Lại trong kinh nói sơ thiền còn có âm thanh kích thích, nên không nói là mặc nhiên.

Hỏi: Trong sơ thiền vì sao có âm thanh kích thích?

Đáp: Sơ thiền an trụ định tâm yếu ớt như hoa trên mặt nước, đệ nhị thiền v.v... an trụ định tâm mạnh như sơn sơn vào gỗ.

Lại xúc v.v... cũng gọi những kích thích đối với sơ thiên, vì xúc có thể khiến khởi sơ thiên vậy. Nhị thiên v.v... không như vậy. Bởi vì sao? Vì trong sơ thiên các thức không diệt, nhị thiên v.v... 5 thức diệt hết.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 13)

Phẩm 166: Nhị thiên

Diệt các giác quán, nội tịnh nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, vào đệ nhị thiên.

Hỏi: Nếu đệ nhị thiên nói diệt giác quán, thì phải biết sơ thiên chắc có giác quán, như trong nhị thiên có hỷ, và tam thiên nói diệt hỷ?

Đáp: Như trong sơ thiên không có khổ căn, cũng nói khổ căn, đệ nhị thiên diệt cái này cũng như vậy.

Hỏi: Trong sơ thiên tuy không khổ căn mà có các thức. Các thức là chỗ nương của khổ căn. Cho nên nói sơ thiên khổ căn không diệt?

Đáp: Trong sơ thiên tuy có các thức, nhưng không phải chỗ nương của khổ căn.

Hỏi: Tính 5 thức là chỗ nương của khổ căn, vì tính đồng cho nên nói sơ thiên có khổ?

Đáp: Nếu như vậy, ưu căn từ tính ý thức sinh, nên phải nói tất cả chỗ đều có?

Hỏi: Nay vì sao nói trong nhị thiên khổ căn diệt?

Đáp: Sơ thiền gần tâm bất định. Người tâm bất định hay sinh là các thức trói buộc ở cõi Dục, trong đó sinh khổ căn, cho nên không nói sơ thiền khổ diệt.

Hỏi: Nếu vậy sơ thiền cũng gần ưu căn. Ưu căn này cũng phải nói như đệ nhị, đệ tam thiền diệt?

Đáp: Nương dục ưu căn, do nương dục hỷ sinh, được tịnh thì hỷ, bất tịnh thì hỷ diệt. Cho nên trong sơ thiền không có ưu căn. Nương bất định sinh khổ căn. Sơ thiền gần tán tâm, nên không gọi là diệt.

Lại như tam thiền không khổ, mà cũng nói dứt khổ lạc mới vào tứ thiền. Điều này cũng vậy.

Lại hành giả trong sơ thiền, định chưa đầy đủ, thường bị giác quán làm loạn, cho nên nói nhị thiền diệt các giác quán.

Nội tịnh là nhị thiền nhiếp tâm sâu, nên tán loạn không vào được. Vì trong không loạn tâm gọi là nội tịnh. Thể của nhị thiền nhất tâm này không giác không quán, tức nhất tâm là tâm hành nhất đạo, cũng gọi là thiền, tức là nội tịnh. Được định sâu này nên giác quán không sinh, không phải như sơ thiền tâm số ở giác quán, cho nên nói không giác không quán.

Định sinh hỷ lạc là sơ thiền vì lìa nên được hỷ. Trong đây định thành tựu nên được hỷ, cho nên gọi là định sinh.

Hỏi: Hỷ trong sơ thiền và hỷ trong nhị thiền có gì khác nhau?

Đáp: Sơ thiền do diệt ưu nên hỷ. Nhị thiền diệt khổ nên hỷ. Lại hỷ trong sơ thiền trái với hỷ bất tịnh mà được, hỷ trong nhị thiền trái với hỷ tịnh mà được. Tuy đều bởi ái nhân duyên nên được hỷ, mà hỷ sơ thiền yếu ớt.

Hỏi: Nghĩa như vậy là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Đều là hữu lậu, vì có ngã tâm là có hỷ.

Hỏi: Vô lậu không có hỷ, điều này không đúng. Trong 7 giác, Phật nói hỷ giác phần. Giác phần chỉ là vô lậu. Cho nên biết có hỷ vô lậu.

Lại trong kinh nói: Người có tâm hỷ, thân được khoan khoái. Thân khoái thì thụ lạc. Nếu không có hỷ vô lậu thì cũng không có khoái lạc vô lậu.

Lại Phật thấy chúng Tăng tu sâu pháp thiện thì sinh hoan hỷ. Cho nên biết có hỷ vô lậu?

Đáp: Ông lấy 7 giác chứng minh hỷ vô lậu. Điều này không đúng. Giác phần có 2 thứ: hữu lậu và vô lậu. Như trong kinh nói: Hành giả khi nghe pháp có thể dứt 5 thứ ngăn che. Tu 7 giác phần, giác gọi là trí vô học, nếu vì giác tu các pháp bất tịnh v.v... , đều gọi là giác phần thì ông nói cũng không nên có khoái vô lậu. Trước sinh hỷ, sau được vô lậu, nghĩa là như thật tri kiến.

Lại không phải tất cả khoái đều do hỷ sinh, như tam thiền trở lên không hỷ cũng không khoái.

Lại chúng tôi không nói là trí riêng có thụ pháp. Trí vô lậu này mới đến tại tâm, nói là vui, cho nên có vui vô lậu, chỉ không do hỷ sinh.

Lại trong kinh nói: Trừ bỏ thân tâm thô nặng gọi là khoái. Khi được vô lậu thân tâm điều hòa cho nên có khoái vô lậu. Lại Phật thường hành tâm xả, cho nên nói Phật có hỷ. Điều này cần nói rõ.

Lại nếu người không ngã và ngã sở thì không hỷ. Nếu A-la-hán có hỷ, thì cũng có ưu, mà thật không có ưu, nên biết không có hỷ.

Hỏi: Như sơ thiên nhị thiên có hỷ không ưu, La-hán cũng vậy, có hỷ không ưu, có lỗi gì không?

Đáp: Trong các thiên định có ưu, như trong căn nghĩa nói: Ưu hỷ cho đến cõi Hữu Đánh, khổ vui tùy thân cho đến tứ thiên.

Lại trong Thú tam thiên nói: Ly hỷ hành xả. Cho nên biết không có hỷ vô lậu. Nếu có, thì sao nói lia?

Lại tâm vô lậu không nên có hỷ. Vì hỷ đều dựa vào giả danh, tướng phân biệt.

Hỏi: Nếu vậy thì sơ thiên nhị thiên không có thụ vô

Trong kinh nói: Sơ thiên nhị thiên chỉ có hỷ, chưa có tâm lạc. Hỷ này cũng không do đâu mà có?

Đáp: Hỷ này và lia hỷ này không nói là thiên vô lậu. Mà lại có kinh nói là thiên vô lậu. Như là hành giả do tướng nào, duyên nào, vào sơ thiên, không nghĩ tướng đó, duyên đó, chỉ quán trong sơ thiên có bao nhiêu sắc, thụ, tướng, hành và thức, đều như bệnh hoạn như ung nhọt, cho đến vô ngã.

Hỏi: Như bệnh hoạn, như ung nhọt, như tên bắn đau nhức, 4 điều này là thế gian hành, không phải vô lậu. Cho

nên ông đem kinh đó để chứng minh, không thể thành lập được vô lậu?

Đáp: Bốn hành này đều là tên khác của khổ, nên gọi vô lậu.

Hỏi: Học nhân cũng không có hỷ vô lậu sao?

Đáp: Nếu tâm tại đạo, thì bây giờ không có hỷ, mà tại tục thì có. Bậc vô học thường không có.

Hỏi: Trong kinh nói nhờ tâm hỷ lạc có thể được 4 đế. Sao nói không có hỷ vô lậu?

Đáp: Tâm vô ngã tức là lạc. Hành giả được tâm vô ngã, phá hoại điên đảo, biết chân thật nên tâm được khoái lạc chứ không riêng có hỷ.

Lại kinh này nói rõ không dùng hỷ mà có thể được thật trí, nên mới nói như vậy.

Phẩm 167: Tam thiên

Lìa hỷ, tu xả, nhớ nghĩ, an tuệ, thụ thân lạc. Cái này Thánh nhân cũng nói, cũng xả nghĩ nhớ, tu lạc ^{nhệ} đệ tam thiên.

Hỏi: Vì sao lìa hỷ?

Đáp: Hành giả thấy hỷ có thể trôi nổi lên lìa.

Lại hỷ này do tướng phân biệt sinh. Tướng động chuyển của hỷ từ đầu đến giờ khổ thường đeo bám, cho nên lìa.

Lại hành giả được tịch diệt tam thiên nên xả nhị thiên.

Lại từ hỷ sinh lạc thì cạn, mà lia hỷ sinh lạc thì sâu, như người đối với vợ con v.v... không thể thường hỷ. Vì hỷ từ tướng phân biệt sin, còn lạc không từ tướng phân biệt sinh nên có thể thường có. Hành giả cũng vậy, hỷ mới đến thì lấy làm vui, sau thì chán lia.

Hỏi: Như người bị nóng bức, thì cho lạnh là vui. Hành giả vì khổ nào đó bức bách, nên lấy tam thiên làm vui?

Đáp: Trong nhị thiên, hỷ là tướng phát động, như gai góc, hành giả bị hỷ này bức bách, nên ở trong định không có hỷ sinh tâm vui.

Hỏi: Tùy có khổ nóng thì lấy lạnh làm vui, nếu được lia nóng thì lạnh không vui. Hành giả, nếu đã lia hỷ, vì sao trong tam thiên còn sinh tâm vui?

Đáp: Sinh vui có 2 thú: Hoặc bởi còn khổ, như có khổ nóng thì lấy lạnh làm vui, hoặc bởi lia khổ, như lia người oán ghét. Như Phật lia Tì-kheo Câu-xá-di nói: Ta an vui. Điều này cũng vậy, được lia động tướng nên trong tam thiên sinh vui, như lia 5 dục nên lấy sơ thiên làm vui.

Tu xả là vì lia hỷ nên tâm được tịch diệt. Hành giả trước kia sâu đắm tâm hỷ, nhiều tán loạn. Nay được lia nên tâm đó được tịch diệt, cho nên nói tu xả.

Nhớ nghĩ, an tuệ là đối với lỗi trong hỷ, 2 pháp này thường sẵn sàng không cho hỷ đến phá rối.

Lại nhớ nghĩ là nhớ nghĩ hỷ, an tuệ, thấy lỗi trong hỷ.

Thụ thân vui là lia hỷ, tu xả. Xả tức là vui, vì không vọng động tìm cầu. Cái vui này không do tướng phân biệt sinh, nên gọi là thân thụ vui.

Thánh nhân cũng nói cũng xả, nghĩa là nói là tùy theo người đời, nên nói gọi là vui. Như nói tâm phi tướng phi phi tướng xứ không tham đắm nên xả.

Nghĩ nhớ tu vui, là người này biết xả, nghĩa là thấy lỗi của hỷ mà sinh chán lìa, nên được cái xả vi diệu.

Lại nghĩ nhớ cũng vi diệu, nghĩa là có thể nhớ lỗi của hỷ. Trong đó cũng nên nói an tuệ với nghĩ đồng hành nên không nói riêng.

Lạc, là vui đệ nhất. Cho nên Thánh nhân cũng nói cũng xả.

Hỏi: Trong tam thiên có thụ vui, vì sao nói xả vui?

Đáp: Trong luận này tôi không nói lìa thụ riêng có xả vui. Thụ vui tức là xả vui.

Hỏi: Nếu vậy trong đệ tứ thiên nên nói thụ vui, vì có xả?

Đáp: Tôi nói tứ thiên cũng có thụ vui chỉ vì diệt vui đệ tam thiên nên nói như vậy.

Hỏi: Nếu đều là thụ vui, vì sao sơ thiên nhị thiên gọi hỷ, mà tam thiên gọi lạc?

Đáp: Vì tướng phân biệt nên gọi hỷ, không tướng phân biệt nên gọi lạc. Hành giả trong đệ tam thiên tâm chuyển nhiếp nên không có tướng phân biệt nên gọi là lạc.

Lại vì được tịch diệt tam thiên chuyển sâu nên gọi là lạc. Như nói tâm động tìm cầu Thánh nhân gọi đó là khổ. Động là phân biệt, nói đây là lạc.

Phẩm 168: Tứ thiên

Dứt trừ khổ, vui, trước diệt ưu, hỷ, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh vào đệ tứ thiên.

Hỏi: Nếu trước dứt khổ, vì sao ở trong đây mới nói? Nếu quyết muốn nói nên nói trước dứt, như trước diệt ưu hỷ?

Đáp: Tứ thiên gọi là bất động. Vì muốn thành tướng bất động này nên mới nói không 4 thứ thụ. Bởi vì sao? Vì động là phát động. Hành giả bị khổ vui xâm lấn thì tâm động. Tâm động thì sinh tham giận, nên phải dứt khổ vui, khiến tâm không động.

Hỏi: Nếu đệ tứ thiên thụ lợi ích rất lớn, Vì sao không gọi là vui?

Đáp: Thụ này tịch diệt, nên nói không khổ không vui. Tùy tâm niệm biết đây là vui thì gọi là vui. Được đệ tứ thiên là vui tam thiên, nên không cho là vui.

Xả niệm thanh tịnh là trong đây xả thanh tịnh, vì không cầu. Tam thiên có cầu, cho đó là vui.

Lại trong thiên này niệm cũng thanh tịnh. Bởi vì sao? Vì trong tam thiên đắm vui nên nghĩ nhớ tán loạn. Đến Tứ thiên vì dứt tham vui, nên nghĩ nhớ thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao tứ thiên không nói an tuệ?

Đáp: Nếu nghĩ nhớ thanh tịnh, phải biết là đã nói an tuệ rồi, vì 2 pháp này không lìa nhau.

Lại đây là đạo thiên định, không phải đạo trí tuệ. An tuệ là tuệ, nên không nói. Trong phần sau của đệ tam

thiền cũng không nói an tuệ, chỉ nói vui hành xả nghĩ nhớ, mà không nói vui hành xả niệm tuệ.

Lại nghĩ nhớ này có thể thành thiền định, nếu người khi định chưa thành cần phải lấy tướng nghĩ nhớ là có thể thành, vì vậy được nói riêng.

Lại được thượng công đức, xả hạ công đức, không cần suy nghĩ, nên không nói tuệ.

Hỏi: Thụ không khổ không vui là vô minh phần, trong Tứ thiền phần nhiều trái nhau với tuệ, nên không nói tuệ?

Đáp: Nếu vậy, thụ không khổ không vui lẽ ra không phải là vô lậu? Thụ vui là tham phần cho nên cũng không vô lậu.

Hỏi: Trong tam thiền vì lỗi trái với tự địa nên nói an tuệ, vì trái với lỗi tha địa nên nói nghĩ nhớ. Tứ thiền tự địa không lỗi như vậy, nên không nói an tuệ?

Đáp: Tứ thiền cũng có các lỗi tham v.v... nên phải nói an tuệ, trong đó lỗi tham vi tế khó biết, nên ắt cần phải nói. Trong các địa khác cũng nên nói mà không nói. Nên biết phải đáp như tôi.

Hỏi: Vì sao, tứ thiền diệt hơi thở ra vào?

Đáp: Hơi thở nương thân tâm. Làm sao biết được? Tùy khi tâm yếu, hơi thở cũng yếu. Tứ thiền tâm không động, nên hơi thở ra vào diệt.

Lại như người mỏi mệt, nếu gánh gánh nặng lên núi thì thở hơi mạnh, mà khi nghỉ thì hơi thở yếu. Tứ thiền cũng như vậy, vì không tướng động, tâm ngừng nghỉ, nên

hơi thở ra vào diệt. Có người nói hành giả được tứ thiên, nên bít các lỗ chân lông nơi thân tứ đại, cho nên hơi thở dứt. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì uống ăn mồ hôi chảy khắp cả mình thân, nếu các lỗ chân lông bít lẽ ra không chảy được? Mà thật không phải. Nên biết tâm lục tứ thiên có thể khiến hơi thở diệt.

Hỏi: Trong Tứ thiên không lạc thụ; trong đó làm sao có ái sử? Vì trong kinh nói trong lạc thụ có ái sử?

Đáp: Trong đó có tế lạc thụ, chỉ dứt thô lạc, nên mới nói không khổ không vui, như gió xao ngọn đèn, nếu đèn để trong nhà kín thì không gọi xao động, trong đó chắc có chút gió nhẹ, nhưng gió không mạnh nên không động. Tứ thiên cũng vậy. Chắc có chút vui, nhưng vì dứt khổ vui thô bạo nên gọi không khổ không vui.

Phẩm 169: Vô biên hư không xứ

Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tướng hữu đối, không nghĩ tất cả tướng gì khác, vào vô biên hư không xứ.

Sắc tướng: là tướng sắc, hương, vị và xúc. Vì sao hành giả phải vượt qua? Vì trong sắc đó có đối có ngại và các tướng khác như tiếng chuông trống v.v.... Các tướng này là nhiều thứ phiền não, nhiều thứ nghiệp và nhiều thứ khổ nhân. Vì những lẽ đó nên phải vượt qua. Nếu qua tất cả sắc tướng thì tướng hữu đối diệt. Tướng hữu đối diệt thì không có tướng khác. Trong đây lược bớt nên không nói qua đây nên đây diệt.

Lại có người nói: Tất cả sắc tướng tức là tướng chỗ y chỉ của nhãn thức. Tướng hữu đối là tướng chỗ y chỉ của các thức nhĩ-ti-thiệt và thân. Tướng khác là tướng chỗ y chỉ của ý thức. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu nói diệt tướng hữu đối thì đã thu nhiếp sắc rồi, cần gì nói riêng?

Lại lia sắc tướng, đối tướng thì sẽ không riêng có sắc làm chỗ nương cho ý thức. Cho nên không cần nói riêng diệt tướng, mà nên nói như trước.

Vào vô biên hư không xứ, là hành giả vì sắc tướng bức bách, mới mệt, nên quán hư không vô biên. Bên trong lấy tướng hư không của mắt, mũi, yết hầu v.v... Bên ngoài lấy tướng hư không của giếng, hầm, cửa, bông cây v.v....

Lại quán thân chết bỏ nơi gò mả, lửa cháy tan hết; hoặc chim thú giành ăn, giòi trùng từ trong đó lúc nhúc bỏ ra... Cho nên biết thân này trước đã có hư không.

Hỏi: Định hư không này lấy gì làm cảnh duyên?

Đáp: Trước tiên duyên hư không, thành rồi tự duyên các âm, cũng duyên các âm người khác. Bởi vì sao? Vì lấy bị làm đầu, khởi nghĩ như vậy: Chúng sinh đáng thương, vì bị sắc tướng làm bức bách khổ não.

Hỏi: Định này duyên chúng sinh nào?

Đáp: Duyên tất cả chúng sinh.

Hỏi: Hành giả đó đã lia sắc tướng, làm sao có thể duyên sắc chúng sinh cõi Dục được?

Đáp: Hành giả này vẫn duyên sắc. Có điều đối với trong sắc, tâm không thông suốt, không vui, không đắm.

Như trong kinh nói: Nếu Thánh nhân nghĩ nhớ ngũ dục sâu, trong đó không vui không thông không đắm, vì sợ lui chìm lại như cháy gân lông. Nếu nghĩ Nê-hoàn thì tâm thông suốt. Người này cũng vậy, có thể duyên sắc, nhưng không tham vui.

Lại như hành giả tùy lìa sắc tướng, do hư không có thể duyên tứ thiên, như vô sắc định có thể duyên vô lậu sắc. Trong đó không lỗi vì không phải chỗ phân biệt, nên ngoài ra cũng phải như vậy.

Hỏi: Hư không là sắc nhập tính, làm sao duyên đây có thể vượt qua sắc tướng?

Đáp: Định này duyên hư không vô vi, nên có thể vượt sắc.

Hỏi: Định này không duyên hư không vô vi. Bởi vì sao? Vì trong phương tiện định này nói duyên hư không trong mắt v.v.... Nên biết duyên hư không hữu vi.

Lại trong kinh không nói tướng hư không vô vi chỉ nói tướng hư không hữu vi, như vô sắc xứ là hư không. Cho nên không có hư không vô vi?

Đáp: Sắc tính không gọi hư không. Bởi vì sao? Trong kinh nói: Hư không không sắc không thể thấy, không thể đối.

Hỏi: Lại có kinh khác nói: Nhờ sáng biết hư không. Trừ sắc không có pháp nào nhờ sáng có thể biết?

Đáp: Vô sắc gọi là hư không; các sắc do sáng có thể biết. Cho nên cũng nhờ sáng thì biết không có sắc, không phải có hư không.

Lại trong tôi cũng biết hư không, người mù dùng tay cũng biết hư không.

Lại dùng gậy cũng biết đó là hư không. Cho nên biết hư không không phải sắc tính. Sắc không nhờ các nhân duyên này mà biết được.

Lại sắc là hữu đối, hư không là vô đối.

Lại dùng lửa v.v... có thể diệt hết sắc, mà không thể diệt hư không. Nếu hư không diệt lại gọi là pháp gì?

Hỏi: Nếu có sắc sinh thì hư không diệt, như khởi xây tường vách thì trong đó không còn hư không?

Đáp: Sắc sinh trong đó, sắc ấy hoàn toàn không bị diệt. Bởi vì sao? Sắc không gọi là hư không. Pháp không có, không thể lại không có nữa. Cho nên sắc không diệt hư không.

Lại ông nói hư không là sắc. Trong đó không có lý do có thể khiến là sắc.

Hỏi: Hiện thấy hư không trong cửa v.v..., trong việc hiện thấy không cần lý do?

Đáp: Hư không không hiện thấy được. Như trước đã phá rồi, như trong tôi cũng có thể biết v.v....

Hỏi: Nếu hư không không phải sắc, vậy là pháp gì?

Đáp: Hư không gọi là vô pháp. Những chỗ không có sắc gọi là hư không.

Hỏi: Trong kinh nói: Do 6 thứ nên chúng sinh thụ thân.

Lại nói hư không là vô sắc vô đối, không thể thấy. Nếu vô pháp, thì không được nói như vậy. Không ai nói sùng thờ gọi là vô sắc vô đối không thể thấy?

Đáp: Nếu thật có pháp thì đều có chỗ sở y, như danh y vào sắc, sắc lại y vào danh. Hư không không y vào đâu nên biết là vô pháp.

Cái ông là không đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì sắc ngăn ngại sắc, sắc này được, sắc khác mất, nên được tăng thêm. Vì nghĩa này nên Phật nói do 6 thứ chúng sinh thụ thân.

Ông nói hư không vô sắc, vô hình, vô đối. Cũng vì phá các vật, nên mới nói như vậy, chứ không nói có tướng hư không.

Ông nói không có ai nói sừng thỏ là vô sắc, vô đối, không thể thấy. Đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì đều do hư không được có những việc sở tác khứ lai v.v... Trong sừng thỏ v.v... không có nghĩa như vậy.

Hỏi: Tâm cũng như vậy. Vô sắc, vô hình, vô đối có thể nói không được chăng?

Đáp: Tâm có tác nghiệp, nghĩa là có thể lấy cảnh duyên, hư không không tác nghiệp, chỉ vì không, nên được có chỗ tác dụng. Cho nên biết vô pháp, vì vậy định này trước tiên duyên hư không.

Hỏi: Định này có thể duyên bậc nào?

Đáp: Định này duyên tất cả bậc, và duyên diệt đạo nữa.

Hỏi: Có người nói các vô sắc định tuy có thể duyên diệt, nhưng chỉ duyên tỷ trí phần diệt, không duyên hiện trí phần diệt. Việc đó thế nào?

Đáp: Duyên tất cả diệt, dùng hiện pháp trí duyên diệt tự địa hiện tại, dùng tỷ trí duyên các diệt khác. Đạo cũng như vậy, có thể duyên tất cả pháp.

Hỏi: Chúng sinh cõi Vô sắc có thể khởi tâm các địa không?

Đáp: Có thể khởi tâm các địa và tâm vô lậu.

Hỏi: Nếu vậy làm sao không chìm?

Đáp: Trụ trong nghiệp quả báo nên có thể không chìm, như sức thần thông trong 2 cõi Dục và Sắc. Trụ sắc khác tâm khác mà có thể không chìm. Trong đó cũng vậy.

Hỏi: Vô biên hư không định, cùng hư không xứ nhất thiết xứ có gì khác nhau?

Đáp: Muốn vào hư không định phương tiện đạo gọi là nhất thiết. Vào định thành rồi gọi là hư không định. Trong đây nhân quả của định là bậc và tất cả hữu lậu vô lậu, hoặc định hoặc phi định, hoặc cấu hoặc tịnh đều gọi là vô biên hư không xứ.

Phẩm 170: Ba Vô sắc định

Qua tất cả Vô biên hư không xứ, mới vào Vô biên thức xứ. Hành giả rất chán sắc, nên cũng bỏ luôn pháp đối trị sắc, như người đã qua sông bỏ luôn cả thuyền mà đi, như được ra khỏi giặc muốn bỏ đi cho xa. Hành giả cũng vậy, tuy nhờ không phá sắc, cũng muốn bỏ không mà đi xa.

Vô biên thức, là hành giả dùng thức có thể duyên hư không vô biên, thì thức cũng vô biên. Cho nên bỏ không duyên thức.

Lại như sắc vì mỗi một nên duyên hư không. Như vậy bị hư không làm mỗi một, muốn ngăn dứt nên mới duyên nơi thức.

Lại người này dùng thức có thể duyên hư không vì cho thức là trắng, nên chỉ duyên thức. Hành giả dùng thức tùy duyên tùy lúc, nên sinh mệt nhọc, vô cùng chán lìa, lại muốn phá thức, nên vào vô sở hữu xứ, nghĩ như vậy: Tùy có thức thì khổ, nếu ta có thức vô biên, ắt phải có vô biên khổ. Cho nên thu nhiếp tâm duyên thức. Vì tâm vi tế nên cho là vô sở hữu.

Lại nghĩ như vậy: Vô sở hữu tức là tướng. Mà tướng là khổ não, như tật bệnh, như ung nhọt. Nhưng nếu không tướng lại là ngu si nếu ta thấy vô sở hữu tức đó là hữu, nên đối với các tướng chưa được giải thoát. Hành giả thấy tướng là suy nhược, là bệnh hoạn mà vô tướng là ngu si, tịch diệt là vi diệu, đó là phi tướng phi phi tướng xứ. Phạm phu thường e sợ vô tướng, vì cho là ngu si, cho nên rốt cuộc không thể diệt tâm.

Có người nói chúng sinh vô tướng cũng có thể diệt tâm. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu những người trong cõi Sắc có thể diệt tâm, thì trong cõi Vô sắc sao lại không thể?

Hỏi: Cõi Sắc có sắc nên có thể diệt tâm. Trong cõi Vô sắc trước đã diệt sắc nay lại diệt tâm. Nếu thấy sắc tâm đều diệt thì kinh sợ bàng hoàng?

Đáp: Nếu người ở trong kia không thể diệt mà sinh về trong đây thì phải có thể diệt, như diệt tận định.

Hỏi: Quả của diệt tâm là vô tướng, cho nên nếu diệt cả sắc lẫn tâm thì mất hẳn?

Đáp: Diệt tận định cũng có quả hữu tâm. Điều này cũng như vậy.

Lại nếu quả không dứt cũng gọi trụ ở quả, như ở sắc biến hóa. Biến hóa trong tâm lại sinh quả, nên không gọi mất hẳn được. Cho nên trong cõi Sắc không nên nói diệt tâm. Nếu nói thì trong cõi Vô sắc cũng cần phải nói.

Lại trong vô tướng định, tâm không nên diệt. Bởi vì sao? Vì hành giả cần chán lìa tâm, nên có thể diệt tâm. Nếu người chán tâm, còn không sinh trong cõi Vô sắc hướng sinh cõi Sắc.

Lại người phạm phu trong tâm sinh ngã tướng sâu. Như trong kinh nói: Phạm phu từ lâu tham đắm tâm này, cho đó là ngã. Cho nên không thể có chút chán lìa.

Lại trong kinh nói: Ngoại đạo có thể nói dứt diệt 3 thứ thù mà không thể nói dứt ngã ngữ thù. Cho nên không thể diệt tâm.

Lại nếu biết đúng đắn pháp nhân duyên, có thể được tâm không. Như trong Kinh Viên Hầu Dự nói: Phạm phu hoặc có thể lìa thân, mà không thể lìa tâm. Thà quán thân thường, đừng quán tâm thường. Bởi vì sao? Vì mắt thấy thân này, hoặc sống còn 10 tuổi cho đến trăm tuổi, như nói hoặc tâm hoặc ý hoặc thức, niệm niệm sinh diệt biến khác, như vượn khi chuyền cây, bông một nhánh, liền vin một nhánh, không đứng một

chỗ. Nếu đệ tử Phật trong đó quán đúng đắn pháp nhân duyên thì có thể biết vô thường.

Lại người biết pháp nhân duyên, vì thụ sai khác nên có thể phân biệt thức. Các ngoại đạo vì không có trí phân biệt nhân duyên, nên không thể diệt tâm.

Lại người phạm phu lìa sắc mà không lìa tâm nên không được giải thoát. Nếu cả 2 đều có thể diệt thì sao không được giải thoát?

Lại người phạm phu e sợ diệt, nên đối với Nê-hoàn rốt cuộc không thể sinh tướng tịch diệt an ổn. Như trong kinh nói: Không có ngã và không có ngã sở là chỗ phạm phu rất khiếp sợ.

Lại trong vô tướng sinh tâm ngu si. Nếu đối với Nê-hoàn không sinh tâm tướng tịch diệt an ổn, làm sao có thể diệt tâm.

Lại pháp phạm phu cần nhờ bậc trên, mới có thể xả bậc dưới, cho nên không có nhân duyên có thể diệt tâm, chỉ nhờ sức định suy tướng tỉ mỉ tâm hiện tiền, không hiểu cho nên tự cho là vô tướng. Nếu khởi thô tướng tức thì thoái lui. Như người thiếu trí gọi là vô trí, như thức ăn ít mặn gọi là không mặn, như mê ngất xiu mất nhớ, như loại sâu nằm lâu năm trong lòng đất, như loại cá nằm trong băng giá. Trong đây nói phi tướng phi phi tướng xứ cũng vậy. Tuy thật có tướng, nhưng vì tùy theo thế tục, nên nói là vô tướng.

Phẩm 171: Diệt tận định

Qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, thân chứng tướng thụ diệt.

Hỏi: Vì sao trong các thiên không nói qua tất cả? Trong vô sắc định không nói diệt?

Đáp: Tôi nói trong các thiên định đều có các pháp giác quán hỷ lạc, cho nên không nói qua tất cả.

Hỏi: Vô biên hư không xứ có sắc tâm. Điều này đã rõ, nên trong Vô sắc cũng không nên nói qua tất cả?

Đáp: Như vào trong vô biên hư không định thoát được sắc tâm, mà không thoát được các pháp giác quán.

Lại có người nói: Nếu nói qua, diệt, chìm, đều là nghĩa một mà tên khác.

Lại trong vô sắc định tâm kiên cố. Trong các bậc dưới tâm bị tán loạn làm hoại, cho nên không nói qua tất cả.

Hỏi: Nếu đều nói có gai góc là sắc tướng v.v..., sao lại nói tâm kiên cố?

Đáp: Tuy đều nói gai góc, nhưng cũng gọi đệ tứ thiên là không động. Như vậy trong vô sắc định, định lực lớn nên được kiên cố.

Hỏi: Học nhân không nên được diệt tận định, vì chưa qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ?

Đáp: Học nhân có thể thấy tất cả hành diệt của Phi tướng phi phi tướng xứ, nhưng chưa có thể khiến nó không sinh, nên cũng được nói là qua.

Hỏi: Nếu ý trong đây lấy Nê-hoàn cho là diệt, thì trước ông nói trong 9 thứ lớp diệt là tâm và tâm số diệt, trái nhau sao?

Đáp: Diệt định có 2 thứ: một là diệt hết các phiền não, hai là diệt chưa hết. Người hết phiền não ở trong giải thoát. Người phiền não chưa hết ở trong thứ lớp.

Lại một là diệt phiền não nên gọi diệt định, hai là diệt tâm, tâm số, pháp cũng gọi diệt định. Diệt phiền não là giải thoát thứ 8, cũng gọi là quả A-la-hán. Quả A-la-hán là diệt tất cả tướng, không cho sinh lại nữa. Trong đây tuy diệt các tướng, nhưng còn thừa kết sử, nên không thể khiến không tái sinh.

Hỏi: Nếu hành giả dùng 9 thứ lớp định có thể diệt tâm thì Tu-đà-hoàn v.v... làm sao có thể chứng pháp tâm diệt?

Đáp: Trong 9 thứ lớp diệt gọi là đại diệt. Như người khéo tu các thiền định, nhờ sức mạnh đạo tâm nên có thể được diệt này. Nếu không sức đó, thì chỉ được có diệt, không thể được đại lực như vậy, cho nên nói thứ lớp định. Các chỗ khác cũng có tâm diệt, như trong đệ tứ thiền có thể diệt tâm, tâm số pháp, vào trong vô tướng, thì trong Sơ thiền v.v... vì sao không diệt?

Lại chỗ khác cũng phải có nghĩa diệt tâm, như trong kinh nói: Tu-đà-hoàn v.v... đều có thể chứng diệt. Chỉ tâm diệt gọi là diệt, không có pháp nào khác diệt. Cho nên biết lia 9 bậc này cũng có tâm diệt.

Hỏi: Nếu diệt tận định có thể diệt tất cả tâm, tâm số pháp, vì sao chỉ nói tướng thụ diệt?

Đáp: Tất cả tâm đều gọi là thụ. Thụ này có 2 thứ: một là tướng thụ, hai là tuệ thụ. Tướng thụ là hữu vi duyên tâm, vì tướng hiện hành trong pháp giả danh. Giả danh có 2 thứ: một là do hòa hợp giả danh, hai là pháp giả danh. Cho nên tất cả hữu vi duyên tâm đều gọi là tướng. Tuệ thụ là vô vi duyên tâm. Cho nên nếu nói tướng thụ diệt là nói tất cả diệt.

Hỏi: Trong tất cả tâm, tâm số pháp, thụ tướng là hơn cả cho nên nói riêng. Bởi vì sao? Vì phiền não có 2 phần: một là ái phần, hai là kiến phần. Thụ sinh ái phần, tướng sinh kiến phần.

Lại trong cõi Dục, cõi Sắc thụ thắng hơn, trong cõi Vô sắc tướng thắng hơn. Cho nên chỉ có 2 thứ.

Lại trong các thức xứ chỉ nói thụ tướng. Thức xứ từ tâm khởi nên gọi là hành.

Lại nếu nói thụ tướng diệt, thì nói tất cả tâm, tâm số diệt, vì các tâm số không rời nhau?

Đáp: Không phải vậy. Ông nói thắng hơn cho nên nói riêng thì cần phải nói tâm. Bởi vì sao? Vì trong kinh nhiều chỗ nói tâm là chủ mà cũng là chỗ nương của 2 phần phiền não. Và cũng vì tâm sai khác nên gọi là thụ tướng, cho nên phải nói tâm.

Lại nói tâm thì dễ, cho nên lời ông nói không đúng.

Hỏi: Định này vì sao nói thân chứng?

Đáp: Tám giải thoát đều phải nói thân chứng.

Lại diệt pháp này không phải dùng lời nói mà thấu rõ được, nên nói thân chứng, như người chạm vào nước

mới biết tướng lạnh, chứ không phải nghe nói mà có thể biết được. Việc này cũng vậy.

Lại đây là pháp vô tâm, cho nên phải dùng thân chúng?

Hỏi: Ông nói diệt định là pháp vô tâm. Nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì người vào định này là chúng sinh, thế gian không có chúng sinh vô tâm, cho nên không đúng.

Lại trong kinh nói: Mạng sống, hơi nóng, ý thức, 3 pháp này thường không rời nhau, cho nên không diệt tâm.

Lại tất cả chúng sinh đều nhờ 4 lối ăn mới được sống còn. Mà người vào diệt tận định thì không còn các lối ăn này nữa. Bởi vì sao? Vì người này không ăn lối đoàn thực, xúc thức v.v... cũng đều diệt hết, cho nên không ăn.

Lại tâm từ tâm sinh, nếu tâm này diệt, các tâm khác không sinh, vì không thứ lớp duyên thì hậu tâm làm sao sinh nữa được?

Lại tâm chỉ nhập Nê-hoàn vô-dư, khi dứt tương tục mới diệt, không phải ở các chỗ khác mà diệt được. Như trong kinh nói: Lấy sắc vượt qua các dục, lấy vô sắc vượt qua sắc, lấy diệt vượt qua các tác niệm tư duy. Tâm là tác niệm tư duy, cần phải lấy diệt mới có thể vượt qua. Được Nê-hoàn hữu dư thì tâm cấu bản diệt. Được Nê-hoàn vô dư thì tâm không cấu bản diệt. Đó chính là nghĩa Phật pháp.

Lại người vào diệt định không gọi là chết. Tâm diệt gọi là chết. Nếu tâm diệt sinh lại, người chết cũng phải sống lại, vậy thì rốt cuộc không có chết. Nếu tâm diệt

sinh lại, thì người vào Nê-hoàn cũng phải sinh lại, vậy thì rốt cuộc không có giải thoát. Mà thật không phải như vậy, cho nên tâm không diệt?

Đáp: Ông nói không có chúng sinh vô tâm. Tuy đồng là vô tâm, mà khác với người chết. Như trong kinh hỏi rằng: Người vào diệt tận định với người chết có khác gì không? Đáp rằng: Người chết thì sinh mạng, hơi nóng, ý thức 3 thứ đều diệt. Người vào diệt tận định chỉ tâm diệt, mạng sống và hơi nóng không rời khỏi thân. Cho nên biết phải có chúng sinh vô tâm.

Lại người này tâm thường còn, vì có sức nên cũng gọi có tâm, không như gỗ đá.

Ông nói 3 việc không rời nhau, đó là chúng sinh cõi Dục cõi Sắc, cho nên nói trong cõi Vô sắc có mạng có thức mà không nóng.

Lại người vào diệt tận định, có mạng có nóng mà không có thức, tức trong kinh này cũng nói thức rời thân. Cho nên, nếu nói 3 việc không rời nhau là tùy có chỗ mà nói.

Ông nói không ăn làm sao sống? Thân này trước dùng ý tư thực nên tồn tại. Hiện tại dùng lạnh v.v... các xúc nên có thể chi trì thân.

Ông nói tâm do tâm sinh, đó là tâm làm nhân cho tâm khác. Làm nhân rồi diệt, cho nên có thể sinh tâm khác.

Hỏi: Tâm diệt làm sao có thể sinh tâm khác? Như mắt đã diệt là không thể sinh thức?

Đáp: Như nghiệp diệt rồi, quả báo mới sinh được. Việc này cũng vậy.

Lại ý với ý thức 2 việc ngại nhau, mà nhãn cùng nhãn thức không phải như vậy. Cho nên không phải nhân.

Ông nói khi dứt tương tục thì tâm diệt. Điều này không đúng. Diệt có 2 thứ là sắc diệt và tâm diệt. Hoặc sắc diệt tâm không diệt, như trong Vô sắc. Hoặc tâm diệt chẳng phải sắc như vào diệt định. Hoặc sắc tâm đều diệt, như khi diệt tương tục.

Ông nói vào diệt tận định không gọi là người chết đó. Người này mạng và nóng không diệt, mà người chết 3 thứ đều diệt. Đó là chỗ khác nhau.

Lại người này nhờ mạng và nóng nên tâm có thể sinh lại, mà người chết thì không phải vậy.

Ông nói nếu diệt tâm lại sinh thì không ai giải thoát. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì người vào Nê-hoàn nghiệp trước chịu mạng, nóng, thức đã diệt không đợi sinh lại. người này mạng và nóng không diệt, trước mong tâm sinh, Như trong Phẩm diệt tận định nói: Người vào diệt tận định nhờ 6 nhập này và thân mạng nên được khởi lại, cho nên tâm có thể sinh lại. Người vào Nê-hoàn tâm không sinh lại, nên biết định này vô tâm.

Hỏi: Vì sao bố thí người khởi định này có thể được hiện báo?

Đáp: Người từ định này khởi tâm rất tịch diệt. Như trong kinh nói: Người khởi diệt tận định tâm thuận với Nê-hoàn.

Lại người này sức thiên định mạnh, nương định này nên trí tuệ cũng lớn. Trí tuệ lớn, nên có thể làm cho người

thí được quả báo vượt trội. Như người cúng dường trăm ngàn Thanh Văn không bằng một Phật, trong đó đều lấy trí tuệ làm vượt trội, không phải ở chỗ dứt các kết. Việc này cũng như vậy.

Lại người vào định này do huân tu nhiều pháp thiện nơi tâm, nên sinh đại quả. Như người làm ruộng giỏi chắc thu hoạch được nhiều.

Lại người thí có thể chán đời nhiều thì được báo lớn. Nói người chẳng phải tâm cầu bản, là người này không đem tâm cầu bản giả danh cho nên cúng dường được quả lớn.

Lại người này thường trụ đệ nhất nghĩa đế, những người khác ở trong thế đế.

Lại người này thường trụ trong pháp không tranh chấp. Bởi vì sao? Vì tâm duyên hữu vi thì có tranh tụng.

Lại như trong kinh nói: Cỏ dại làm hại lúa, tham lam đục vọng hại tâm. Cho nên thí người vô dục được quả báo lớn. Nhân duyên tham dục là tướng giả danh. Người khởi định này vì duyên Nê-hoàn nên lìa tướng giả danh.

Lại trong kinh nói: Nếu người thụ đàn-việt cúng rồi, vào vô lượng định, đàn-việt này nhờ nhân duyên đó được phúc vô lượng. Người khởi diệt định duyên tâm Nê-hoàn nên gọi là vô lượng, diệt định này cũng là vô lượng, nên được vô lượng phúc, nên có thể được hiện báo.

Lại nhờ 8 công đức trang nghiêm phúc điền này. Tâm duyên Nê-hoàn là chân chính kiến, các phúc phần khác tùy từng, cho nên có thể sinh hiện báo.

Hỏi: Có người nói diệt tận định là tâm bất tương ưng hành, cũng gọi thế gian pháp. Việc này thế nào?

Đáp: Như trên đã nói người khởi định này có rất nhiều các công đức tịch diệt v.v... là những công đức mà thế gian không thể có.

Hỏi: Diệt tận định gọi là pháp ngăn, vì nhờ pháp này khiến tâm không sinh. Cho nên phải gọi tâm bất tương ưng hành, như sắt vào lửa thì không còn tướng đen, mà rời lửa lại sinh. Việc này cũng như vậy?

Đáp: Nếu là vậy, Nê-hoàn cũng phải là tâm bất tương ưng hành. Bởi vì sao? Vì bởi Nê-hoàn nên các ám không sinh. Nếu Nê-hoàn không phải tâm bất tương ưng hành, thì định này cũng không được gọi là bất tương ưng hành. Nhưng các người hành giả thì pháp phải như vậy. Vào trong định này tùy theo sở nguyện nên tâm có thể không sinh. Cho nên không nên gọi là bất tương ưng hành.

Hỏi: Định này thứ lớp như vậy vào, rồi cũng thứ lớp như vậy ra sao?

Đáp: Cũng thứ lớp ra, rồi chậm rãi nhập vào thô tâm.

Hỏi: Trong kinh nói: Người mới khởi diệt tận định chạm vào 3 thứ xúc đó là vô động, vô tướng, vô sở hữu. Vì sao như vậy?

Đáp: Trong vô vi duyên tâm, có các xúc gọi là vô động, vô tướng, vô sở hữu. Vô động tức là trống không. Hữu vi duyên tâm, nhẹ nên có động, như lấy sắc, thụ v.v... Trong không, không có tướng. Trong vô tướng không có tham v.v... Người vô tâm này mới bắt đầu duyên Nê-

hoàn, sau duyên hữu vi, cho nên mới nói khi khởi chạm vào 3 thứ xúc.

Hỏi: Có người nói vào diệt tận định tâm là hữu lậu. khởi định tâm hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải hữu lậu. Hành giả muốn nhập định này phải phá hoại tất cả hữu vi từ trước. Phá xong mới vào được. Khi khởi tâm duyên Nê-hoàn hiện tiền. Cho nên biết đều là vô lậu.

Hỏi: Trong kinh nói: Hành giả nhập diệt tận định không tự nghĩ là mình nhập, khi khởi cũng không tự nghĩ.

Nếu vậy làm sao có thể nhập?

Đáp: Thường tu tập nên định lực kiên cường, tuy không tự nghĩ mà có thể nhập được.

Lại hành giả này từ khi dứt hữu vi đến nay đã từng vào diệt. Nếu không ngăn nổi tâm, để cho duyên hữu vi thì không gọi là nhập. Cho nên kinh nói: Người vào định này, trước phải tập điều hòa tâm. Cho nên có thể vào được.

Hỏi: Nếu không có cái không khác, có thể được tu vô vi duyên tâm, thì được ích gì?

Đáp: Vì tu tập đã lâu thì định kiên cố, thấy biết rõ ràng như tâm duyên hữu vi thấy niệm niệm diệt, cũng không khác niệm niệm diệt, chỉ tu tập lâu thì tâm kiên cố, Việc này cũng vậy.

Phẩm 172: Mười nhất thiết xứ

Không phá hồng duyên trước, tâm lực tự tại, gọi là nhất thiết xứ. Hành giả lấy một ít tướng rồi, nhờ sức tin hiểu khiến nó thêm rộng. Bởi vì sao? Sức nhiếp tâm này nếu vào trong thật, thì đều có thể khiến trống không, mà vào trong tín giải đều có thể khiến tùy theo trước đã lấy tướng.

Hỏi: Thế nào là tính tín giải?

Đáp: Xanh v.v... các màu sắc nhiều vô lượng. Lược nói căn bản có 4 thứ: là địa v.v... 4 đại. Bốn sắc căn bản có thể phá 8 việc này. Đó là hư không. Vì thức có thể biết vô biên không, nên cũng gọi là vô biên. Bởi vì sao? Vì không phải pháp hữu biên có thể lấy vô biên. Đó gọi là 10.

Hỏi: Trong địa thật có thủy v.v..., vì sao hành giả có thể quán chỉ là địa?

Đáp: Tập lâu quán này thường lấy địa tướng, về sau chỉ thấy địa mà không thấy vật gì khác.

Hỏi: Hành giả đã thấy địa tướng thật là địa không?

Đáp: Vì sức tín giải nên thấy là địa, kỳ thật không phải địa.

Hỏi: Nếu do sức biến hóa mà có, thì vật bị biến hoại không phải thật sao?

Đáp: Biến hóa là do sức định mà thành, nên thứ được làm ra đều thật, như ánh sáng, nước, lửa v.v....

Hỏi: Có luận sư nói vào nhất thiết xứ chỉ ở trong đệ tứ thiên. Việc đó thế nào?

Đáp: Nếu ở cõi Dục và trong tam thiên thì có lỗi gì? Hai nhất thiết xứ sau đều ở tự địa. Mười pháp này đều là hữu lậu, vì không phá hoại được cảnh duyên.

Hỏi: Tướng hư không không phá hoại sắc sao?

Đáp: Hành giả cũng nhờ tín giải lấy không tướng trong mắt mũi v.v... làm tướng trông không, chứ không thể trực tiếp phá được thật sắc. Cho nên cũng gọi là tín giải.

Hỏi: Trong kinh nói người vào định nhất thiết địa nghĩ địa tức là ngã, ngã tức là địa. Vì sao khởi nghĩ như vậy?

Đáp: Hành giả nhận thấy tâm đầy khắp nên mới sinh ý nghĩ tất cả là ngã này.

Hỏi: Có người nói định này chỉ duyên địa hệ thuộc cõi Dục. Việc đó thế nào?

Đáp: Nếu duyên tất cả địa hệ thuộc 2 cõi Dục, Sắc v.v... có lỗi gì? Giả sử định này lại duyên các pháp khác lại có lỗi gì?

Lại định này là tín giải quán duyên hư vọng, không có địa không hư v.v....

Hỏi: Đệ tử Phật cũng quán địa v.v.... Việc đó thế nào?

Đáp: Học nhân nếu quán đều vì để phá hoại.

Hỏi: Thật không phải tất cả đều là địa v.v.... Làm sao định này không phải điên đảo?

Đáp: Trong quán này có phân si, vì trong quán này khởi ngã kiến. Quán bất tịnh v.v... tuy không phải chân thật, nhưng tùy thuận ly dục. Quán này không như vậy, nên có phân si.

Hỏi: Vì sao không quán thụ v.v... vô biên, mà chỉ quán thức ư?

Đáp: Có thể lấy là địa v.v..., lấy là thức. Cho nên thấy thức, mà không thấy thụ.

Lại như trước đã nói thụ v.v... đều là sai biệt của tâm.

Lại hành giả không thấy thụ v.v... đầy khắp, vì không phải tất cả chỗ thụ khổ vui. Đệ tử Phật nếu tu định này là vì phá hoại cảnh duyên. Bởi vì sao? Vì cảnh duyên đó là chỗ tham đắm của hành giả. Nếu không phá hoại thì đồng với phàm phu.

Phẩm 173: Mười tướng vô thường tướng

Mười tướng là vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng, thực yếm tướng, nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng, bất tịnh tướng, tử tướng, đoạn tướng, ly tướng và diệt tướng.

Vô thường tướng là trong pháp vô thường biết chắc là vô thường.

Hỏi: Vì sao tất cả vô thường?

Đáp: Tất cả pháp đó đều từ nhân duyên sinh. Nhân duyên hoại nên đều quy về vô thường.

Hỏi: Không phải vậy. Có pháp tuy từ duyên sinh, mà không phải vô thường. Như kinh ngoại đạo nói ai lập 3 đền thờ được sinh về nơi thường còn?

Lại thân trời Phạm Thế là thường còn?

Đáp: Thì trong pháp của ông cũng nói Thích Đề Hoàn Nhân có thể làm trăm ngôi đền cũng bị thoái đạo đó sao?

Lại trong bài kệ nói: Có nhiều các Đế Thích v.v..., tạo lập hơn trăm ngàn ngôi đền, v.v... đều vô thường hết. Trăm ngàn đền thờ còn không tồn tại, cho nên biết 3 đền cũng chẳng thường còn!

Lại Thích Đề Hoàn Nhân và các Thiên Vương, thân phần cũng hết. Cho nên pháp do duyên sinh không gì có thể thường còn được.

Lại trong pháp của ông lấy sách Vi-đà làm quý. Trong Vi-đà nói do trí tuệ nên được phép bất tử. Như nói: Thấy sắc mặt trời đại nhân quá hơn nơi thế tính. Trước tùy thuận ý người này, có thể được đạo bất tử, mà không có đạo nào khác. Tiểu nhân có thân nhỏ, đại nhân có thân lớn thường ở trong thân. Nếu người nào không biết tướng thân đó thì dẫu có đọc tụng kinh Vi-đà v.v... cũng không ích gì. Vì trong pháp của ông nói Phạm Vương cũng thường thờ tự, trì giới, làm các công đức. Nếu biết thân thường, cần chi phải làm phúc?

Lại nghe trong kinh của ông nói các vị Phạm Vương có ác dâm dục. Nếu có dâm dục ắt có sân v.v... tất cả phiền não. Nếu có phiền não ắt có tội nghiệp. Như vậy người tội làm sao có thể được thường giải thoát.

Lại không phải tất cả thân tiên đều thờ trời, cũng không phải tất cả tu hành theo đạo Phạm Thiên. Nếu đó là thường thì tất cả phải đều thờ đều tu theo.

Lại tất cả vạn vật v.v... đều vô thường. Bởi vì sao? Vì nếu khi đại kiếp tận diệt thì đất nước gió lửa trở lại không còn nữa.

Lại thời gian vẫn chuyển như bánh xe, nên biết vô thường.

Lại thành tựu giới định tuệ v.v... vô lượng công đức, các vị Đại Thánh nhân, Phật Định Quang v.v... và Bích-chi-phật, Ma-ha-tam-ma-già v.v..., các vị vương kiếp sơ, v.v... đều vô thường thì đâu có vật gì là thường!

Lại Phật tự nói tất cả sinh pháp đều định tướng vô thường. Như trong Kinh Ngưu Phấn nói: Phật lấy một ít phân bò cho các Tì-kheo xem mà rằng không có sắc gì thường định không biến đổi. Trong kinh này nói rộng quá báo của các vua Thích, Phạm, Chuyển luân, cũng sẽ hết. Cho nên biết tất cả vô thường.

Lại tất cả tuổi thọ của 3 cõi đều có hạn lượng. Thọ mạng một kiếp trong địa ngục A-tì bằng thọ mạng nửa kiếp trong địa ngục Tăng-già-đà. Ngoài ra hoặc nhiều hoặc ít. Loài rồng v.v... tối đa cũng thọ một kiếp. Ngạ quỷ tối đa thọ 7 vạn năm. Phất-vu-đãi thọ 250 năm. Câu-da-ni thọ 500 năm. Uất-đan-việt định thọ ngàn năm. Diêm-phù-đề thọ hoặc vô lượng kiếp, hoặc thọ 10 tuổi. Trời Tứ Thiên Vương thọ 500 năm, cho đến cõi Hữu Đảnh thọ 8 vạn kiếp. Cho nên biết tất cả 3 cõi đều vô thường.

Lại lấy 3 thứ tín tin biết vô thường. Trong hiện thấy không có pháp thường còn. Trong lời Thánh nhân đã nói

cũng không có pháp thường còn. Và trong so sánh biết cũng không có thường vì cần phải trước hiện thấy sau mới so sánh biết.

Lại nếu có chỗ thường, có đâu người trí diệt tất cả pháp để cầu giải thoát? Ai không muốn cùng người mình yêu thường ở cùng nhau chung hưởng khoái lạc? Mà thật người trí đều cầu giải thoát. Cho nên biết sinh pháp không thường còn được.

Lại còn phải nói tất cả sinh pháp đều niệm niệm diệt, còn không tạm ngừng hưởng chi thường còn được.

Hỏi: Tu tướng vô thường có thể làm xong việc gì?

Đáp: Có thể phá phiền não. Như trong kinh nói: Khéo tu vô thường tướng, phá được tất cả Dục nhiễm, Sắc nhiễm và Vô sắc nhiễm, trạo, mạn, vô minh.

Hỏi: Không phải vậy. Tướng vô thường này lại càng tăng tham dục, như người biết tuổi trẻ không được bao lâu, nên rất tham đắm dâm dục. Biết hoa đẹp không tươi mãi, thì gấp dùng cho bằng thích. Biết sắc đẹp kia không phải của mình thường có, thì càng mau tăng dâm dục. Như vậy tùy theo biết vô thường, mà sinh tham đắm. Cho nên tướng vô thường không thể phá được tham dục.

Cũng có người vì biết vô thường nên mới làm việc sát hại v.v.... Và cho đến loài súc sinh đều biết vô thường, mà cũng không thể phá các phiền não. Cho nên tu tướng vô thường không lợi ích gì cả?

Đáp: Bởi vô thường nên mới sinh khổ ly biệt, khổ vì mất tuổi xuân xanh, sự an vui, tuổi thọ và sự giàu sang. Người trí do đó không sinh tâm vui mừng. Không tâm

vui mừng nên không sinh lòng tham. Bởi thụ nên ái. Thụ diệt thì ái cũng diệt theo. Cho nên biết tướng vô thường có thể dứt tham dục.

Lại nếu pháp vô thường tức là vô ngã thì hành giả có thể quán vô thường vô ngã thì không sinh ngã tâm. Không ngã tâm nên không ngã sở. Ngã và ngã sở không có, thì tham dục cái gì?

Lại người tu tập vô thường tướng, đối với thân mình thân người, thấy diệt chết trong từng mỗi niệm, làm sao sinh tham?

Lại hành giả sở cầu điều gì đều vô thường bại hoại, tức đã bị lừa gạt cho nên không sinh tham đắm.

Lại chúng sinh không ưa việc không bền chắc, như người không thích đồ vật hư cũ. Cũng như một cô gái biết chàng trai nào đó chỉ sống được không hơn 7 ngày nữa, thì dù là trẻ tuổi, đẹp trai, sang trọng, có thể lực, cũng chẳng ai màng đến. Người này chính nhờ tướng vô thường nên không sinh tham đắm.

Lại người trí thường tập tướng ly biệt, nên không ưa hòa hợp. Bởi vì sao? Vì người trí thường lo nghĩ cái khổ thoát lui v.v.... Cho đến dục lạc cõi trời cũng không sinh tham, chỉ cầu giải thoát.

Ông nói vô thường làm tăng thêm tham dục, điều này không đúng. Nếu người chưa dứt ngã mạn, thấy ngoại vật vô thường mới sinh buồn rầu, vì mất chỗ yêu mến tiếc thương nên sinh tham cầu. Người phàm phu này trừ bỏ dục lạc, lại không biết lìa khổ, giống như đứa con nít bị mẹ đánh, trở lại chui vào lòng mẹ. Người trí biết

còn nhân khổ, là còn khổ không thể dứt, nên lia bỏ nhân khổ, như 5 ấm.

Lại hành giả này xé rách nội ấm, được tâm vô ngã, dù mắt ngoại vật không sinh buồn rầu. Người đó được vô ngã lại cầu tìm gì nữa. Người tu tưởng vô thường cũng không có gì để cầu.

Lại tưởng vô thường này, nếu chưa có thể sinh tưởng khổ, vô ngã, thì không gọi là đầy đủ có thể phá diệt phiền não. Nên trong kinh nói: Phải nhất tâm chính quán 5 ấm vô thường. Nếu không phá hủy nội ấm, thấy ngoại vật vô thường, vì còn có ngã tâm nên sinh buồn rầu, đó không gọi là chính quán.

Lại người tuy thấy vô thường, mà không sinh chán lia như kẻ hàng thịt, thợ săn v.v..., tuy biết vô thường mà không gọi là người khéo tu tập.

Lại người tuy có thể chính quán mà không thể thường siêng tu tập thì lòng tham xen lẫn, nên phải nói nhất tâm.

Lại người ít tu vô thường, mà nhiều phiền não thì không thể phá diệt được, như thuốc ít mà bệnh nhiều. Điều này cũng như vậy, cho nên mới nói nhất tâm chính quán vô thường có thể phá phiền não.

Lại biết pháp vô thường, mới gọi là chân trí tuệ, trong chân trí tuệ không có tham v.v... các phiền não. Bởi vì sao? Vì nhân duyên vô minh nên có tham v.v... Phải biết vô thường không phải tăng thêm tham dục.

Lại tưởng vô thường có thể diệt tất cả phiền não. Hành giả, nếu biết vật đó vô thường thì không có tham.

Lại biết người này ắt rồi cũng sẽ chết, nổi giận làm gì. Có đâu người đại trí lại giận người sắp chết.

Lại nếu pháp vô thường, lẽ đâu lấy đó mà sinh tâm cao ngạo.

Lại biết các pháp là tính vô thường thì không sinh si. Vì không si nên cũng không nghi v.v.... Cho nên biết vô thường trái với các phiền não.

Phẩm 174: Tướng của khổ

Nếu pháp xâm hại đó gọi là khổ thì khổ này có 3 thứ là khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ. Hiện tại thật khổ như là dao gậy v.v..., gọi là khổ khổ. Nếu khi tình yêu thương chia lìa sinh khổ như vợ con v.v..., gọi là hoại khổ. Nếu được trí không vô ngã, biết pháp hữu vi đều có thể xâm hại, gọi là hành khổ. Tùy khổ tâm đó gọi là khổ tướng.

Hỏi: Nếu tu khổ tướng được những lợi gì?

Đáp: Khổ tướng này có quả chán lìa. Bởi vì sao? Vì người tu khổ tướng không nương tham hỷ. Vì không có hỷ này nên không có ái.

Lại hành giả nếu biết được pháp đó là khổ thì không thụ các hành. Nếu pháp tuy vô thường vô ngã mà không thể sinh khổ thì quyết không bỏ. Vì khổ nên bỏ, vì bỏ khổ nên với khổ được thoát.

Lại tất cả chúng sinh chổ rất sợ là khổ. Nếu thiếu, trắng, lão niên, hiền ngu, sang hèn biết tướng khổ này đều sinh chán lìa. Tất cả người tu hành đối với Nê-hoàn

có thể sinh tâm yên ổn tịch diệt, đều ở trong sinh tử sinh khổ tương. Làm sao biết được? Vì nếu chúng sinh bị khổ hệ thuộc cõi Dục làm sao não hại, thì đối với sơ thiên sinh tương tịch diệt. Như vậy lần lượt cho đến bị khổ cõi Hữu Đảnh não hại, thì đối với Nê-hoàn sinh tương tịch diệt.

Lại trong sinh tử có bao nhiêu tội lỗi đều là khổ. Như trong kinh nói: Lỗi trong các sắc đó là tương khổ của sắc vô thường bại hoại.

Lại bởi vô minh nên tham đắm khổ này. Vì sao biết được? Vì chúng sinh ở trong thật khổ mà sinh tương vui. Nếu sinh tương rất khổ thì sẽ chán lìa. Cho nên Phật nói: Ta giác ngộ được khổ nên mới nói chân lý của sự khổ. Trong đó Phật nhân thế đế mà chỉ dạy nghĩa như vậy. Tùy theo tất cả chỗ mà trời, người, thế gian sinh tương vui, thì đệ tử ta trong đó sinh tương khổ. Sinh tương khổ rồi mới có thể chán lìa.

Lại chỗ rất ngu si là trong khổ mà sinh tương vui. Vì tương này nên tất cả chúng sinh qua lại sinh tử, tâm thức não loạn. Nếu có thể tương khổ thì được giải thoát.

Lại vì 4 lối ăn nên khiến có thân sau. Dùng tương khổ này dứt được các cách ăn kia, như ăn thịt con, như ăn bò không da, như ăn đồng lửa, như ăn trăm mũi giáo nhọn. Trong 4 cách ăn như vậy đều là nghĩa khổ. Nhờ tương khổ này có thể dứt các cách ăn.

Lại người tu tương khổ, ý không ưa trụ trong 4 thức xứ, vì đều thấy là khổ. Như con bướm si mê lao vào ngọn lửa vì tưởng là sung sướng. Người trí biết lửa có thể thiêu đốt nên tránh xa. Phạm phu cũng như vậy, vì vô minh si

mê nên gieo mình thân sau vào lửa. Người trí do tướng khổ nên có thể được giải thoát.

Lại tất cả 3 cõi đều là khổ, là nhân duyên của khổ. Trong đó khổ thụ là khổ, có thể sinh khổ thụ là nhân duyên của khổ. Tuy không khổ ngay, nhưng lâu sau chắc chắn bị khổ, cho nên phải quán thế gian tất cả đều là khổ, sinh tâm chán lìa, không thụ các pháp, thì được giải thoát.

Phẩm 175: Tướng vô ngã

Hành giả thấy tất cả pháp đều là tướng phá hoại. Như chấp sắc là ngã, khi sắc đó bại hoại thì biết là tướng bại hoại, vậy thì lìa ngã tâm, thụ v.v... cũng như vậy. Như người bị nước từ trên núi cuốn trôi, chụp nắm được vật gì đều bị gãy vượt trốc đứt mất. Hành giả cũng như vậy, chấp vật làm ngã, thấy vật đó hoại thì biết ngay là vô ngã. Cho nên ở trong vô ngã, tu tướng vô ngã.

Hỏi: Tu tướng vô ngã được những lợi gì?

Đáp: Tu tướng vô ngã mới có thể đủ các tướng về khổ. Phàm phu vì tướng ngã nên ở trong thật khổ mà không thấy được cái khổ. Dùng tướng vô ngã nên ở trong một chút khổ cũng đã biết sự não hại của khổ.

Lại ở trong tướng vô ngã nên có thể tu tâm xả. Bởi vì sao? Vì tướng ngã nên lo sợ mất ngã vĩnh viễn. Nếu có thể thật biết thì chỉ mất khổ, không có ngã có thể mất thì có thể tu xả.

Lại do tướng vô ngã nên có thể được thường lạc. Bởi vì sao? Vì tất cả vô thường, trong đó, nếu sinh tâm ngã và ngã sở, thì bảo là ngã sẽ không có, và ngã sở cũng không có, là thường có khổ. Nếu khởi nghĩ như vậy: Không có ngã và ngã sở, thì khi các pháp bại hoại không sinh đau khổ.

Lại hành giả nhờ tướng vô ngã nên tâm được thanh tịnh. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều do ngã kiến sinh. Bởi cho rằng điều này có ích lợi cho ta, nên sinh tham dục, trái lại điều này có tổn hại cho ta, nên sinh giận dữ, vì cho đó là ngã, tức sinh kiêu mạn. Sau khi mạng ta chết sẽ làm hay không làm? Liên sinh nghi kiến. Những lỗi như vậy đều do ngã nên khởi các phiền não. Chứ dùng tướng vô ngã thì các phiền não kia dứt. Dứt phiền não nên tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, nên mới có thể bình đẳng với vàng đá, chiêm đàn dao búa, ngợi khen mắng nhiếc, tâm lìa ghét thương, yên ổn tịch diệt. Cho nên biết người tướng vô ngã, tâm được thanh tịnh.

Lại trừ tướng vô ngã, không còn con đường nào khác có thể được giải thoát. Bởi vì sao? Vì người nói có ngã, nếu khi biết không ngã và không ngã sở hữu, thì khi tâm có thể quyết định như vậy, liền được giải thoát.

Hỏi: Không phải vậy. Hoặc bởi tướng vô ngã lại sinh tâm tham, như tham nữ sắc, là vì không phải bà con với ta. Do đó tùy theo bởi không phải ngã, có thể nhóm tội phúc. Bởi vì sao? Vì tự mình làm tổn hại hay ích lợi cho bản thân, đâu có tội phúc?

Đáp: Người có ngã tâm có thể sinh tham dục. Với tự thân sinh tướng nam, với thân người kia sinh tướng nữ, rồi tham đắm.

Lại tham đắm khởi đều do giả danh. Tướng người kia tức là giả danh. Cho nên không phải vô ngã mà sinh tâm tham.

Lại người tâm vô ngã không nhóm các nghiệp. Như A-la-hán dứt ngã tướng nên không nhóm các nghiệp. Tướng vô ngã này có thể dứt tất cả phiền não và nghiệp, cho nên cần phải tu tập.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 14)

Phẩm 176: Tướng chán ăn

Tất cả khổ sinh đều bởi tham ăn. Cũng bởi ăn nên giúp phát sinh dâm dục. Ở trong cõi Dục có bao nhiêu thứ khổ đều bởi ăn uống dâm dục sinh ra. Dứt tham ăn nên phải tu tướng nhàm chán.

Lại như chúng sinh ở thời kỳ kiếp sơ, từ trên trời đến hóa sinh nơi đây, thân có ánh sáng, bay đi tự tại. Bắt đầu ăn vị đất. Người nào ăn nhiều, liền mất oai lực của ánh sáng. Như vậy dần dần có già đau chết. Đến ngày nay sống chỉ trăm tuổi, nhiều các khổ não. Bởi đều tham ăn nên mất các lợi trên. Cho nên phải quán đúng đắn việc ăn uống.

Lại tham đắm ăn uống nên sinh dâm dục. Do dâm dục sinh các phiền não. Do các phiền não gây các nghiệp bất thiện. Do nghiệp bất thiện có thể tăng thêm 3 nẻo ác, mà giảm bớt chúng trời, người. Cho nên tất cả tổn hại khổ não đều bởi tham ăn.

Lại tướng già đau chết đều bởi ăn uống.

Lại ăn là chỗ rất tham đắm. Dâm dục tuy nặng nhưng không hay não người, như người vì ăn. Hoặc thiếu

tráng, lão niên, tại gia hay xuất gia không ai không vì cái ăn mà bị nã hại.

Lại nên ăn cái ăn này mà tâm không đắm, đối với người chưa lìa dục đó là điều rất khó, như bị dao cắt, như uống thuốc độc, như nuôi rắn độc. Cho nên Phật nói: Phải tu tập, lấy đó mà ăn, đừng để cái khổ tham ăn làm nã hại. Có các ngoại đạo tu pháp nhịn ăn, cho nên Phật nói: Việc ăn này không phải nhịn mà lìa được, phải suy nghĩ mà ăn. Nếu chỉ nhịn ăn mà không hết phiền nã, thì chết uống vô ích. Cho nên Phật nói: Đối với việc ăn này nên sinh tướng chán lìa, thì không các lỗi như trên.

Hỏi: Làm sao đối với việc ăn nên sinh tướng chán lìa?

Đáp: Thể tính của ăn là bất tịnh. Cho dù ăn thức ăn thượng vị cũng đều là bất tịnh, cho nên phải sinh chán.

Lại như tất cả thức ăn uống thơm ngon tinh khiết, khi thành bất tịnh có thể lợi ích cho thân. Như dùng răng ngậm nhai ngấm nước miếng, trạng giống như đồ nôn mửa, nuốt xuống bao tử có thể lợi ích thân, cho nên biết bất tịnh.

Lại ăn uống này vì không biết nên ưa thích. Nếu người tuy ăn thức ăn ngon, nhưng nhở ra rồi không thể ăn lại được. Phải biết vì không biết nên cho là ngon đó thôi.

Lại vì nhân duyên ăn uống mà chịu bao nhiêu khổ nhọc làm lụng vất vả, chứa để giữ gìn. Do nhân duyên này gây vô lượng tội lỗi.

Lại có bao nhiêu đồ bất tịnh đều do ăn uống mà ra. Nếu không ăn uống thì đâu có da thịt máu xương và phân nhơ v.v... các vật bất tịnh?

Lại có bao nhiêu ác đạo như những loại trùng ở trong nhà xí, đều bởi tham đắm hương vị nên mới sinh vào trong đó. Như trong Phẩm nghiệp đã nói: Chúng sinh chết vì khát thì sinh làm loại trùng sống trong nước, chết nơi ồn ào sinh vào loại chim, chết vì tham đắm dục thì sinh trong bào thai v.v....

Lại nếu lìa ăn này thì được vui lớn như sinh về cõi Sắc và trong Nê-hoàn.

Lại tùy vì ăn nên mới có khổ cày cấy đó. Như vậy quán việc ăn uống là khổ bất tịnh, cho nên cần tu tướng nhàm chán.

Phẩm 177: Tướng tất cả thế gian không gì có thể vui

Hành giả thấy tất cả thế gian đều khổ nên tâm không chút vui.

Lại hành giả này tu định ly hỷ: như vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng, thực yếm tướng, tử tướng v.v..., nên tâm không vui tất cả những gì của thế gian.

Lại người này thấy những gì mình yêu thích thì tăng thêm tham dục, thấy những gì mình ghét thì tăng thêm giận dữ, cho nên đều không vui.

Lại thấy người giàu sang thì có cái khổ bảo vệ, thấy những người nghèo cùng có cái khổ thiếu thốn v.v....

Lại thấy người ở chỗ tốt sẽ đọa chỗ xấu, thấy người ở chỗ xấu đang chịu các khổ.

Lại thấy người giàu sang hiện tại biết chắc sẽ đọa lạc, vì đó cũng là chỗ mà các tham sân phiền não tụ hội. Còn những người nghèo cùng hiện biết không có cơ hội có thể ra được. Cho nên không tham vui tất cả thế gian.

Lại ít có chúng sinh được sinh chỗ tốt, phần nhiều đọa ác đạo, như trong kinh nói: Ít sinh chỗ tốt, nhiều sinh chỗ xấu, thấy lỗi đó rồi, chỉ cầu Nê-hoàn.

Lại người này thấy lỗi tham v.v... các phiền não thường đeo bám chúng sinh như người thù oán rình giết người, được cơ hội là hạ thủ ngay. Sống trong giặc thù đó làm sao vui được?

Lại thấy do phiền não sinh nghiệp bất thiện, nghiệp quả bất thiện thường đuổi theo, quyết không thoát được. Như trong kinh nói: Nếu người tạo ác nghiệp nay tạo, đã tạo và sẽ tạo, thì cho dù bay lên hư không, quyết không thể giải thoát. Cho nên không vui.

Lại nữa, sinh v.v... 8 khổ còn theo người có phúc hưởng là người vô phúc? Như vậy làm sao vui với thế gian.

Lại như hòm rắn độc, 5 tên giặc rút dao, giặc phá tan làng xóm. Các khổ ở bờ bên này thường theo chúng sinh làm sao vui được?

Lại như bị trôi trong sông nước mặn của ái dục. Khổ 5 dục như mũi nhọn tầm độc, vô minh đen tối, và

trong hầm lửa, thường bám theo chúng sinh, thì làm sao vui được!

Lại hành giả biết vui yên ổn ít, mà khổ não nhiều. Bởi vì sao? Vì thấy các thế gian ngày tốt, hội vui, cây rừng hoa quả sum sê tươi tốt, đất nước yên vui không được bao lâu, hoan lạc ít, mà chịu khổ thì nhiều. Cho nên không vui được với tất cả thế gian.

Hỏi: Với tướng này, tu tập được những lợi gì?

Đáp: Có thể đối với tất cả tướng thế gian tâm không tham đắm.

Lại nhờ tu tướng này nên mau được giải thoát, không còn ở lâu trong sinh tử nữa.

Lại hành giả này được lợi ích trí tuệ, vì thường học tập tất cả hành tướng tội lỗi.

Lại tâm người này không sinh phiền não, nếu sinh cũng mau diệt, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng. Hành giả do không vui thế gian, nên rất ưa thích tịch diệt. Nếu không chán thế gian thì không thể ưa vui tịch diệt. Cho nên phải tu tập tướng tất cả thế gian là không có gì đáng vui.

Phẩm 178: Tướng bất tịnh

Hỏi: Tu tướng bất tịnh như thế nào?

Đáp: Hành giả thấy hạt giống của thân là bất tịnh. Nghĩa là từ đường bất tịnh của cha mẹ sinh 2 giọt đỏ và trắng hòa hợp.

Lại thân này do vật bất tịnh mà thành. Đó là thức ăn vữa nát thành chất nhão lỏng.

Lại sinh ở chỗ bất tịnh là trong thai mẹ đầy nhầy bất tịnh.

Lại phân như v.v... các vật bất tịnh hợp lại mà làm thân, 9 lỗ nơi thân thường chảy bất tịnh.

Lại chỗ đặt mình là chỗ không tốt không sạch.

Lại ăn uống áo mặc đắp trên thân người đều thành bất tịnh, bị người nhòm gớm.

Lại vật dùng cho thân này đều là bất tịnh, như nước tắm gội, hoặc bồn tắm v.v....

Lại từ thân sinh ra móng, tóc, mồ hôi, mũi dãi v.v... đều là bất tịnh.

Lại thấy thầy chết thật là bất tịnh, thì thân ta đây khi chết đâu có khác gì? Phải biết xưa nay thường là bất tịnh. Khi sống chỉ vì ngã tâm che lấp, cho đó là tịnh, mà khi chạm thân người chết, cho đó là bất tịnh, mà tóc móng v.v... là các vật thường chết, nhiều loại trùng chết cũng thường ở trong thân. Cho nên biết thân này xưa nay bất tịnh.

Lại loài bất tịnh như rận rệp ruồi muỗi v.v... các loại trùng chết cũng thường chạm đến thân. Cho nên biết bất tịnh.

Lại thân này giống như nhà xí thường đầy bất tịnh, do đó nên trong nhà xí sinh hàng ngàn thứ trùng, thân này cũng như vậy.

Lại thân này như mồ mả. Bởi vì sao? Vì chỗ đặt thầy chết nên gọi là mả. Thân này cũng có nhiều trùng chết đang nằm trong đó.

Lại thân này hay tạo ra bất tịnh, như chỗ sạch, hoa tươi, quần áo, chuối anh lạc v.v..., do thân này nên đều bị bất tịnh.

Lại các người Bà-la-môn không ăn ở những nhà đang có người chết và người sinh đẻ, vì cho là bất tịnh. Mà ở trong thân này có hàng ngàn vạn thứ trùng thường sinh đẻ thường chết, thì không nên theo nó mà thụ ăn uống. Cho nên biết là bất tịnh.

Lại chỗ bất tịnh trên đời là lao ngục. Thân này là lao ngục nhất hàng ngàn loại trùng, nên gọi bất tịnh.

Lại thân này thường phải tắm gội, nếu nói là sạch cần gì tắm gội?

Lại dùng hoa đẹp hương thơm, chuối anh lạc trang sức cho thân này, phải biết thân này thể tính bất tịnh, nên mới nhờ tịnh vật bên ngoài để trang điểm.

Lại thân người rất là bất tịnh, như da, lông, móng, răng, gân, xương, thịt, nếu có cần dùng, thì thân người không một thứ nào có thể lấy, vì là bất tịnh.

Lại như hoa sen như Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma v.v... từ chỗ bất tịnh sinh, nên gọi bất tịnh, thân này không như vậy, không bởi các vật khác khiến nó bất tịnh, mà chính là tính nó bất tịnh.

Lại nếu thân này là sạch, thì cần gì dùng áo quần che đấp? Như người lấy áo che đậy đồng đại tiểu tiện để dối gạt người khác. Nữ nhân cũng như vậy, dùng đồ phục sức che đậy tắm thân để dối gạt nam tử, trái lại nam tử cũng làm như vậy. Phải biết là bất tịnh.

Lại khắp cả thân này thường chảy ra bất tịnh. Đó là 9 lỗ cửa ngõ của bất tịnh và các lỗ chân lông không một chút sạch. Nên biết bất tịnh.

Hỏi: Tu tướng bất tịnh được những lợi gì?

Đáp: Bởi tướng rằng nam nữ là sạch nên khởi tham dục, từ tham dục đó mở các cửa tội lỗi. Tu tướng bất tịnh thì có thể chế phục tham dục. Bởi vì sao? Vì thân này đều là hôi thối bất tịnh, chỉ lớp da mỏng che khuất nên không biết được, tựa như lấy áo che đống bất tịnh. Ai ưa sạch sẽ thì hãy tránh xa!

Lại người hành giả này, nhờ tướng xanh bầm v.v... mà phá hoại tất cả chấp thân. Vì phá chấp thân này nên không sinh tham dục.

Lại cũng chỉ hiện thấy các sắc xanh bầm.

Hỏi: Như thật chưa xanh, vì sao thấy xanh?

Đáp: Hành giả nhờ sức tín giải lấy tướng xanh này thấy tất cả sắc đều xanh bầm.

Hỏi: Quán như vậy chẳng phải là điên đảo sao?

Đáp: Trong thân này có phần xanh bầm. Như trong kinh nói trong nước có tính sạch.

Lại thường tu tập tướng xanh bầm nên có thể thắng các sắc khác, như ánh sáng viên ngọc xanh có thể làm át sắc trắng. Như vậy tập lâu tướng xanh bầm v.v... thì tướng bất tịnh đầy đủ. Bất tịnh đầy đủ thì không khởi dâm dục. Không khởi dâm dục thì đóng bít các cửa tội lỗi, tùy thuận Nê-hoàn. Tu tướng bất tịnh được lợi như vậy.

Phẩm 179: Tưởng về sự chết

Hành giả vì tưởng về sự chết thì đối với thọ mạng tâm không quyết định, cho nên phải tu tập.

Lại người này thường rất ưa thích pháp thiện, trừ dứt bất thiện. Bởi vì sao? Vì chúng sinh phần nhiều quên cái chết, nên mới khởi nghiệp bất thiện, nếu nghĩ nhớ cái chết thì có thể trừ dứt.

Lại thường nhớ đến cái chết, nên đối với cha mẹ, anh em, chị em, bà con, láng giềng, bè bạn v.v..., mong bớt sự tham ái.

Lại tu tập tưởng đến cái chết thì được tự lợi. Nghĩa là có thể nhất tâm tu tập các pháp thiện, chúng sinh thế gian nhiều vui lợi tha mà bỏ tự lợi.

Lại người này có thể mau được giải thoát. Bởi vì sao? Vì người thường theo qua lại trong thế gian nên có chết chóc, người này chán sự chết chóc nên cầu giải thoát.

Hỏi: Nên tu tưởng về sự chết như thế nào?

Đáp: Như trước đã nói chung tất cả vô thường. Nay chỉ nói quán thân vô thường. Dứt âm luôn nối nhau gọi là chết. Tưởng thân này vô thường hơn cả sự vật bên ngoài, giống như bình chén không có tướng bền chắc. Hành giả quán thân mong mạnh hơn các vật kia. Bởi vì sao? Vì bình chén kia, nếu gia tâm giữ gìn hoặc có thể còn lâu dài, còn thân này có lâu lắm cũng không hơn trăm năm. Vì không bền chắc cho nên phải nghĩ nhớ tưởng đến cái chết.

Lại thân này có nhiều pháp làm hại như là dao, gậy, mũi nhọn, giặc thù, hầm hố, ăn uống không tiêu hóa, các chứng bệnh lạnh, nóng, gió. Tóm tắt mà quan sát tất cả chúng sinh và vật phi chúng sinh, đều là pháp trái hại của thân. Cho nên phải tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả thấy thân, trong mỗi niệm thường là tướng hư hoại không bảo đảm được một niệm, cho nên tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả hiện thấy tuổi trẻ, tuổi già, có bệnh, không bệnh, không ai có thể đuổi cái chết đi được, mới tự nghĩ thân mình rồi cũng sẽ có ngày như vậy. Cho nên tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả thấy có nghiệp báo bất định, không phải tất cả nghiệp đều chịu hết trong khoảng tuổi thọ trăm năm. Vì nghiệp bất định nên cái chết cũng đến không nhất định Cho nên phải nghĩ nhớ sự chết.

Lại trong vô thủy sinh tử có vô lượng nghiệp. Có những nghiệp có thể làm hại các nghiệp khác. Ta cũng có thể có nghiệp chết phi thời, thì làm sao tin chắc được mạng sống này ư?

Lại hành giả thấy cái chết nó có thể lực lớn, không thể dùng lời mềm mỏng dụ dỗ, hay dối gạt bằng của cải, hoặc theo đuổi tranh tụng mà thoát được, như núi đá lớn từ 4 phía áp đến không chỗ chốn tránh.

Hỏi: Nếu ai có thể khiến vua Diêm Vương hoan hỷ thì được thoát chết?

Đáp: Nói vậy là ngu si. Diêm Vương không có quyền tự do sinh sát, mà chỉ có thể khảo xét việc làm thiện hay ác mà thôi. Nếu thụ báo hết, lại bị nhân duyên hại thân thì chết. Cho nên hành giả thấy thân không chỗ nương nhờ và cầu cứu, ở trong con đường chết, cho nên nghĩ nhớ tưởng về sự chết.

Lại hành giả thường thấy thân này bị già bệnh làm khổ não, tính không bền chắc. Vì không có tính bền chắc, và niệm niệm sinh diệt nối nhau, vì nghiệp thức trói buộc, cho nên tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả này thấy chết là định mệnh, thì bất định ắt thắng, vì bất định nên tu tưởng về sự chết.

Hỏi: Vì sao không nói tưởng về già bệnh v.v... mà chỉ nói tưởng về sự chết?

Đáp: Già bệnh cướp người không thể cướp hết được. Bệnh tật cướp mất sự khỏe mạnh. Già nua cướp tuổi thanh xuân, mà dòng họ láng giềng của cái và thân vẫn còn. Còn cái chết thì cướp đi hết.

Lại già bệnh v.v... là nhân duyên của chết, nên không cần nói riêng.

Lại trong kinh nói chết là một sự tối tăm to lớn, không có ánh sáng và không ai cứu giúp, cũng không bè bạn, không chỗ nương cậy, là chỗ rất đáng sợ. Cho nên phải nghĩ đến cái chết.

Lại chúng sinh vì nhân duyên chết nên khiếp sợ đời sau.

Lại trong 3 cõi tất cả đều có chết, mà già bệnh thì không như vậy.

Hỏi: Nếu không rời chúng sinh có tướng chết đó, chúng sinh tức là giả danh. Hành giả tu tập tướng này làm gì?

Đáp: Không hoại tướng chúng sinh là khiếp sợ đối với sự chết. Nếu tu tướng về sự chết thì không sinh kinh sợ, cho nên phải tu tập.

Lại tướng vô thường gọi là con đường gần. Còn tướng bất tịnh, tướng chán ăn và tướng về sự chết gọi là đường xa. Người chưa đắc đạo dùng các tướng này nên có thể chế phục được tâm.

Phẩm 180: Ba tướng sau

Tướng đoạn là như trong 4 chính cần có nói: Vì muốn đoạn dứt pháp ác bất thiện đã sinh nên siêng năng tinh tiến. Các pháp ác bất thiện này là nhân duyên khổ não của địa ngục v.v..., và cũng là gốc các điều khổ của các tiếng tăm xấu ác và tâm ăn năn v.v.... Cho nên phải đoạn dứt.

Hỏi: Phải dứt bằng cách nào?

Đáp: Được pháp không tạo tác, bây giờ là dứt.

Lại nghĩ nhớ tà là nhân tham dục v.v... các phiền não. Dứt sự nghĩ nhớ tà vậy đó là pháp dứt.

Hỏi: Tu tướng dứt này được những lợi ích gì?

Đáp: Người tu tướng này thường không theo pháp ác, mà làm những việc đáng làm.

Lại đây là lia 8 nạn, làm thân người lợi, gọi là dứt phiền não.

Lại ưa dứt phiền não là mặc pháp phục hủy bỏ hình hảo, lợi người xuất gia. Nếu ai không như vậy thì luống uổng tự hỏ thân.

Lại nếu hành giả ưa tu tướng dứt, thì dùng pháp cúng dường Phật.

Tướng lia dục, tướng diệt, là nếu dục hết không sinh gọi là lia dục. Nghĩ lia dục này gọi là tướng lia.

Hỏi: Nếu nói tướng dứt tức là tướng lia, sao còn nói lại?

Đáp: Do dứt được lia. Dứt là diệt trừ tham dục. Như trong kinh nói: Vì dứt tham dục nên 5 ám dứt.

Lại tướng dứt là tướng lia dục. Bởi vì sao? Vì nếu với pháp này không tham gọi là dứt pháp đó. Cho nên nếu được lia dục, thì khổ não diệt. Như trong kinh nói: Người lia dục được giải thoát. Được giải thoát tức là dứt. Nếu vào được vô dư, đó gọi là diệt.

Lại trong kinh nói có 3 tính là tính dứt, tính lia dục và tính diệt. Nếu nói tính dứt, tính lia dục tức là A-la-hán, dứt tất cả phiền não, lia dục 3 cõi, trụ Nê-hoàn hữu dư. Nếu nói tính diệt tức lâm chung xả thọ mạng dứt ám nói nhau vào Nê-hoàn vô dư.

Lại có 2 thứ giải thoát là tuệ giải thoát và tâm giải thoát. Nếu nói dứt tức là lia vô minh, nên tuệ được giải thoát. Nếu nói lia dục tức là lia tâm ái, được giải thoát. Quả của 2 giải thoát này gọi là diệt.

Lại nếu nói dứt tướng tức là nói dứt lậu vô minh. Nếu nói lia tướng dục tức là nói dứt dục lậu hữu lậu. Nếu nói tướng diệt tức là 2 quả này.

Lại như trong kinh nói: Dứt tất cả các hành nên gọi là dứt, lia tất cả các hành nên gọi là lia, diệt tất cả hành nên gọi là diệt. Vậy thì 3 pháp này nghĩa một mà tên khác nhau. Nếu tu tướng vô thường cho đến tướng diệt thì xong tất cả việc. Diệt các phiền não, dứt âm kết nối nhau, vào Nê-hoàn vô dư.

Phẩm 181: Năm định cụ đầu trong các định cụ

Hỏi: Ông trước nói đạo đế, gọi là định cụ và định. Đã nói định, nay cần phải nói định cụ. Bởi vì sao? Vì nếu có định cụ thì định mới thành, nếu không là không thành?

Đáp: Định cụ có tất cả 11 pháp: 1. Thanh tịnh trì giới. 2. Được thiện tri thức. 3. Giữ gìn căn môn. 4. Ăn uống có độ lượng. 5. Đầu đêm cuối đêm bớt ngủ nghỉ. 6. Đầy đủ thiện giác. 7. Đầy đủ tín giải. 8. Đủ phần hành giả. 9. Đủ chỗ giải thoát. 10. Không bị chướng ngại. 11. Không chấp trước.

1. Thanh tịnh trì giới: Lia nghiệp bất thiện gọi là trì giới. Nghiệp bất thiện như là sát, đạo, tà dâm, là 3 thân nghiệp. Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ là 4 khẩu nghiệp. Xa lia tội này gọi là trì giới.

Lại lễ kính đưa rước, và cúng dường v.v..., tu hành các pháp thiện cũng gọi là giới. Vì giới có thể làm nhân cho định cho nên phải thụ trì. Bởi vì sao? Vì như gia công vàng, trước trừ chỗ thô bản. Như vậy trước lấy trì giới trừ lỗi lớn là phá giới, sau mới lấy định v.v... trừ các lỗi nhỏ. Bởi vì sao? Vì nếu không trì giới thì không có thiền định. Nhờ nhân duyên trì giới thiền định dễ thành. Như trong kinh nói: Giới là gốc đạo và cũng là bậc thang tốt.

Lại nói: Giới là cái xe đầu tiên, nếu không lên xe đầu làm sao lên được xe thứ hai v.v....

Lại nói: Giới là đất bằng; đứng nơi đất bằng này quan sát được 4 đế.

Lại nói: Hai sức là sức nghĩ và sức tu. Sức nghĩ tức là trì giới, sức tu là đạo. Trước suy nghĩ so lường tội lỗi phá giới, lợi ích trì giới nên mới có thể trì giới. Sau khi đắc đạo tự nhiên là ác.

Lại nói: Giới là rễ cây Bồ-đề, mà không rễ là không cây. Nên phải có tịnh giới.

Lại pháp là phải như vậy. Nếu không trì giới thì không thiền định, giống như liệu pháp trị bệnh, phải dùng như vậy trị bệnh phiền não, nếu không trì giới thì chỉ liệu pháp thôi không đủ.

Lại nói người trì tịnh giới thì tâm không ăn năn, cho đến là dục tâm được giải thoát, các công đức này đều do trì giới, nên gọi định cụ.

Lại có nghiệp chướng, phiền não chướng. Quả 2 thứ chướng này gọi là báo chướng. Nếu trì tịnh giới thì

không có 3 chương này. Nếu tâm không có chương thì có thể thành định.

Lại người tịnh trì giới không bại hoại, ắt đến Nê-hoàn, như gỗ trôi trong dòng sông Hằng.

Lại tịnh trì giới nên có thể an lập. Trì giới có thể ngăn nghiệp bất thiện nơi thân miệng. Thiền định có thể ngăn nghiệp bất thiện nơi ý. Ngăn các phiền não như vậy, được trí thật chân trí thì rốt ráo dứt trừ.

Lại lâu dài của đạo phẩm lấy giới làm trụ cột. Thành trì của tâm thiền định lấy giới làm tường thành chung quanh. Qua biển sinh tử lấy giới làm cầu. Vào trong đám đông người thiện lấy giới làm dấu tin. Ruộng 8 Thánh đạo lấy giới làm bờ. Nếu ruộng không bờ không giữ nước. Cũng như vậy, nếu không tịnh giới nước định không giữ được.

Hỏi: Sao gọi là tịnh trì giới?

Đáp: Nếu hành giả thâm tâm không ưa làm ác, khiếp sợ đời sau và tiếng xấu, gọi là tịnh trì giới.

Lại hành giả đem tịnh tâm nên trì giới thanh tịnh. Như trong Kinh Thất Dâm Dục nói: Thân tuy không phạm, mà tâm không tịnh nên giới không tịnh.

Lại nhân duyên phá giới là các phiền não, nếu có thể chế phục là trì giới được tịnh.

Lại Thanh Văn trì giới chỉ vì Nê-hoàn; người cầu Phật đạo đem lòng đại bi vì tất cả chúng sinh không chấp giới tướng, có thể khiến giới đó, như tính Bồ-đề. Trì giới như vậy gọi là thanh tịnh.

2. Thiện tri thức: Trong kinh nói do 2 nhân duyên có thể sinh chính kiến là một theo người nghe pháp, hai tự nghĩ nhớ đúng dẫn pháp đã được nghe. Đó gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Nếu vậy, sao chỉ nói thiện tri thức?

Đáp: Trong kinh nói: A-nan hỏi Phật: Con ngồi yên một nơi, suy nghĩ như vậy: Gặp được thiện tri thức là được nửa phần nhân duyên đắc đạo? Phật bảo đừng nói như vậy. Thiện tri thức là nhân duyên đắc đạo đầy đủ. Bởi vì sao? Vì chúng sinh sinh lão bệnh tử được ta làm thiện tri thức, thì đều được giải thoát sinh lão bệnh tử.

Lại chúng sinh nhờ thiện tri thức, được tăng trưởng giới v.v... 5 pháp. Như cây Sa-la nhờ núi Tuyết-Sơn được 5 sự tăng trưởng.

Lại Phật hãy còn ưa thích thiện tri thức. Như khi mới đắc đạo nghĩ như vậy: Nếu người không có thầy thì không khiếp sợ, không có tâm cung kính, thường bị ác pháp che khuất, không có hạnh yên ổn. Ta phải lấy ai làm thầy, nương ai mà trụ? Khởi nghĩ như vậy rồi mới khắp xem tất cả không ai hơn mình được, liền sinh ý nghĩ rằng: Pháp ta đã chứng được, nhờ đó mà thành Phật, nay phải trở lại nương pháp đó. Các Phạm thiên cũng khen rằng: Vậy không ai bằng Phật. Tất cả Chư Phật đều lấy pháp làm thầy.

Lại thiện tri thức giống như đèn sáng; có mắt mà không đèn thì không thấy gì được. Như vậy hành giả tuy có lợi căn phúc đức nhân duyên mà không có thiện tri thức thì không được ích gì.

Hỏi: Người như thế nào là thiện tri thức?

Đáp: Tùy theo có thể làm cho người tăng trưởng pháp thiện gọi là thiện tri thức.

Lại tất cả những người thiện an trụ nơi chính pháp, đều là thiện tri thức của trời người thế gian.

3. Giữ gìn căn môn: Là nghĩ nhớ chân chính. Hành giả không nên nhắm mắt không thấy, chỉ nên nhất tâm chính niệm hiện tiền.

Lại gọi là chính tuệ, lấy chính tuệ này có thể phá cảnh duyên hiện tiền. Có thể phá cảnh duyên hiện tiền nên có thể không chấp lấy tướng. Không chấp lấy tướng nên không chạy theo giả danh. Nếu không giữ các căn, để chấp lấy tướng thì các phiền não sinh, lưu xuất ra 5 cửa tức thì phá giới các pháp thiện. Nếu có thể giữ gìn căn môn thì các giới được bền chắc.

4. Ăn uống có độ lượng: Không vì sức mạnh, dâm dục, tham vị mà ăn, ăn chỉ để nuôi thân.

Hỏi: Hành giả nuôi thân để làm gì?

Đáp: Để tu pháp thiện. Nếu bỏ pháp thiện thì không đạo pháp. Không đạo pháp thì làm sao lìa khổ được! Nếu người không vì tu hành mà ăn, là luống uổng nuôi kẻ giặc thù, và cũng phá hoại phúc của thí chủ, tổn hại người cúng dường. Như vậy không nên ăn thức ăn của người.

Hỏi: Lấy gì mà lường sự ăn uống?

Đáp: Tùy lượng đủ có thể giúp nuôi thân, đó gọi là lường.

Hỏi: Nên ăn những thứ gì?

Đáp: Nếu thức ăn không tăng thân bệnh như lạnh nóng v.v..., tâm bệnh tham giận v.v..., là nên ăn. Những thức ăn này cũng phải tùy thời, như biết thức ăn đó đối với lúc này có thể tăng thêm các bệnh lạnh nóng tham giận v.v... thì không nên ăn.

Hỏi: Các ngoại đạo nói: Nếu ăn thứ thanh tịnh thì có thể được phúc thanh tịnh, nghĩa là tùy ý thêm muốn sắc, hương, vị, xúc, nhưng nước phải lọc lượt chú nguyện rồi sau mới ăn dùng. Đó gọi là tịnh. Việc đó thế nào?

Đáp: Đồ ăn uống không có quyết định là tịnh. Bởi vì sao? Vì nếu cho rằng đồ ăn thừa là bất tịnh, thì tất cả đồ ăn uống không thứ nào không phải là thừa. Như sữa là vật thừa của bò con, mật là đồ thừa của ong, nước là thừa của trùng, hoa là thừa của ong, và trái cây là thừa của chim chóc. Cứ như vậy v.v....

Lại thân này từ bất tịnh sinh ra, thể tính bất tịnh, bất tịnh đầy nhẫy. Đồ ăn uống trước là bất tịnh, sau vào trong thân không một chút tịnh. Chỉ vì điên đảo mê lầm vọng tưởng đó là tịnh mà thôi.

Hỏi: Nếu đều là bất tịnh, thì cùng hạng người hèn hạ, Chiên-đà-la đâu có khác chi?

Đáp: Lại nhờ không sát hại sinh mạng, không trộm cắp, không nuôi sống bất chính v.v..., đúng như pháp mà có cái ăn. Dem trí tuệ quán tưởng các lỗi do ăn uống, gạn lọc bằng nước trí tuệ xong rồi sau mới ăn. Không phải chỉ có lọc nước mà cho là tịnh.

5. Đầu đêm cuối đêm bớt ngủ nghỉ: Hành giả biết sự nghiệp do tinh tiến siêng năng mà thành đạt nên không ngủ nghỉ.

Lại thấy ngủ nghỉ luống qua không được gì. Nếu ông cho ngủ nghỉ là vui, chút vui hèn đó không đáng nói.

Lại hành giả không ưa chung cùng với phiền não, như người không ưa ở chung với kẻ oán thù. Lẽ đâu có người đang ở trong trận giặc mà ngủ ngon? Cho nên không ngủ nghỉ.

Hỏi: Con buồn ngủ đến làm sao xua đuổi?

Đáp: Người này được mùi vị Phật pháp, tâm rất vui mừng, nên có thể xua đuổi được.

Lại nghĩ tội lỗi già bệnh chết trong sinh tử thì tâm khiếp sợ nên không ngủ nghỉ.

Lại hành giả nhận thấy được làm thân người, các căn đầy đủ, lại may được gặp Phật pháp, có thể phân biệt tốt xấu, phải quấy là việc rất khó, mà nay không cầu độ còn đợi khi nào mới được giải thoát? Cho nên phải siêng năng tinh tiến để diệt trừ ngủ nghỉ.

Phẩm 182: Bất thiện giác

6. Đầy đủ thiện giác: Nếu người tuy không ngủ nghỉ mà khởi các bất thiện giác, như dục giác, sân giác, não giác, hoặc thân lý giác, quốc độ giác, bất tử giác, lợi tha giác, khinh tha giác v.v.... thì thà nên ngủ nghỉ, để đừng khởi những thứ bất thiện giác này.

Cần phải nghĩ nhớ cần, chính, xuất, các thiện giác, như xuất giác, không sân não giác, 8 giác của bậc Đại nhân.

Dục giác là nương lòng tham dục mà sinh tri giác, trong 5 dục thấy có lợi lạc, gọi là dục giác.

Làm suy hại chúng sinh, gọi là sân giác, não giác. Hành giả không nên nhớ nghĩ 3 thứ giác này. Bởi vì sao? Vì nghĩ đến 3 giác này thì bị tội nặng.

Lại như trước đã nói tội lỗi tham v.v.... Bởi tội lỗi này không nên nghĩ nhớ.

Hỏi: Sao không nói si giác?

Đáp: Ba ác giác này sinh theo thứ lớp, còn các phiền não khác không phải như vậy. Hành giả nếu nghĩ đến 5 dục nên sinh tham giác, tham mà không được mới sinh giận dữ; thành giận dữ gọi là não. Cho nên không nói si.

Lại kết quả của si là tham giận. Nếu từ tham giận sinh nghiệp bất thiện. Ba giác này là nghiệp nhân bất thiện. Như trong kinh nói: Ví như cục đất, đêm thì khói ra, ngày thì lửa đốt. Khói tức là giác, lửa gọi là nghiệp.

Thân lý giác: Bởi bà con, xóm làng nên khởi nghĩ nhớ muốn làm cho bà con, xóm làng được yên ổn vui vẻ. Nếu nghĩ đến suy hại thì sinh buồn rầu. Nếu nghĩ muốn cùng cộng tác với bà con xóm làng làm việc nọ việc kia gọi là thân lý giác. Hành giả không nên nghĩ nhớ thứ giác này. Bởi vì sao? Vì bản nguyện khi xuất gia đã xả bỏ bà con xóm làng, mà nay lại khởi giác này là điều không nên.

Lại nếu người xuất gia lại nghĩ đến bà con xóm làng thì luống bỏ gia thuộc, uổng công không thành gì. Vì yêu bà con xóm làng nên sinh tham đắm. Vì tham đắm mới giữ gìn. Vì nhân duyên giữ gìn mà các nghiệp bạo lực thứ tự sinh khởi. Cho nên không nên sinh thân lý giác.

Lại cùng bà con xóm làng hòa hợp thì không thể tăng trưởng pháp thiện.

Lại hành giả nghĩ tất cả chúng sinh trôi lăn trong sinh tử, không một ai là không phải bà con xóm làng thì vì sao chấp đắm thiên lệch.

Lại trong sinh tử vì bà con xóm làng nên buồn thương khóc lóc nước mắt chảy thành biển cả, mà nay lại tham đắm nữa thì khổ không bao giờ hết.

Lại chúng sinh vì nhân duyên lợi ích nên thân ái nhau không có nhất định.

Lại người hay nghĩ bà con là tướng ngu si. Người ngu ở thế gian không có ai chưa lợi mình mà muốn lợi người. Nếu nghĩ bà con xóm làng thì ít tự lợi. Vì những lẽ trên đây nên hành giả không nên khởi thân lý giác.

Quốc độ giác: Hành giả sinh ý nghĩ có cõi nước nào đó giàu vui yên ổn nên đến đó có thể được an vui.

Lại tâm nông nổi muốn dạo xem khắp. Hành giả không nên khởi ý giác như vậy. Bởi vì sao? Vì tất cả cõi nước đều có lỗi xấu, có nước rất lạnh, có nước rất nóng, có nước nhiều nguy hiểm, có nước nhiều bệnh tật, có nước nhiều giặc trộm. Có nhiều lỗi khác nhau như vậy, nên không nên nghĩ tới.

Lại người nông nổi thì mất thiện định. Tùy theo chỗ ưa vui có thể được tăng thêm pháp thiện thì đó là tốt, chứ cần gì phải xem khắp các cõi nước? Tất cả các cõi nước chỉ nghe từ xa, đến đó chưa chắc vừa lòng, vì người đời phần nhiều nói quá sự thật.

Lại những người đi qua các nước chịu nhiều sự khổ.

Lại thân là nhân khổ, mà mang nhân khổ này theo thì đi đến đâu cũng đều chịu khổ.

Lại hưởng chịu khổ vui do nghiệp nhân thì dù đi xa đến đâu cũng không ích gì. Cho nên không nên khởi quốc độ giác.

Bất tử giác: Là hành giả khởi nghĩ như vậy: Ta nên từ từ sẽ tu đạo. Trước hết phải đọc tụng Tu-đa-la, Ti-mi, A-tì-đàm, tạp tạng, Bồ-tát tạng, rộng họp các sách ngoại điển, nuôi nhiều đệ tử, dắt dẫn người thiện, cúng dường 4 thập, khuyến hóa chúng sinh khiến tu đại bố thí, sau phải tu đạo gọi là bất giác tử.

Hành giả không nên khởi nghĩ như vậy. Bởi vì sao? Vì giờ khắc chết không định được, không thể dự biết trước được. Nếu trong khi đang kinh doanh các việc, không may mạng tận thì đâu kịp tu đạo được. Đến khi sắp chết lòng dạ ăn năn buồn rầu rằng ta luống dưỡng thân này uổng không được gì hết, đồng chết như loài súc sinh nào khác. Như trong kinh nói: Phạm phu nên dùng 20 pháp để chiết phục tự tâm nghĩa là như vậy: Ta chỉ có hình hài và y phục khác người thế tục mà không được một sở đắc gì hết. Cho đến sẽ như thế này cho đến chết thôi.

Lại người trí không làm những việc không nên làm.
Nhu trong Kinh Pháp Cú nói:

Không nên làm, không làm,
Nên làm thì thường làm.
Nghĩ nhớ tâm an tuệ,
Thì được hết các lậu.

Lại trong kinh nói:

Người chưa được 4 đế,
Phương tiện vì muốn được,
Phải siêng năng tinh tiến,
Hơn cứu lửa cháy đầu.

Cho nên không nên khởi bất tử giác.

Lại bất tử giác là tập khí ngu si, có đâu người trí biết mạng sống vô thường, như hạt sương trên cành, dễ gì có thể bảo tồn một khắc!

Lại trong kinh nói: Phật hỏi các Tì-kheo: Các ông tu tập tưởng chết như thế nào? Có vị thưa Phật rằng: Con không bảo đảm được 7 năm. Có vị thưa 6 năm. Cứ như vậy giảm bớt cho đến còn trong giây lát. Phật nói: Các ông đều là những người phóng dật mà tu tưởng về sự chết. Khi đó có một Tì-kheo trích vai áo bên hữu thưa Phật rằng: Con thì cho rằng hơi thở ra không chắc đã hít vào, hơi hít vào không chắc sẽ thở ra. Phật khen: Hay thay! Hay thay! Ông mới là chân thật tu tưởng về sự chết. Cho nên không nên khởi bất tử giác.

Lợi tha giác: Là đối với người không phải trong bà con xóm làng muốn làm cho họ được lợi ích. Nếu khởi ý nghĩ như vậy: Có thể tu bố thí làm cho ai đó giàu sang an vui, còn ai đó thì không.

Hành giả không nên khởi giác như vậy. Bởi vì sao? Vì không bởi ý nghĩ mà có thể làm cho ai được khổ vui. Chỉ có tự mình vì ý nghĩ đó làm hoại loạn định tâm mà thôi.

Hỏi: Muốn khiến người được lợi không phải tâm từ hay sao?

Đáp: Hành giả cầu đạo nên nghĩ đến lợi đệ nhất nghĩa là vô thường v.v.... Trong đó tuy có ít được phúc nhưng vì có thể hại đạo, lợi ít hại nhiều, vì loạn định tâm. Nếu đem tâm nghĩ lợi người khác thì không thể thấy tội lỗi tham đắm, cho nên không nên nghĩ.

Khinh tha giác: Là hành giả, hoặc nghĩ người này chủng tính, hình sắc, giàu sang, tài năng, tri giới, lợi căn, thiên định, trí tuệ v.v... đều không bằng ta.

Hành giả không nên khởi giác như vậy. Bởi vì sao? Vì tất cả muôn vật đều vô thường, nếu thượng trung hạ đâu có sai khác?

Lại tóc lông móng răng của người này đều gọi là bất tịnh như nhau không khác.

Lại già bệnh chết v.v... và suy não cũng vẫn đồng nhau.

Lại tất cả chúng sinh trong ngoài khổ não đều đồng nhau không khác.

Lại phàm phu mà giàu sang là nhân duyên gây tội lỗi.

Lại giàu sang không bao lâu rồi cũng nghèo cùng lại. Cho nên không khởi giác khinh dể người khác.

Lại kiêu mạn là một phần của vô minh, người trí làm sao khởi giác đó.

Phẩm 183: Thiện giác

Xuất giác: Là tâm ưa xa lìa, như lìa 5 dục và 2 cõi Sắc, Vô sắc. Ưa vui xa lìa này nên gọi xuất giác. Vì ưa vui xa lìa này là không các khổ mà tùy theo tham đắm mới có khổ, không tham đắm thì vui. Trong các giác, 2 thứ giác vui là vô sân giác và vô não giác. Bởi vì sao? Vì 2 giác này gọi là an ổn giác. Như trong Phẩm Như Lai nói: Như Lai thường có 2 thứ giác hiện tiền là an ổn giác và viễn ly giác. An ổn giác tức thứ giác không sân não. Viễn ly giác tức là xuất giác.

Lại nghĩ 3 giác này thì phúc tăng trưởng, cũng có thể thành định tâm, và tâm được thanh tịnh.

Lại nghĩ 3 giác này có thể ngăn các trói buộc, vì dứt các trói buộc nên mau chứng được dứt diệt.

Lại hành giả vì ưa xa lìa, nhóm họp được nhiều pháp thiện, nên mau được giải thoát.

Tám bậc đại nhân giác: Là trong Phật pháp, nếu người thiếu dục mới có thể được lợi ích, chứ không phải người đa dục, người tri túc, người xa lìa, người tinh tiến, người nghĩ nhớ chân chính, người định tâm, người trí tuệ,

người không hý luận có thể được lợi ích, và người phi hý luận gọi là tám.

Thiếu dục mà gọi là hạnh, là vì muốn tu đạo nên phải muốn vật cần dùng, nhưng không nên cầu nhiều vật thừa không dùng, gọi là thiếu dục.

Tri túc là có người hoặc vì nhân duyên, hoặc vì tri giới, hoặc muốn người khiến người khác tâm được thanh tịnh, cho nên lấy ít mà tâm không cho là đủ. Nếu có người lấy ít tâm cho là đủ, đó gọi là tri túc. Có người tuy lấy ít vật mà tìm thứ tốt, đó là thiếu dục mà không phải là tri túc. Nếu lấy vừa được ít vật, gọi là tri túc.

Hỏi: Nếu lấy vật cần dùng gọi là thiếu dục, thì tất cả chúng sinh đều được gọi thiếu dục vì đều lấy vật cần dùng thôi?

Đáp: Hành giả không đem lòng tham đắm mà lấy, chỉ vì dùng mới lấy nên không lấy nhiều, không như người đời vì trang điểm, tiếng khen, thường lấy mà lấy nhiều.

Hỏi: Hành giả vì sao phải thiếu dục và tri túc?

Đáp: Trong việc giữ gìn thấy có tội lỗi.

Lại chứa đê mà không dùng là tướng ngu si.

Lại người xuất gia không nên tích trữ như người thế gian. Vì các lỗi đó nên phải thiếu dục tri túc.

Lại hành giả, nếu không thiếu dục tri túc thì lòng tham tăng dần, rồi vì tài lợi mà tìm cầu những gì không đáng tìm cầu.

Lại tham tài lợi rốt cuộc không yên ổn, vì quá tham đắm.

Lại người xuất gia này ưa tu hạnh xa lìa, mà vì tham lợi nên quên mất điều nên tu.

Lại cũng không thể bỏ các phiền não. Bởi vì sao? Vì ngoại vật còn không bỏ được huống chi nội pháp.

Lại thấy lợi dưỡng là nhân suy não, như mưa đá hại lúa má. Cho nên thường tu tập thiếu dục tri túc.

Lại thấy nhận của tín thí khó đền, như mắc nợ không trả, về sau phải chịu khổ não.

Lại thấy lợi dưỡng là vật bỏ của Phật và người thiện. Như Phật nói: Ta không gần lợi dưỡng, lợi dưỡng đừng gần ta.

Lại hành giả này đầy đủ pháp thiện, nên bỏ lợi dưỡng. Như Phật nói: Chư thiên còn không thể được vui xuất, vui ly, vui tịch diệt và vui chân trí như ta đã được. Cho nên bỏ lợi dưỡng.

Lại như Xá-lợi-phất nói: Ta khéo tu vô tướng, lấy không Tam-muội quán tất cả vạn vật bên ngoài, coi như đóm dãi.

Lại hành giả thấy không có người nào thụ dục mà chán đủ, như uống nước mặn không trừ hết khát được. Cho nên siêng cầu trí tuệ mới là đầy đủ.

Lại thấy người đa dục thường phát nguyện cầu, cầu nhiều mà được ít, nên thường bị khổ.

Lại thấy người cầu xin, bị người khinh tiện không chút kính trọng như người thiếu dục.

Lại người xuất gia mà đa cầu là việc rất không nên làm, mà người ta cho không lấy mới phải. Cho nên cần phải tu hạnh thiếu dục tri túc.

Viễn ly: Là đối với những người tại gia xuất gia tu thân xa lìa, với các phiền não tu tâm xa lìa. Đó gọi là viễn ly.

Hỏi: Hành giả vì sao phải xa lìa?

Đáp: Những người xuất gia tuy chưa đắc đạo lấy xa lìa làm vui. Ở trong các chỗ người thế gian, nơi nữ sắc, chỗ ồn ào quyết không thể an vui được.

Lại nếu xa lìa thì tâm dễ vắng lặng, như nước không khuấy, tự nhiên lắng trong. Cho nên tu xa lìa.

Lại pháp xa lìa này đã được Chư Phật nhiều như cát sông Hằng ngợi khen. Vì sao biết được? Là Phật thấy Tì-kheo ngồi thiền định gần nơi xóm làng thì lòng không vui, mà thấy Tì-kheo nằm ngủ ở chỗ trống vắng thì hoan hỷ. Bởi vì sao? Vì ngồi thiền gần xóm làng bị nhiều nhân duyên làm tán loạn định tâm, khiến cho điều nên được thì không được, pháp phải chứng thì không chứng. Còn nằm ngủ chỗ vắng tuy có chút biếng nhác, nhưng nếu thức dậy cầu vào định thì thâm nhiếp được tâm tán loạn. Nhiếp tâm là có thể được giải thoát.

Lại bởi chấp lấy tướng nên mới khởi tham v.v... các phiền não. Còn chỗ trống vắng không có sắc v.v... các tướng thì phiền não dễ dứt, như lửa không củi, thì tự nhiên tắt mất.

Lại trong kinh nói: Nếu Tì-kheo ưa ở chỗ đông người, ưa nói năng đủ chuyện, không lìa chỗ đông người còn không thể được ái duyên giải thoát, huống là có thể được bất hoại giải thoát. Người tu hạnh xa lìa thì chắc chắn chứng được cả hai.

Lại như đèn lia gió thì có thể soi sáng. Hành giả cũng như vậy, nhờ tu hạnh xa lia nên có thể mau được chân trí.

Tinh tiến: Là hành giả, nếu tu chính cần, dứt pháp bất thiện, tu nhóm thiện pháp. Trong đó siêng năng tu nên gọi là tinh tiến. Như vậy thì có thể được lợi Phật pháp. Bởi vì sao? Vì nhóm hợp pháp thiện ngày ngày tăng trưởng như các loài hoa sen Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma v.v... tùy theo nước mà tăng trưởng dần lên. Còn người hành giả biếng nhác như khúc chày gỗ từ khi được làm thành đến nay, ngày một mòn dần đến hết.

Lại người tinh tiến, vì được lợi ích nên tâm thường hoan hỷ, còn người biếng nhác bị ác che tâm hằng ôm khổ não.

Lại người tinh tiến trong từng niệm pháp thiện tăng trưởng, thường xuyên không có tổn giảm.

Lại thâm tu tinh tiến được chỗ vượt trội hơn hết là đạo của chư Phật. Như trong kinh Phật bảo A-nan rằng thâm tu tinh tiến có thể đến Phật đạo.

Lại người tinh tiến dễ được định tâm.

Lại kẻ độn căn mà tinh tiến tuy còn ở trong sinh tử cũng mau được giải thoát; còn người lợi căn mà biếng nhác thì không thể được.

Lại có bao nhiêu lợi ích đời nay, đời sau, thế gian, xuất thế gian đều nhờ tinh tiến. Trái lại tất cả thế gian có bao nhiêu sự suy não đều do biếng nhác. Như vậy thấy lỗi biếng nhác, lợi ích tinh tiến, nên phải nghĩ nhớ tinh tiến.

Nghĩ nhớ chân chính: Là thường đối với thân, thụ, tâm và pháp, tu tập nghĩ nhớ chân chính.

Hỏi: Nghĩ nhớ 4 pháp này được những lợi ích gì?

Đáp: Pháp ác bất thiện không đến nhập vào tâm, như khéo giữ đề phòng thì kẻ ác không xâm nhập được.

Lại như bình đầy thì nước không vào nữa được. Như vậy người này pháp thiện đầy nhẩy nên không dung các điều ác.

Lại nếu tu nghĩ nhớ chân chính này thì gồm thâu tất cả pháp thiện nghiệp vào trong phần giải thoát như uống nước biển là uống đủ các nguồn, vì tất cả nguồn đều chảy vào biển cả.

Lại tu nghĩ nhớ chân chính này gọi là an trụ chỗ hành xứ tự tại, ma dân phiền não không thể phá hoại được, như ví dụ chim ưng chim cất.

Lại người này tâm đã an trụ khó động như động, như chiếc bình tròn đã đặt trên cái đế.

Lại người này không bao lâu sẽ được lợi ích, như trong Kinh Tì-kheo-ni nói: Các Tì-kheo-ni hỏi A-nan rằng: Thừa Đại đức! Bọn chúng tôi khéo tu niệm xứ giác khác hơn trước? A-nan bảo: Khéo tu pháp đó là như vậy.

Định tâm: Là nếu tu tập định tâm được lợi ích vi diệu. Như trong kinh nói: Người tu định tâm có thể biết như thật.

Lại vì người này thân có phép hơn người như là thân mình phun ra nước lửa, bay đi tự do v.v....

Lại người này được cái vui, cho đến chư thiên và Phạm Vương v.v... không thể nào bằng được.

Lại người này là người làm việc đáng làm, không làm điều gì không nên làm.

Lại khéo tu tập định, pháp thiện thường tăng.

Lại người tu tập định, về sau tâm không ăn năn, người này gọi là được quả xuất gia. Cũng gọi là người thuận theo Phật dạy, chứ không như những người luống lảnh của tín thí cúng dường. Người này có thể trả ơn cho người thí phúc, mà người khác không thể trả được.

Lại pháp định tâm này được chư Phật và hiền thánh đều gìn giữ.

Lại có thể kham thụ tất cả pháp thiện.

Lại nếu định tâm được thành tựu thì chứng Thánh đạo, mà không thành thì sinh về Tịnh thiên là 2 cõi Sắc và Vô sắc. Bởi vì sao? Vì như bố thí v.v... không thể được việc như vậy. Nghĩa là có thể rất ráo không tạo ác. Như trong kinh nói: Nếu đứa trẻ con từ lúc còn nhỏ bé, tu tập lòng từ, có thể khởi tâm ác nghĩ việc ác chăng? Thưa không, Thế Tôn! Đó đều là định lực.

Lại định tâm gọi là nhân chân trí tuệ. Nhân chân trí tuệ mới có thể diệt hết các hành nghiệp. Các hành hết nên các khổ não cũng diệt hết.

Lại hành giả đối với việc tất cả thế gian và xuất thế gian khởi nghĩ tức làm xong không nhọc gia công sức. Còn các người khác còn không thể phát tâm lòng chỗ sở đắc của người kia cho nên nói định tâm có thể được lợi ích.

Trí tuệ: Là người trí trong tâm không sinh phiền não, nếu sinh liền diệt, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng.

Lại tâm người trí không khởi các tướng, nếu khởi liền diệt, như sương trên cành, gặp ánh nắng liền khô.

Lại nếu có con mắt trí có thể xem Phật pháp, như người có mắt ban ngày dùng được.

Lại người trí gọi là được phần Phật pháp, như chính là con thì được hưởng phần của cải của cha mẹ.

Lại trí tuệ gọi là có mạng sống ngoài ra gọi là chết.

Lại người trí tuệ gọi là người chân đạo nhân, vì có thể biết đạo.

Lại người trí biết mùi vị Phật pháp, như thiết căn không hư có thể phân biệt 5 vị.

Lại người trí tuệ ở trong Phật pháp tâm định không động, như núi đá gió không lay động được.

Lại người trí tuệ gọi là tín, vì tự được 4 pháp tin mà không theo người khác mới có được.

Lại được Thánh tuệ căn gọi là đệ tử Phật, ngoài ra là ngoại phàm phu. Cho nên nói người trí có thể được lợi ích.

Không hỷ luận: Là như lời nghị luận cho là một, hoặc cho là khác, gọi là hỷ luận. Như A-nan hỏi Xá-lợi-phất: Nếu 6 xúc nhập, lìa dục diệt hết rồi, nếu có còn thừa ư? Xá-lợi-phất nói: Nếu 6 xúc nhập lìa dục tận diệt rồi, nếu còn có thừa là không thể luận mà ông luận ư? Nếu không có cũng có, cũng không, không phải có, không phải không, hỏi đáp cũng như vậy.

Hỏi: Việc ấy vì sao không thể luận?

Đáp: Hỏi này là hỏi pháp thật ngã là một hay là khác, cho nên không đáp, vì ngã không quyết định. Chỉ trong 5 ấm giả lập danh tự mà nói đó thôi. Nếu lấy có, không mà đáp, tức là sa vào dứ, thường. Nếu đem pháp nhân duyên mà luận nói ngã thì không phải là hý luận.

Lại nếu người thấy chúng sinh trống không, pháp trống không, thì không hý luận. Cho nên nói người không hí luận mới được lợi ích của Phật pháp. Đó gọi là đầy đủ thiện giác.

Phẩm 184: Năm định cụ sau

7. Đầy đủ tín giải tốt: Nghĩa là như người hành giả có thể ưa thích Nê-hoàn mà chán ghét sinh tử gọi là tín giải tốt. Tín giải như vậy chóng được giải thoát.

Lại người ưa thích Nê-hoàn tâm không đắm gì cả.

Lại ưa thích Nê-hoàn thì không khiếp sợ. Bởi vì sao? Vì nếu là phàm phu mà tâm nghĩ Nê-hoàn liền sinh kinh sợ cái ngã sẽ mất hẳn.

Hỏi: Do nhân duyên gì tín giải Nê-hoàn?

Đáp: Hành giả thấy thế gian vô thường, khô, không, vô ngã thì đối với Nê-hoàn sinh tưởng tịch diệt.

Lại người này bản tính phiền não nhẹ yếu, nghe nói Nê-hoàn thì lòng tin vui ưa thích.

Lại nếu theo vị thầy giỏi, hoặc đọc kinh sách, nghe sinh tử tội lỗi, như Kinh Vô Thủy và các Kinh Ngũ Thiên Sứ v.v... nói, thì chán lia sinh tử tin vui Nê-hoàn.

8. Đủ phần hành giả: Như trong kinh nói có 5 phần của hành giả là: 1. Có tin. 2. Tâm không dua dọc. 3. Ít bệnh. 4. Tinh tiến. 5. Trí tuệ.

Có tin là tâm đối với Tam Bảo và 4 để không nghi hối. Không nghi hối nên mau được thành định.

Lại người có lòng tin nhiều vui vẻ nên chóng được thành định.

Lại người có tin, tâm điều hòa dễ thu nhiếp nên chóng được định.

Hỏi: Nếu do định sinh tuệ, sau có thể dứt nghi. Nay vì sao trước định rồi nói không nghi?

Đáp: Vì nhờ đa văn nên có thể dứt nghi chứ không phải được định.

Lại sinh vào nhà rất có lòng tin, hoặc cùng làm việc với những người có lòng tin, nên thường tu lòng tin, tuy chưa được định, nhưng không sinh nghi v.v....

Không dua dọc: Là đem tâm chất trực, tâm không che giấu, thì dễ độ, như người nói thật và đầy đủ bệnh trạng với thầy thuốc thì dễ cứu chữa.

Ít bệnh: Ít bệnh thì có thể đầu đêm cuối đêm tinh tiến không dứt. Nếu người tật bệnh thì trở ngại sự hành đạo.

Tinh tiến: Là vì cầu đạo nên thường siêng năng tinh tiến, như dùi cây để lấy lửa mà không nghi tay thì chóng được lửa.

Trí tuệ: Nhờ có trí tuệ nên được quả 4 việc. Đó là Thánh đạo.

Hỏi: Các pháp niệm xứ ... cũng là phần của hành giả. Vì sao chỉ nói 5 pháp này?

Đáp: Tuy đều là phần, mà pháp này vượt trội hơn, nên hành giả phải cần dùng, cho nên nói riêng. Cũng lia tất cả ác, nhóm tất cả thiện, nên gọi phần của hành giả, như có nói trong Kinh Cù-ni-sa.

9. Đủ chỗ giải thoát: Là 5 giải thoát xứ: 1. Như Phật và Tì-kheo Tôn Thắng vì đó nói pháp, theo chỗ được nghe, riêng có thể tính thông đạt ngôn ngữ nghĩa lý. Nhờ thông đạt đó nên sinh tâm hoan hỷ. Hoan hỷ thì thân khoan khoái, khoan khoái thì thụ vui, thụ vui là tâm được thu nhiếp. Đó là chỗ giải thoát đầu tiên. Hành giả an trụ chỗ giải thoát này nên nhớ nghĩ mạnh mẽ thì tâm nhiếp định, các lậu được diệt hết, chắc chứng được Nê-hoàn. 2. Siêng đọc tụng kinh điển. 3. Vì người khác nói pháp. 4. Ở riêng một chỗ suy nghĩ các pháp. 5. Khéo giữ định tướng, là 9 tướng v.v... như trên đã nói.

Hỏi: Phật và Tì-kheo Tôn Thắng vì sao nói pháp cho hành giả này?

Đáp: Vì có khả năng thụ pháp có thể được lợi ích lớn, cho nên nói cho hành giả này.

Lại Tì-kheo này nhờ Phật xuất gia các căn thuần thực, nên vì nói pháp. Còn Tì-kheo Tôn Thắng vì chỗ đồng nghiệp nên nói cho nhau.

Lại người hành giả này cần phải nghe pháp, cho nên vì nói.

Lại người này có các công đức tịnh giới v.v... đã thành tựu, giống như cái đồ đựng đã làm xong có thể đựng đồ vật, cho nên vì nói pháp. Đó gọi là 3 tuệ. Thông đạt ngôn ngữ là đa văn tuệ, thông đạt nghĩa lý là tư duy tuệ. Do đạt 2 tuệ trên có thể sinh tâm hỷ, cho đến nhiếp tâm sinh như thật trí, đó gọi là tu tuệ. Ba tuệ này có 3 thứ quả là chán, lia, và giải thoát.

Lại nữa, nghe pháp, đọc tụng, vì người nói pháp là đa văn tuệ. Suy nghĩ so lường các pháp là tư duy tuệ, khéo giữ lấy định tướng là tu tuệ.

Hỏi: Tâm giải thoát và hết lậu 2 pháp đó có gì sai khác?

Đáp: Dùng định ngăn phiền não nên nói tâm giải thoát, vĩnh viễn dứt hẳn phiền não mới nói hết lậu.

Hỏi: Như tu pháp trì giới v.v... cũng là chỗ giải thoát, như nói trì giới thì tâm không hối, tâm không hối thì hoan hỷ v.v.... Hoặc nhờ thí v.v... cũng được giải thoát. Vì sao chỉ nói 5 pháp này ư?

Đáp: Vì vượt trội nên được nói riêng.

Hỏi: Pháp này có gì vượt trội?

Đáp: Là nguyên nhân gần của giải thoát, giới v.v... vì là nguyên nhân xa nên không nói.

Hỏi: Sao biết được là nguyên nhân gần?

Đáp: Hành giả nghe pháp biết âm, giới, nhập v.v... chỉ các pháp hòa hợp, trong đó không ngã, cho nên tức là

đã phá giả danh. Phá giả danh tức là giải thoát, nên gọi đó là nguyên nhân gần.

Lại trong kinh nói: Công đức đa văn là không theo người khác cầu nghe pháp, tâm dễ thâm nhiếp v.v.... Cũng do đó nên biết là nguyên nhân gần.

Lại Phật pháp có công đức lớn có thể diệt phiền não, đến Nê-hoàn v.v.... Trong pháp tịch diệt này, hoặc nghe hoặc tụng hoặc tự suy nghĩ thì chóng được giải thoát, cho nên gọi là nguyên nhân gần.

Lại thí được đại phú, trì giới được tôn quý, đa văn được trí. Nhờ trí tuệ nên được diệt hết các lậu, chứ không nhờ phú quý cho nên biết là nguyên nhân gần.

Lại Xá-lợi-phất v.v... được tôn xưng là bậc đại trí, đều do đa văn.

Hỏi: Nếu nhờ đa văn tâm dễ nhiếp thì vì sao A-nan đầu hôm, giữa đêm, cuối đêm đều không được giải thoát?

Đáp: Đầu của A-nan chưa kê lên gối đã được giải thoát. Cho nên thường ở trong pháp hiếm có, vì sao không nhanh chóng?

Lại A-nan trong đêm đó có chút lỗi tinh tiến, vì quá mệt nên không được giải thoát.

Lại A-nan tự thề rằng: Trong đêm nay ta quyết được hết lậu. Cũng như Bồ-Tát tự thề trong đạo tràng. Thử hỏi ai có sức này? Người như A-nan đều là nhờ sức đa văn.

10. Không bị chướng ngại: Như nói 3 chướng là nghiệp chướng, báo chướng, và phiền não chướng. Nếu

ai không có 3 chướng ngại này thì không đọa chỗ nạn. Nếu lia được các nạn là kham thụ đạo pháp.

Lại người đó gọi là đầy đủ 4 luân là : cõi nước tốt đẹp, y chỉ người thiện, tự phát chính nguyện và phúc đức đời trước.

Lại có thể thành tựu 4 phần Tu-đà-hoàn là: gần gũi người thiện, ưa nghe chính pháp, tự nghĩ nhớ chân chính và có thể thực hành theo chính pháp.

Lại có thể lia bỏ tham v.v... 3 pháp, như trong kinh nói: Không dứt 3 pháp thì không vượt qua được già, bệnh, chết.

11. Không chấp trước: Là không đắm trước bờ bên này, không đắm trước bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không vọt lên đất bằng, không bị người bắt lấy, và phi nhân bắt lấy, không vào trong dòng nước xoáy, không tự mục nát. Bờ bên này là 6 nhập bên trong. Bờ bên kia là 6 nhập bên ngoài. Giữa dòng là tham, hỷ. Đất bằng là ngã mạn. Người bắt là hòa hợp với người tại gia xuất gia. Phi nhân bắt lấy là trì giới để sinh lên trời. Dòng xoáy là phá giới. Mục nát là phá trọng cấm. Nếu người đối với nội nhập chấp ngã, tức đối với ngoại nhập sinh tâm ngã sở. Từ nội ngoại nhập kia sinh tham hỷ, cho nên mới chìm đắm trong đó. Từ đó sinh ngã mạn. Tại vì sao. Nếu người đắm chấp thân thụ có vui, cho nên người đến khinh chê thì sinh kiêu mạn. Như vậy vì ngã, ngã sở, tham hỷ, ngã mạn làm loạn tâm, nên mới gây thành các việc khác.

Hỏi: Trong dụ này lấy gì làm nước, nếu lấy 8 Thánh đạo làm nước, thì không nên lấy nội ngoại 6 nhập làm bờ sông, tham, hỷ v.v... làm giữa dòng, cũng không nên có dòng xoáy, mục nát. Nếu lấy tham ái làm nước, thì làm sao theo đó được đến Nê-hoàn?

Đáp: Lấy 8 Thánh đạo làm nước. Thí dụ bắt tất khiến cho giống hệt nhau hết. Như cây này nếu lia 8 nạn quyết trôi đến biển cả. Tì-kheo cũng vậy, lia các dòng, nạn, thì theo nước 8 Thánh đạo trôi vào Nê-hoàn. Như nói sữa trắng như vỏ sò, chỉ lấy màu sắc của sò mà không lấy cứng mềm, cũng như nói mặt như mặt trăng, mà chỉ lấy cái đầy đặn mà không lấy hình dạng vậy.

Lại hành giả ra khỏi Thánh đạo rồi, lại đắm trước nội ngoại nhập, thì không bằng cây này ở giữa dòng nước, vướng mắc bờ bên này bờ bên kia và mục nát v.v....

Lại có luận sư nói: Như nước sông Hằng quyết chảy về biển lớn. Như vậy 8 Thánh đạo chắc đến Nê-hoàn. Cho nên mới lấy làm thí dụ.

Như trên đã lược nói đủ 11 định cụ. Nếu có pháp này tự nhiên được định.

Phẩm 185: Hơi thở ra vào

A-na-ba-na tức hơi thở, có 16 hạnh tất cả là: Nghĩ nhớ hơi thở ra vào hoặc dài hoặc ngắn. Nghĩ hơi thở khắp thân, trừ các thân hành, giác hỷ, giác lạc, giác tâm hành, trừ tâm hành. Nghĩ hơi thở ra vào, giác tâm, khiến tâm

hỷ, khiến tâm nhiếp, khiến tâm giải thoát. Nghĩ hơi thở ra vào, tùy vô thường, quán tùy dứt, quán ly diệt. Nghĩ hơi thở ra vào hoặc dài hoặc ngắn.

Hỏi: Thở dài ngắn là thế nào?

Đáp: Như người trèo lên núi, hoặc gánh nặng bị mệt là nên hơi thở ngắn. Hành giả cũng như vậy, còn ở trong thô tâm bấy giờ là ngắn. Thô tâm đó chỗ gọi là tâm vội vã tán loạn. Hơi thở dài là nếu hành giả ở trong trạng thái tế tâm thì hơi thở dài. Bởi vì sao? Vì tâm dịu nên nên hơi thở cũng tùy theo đó mà dịu dàng dần. Như ngay khi người đó quá mệt nên nghỉ để thở thì cũng tùy mà dịu, bấy giờ thì hơi thở dài.

Khấp thân, là hành giả vì tin và hiểu thân trống không nên thấy tất cả lỗ chân lông có gió ra vào.

Trừ thân hành, là hành giả được sức cảnh giới, tâm yên ổn nên hơi thở thô diệt, bấy giờ hành giả mới nhớ đủ chỗ trong thân.

Giác hỷ, là người đó từ định pháp này tâm sinh đại hoan hỷ, trước kia tuy có hoan hỷ nhưng không bằng, bấy giờ gọi là giác hỷ.

Giác lạc, là từ hỷ sinh lạc. Bởi vì sao? Vì nếu tâm được hoan hỷ thì thân điều hòa thỏa thích, thân điều hòa hòa thỏa thích là được an vui khoan khoái. Như trong kinh nói: Tâm hoan hỷ nên thân khoan khoái, thân khoan khoái thì cảm thụ vui.

Giác tâm hành, là hành giả thấy tội lỗi của hỷ là vì có thể sinh tham. Tham là hành vi của tâm, do tâm khởi,

cho nên trong thụ sinh tham, cho nên thấy thụ là hành vi của tâm.

Trừ tâm hành, là hành giả thấy lỗi do thụ sinh tham. Trừ diệt thì tâm yên ổn, cũng trừ diệt thô thụ nữa nên nói trừ tâm hành.

Giác tâm, là hành giả trừ mùi vị của cảm thụ nên thấy tâm tịch diệt không chìm không động. Tâm này có khi lặn chìm, bây giờ khiến hỷ. Nếu tâm lại nổi động thì bấy giờ khiến nhiếp giữ. Nếu lìa được 2 pháp này, bấy giờ nên xả, cho nên nói khiến tâm giải thoát. Hành giả như vậy tâm tịch định nên sinh vô thường hành. Nhờ vô thường hành dứt các phiền não, gọi là dứt hành. Dứt phiền não nên tâm chán lìa gọi là ly hành. Vì tâm lìa nên được được tất cả diệt, gọi là diệt hành. Như vậy thứ lớp được giải thoát, nên mới gọi là 16 hạnh nghĩ nhớ hơi thở ra vào.

Hỏi: Vì sao nghĩ nhớ thở ra vào gọi là Thánh hạnh, Thiên hạnh, Phạm hạnh, học hạnh, vô học hạnh ư?

Đáp: Gió vận hành trong hư không, tướng hư không có thể mau mở đường cho tướng hoại. Tướng hoại tức là trống không. Không tức là Thánh hạnh, cho nên gọi là Thánh hạnh. Vì muốn sinh về cõi tịnh thiên nên gọi là thiên hạnh. Vì muốn đến tịch diệt, nên gọi Phạm hạnh. Vì muốn học pháp nên gọi là học hạnh. Vì đến bậc vô học, nên gọi là vô học hạnh.

Hỏi: Nếu quán bất tịnh rất chán lìa thân, chóng được giải thoát, cần gì tu 16 pháp hạnh này ư?

Đáp: Tu bất tịnh quán chưa được lìa dục, tự chán ghét thân tâm thì sinh mê muội, như uống thuốc quá liều

thì lại gây thêm bệnh. Như vậy bất tịnh ưa sinh chán ghét. Như các Tì-kheo tu quán bất tịnh bên bờ sông Bạt-câu-mạt, nên rất sinh chán ghét, bởi đó mà gây ra các việc như uống thuốc độc, nhào đầu từ trên cao tụt sát v.v.... Hạnh này không như vậy. Có thể được lìa dục mà không sinh chán ghét, nên gọi là thắng.

Lại hạnh này dễ được, duyên tự thân nên bất tịnh dễ mất.

Lại hạnh này vi tế, vì có thể tự hoại thân, bất tịnh hạnh thô kịch, khó hoại tướng xương.

Lại hạnh này có thể phá tất cả phiền não, bất tịnh chỉ phá dâm dục. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều do giác sinh, nghĩ nhớ hơi thở ra vào để dứt các giác.

Hỏi: Hơi thở ra vào là thuộc thân hay thuộc tâm?

Đáp: Cũng thuộc thân, cũng thuộc tâm. Bởi vì sao? Vì ở trong thai không có, nên biết do thân, nếu đệ tứ thiên v.v..., và những người vô tâm không có nên biết do tâm.

Hỏi: Thở không cố ý khởi, không nên do tâm. Bởi vì sao? Hơi thở này không do ý khởi như tâm nghĩ các việc khác. Hơi thở thường ra vào, như thức ăn vào bụng tự tiêu, như bóng tự di chuyển theo hình, không phải người làm?

Đáp: Thở không do cố ý khởi, không do nghĩ nhớ, chỉ do các duyên hòa hợp mà khởi. Nếu có tâm thì có, mà không tâm là không, cho nên biết do tâm.

Lại tùy theo tâm mà có sai khác. Thô tâm thì ngắn, tế tâm thì dài.

Lại thở ra vào còn do cõi do tâm. Nếu ở tại cõi thở ra vào, cũng có cõi tâm thở ra vào, bây giờ thì có thở ra vào. Cõi như là cõi Dục và Tam thiên. Nếu ở tại cõi thở ra vào, mà không cõi tâm thở ra vào, và tại vô tâm, bây giờ thì không có. Nếu tại cõi không thở ra vào, bây giờ cũng không có.

Hỏi: Khi khởi thở, thở ra trước hay thở vào trước?

Đáp: Khi sinh trước ra, khi chết sau vào. Ra vào đệ tứ thiên cũng như vậy.

Hỏi: Nghĩ nhớ thở ra vào này, sao gọi là đầy đủ?

Đáp: Hành giả nếu được 16 hạnh này, bây giờ gọi là đầy đủ.

Có luận sư nói: Do 6 nhân duyên nên gọi đầy đủ. Đó là Sở, Tùy, Chi, Quán, Chuyển, Duyên, Thanh tịnh.

Sở, là đếm hơi thở ra vào từ 1 đến 10. Có 3 lối đếm: hoặc bằng, hoặc quá hơn, hoặc giảm bớt. Bằng là 10 thì đếm là 10. Quá hơn là 11 đếm cho là 10. Giảm bớt là đếm 9 cho là 10.

Tùy, là tâm hành giả theo dõi hơi thở ra vào.

Quán, là hành giả thấy hơi thở luôn trong thân như sợi chỉ luôn hạt châu.

Chi, là khiến tâm trụ theo hơi thở ra vào.

Chuyển, là chuyển thân.

Duyên, là tâm khiến thụ duyên tâm hiện tiền. Tâm pháp cũng như vậy.

Thanh tịnh, là hành giả lìa tất cả phiền não và các nạn, tâm được thanh tịnh. Đây không nhất định. Bởi vì

sao? Vì trong các hạnh này không nhất thiết phải cần dùng 2 pháp Số, Tùy, hành giả chỉ khiến tâm trụ trong hơi thở để dứt các giác. Nếu có thể tu 16 pháp này gọi là đầy đủ.

Lại tướng đầy đủ này cũng không quyết định, vì chỗ sở hành của người độn căn đối với người lợi căn là không đầy đủ.

Hỏi: Thở ra vào này, vì sao trong kinh nói gọi là ăn?

Đáp: Nếu thở ra vào ngừng v.v..., thân được khoái lạc như được ăn thứ ngon, lợi ích hòa thích cho thân thể nên gọi là ăn.

Hỏi: Trong 16 hạnh này, đều phải nhớ thở ra vào luôn sao?

Đáp: Người này gọi là xé rách 5 âm phương tiện. Nếu xé rách 5 âm trừ giả danh rồi, đâu còn dùng nghĩ nhớ hơi thở ra vào làm chi nữa? Đó gọi là thân nhớ. Có 4 pháp nhớ thân nên gọi thân nhớ.

Hỏi: Nhớ là duyên về quá khứ, thở là hiện tại, mà sao gọi là nhớ?

Đáp: Đó là trí phá giả danh, vì nhớ nên mới nói. Các tâm số pháp thay nhau mà gọi tên như 10 tướng v.v..., cũng nhớ chỗ sở hành trước sau, nên gọi là nhớ.

Hỏi: Trong thở dài ngắn v.v... không nói Thánh hành, vì sao vô hành lại gọi chỗ nhớ? Trong kinh nói: Nếu hành giả học thở ra vào, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc khắp thân, hoặc trừ thân hành, bấy giờ gọi là chỗ nhớ thân?

Đáp: Đó là phương tiện đạo đầu tiên. Vì muốn tâm thanh tịnh nên về sau gọi là dứt đạo.

Lại trong đây có vô thường v.v... các hạnh. Chỉ kinh đó không nói, các kinh khác có nói. Hành giả ở trong thờ ra vào quán thân sinh tướng, diệt tướng, và sinh diệt tướng.

Lại nói quán thân vô thường v.v.... Chỉ trong đệ tứ vô thường v.v... các hành đầy đủ cho nên nói.

Phẩm 186: Định nạn

Định này, nếu lìa chướng ngại các nạn có thể thành lợi ích lớn. Định nạn, là như thô hỷ. Như trong kinh nói: Ta sinh thô hỷ là pháp tâm nạn. Hành giả không nên sinh thô hỷ đó, vì sẽ có các lỗi tham đắm làm loạn định tâm.

Hỏi: Từ pháp sinh hỷ, làm sao không cho sinh được?

Đáp: Hành giả nghĩ nhớ trống không thì không sinh hỷ. Vì tưởng có chúng sinh nên mới sinh hỷ, chứ 5 âm trống rỗng không có chúng sinh thì làm sao có hỷ?

Lại hành giả nên khởi nghĩ như vậy: Vì nhân duyên nên có các pháp sinh, nghĩa là ánh sáng v.v..., trong đó có gì đáng vui mừng ư?

Lại hành giả thấy pháp được hỷ đều liền bại hoại, thì thô hỷ diệt.

Lại hành giả lại còn cầu việc lớn, không dùng ánh sáng v.v... các pháp làm gì, cho nên không sinh hỷ.

Lại hành giả vì thấy tướng diệt là lợi, nên không cho ánh sáng v.v... các tướng là đáng vui mừng.

Lại hành giả này tu tập tịch diệt để muốn dứt hết phiền não, nên không sinh hỷ. Bởi các duyên này nên có thể diệt được thô hỷ.

Lại có định nạn khiếp sợ. Hành giả thấy duyên đáng sợ nên sinh sợ hãi. Thế gian có bao nhiêu điều đáng sợ hãi hành giả đều thấy hết. Đối với những việc đó đều phải nghĩ kỹ vô thường bại hoại, không nên tùy theo đó. Bởi vì sao? Vì trong pháp tọa thiền có thấy những nhân duyên này là việc có thể sợ, không nên vì đó mà sinh khiếp sợ, vì việc đó đều hư vọng trống không, như ảo thuật có thể gạt người phàm chứ không phải chân thật. Suy nghĩ như vậy là lia được sợ hãi.

Lại nương không pháp thì không sợ hãi.

Lại khởi ý nghĩ như vậy: Do sức ta tu nên mới cảm hiện tướng lạ này, không nên khiếp sợ.

Lại tự nghĩ thân có các công đức trì giới đa văn đầy đủ, không nhân duyên nào có thể gia hại ta được, nên không khiếp sợ.

Lại hành giả này vì vui đạo sâu sắc, nên không tiếc thân mạng, nào còn sợ gì nữa?

Lại tâm người này thường ở trong chính niệm, cho nên việc khiếp sợ không thể chen vào được.

Lại nghĩ tướng dũng cảm nên không sợ hãi. Sợ hãi là tướng khiếp nhược. Dùng các pháp như vậy để diệt trừ sợ hãi.

Lại có định nạn không thích hợp, là hành giả có bệnh nóng lạnh v.v..., hoặc các nhân duyên mệt mỏi

mất ngủ khiến thân thể không điều hòa thích hợp, hoặc có các phiền não tham buồn ganh ghét v.v... khiến tâm không điều hòa thích hợp, nên mất thiền định. Cho nên hành giả phải tự lo giữ gìn thân tâm cho được điều hòa thích hợp.

Lại có định nạn dị tướng, là như tướng như bản, và cũng có tướng không không phải như bản nhưng có thể làm loạn thiền định, như tướng bố thí v.v....

Lại có định nạn không bình đẳng, là như tinh tiến, hoặc mau hoặc chậm. Mau thì thân tâm mỗi mệt, chậm thì không lấy được định tướng, đều thoái lui mất định, như bắt chim, gấp thì mỗi mệt, hoãn thì bay mất.

Lại như chinh dây đàn, nếu căng hoặc chùng đều không thành tiếng.

Lại tinh tiến nếu mau thì khó rất ráo. Như Phật bảo A-na-luật rằng: Ông tinh tiến quá sau ắt sẽ trở nài. Bởi vì sao? Vì nếu quá tinh tiến thì việc không thành trở lại biếng nhác, mà tinh tiến nếu chậm việc cũng không xong. Cho nên không bình thường cũng gọi là định nạn.

Lại có định nạn vô niệm, là không nghĩ pháp thiện, dù có nghĩ pháp thiện lại không phải chỗ sở thụ.

Lại không nghĩ định tướng mà nghĩ ngoại sắc. Đó gọi là không nghĩ nhớ. Hành giả nên nhất tâm tinh tiến nghĩ nhớ pháp đã thụ như tay bưng bát dầu đầy.

Lại có định nạn điên đảo, là người nhiều tâm dục chịu tu pháp tâm từ, người nhiều giận dữ tu tập pháp bất tịnh. Hai hạng người trên quán 12 nhân duyên.

Lại trong tâm chìm mà tu chỉ, trong tâm động mà tu tĩnh tiến, trong 2 tâm này mà tu xả, đó gọi là điên đảo.

Lại có định nạn nhiều lời, nghĩa là nhiều giác quán. Giác quán là nhân của ngôn ngữ. Lại vì tâm không lạc trụ, bắt buộc ở tại cảnh duyên.

Lại có định nạn không lấy tướng. Có 3 thứ tướng là chỉ tướng, tiền tướng và xả tướng.

Lại có 3 tướng nữa là nhập định tướng, trụ tướng và khởi tướng. Hành giả không rành phân biệt các tướng như vậy, nên mất thiền định.

Lại có mạn định nạn, là như nói ta đây vào định được, mà người kia không vào được, gọi là kiêu mạn. Hoặc nói người kia có thể mà ta không thể, gọi là bất như mạn. Hoặc chưa được định mà tự bảo đã được, là tăng thượng mạn. Đối với định không vi diệu mà sinh tưởng cho là vi diệu, gọi là tà mạn.

Lại pháp tham v.v... cũng gọi định nạn. Như trong kinh nói: Nếu hành giả một pháp thành tựu thì không thể quán mắt vô thường. Đó gọi là tham.

Hỏi: Tất cả những người chưa lìa dục, đều không thể quán mắt vô thường sao?

Đáp: Lời đó có chút lỗi. Phải nói hiện tại khởi tham không thể quán mắt vô thường.

Lại trong thành tựu có sai khác. Có người tham v.v... dày nặng thường đến với tâm, thì hay chướng định, hoặc mỏng mà không thường xuyên, thì không thể làm chướng nạn.

Lại trong kinh nói 13 pháp ác đều gọi là định nạn, 13 bạch pháp đều là thuận định.

Như Phật nói: Nếu không dứt 3 pháp thì độ được già, bệnh, chết. Đó là tham, nhuế, si. Nếu không dứt 3 pháp đó thì không thể dứt tham, nhuế, si là thân kiến, giới thủ, nghi.

Lại có 3 pháp là tà niệm, tà hành, tâm chìm.

Lại có 3 pháp là nhớ quấy, bất an, tuệ loạn tâm.

Lại có 3 pháp là điều hý, không giữ các căn, phá giới.

Lại có 3 pháp là bất tín, tà giới, biếng nhác.

Lại có 3 pháp là không ưa người thiện, ghét nghe chính pháp, ưa xoi bói lỗi người.

Lại có 3 pháp là không cung kính, khó trao đổi giải bày, tập theo ác tri thức. Nếu không dứt 3 pháp thì không dứt được sự không cung kính, khó trao đổi giải bày, ác tri thức, nghĩa là không hổ, không thẹn, phóng túng. Nếu dứt được sự không hổ, không thẹn, phóng túng thì dứt được sự không cung kính, khó trao đổi giải bày, quen tập theo ác tri thức, cho đến dứt được thân kiến, giới thủ, nghi, thì dứt được tham, nhuế, si độ thoát già, bệnh, chết.

Trong đây độ thoát già, bệnh chết là Niết-bàn vô dư. Dứt tham, nhuế, si là quả A-la-hán Nê-hoàn hữu dư. Dứt thân kiến, giới thủ, nghi, là 3 quả Sa-môn. Dứt tà niệm, tà hành, tâm chìm là ở trong noãn v.v... đạt phần thiện căn. Dứt nghĩ nhớ sai quấy, không an tuệ, loạn tâm là tu 4 ức niệm xứ. Dứt điều hý không giữ các căn phá giới, là thụ giới xuất gia. Dứt sự không ưa người thiện,

ghét nghe chính pháp, ưa xoi bói lỗi người, không tin tà giới, biếng nhác, không cung kính, khó trao đổi giải bày, quen tập theo ác tri thức, không hổ, không thẹn, phóng túng, là tại gia thanh tịnh.

Bởi vì sao? Vì nếu người ở một mình làm ác mà không biết xấu hổ, gọi là không hổ, người này về sau tâm ác tăng dần, ở giữa chúng mà làm ác cũng không chút liêm sỉ, gọi là không thẹn. Mất gốc pháp thiện của 2 bạch pháp này nên thường đuổi theo pháp ác gọi là phóng túng. Bởi thành tựu 3 ác pháp này nên không chịu vâng lãnh những lời giáo huấn của các bậc sư trưởng tôn quý, gọi là không cung kính. Chống trả lời thầy dạy, gọi là khó trao đổi giải bày. Như vậy xa lìa sư trưởng, gần gũi người ác gọi là tập quen theo ác tri thức.

Trong đây, từ chỗ không hổ sinh không cung kính, từ không thẹn sinh khó trao đổi giải bày, từ phóng túng sinh quen tập theo ác tri thức. Cho nên sinh bất tín mà thụ pháp tà giới, thường biếng nhác, gần gũi người ác, được dạy cho điều bất tín, rằng làm ác không có báo. Hoặc nghe nói làm ác bị quả báo, liền thụ hành giới pháp gà, chó v.v..., mong chóng hết tội. Thụ hành giới pháp này không ngờ có chút lợi lại sinh biếng nhác, vì biếng nhác nên không ưa người thiện, cho rằng không phải người chân thật làm chính hạnh. Cũng ghét nghe chính pháp, cho rằng tu chính pháp đều như tà pháp không được lợi ích gì. Bởi tâm vẫn đục nên ưa xoi bói lỗi người, cho rằng pháp người kia làm cũng như mình đều không được gì cả. Như vậy không chế ngự được phiền não nên tâm hý điệu. Vì hý điệu nên không nhiếp

hộ các căn thì có thể phá giới, vì phá giới nên sinh nghĩ nhớ sai quấy, mà hành không an tuệ tâm chí tán loạn liền sinh tà niệm. Sinh tà niệm nên liền tu tà đạo. Khi tu tà đạo không được lợi ích, nên tâm mê mờ. Tâm không sáng suốt, nên không dứt được 3 kết. Không dứt 3 kết, nên không dứt được tham v.v... các bệnh phiền não ... các suy kém.

Trái với những thứ kể trên thì gọi là bạch pháp tức là pháp thanh tịnh.

Lại có định nạn lo rầu, là hành giả sinh ý nghĩ: Ta đã trải nhiều năm tháng mà không đắc định nên sinh lo rầu.

Lại tham đắm mùi vị hỷ lạc, đó cũng là định nạn.

Lại có định nạn không vui, nghĩa là tuy được chỗ tốt thầy giỏi v.v... duyên tâm cũng không vui.

Lại tham v.v...các thứ ngăn che, cũng đều gọi là định nạn.

Tóm lại, cho đến áo mặc, ăn uống v.v... các pháp làm tổn giảm thiện căn, tăng trưởng bất thiện đều gọi là định nạn, tức những khó khăn trong tu định, cần phải biết rõ, siêng cầu mong lia bỏ.

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 15)

Phẩm 187: Chỉ Quán

Hỏi: Nhiều chỗ trong kinh Phật thường bảo các Tì-kheo hoặc ở nơi A-lan-nhã, hoặc ở dưới cây, hoặc ở trong nhà trống vắng, nên nghĩ nhớ 2 pháp là Chỉ và Quán.

Nếu tất cả các pháp thiền định đều nên nghĩ nhớ, vì sao chỉ nói Chỉ và Quán?

Đáp: Chỉ là định, Quán là tuệ. Tất cả pháp thiền nào do tu mới sinh thì đều nhiếp thuộc trong 2 pháp đó. Và còn ở tản tâm mà có các tuệ nghe nghĩ cũng nhiếp trong pháp này, vì 2 pháp này có thể thành xong đạo pháp.

Bởi vì sao? Vì Chỉ có thể ngăn kết, Quán có thể dứt diệt. Chỉ như nắm cỏ, Quán như liềm cắt. Chỉ như quét đất, Quán như trừ phân. Chỉ như dọn bản, Quán như rửa nước. Chỉ như nước làm thấm, Quán như lửa làm chín. Chỉ như ung nhọt, Quán như dao khoét. Chỉ như khởi mạch, Quán như chích máu. Chỉ là ngăn tâm động, Quán như vục dậy tâm chìm. Chỉ như vẩy nước vàng, Quán như đem lửa nung. Chỉ như dây buộc đất, Quán như dùng dao nạo. Chỉ như lấy nhiếp nhổ gai, Quán như kéo dao cắt tóc. Chỉ như áo giáp, Quán như binh trượng. Chỉ

như đứng thẳng, Quán như bắn tên. Chi như uống dầu, Quán như uống thuốc. Chi như nhồi đất, Quán như in ấn. Chi như gia công vàng, Quán như làm đồ vật.

Lại chúng sinh trong thế gian đều sa vào 2 bên hoặc khổ hoặc vui. Chi có thể xả bỏ vui, Quán có thể lìa khổ.

Lại trong 7 tịnh, giới tịnh, tâm tịnh là Chi, còn 5 pháp kia là Quán.

Trong 8 pháp giác ngộ của bậc Đại nhân, 6 giác là Chi, 2 giác là Quán.

Trong 4 ức xứ, 3 ức xứ là Chi, ức xứ thứ tư là Quán, 4 như ý túc là Chi, 4 chính cần là Quán.

Trong 5 căn, 4 căn là Chi; tuệ căn là Quán, 5 lục cũng vậy.

Trong 7 giác phần, 3 giác phần là Chi, 3 giác phần là Quán, còn niệm giác phần chung cả hai.

Trong 8 chính đạo phần, 3 phần là giới, 2 phần là Chi, 3 phần là Quán. Giới cũng thuộc Chi.

Lại Chi có thể dứt tham, Quán trừ vô minh. Như trong kinh nói: Tu Chi là tu tâm, tu tâm là dứt tham thụ. Tu Quán là tu tuệ, tu tuệ thì vô minh dứt.

Lại vì lìa tham nên tâm được giải thoát, vì lìa vô minh tuệ được giải thoát. Giải thoát được 2 thứ đó lại không còn việc gì nữa nên chỉ nói 2 pháp đó.

Hỏi: Nếu Chi Quán có thể tu tâm tu tuệ vì tu tâm tuệ nên dứt tham và vô minh. Vậy sao định nói Chi có thể tu tâm, có thể dứt tham ái, Quán có thể tu tuệ có thể dứt vô minh?

Đáp: Tản tâm là các tâm nối nhau đi trong sắc v.v.... Tâm nối nhau này được pháp Chi thì dứt, cho nên nói Chi có thể tu tâm. Do dứt tâm sinh trí nên cho nói Quán có thể tu tuệ. Vì sinh Quán rồi sau mới có tu, nên đều gọi tu tuệ. Sơ tuệ gọi là Quán, sau mới gọi là tuệ. Như trong kinh nói: Tu Chi có thể dứt tham là nói ngăn dứt.

Làm sao biết được? Vì với sắc v.v... ngoại dục sinh tham, nếu được thuốc Chi thì không thể sinh lại. Như trong kinh nói: Hành giả khi được tịnh hỷ, là xả bỏ bất tịnh hỷ. Nếu nói vô minh dứt là dứt rốt ráo. Vì sao biết được? Vì vô minh dứt nên tham v.v... phiền não dứt hẳn không còn. Trong kinh cũng nói lìa tham nên tâm được giải thoát gọi là ngăn dứt. Lìa vô minh nên tuệ được giải thoát, gọi là rốt ráo dứt.

Có 2 thứ giải thoát: thời gian giải thoát và bất hoại giải thoát. Thời gian giải thoát là ngăn dứt; bất hoại giải thoát là rốt ráo dứt.

Hỏi: Thời gian giải thoát là 5 loại A-la-hán vô lậu giải thoát. Bất hoại giải thoát là bất hoại pháp A-la-hán vô lậu giải thoát, vì sao chỉ nói ngăn dứt ư?

Đáp: Đó không phải vô lậu giải thoát. Bởi vì sao? Vì thời gian giải thoát là chỉ nhờ thượng lực ngăn kết một thời gian ngắn mà chưa có thể dứt vĩnh viễn, về sau phát sinh lại, nên không phải vô lậu.

Lại giải thoát này gọi là thời, là ái giải thoát, chứ lậu tận A-la-hán không còn chỗ khả ái.

Hỏi: Nếu vậy là không có Thánh sở ái giới?

Đáp: Vì các học nhân chưa hết lậu nên ngã tâm thính thoảng phát khởi, cho nên đối với giới sinh ái, chứ không phải A-la-hán ngã tâm đã diệt hẳn mà lại sinh ái.

Hỏi: A-la-hán Cù-đề với thời giải thoát 6 phen thoái lui mất, lo sợ thoái lui lần thứ 7 nên dùng dao tạt sát. Nếu mất hữu lậu không nên tạt hại. Cho nên biết thời giải thoát không gọi hữu lậu?

Đáp: Người này thoái lui mất sử dụng dứt kết thiền định, ở trong định đó 6 phen lui mất, đến phen thứ 7 lại được định đó lại, bèn muốn tạt sát. Bấy giờ liền chứng được đạo A-la-hán. Cho nên ma vương bảo nhau rằng học nhân chết đi quanh 4 phía thầy để tìm thức nó chạy ra. Rồi đến thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Đệ tử của ngài vì sao lậu chưa hết mà chết? Phật nói: Người này đã nhỏ góc ái, được vào Nê-hoàn.

Hỏi: Nếu dứt tham gọi là ngăn dứt thì trong kinh có nói: Từ tham tâm được giải thoát, từ nhuế si tuệ được giải thoát. Lại nói: Từ dục lậu tâm được giải thoát. Như vậy đều nên gọi ngăn chặn là giải thoát, chứ không phải giải thoát thật sự?

Đáp: Trong đó cũng có nói dứt vô minh, nên mới biết là rốt ráo giải thoát. Nếu nói dứt tham thì hoặc ngăn dứt, hoặc rốt ráo dứt. Nếu không sinh chân trí thì đó là ngăn dứt; tùy sinh chân trí thì đó là rốt ráo dứt. Chứ không có dùng pháp Chi mà dứt rốt ráo dứt tham được. Nếu như vậy ngoại đạo cũng có thể rốt ráo dứt tham. Nếu vậy ngoại đạo cũng có thể rốt ráo dứt tham, mà thật sự không phải vậy. Cho nên biết chỉ là ngăn dứt.

Hỏi: Trong kinh nói: Dùng Chỉ tu tâm, nương Quán được giải thoát. Dùng Quán tu tâm, nương Chỉ được giải thoát. Việc đó thế nào?

Đáp: Hành giả, nếu nhân thiên định sinh duyên diệt trí, đó là dùng Chỉ tu tâm, nương Quán được giải thoát. Nếu dùng tán tâm phân biệt ám, giới, nhập v.v..., nhờ đó được duyên diệt dứt; đó là dùng Quán tu tâm nương Chỉ được giải thoát. Nếu được niệm xứ v.v... đạt phần nhiếp tâm thì đều tu Chỉ Quán. Lại tất cả hành giả đều nương 2 pháp này được diệt tâm giải thoát.

Phẩm 188: Tu định

Hỏi: Ông nói phải tu tập định. Định tâm này là niệm niệm sinh diệt làm sao tu được?

Đáp: Hiện thấy thân nghiệp tuy niệm niệm diệt, nhờ tu tập nên có kỹ năng khác thường, tùy tu tập lâu dần chuyển đổi khác, khẩu nghiệp cũng vậy. Tùy chỗ tu tập chuyển tăng, điều hòa lợi ích kiên cố dễ nhớ, như đọc tụng v.v... Phải biết ý nghiệp tuy niệm niệm diệt nhưng có thể tu tập, như lửa có thể biến sống thành chín, nước có thể xói mòn đá, gió có thể thổi vật. Như vậy các pháp niệm niệm diệt đều có sức nhóm họp.

Lại tùy tập phiền não thì tùy theo đó mà bùng phát, như người đời đời quen tập dâm dục thì thành đa dục. Như si cũng vậy. Như trong kinh nói: Nếu người tùy nghĩ việc gì, thì tâm hướng theo việc đó, như thường tùy

theo dục giác thì tâm hướng theo dục. Hai giác kia cũng vậy. Cho nên biết tâm này tuy niệm niệm diệt mà cũng có thể tu tập.

Lại tu gọi là tăng trưởng. Hiện thấy các pháp đều có tăng trưởng. Như trong kinh nói: Hành giả bởi tà niệm nên dục v.v... các lậu chưa sinh thì sinh, đã sinh thì tăng trưởng, nghĩa là từ hạ sinh trung, từ trung sinh thượng, như hạt giống, mầm cộng nhánh lá hoa quả. Hiện thấy đều từ nhân dần dần tăng trưởng. Pháp định tuệ v.v... cũng phải như vậy.

Lại hiện thấy ướp mè, mùi hương càng lúc càng tăng. Hương đó và mè niệm niệm không ngừng mà có sức ướp. Cho nên biết pháp niệm niệm diệt cũng có thể tu tập.

Hỏi: Mè là pháp trụ, hoa hương đến xông ướp không có tâm trụ. Đem trí niệm niệm diệt mà đến tu tập, thì làm sao ví dụ được?

Đáp: Không có pháp trụ. Tất cả các pháp đều niệm niệm diệt. Điều này trước đã thành lập nên không còn đem nạn vấn được.

Lại nếu pháp không niệm niệm diệt thì không tu tập được, tức thế thường trụ tu tập ích gì? Nếu pháp niệm niệm sinh diệt do hạ, trung, thượng nên mới có tu tập.

Hỏi: Các hoa đến mè có thể xông ướp. Trí không đến tâm nên không tu tập?

Đáp: Trong ví dụ về nghiệp ở trước đã nói rõ việc này. Như nói nghiệp sau không đến nghiệp trước. Lời nói

trước không đợi lời nói sau, mà thân khẩu nghiệp cũng vẫn có tướng tu. Cho nên ông nói không đến không tu, không gọi là nạn vẫn được.

Lại hiện thấy nhiều quả tụy không đồng thời, nhưng cũng được do nhân có quả. Như vậy tâm pháp tụy niệm niệm diệt, mà vẫn có tu tập được.

Lại như giống được nước tụy không đến mầm v.v..., nhưng cũng vẫn khiến mầm tươi tốt. Như vậy tu tập trí tuệ, tâm trước tâm sau tăng trưởng.

Hỏi: Nếu mè niệm niệm diệt thì sinh mè khác. Mè này là do ướp mà sinh hay không ướp sinh? Nếu không ướp sinh, thì hoàn toàn không có sự xông ướp. Nếu xông ướp sinh, thì cần gì xông ướp lâu?

Đáp: Vì nhân xông ướp. Như hạt giống được nước thì mầm thấm nhuận tốt tươi. Như nhân hoa trước hợp lại mà sinh thứ mè khác, vậy là do xông ướp sinh.

Ông nói cần gì ướp lâu, như trong kinh của ông nói: Do lửa hợp với pháp vi trần mà tướng đen diệt tướng đỏ sinh. Nếu ban đầu lửa hợp với pháp diệt tướng đen đó, thì không nên sinh lại tướng đen. Nếu ban đầu lửa hợp với pháp sinh tướng đỏ đó, thì cần gì lửa sau phải hợp với pháp nữa? Nếu khi lửa ban đầu hợp, tướng đen sinh, tướng đỏ lẽ ra hoàn toàn không nên sinh. Nếu khi thời gian thứ 2 tướng đỏ sinh, lại cần gì lâu hợp với lửa? Nếu ý ông bảo tướng đỏ sinh dần dần. Tâm cũng như vậy, đâu có lỗi gì ư? Hư hoại v.v... cũng như vậy.

Lại các pháp tụy có nhân duyên nhưng cũng thử lớp sinh, như thụ thai v.v... dần dần thành thân, như hạt

giống, gốc rễ v.v... cũng lần lượt sinh. Cũng như vậy, các pháp định tuệ v.v... tuy niệm niệm diệt, nhưng cũng do pháp hạ trung thượng tuần tự sinh.

Lại tu pháp vi tế dị tâm nối nhau, như hơi nóng vi tế của quả trứng làm cho biến dần thành lông con chim con, như hơi nóng vi tế của da tay làm mòn dần cán búa đến hết.

Tâm cũng như vậy, định tuệ vi diệu nên lần lượt tu tập.

Lại khi tu tập pháp, đến thì mới biết. Như có bài kệ nói:

Một phần theo thầy thụ.

Một phần nhờ bạn được.

Một phần tự tư duy.

Một phần đợi thời đến.

Nếu có người tuy đọc tụng suốt ngày không rõ ràng nghĩa lý được, như thời chín muối chưa đến, như đem nhiều hoa một lúc xông ướp mè không bằng ít hoa mà xông ướp lâu. Nước thấm vào tường vách dày cũng như vậy. Hiện thấy hạt giống rễ mầm v.v... tăng trưởng rất vi tế còn không thấy được, lớn lên từng ngày chùng bằng đầu sợi lông. Thân trẻ con v.v..., bơ sữa v.v... chín muối cũng như vậy. Cho nên biết pháp tu hành rất vi diệu khó biết được.

Hỏi: Hoặc thấy có pháp nhất thời tụ tập rất gấp. Như có người xưa nay không thấy sắc, mà thấy sắc là đắm nhiễm ngay. Cũng có người chút ít thời gian mà thông đạt nhiều điều. Vì sao chỉ nói lần lượt tu tập?

Đáp: Đó đều là quá khứ từng tu tập nên biết chứa nhóm sự tích tập dần dần điều này đã rõ.

Lại không chỉ phát tâm mà có thể thành xong sự nghiệp. Như trong kinh nói: Nếu đối với pháp thiện không siêng tu tập mà chỉ mong muốn không thụ các pháp, đối với các lậu tâm muốn được giải thoát, thì ý nghĩ người này hoàn toàn không theo ước nguyện được, vì không thể siêng tu pháp thiện. Hành giả, nếu có thể siêng tu pháp thiện dù không phát nguyện, tâm cũng được giải thoát các lậu vì do từ nhân sinh quả không phải cầu nguyện, như con chim sẽ cần lo ấp trứng, không cần nguyện cầu chim con từ trứng nở ra.

Lại không vì nguyện nên đèn sáng trong trẻo, mà cần đầy đủ dầu trong, tim sạch, không vật gì xúc động ánh sáng mới trong trẻo.

Lại không chỉ nguyện mà có thể được lúa tốt, mà quyết phải có ruộng màu mỡ, giống tốt, thời tiết thuận hòa, công sức đầy đủ mới có thu hoạch.

Lại không chỉ nguyện suông mà thân được sức mạnh, mà cần phải có các duyên như uống thuốc tốt, ăn thức ngon bổ v.v... mới được đầy đủ sức lực. Như vậy không phải chỉ nguyện suông mà có thể được hết lậu, phải có chân trí mới được giải thoát. Có đâu người trí biết do nhân sinh quả, mà bỏ nhân để theo đuổi cầu quả ở những gì khác.

Lại tu tập pháp hiện thấy quả báo. Như trong kinh Phật nói: Không cần 7 ngày, ta dạy đệ tử cho đến tu tập pháp thiện trong giây lát sẽ thường được hưởng vui trong nhiều đời.

Lại các Tì-kheo-ni thưa Đại đức A-nan rằng: Chị em chúng tôi khéo tu niệm xứ, nghiệm biết khác hơn lúc ban đầu.

Lại trong kinh Phật bảo các Tì-kheo: Nếu ai tâm không dua dọc, đến đây với ta, ta vì ban mai nói pháp, khiến chiều được lợi, nói pháp ban chiều khiến sáng mai được lợi.

Lại nếu người được đạo A-la-hán, thì không cùng người khác, cũng không cùng phi nhân. Chỉ tu nhân chân chính nên được lợi đó.

Lại vô thượng Phật đạo còn phải tích chứa, tập các pháp thiện mới chứng được, hướng là những việc khác! Như trong kinh Phật bảo các Tì-kheo: Ta nương nhờ 2 pháp mà được đạo vô thượng: một là ưa thích điều thiện không chán, hai là tu đạo không biết mỏi. Phật đối với pháp thiện hoàn toàn không có giới hạn.

Lại các Bồ-Tát dù không được định cũng không biếng nhác mỗi một. Bởi vì sao? Vì nếu không làm thiện thì không được gì hết. Làm thiện cũng không mâu thuẫn nhau. Người không làm thiện quyết không yên ổn. Suy nghĩ vậy rồi, thì siêng năng tinh tiến tu tập pháp thiện. Nếu phát tâm tinh tiến hoặc được hoặc mất, còn người không tinh tiến thì mãi mãi không có hy vọng. Cho nên phải siêng năng tu tập, đừng sinh biếng nhác.

Lại người trí cuối cùng phải được giải thoát. Nếu bỏ tu tập không còn phương tiện nào khác. Cho nên người trí phải siêng tu tập đừng sinh biếng nhác.

Lại hành giả nghĩ tu chính hành ắt có quả báo, tuy chưa được liền không lấy làm lo.

Lại hành giả nên nghĩ: Ta đã từng được quả báo tu tập, vì chúng sinh xưa nay đều được tất cả thiên định, nay ta chính tu cũng chắc sẽ được. Nên không biếng nhác.

Lại người chính hành được Phật chứng minh. Ta nay chính hành, nên biết chắc được.

Lại ta được đầy đủ nhân duyên đắc đạo là: được thân người, các căn đầy đủ, rõ biết tội phúc, cũng tin giải thoát, gặp thiện tri thức. Dù các duyên may này, làm sao tu tập không được quả?

Lại chính hành tinh tiến không hề luống bỏ, nên không chán mỏi.

Lại phiền não dứt một cách vi tế âm thầm khó biết, như cán búa mòn dần đến hết. Các phiền não ta cũng phải sẽ dứt, nhưng vì vi tế nên không thể biết hết được. Cho nên biết tu thiện tinh tiến là hơn hết.

Lại kẻ ít trí tuệ còn có thể phá được phiền não, như chút ánh sáng cũng có thể trừ tối. Như vậy chỉ được chút ít trí tuệ thì sẽ xong việc, nên không chán mỏi.

Lại lâu mà khó thành, như đắc định. Nếu đắc định rồi thì các công phu khác sẽ không lâu. Cho nên tuy không mau đắc, quyết không chán mỏi.

Lại hành giả nên nghĩ đắc định là rất khó, như Bồ-tát xưa phúc tuệ sâu dày mà phải tinh cần đến 6 năm mới chứng được! Còn các Ti-kheo đắc định cũng khó, huống là chúng ta phàm phu bạc phúc độn căn mà có thể mau được ư? Nghĩ như vậy rồi không sinh chán mỏi.

Lại điều tất yếu của các hành giả phải là tu định, không còn nghiệp nào khác hơn, nên dù được dù không vẫn cần phải tu tập.

Lại người tu tập dù không được định, nhưng cũng gọi thân được xa lìa. Thân xa lìa rồi thì dễ được định.

Lại nếu siêng tu định thì không phụ ơn Phật. Mà cũng vì tu hạnh xa lìa mới được gọi là hành giả.

Lại tu tập pháp thiện lâu thì được thành tính thiện, cho đến chuyển mang thân khác pháp thiện đó vẫn thường theo, nên được thường gặp gỡ người thiện, đó là lợi lớn.

Lại người thường tu thiện hoặc ngay thân này chắc được hết lậu, hoặc được ngay khi lâm chung, hoặc sau khi mạng chung hóa sinh về chỗ thiện và được hết lậu ở đó, như trong Lợi ích của sự nghe pháp đã nói.

Lại trong tâm hành giả phát khởi tướng dững mãi nghĩ như vậy: Nếu ta không phá được trận giặc phiền não này quyết chẳng trở về không.

Lại hành giả nương tâm kiêu mạn mà sinh ý nghĩ như vậy: Người khác có tín v.v... các thiện căn nên có thể được định, ta nay cũng có, vì sao không được? Như Bồ-tát xưa theo người tiên A-la-la nghe pháp khởi ý nghĩ như vậy: Người này có tín v.v... các thiện căn, nên có thể được pháp này. Ta nay cũng có, mà vì sao lại không được?

Lại hành giả biết phiền não yếu ớt, sức trí tuệ mạnh mẽ, diệt nó đâu khó gì? Như nói Tì-kheo thành tựu 6 pháp, có thể dùng miệng thổi tan núi Tuyết, huống là thứ vô minh chết.

Lại hành giả sinh ý nghĩ: Do đời trước ta không tu định, nên nay không thể được, nay nếu không siêng tu sau lại sẽ không được, cho nên phải siêng tu tập.

Lại vì thường tu định nên tâm được chỗ trụ như chiếc bình lăn không dừng chắc phải có chỗ trụ.

Lại hành giả sinh ý nghĩ: Nếu ta thường siêng năng tinh tiến, dù được dù không, sau khỏi ăn năn. Cho nên phải nhất tâm siêng năng tu tập các định.

Phẩm 189: Tướng của trí trong luận về trí của nhóm đạo đế

Chân tuệ gọi là trí. Chân là không, vô ngã. Trong đó trí tuệ gọi là chân trí. Trong giả danh, tuệ là tướng không phải trí. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Như dao có thể cắt. Đệ tử Phật dùng dao trí tuệ có thể cắt đứt tất cả phiền não kết, phược, sù, triền, chứ không nói pháp nào khác. Không dùng thứ không thật mà có thể đứt phiền não được. Cho nên biết trí tuệ là thật.

Hỏi: Ông chỉ nói tuệ có thể đứt phiền não. Việc đó không đúng. Bởi vì sao? Vì tướng cũng có thể đứt các phiền não. Như trong kinh nói: Khéo tu tướng vô thường có thể phá ắt cả Dục nhiễm, Sắc nhiễm, và Vô sắc nhiễm, tất cả hý diệu, kiêu mạn, vô minh?

Đáp: Không đúng. Tuệ mới đứt phiền não, lấy tên tướng mà gọi. Phật có 2 lời nói: một là thật ngữ, hai là danh tự ngữ. Như trong kinh nói: Tâm từ đứt giận dữ. Mà

thật không phải pháp từ dứt kết, chỉ trí mới có thể dứt, như nói dao trí dứt các phiền não. Cho nên biết từ có thể dứt giận dữ, đó là danh tự ngữ.

Lại nghĩa trong kinh nói hiểu biết nên gọi tuệ. Có thể hiểu biết việc gì? Là sắc vô thường như thật biết vô thường, thụ tướng hành thức vô thường như thật biết vô thường. Đó là trí tuệ.

Lại nói đệ tử Phật là người tu định nhiếp tâm như thật thấy biết. Cho nên biết duyên đệ nhất nghĩa gọi là trí tuệ.

Lại trong ví dụ trí tuệ gọi trí là con dao tuệ là mũi tên v.v.... Trong dụ này đều chỉ rõ dứt trừ phiền não, chỉ chân trí tuệ mới có thể dứt phiền não. Cho nên biết trí tuệ là thật.

Lại trong kệ nói:

*Hành giả thấy thế gian,
Tất cả các trời người,
Vì thoai mất chân trí,
Nên tham đắm danh sắc.*

Thế gian phân đông chấp hư vọng cho là thường, lạc, tịnh v.v... gọi là mất chân trí. Nếu thấy chân thật không, vô ngã v.v... gọi là được chân trí. Cho nên biết trí tuệ là thật.

Lại trong kinh Phật nói: Như người mắt của gọi là mắt tiêu lợi. Nếu mắt trí tuệ gọi là mắt đại lợi.

Lại nói: Trong các lợi, của cải là lợi nhỏ, tuệ là lớn.

Lại nói: Trong các ánh sáng, ánh sáng mặt trời mặt trăng là ánh sáng nhỏ, ánh sáng tuệ là đệ nhất. Nếu tuệ không phải thật, sao Phật phải nói lên như vậy?

Lại trong kinh nói tuệ căn nhiếp thuộc Thánh đế.

Lại nói phải biết trí khô, tập là chân thật, duyên đệ nhất để gọi là trí tuệ.

Lại nói, trong các pháp trí tuệ là thượng.

Lại nói, cũng gọi Vô thượng Chính biến trí là tuệ nhãn. Cho nên biết trí tuệ là thật vì duyên đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Nếu vậy thì không có thể gian trí tuệ?

Đáp: Thật không có trí tuệ thể gian. Làm sao biết được? Vì tâm thể gian duyên giả danh, tâm xuất thể gian duyên không, vô ngã. Bởi vì sao? Vì thể gian là giả danh, vượt khỏi giả danh gọi là xuất thể gian.

Hỏi: Ông nói không đúng. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Thức biết chỗ nào? Là biết sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Như vậy âm, giới, nhập v.v... đều do thức biết. Nay cái biết này đều nên gọi là xuất thể gian. Cho nên ông nói tâm thể gian chỉ duyên giả danh không thể duyên thật. Điều này không đúng.

Lại ý thức cũng có thể duyên thật, vì có thể duyên thụ, tướng, hành v.v...

Lại Phật nói 2 thứ chính kiến là thể gian và xuất thể gian. Thấy có phúc tội v.v... gọi là thể gian. Như đệ tử Phật duyên khổ tập diệt đạo, vô lậu niệm, tương ưng tuệ gọi là xuất thể gian.

Lại trong kệ nói:

Được chính kiến trên đời,

Dù qua lại sinh tử,

*Cho đến trăm ngàn đời,
Thường không đọa ác đạo.*

Lại trong kinh nói: Người tà hành được sinh về chỗ thiện. Người này tội nghiệp chưa thành, mà duyên thiện thành thực trước, hoặc chính khi chết chính kiến tương ưng, thiện tâm hiện tiền, nên được sinh chỗ thiện.

Lại trong 10 thiện đạo cũng có nói chính kiến. Sao ông nói không có thể gian trí?

Lại Phật tự nói có 3 thứ tuệ là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Văn tuệ tư tuệ đều là thể gian. Tu tuệ gồm cả hai.

Lại Phật sinh ý nghĩ rằng Tì-kheo La-hầu-la chưa có thể thành tựu được tuệ giải thoát.

Lại nói có 5 pháp có thể khiến tâm chưa thành thực giải thoát được thành thực. Đó đều là trí tuệ thể gian.

Lại trong kinh nói: Có người có thể xuất mà không thể quán. Có người có thể quán mà không thể độ. Được thể gian trí nên gọi là có thể xuất. Chưa thấy 4 đế nên không thể quán. Nếu thấy 4 đế mà chưa được hết lậu nên gọi không thể độ.

Lại Phật tự nói: Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, thể trí.

Lại nói: Túc mạng trí, sinh tử trí đều là hữu lậu.

Lại nói: Pháp trụ trí, Nê-hoàn trí v.v... do trong kinh nói có như vậy v.v.... cho nên phải biết có trí hữu lậu?

Đáp: Nếu có trí tuệ hữu lậu, thì nay cần phải nói tướng sai khác của trí hữu lậu và vô lậu.

Hỏi: Nếu pháp sa vào hữu gọi là hữu lậu, khác đi là vô lậu.

Đáp: Pháp nào là sa vào hữu, pháp nào không sa vào hữu? Điều này phải giải đáp. Nếu không đáp được thì không phải tướng hữu lậu và vô lậu.

Ông nói có tâm thế gian duyên phi giả danh, gọi là thức duyên các trần, điều này không đúng.

Bởi vì sao? Vì Phật nói phàm phu thường theo giả danh mà lấy nghĩa. Vì tất cả tâm phàm phu không phá được giả danh, nên thường chạy theo tướng ngã, hoàn toàn không thể lìa bỏ được. Tuy thấy sắc cũng không lìa được tướng cái bình v.v... Cho nên tâm phàm phu không duyên được thật nghĩa. Dù có duyên các pháp thụ tướng v.v... cũng vẫn thấy là ngã và ngã sở. Cho nên biết tất cả tâm thế gian đều duyên giả danh.

Ông nói có các trí tuệ thế gian là 2 thứ chính kiến v.v.... Nay sẽ giải đáp tâm có 2 thứ là tâm si và tâm trí. Duyên pháp giả danh gọi là tâm si. Nếu chỉ duyên pháp, là không, vô ngã gọi là tâm trí. Như trong Kinh Giải Vô Minh nói: Vô minh là không biết trước, không biết sau, không biết trước sau, không biết nghiệp, không biết báo, không biết nghiệp báo trước sau. Như vậy v.v... chỗ chỗ như thật không biết, không thấy, không hiểu, si vọng đen tối, nên gọi là vô minh.

Như thật không biết, nghĩa là không biết không, vô ngã, vì là tâm phàm phu thường ở trong giả danh và duyên giả danh nên gọi là vô minh, duyên không, gọi là trí. Nay nếu tất cả tâm thế gian đều duyên giả danh, tâm

duyên giả danh gọi là vô minh, thì làm sao được nói thế gian có trí tuệ?

Hỏi: Như ông nói tướng trí tuệ duyên giả danh gọi là vô minh thì nay A-la-hán phải có vô minh, vì cũng có tâm duyên cái bình v.v...?

Đáp: A-la-hán không có tâm duyên cái bình v.v.... Bởi vì sao? Vì khi mới đắc đạo đã phá vỡ các tướng giả danh rồi. Nhưng chỉ vì sự dụng nên nói bình v.v... mà không chấp đắm kiêu mạn.

Có 3 thứ ngôn ngữ: một do thấy sinh, hai do kiêu mạn sinh, ba do sự dụng sinh. Phạm phu khi nói cái bình, khi nói con người, những lời đó đều do thấy sinh. Học nhân tuy không ngã kiến, vì mất chính niệm nên trong 5 ấm lấy tướng ngã mạn nói là con người, là cái bình, như trong Kinh Sai-ma-già đã nói.

Sự dụng, là A-la-hán như Đại Ca-diếp thấy áo Tăng-già-lê nói: Vật này của ta. Thiên thần sinh nghi. Phật giải thích rằng: Người đó đã vĩnh viễn nhỏ gốc mạn, đốt cháy hết nhân duyên làm sao có mạn? Nhưng vì danh tự thế gian nên nói vậy thôi. Cho nên biết A-la-hán không có tâm cái bình v.v....

Hỏi: Nếu thế gian không trí tuệ, mà nói 2 thứ chính kiến v.v..., thì làm sao thông với kinh được?

Đáp: Đó đều là tướng, lấy tên trí mà nói. Phật có thể thông đạt thật tướng các pháp, tùy theo có thể độ chúng sinh mà lập nhiều danh tự, như trí tuệ lấy tên thụ v.v... mà nói, như nói thụ là đối với các pháp được giải thoát. Cũng nói, khéo tu tướng vô thường v.v... có thể phá tất cả phiền

não. Cũng nói nghiệp thứ tư không đen không trắng có thể hết các nghiệp, như nói học tu.

Lại nói, lấy ý dứt các tham đắm.

Lại nói, tin có thể qua sông, nhất tâm qua biển, tinh tiến trừ khổ, tuệ có thể thanh tịnh.

Lại nói, mắt muốn thấy sắc, mắt thật không muốn chi tâm muốn thấy, mà lấy tên mắt nói.

Hỏi: Nếu trí thế gian thật sự là tướng đó, vì sao gọi là trí? Nếu không nhân duyên gì mà gọi là trí, thì tất cả tướng đều phải gọi trí. Cũng có thể nói có 2 thứ tướng, một duyên thế đế, hai duyên đệ nhất nghĩa đế?

Đáp: Không phải. Tướng có nhiều thứ sai khác, có tướng rất ngu si, đến nỗi không biết thiện ác thế gian. Có tướng si kế tiếp có thể phân biệt thiện ác, có tướng ít si hơn nữa có thể duyên tướng xương v.v.... Không lìa giả danh thì không thể hoại tướng các âm. Tướng này có thể thuận với trí hoại âm tướng, nên Phật gọi là trí. Thế gian có lỗi nói quả trong nhân. Như nói ăn vàng, thí người 5 việc, gái làm bản giới pháp, bờ tốt dòng nước ngon, pháp phục người vui.

Lại trong Kinh Thất Lộ nói: Dụng dứt v.v... lậu nhân gọi là lậu.

Lại nói, lấy cái ăn làm mạng sống, cỏ làm bò dê. Cũng nói, áo cơm các vật đều là ngoại mạng. Như cướp của người tức là cướp mạng. Đó đều nói nhân làm quả. Như vậy nhân của trí nói là trí, nên không lỗi.

Hỏi: Các niệm xứ là trong noãn pháp v.v..., tâm có thể duyên thật pháp là vô lậu sao?

Đáp: Tâm vô lậu có thể phá giả danh. Cho nên tùy tâm có thể phá giả danh, từ đó về sau gọi là vô lậu.

Hỏi: Tâm đến bậc nào có thể phá giả danh?

Đáp: Tùy có thể thấy đầy đủ tướng 5 ám sinh diệt, bấy giờ được tướng vô thường. Tướng vô thường có thể khiến hành giả đủ tướng vô ngã. Như nói Thánh đệ tử dùng tướng vô thường tu tâm thì có thể trụ tướng vô ngã. Dùng tướng vô ngã tu tâm có thể chóng được giải thoát tham sân si v.v.... Bởi vì sao? Vì nếu dùng tướng vô ngã tu tâm thì có thể trụ tướng khô, vì tướng ngã nên dù bị khô vẫn không biết. Cho nên, nếu pháp vô thường, vô ngã, mà cũng khô thì người trí vẫn có thể rất sinh chán ghét. Nên tướng vô ngã có thể đủ tướng khô.

Hỏi: Vì sao ông phá thuyết thứ lớp? Trong kinh nói: Nếu vô thường tức là khô; khô tức là vô ngã, cho nên tướng vô thường có thể đủ tướng khô, tướng khô có thể đủ tướng vô ngã?

Đáp: Trong kinh nói: Tu tướng vô thường, tâm Thánh đệ tử có thể tu tướng vô ngã. Cho nên tướng vô thường có thể đầy đủ tướng vô ngã.

Lại nói như vậy cũng có đạo lý. Bởi vì sao? Vì người nói ngã muốn để thành lập đời sau, nên mới nói ngã là thường. Cho nên, nếu thấy 5 ám vô thường liền biết vô ngã. Như trong kinh nói: Nếu người nói mất là ngã thì không đạo lý. Bởi vì sao? Vì mất có sinh diệt. Nếu mất là ngã, ngã tức sinh diệt. Có những lỗi như vậy.

Hỏi: Hai kinh đó nên nói thế nào cho thông?

Đáp: Tướng khổ có 2 thứ: một do tướng vô thường sinh gọi là tướng hoại khổ, hai do tướng vô ngã sinh, gọi là tướng hành khổ. Cho nên 2 kinh đó vẫn không mâu thuẫn nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thì niệm xứ trong pháp noãn v.v... có tướng vô thường, nên pháp này đều phải là vô lậu?

Đáp: Trong niệm xứ v.v..., nếu là vô lậu đâu có lỗi chi?

Hỏi: Tâm phàm phu không nên vô lậu được, lại tâm phàm phu còn có vọng niệm xứ v.v... làm sao mà vô lậu được?

Đáp: Người này không phải hoàn toàn là phàm phu. Người đó gọi là đang tu quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Tu quả Tu-đà-hoàn là ở trong kiến đạo đế, pháp niệm xứ v.v... không gọi kiến đế?

Đáp: Tu quả Tu-đà-hoàn có gần có xa. An trụ trong niệm xứ v.v... là xa, hành giả kiến đế là gần. Làm sao biết được? Phật nói trong Kinh Phủ Kha Dự rằng: Hoặc biết hoặc thấy nên được hết lậu. Biết thấy pháp gì? Nghĩa là sắc này v.v... sắc này sinh v.v... sắc này diệt v.v.... Nếu không tu đạo thì không hết lậu mà tu thì được, như ví dụ ấp trứng.

Lại hành giả thường tu đạo phẩm phiền não vi trần, tuy không đếm biết được, nhưng hết rồi mới hay, như thí dụ cái cán búa.

Lại hành giả thường tu 37 phẩm trợ đạo thì dục, phược, kết, triền để có thể tán hoại như thí dụ tàu biển.

Cho nên biết do niệm xứ đến tu tập đạo phẩm đều gọi là người tu hành sơ quả.

Lại nếu trong một niệm hoặc 15 niệm không được tu tập, phải biết đó là người xa tu hành Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Ban đầu nói biết sắc này v.v... sắc này sinh v.v...sắc này diệt v.v..., là đạo sơ quả. Ba dụ sau là dụ 3 quả. Cho nên không gọi là người tu hành sơ quả?

Đáp: Nếu trúng không áp thì hư, áp thì thành tựu. Như vậy từ niệm xứ đến mới phát tu tập, nếu không thành không gọi là hành, mà có thể thành thì học nhân này gọi là không hư hoại, có thể kham nhận. Cho nên nếu trong niệm xứ v.v... hư hoại thì gọi phạm phu. Nếu tu tập thành thì gọi là người hành sơ quả. Giống như còn ở trong vô trúng, nếu được ra khỏi vô gọi là Tu-đà-hoàn. Cho nên biết còn ở trong niệm xứ v.v... gọi là người đi xa.

Lại như Trưởng giả Úc-già cúng dường chúng Tăng, có thiên thần giới thiệu: Đây là A-la-hán, cho đến đây là người hành sơ quả. Nếu còn ở trong kiến đế đạo, làm sao chỉ được như vậy? Phải biết đó là người đi xa.

Lại trong kinh Phật nói: Nếu không có tín v.v... 5 căn thì người này gọi là còn ở trong ngoại phạm phu. Nghĩa này nói có nội phạm phu và ngoại phạm phu. Nếu không được đạt phần thiện căn gọi là ngoại phạm phu, mà được gọi là nội. Nội phạm phu này cũng gọi Thánh nhân, cũng gọi phạm phu. Bởi ngoại phạm phu nên gọi Thánh nhân, nhờ kiến đế đạo nên gọi phạm phu. Như A-nan báo Xa-nặc rằng: Phạm phu không thể nghĩ sắc không, vô ngã thụ tướng hành thức không, vô ngã, tất cả các hành

vô thường; tất cả pháp vô ngã, Nê-hoàn tịch diệt. Bấy giờ Xa-nặc chưa vào pháp vị, cũng nói phàm phu không thể nghĩ các pháp đó.

Hỏi: Hoặc gần hoặc xa đều gọi là hành giả, có gì sai khác?

Đáp: Nếu thấy diệt để gọi chân hành giả. Nếu còn ở viễn phần thiện căn thấy 5 ấm vô thường, khổ, không, vô ngã mà chưa thấy diệt, gọi là danh tự hành giả. Bởi vì sao? Như trong kinh nói: Chư Tì-kheo hỏi Phật: Thế nào gọi là thấy pháp? Phật nói: Do mắt duyên sắc sinh nhãn thức, tức cùng sinh thụ, tưởng, tư v.v... tất cả pháp này đều vô thường bại hoại không thể tin tưởng bảo đảm được. Nếu pháp vô thường tức là khổ. Pháp khổ này sinh cũng khổ, trụ cũng khổ, thường xuyên khổ tướng cũng khổ. Cho đến ý pháp cũng như vậy. Nếu khổ đó diệt, các khổ khác không sinh, không còn nối nhau nữa. Hành giả tâm nghĩ rằng nơi đó là tịch diệt nhiệm mầu, nghĩa là xả bỏ tất cả hư vọng, diệt hết tham ái, ly tịch Nê-hoàn.

Nếu trong pháp này tâm vào tín giải, không lay không động không lo không sợ, từ đây trở đi mới gọi là thấy pháp. Cho nên biết hành giả nếu dùng vô thường v.v... tu quán thấy 5 ấm gọi là người đi xa, nếu thấy diệt để gọi là người đi gần. Như Xa-nặc trả lời các Thượng tọa rằng: Con cũng có thể nghĩ sắc v.v... là vô thường, mà với tất cả hành diệt hết ái, tâm Nê-hoàn không thể vào thông đạt tín giải. Nếu biết như vậy không gọi là thấy pháp.

Lại nói, nếu hành giả trong pháp này dùng duyên tuệ tín nhãn gọi là người tín hành. Vượt khỏi địa vị phạm phu vào chính pháp vị, không được sơ quá quyết không chết yếu. Nếu dùng lợi tuệ tín nhãn gọi là người pháp hành. Thấy pháp đó rồi có thể dứt 3 kết, gọi là Tu-đà-hoàn. Rõ ràng không còn sót lọt gì hết gọi là A-la-hán. Cho nên biết thấy diệt gọi là người đi gần.

Hỏi: Vì sao hành giả không đều thấy diệt?

Đáp: Trong kinh nói: Các pháp vô tính, do nhiều nhân duyên sinh. Pháp đó rất sâu xa, hết tất cả ái, tịch diệt Nê-hoàn, nơi đó khó thấy được! Phật quán 12 nhân duyên diệt nên chứng được Vô thượng đạo.

Lại trong Kinh Pháp Ấn nói: Nếu hành giả quán thấy 5 ám vô thường bại hoại hư vọng không bền chắc, cũng gọi là không, mà gọi là tri kiến chưa tịnh. Kinh này sau nói hành giả khởi ý nghĩ như vậy: Những điều ta thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm xúc và nghĩ, bởi nhân duyên này mà sinh thức, thì nhân duyên thức đó là thường hay vô thường, tức biết là vô thường. Nếu từ nhân duyên vô thường mà sinh thức thì làm sao thường được? Cho nên thấy tất cả 5 ám vô thường do nhiều duyên sinh, tận tướng, ly tướng và diệt tướng. Bảy giờ tri kiến hành giả mới thanh tịnh. Bởi nói diệt tận là tri kiến tịnh. Cho nên tri kiến diệt gọi là thấy Thánh đế.

Lại trước là pháp trụ trí, sau là Nê-hoàn-trí. Cho nên thấy diệt đế, gọi là được Thánh đạo.

Phẩm 190: Thấy một đế

Hỏi: Ông nói chỉ thấy diệt đế gọi là người hành quả. Việc đó không đúng. Bởi vì sao? Trong kinh Phật nói: Ta và các ông không thể như thật thấy 4 đế, nên ở lâu trong sinh tử. Nay thấy 4 đế này dứt nhân duyên thân, hết tướng sinh tử, không có thụ thân nữa. Phải biết thấy 4 đế nên gọi là người hành quả, không phải chỉ thấy diệt đế.

Lại nữa, Phật nói: Thượng pháp đó là 4 đế. Cho nên hành giả cần phải thấy biết hết.

Lại nói: Nếu người mặc pháp phục hủy bỏ hình hảo, chính tín xuất gia, đều vì mục đích thấy 4 đế. Nếu người muốn được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, đều vì thấy 4 đế. Nếu người được Phật đạo A-la-hán, Bích-chi-phật, là đều đã thấy 4 đế. Cho nên biết không những chỉ thấy diệt đế.

Lại Phật tự nói: Bốn đế được theo thứ tự.

Lại trong Kinh Chuyển Pháp Luân nói: Ta quán đây là khổ, đây là nhân khổ, đây là diệt khổ, đây là đạo diệt khổ. Ở trong đó sinh nhãn trí minh giác. Ba phen chuyển như vậy đều nói 4 đế.

Lại trong kinh nói: Tám vải mới trắng sạch đem ngâm vào trong ao hồ tức thì ăn màu. Người này cũng vậy tức là một khi ngộ là thấy 4 chân đế.

Lại nói: Hành giả tịnh tâm chính quán khổ đế cho đến đạo đế thấy như vậy rồi từ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, tâm được giải thoát.

Lại trong các kinh nói Thánh đế xử v.v... đều nói 4 đế không chỉ nói diệt.

Lại Phật nói 4 trí là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí đều vì 4 đế.

Lại pháp của hành giả phải quán thấy cả 4-đế, giống như thầy thuốc giỏi phải biết bệnh, biết nguyên nhân của bệnh, biết cách chữa bệnh, và biết thuốc chữa bệnh. Cũng như vậy, hành giả muốn thoát các khổ, cần phải biết khổ, khổ nhân, diệt khổ, và đạo diệt khổ. Nếu không biết khổ thì do đâu biết nhân khổ, biết diệt khổ và đạo diệt khổ. Cho nên biết không chỉ thấy diệt?

Đáp: Có các thuyết nói 4 Thánh đế lợi, đều nói trong âm giới nhập v.v..., nghĩa là biết sắc này v.v..., sắc v.v... sinh diệt cho nên được hết lậu.

Lại Phật tự nói: Ta đối với trong sắc âm v.v... không như thật biết vị, quá, xuất, ly, thì hoàn toàn không tự gọi được đạo Vô thượng. Nếu biết như thật thì tự biết được đạo.

Lại trong Kinh Thành Dụ nói: Nếu ta chưa biết lão tử, lão tử sinh, lão tử diệt, và đạo diệt lão tử, cho đến các hành, các hành sinh, các hành diệt, và đạo diệt các hành, thì không tự nói ta được đạo Vô thượng. Nếu như thật biết, tự nói ta được thành Phật, thấy như vậy v.v..., nếu là được thấy đạo, thì 16 thứ tâm không gọi là được đạo.

Hỏi: Tôi không nói đó gọi là thấy được đạo, mà là lúc suy nghĩ?

Đáp: Trong 4 đế cũng nói như vậy. Cũng có thể nói là lúc suy nghĩ. Nếu không phải như vậy, thì cần phải

nói nhân duyên khi thấy 4 đế gọi được đạo khi thấy 5 âm v.v... là suy nghĩ.

Hỏi: Trí dứt phiền não gọi là được đạo. Suy nghĩ 5 âm v.v... không dứt phiền não?

Đáp: Trước tôi đã nói 5 âm v.v... trí cũng dứt phiền não, như nói thấy biết sắc v.v... nên được hết lậu.

Lại nói, thấy thế gian nhóm thì diệt chấp không, thấy thế gian diệt thì diệt chấp có.

Lại Phật tự quán nhân duyên đặc đạo.

Lại trong Kinh Chân-thúc-già nói có nhiều thứ nhân duyên đặc đạo. Có người quán 5 âm mà đặc đạo, hoặc quán 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên v.v... mà đặc đạo. Cho nên biết không phải chỉ nhờ 4 đế mà được đạo. Nếu ý ông bảo tuy có thuyết đó, nhưng không bởi quán này có thể dứt phiền não, thì cũng có thể nói tuy quán 4 đế mà không dứt phiền não.

Lại cần phải nhờ chân đế mới đặc đạo, mà lời giải trong 4 đế nói: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau khổ, yêu thương xa lìa khổ, và cầu không được khổ. Tóm lại 5 âm là khổ.

Lại nói, nhân của khổ là tham ái thường đeo bám theo nơi ưa thích mà thụ thân. Quán như vậy v.v... không thể hết lậu, vì đó đều là thế đế chứ không phải đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Tuy quán sinh tử v.v... mà không hết lậu. Lược nói 5 âm đều khổ, trong đó người có trí có thể phá phiền não?

Đáp: Còn 3 đế kia thì sao? Cho nên biết ông tự nhớ tưởng phân biệt.

Lại quán 5 âm đều khô là tâm tán loạn nên không được đạo.

Hỏi: Nếu không dùng 4 để được đạo thì phải dùng pháp nào được đạo?

Đáp: Dùng Một để được đạo. Đó là Diệt. Như trong kinh nói: Vọng là hư dối, thật gọi là không điên đảo. Tất cả pháp hữu vi đều hư dối do vọng chấp lấy. Cho nên biết hành giả tùy tâm ở trong pháp hữu vi, đều không phải chân thật. Như trong kinh nói: Các pháp hữu vi hư dối như ảo hóa, như sóng nắng, như chiêm bao, như vay mượn v.v.... Như trong Kinh Pháp Cú nói:

Hư vọng buộc thế gian.
Giống như có chắc thật.
Thật không, thấy như có.
Chính quán thì đều không.

Như thật không có pháp nam nữ, chỉ 5 âm hòa hợp miễn cưỡng gọi là nam nữ, phạm phu làm lẫn cho đó là thật có. Hành giả quán sát 5 âm đó trống rỗng, không ngã, nên tức thì không còn thấy. Như trong Kinh Pháp Ấn nói: Hành giả quán sắc vô thường, là tướng trống, rỗng, lia. Vô thường là thể tính sắc vô thường. Trống, rỗng là như trong bình không nước gọi là bình không. Như vậy trong 5 âm không có thần ngã, nên gọi là không. Quán như vậy cũng gọi là không, cũng gọi tri kiến chưa thanh tịnh, vì chưa thể thấy 5 âm diệt. Về sau mới thấy diệt, như hành giả khởi ý nghĩ như vậy: Những gì ta đã thấy nghe v.v.... nên tri kiến diệt thì hết các phiền não.

Hỏi: Vì sao thấy diệt đế thì hết phiền não mà không phải các đế khác?

Đáp: Lúc bấy giờ hành giả đã quyết định tướng khổ. Nếu chưa chứng tướng diệt, thì đối với pháp hữu vi tâm khổ chưa quyết định, như người chưa được hỷ lạc của sơ thiên, thì trong 5 dục không sinh tướng nhàm chán.

Lại như chưa được định Vô giác quán, đối với định Giác quán không lấy gì làm lo. Hành giả cũng vậy, khi chưa chứng tướng Nê-hoàn tịch diệt, không được hành khổ. Phải biết thấy diệt đế nên tướng khổ đầy đủ. Tướng khổ đầy đủ mới dứt được ái v.v... các kết.

Hỏi: Nếu thấy diệt đế nên tướng khổ đầy đủ thì lẽ ra thấy diệt đế rồi sau mới dứt phiền não. Bởi vì sao? Vì thấy diệt đế rồi tướng khổ mới đủ?

Đáp: Không phải dứt sau. Tùy ở trong diệt, được tướng tịch diệt tức thì tướng khổ đầy đủ, sau sẽ hiện tiền. Như trong kinh nói: Hành giả đối với tập sinh tướng, pháp trí tận diệt tướng, ngay trong pháp đó được pháp nhãn thanh tịnh.

Lại người đối với các âm thường có ngã tâm. Tuy quán các âm vô thường, khổ v.v..., nhưng chưa được diệt vĩnh viễn. Nếu thấy diệt đế, nhờ vô tướng nên ngã tâm diệt vĩnh viễn.

Hỏi: Nếu thấy diệt đế thì hết ngã tâm. Vì sao Phật quán người đối cơ tâm nhu nhuyễn v.v... mới vì nói 4 đế mà không chỉ nói diệt?

Đáp: Trong đó có thuận đạo hành. Người nào dùng tướng vô thường, tướng vô ngã đầy đủ nên được khổ quán này là người gần đạo. Cho nên hợp lại mà nói.

Hỏi: Nếu khi đắc đạo dứt thân kiến, thì sao lại còn nói giới lấy và nghi nữa ư?

Đáp: Hành giả đắc đạo hiện thấy các pháp đều không, vô ngã, tức không còn nghi, không còn nghe, nghĩ, quán v.v... đồng với phạm phu. Nếu thấy đạo đế thì biết chỉ có đó là một sự thật, không còn con đường nào khác. Cho nên nói ba.

Hỏi: Nếu khi đắc đạo thấy đế dứt hết các phiền não, mà vì sao chỉ nói hết 3 kết ư?

Đáp: Tất cả phiền não đều lấy thân kiến làm gốc. Như Phật hỏi Ti-kheo: Con người do việc gì, bởi việc gì, thấy việc gì, sinh kiến chấp như vậy: Chỉ có thân này chết là mất hẳn, có tất cả những kiến chấp như vậy v.v...? Ti-kheo thưa Phật: Phật là Pháp vương, cúi xin giải thích. Phật nói: Con người do sắc, bởi sắc, thấy sắc là ngã, nên mới khởi kiến chấp đó. Cho đến thức cũng như vậy. Phải biết bởi kiến chấp ngã mà khởi các phiền não. Bởi vì sao? Vì nếu có thân kiến thì cho rằng cái ngã này là hoặc thường, hoặc vô thường. Nếu định kiến là thường thì đó là thường kiến, định kiến là vô thường thì đó là đoạn kiến. Nếu ngã là thường thì không nghiệp, không báo, không giải thoát khổ. Nếu ngã là vô thường cũng không nghiệp, không báo và không giải thoát khổ, không do tu đạo mà được Nê-hoàn. Nếu cho kiến chấp đó là hơn, tức là kiến thủ, và cho là có thể được độ tức là giới thủ. Tự yêu kiến

chấp của mình, giận ghét kiến chấp người khác, lấy kiến chấp đó làm tự cao tức là kiêu mạn. Đều bởi không biết như thật, nên mới khởi kết này tức là vô minh. Cho nên dứt thân kiến mới dứt kết của kiến đế.

Hỏi: Nếu dứt thân kiến các thứ khác cũng dứt theo, thì cần gì nói riêng giới lấy và nghi ư?

Đáp: Vì nó hơn. Hành giả hiện thấy pháp tướng thì không có nghi. Nghi này là nghi ngã có hay không. Cũng nghi đạo này có được thanh tịnh chăng. Nay thấy khổ đế thì dứt ngã kiến. Cũng biết chỉ một con đường mà không có con đường nào khác. Cho nên nói dứt thân kiến là chân thật thấy khổ, dứt giới thủ nên gọi là con đường tu hành. Không ngăn ngại đối với pháp tri và sở tri. Dùng chính trí biết pháp sở tri, tức dứt tập, chứng diệt gọi là đủ 4 đế. Cho nên nói 3 pháp này để làm rõ tướng không nghi. Nghi này do ngã đạo sinh, như trong kinh nói: Đầu tiên được tướng đạo. Nghĩa là thấy pháp, được pháp, biết pháp, đạt pháp, vượt quá các lưới nghi, không theo ai chỉ bày, ở trong Phật pháp được sức vô úy an trụ trong chính quả.

Phẩm 191: Duyên tất cả

Hỏi: Trí nào có thể duyên tất cả?

Đáp: Nếu trí hành giới, nhập v.v... gọi là duyên tất cả. Bởi vì sao? Vì như nói pháp các nhập các giới, sự vật có các duyên các trần có thể nhận biết v.v..., đều gồm hết các pháp, nếu trí có thể duyên gọi là duyên tất cả.

Hỏi: Trí này không biết các pháp tương ưng cộng sinh?

Đáp: Có thể biết, nếu duyên nhập v.v..., đó gọi là trí tổng tướng. Vì trí tổng tướng nên có thể duyên tất cả. Bởi vì sao? Vì như nói 12 nhập thì không còn thừa pháp nào nữa. Cho nên biết trí này cũng duyên tự thể.

Hỏi: Trong kinh nói: Hai nhân duyên sinh thức. Cho nên không có trí tự duyên.

Lại các trí không có nhân duyên, ví dụ để chỉ nghĩa có thể duyên tự thể, như đầu ngón tay không thể tự chạm xúc, con mắt không thể tự thấy được?

Đáp: Ông nói 2 nhân duyên sinh thức. Điều này không nhất định. Cũng có không duyên sinh trí, chứ không phải tất cả đều do 2 nhân duyên sinh.

Lại thức thứ 6 ở trong ấm của chính nó đều không có cảnh duyên, vì không có hiện pháp nên thức này không thể duyên pháp sắc v.v.... Nếu có thể duyên, thì những người mù lẽ ra cũng phải thấy sắc? Bấy giờ tâm và tâm số pháp của người này còn ở trong quá khứ, vị lai, mà quá khứ, vị lai là không có pháp thì lấy gì làm cảnh duyên? Chỉ vì ngăn chấp thân ngã nên nói như vậy thôi. Nếu các thức sinh đều do 2 thứ này không phải 4 nhân duyên, hoặc có thức sinh không có 2 nhân duyên, như trong kinh nói: Sáu nhập làm nhân duyên xúc, mà thật không có xúc bởi 6 nhập là nhân duyên. Nếu sinh thì không xuất nơi 6 nhập vì ngăn pháp nhập thứ bảy. Như vậy ngăn 4 nhân duyên nên Phật nói hai.

Lại đối với quá khứ, vị lai, hư không, thời gian, phương hướng v.v... sinh biết, mà những pháp đó thật sự không có. Đó tức là không duyên mà biết.

Hỏi: Nếu như vậy thì do nhân duyên đó, các pháp quá khứ vị lai lẽ ra phải có, vì nếu không, làm sao sinh cái biết? Với những sùng thờ, lông rùa, chân rắn v.v... hoàn toàn không sinh cái biết?

Đáp: Trong tạo tác sinh cái biết. Như thấy người đi là nhớ khi đi, nghe người nói là nhớ khi nói. Như vậy v.v... trong quá khứ không tạo tác, cho nên không đúng.

Hỏi: Nay đối với quá khứ là nhớ thứ gì?

Đáp: Nhớ pháp vô sở hữu. Ông nói sao không nhớ sùng thờ v.v.... Nếu pháp sinh rồi mà diệt là có thể nhớ được. Nếu xưa nay không có, thì nhớ cái gì? Như pháp trước kia gọi chúng sinh, nay tuy đã là quá khứ nhưng cũng gọi chúng sinh. Như vậy trước kia, với pháp này sinh nhớ, cho nên nay ngay tâm này nhớ lại, không phải tâm khác.

Lại người này trước lấy tướng pháp đó, pháp đó nay tuy đã diệt mà có thể sinh pháp nhớ tướng phân biệt. Nếu pháp sinh ở tâm đó nơi người này, pháp này diệt mất sau ý thức sinh, có thể biết việc đó gọi là tướng duyên thức.

Lại tướng này có thể làm nhân duyên cho tướng duyên thức sau, chứ biết sùng thờ v.v... không tướng làm nhân, cho nên không sinh.

Lại cũng nên có biết duyên sùng thờ v.v..., nếu không làm sao có thể nói ra được.

Hỏi: Sùng thờ v.v... tính không thể biết. Bởi vì sao? Vì hoàn toàn không sinh các ý nghĩ dài ngắn đen trắng v.v..., cho nên pháp quá khứ cũng như vậy. Bởi vì sao? Vì chúng ta không thể dùng pháp quá khứ khiến được hiện tiền, như Thánh nhân biết việc tương lai nói việc này sẽ như vậy, việc kia sẽ không như vậy?

Đáp: Trí lực Thánh nhân là vậy, pháp tuy chưa có mà có thể dự biết. Như Thánh nhân có thể phá vách đá ra vào không ngại. Điều này cũng vậy, không mà có thể biết.

Lại vì sức nhớ nên biết. Như nhãn thức không thể phân biệt nam nữ. Nếu nhãn thức không có thể, thì lẽ ra ý thức cũng không có thể, mà ý thức thật có thể. Điều này cũng vậy.

Lại như chúng ta với việc trước từng dùng đã diệt rồi mới sinh biết. Thánh nhân cũng vậy, với pháp không có mà có thể sinh biết.

Lại như nói Đề-bà-đạt-đa không có một thức có thể biết 4 chữ, mà cũng có thể biết. Điều này cũng vậy.

Lại như các số lượng sai khác hợp ly đây kia v.v..., trong đó tuy không hiện pháp cũng có thể sinh biết.

Lại như thân người không thể dùng một niệm mà biết khắp, cũng không thể dùng phân tách từng phần mà hiểu biết. Tuy phân tách từng phần không biết, một niệm không biết mà cũng sinh biết người. Điều này cũng vậy.

Ông nói không có nhân duyên thí dụ có thể biết tự thể. Trong đó có nói ý có thể tự biết, nói hành giả tùy tâm quán mà quá khứ vị lai không có tâm. Cho nên biết dùng tâm hiện

tại duyên tâm hiện tại. Nếu không vậy thì hoàn toàn không có người có thể biết pháp hiện tại tâm tương ưng.

Hỏi: Trong kinh nói: Nếu có thể đem tuệ quán tất cả pháp vô ngã tức được chán lia khổ, đạo này là thanh tịnh. Trí tuệ này trừ tự thể và pháp cộng sinh ngoài ra tất cả duyên pháp?

Đáp: Trí này chỉ duyên hữu lậu không phải vô lậu. Bởi vì sao? Vì trong kệ nói: Tức chán lia khổ. Cho nên biết chỉ duyên khổ đế.

Lại vì phá ngã kiến, tu vô ngã trí. Ngã kiến duyên 5 thứ thụ ấm, phải biết vô ngã cũng là duyên thụ ấm. Năm thụ ấm này vô thường cho nên vô ngã. Như trong kinh nói: Nếu vô thường tức vô ngã. Nếu vô ngã tức là khổ.

Lại Phật bảo Ti-kheo: Dứt không phải pháp sở hữu của ông. Ti-kheo nói: Được rồi, thưa Thế Tôn! Phật hỏi: Ông được như thế nào? Bạch Thế Tôn! Sắc là phi ngã sở, thụ, tưởng, hành, thức, cũng đều phi ngã sở. Phật khen: Hay thay! Hay thay! Phải biết chỉ trong thụ ấm sinh tâm vô ngã.

Lại trong kinh nói: Các sở hữu sắc hoặc quá khứ vị lai, nội ngoại thô tế, gần xa lớn nhỏ, đều nên biết phi ngã sở. Như vậy lấy chính tuệ mà quán như thật.

Lại nói: Quán sắc vô ngã, thụ, tưởng, hành, thức vô ngã. Quán sắc vô thường, hư vọng, như trò ảo hóa, gạt người không có mắt trí, là oán, là giặc, không ngã, không ngã sở.

Lại Phật nói: Ngồi ở đây, có người ngu si còn ở trong vô minh, bị vô minh làm mù quáng, lia bỏ Phật pháp mà sinh tà kiến này. Nếu sắc vô ngã, thụ, tưởng,

hành, thức đều vô ngã, thì làm sao vô ngã khởi nghiệp mà đem ngã ra chịu? Cho nên biết vô ngã chỉ duyên thụ ẩm.

Lại trong kinh không chỗ nào nói trí vô ngã duyên tất cả pháp, mà chỗ chỗ đều nói duyên 5 thứ thụ ẩm.

Hỏi: Phật tự nói: Tất cả pháp vô ngã. Cho nên biết hữu vi vô vi trí này đều duyên, chứ không phải chỉ duyên 5 thụ ẩm.

Lại nói: Có 10 thứ không, duyên tất cả pháp. Không tức là vô ngã.

Lại nói: Các hành vô thường, khổ, tất cả pháp vô ngã. Nếu trí vô ngã chỉ duyên khổ đế, vì sao không nói các hành vô ngã? Vì nói tất cả pháp vô ngã nên phải biết rằng nếu nói hành là nói hữu vi; nếu nói pháp tức gồm chung tất cả.

Lại nói: Người nào đối với pháp một tướng và pháp khác tướng, trí tuệ hiện tại tiền như mắt sáng thấy sắc? Chỉ chư Phật Thế Tôn chính trí được giải thoát mới có thể đối với pháp một tướng và pháp khác tướng, trí tuệ hiện tại tiền như người sáng mắt thấy sắc. Vì tướng vô ngã nên các pháp một tướng. Cho nên biết vô ngã duyên tất cả pháp không phải chỉ duyên khổ?

Đáp: Nói tất cả, là có 2 thứ: một là thân nhiếp tất cả, hai là thân nhiếp một phần. Thân nhiếp tất cả là như Phật nói: Ta là người Nhất thiết trí. Nói tất cả, gọi là 12 nhập. Thân nhiếp một phần là như nói tất cả là vậy, mà vô lậu vô vi không thể được vậy.

Lại trong Phạm Như Lai nói Như Lai là người bỏ tất cả, là người hơn tất cả. Nói thế nhưng không thể bỏ

pháp trì giới v.v..., mà chỉ bỏ pháp ác nên nói bỏ tất cả. Cũng như không thể hơn các Phật khác, mà chỉ hơn các chúng sinh nói hơn tất cả.

Lại nói: Tì-kheo như thế nào gọi là Nhất thiết trí?

Đáp: Nghĩa là như thật biết 6 thứ xúc nhập sinh diệt. Đó gọi là biết tướng chung tất cả pháp, không phải trí tướng riêng. Với Phật chung riêng đều biết hết, nên gọi là bậc Nhất thiết trí. Tì-kheo đó đã biết chung các pháp vô thường v.v... nên gọi Nhất thiết trí. Tên tuy đồng, mà kỳ thật có khác, đó gọi là thâm nhiếp một phần.

Lại Phật nói: Nếu pháp đã hội nhập vào Tu-đa-la, tùy thuận Tì-ni, không trái pháp tướng, thì pháp đó nên lãnh thụ.

Lại nói: Nếu ai nói đây là lời Phật nói, người đó lời đúng mà nghĩa sai. Người trí trong đó phải nói nghĩa đúng. Rồi bảo Tì-kheo này rằng lời đó nên tương xứng với nghĩa nào?

Lại có người nói nghĩa đúng mà lời sai. Là trong nghĩa đúng này nên để riêng lời nói đúng. Những kinh như vậy, Phật đều cho phép.

Lại có kinh liễu nghĩa và không liễu nghĩa. Nghĩa là rất ráo và không rất ráo. Kinh này thuộc nghĩa không rất ráo. Vì sao đối với một việc mà nói tên tất cả? Phải biết ý đó.

Lại người đời trong một việc cũng nói tất cả, như nói vì cúng tất cả, cho ăn tất cả, cũng nói người này tất cả đều ăn. Cho nên biết tuy nói tất cả vô ngã nhưng phải biết chỉ vì 5 thụ ẩm mà nói, chứ không phải vì tất cả pháp. Ông nói 10 thứ không, trong đó không được có Vô vi không.

Bởi vì sao? Vì không ai trong vô vi mà sinh tướng ngã. Cho nên dù có còn các không khác đi nữa cũng chẳng hại gì, vì ông cũng dùng khổ trí cùng tương ưng với không. Cho nên không, chẳng phải duyên tất cả pháp.

Hỏi: Thế gian không, duyên tất cả pháp, chẳng phải vô lậu không?

Đáp: Không có thế gian không. Tất cả không đều là vô lậu.

Hỏi: Trong Kinh Pháp Ấn nói không là thế gian không?

Đáp: Đó là xuất thế gian không, chứ chẳng phải thế gian không.

Lại hỏi: Trong đó nói tri kiến chưa tịnh, cho nên biết là thế gian không?

Đáp: Tôi trước đã nói tâm vô lậu có thể phá giả danh. Cho nên từ khi phá giả danh trở đi gọi là tâm vô lậu. Sau thấy diệt đế, lìa tăng thượng mạn, mới gọi là tri kiến tịnh. Cho nên không có thế gian không.

Ông nói tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã. Như vậy phải có hành giả đầy đủ tướng vô ngã. Khi pháp tướng đầy đủ thì đối với vô ngã nói pháp danh tự. Như trong Phẩm kiến đế nói: Nếu ai không thấy khổ, đó tức là thấy ngã. Khổ như thật thấy khổ, tức không còn thấy ngã. Như thật, nghĩa là thấy vô ngã. Cho nên nói tất cả pháp vô ngã, chỉ duyên khổ để nói vô ngã hành.

Ông nói Phật hiện tiền thấy tướng một, tướng khác. Đó cũng nên có, vì lấy giới, nhập, v.v... làm một, cho nên nói một tướng đâu có lỗi gì?

THÀNH THẬT LUẬN

(Quyển 16)

Phẩm 192: Thánh hành

Có 2 hành là không hành và vô ngã hành. Trong 5 ấm không thấy chúng sinh gọi là không hành. Thấy 5 ấm cũng không có, là vô ngã hành. Vì sao biết được? Trong kinh nói: Thấy sắc không thể tính, thấy thụ, tưởng, hành, thức là không thể tính.

Lại trong kinh nói: Do vô tính được giải thoát. Cho nên biết tính của sắc không phải chân thật có. Tính của thụ, tưởng, hành, thức cũng không phải chân thật có.

Lại trong kinh nói: Năm ấm đều trống không như huyễn, không thể nói huyễn là chân thật. Huyễn, nếu chân thật có, không gọi là huyễn, nhưng cũng không thể nói không, mà chỉ vì không thật, có thể làm dối gạt.

Lại hành giả này quán tất cả trống không, cho nên biết 5 ấm không phải chân thật có, như phá một tường nên không thấy cái vách tường v.v... một pháp, 5 ấm cũng vậy, không có một thật pháp.

Hỏi: Nếu sắc v.v... pháp cũng không chân thật, nay nên chỉ có một thể đế?

Đáp: Diệt là đệ nhất nghĩa để cho nên có. Như trong kinh nói: Vọng là hư dối, đế là như thật. Diệt tức là như thật quyết định, nên gọi đệ nhất nghĩa có.

Lại hành giả sinh chân thật trí, tất cả hữu vi v.v... đều luống không, cho nên biết diệt là đệ nhất nghĩa có.

Hỏi: Ông nói thấy trong 5 ấm không có chúng sinh. Do đâu mà 5 ấm gọi chúng sinh, là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Cũng hữu lậu mà cũng vô lậu.

Hỏi: Trong kinh nói: Nếu thấy chúng sinh đều là thấy 5 thụ ấm?

Đáp: Pháp vô lậu cũng ở trong số chúng sinh, chứ không phải ở trong số phi chúng sinh như gỗ đá v.v.... Cho nên biết cũng nhân các ấm vô lậu gọi là chúng sinh.

Lại nếu Thánh nhân ở tâm vô lậu, bấy giờ cũng gọi hữu tâm chúng sinh. Cho nên tâm vô lậu cũng gọi chúng sinh. Tất cả các ấm đều gọi thụ ấm, vì đều từ thụ sinh ra.

Hỏi: Làm sao biết từ thụ sinh?

Đáp: Pháp vô lậu đều từ bố thí, trì giới tu định v.v... trong nghiệp tâm sinh, nếu không thì không sinh. Như kinh nói: Vì bị vô minh che khuất và kết ái trói buộc, nên kẻ ngu được thân này mà người trí cũng như vậy. Thân tức thụ ấm.

Hỏi: Nếu tất cả ấm đều gọi thụ ấm, thì hữu lậu và vô lậu ấm đâu có sai khác?

Đáp: Tất cả ấm từ thụ mà sinh nên gọi thụ ấm. Nhưng không thụ thân đời sau nên gọi là vô lậu, sai khác

là ở đó. Âm và thụ âm đều từ thụ sinh, nên gọi thụ âm. Cho nên không mâu thuẫn kinh này. Hai hành này đều duyên vô sở hữu. Nếu sắc v.v... pháp không, và thể tính diệt, đều là vô sở hữu.

Hỏi: Hai hành này đều duyên 5 âm. Trong kinh nói: Thấy sắc trống không vô ngã thấy thụ, tưởng, hành, thức trống không vô ngã. Thì sao?

Đáp: Do các âm mới thấy trống không vô ngã. Bởi vì sao? Vì với các nhân duyên sinh mới có thấy chúng sinh không, cũng thấy sắc v.v... pháp diệt.

Hỏi: Đó là đều duyên. Nếu hành giả nghĩ các âm và không, tức là duyên âm và vô sở hữu?

Đáp: Hành giả trong các nhân duyên sinh, không thấy chúng sinh, nên liền sinh không tâm, rồi sau mới thấy trống không.

Lại trong 5 âm diệt, không thấy thể tính của sắc, thể tính của thụ, tưởng, hành, thức, cho nên mới biết 2 hành này đều duyên vô sở hữu.

Phẩm 193: Kiến trí

Hỏi: Chính kiến chính trí có gì sai khác?

Đáp: Là một thể không có gì sai khác. Chính kiến có 2 thứ, thế gian và xuất thế gian. Thế gian nghĩa là có tội phúc v.v... Xuất thế gian nghĩa là có thể thông suốt khổ v.v... các đế. Chính trí cũng vậy.

Hỏi: Ông nói tướng kiến trí không như vậy. Bởi vì sao? Các nhãn chi là kiến không phải trí. Tận trí, vô sinh trí, và 5 thức tương ưng tuệ chi là trí không phải kiến?

Đáp: Tại sao các nhãn không phải trí?

Hỏi: Bởi vì chưa biết muốn biết, cho nên gọi là vị trí căn. Nếu khổ pháp nhãn là trí, khổ pháp nhãn biết rồi thì khổ pháp trí phải gọi là trí căn, chứ không gọi là vị trí căn. Cho nên nhãn chẳng phải là trí.

Lại trong kinh nói: Nếu hành giả đối với các pháp này ít có khả năng dùng tuệ quán nhãn, gọi là chưa xong, xong rồi gọi là trí. Nếu nhãn gọi là quán chưa xong, lại tuệ vô lậu ban đầu mới thấy gọi là nhãn, không nên lấy cái mới thấy làm trí.

Lại khi nhãn không rõ. Khi có trí mới rõ chắc.

Lại khi sinh nhãn, tâm nghi còn bám theo, cho nên nhãn không phải trí.

Đáp: Nhãn tức là trí. Bởi vì sao? Vì dục, lạc, nhãn đều là một nghĩa. Hành giả trước biết khổ rồi, sau nhãn vui. Nếu trước không biết, làm sao nhãn vui được?

Lại trong lời nói thiếu, chỉ nói quán nhãn mà không nói trí. Vậy thì người thụ hành quả phải là vô trí? Nếu ý ông bảo hành giả có trí mà gọi là nhãn, thì đây lẽ ra thụ nhãn cũng là trí.

Lại trong kinh nói: Hành giả khi biết khi thấy liền được hết lậu.

Lại nói: Biết, thấy, được, là một nghĩa.

Lại Phật nói khô trí, tập, diệt, đạo trí mà không nói có nhãn. Cho nên biết trí tức là nhãn.

Lại trong giải nghĩa trí, Phật nói: Như thật biết nên gọi là trí. Nhãn cũng như thật biết nên không có khác. Nếu ông cho vị trí căn nên gọi là nhãn, điều này không đúng. Chúng tôi không nói trước nhãn sau trí. Trong một tâm tức gọi nhãn trí. Nghĩa đó không thành, làm sao ông đem cái không thành mà thành lập được?

Ông nói nhãn gọi là chưa xong. Trước tôi đã đáp. Nghĩa là trước biết sau nhãn. Phải biết nhãn tức là xong. Nếu không biết xong làm sao có thể nhãn?

Ông nói khi nhãn chưa quyết định rõ ràng. Trong pháp ông dùng nhãn dứt kết. Nếu nhãn không quyết định rõ ràng sao có thể dứt kết được?

Ông nói khi nhãn nghi ngờ còn bám theo. Nếu vậy thì trong kiến đế đạo đều có nghi bám theo? Trong đó trí sinh lẽ ra đều không phải trí?

Lại không có phân biệt là nhãn là trí. Như người đời quán tùy thuận 4 đế cũng gọi là nhãn cũng gọi là trí. Vô lậu nhãn trí cũng phải như vậy.

Hỏi: Tận trí, vô sinh trí, chi là trí, chẳng phải kiến?

Đáp: Có nhân duyên gì?

Hỏi: Trong kinh riêng nói chính kiến, chính trí, cho nên trí chẳng phải kiến?

Đáp: Nếu vậy thì chính kiến không gọi là chính trí. Nếu ông bảo chính kiến là chính trí, thì chính trí cũng phải là chính kiến.

Lại 5 phần pháp thân, từ trong Phạm tuệ riêng nói giải thoát trí kiến lẽ nào không phải tuệ? Vậy thì tận trí, vô sinh trí cũng không là tuệ. Nay tức chính kiến, vì tướng khác nên nói là chính trí, nghĩa là hết tất cả phiền não, trong tâm A-la-hán mà sinh nên nói là chính trí.

Hỏi: Nếu chính trí tức là chính kiến thì A-la-hán không gọi thập phần thành tựu?

Đáp: Thể là một mà tên là khác, như pháp trí, khổ trí.

Lại nói A-la-hán là thành tựu 8 công đức phúc điền. Cho nên chính trí tức là chính kiến.

Lại trong 6 pháp hòa kính, hòa kính thứ 6 gọi là đồng kiến. Nếu như ông nói thì tận vô sinh trí không gọi là hòa kính.

Lại chính quán nên gọi chính kiến. Tận vô sinh trí bởi chính quán nên cũng gọi chính kiến.

Hỏi: Năm thức tương ưng, tuệ chỉ là trí chẳng phải kiến?

Đáp: Tại sao chẳng phải kiến?

Hỏi: Năm thức đều không có phân biệt, vì ban đầu tại cảnh duyên nên kiến đó gọi là suy nghĩ quan sát.

Lại 5 thức chỉ duyên hiện tại. Cho nên chẳng phải kiến?

Đáp: Trong đó không giác quán nên không thể phân biệt. Nếu nói ban đầu tại cảnh duyên nên chẳng phải kiến, điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì theo pháp của ông, nhãn thức có duyên tương tục như ý thức, cho nên không

nên nói ban đầu tại duyên. Nếu vậy ý thức cũng không nên có kiến.

Lại ông nói duyên hiện tại nên chẳng phải kiến. Điều đó cũng không đúng. Vì tha tâm trí cũng duyên hiện tại, thì lẽ ra cũng chẳng phải kiến? Trong 5 thức không chân thật trí, vì không hành cho nên cũng thường theo giả danh, nên kiến trí tuệ v.v... tất cả đều không có, huống chi là không có kiến.

Hỏi: Có người nói nhãn căn gọi là kiến. Việc đó thế nào?

Đáp: Nhãn căn không thấy, nhãn thức có thể duyên, tùy theo thế tục nên gọi mắt thấy.

Hỏi: Có người nói 8 thứ kiến là 5 tà kiến, thế gian chính kiến, học kiến và vô học kiến. Trừ 8 kiến đó, ngoài ra bao nhiêu tuệ không gọi là kiến. Điều này thế nào?

Đáp: Nếu kiến, trí, đắc, giải, liễu, thông và chứng đều là một nghĩa, nếu nói đây là kiến đây là chẳng phải kiến đều là tự nhớ tưởng phân biệt mà nói.

Hỏi: Trong kinh nói biết, thấy thì được hết lậu, có gì sai khác?

Đáp: Nếu trí mới phá giả danh gọi là biết, vào pháp vị rồi thì gọi là thấy. Mới quán gọi là biết, thông đạt rồi gọi là thấy. Có những pháp sâu cạn sai khác như vậy.

Phẩm 194: Ba tuệ

Ba tuệ là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Trí tuệ do từ trong 12 bộ Tu-đa-la phát sinh gọi là văn tuệ. Nhờ đó có thể sinh Thánh tuệ vô lậu nên gọi là tuệ. Như trong kinh nói: Tì-kheo La-hầu-la nay có thể được thành tựu tuệ giải thoát. Tuy nghe Vi-đà v.v... các kinh điển thế tục mà không thể sinh tuệ vô lậu nên không gọi là văn tuệ. Nếu có thể tư duy suy lường nghĩa lý trong các kinh gọi là tư tuệ. Như nói hành giả nghe pháp tư duy nghĩa lý. Lại nói hành giả nghe pháp tư duy nghĩa lý rồi phải tùy thuận tu hành, nếu có thể được tri kiến hiện tiền gọi là tu tuệ. Như nói hành giả ở trong định tâm thấy 5 ấm sinh diệt. Như trong các kinh nói: Tì-kheo các ông! Tu tập thiền định sẽ được như thật tri kiến hiện tiền.

Lại trong Kinh Thất Chính Trí nói: Nếu Tì-kheo biết pháp gọi là văn tuệ, biết nghĩa gọi là tư tuệ, biết thì giờ v.v... gọi là tu tuệ.

Lại như La-hầu-la đọc tụng bộ Ngũ Thụ Âm v.v... gọi là văn tuệ, riêng một mình suy nghĩ nghĩa lý gọi là tư tuệ, sau khi đắc đạo gọi là tu tuệ.

Lại trong kinh nói 3 thứ vũ khí: vũ khí của sự nghe học hỏi, vũ khí của sự lia bỏ và vũ khí của trí tuệ.

Vũ khí của sự nghe gọi là văn tuệ, vũ khí của sự lia bỏ gọi là tư tuệ, vũ khí của trí tuệ gọi là tu tuệ.

Lại trong kinh nói nghe pháp có 5 điều lợi: chưa nghe thì nghe, nghe rồi rõ ràng, dứt nghi chính kiến, dùng tuệ thông suốt nghĩa lý thâm sâu. Chưa nghe thì

nghe, nghe rồi rõ ràng gọi là văn tuệ, dứt nghi chính kiến gọi là tư tuệ, dùng tuệ thông suốt nghĩa lý thâm sâu gọi là tu tuệ.

Lại trong Lợi ích của sự nghe pháp có nói: Hành giả đem tai nghe pháp, đem miệng tụng tập gọi là văn tuệ, dùng ý nghĩ tư duy suy lường gọi là tư tuệ, lấy chỗ thấy thông suốt gọi là tu tuệ.

Lại trong 4 phần Tu-đà-hoàn thì nghe chính pháp gọi là văn tuệ, nhớ nghĩa lý đúng đắn gọi là tư tuệ, theo pháp tu hành gọi là tu tuệ.

Lại trong 5 pháp môn giải thoát thì theo người Tôn trưởng nghe pháp là văn tuệ, thông suốt ngữ nghĩa là tư tuệ, sinh hoan hỷ v.v... là tu tuệ.

Lại trong kinh nói: Pháp Phật nói có 3 thời thiện v.v.... Thiện nam tử! Nếu có người lớn hoặc người nhỏ nghe pháp nảy sinh ý nghĩ: Tại gia ồn ào, xuất gia vắng lặng, nếu không xuất gia không thể tịnh tu thiện pháp. Rồi bỏ sở hữu thân thuộc tài vật, xuất gia trì giới giữ hộ các căn, quán sát oai nghi, một mình suy nghĩ, xa lìa 5 thứ ngăn che, chứng được sơ thiền v.v..., cho đến hết lậu. Trong đó người lớn người nhỏ nghe pháp là văn tuệ, suy nghĩ tại gia ồn ào, xuất gia vắng lặng là tư tuệ, xa lìa 5 thứ ngăn che cho đến hết lậu là tu tuệ.

Lại trong kinh nói: Nhờ 2 nhân duyên có thể sinh chính kiến là theo người nghe pháp và tự chính nghĩ nhớ. Theo người nghe pháp là văn tuệ, tự chính nghĩ nhớ là tư tuệ, có thể sinh chính kiến là tu tuệ.

Lại có bài kệ nói:

*Tập gần người thiện,
Nghe thụ chính pháp,
Thích ở một mình,
Điều phục tự tâm.*

Trong đó tập gần người thiện, nghe thụ chính pháp là văn tuệ, thích ở một mình là tư tuệ, điều phục tự tâm là tu tuệ.

Lại Phật dạy các Tì-kheo: Các ông! Mỗi khi có nói phải nói 4 đế. Mỗi khi suy nghĩ phải nghĩ 4 đế. Trong đây nếu nói 4 đế là văn tuệ, suy nghĩ 4 đế là tư tuệ, được 4 đế là tu tuệ. Nhiều chỗ trong kinh Phật nói 3 thứ tuệ đó.

Hỏi: Ba tuệ này bao nhiêu ở cõi Dục, bao nhiêu ở cõi Sắc và bao nhiêu ở cõi Vô sắc?

Đáp: Hai cõi Dục, Sắc, có tất cả. Như ông Thủ cư sĩ sinh về cõi trời Vô Nhiệt, nói pháp ở đó. Nếu người nói pháp ắt phải tư duy nghĩa lý. Cho nên biết cõi Sắc cũng có tư tuệ. Trong cõi Vô sắc chỉ có tu tuệ.

Hỏi: Có người nói cõi Dục không có tu tuệ, cõi Sắc không có tư tuệ. Điều này thế nào?

Đáp: Vì nhân duyên gì nói cõi Dục không có tu tuệ?

Hỏi: Vì ở cõi Dục không thể dứt các ngăn che các trói buộc, khiến các thứ trói buộc cõi Dục không hiện ra trước.

Đáp: Trong Phật pháp không có lời nói này: Vì ở cõi Dục không thể dứt các ngăn che các trói buộc, khiến các trói buộc cõi Dục không hiện ra trước. Mà nói vì ở cõi Dục có thể phá phiền não. Bởi vì sao? Vì cõi Dục có

bất tịnh quán v.v.... Như trong kinh nói: Khéo tu bất tịnh quán có thể phá tham dục. Tâm từ v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Quán bất tịnh ở cõi Dục này không thể dứt phiền não vĩnh viễn?

Đáp: Quán bất tịnh v.v... ở cõi Sắc cũng không thể dứt các phiền não rốt ráo.

Hỏi: Dùng thô trọng không điều thích v.v... các hành có thể dứt phiền não, chứ bất tịnh v.v... thì không thể?

Đáp: Không có kinh nào nói thô trọng v.v... có thể dứt phiền não mà bất tịnh v.v... thì không thể, mà trong kinh nói dùng quán bất tịnh v.v... có thể dứt phiền não.

Lại thô trọng v.v... có sức mạnh gì có thể dứt phiền não mà bất tịnh v.v... không thể?

Lại nếu cõi Dục có thô trọng v.v... các hành, nên dùng các hành đó để dứt các phiền não. Nếu không, phải nói lý do vì sao có bất tịnh v.v... mà không có thô trọng v.v...? Nếu có mà không dứt phiền não thì cõi Sắc dầu có cũng không thể dứt, điều đó cũng phải nói lý do vì sao cõi Dục không thể mà cõi Sắc lại có thể?

Hỏi: Cõi Dục tuy có thô trọng v.v... mà không thể dứt các phiền não vì là cõi tán loạn. Người tâm tán loạn không thể dứt như trong kinh nói: Nhiếp tâm là đạo, tán tâm là phi đạo?

Đáp: Phải nói lý do vì sao cõi Dục gọi là cõi tán loạn? Trong đó có bất tịnh quán v.v..., nếu là cõi tán loạn làm sao có thể quán xương cốt v.v... các tướng khác.

Lại cõi Sắc nhiếp tâm có tướng gì khác mà cõi Dục không có?

Hỏi: Vì ở cõi Sắc có thể được lia dục. Ở trong đây chết sinh về cõi Sắc như dùng cái nêm để tháo cái nêm?

Đáp: Sao gọi là lia dục?

Hỏi: Dứt phiền não là lia dục. Vì ở cõi Sắc có thể dứt phiền não chứ không phải cõi Dục.

Đáp: Các ngoại đạo dứt kết rồi, rồi khởi lại sinh về cõi Dục. Cho nên phàm phu không gọi dứt kết. Nếu dứt rồi lại sinh thì dứt kết vô lậu cũng phải sinh lại? Việc đó không thể được.

Lại trong kinh nói dứt 3 kết rồi mới có thể dứt 3 thứ độc. Phàm phu không thể dứt 3 kết nên không được lia dục.

Lại phàm phu thường có ngã tâm v.v... nên không thể có thể dứt thân kiến v.v.... Nếu phàm phu có thể lia dục, thì tất cả phiền não lẽ ra đều phải không có. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều do nhiều duyên thành, như trong kinh nói do nhiều duyên thành ngã. Nếu phàm phu này đối với 5 ám cõi Dục không khởi thân kiến mà lại chưa được các ám cõi trên, vậy thì phải không có thân kiến? Có những lỗi như vậy. Như vậy phiền não phải dứt hết vĩnh viễn thì phàm phu này phải là La-hán, mà thật phiền não không được dứt hết. Như trong kinh nói: Nghe tiếng sấm lớn có 2 hạng người không sợ là Chuyển Luân Thánh Vương và A-la-hán. Nay phàm phu này cũng phải không sợ?

Lại A-la-hán sống không mừng, chết không sợ, như A-la-hán Ưu-ba-tư-na bị rắn cắn, khi mạng lâm chung các căn không đổi khác, nhan sắc không biến đổi. Người này lẽ ra cũng như vậy?

Lại A-la-hán, 8 pháp của thế gian không thể che tâm. Người này lẽ ra cũng như vậy, vì đã lìa dục, mà thật ra phàm phu tuy nói lìa dục đều không có các tướng này. Cho nên biết không dứt phiền não.

Hỏi: Phàm phu có thể dứt phiền não, vì mạng chung nơi đây vắng sinh cõi Sắc, nếu không dứt làm sao sinh kia được? Trong kinh cũng nói có ngoại đạo lìa dục.

Lại nói A-la-la-ca-la-ma Uất-đầu-lam-phát lìa bỏ cõi Dục cõi Sắc sinh về cõi Vô sắc.

Lại nói dùng Sắc lìa Dục, dùng Vô sắc lìa Dục, dùng diệt lìa khởi nghĩ nhớ. Cho nên ông nói phàm phu tuy dứt phiền não mà sinh trở lại nên không gọi là dứt. Việc đó không đúng.

Ông cũng nói phàm phu có dứt bao nhiêu đều thật sự là ngăn, gọi là dứt lìa, kỳ thật không dứt mà nói là dứt, thật không lìa dục mà nói là lìa dục.

Như trong một bài kệ nói:

*Nếu nghĩ ngã, ngã-sở,
Chết đến có thể dứt,
Như trẻ con nghịch đất,
Còn thích còn giữ chơi,
Nếu khi đã phát chán,
Liên phá mà bỏ đi.*

Đó cũng gọi lia dục. Nhưng ngoại đạo dứt cùng chết dứt có khác. Chết dứt không sinh cõi Sắc, Vô sắc. Trẻ con bỏ đất tuy là cúng dường nhưng không quả báo lớn. Nếu cúng dường lia dục, ngoại đạo được quả báo lớn. Lời nói tuy đồng mà nghĩa thì khác. Cho nên biết phàm phu thật có dứt lia?

Đáp: Trong pháp ngăn chặn có sai khác. Nếu có thể ngăn phiền não sâu thì sinh 2 cõi Sắc, Vô sắc.

Lại nếu có thể ngăn thân kiến như trước đã nói lỗi, nếu không thể ngăn thân kiến cõi Dục làm sao có thể sinh cõi Sắc, Vô sắc. Chỉ có thể ngăn tham giận nên sinh cõi Sắc, không phải ngăn thân kiến v.v... Cho nên biết phàm phu thật không dứt kết. Cõi Dục cũng có pháp thiện có thể ngăn phiền não, cho nên biết cõi Dục cũng có tu tuệ.

Lại trong kinh nói trừ 7 chỗ nương cũng được gọi là đắc đạo. Cho nên biết nương định cõi Dục có thể sinh chân trí.

Hỏi: Người này nương sơ thiền, cận địa được A-la-hán không phải định cõi Dục?

Đáp: Không phải. Nói trừ 7 chỗ nương là trừ cả sơ thiền và cận địa rồi.

Lại trong đó không có nhân duyên có thể nương cận địa mà không phải định cõi Dục. Nếu hành giả đó có thể vào cận địa thì tại sao không thể vào sơ thiền ư? Việc này cũng không có lý do.

Lại trong Kinh Tu-thi-ma nói: Trước là pháp trụ trí, sau là Nê-hoàn trí. Nghĩa này bắt tất trước được thiền

định mà sau mới hết lậu, chỉ quyết dùng pháp trụ trí làm đầu, rồi sau hết lậu. Cho nên biết trừ các thiền định. Trừ thiền định nên mới nói Kinh Tu-thi-ma. Nếu thụ cận địa, tức lỗi đồng các thiền.

Lại không có kinh nào nói tên cận địa. Đó là ông tự nhớ tưởng phân biệt mà thôi.

Hỏi: Trước tôi nói thí dụ cái nệm. Cho nên biết dùng địa khác có thể dứt kết địa khác. Như dùng cái nệm nhỏ có thể tháo cái nệm lớn. Cũng như vậy, dùng pháp ở cõi Sắc có thể dứt pháp ở cõi Dục. Hành giả, nếu trước dứt dục và pháp ác bất thiện, rồi sau có thể vào sơ thiền. Cho nên biết chắc có cận địa, dùng định dứt dục.

Lại nói nhân sắc lìa dục. Nếu không cận địa làm sao nhân sắc?

Lại trong kinh nói: Nếu hành giả được vui tịnh thì có thể bỏ vui bất tịnh. Như Nan-đà nhân được thiên nữ yêu mới bỏ được bản dục.

Lại nếu người không được mùi vị sơ thiền tịch diệt thì với 5 dục không thể sinh tâm thô tẻ. Cho nên biết trước được sơ thiền cận địa mới có thể bỏ cõi Dục?

Đáp: Được tịnh thiện cõi Dục có thể dứt bất thiện, như nói 5 thứ xuất tính. Như Thánh đệ tử hoặc nghĩ 5 dục mà không sinh hỷ lạc, tâm không thông hòa như đốt gân lông, nếu nghĩ xuất pháp thì tâm thông suốt.

Lại nói hành giả tùy khi sinh giác quán bất thiện liền dùng giác quán thiện mà diệt. Cho nên ông nói thí dụ tháo cái nệm cũng có thể là cõi Dục.

Ông nói nhân sắc lia đục là việc sau cùng. Hành giả dùng ở cõi Dục dứt các phiền não, tùy theo thứ lớp dứt dần, cho đến có thể được thiện pháp cõi Sắc, bấy giờ mới dứt cõi Dục rồi rảo được pháp cõi Sắc.

Ông nói A-la-hán diệt tận định cũng được các định. Đó là chỉ nói quả cuối cùng.

Ông nói được vui tịnh diệu và vị tịch diệt, đều đã đáp chung.

Lại nếu cõi Dục không định, làm sao có thể dùng tán tâm chứng được thiện cõi Sắc?

Hỏi: Tuệ giải thoát, A-la-hán không định cũng chỉ có tuệ?

Đáp: Trong đó chỉ ngăn thiền định. Chắc phải có thời gian ngăn nhiếp tâm, cho đến một niệm. Như trong kinh Phật nói: Tì-kheo khi lấy áo có 3 độc, mặc áo rồi thì liền diệt. Không có kinh nào nói trong tâm tán loạn có thể sinh chân trí, mà đều nói nhiếp tâm sinh như thật trí.

Phẩm 195: Bốn trí vô ngại

Hỏi: Có thể trí cận pháp vị, đó là gì?

Đáp: Đó là trí trong noãn pháp v.v... có thể phá giả danh. Trí này dùng thế tục thấy đế lý, nên gọi thế trí. Gần Thánh đạo nên gọi cận pháp vị.

Hỏi: Trong kiến đế đạo là trí tu vị lai v.v...?

Đáp: Không có trí tu vị lai v.v... Sau sẽ nói. Bởi vì sao? Vì trong pháp pháp tướng không có tâm giả danh, cho nên trong kiến đế đạo không tu thế trí.

Hỏi: Trong kinh nói có 4 trí vô ngại, đó là gì?

Đáp: Như trí vô ngại trong danh tự gọi là pháp vô ngại, trí vô ngại trong ngôn ngữ âm thanh gọi là từ vô ngại nghĩa là khác phương khác tục nên âm thanh ngôn ngữ sai khác. Như trong kinh nói: Hành giả không nên đam mê ngôn từ của nước khác. Nếu ngôn ngữ âm thanh bất tiện cũng khó hiểu nghĩa. Nếu không có danh tự thì nghĩa không rõ được. Tức nơi ngôn từ này không lưu ngại, không cùng tận, gọi là lạc thuyết vô ngại. Như trong kinh nói: Có 4 lối nói pháp: Hoặc nói có nghĩa lý mà không thể vô tận, có thể vô tận mà không có nghĩa lý, có được cả 2, có cả 2 đều không được. Ba thứ trí này gọi là ngôn từ phương tiện. Trí vô ngại biết nghĩa trong danh tự ngôn ngữ gọi là nghĩa vô ngại.

Như nói có 4 lối nói pháp: Có nghĩa phương tiện không ngữ phương tiện. Có ngữ phương tiện không nghĩa phương tiện. Có đủ 2 phương tiện. Có cả 2 đều không phương tiện. Nếu ai có được 4 trí vô ngại đó gọi là đầy đủ phương tiện. Bậc trung thượng nói pháp khó đáp lại khó gần, lạc thuyết vô tận, cũng có nghĩa lý trí tuệ vô cùng ngôn từ không bị ngăn trệ.

Hỏi: Làm thế nào được trí vô ngại này?

Đáp: Nhờ nghiệp nhân duyên đời trước nên được. Nếu có thể đời đời khéo tu nhân duyên trí tuệ và phương tiện các âm, do sức tu tập nên đời nay tuy không học tập

văn tự, đọc tụng kinh điển nhưng cũng có thể biết được như thiên nhãn thông v.v....

Hỏi: Hạng người nào có thể được?

Đáp: Chỉ Thánh nhân có thể được. Có người nói chỉ A-la-hán được, không phải các học nhân. Đây bắt tất phải như vậy, học nhân cũng có thể được 8 thứ giải thoát, tại sao không thể được trí này?

Hỏi: Bốn vô ngại này ở trong cõi nào?

Đáp: Hai cõi Dục Sắc có tất cả, trong cõi Vô sắc chỉ có nghĩa vô ngại. Vô ngại có 2 thứ hữu lậu và vô lậu. Học nhân đủ 2 thứ, vô học chỉ có vô lậu. Nếu được thì nhất thời được hết. Nữ nhân cũng được. Như Tì-kheo-ni Đàm-ma-trần-na v.v...

Phẩm 196: Năm trí

Năm trí là Pháp trụ trí, Nê-hoàn trí, Vô tránh trí, Nguyễn trí và Biên tế trí.

Biết các pháp sinh khởi gọi là pháp trụ trí, như sinh duyên lão tử cho đến vô minh duyên hành. Bởi có Phật hay không Phật, tính này vẫn thường trụ nên gọi là pháp trụ trí. Pháp này diệt gọi Nê-hoàn-trí, như sinh diệt nên lão tử diệt cho đến vô minh diệt nên các hành cũng diệt theo.

Hỏi Nếu vậy là Nê-hoàn trí cũng gọi pháp trụ trí? Bởi vì sao? Vì nếu có Phật hay không Phật, tính này vẫn thường trụ vậy?

Đáp: Các pháp diệt hết gọi là Nê-hoàn. Trong diệt hết đó, còn có pháp gì mà trụ?

Hỏi: Nê-hoàn không phải thật có sao?

Đáp: Âm diệt không còn nên gọi Nê-hoàn. Trong đó còn có gì nữa?

Hỏi: Làm sao biết được thật có Nê-hoàn? Diệt để gọi là Nê-hoàn. Khổ v.v... các đế thật có, nên Nê-hoàn cũng phải thật có.

Lại trí trong Nê-hoàn gọi là diệt trí. Nếu không có pháp làm sao sinh trí?

Lại trong kinh Phật vì các Tì-kheo nói: Có sinh khởi làm pháp hữu vi, có không sinh khởi làm pháp vô vi.

Lại trong kinh nói: Chỉ có 2 pháp hữu vi và vô vi. Pháp hữu vi pháp có sinh diệt trụ dị. Pháp vô vi không sinh diệt trụ dị.

Lại trong kinh nói: Có bao nhiêu pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi diệt hết, chỉ Nê-hoàn đó là cao thượng.

Lại nói sắc là vô thường, diệt sắc nên Nê-hoàn là thường, cho đến thức cũng vậy.

Lại trong kinh nói: Diệt thì phải chứng. Nếu không pháp chứng cái gì?

Lại Phật nói trong Kinh Đa Tính: Người trí biết như thật, tính hữu vi và vô vi. Tính vô vi tức là Nê-hoàn, dùng chân trí mà biết, làm sao nói là không?

Lại trong các kinh không quyết định nói Nê-hoàn là vô pháp. Cho nên biết ông tự nhớ tưởng phân biệt bảo là không có Nê-hoàn?

Đáp: Nếu lia các ám lại pháp khác gọi Nê-hoàn đó, thì không nên gọi các ám diệt hết cho là Nê-hoàn.

Lại nếu có Nê-hoàn cần nói ra thể nó là thể nào?

Lại định duyên Nê-hoàn gọi là vô tướng, nếu pháp tướng vẫn còn đó sao gọi vô tướng được? Như trong kinh nói: Hành giả thấy sắc tướng dứt, cho đến thấy pháp tướng dứt.

Lại trong kinh nhiều chỗ đều nói: Tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Nê-hoàn tịch diệt. Ngã trong đó gọi là thể tính các pháp. Nếu không thấy thể tính của các pháp mà gọi là thấy vô ngã, hoặc Nê-hoàn thì pháp đó là không thể tính không thể thấy được, vì pháp này không diệt. Như khi có cái bình thì không có pháp cái bình hoại. Nếu khi cái bình hoại thì mới được nói bình hoại. Chặt cây v.v... cũng như vậy. Như vậy nếu các hành hãy còn bấy giờ không gọi Nê-hoàn, vì các hành diệt mới có tên Nê-hoàn.

Lại khổ diệt không gọi còn có pháp riêng. Như trong kinh nói: Các Tì-kheo! Nếu khổ này diệt các khổ khác không sinh, không còn nối nhau, chỗ đó là đệ nhất tịch diệt an ổn. Như nói lia bỏ tất cả thân tâm, vĩnh viễn lia diệt hết tham ái Nê-hoàn. Trong đó nói dứt khổ này các khổ khác không sinh, đâu còn có pháp gì gọi Nê-hoàn ư?

Lại cũng không riêng còn có tận pháp? Chỉ đã sinh ái, diệt chưa sinh, không sinh, bấy giờ gọi là tận, lại đâu còn có pháp gì gọi là tận ư? Thật không thể nói được!

Lại nữa, có tên khác của pháp này. Không có pháp 5 ám gọi là Nê-hoàn. Trong đó không có mà gọi là có, đây

là điều không thể được, vì diệt hết nên nói là Nê-hoàn. Giống như hết áo, lại không pháp khác, nếu không như vậy cũng phải riêng có pháp hết áo v.v....

Ông nói có diệt trí, cũng không hại gì, như trong việc chặt cây v.v... trí sinh cũng không riêng có pháp chặt.

Lại do các hành nên trí sinh trong đó, nghĩa là tùy các hành không gọi là Nê-hoàn, như tùy không có vật đó biết vật đó không có.

Hỏi: Nay không có Nê-hoàn sao?

Đáp: Chẳng phải không có Nê-hoàn, chỉ là không thật pháp. Nếu không có Nê-hoàn thì thường ở trong sinh tử hẳn không mong ngày giải thoát. Như bình bị vỡ cây bị chặt, chỉ có điều là không phải thật có pháp riêng.

Nói các đế khác v.v... đều đã đáp chung. Bởi vì sao? Vì có khổ diệt nên mới nói có các pháp không sinh, không khởi, không làm, vô vi v.v... đều không hại gì.

Vô tránh trí, là tùy dùng trí nào đó không tranh cãi cùng người khác gọi là vô tránh. Có người nói chính là tâm từ đó. Vì tâm từ nên không nào hại chúng sinh.

Lại có người nói chính là hành. Vì không hành nên không cùng tranh với vật.

Lại có người nói chính là tâm vui Nê-hoàn. Vì vui Nê-hoàn nên không tranh.

Lại có người nói ở trong đệ tứ thiên điều này bất tất như vậy. A-la-hán đó dùng trí này tu tâm nên không tranh cãi.

Nguyện trí, là đối với các pháp trí không chướng ngại gọi là nguyện trí.

Hỏi: Nếu nói như vậy chi Phật Thế Tôn có được trí này?

Đáp: Đúng vậy. Chi Phật Thế Tôn mới đầy đủ trí này. Còn người khác tùy sức đến đâu mà được không ngăn ngại.

Biên tế trí là tùy hành giả được trí tối thượng, nhờ tất cả thiên định huân tu tăng trưởng; như đối với mạng sống lâu tăng tồn v.v... được sức tự tại gọi là biên tế trí tức trí có giới hạn.

Phẩm 197: Trí 6 thông

Có trí 6 thông. Sáu thông là thân thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng và lậu tận.

Thân thông là thân hành giả tuôn ra nước lửa, bay bổng lên ẩn hiện, nắm bắt mặt trời mặt trăng, đến cõi Phạm Tự Tại và làm các thứ biến hóa. Làm các nghiệp như vậy gọi là thân thông.

Hỏi: Việc đó làm sao thành được?

Đáp: Hành giả tu sâu thiên định nên được. Như trong kinh nói sức thiên định là không thể nghĩ bàn.

Có người nói biến hóa là tâm vô ký. Điều này không đúng. Vì nếu hành giả đó vì lợi tha mà hiện các thứ biến hóa thì làm sao gọi vô ký được?

Có người nói dùng tâm cõi Dục làm biến hóa cõi Dục, tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Sắc. Lời đó cũng không đúng. Mắt v.v... cũng phải như vậy, có thể dùng thức cõi Dục thấy cõi Sắc ư? Như vậy v.v... nếu tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Dục đâu có lỗi chi?

Lại có người nói thần thông sơ thiên có thể đến cõi trời Phạm Thế, cho đến thần thông tứ thiên có thể đến cõi Sắc Cứu Cánh. Đó cũng không đúng. Tùy căn lực đến đâu, nếu người lợi căn dùng thần thông sơ thiên có thể đến tứ thiên. Người độn căn lấy thần thông nhị thiên không thể dùng sơ thiên. Như Đại Phạm Vương đến thiên trung gian, trong đó không thần thông, dùng sức sơ thiên có thể đến các cõi Phạm thiên khác, liền dùng sơ thiên không thể biết Phạm Vương ở chỗ nào.

Lại Phật dùng túc mạng nghĩ nhớ cõi Vô sắc, như trong kinh nói: Nếu có chỗ sinh đời trước trong cõi Sắc và Vô sắc Phật đều nhớ biết. Cho nên không nhất định.

Lại có người nói thiên nhãn là tuệ tính. Điều này cũng không phải. Thiên nhãn do ánh sáng mà thành, tuệ không phải như vậy.

Hỏi: Trong kinh nói tu tướng ánh sáng có thể thành tri kiến. Tri kiến tức là thiên nhãn?

Đáp: Không phải. Cũng nói thiên nhĩ không dùng tuệ tính, gọi đó là nhĩ nên không phải tuệ.

Lại thiên nhãn duyên sắc hiện tại, ý thức không vậy.

Lại trong giải thích thiên nhãn nói là biết nghiệp báo chúng sinh. Nhãn thức không có năng lực này. Chỉ trong ý thức khi biết dùng nhãn thức mà sinh, như do thiên định sinh sắc gọi là thiên nhãn.

Hỏi: Hình chỗ thiên nhãn lớn hay nhỏ?

Đáp: Chùng bằng con người mắt.

Hỏi: Người mù thế nào?

Đáp: Cũng bằng chỗ mắt.

Hỏi: Thiên nhãn là một hay hai?

Đáp: Là hai.

Hỏi: Tùy ngó hướng nào thấy hướng đó sao?

Đáp: Thấy khắp các hướng.

Hỏi: Hóa nhân cũng có sao?

Đáp: Không có. Hóa nhân có luận thiên nhĩ cũng như vậy.

Hành giả nếu biết tâm người khác gọi là tha tâm trí.

Hỏi: Vì sao không nói biết tâm số người khác?

Đáp: Vì nhân duyên này nên không có tâm số riêng. Biết thụ, tướng v.v... của người khác cũng gọi là tha tâm trí.

Lại có người nói trí này duyên đồng tính, như dùng hữu lậu biết hữu lậu, vô lậu biết vô lậu. Điều này không đúng. Người này không nói nhân duyên quyết định, do nhân duyên đó biết là duyên đồng tính.

Có người nói chỉ duyên hiện tại. Đó cũng không phải. Hoặc duyên vị lai như người vào định vô giác, biết từ định này khởi, sẽ biết những việc như vậy như vậy.

Có người nói trí này không biết kiến đế đạo. Việc này không đúng. Nếu biết có lỗi gì?

Có thuyết nói: Bích-chi-phật muốn biết kiến đế đạo trong tâm thứ 3, tức thấy tâm thứ 7. Thanh Văn muốn biết tâm thứ 3, tức thấy tâm thứ 16. Đó không gọi là kiến đế đạo ư?

Lại có người nói trí này không biết thượng địa, thượng nhân, thượng căn. Đó cũng không nhất định. Chư thiên cũng biết tâm Phật, như có một hôm Phật rất muốn đuổi chúng Tăng, rồi lại nghĩ cho lại, Phạm Vương đều biết.

Lại có một khi tâm nghĩ muốn làm vua để dùng chính pháp mà giáo hóa cõi đời. Ma vương liền biết đến mà khuyên mời.

Lại chư thiên cũng biết vị này A-la-hán, cho đến vị này đang tu Tu-đà-hoàn.

Lại các Tì-kheo cũng biết tâm Phật như khi sắp vào Nê-hoàn thì A-na-luật thứ lớp biết Phật đã vào các thiên định.

Lại có người nói trí này không biết cõi Vô sắc. Đó cũng không đúng. Phật dùng túc mạng có thể biết Vô sắc; tha tâm trí cũng như vậy, biết nào có lỗi gì?

Hỏi: Làm sao biết tâm người khác?

Đáp: Biết trong cảnh duyên. Như tâm đi trong sắc gọi là tâm duyên sắc v.v...

Hỏi: Nếu vậy thì tha tâm trí duyên tất cả pháp?

Đáp: Như vậy đó. Nếu không biết duyên làm sao biết tâm. Như trong kinh nói: Ta biết tâm ông như vậy.

Như vậy tức là duyên sắc v.v.... Biết tha tâm có 3 thứ: 1. Tướng biết. 2. Báo được. 3. Tu được.

Tướng biết, là như dùng chú Ương-già v.v... nên biết. Báo được, là như quý thần v.v.... Tu được, là sức tu thiên định được tha tâm trí. Trong 6 thông này nói tu được là hoặc nhớ các ám thân trong đời quá khứ gọi là túc mạng trí.

Hỏi: Nhớ ám của ai?

Đáp: Nhớ ám của mình, ám người khác và ám của phi chúng sinh. Tuy không thể nhớ ám của người hơn mình mà có thể nhớ giới v.v... các pháp của người hơn mình.

Làm sao biết được? Như Xá-lợi-phất đáp Thế Tôn rằng: Con tuy không biết tâm Phật quá khứ vị lai mà có thể biết các pháp đó.

Lại trời Tịnh Cư biết tâm Phật nên đến thưa Phật rằng: Như vậy Thế Tôn! Oai nghi chư Phật quá khứ cũng như vậy.

Hỏi: Trong giải nghĩa về túc mạng, vì sao nói cộng tướng cộng tính?

Đáp: Nghĩ nhớ rõ ràng nên nói tướng danh tự như vậy, như tên người v.v....

Lại vì biết việc nên gọi là tướng, họ, tên, dòng tộc, như nói đây là nhà của ông, đây là họ của ông. Tướng tính hợp lại nói, nên thấy biết rõ ràng.

Hỏi: Vì sao nhớ rõ ràng?

Đáp: Pháp quá khứ diệt hết, vô tướng mà có thể biết được, đó mới là lạ lùng.

Có người dùng tướng tư duy suy lường mà biết không được rõ ràng, rồi cho rằng đệ tử Phật cũng như vậy. Cho nên tính tướng hợp lại mà nói.

Có người dùng túc mạng trí, hoặc dùng hữu đạo tu tuệ mà biết đời quá khứ, như hành duyên thức. Trong 2 thứ này tư tuệ là hơn.

Bởi vì sao? Vì người này tuy biết 8 vạn đại kiếp, mà không có tư tuệ này, nên sinh tà kiến cho rằng từ trước đến nay gọi là sinh tử, quá đây lại không có gì cả. Hữu đạo tu tuệ hoàn toàn không có tà tâm này.

Có người nói trí này thứ lớp nghĩ nhớ quá khứ. Điều này không đúng. Nếu như niệm niệm thứ lớp nhớ việc trong một kiếp hãy còn khó biết hết, huống là vô lượng kiếp.

Hỏi: Vì sao trong kinh lại nói: Ta từ ở trong 91 kiếp đến nay chưa hề thấy bố thí tổn kém mà không quả báo?

Đáp: Phật ở trong đó lấy 7 Phật làm chứng.

Lại cũng có sống lâu trong cõi Tịnh Cư cùng với các Phật kia đồng thấy.

Lại vì Phật được chân trí nên công đức thanh tịnh, nếu người cúng dường được phúc 2 đời, cho nên ngang bằng với thuyết này.

Có người nói trí này không biết thượng địa. Điều này không đúng. Trong thân thông v.v... ở trên đã đáp.

Hỏi: Nếu đó là tính nhớ vì sao gọi trí?

Đáp: Nhớ tùy tướng sinh. Quá khứ không có tướng mà có thể nghĩ nhớ. Phải biết thắng tuệ gọi đó là nhớ.

Nhớ túc mạng có 3 thứ: 1. Dùng túc mạng trí. 2. Báo được. 3. Sinh ra liền tự nhớ.

Túc mạng trí là tu được. Báo được là như quý thần v.v.... Sinh ra tự nhớ là trong loài người.

Hỏi: Do nghiệp gì nên sinh ra bèn tự nhớ?

Đáp: Nhờ không não hại chúng sinh nên được nghiệp này. Bởi vì sao? Vì khi chết khi sinh, khổ rất ép ngặt nên quên mất nghĩ nhớ; trong khi đó khó mà được không quên mất, nên phải nhờ nghiệp thiện.

Lại có người nói quá khứ nhiều lắm là 7 đời. Điều này không nhất định. Có người đời đời thâm tu pháp không hại, nên có thể được nghĩ nhớ lâu xa.

Chúng lậu tận trí thông, chính là Kim cương Tam-muội. Kim-cương Tam-muội là hết lậu, vô ngại đạo tận trí là trí vô học. Dùng Kim cương Tam-muội mới diệt hết các lậu nên gọi là chúng lậu tận trí thông.

Hỏi: Các thần thông khác cũng nên nói nhờ pháp nào mà chứng được?

Đáp: Trước đã nói tu sâu thiền định chứng thần túc thông.

Lại tùy sở dụng chứng và việc sở chứng đều gọi thần thông. Có người nói tất cả Thánh đạo đều là phương tiện để hết lậu. Như trong kinh nói: Nếu Phật ra đời nếu có người thiện, nghe pháp xuất gia, vâng giữ cấm giới, bỏ 5 thứ ngăn che, tu định thấy đế... Những điều đó đều là phương tiện để hết lậu.

Lại có người nói bồ thí v.v... các pháp thiện cũng gọi là nhân duyên hết lậu, như trong kinh nói: Hành giả bồ thí để giúp thành hết lậu, không, vô ngã trí. Đó là thật chúng lậu tận trí thông. Pháp này có tên riêng là Kim cương Tam-muội. Có thể phá các tướng nên gọi kim cương. Các người ngoại đạo chỉ gọi 5 thông, vì đều không được chân trí này.

Hỏi: Dùng vô ngã trí mới phá ngã kiến, vì sao dùng trí này dứt tham giận v.v...?

Đáp: Vô ngã trí có thể diệt các tướng, vì không còn tướng nên các phiền não diệt.

Hỏi: Vì ban đầu dùng vô ngã trí có thể phá các tướng, còn trí thứ 2 v.v... lại dùng để làm gì?

Đáp: Các tướng tuy diệt mà sinh lại, nên phải dùng trí thứ 2 v.v....

Hỏi: Nếu tướng diệt rồi mà sinh lại thì vô cùng không biên giới. Vậy là không có đạo A-la-hán?

Đáp: Có biên giới. Như nay hiện thấy sữa diệt lại có sinh. Có khi sữa diệt bơ sinh. Như vậy là có biên giới. Tướng cũng như vậy. Như đốt sắt tướng đen diệt rồi sinh lại đến tướng đỏ sinh, bấy giờ là biên giới. Các thí dụ trạng thái Ca-la-la v.v... cũng như vậy. Tùy đến khi nào các tướng diệt hết không còn tướng sinh bấy giờ gọi là được đạo A-la-hán.

Hỏi: A-la-hán đều không có các tướng sao?

Đáp: Nếu còn ở trong tâm bất định, bấy giờ cũng có sắc v.v... các tướng, nhưng không sinh lỗi, như người thấy sắc, vì tà tâm, tà phân biệt, khi đó tướng có thể sinh lỗi.

Hỏi: Không vô ngã trí là thế nào?

Đáp: Nếu hành giả trong 5 ấm không thấy giả danh chúng sinh, dùng pháp không, nên thấy sắc thể diệt cho đến thức diệt. Đó gọi là không vô ngã trí.

Hỏi: Giả sử các pháp thường còn, ái v.v... các phiền não cũng có thể trừ hết. Như nói vạn vật thường tồn tại, mà người tinh tiến có thể trừ tham ái thì cần gì phải diệt tướng?

Đáp: Trong kinh nói: Có các sinh tướng, đều biết diệt tướng, trong các pháp được pháp nhãn tịnh. Nếu diệt dứt là rất ráo dứt. Có hành giả lìa các sắc dục, ngăn dứt tham giận, nên Phật nói vì đó mà nói kệ như vậy.

Lại nói các hành tính rộng không như huyễn, người phạm phu vô trí cho đó là thật có. Người học nhân rõ biết là hư dối như huyễn. Cho nên biết tùy dùng tuệ nào đó mà chứng các pháp diệt. Đó gọi là chứng lậu tận trí thông.

Phẩm 198: Trí nhãn

Hỏi: Trong kinh nói: Nếu hành giả có 7 phương tiện, 3 thứ quán nghĩa, thì trong pháp đó chóng được hết lậu. Đó là trí nào ư?

Đáp: Bảy phương tiện là văn tuệ, tư tuệ. Bởi vì sao? Vì người tâm chưa định khởi quán như vậy: Đây là sắc, sắc nhóm, sắc diệt, và đạo diệt sắc, sắc đắm vị, tội lỗi xuất ly.

Hỏi: Nếu là văn tuệ tư tuệ, vì sao nói chóng được hết lậu?

Đáp: Tuy là văn tuệ tư tuệ như vậy phân biệt 5 âm, có thể phá được ngã tâm, nên mới nói chóng được hết lậu.

Ba thứ quán trí, là quán pháp hữu vi là vô thường, khổ, vô ngã. Nếu dùng pháp môn âm, giới, nhập mà quán pháp hữu vi thì không nghĩa lợi.

Hỏi: Nếu như vậy, trong lỗi trước đã nói vô thường, khổ, trong xuất ly đã nói vô ngã, thì vì sao còn nói 3 thứ quán này?

Đáp: Học tập 3 thứ quán, trước tiên là văn tuệ tư tuệ, rồi sau tuệ tu. Trước trong văn tuệ tư tuệ nói 7 thứ, sau trong tuệ tu nói 3 thứ.

Bởi vì sao? Nếu vô thường, khổ hoại tướng là hoại vô thường, chứ không phải hành vô thường. Tuy nói trừ dục nhiễm mà không nói trừ bằng cách nào, nên sau mới nói nghĩa 3 thứ quán.

Hỏi: Sao gọi 8 nhãn?

Đáp: Nếu có trí có thể phá giả danh, đó gọi là nhãn. Nhãn này là ở trong pháp noãn, đánh, nhãn và thế đệ nhất.

Hỏi: Hành giả cũng nhãn trong Phật Pháp Tăng và giới v.v... Vì sao chỉ nói 8?

Đáp: Vì thắng hơn nên nói. Thắng gọi là cận đạo. Tuệ là trí nên gọi nhãn. Như là khổ pháp trí gọi là khổ pháp nhãn, như vậy v.v.... Bởi vì sao? Vì trước dùng tu tuệ thuận đạo, sau được hiện trí, như người chặn voi trước xem dấu chân voi, dùng trí so sánh biết nó ở trong

đó, rồi sau mới hiện thấy. Hành giả cũng như vậy, trước dùng nhãn trí so sánh suy lường Nê-hoàn, rồi sau dùng trí hiện thấy. Cho nên kinh nói người biết, người thấy có thể được hết lậu.

Phẩm 199: Chín trí

Hỏi: Có luận sư nói: A-la-hán khi chứng tận trí được 9 thứ trí của thế tục là: buộc cõi Dục, thiện, vô ký cho đến thiện, vô ký cõi Phi tướng phi phi tướng xứ. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải tất cả A-la-hán đều được hết các thiên định, làm sao được hết 9 trí?

Hỏi: Tất cả A-la-hán đều được thiên định chứ, có điều là không phải tất cả đều hiện vào được?

Đáp: Nếu không thể hiện vào, làm sao gọi là được? Như người nói tôi biết đọc sách vậy mà không biết một chữ. Điều này cũng vậy.

Hỏi: Nếu người lìa dục mà chưa có thể hiện vào sơ thiên, người đó mạng chung không sinh về đó sao?

Đáp: Trong kinh nói: Trước ở đây vào, sau mới sinh đó. Nay ở đây không vào làm sao mà sinh về đó được?

Hỏi: Như khi lìa dục các thiên quá khứ vị lai đều đã vốn được, mới được nhờ báo đó mà sinh?

Đáp: Nghiệp vị lai không làm, không khởi, nên không có quả báo được. Các thiên quá khứ đã từng sinh nơi tâm, nếu cùng với quả báo thì không hại gì.

Lại không nên được các nghiệp vị lai, nếu có thể được thì tất cả vị lai lẽ ra đều phải được chứ chướng ngại gì mà được không được?

Hỏi: Nếu pháp vị lai không thể được, thì người học nhân không nên thành tựu 8 phần, người vô học không nên thành tựu 10 phần.

Bởi vì sao? Vì nếu nương đệ nhị thiên v.v... vào chính pháp vị, thì người này vị lai mới được chính tư duy.

Lại nếu hành giả tận trí hiện tiền, bấy giờ vị lai được thể chính kiến.

Lại có người nương định Vô sắc được quả A-la-hán. Người này vị lai được chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng.

Lại nếu người nương đệ tam thiên v.v... được Thánh đạo được vị lai hỷ. Các pháp như vậy v.v... thì lẽ ra đều không. Cho nên biết có pháp vị lai.

Lại nếu không người tu vị lai, làm sao được quả các thiên định v.v...? Hành giả nếu ở trong đạo tứ trí, đều được quả nhiếp trong các trí các định, nếu không như vậy lẽ ra các quả đó thường được.

Bởi vì sao? Các quả đều phải được lúc hiện tiền. Điều này là không thể. Cho nên biết phải có người tu trong vị lai?

Đáp: Ông nói không các phần đó. Điều đó không hại gì. Bởi vì sao? Vì tôi nói giới v.v... các phần do thứ lớp mà được, đâu phải đồng thời được. Cho nên không phải nạn vấn làm gì.

Ông nói được các chủng loại đó. Hành giả khi được khổ trí, các loại trí khác đều gọi là được. Như được nhân chủng nên gọi là được nhân tướng, cũng không nói ở trong từng niệm lần lượt được nhân tướng. Điều này cũng như vậy.

Hỏi: Hành giả có các khổ v.v... các trí tuần tự được đó đều đã rời bỏ, lại đồng thời được quả Tu-đà-hoàn nhiếp được các trí?

Đáp: Các trí vô lậu được thì không mất.

Hỏi: Nếu trước được không mất thì được hành cũng không khác biệt. Bởi vì sao? Vì người được quả tức là hành giả. Có những lỗi này?

Đáp: Nếu không khác biệt, đâu có lỗi gì? Như người thành tựu cũng gọi hành giả. Đó cũng như vậy.

Lại người này còn được thắng pháp nên có sai biệt, cho nên không lỗi. Như người thụ 5 giới, rồi lại được luật nghi xuất gia cũng không mất giới đã thụ.

Lại người đắc quả không vì thấy đạo nên có sai khác. Như người tuy biết việc trước lại vì việc hơn trước nên có sai khác. Điều này cũng vậy, cho nên biết không có được vị lai.

Lại hành giả an trụ trí không vô ngã, bấy giờ làm sao được pháp thế gian? Cho nên biết khi được tận trí không được thế trí.

Hỏi: Các thế trí này cộng chung tận trí, được cùng với A-la-hán mà làm tâm xuất nhập định?

Đáp: Tâm A-la-hán nối nhau mà sinh niệm niệm đều thanh tịnh. Nếu lại được 9 trí thì nhân v.v... đều được nữa. Nếu không như vậy thì không nên chỉ được 9 trí.

Lại nói người tu vị lai đều không nhân duyên.

Bởi vì sao? Vì trong các thuyết kiến đế đạo này chỉ tu tương tự trí.

Trong tư duy đạo cũng tu tương tự và không tương tự.

Trong kiến đế đạo không tu thượng địa.

Trong tư duy đạo thì tu.

Trong đạo tỉ trí không tu thiện thế tục.

Trong các trí khác thì tu.

Trong vô ngại đạo không tu tha tâm trí.

Khi tín giải thoát chuyển làm kiến đến thì trong tất cả vô ngại giải thoát không tu thế tục đạo.

Khi thời giải thoát chuyển làm bất hoại giải thoát thì trong 9 vô ngại và 8 giải thoát đạo không tu thế tục đạo, mà trong giải thoát đạo thứ 9 thì tu.

Trong vi tế tâm không tu tất cả vô lậu.

Như vậy v.v... đều không nhân duyên. Cho nên ông nay hoặc nói chính nhân, hoặc nên tín thụ, hoặc lấy học tập làm tu, khi còn ở trong noãn pháp v.v..., các thiện căn trên tất cả đều tu, để đều được tăng ích. Như tụng tập kinh sách thì đều sáng tỏ. Cho nên khi còn ở trong noãn pháp v.v..., cho đến tận trí tất cả đều tu. Nếu không phải như vậy thì phải nói chính nhân.

Phẩm 200: Mười trí

Mười trí, là pháp trí, tỉ trí, tha tâm trí, danh tự trí, 4 đế trí, tận trí và vô sinh trí.

Biết pháp hiện tại gọi là pháp trí. Như trong kinh nói: Phật bảo A-nan: Ông đối với pháp này thấy biết như vậy, thông suốt như vậy, quá khứ vị lai cũng biết như vậy. Lẽ ra phải nói hiện tại pháp trí. Nay không nói hiện tại nên chỉ nói pháp trí. Như trong kinh nói: Người ngu quý pháp hiện tại, người trí quý vị lai.

Lại nói các dục hiện tại, các dục vị lai đều là lưới ma, bị ma trói ma buộc. Trong những câu như vậy v.v... đều nên nói tiếng hiện, nhưng vì lược bớt tiếng hiện nên chỉ nói có pháp trí.

Biết các pháp còn tàn dư gọi là tỉ trí. Tàn dư là các pháp quá khứ vị lai. Kế tiếp pháp hiện tại sau mới biết nên gọi tỉ trí.

Bởi vì sao? Vì trước hiện biết rồi rồi sau mới so sánh biết. Pháp trí gọi là hiện trí. Tùy theo pháp trí này mà tư duy suy lường so sánh biết gọi là tỉ trí.

Hỏi: Tỉ trí này là vô lậu trí, vô lậu trí làm sao gọi tỉ trí được?

Đáp: Thế gian cũng có tỉ trí.

Bởi vì sao? Vì pháp trí, tỉ trí, tha tâm trí, khổ trí, diệt trí và đạo trí đều có hữu lậu, vô lậu. Các trí này ở trong pháp noãn v.v... là hữu lậu mà vào trong pháp vị mới được gọi vô lậu.

Hỏi: Có người nói biết các hành cội Dục: các hành tập, các hành diệt, các hành diệt đạo, gọi là pháp trí. Biết các hành 2 cội Sắc, Vô sắc 4 thứ gọi là tỉ trí. Việc đó thế nào?

Đáp: Trong kinh nói Phật bảo A-nan rằng trong đời quá khứ vị lai cũng biết như vậy, chứ không có kinh nói biết các hành trong 2 cội Sắc và Vô sắc gọi là tỉ trí.

Lại trong kinh nói: Hành giả nên nghĩ: Ta nay đang bị hiện sắc xâm thực, quá khứ cũng đã từng bị sắc xâm thực, trong vị lai cũng sẽ bị sắc xâm thực.

Lại trong kinh nói: Sinh duyên già chết, trong đời quá khứ, vị lai cũng như vậy. Như Bồ-tát Mã Minh nói kệ:

*Như hiện tại lửa nóng,
Khứ lai lửa cũng nóng.
Hiện tại 5 ấm khổ,
Khứ lai ấm cũng khổ.*

Các khổ như vậy v.v... các Đại luận sư cũng đều nói như vậy.

Lại biết pháp đời quá khứ vị lai gọi là tỷ trí, cũng có đạo lý.

Bởi vì sao? Vì hành giả đối với khổ quá khứ vị lai hiện tại đều chán lìa. Chán lìa là ở trong pháp đó sinh chân trí tuệ. Như hành khổ hiện tại, thì các hành khứ lai cũng khổ như vậy. Nay dùng trí nào biết pháp quá khứ vị lai? Như pháp trí này, các hành cội Sắc, Vô sắc cũng có khứ lai, cái biết trong đó cũng phải gọi pháp trí. Vậy thì chỉ là pháp trí không có tỷ trí. Nếu hành trong khứ lai cội

Sắc Vô sắc riêng có trí đó, thì hành khứ lai trong cõi Dục lẽ ra cũng phải riêng có trí đó?

Vì những nghĩa này nên các luận sư nói: Có được, chưa được nên thứ lớp thấy để. Khổ cõi Dục gọi là được. Khổ cõi Sắc và Vô sắc gọi là chưa được. Cho nên không thể đồng thời đều biết hết. Nếu khổ chưa được, dùng tỷ trí mà biết. Nay trong cõi Dục chỗ chưa được khổ, cũng nên dùng tỷ trí mà biết.

Hỏi: Dùng trí nào để dứt kết đạo?

Đáp: Chỉ nên dùng pháp trí, tỷ trí ở trong phương tiện đạo.

Hỏi: Dùng pháp trí gì?

Đáp: Dùng khổ pháp trí diệt pháp trí.

Bởi vì sao? Vì hành giả khi quán vô thường, khổ thấy không, vô ngã, bấy giờ chứng các hành diệt. Các trí khác đều là phương tiện.

Hỏi: Quán khổ nào diệt?

Đáp: Quán các thụ khổ. Trong đó có thể sinh ngã tâm. Cho nên cũng ở trong đó thấy diệt. Như nói nội giải thoát. Cho nên các ái diệt hết, tự nói được A-la-hán.

Hỏi: Trong kinh không nói tất cả hành dứt gọi dứt tính ư?

Đáp: Hành giả này vì chứng nội diệt, nên chán lìa tất cả.

Lại hành giả quyết phải chứng nội diệt, ngoài ra không cần phải nhất định.

Hỏi: Ở trong các đế, trí sinh như thế nào?

Đáp: Biết sinh khổ v.v... sinh.

Hỏi: Đó không phải định tâm làm sao sinh trí được?

Đáp: Có phép quán như vậy. Cũng có ám vô thường các lỗi sinh tướng khổ, vô ngã. Như trong kinh nói: Nếu pháp vô thường tức là vô ngã.

Bởi vì sao? Vì mắt v.v... các căn có sinh có diệt. Nếu đó là ngã, ngã tức sinh diệt, nên biết không phải ngã. Khi mắt v.v... sinh không từ đâu đến, vì có sở tác mới gọi là ngã, mà trong kinh nói không có tác giả, cho nên biết nếu pháp vô thường tức là vô ngã. Như vậy hành giả khéo tu vô thường và vô ngã, nên thân tâm được tịch diệt, có sinh bao nhiêu hành đều giác biết cái não hại của chúng mới sinh tướng khổ, như bò không da, chạm một chút là biết đau. Hành giả cũng vậy, nhờ tướng vô ngã nên thành tướng thượng khổ. Người ngu vì tướng ngã nên dù bị đại khổ vẫn không biết nó não hại. Đó gọi là khổ trí.

Thấy các hành sinh gọi là tập trí. Thấy các hành diệt gọi là diệt trí. Niệm đạo thủy chung gọi là đạo trí.

Hỏi: Sao gọi là tận trí?

Đáp: Hết tất cả tướng nên gọi tận trí.

Bởi vì sao? Vì học nhân tướng dứt rồi sinh lại. Còn đây dứt rồi rất ráo nên gọi tận trí. Như trong kinh nói nếu biết tướng vọng chỉ là vọng tướng thì các khổ hết. Tâm trí học nhân chỉ lấy vọng tướng làm ngã, dứt hẳn tâm đó gọi là tận trí. Như trong kinh nói: A-la-hán ở trước Phật tự nhớ lời Thế Tôn nói các kết ta không còn nữa. Ta đối

kết đó không còn sinh nghi. Ta thường nhất tâm nhiếp chính niệm chính hành, tham v.v... bất thiện không lọt vào tâm. Trong đó lấy tướng nên sinh các kết, các tướng dứt nên các kết dứt. Học nhân hành nơi tướng vô tướng, nên ngã tâm thình thoảng phát khởi. Như thấy gốc cây trơ trụi nghi là người. Cho nên chỉ A-la-hán độc nhất được không nghi, vì tâm thường hành trong vô tướng cho nên hiện chúng sinh không. Trong 5 ám không thấy thần ngã. Sau do pháp không, nên không thấy sắc tính cho đến thức tính. Cho nên biết tất cả tướng gọi là tận trí.

Biết các tướng không sinh gọi là vô sinh trí. Học nhân dứt tướng hết rồi sinh lại. Người vô học tướng hết rồi không sinh nữa. Nếu có thể khiến các tướng diệt hết không còn sinh lại, bấy giờ gọi là vô sinh trí.

Hỏi: Học nhân cũng biết có tận trí vô sinh trí, như nghi: Ta hết 3 kết không còn sinh lại. Vì sao không nói 10 phần thành tựu?

Đáp: Học nhân không dứt tất cả tướng, nên không nói có tận trí vô sinh trí, như người bị trói cột khắp mình, tuy mở được một chỗ nhưng không gọi đã được thoát. Cũng có nghĩa như thế này: Xá-lợi-phất nói họ Cấp Cô Độc 10 phần thành tựu.

Lại A-la-hán được sức tự tại nên tự biết kết hết không còn sinh lại. Học nhân không được như vậy.

Lại A-la-hán khi được vô học đạo có thể tự biết hết tất cả sinh, gọi là tận trí. Người thành tựu Phạm hạnh là xả các học hành. Người việc làm đã làm xong là các việc đáng làm đều đã làm xong, biết thân từ đây không còn

nổi nhau luôn nữa. Cho nên biết chi A-la-hán đối với tất cả việc làm phải được tự tại thành tựu tận trí và vô sinh trí, chứ không phải các người học nhân, ví như người bị bệnh sốt rét tuy lúc không phát nhưng không gọi là người lành bệnh. Như trong kinh nói: Lìa tất cả chỗ hỷ, diệt tất cả chỗ ưu, chứng tất cả pháp diệt, thường tu tâm vô lậu.

Tha tâm trí, là như trong 6 thông nói 5 âm hòa hợp giả danh chúng sinh. Các tên trí trong đây gọi là danh tự trí, vô lậu trí, chân thật trí. Tương tự vô lậu này được gọi là trí, nên gọi danh tự trí.

Hỏi: Có người nói tất cả chúng sinh thành tựu các trí. Việc đó thế nào?

Đáp: Nếu đệ tử Phật có thể biết các pháp do nhiều duyên sinh, người đó có thể được, chứ đâu phải chúng sinh khác. Nhờ được tên trí nên tất cả chúng sinh chỉ dùng tưởng mà biết, nếu được trí này gọi là nội phạm phu.

Phẩm 201: Bốn mươi bốn trí

Hỏi: Trong kinh nói 44 trí là: lão tử trí, lão tử tập trí, lão tử diệt trí, lão tử diệt đạo trí, sinh, hữu, lấy, ái, thụ, xúc, 6 nhập, danh sắc, thức, hành cũng như vậy. Vì sao nói như vậy?

Đáp: Nê-hoàn là chân pháp quý báu, nên dùng nhiều cửa để vào: Có dùng cửa 5 âm mà vào, hoặc quán giới, nhập, nhân duyên và các đế. Các cửa như vậy đều đến Nê-hoàn.

Làm sao biết được? Như trong kinh nói: Vua ở trong thành, có 2 sứ giả đến do mỗi người vào mỗi cửa. Đến rồi yết kiến nhà vua và tâu bày sự thật; tâu xong lui về. Người vào các cửa khác cũng vậy.

Trong đó vua dụ cho hành giả, các cửa là quán âm giới nhập v.v..., 2 sứ giả là như pháp Chi và Quán. Người tâu bày sự thật là thông đạt chân không. Các sứ giả này tuy từ các cửa vào nhưng đều đến một chỗ. Như vậy tuy quán âm giới nhập v.v... các môn phương tiện nhưng đều vào Nê-hoàn. Như La-hầu-la nói: Khi ở một mình chỗ vắng suy nghĩ pháp, biết pháp như vậy đều tùy thuận hướng về và ngợi khen Nê-hoàn.

Lại Phật ca ngợi pháp rằng: Pháp này có thể tắt lửa phiền não nên gọi là diệt có thể khiến hành giả tâm được yên ổn, nên gọi là yên ổn, có thể khiến hành giả đến Chính biến tri nên gọi là đến. Những nghĩa như vậy đều ca ngợi Nê-hoàn.

Lại Phạm hạnh là 8 con đường chính. Trong 8 con đường chính, chính trí là cao hơn, mà quả của chính trí là Nê-hoàn.

Lại Phật nói ra giáo pháp đều vì Nê-hoàn. Cho nên biết các cửa 5 ấm v.v... đều đến Nê-hoàn.

Hỏi: Có luận sư nói lão tử trí là khổ trí. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì trong đó không nói khổ hành, nên không phải khổ trí.

Hỏi: Vậy thì đó là trí nào?

Đáp: Đó gọi là lão tử tính trí.

Hỏi: Cũng nói biết lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo. Nên biết phải là khổ trí?

Đáp: Đó là nhân duyên môn, không phải chân đế môn. Cho nên trong đó không nên nói khổ hành, mà nên nói tập v.v... vì thuận với nhau hơn.

Hỏi: Trong đó vì sao không nói các trí vị, quá, xuất v.v...?

Đáp: Các nghĩa đó đều có, chỉ vì người kết tập kinh lược bớt nên không nói.

Phẩm 202: Bảy mươi bảy trí

Hỏi: Trong kinh nói 77 trí là sinh duyên lão tử, không lìa sinh mà có lão tử. Trong 2 đời quá khứ vị lai cũng như vậy. Đó là pháp trụ trí, quán vô thường, hữu vi tạo tác khởi do nhiều duyên sinh. Tận tướng, hoại tướng, ly tướng, diệt tướng cũng quán như vậy. Cho đến vô minh duyên hành cũng như vậy. Vì sao trong đó không nói lão tử tính và diệt đạo v.v...?

Đáp: Vì người có trí sắc bén nên nói như vậy. Chỉ mở cửa là có thể biết, pháp khác cũng như vậy.

Lại ngoại đạo phần nhiều đối với pháp nhân duyên nói lầm rằng vạn vật thế gian là do thế tính v.v..., nên Phật ở đây chỉ nói nhân duyên.

Hỏi: Đã nói sinh duyên lão tử, vì sao lại nói không lìa?

Đáp: Là nói quyết định, vì trong các pháp có nhân bất định. Như bố thí là nhân phúc, mà trì giới cũng được

phúc, như nói trì giới được sinh lên trời. Hoặc có người sinh ý nghĩ lão tử nhân duyên sinh, hoặc không nhân duyên sinh, nên phải nói quyết định.

Hỏi: Vì sao trong đời quá khứ vị lai lại phải nói quyết định?

Đáp: Hiện tại với quá khứ có tướng khác, nghĩa là chúng sinh đời quá khứ thọ mạng vô lượng, uy thế đồng với chư thiên. Có những điều như vậy, sợ e người nghĩ rằng thọ mạng v.v... khác với lão tử, nên nhân duyên cũng phải khác, nên phải nói quyết định. Vị lai cũng vậy. Sáu thứ này gọi là pháp trụ trí, ngoài ra gọi Nê-hoàn trí. Có thể khiến lão tử nói nhau luôn, nên gọi vô thường hữu vi tác khởi, do nhiều duyên sinh. Tận tướng, hoại tướng tức là vô thường hành. Ly tướng tức là khổ hành. Diệt tướng tức là không vô ngã hành.

Bởi vì sao? Vì trong đó sắc tính diệt, thụ tướng hành thức tính diệt tức là nghĩa của 3 thứ quán. Như trong kinh nói: Tì-kheo có 7 chỗ phương tiện, 3 thứ quán nghĩa, chóng được hết lậu. Đó đều là Nê-hoàn trí. Như vậy v.v... nhân duyên trí có trăm ngàn vô lượng, nghĩa là nhãn trí v.v..., như trong kinh nói: Mắt duyên nghiệp, nghiệp duyên ái, ái duyên vô minh, vô minh duyên tà niệm, tà niệm duyên nhãn sắc, các lậu duyên tà niệm, các ăn duyên ái, 5 dục duyên ăn đoàn thực v.v..., địa ngục đoàn mạng duyên sát sinh v.v.... Nếu trước khổ nay khổ đều duyên vọng tưởng, vọng tưởng duyên thân tâm yêu ghét, yêu ghét duyên tham dục, tham dục duyên tà tư duy. Cứ như vậy v.v... các nhân duyên trí vô lượng vô biên, tự phải biết lấy./

THÀNH THẬT LUẬN
(Quyển 16 hết, trọn bộ)

• THÀNH THẬT LUẬN

(Kiến thức Phật học 2)

Chịu trách nhiệm xuất bản: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Xuân Lưu

Sửa bản in: Minh Như

Bìa: Hương Bối

In 1.000 bản, khổ 13x20,5cm

Tại Cty Xuất nhập khẩu ngành in

88 Trần Đình Xu, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

27-2012/CXB/119-212/PĐ.

Cục xuất bản ký ngày 03 tháng 01 năm 2012

In xong và nộp lưu chiểu tháng 02 năm 2012